

NHÂN VĂN-GIAI PHẨM

Thụy Khuê

PHẦN I

TÌM HIỂU PHONG TRÀO

Càng đi sâu vào vấn đề, càng thấy rõ, những gì chúng ta góp nhặt được về những con người như Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần Dần, Văn Cao, Phan Khôi, Thụy An, Trương Tửu...qua những văn bản do chính họ viết ra, hoặc vài ba dòng hồi ký của người này người kia, cũng chỉ là phần rất nhỏ của sự thật. Không kể những loại nhật ký, hồi ký đã bị cắt xén hoặc được sửa lại cho đúng đường lối, hoặc những di cảo trá hình, viết để tự biện hộ, để đổi lấy bản thông hành đi vào vĩnh cửu.

Nhân Văn-Giai Phẩm là Phong Trào tranh đấu cho tự do dân chủ của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc có tầm vóc lớn lao, khởi xướng đầu năm 1955 và bị chính thức dập tắt tháng 6 năm 1958.

Hai nguồn tài liệu sớm nhất về Nhân Văn-Giai Phẩm là *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc* của Hoàng Văn Chí do Mặt Trận Tự Do Văn Hóa in ở Sài Gòn năm 1959, và *Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận* do nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội in năm 1959. Ngoài hai tập tài liệu này còn có những tập tài liệu khác, ra đời hơn 30 năm sau.

Trước hết là cuốn *"Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam"* (Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam) của Georges Boudarel. Georges Boudarel, nay đã qua đời, là nhà giáo, đảng viên cộng sản Pháp, 1947 sang Việt Nam với mục đích tranh đấu chống chính quyền thuộc địa. Sau hai năm dạy học tại Sài Gòn, Boudarel theo Việt Minh, đặc trách nhiệm vụ "cải tạo" tù nhân Pháp ở Trại 113. Năm 1966, vì không còn đồng ý với chính quyền Hà Nội, ông trở về Pháp. Trong thời gian ở Việt Nam, ông đã gặp gỡ nhiều nhà văn nhà thơ, trong đó có những thành viên Nhân Văn-Giai Phẩm và Boudarel đã mang được về Pháp những tờ Nhân Văn, Giai Phẩm, và một số báo xuất bản ở Hà Nội trong thời kỳ này.

Cuối 1987 đầu 1988, trong bối cảnh "cởi trói văn nghệ" của tổng bí thư Nguyễn văn Linh, Georges Boudarel đã viết loạt bài tựa đề *Dissidences intellectuelles au Việt-Nam L'affaire Nhan Van-Giai Pham* (Trí thức phản kháng tại Việt Nam, vụ Nhân Văn-Giai Phẩm), in trên hai tập san *Sudestasie* (số 50 tháng 1.1988) và *Politique Aujourd'hui en Europe* (phụ bản tháng Giêng năm 1989), sau tập hợp và đào sâu thành cuốn *"Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam"* (Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam) do Jacques Bertoin in năm 1991 tại Paris.

Ngoại trừ việc Boudarel (cũng như Hoàng Văn Chí) đều cho rằng Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm bắt nguồn từ *Trăm Hoa Đua Nở* bên Trung Quốc, là sai, và Lê Đạt, Hoàng Cầm đã dính chính trong những buổi trả lời phỏng vấn trên RFI, cuốn sách của Georges Boudarel là tập tài liệu có giá trị bằng tiếng Pháp viết về Nhân Văn-Giai Phẩm, nhờ đó mà bị kịch Nhân Văn-Giai Phẩm đến được với người đọc tiếng Pháp.

Từ những năm 90 trở đi, một loạt những tài liệu mới về Nhân Văn-Giai Phẩm xuất hiện rải rác trong và ngoài nước, dưới dạng tự thuật, bút ký, sáng tác...của những thành viên đã tham gia Phong Trào như Phùng Quán, Phùng Cung, Hữu Loan, Hoàng Cầm...

Trong số đó có hai tài liệu quan trọng là tập hồi ký viết bằng tiếng Pháp *Un Excommunié* (Kẻ Bị Khai Trừ, Nhà xuất bản Quê Mẹ, Paris, 1992) của Nguyễn Mạnh Tường với tiểu tựa: *Hanoi 1954-1991: Procès d'un intellectuel* (Hà Nội 1954-1991: Kết án một nhà trí thức).

Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường kể lại những thăng trầm trong cuộc đời ông gắn bó với lịch sử từ 10 giờ sáng ngày 10.10.1954 khi quân cách mạng tiến vào Hà Nội

đến tháng 5.1991, thời điểm ông viết xong tập hồi ký. Sau 9 năm theo kháng chiến, Nguyễn Mạnh Tường từ chiến khu trở về trong số những trí thức được ưu đãi của chính quyền. Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm ra đời, ông tham gia và đã chịu sự trừng phạt nặng nề. Nhờ hồi ký Nguyễn Mạnh Tường mà chúng ta có thể hình dung được các Giáo Sư Đại Học cùng chí hướng với ông như Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Trương Tửu, đã phải trải qua những kỷ luật như thế nào, và hiểu được cuộc sống cách ly, đói khát, luôn luôn bị theo dõi của họ trong hơn ba mươi năm sa mạc.

Cuốn nhật ký *Trần Dần ghi* (Văn Nghệ, California, 2001), trích những ghi chép hàng ngày của Trần Dần, đặc biệt trong hai thời kỳ: Cải Cách Ruộng Đất và sau Nhân Văn-Giai Phẩm.

Nếu hồi ký Nguyễn Mạnh Tường là bản chúc thư (viết năm 1991, ở tuổi 82) gửi gắm cho thế hệ mai sau về *sự đối đầu của một trí thức trước áp lực cách mạng*, thì nhật ký Trần Dần, ghi lại những suy nghĩ và sinh hoạt hàng ngày của một nhà thơ *đã chịu nhận mọi tội để mong được tha thứ*, muốn được trở lại sống bình thường như mọi người, nhưng vô hiệu.

Hoàng Văn Chí và Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc

Hoàng Văn Chí, tức Mạc Định, soạn giả *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc*, do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản tại Sài Gòn, 1959, cho biết: *“Ở Hà Nội ra đi đầu năm 1955, tôi đã hẹn với các bạn ở lại là hễ có dịp sẽ nói lên tiếng nói của họ”, “Tôi làm việc một mình”, “Tôi liên lạc được với một ủy viên trong Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến. Họ đi Hà Nội như đi chợ. Mỗi tuần họ cấp về Sài Gòn cho tôi tất cả báo chí xuất bản ở Hà Nội”, “Tôi làm việc trong hai năm 56-58”. “Bộ Thông Tin và nói chung, chính quyền Sài Gòn không hề giúp. Lý Trung Dung đến chào Bộ Thông Tin, yêu cầu mua cho một số, nhưng chẳng mua một cuốn nào”. “Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa ở Việt Nam là một chi nhánh của một tổ chức quốc tế, tên là Congress for Cultural Freedom, Trụ Sở Trung Ương ở 104 boulevard Haussmann, Paris. Bác Sĩ Lý Trung Dung làm Chủ Tịch. Tội nghiệp, chỉ vì làm Chủ Tịch Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa mà phải đi cải tạo đến nay (1986) chưa được thả”. “Trước khi đưa in, Lý Trung Dung nghe nói có người gần ông Diệm ngờ rằng tôi soạn cuốn Trăm Hoa Đua Nở là có ý xúi dục trí thức miền Nam bắt chước trí thức miền Bắc nổi lên chống lại chế độ. Vì vậy nên Lý Trung Dung bàn với tôi nên để bút hiệu Mạc Định là soạn giả. Chỉ ký tên Hoàng Văn Chí vào bài Tựa” (Trích *Phỏng vấn Cụ Hoàng Văn Chí*, Từ Nguyên thực hiện, bán nguyệt san Tự Do số 50, ngày 16.11.1986, phát hành tại Bì).*

Hoàng Văn Chí đã nói rõ lý do và điều kiện ra đời của tập *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc*. Nhưng tại sao ông lại đặc biệt lưu ý đến Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm ? Ai là những người “ở lại” mà ông đã hứa sẽ nói lên tiếng nói của họ ? Nếu tìm sâu hơn về liên hệ gia đình giữa Hoàng Văn Chí và Phan Khôi, có thể chúng ta thấy câu trả lời:

Sở Cuồng Lê Dư có ba người con gái (vì bà Lê Dư là em ruột Phan Khôi, cho nên ba cô này là cháu Phan Khôi) cô đầu gả cho Vũ Ngọc Phan, *cô thứ nhì lấy Hoàng Văn Chí* và cô út là vợ Trương Nguyễn Sơn. Riêng Nữ Sĩ Hằng Phương, vợ Nhà Phê Bình Vũ Ngọc Phan, sau này viết bài đả kích thậm tệ Nhân Văn-Giai Phẩm. Rất có thể vì thế, mà người em ruột Hằng Phương, tức bà Hoàng Văn Chí, đã là một trong những động cơ thúc đẩy Hoàng Văn Chí thu thập tài liệu và viết về Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tác phẩm của Hoàng Văn Chí, cho đến nay vẫn là tác phẩm hoàn chỉnh nhất về Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm. Trừ ba người: Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt bị loại ra (có thể Hoàng Văn Chí không thích hay không tin họ vì Nguyễn Hữu Đang đã từng là người tin cẩn của Hồ chí Minh, Lê Đạt là bí thư của Trường

Chinh và Trương Tửu là nhà phê bình lý luận Mác-Xít). Phần lớn những thành viên khác đều có mặt, với *một tiểu sử khá đầy đủ, với những chi tiết đáng quý và những bài viết tiêu biểu của họ trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm*, đặc biệt tiểu sử Phan Khôi và Văn Cao, với những chi tiết mà hiện nay không tìm thấy ở đâu. Một phần vì Hoàng Văn Chí có liên hệ gia đình với Phan Khôi, nên một số dữ kiện chỉ ông biết, mà không tìm thấy ở những tài liệu khác. Những chi tiết ấy có thể một số người ở trong nước biết nhưng không dám viết ra. Sau này, không thiếu những cuốn sách viết về Văn Cao, Phan Khôi, nhưng thường lại tô hồng, tiểu thuyết hóa, hoặc cắt xén vo tròn, khó tìm thấy sự thật.

Nhưng tác phẩm của Hoàng Văn Chí cũng có một số nhược điểm:

- Soạn giả không phải là người trong cuộc, và đã rời miền Bắc từ đầu năm 1955, cho nên khi thuật lại một số sự việc đôi khi có những chi tiết ông nhớ sai, những sai sót này, ngày nay, chúng ta có thể điều chỉnh lại được.

- Hoàng Văn Chí là người chống cộng và ông để lộ lập trường khá rõ trong tác phẩm có tính cách biên khảo này. Vì vậy, ông chỉ nhắc sơ qua, hoặc không nhắc đến những bài quan trọng của Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt (vì những lý do đã nêu trên).

- Ngoài ra, ông cũng *cắt xén những đoạn* mà các tác giả trong Nhân Văn-Giai Phẩm lên án "tội ác Mỹ-Diệm", hoặc ca tụng đảng. Đặc biệt với bài *Nhất Định Thắng* của Trần Dần, ông đã lược bỏ những câu, những đoạn sặc máu, có tính cách khẩu hiệu, tuyên truyền, khiến cho tác phẩm hay hơn, nhân bản hơn, được độc giả miền Nam chấp nhận, nhưng đã làm lệch ý của Trần Dần trong thời điểm 1955-1956. Bản in lại trong tập *Trần Dần thơ* (nhà xuất bản Đà Nẵng, 2008) cũng là bản Hoàng Văn Chí.

Ngày nay, chúng ta có thể phân tích rõ ràng tư tưởng của mỗi thành viên, qua các văn bản mà họ để lại trên các báo Nhân Văn và Giai Phẩm. Một mặt khác, qua nhân chứng của các thành viên, chúng ta có thể tái tạo lại diễn biến của Phong Trào: Ai làm gì, ai giữ trọng trách gì. Đối chiếu những nhân chứng này với lời buộc tội của những ngòi bút chính thống được chỉ định đánh họ, in lại trong cuốn *Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm trước tòa án dư luận* (1959) và một số bài in trên các báo chính thức trong thời kỳ này, mà Lại Nguyên Ân đã sưu tầm và công bố, chúng ta có thể nhìn ra nhiều khía cạnh của sự thật hơn.

Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận

Tập tài liệu tựa đề *Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận* do nhà xuất bản Sự Thật (nay là nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia), in tháng 6 năm 1959, tại Hà Nội, là tài liệu đầu tiên, tập hợp những trích dẫn bài viết hoặc diễn văn tố cáo, lên án, buộc tội Nhân Văn-Giai Phẩm. Trong phần cuối cuốn sách, có một chương nhỏ, trích "những lời thú tội" của các thành viên Nhân Văn-Giai Phẩm, còn hầu như toàn thể dành cho phía công tố "phát hiện tội", với những lời lẽ vô cùng khiếm nhã, khó thể mường tượng được, từ miệng, hoặc từ ngòi bút của giới được gọi là "trí thức văn nghệ sĩ" đối với các đồng nghiệp và bạn hữu của mình đã tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tập tài liệu dày 370 trang này (chứng tích một thời mà chữ nghĩa đã đạt tới đỉnh cao của sự bồi bút) còn hữu ích về mặt lịch sử và văn học sử, nó mở ra nhiều khía cạnh của vấn đề Nhân Văn-Giai Phẩm: Về tầm vóc của Phong Trào, về không khí đàn áp thời đó, về mức độ khốc liệt của lớp đấu tranh Thái Hà mà Nhà Thơ Lê Đạt đã mô tả tường tận trong các bài phỏng vấn trên RFI. Đồng thời nó cũng gián tiếp trả lời những lập luận gần đây, cố tình hạ thấp hoặc thu gọn tầm vóc của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm thành một cuộc "đánh đấm nội bộ", tranh giành thế lực cá nhân, không liên hệ gì đến vấn đề tự do tư tưởng.

Những bài luận tội có tính cách hạ nhục Nhân Văn-Giai Phẩm của 83 Văn Nghệ Sĩ và các đoàn thể, báo chí, nhân dân cũng như các vị trong ban chấp hành trung ương đảng, với những tên tuổi như: Tố Hữu, Nguyễn đình Thi, Phạm huy Thông, Trần hữu Tước, Đặng thai Mai, Nguyễn huy Tường, Hồng Cương, Nguyễn văn Bổng, Hoài Thanh, Hoàng trung Thông, Hồ đức Di, Vũ đức Phúc, Quang Đạm, Bàn sĩ Nguyên, Ngụy như Kontum, Hằng Phương, Lương xuân Nhị v.v...phản ảnh rất rõ nhân cách của người tố. Cho nên, có thể nói, qua những "văn bản tố", các tác giả đã để lại nhân cách trí thức của mình trong ký ức dân tộc. Sau cùng nhờ cách sắp xếp thứ tự "những tên đầu sỏ" mà chúng ta biết được thứ tự "tội" nặng, "tội" nhẹ, cùng hoạt động của mỗi người.

Những buổi phỏng vấn trên RFI

Ngày 13.4.1999, trong dịp Nhà Thơ Lê Đạt sang Pháp lần thứ nhì, chúng tôi đề nghị ghi âm ông, mong ông soi tỏ những chỗ chưa được các tài liệu trước đề cập đến, hoặc viết sai. Buổi nói chuyện (thu thanh với chủ đích *giữ lại làm tài liệu văn học sử*) tuy mang tính cách cá nhân nhưng có hệ thống về Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm. Chúng tôi đề nghị nhà thơ nói thẳng, nói thật hết và cam kết là sẽ chỉ công bố tài liệu sau khi ông qua đời, bởi lúc đó được biết, ông không định viết hồi ký.

Ngày 13.4.1999 tại Paris, nhà thơ Lê Đạt đã nói chuyện với RFI về Nhân Văn-Giai Phẩm

Đầu năm 2004, sau khi thực hiện *chương trình phát thanh kỷ niệm 50 năm trận Điện Biên Phủ (1954-2004)* với nhà văn Hữu Mai trên Đài RFI, chúng tôi dự định làm thêm một *chương trình kỷ niệm 50 năm Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm* (nếu coi 1954 như thời điểm manh nha sự gặp gỡ giữa các Văn Nghệ Sĩ chủ trương Phong Trào) nên đã cố gắng liên lạc với nhà thơ Lê Đạt qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, muốn làm một cuộc phỏng vấn ngắn gọn có tính cách thời sự, phù hợp với đề tài này, nhưng không thể thực hiện được, vì *chỉ nói được vài câu là đường dây bị nhiễu*.

Sau nhiều tháng phân vân, cuối cùng, với sự đồng ý của nhà thơ Lê Đạt, chúng tôi quyết định cho phát trên sóng RFI, toàn bộ buổi nói chuyện với ông đã thu thanh ngày 13.4.1999 tại Paris. Do đó mà *tài liệu văn học sử* này đã đến với thính giả RFI sớm hơn dự tính.

Đây là lần đầu tiên, một *tài liệu trực tiếp* qua lời thuật của một thành viên cột trụ trong Nhân Văn-Giai Phẩm được công bố.

Bên cạnh Lê Đạt, còn có tiếng nói của hai nhân vật chủ chốt khác trong Phong Trào, đó là cuộc phỏng vấn ngắn nhà chính trị và Văn Hóa Nguyễn Hữu Đang: Nhân dịp kỷ niệm ngày 2.9.1945, chúng tôi nhờ Lê Đạt liên lạc với Nguyễn Hữu Đang, để hỏi ông về việc tổ chức ngày lễ độc lập. Buổi nói chuyện này thu thanh qua điện thoại nhà Lê Đạt ngày 30.8.1995 và được phát thanh trên Đài RFI ngày 10.9.1995. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, chúng tôi có thể ghi âm được Nguyễn Hữu Đang. Tất cả những cố gắng về sau đều vô hiệu: *Chỉ nói được vài câu là đường dây bị nhiễu*.

Những thính giả của RFI đã từng nghe những chương trình này, đều lưu ý thấy sự trả lời của Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, không đạt mức độ tự do như các cuộc trò chuyện trực tiếp với Lê Đạt ở Paris. Nhưng cả ba chứng nhân, cũng là *ba người đầu tiên đã xây dựng nên Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm* cùng đồng quy ở điểm nói thẳng, nói thật. Có những câu hỏi cùng đặt cho Hoàng Cầm và Lê Đạt ở những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau, nhưng sự trả lời gần như tương tự.

Sau cùng là nhân chứng của Trần Duy. Họa Sĩ Trần Duy đã liên lạc với chúng tôi từ nhiều năm qua, ông cho biết đã nghe những chương trình phát thanh trên Đài

RFI về Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, có những điều ông muốn nói, dưới nhãn quan của riêng ông, nhưng cơ hội chưa thuận tiện. Tháng 6.2008, Họa Sĩ Trần Duy quyết định lên tiếng. Chúng tôi đã ghi âm ông qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội, không bị trở ngại gì. Và như thế, chúng ta có thêm nhân chứng của Trần Duy, cựu Thư Ký Tòa Soạn báo Nhân Văn.

Nếu trong những bài viết trên báo hoặc các chương trình phát thanh, từ 1988 đến ngày nay, còn có những thiếu sót, đôi khi sai lầm, thì, những chứng nhân quan trọng của Lê Đạt, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, đã đính chính và bổ sung. Các ông thay mặt những người đã khuất viết lại lịch sử của Phong Trào và lần này, không ai có thể ngăn ngừa sự thật.

Tất nhiên, *mỗi người có một sự thực của riêng mình*, về mỗi dữ kiện, mỗi vấn đề. Thời gian trôi qua, ký ức cũng có đôi chỗ sai biệt, nhưng những sai biệt ấy, nếu có, thường là *những chi tiết không mấy quan trọng*. Độc giả sẽ rút ra từ những *sự thực có thể khác nhau* ấy, phần tổng kết riêng của mình, về Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Những buổi phỏng vấn các thành viên chính của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, phát thanh trên RFI, từ năm 1995 đến 2008: Nguyễn Hữu Đang (10.9.1995), Hoàng Cầm (21.2.1998 đến 10.1.2004, 4 kỳ), Lê Đạt (từ 24.3.2004 đến 5.6.2004, 7 kỳ) và Trần Duy (26.6.2008 đến 26.7.2008, 4 kỳ), đã cung cấp cho chúng ta những tài liệu trực tiếp về Nhân Văn-Giai Phẩm, do những người trong cuộc nói ra.

Phản phát biểu của nhà thơ Lê Đạt (ghi âm tại Paris ngày 13.4.1999, khi ông sang Pháp lần thứ nhì, và phát thanh từ tháng 3 đến tháng 6.2004 trên Đài RFI), cho đến nay, là chứng từ quan trọng nhất và đầy đủ nhất về lịch sử Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm. Lê Đạt mất ngày 21.4.2008 tại Hà Nội.

Những năm gần đây trang báo điện tử Talawas do Phạm Thị Hoài chủ biên, đã cho in lại và lưu trữ trên mạng Internet toàn bộ báo Nhân Văn-Giai Phẩm.

Lại Nguyễn Ân đang sưu tầm những bài viết trên các báo chính thức thập niên 60, liên quan đến Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm và đưa dần lên Internet.

Những tài liệu này góp phần làm sáng tỏ thêm về Nhân Văn-Giai Phẩm, giúp các nhà nghiên cứu sau này có thể xây dựng lại toàn diện bối cảnh Phong Trào tranh đấu cho tự do dân chủ của Văn Nghệ Sĩ trí thức, lớn lao nhất trong Lịch Sử Văn Học Việt Nam.

Từ tháng 4.1988, khi chúng tôi viết những dòng đầu về Nhân Văn-Giai Phẩm đến nay đã hơn hai mươi năm.

Chuyên luận này tưởng như hoàn tất một chương trình tìm kiếm lâu dài, nhưng thực ra nó lại là khởi điểm cho một cuộc tìm kiếm mới về những gì đã thực sự xảy ra.

Bởi càng đi sâu vào vấn đề, càng thấy rõ những khoảng trống chưa thể lấp được, những câu hỏi chưa được trả lời về biết bao nhiêu sự kiện lịch sử khác nhau, về những con người như Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần Dần, Văn Cao, Phan Khôi, Thụy An, Trương Tửu...và còn bao nhiêu người khác nữa. Những gì chúng ta góp nhặt được về họ, ngoài những văn bản do chính họ đã viết ra, đôi khi lượm lặt được vài ba dòng nhật ký của người này, hồi ký của người kia, cũng chỉ là một phần rất nhỏ của sự thật. *Không kể những loại hồi ký đã bị cắt xén hoặc được sửa lại cho đúng đường lối, hoặc những di cáo trá hình, viết để tự biện hộ, để đổi lấy bản thông hành đi vào vĩnh cửu.*

Cho nên người nghiên cứu phải vô cùng thận trọng khi *tìm* và *lựa* thông tin, những gì là thật, là giả trong những tài liệu mà mình có được. Tìm tài liệu không khó

trong thời buổi Internet này, nhưng sử dụng tài liệu để dựng lại sự thật là một việc khác hẳn.

Làm sao biết được về hoạt động chính trị của Lê Đạt trước khi theo Việt Minh ? Lê Đạt đã từng theo Việt Nam Quốc Dân Đảng ?

Theo Văn Cao thì Phạm Duy là người đầu tiên đã dẫn ông liên lạc với Việt Minh, Phạm Duy cũng là người chứng kiến sự ra đời của bài Tiến Quân Ca, là người "cướp" micro trước cửa Nhà Hát Lớn ngày 17.8.1945 để hát bài Tiến Quân Ca lần đầu tiên trước công chúng. Khi in lại đoạn hồi ký của Văn Cao về bài Tiến Quân Ca, người ta đã *cắt bỏ tất cả những chi tiết nói về Phạm Duy*, có chỗ thay bằng Nguyễn đình Thi. Một mặt khác, ngay chính bản thân Lê Đạt và Phạm Duy, vì an ninh của bản thân và của gia đình, các ông đã không thể nói tất cả sự thật, càng không thể viết ra trên văn bản.

Chúng ta biết gì về hoạt động của Thụy An ? Về "mối tình đầu" của Thụy An với Võ nguyên Giáp ? Về những bí mật giữa Thụy An và Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân Quốc Dân Đảng ? Tại sao Thụy An quay trở lại Bắc, trong khi gia đình bà di cư vào Nam ?

Những bí mật ấy, tuy chỉ là những chi tiết, nhưng ngày nay, những người muốn biết sự thật, *phải có quyền được biết*, đặc biệt là những nhà nghiên cứu về thời kỳ lịch sử này.

Nếu biết được những chi tiết ấy, chúng ta sẽ thấy tất cả những hoạt động đảng phái thời kháng chiến chống Pháp không đơn giản như hai với hai là bốn: Theo bên này là yêu nước, theo bên kia là bán nước. Mà bất cứ cá nhân nào dù là văn nghệ sĩ, trí thức hay hoạt động chính trị cũng có thể theo hai ba con đường khác nhau, trong suốt hành trình sống của mình.

Vấn đề của người nghiên cứu là phải tìm hiểu những đầu mối đan cài vô cùng phức tạp giữa các khuynh hướng chính trị, Văn Hóa khác nhau giữa những đảng phái như Việt Minh, Quốc Dân Đảng, Đệ Tứ, *trong mối tương giao không xé ra được*.

Những người đã từng tham gia các tổ chức khác nhau ấy, đã *phải* chối bỏ lẫn nhau hoặc *không dám* nói đến toàn bộ hành trình của họ, khi theo bên này, lúc ở bên kia, trên đường tranh đấu cho độc lập, tự do, dân chủ.

Bi kịch của họ phản ánh bi kịch chung của toàn thể dân tộc.

PHẦN II NGUYỄN NHÂN PHÁT XUẤT

Mặc dù bắt nguồn từ quân đội, nhưng không tìm thấy văn bản nào của ba tướng lĩnh Lê quang Đạo, Trần Độ và Lê Liêm trong tổng cục chính trị lên án Phong Trào. Trong vụ thanh trừng Nhân Văn-Giai Phẩm, quân đội đứng ngoài. Quân đội sạch tay hơn dân sự. Nhân Văn-Giai Phẩm mở đầu cho tinh thần đấu tranh cho tự do tư tưởng, cho công cuộc đổi mới văn học, tinh thần này không chấm dứt khi Phong Trào bị dập tắt, chỉ ngủ yên trong ba mươi năm rồi lại bùng lên những năm 1987- 1988, với vai trò chủ đạo của Trần Độ.

Với những tài liệu và nhân chứng hiện hành, chúng ta có thể tóm tắt lịch trình hoạt động của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, theo thứ tự ngày tháng, như sau:

Tháng 3.1955: Trong quân đội, Trần Dần, Tử Phác, với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt, chủ trương việc phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu.

Tháng 4.1955: Nhóm Trần Dần, Tử Phác ký "*Dự thảo đề nghị cho một chính sách Văn Hóa*", chủ yếu đòi quyền tự do sáng tác. *Bác bỏ chế độ chính trị viên trong văn nghệ quân đội*.

Từ 13.6.55 đến 14.9.55: Trần Dần, Tử Phác bị bắt, bị phạt cấm trại trong trại 3 tháng vì lý do phạm quân kỷ, sau đó được đưa đi cải tạo ở Yên Viên (tham gia Cải Cách Ruộng Đất đợt 5).

Tháng 1.1956: *Giai Phẩm Mùa Xuân* ra đời do Lê Đạt, Hoàng Cầm chủ trương (có bàn với Trần Dần) với những bài chính: *Nhất Định Thắng* của Trần Dần, *Anh Có Nghe Thấy Không* của Văn Cao, *Làm Thơ và Mối* của Lê Đạt...

Tháng 2.56 (Tết Nguyên Đán): Lê Đạt bị gọi lên Tuyên huấn để kiểm thảo. Trần Dần, Tử Phác bị bắt lần thứ nhì. *Giai Phẩm Mùa Thu* bị tịch thu. Trần Dần dùng dao cạo cửa cổ. Chiến dịch đánh Trần Dần bắt đầu với bài của Hoài Thanh “Vạch trần tính chất phản động trong bài thơ *Nhất Định Thắng* của Trần Dần” trên báo Văn Nghệ số 110, ra ngày 7.3.56.

Ngày 24.2.1956: Khroutchev tường trình tội ác của Staline tại Đại Hội XX của đảng cộng sản Liên Xô. Ngày 26.5.1956: Mao Trạch Đông phát động Phong Trào “Trăm Hoa Đua Nở Trăm Nhà Đua Tiếng”. Ngày 28.6.1956: Ba Lan nổi dậy.

Theo chính sách của Liên Xô và Trung Quốc, đảng lao động nói rộng tự do:

Tháng 8.56: Hội Văn Nghệ được chỉ định tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày.

Ngày 26.8.1956: Nguyễn Hữu Đang đọc tham luận tổng kết lớp học 18 ngày của Hội Văn Nghệ, chỉ trích gắt gao đường lối lãnh đạo văn nghệ của trung ương đảng. Tố Hữu, Nguyễn đình Thi và bộ phận lãnh đạo văn nghệ phải “*thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng và hứa hẹn sẽ sửa chữa*”. Hoài Thanh viết bài nhận lỗi đánh Trần Dần.

Ngày 29.8.56: *Giai Phẩm Mùa Thu*, Tập I ra đời, với những bài chủ chốt: *Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ* của Phan Khôi, *Tinh Giác Chiêm Bao* của Nguyễn Bính, *Tiếng Sáo Tiền Kiếp* của Trần Duy...

Ngày 20.9.1956: *Nhân Văn* số 1, với bài *Phỏng Vấn Nguyễn Mạnh Tường Về Vấn Đề Mở Rộng Tự Do Và Dân Chủ*, bài thơ *Nhân Câu Chuyện Mấy Người Tự Tử* của Lê Đạt, bài *Con Người Trần Dần* của Hoàng Cầm và tranh Nguyễn Sáng vẽ Trần Dần với vết sẹo ở cổ, bài *Chống Bè Phái Trong Văn Nghệ* của Lê Đạt (ký tên Trần Công)...

Ngày 30.9.1956: *Nhân Văn* số 2, với bài *Phỏng Vấn Đào Duy Anh Về Mở Rộng Tự Do Và Dân Chủ*, bài *Trả Lời Nguyễn Chương Và Báo Nhân Dân* của Nguyễn Hữu Đang (ký tên Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Duy), bài *Phấn Đấu Cho Trăm Hoa Đua Nở* của Trần Duy...

Ngày 30.9.56: *Giai Phẩm Mùa Thu*, Tập II, với bài *Bệnh Sùng Bái Cá Nhân* của Trương Tửu, *Ông Bình Vô* của Phan Khôi, *Những Người Khổng Lồ* của Trần Duy, *Chống Tham Ô Lãng Phí* của Phùng Quán...

Ngày 8.10.1956: *Giai Phẩm Mùa Xuân* tái bản.

Ngày 15.10.56: *Nhân Văn* số 3, Kỷ niệm ngày Vũ Trọng Phụng tạ thế 13.10.1939, và các bài *Nỗ Lực Phát Triển Tự Do Dân Chủ* của Trần Đức Thảo, *Phỏng Vấn Bác Sĩ Đặng Văn Ngữ Về Mở Rộng Tự Do và Dân Chủ*...

Ngày 30.10.56: Giáo Sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn “*Qua Những Sai Lầm Trong Cải Cách Ruộng Đất Xây Dựng Quan Điểm Lãnh Đạo*” tại mặt trận tổ quốc, Hà Nội.

Ngày 30.10.1956: *Giai Phẩm Mùa Thu*, Tập III, với bài *Văn Nghệ Và Chính Trị* của Trương Tửu, *Muốn Phát Triển Học Thuật* của Đào Duy Anh...

Ngày 5.11.56: *Nhân Văn* số 4, với bài *Cần Phải Chính Quy Hơn nữa* của Nguyễn Hữu Đang, *Sự Thật Về Vụ Xúc Phạm Thi Sĩ Nguyễn Bính và Báo Trăm Hoa* của Người Quan Sát, *Thành Thật Đấu Tranh Cho Dân Chủ* của Trần Duy, *Con Ngựa*

Già Cửa Chúa Trịnh của Phùng Cung, *Những Ngày Báo Hiệu Mùa Xuân* của Văn Cao...

Ngày 10.11.56: *Đất Mới*, báo sinh viên, với bài *Phê Bình Lãnh Đạo Sinh Viên* của Q. Ngọc và T. Hồng, *Lịch Sử Một Câu Chuyện Tình* của Bùi Quang Đoài...

Ngày 20.11.56: *Nhân Văn* số 5, với bài *Hiến Pháp Việt Nam năm 1946 và Hiến Pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào ?* của Nguyễn Hữu Đang, *Bài học Ba Lan và Hung-ga-ri* của Lê Đạt (ký tên Người Quan Sát)...

Tháng 12.56: *Giai Phẩm Mùa Đông*, Tập I, với bài *Tự Do Tự Tưởng Của Văn Nghệ Sĩ Và Sự Lãnh Đạo Của Đảng Cộng Sản Bôn-sê-vích* của Trương Tửu, *Nội Dung Xã Hội Và Hình Thức Tự Do* của Trần Đức Thảo...

Ngày 09.12.1956: Hồ chí Minh ký sắc lệnh bãi bỏ quyền tự do báo chí.

Ngày 15.12.56: *Nhân Văn* số 6 đang in, bị đình chỉ.

Cuối tháng 12.56: *Tự Do Diễn Đàn*, tập một, tạp chí chuyên về Lý Luận, Phê Bình, Sáng Tác, do Minh Đức phát hành cuối tháng 12, bị cấm.

Tự Do Diễn Đàn gồm có các bài: *Qua sai lầm của Cải Cách Ruộng Đất, Xây Dựng Quan Điểm Lãnh Đạo* của Nguyễn Mạnh Tường, truyện ngắn *Chú Bé Làm Văn* của Trần Dần. *Tại Sao Quần Chúng Nhân Dân Tha Thiết Đến Cuộc Đấu Tranh Văn Nghệ ?* của Nguyễn Hữu Đang. *Nhiệm Vụ Của Văn Học Không Phải Là Giải Thích Chính Sách* của Phan Ngọc. *Động Long Mạch* của Lê Đạt. *Vài Ý Nghĩ Sau Khi Đọc Bài Thơ Động Long Mạch* của Hoàng Cầm. *Sinh Hoạt Văn Hóa* của Trương Tửu-Trần Đức Thảo [theo tài liệu của Boudarel, trong bài *Le tort de parler trop tôt (Sai lầm vì nói quá sớm)* viết về Nguyễn Mạnh Tường, *Revue Sud Est Asie*, số 52].

Từ 20 đến 28.2.57: Đại hội văn nghệ II họp tại Hà Nội. Trường Chinh kêu gọi đấu tranh “đập nát bọn Nhân Văn-Giai Phẩm”.

Cuối năm 57: Mao Trạch Đông hạ lệnh đánh phái hữu. Huy Cận và Hà Xuân Trường được cử đi học tập chính sách của Trung Quốc.

Tháng 2 và 3.58: Khi họ trở về, đảng thi hành chính sách “triệt hạ nọc độc Nhân Văn”, tổ chức hai lớp đấu tranh ở Thái Hà Ấp.

Ngày 4.6.58: “Trận chiến đấu chống bọn phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm” kết thúc bằng đại hội văn nghệ III, tại Hà Nội với bài báo cáo tổng kết của Tố Hữu, Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ lên án “bọn Nhân Văn-Giai Phẩm”, và các hội văn nghệ thi hành các biện pháp kỷ luật.

Chóm Nở Từ Đòi Hỏi Quyền Tự Do Sáng Tác

Nhìn lại lịch trình trên đây, chúng ta thấy ngay sự xác định trước đây của Hoàng Văn Chí trong *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc* và của Boudarel trong *Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam* về nguyên nhân phát xuất *Nhân Văn-Giai Phẩm* từ *Trăm Hoa Đua Nở* ở Trung Quốc là sai, vì Phong Trào ở Việt Nam, *chóm nở* từ việc đòi hỏi *tự do sáng tác* (tháng 4.55) trong quân đội, và *chính thức* bắt đầu với *Giai Phẩm Mùa Xuân* (tháng 1.56), trong khi đến tháng 5.56 Mao Trạch Đông mới phát động Phong Trào Trăm Hoa Đua Nở.

Nhưng nhờ đảng lao động học tập chính sách của Mao Trạch Đông và Liên Xô, mới có việc nói rộng tự do văn nghệ ở Việt Nam, mới tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày, và Nguyễn Hữu Đang mới có cơ hội trở lại văn trường và chính trường, giữ vai trò lãnh đạo Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tác phẩm của Boudarel đặt trọng tâm vào Trần Dần và bi kịch Trần Dần, theo ông Trần Dần chịu ảnh hưởng tự tưởng phản kháng của Hồ Phong trong chuyến đi Trung Hoa tháng 7 năm 1954 (để viết bản dẫn giải cho phim Điện Biên Phủ). Thậm chí Boudarel còn cho rằng hai chữ *Nhân Văn* lấy từ câu một của Hồ Phong: “*Hiện thực xã hội theo quan niệm của tôi phải quay về với con người...về sự giải phóng*”

con người...về tinh thần Nhân Văn” (Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đêm Việt Nam, Boudarel, trang 59). Trong nhận xét này, ông đã làm trên một số điểm:

- Tờ Nhân Văn do Nguyễn Hữu Đang chủ trương, khi ấy Trần Dần đã mệt mỏi, lui vào mặt sau vì chuyện tù tội, vợ con, gia đình.

- Tên Nhân Văn là do Nguyễn Hữu Đang hay Hoàng Cầm đặt ra. Lê Đạt nói: “Anh Cầm thì nói rằng tên Nhân Văn là do anh ấy nghĩ ra. Còn anh Đang cũng nói Nhân Văn do anh ấy nghĩ ra, thực tình tôi cũng không hiểu như thế nào”. Và Hoàng Cầm, trong lần phỏng vấn năm 2007, nhận rằng ông đã nghĩ ra tên Nhân Văn, nhưng trong lời “Thú Nhận”, năm 1958, Hoàng Cầm viết: “Một lần nữa, có Nguyễn Bình, Đang, Tước [Bác Sĩ Trần Hữu Tước?], bàn về tên tờ báo và mời Nguyễn Bình làm Thư Ký Tòa Soạn, thì tôi nghĩ là “tên báo gì gì cũng được” miễn là có báo ra được”. (Những Lời Thú Nhận Của Hoàng Cầm, Văn Nghệ số 12, tháng 5.58)

- Dù Trần Dần “Thú Nhận” rằng sự chống đối của mình “có màu sắc tư tưởng Hồ Phong”, cũng chỉ là một lối nói, bởi những thành viên chính của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm hầu hết đều chịu ảnh hưởng Văn Hóa Pháp, không mấy người biết Hán Văn để đọc Hồ Phong.

Tóm lại về nguyên nhân phát xuất Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, với những tài liệu hiện hành, chúng ta có thể xác định: Mọi sự bắt nguồn từ quân đội, những người đầu xướng là Trần Dần, Tử Phác, với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt trong hai vụ việc: *Phê Bình Tập Thơ Việt Bắc Của Tố Hữu* và Bản “*Dự Thảo Đề Nghị Cho Một Chính Sách Văn Hóa*”.

Vụ Phê Bình Tập Thơ Việt Bắc Của Tố Hữu

Gần một năm sau hiệp định Genève, ở miền Bắc, trong quân đội, nổi lên Phong Trào đòi *đổi mới văn học và tranh đấu cho tự do sáng tác* do Trần Dần, Tử Phác chủ trương với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt và một số văn nghệ sĩ. Sự phản kháng chia làm hai đợt:

- Tháng 3.1955, Trần Dần, Tử Phác cộng tác với Hoàng Cầm, Lê Đạt, tổ chức việc phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, với những bài của Hoàng Yến, Hoàng Cầm, Lê Đạt.

- Tháng 4.1955 Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh và Trúc Lâm ký bản “*Dự thảo đề nghị cho một chính sách Văn Hóa*”.

Hai sự kiện này đi đôi và gắn bó với nhau. Trước kháng chiến, Trần Dần đã cùng Đinh Hùng, Vũ Hoàng Địch (em Vũ Hoàng Chương) ra tạp chí *Dạ Đài* (16.11.1946), với bản tuyên ngôn tượng trưng. Trong kháng chiến, năm 1950 Trần Dần gặp Lê Đạt, cùng chí hướng đổi mới thi ca. Bước đầu của sự đổi mới là phải “chôn đàn anh” (như lời Nguyên Sa, và hành động của nhóm *Sáng Tạo*, trong Nam, công kích Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn). Trong đám “đàn anh” này, ở ngoài Bắc, Tố Hữu là khuôn mặt tiêu biểu.

Nhân dịp tập thơ *Việt Bắc* vừa phát hành tháng 12.54, đã có bài ca tụng của Xuân Trường trên báo Nhân Dân (24.1.55) và một bài tràng giang đại hải tung hô hết mình của Xuân Diệu trên hai số Văn Nghệ 64 và 65 (tháng 2.55). [In lại trong “*Tài liệu thảo luận 1955 về tập thơ Việt Bắc*”, do Lại Nguyên Ân sưu tầm và biên soạn, nhà xuất bản văn hóa thông tin, 2005]

Ngày 4.3.55, Trần Dần và Tử Phác bèn đứng ra tổ chức một buổi phê bình (kiểu tọa đàm) thơ Tố Hữu trong khốn khổ văn nghệ quân đội, với sự hiện diện của Tướng Nguyễn chí Thanh, chủ nhiệm tổng cục chính trị. Lê Đạt, kể lại không khí hôm ấy như sau:

“Lúc đến, tôi đã thấy ông Nguyễn chí Thanh ngồi đấy rồi. Hoàng Yến lên nói về thơ Tố Hữu và bảo rằng thơ Tố Hữu bây giờ “nhỏ” hơn thơ Tố Hữu thời trước, thì đó cũng là một cách nói thôi. Sau đó, khi anh Thanh lên diễn đàn thì tôi thấy không

khí im lặng cả, không ai nói gì nữa. Trần Dần đá chân tôi bảo: “Thôi, thế cậu lên đi”. Tôi lên nói một bài về thơ Tố Hữu và tôi có nhắc đến sự sùng bái chủ tịch Hồ chí Minh của Tố Hữu. Cuộc trao đổi ấy rất vui vẻ rồi ông Thanh cũng không nói gì nữa. Căn cứ trên cuộc thảo luận ấy thì anh em thấy là có thể có đủ bài để viết trên tạp chí Văn Nghệ mà lúc đó tôi là thường trực. Sau đó tôi có lên trình bày với anh Tố Hữu về tờ báo Văn Nghệ”.(phỏng vấn Lê Đạt, RFI).

Buổi tọa đàm, mới chỉ là nói miệng. Nhưng Lê Đạt muốn đưa lên tạp chí Văn Nghệ (Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt ở trong ban biên tập). Khi Lê Đạt lên gặp Tố Hữu (bàn về nội dung tờ báo), thì tình cờ Tố Hữu lại “gợi ý” Lê Đạt nên viết bài phê bình tập thơ *Việt Bắc* (chắc ông chờ đợi một sự phê bình tăng bốc của đàn em).

Lê Đạt, nhân đã có sẵn bài của Hoàng Yến trong túi, bèn tập hợp thêm một số bài khác, làm số báo đặc biệt về tập *Việt Bắc*. Chắc Tố Hữu không ngờ vụ việc lại xảy ra trái hẳn ý mình, và như lời Lê Đạt: “ở nước Việt Nam người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ”.

Việc phê bình rộng ra và chuyển sang các báo khác, kéo dài nhiều tháng (xem tài liệu của Lại Nguyên Ân). Nhưng Tố Hữu cũng không vừa: Hội văn nghệ tổ chức thêm hai buổi tọa đàm khác, có các vị chức sắc tham dự. Trong số những bài ca tụng *Việt Bắc* chủ chốt có bài của Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi và Hoàng Trung Thông.

Phía chê có ba người: Hoàng Yến, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Trần Độ trung dung: Vừa khen, vừa chê.

Hoàng Yến muốn chê thơ Tố Hữu bịa nhưng lịch sự nói rằng Tố Hữu chưa nắm vững hiện thực: “Ta thấy thơ Tố Hữu ngày nay còn bé hơn thơ Tố Hữu trước kia. Bé vì Tố Hữu chưa thổi được vào thơ ngọn lửa hùng hực chiến đấu của thời đại để đốt cháy lòng người đọc. Bé vì chất sống chưa thật sâu sắc nên ý thơ nhiều đoạn còn giả tạo công thức” (Tài liệu Lại Nguyên Ân, trang 69).

Hoàng Cầm chê thơ Tố Hữu “thiếu chất sống thực tế”, “nhạt nhẽo”, “hời hợt”, chỉ “lõn vờn ở bên ngoài chứ không đột phá vào một khía cạnh nào của tâm hồn”, “những câu văn đẽm đẽp”, “rủ rỉ một lát rồi thôi”, “chỉ thấy những hình ảnh chung chung, gặp bất cứ ở chỗ nào”, khi ca tụng lãnh đạo thì “đao to búa lớn”, bài “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên giống như một vại nước to, tràn đầy, pha loãng một màu sữa. Loãng quá”...

Lê Đạt, trong bài lý luận, cho rằng Tố Hữu “cố gắng đi tới công nông” nhưng trong thơ còn rơi rớt tính chất “ngậm ngùi, buồn buồn... nó là cơ sở điệu tâm hồn của Tố Hữu”... Lê Đạt tổng kết ý kiến của mình và các bạn trong câu: “Tính chất tiểu tư sản và xa thực tế là hai khuyết điểm căn bản nó cản trở khả năng hiện thực của Tố Hữu. Nó là nguyên nhân của cái buồn, cái công thức, cái hời hợt rải rác trong tập thơ” (theo tài liệu Lại Nguyên Ân).

Trần Dần không có bài trên báo, nhưng viết trong nhật ký “Tố Hữu nhìn sự vật nó chính trị quá công thức quá, lười tìm tòi quá. Chỗ nào hay thì lại là lặp lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao... Tố Hữu chưa đem tới một cách nhìn mới mẻ gì” (Trần Dần ghi trang 143). Và trong buổi tọa đàm ngày 4.3.55, theo Vũ tú Nam mách lại, Trần Dần gọi thơ Tố Hữu là “tí ti la haine, tí ti l'amour” (tí ti căm thù, tí ti tình yêu) (*Sự Thực Về Con Người Trần Dần*, Vũ tú Nam, quân đội nhân dân tháng 4.58).

Tất nhiên Tố Hữu không thể nào “bỏ qua” vụ này.

Sang tháng sau, Trần Dần, Tử Phác lại tung ra một vụ mới, đó là bản dự thảo đề nghị một chính sách Văn Hóa trong quân đội.

Bản Dự Thảo Đề Nghị Cho Một Chính Sách Văn Hóa

Tháng 4.1955, Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh và Trúc Lâm ký bản “Dự thảo đề nghị cho một chính sách Văn Hóa”, nội dung yêu cầu cải cách chính sách văn nghệ trong quân đội, đòi quyền tự do sáng tác.

Theo Hoàng Cầm: “*Bản dự thảo sắp được thông qua. Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị*”.

Nhưng: “*Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của đảng, bỗng có một câu quật lại: “Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!*”

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cựa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang”.

(Trích bài *Con Người Trần Dần* của Hoàng Cầm, Nhân Văn số 1).

Hoàng Cầm không nói rõ những người ủng hộ kia là ai, và người “*thẩm quyền bác bỏ*” kia là ai. Nhưng qua bài đánh Trần Dần của Vũ tú Nam trên văn nghệ quân đội, chúng ta có thể tóm tắt tình hình như sau: Cuối năm 54, đầu 55, phòng văn nghệ quân đội tổ chức một cuộc thảo luận về việc thay đổi chính sách văn nghệ với sự có mặt của Tướng Nguyễn chí Thanh. Trong buổi đó, Trần Dần đã nêu lên ba đòi hỏi chính, Vũ tú Nam viết:

1- *Trả lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ.*

2- *Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc hội văn nghệ, không qua cục tuyên huấn và tổng cục chính trị.*

3- *Bỏ mọi “chế độ quân sự hiện hành” trong văn nghệ quân đội...*

Nghe xong đồng chí Nguyễn chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi đảng, phi giai cấp, phi chính trị. Hồi đó, anh em chưa vỡ lẽ, còn ảm ức, cho là cấp trên không thông cảm. Trần Dần và vài người khác thì lồng lộn, chửi bới, reo rắc hoài nghi, chán nản, muốn giải ngũ”. (Vũ tú Nam, *Sự Thực Về Con Người Trần Dần*, văn nghệ quân đội, số 4, tháng 4.58).

Tuy vậy, Trần Dần vẫn được giao cho việc tổ chức hội nghị ngành văn toàn quân tháng 4.55. Lần này, Trần Dần trình bày bản dự thảo do chính tay mình viết tháng 2.55, dài 12 trang đánh máy. Theo vài câu trích dẫn của Vũ tú Nam (để buộc tội quan điểm “*xét lại*” của Trần Dần) Trần Dần viết:

“Biểu hiệu cao nhất của trách nhiệm người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thực. Đó là tiêu chuẩn cao nhất đánh giá tác giả và tác phẩm...tôn trọng, trung thành với sự thực vừa là trách nhiệm, vừa là lập trường, vừa là phương pháp làm việc của người viết”

“... Sự thực lớn gấp triệu triệu lần bất cứ chỉ thị, lý luận nào...Nếu như sự thực ngược lại chính sách chỉ thị, thì phải viết sự thực chứ không phải là bóp gò sự thực vào chính sách”

Tổng hợp thông tin của Hoàng Cầm và Vũ tú Nam, chúng ta thấy: Tướng Nguyễn chí Thanh vừa bật đèn xanh cho Trần Dần và các bạn đòi hỏi tự do sáng tác (viết sự thật) vừa dập tắt bản dự thảo đòi tự do sáng tác. Nhưng ngoài Nguyễn chí Thanh, bản dự thảo còn được những ai ủng hộ, khiến nó sắp được thông qua, như lời Hoàng Cầm ?

Theo phân tích của Boudarel, thì bản dự thảo này được sự ủng hộ của ba tướng tá cao cấp trong tổng cục chính trị: Lê quang Đạo, Trần Độ, và nhất là Lê Liêm. Ông viết:

“Ở những buổi thảo luận nội bộ năm 1955 trong quân đội, có những cán bộ cao cấp ủng hộ nhóm văn nghệ sĩ đòi hỏi quyền tự do sáng tác, nhưng không ai chỉ rõ tên họ ra, rất có thể bởi vì muốn tránh cho họ rơi vào hoàn cảnh khó xử trước những đồng nghiệp quyết liệt. Duy có hai người, hai Tướng chính ủy Trần Độ và Lê Liêm là dễ nhận ra, nhưng cũng không chỉ có hai người đó.

Một văn bản chứng minh rằng vào mùa Thu năm 1956, Tướng Lê quang Đạo cũng can thiệp khi vụ việc xảy ra. Nhưng trong chiều hướng nào? Lúc đó ông là trưởng phòng tuyên huấn” (trích Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam, trang 101).

Boudarel phác họa chân dung Lê quang Đạo, Lê Liêm và Trần Độ, ba tướng lãnh trong tổng cục chính trị ủng hộ những nhà văn trẻ, ông phân tích những khúc mắc trên con đường của họ, khi ủng hộ tự do sáng tác và mở rộng dân chủ, lúc phải lùi bước trở lại vị trí chính thống. Điều đặc biệt đáng chú ý là trong suốt thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, ông không tìm thấy văn bản nào của các tướng lãnh trong tổng cục chính trị lên án Phong Trào.

Cuốn *Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận* tập hợp những bài viết của hơn 80 Văn Nghệ Sĩ và Trí Thức “dân sự” tuyệt nhiên không có bài viết nào của quân đội, kể cả Nguyễn chí Thanh, mặc dầu Phong Trào phát xuất từ quân đội.

Với mức tài liệu hiện có, chúng ta có thể hiểu rằng: Trong vụ thanh trừng Nhân Văn-Giai Phẩm, quân đội đứng ngoài. Quân đội sạch tay hơn dân sự.

Tướng Lê Liêm, một trong những người có công lớn trong trận Điện Biên Phủ, hết sức ủng hộ Văn Nghệ Sĩ, Lê Liêm không viết một dòng nào chống lại những người đòi tự do sáng tạo, một sự im lặng này đầy ý nghĩa. Năm 1958, ông trở thành Thứ Trưởng Văn Hóa, tuy được thăng chức, nhưng không có quyền, bước đầu của sự thất sủng. Phản đối việc thân Tàu, chống Nga, năm 1965, ông nhận chức Thứ Trưởng Giáo Dục, và trong một bài diễn văn về việc cải tạo giáo dục, năm 1968, ông trở lại quan điểm chính thống. Năm 1974, người ta đồn ông bị khai trừ khỏi đảng cùng với Ưng văn Khiêm, Tướng Nguyễn văn Vinh và Bùi công Trùng, vì tội thân Nga. Lê Liêm là một khuôn mặt cởi mở, chấp nhận đối thoại mà ít người biết đến.

Tướng Lê quang Đạo, với trách nhiệm trưởng phòng tuyên huấn, chắc chắn đã tác dụng vào những cuộc tranh luận văn học nội bộ trong thời kỳ này. Sau vụ Nhân Văn, ông vẫn tiếp tục con đường cởi mở đến thập niên 80. Năm 1982, ở đại hội V, khuynh hướng bảo thủ thắng thế. Đến năm 1987, làm chủ tịch quốc hội, ông tiếp tục cổ động cho công cuộc đổi mới.

Trần Độ kiên trì trong quan điểm dân chủ hóa đất nước. Sau Nhân Văn, ông trở lại chiến trường. Dường như ông chỉ tạm thời lùi bước năm 1956 để tiến mạnh hơn, ba mươi năm sau.

Năm 1982, trực diện với sự bảo thủ của Hà xuân Trường trong đại hội V, Trần Độ thua cuộc, nhưng đến năm 1986, khi làm trưởng ban văn hóa tư tưởng trung ương, dưới sự cởi mở của Nguyễn văn Linh, Trần Độ trở lại vai trò chủ đạo cho công cuộc đổi mới văn học. Nói như Boudarel: “tất cả những vấn đề cơ bản đều quy về những năm 1955-1956”.

Như vậy Nhân Văn-Giai Phẩm, mở đầu cho tinh thần đấu tranh tự do tư tưởng, cho công cuộc đổi mới văn học, tinh thần này không chấm dứt khi Phong Trào bị dập tắt, chỉ ngủ yên trong ba mươi năm rồi lại bùng lên những năm 1987-1988.

Vai trò của Tướng Nguyễn chí Thanh khá phức tạp. Cầm đầu chính trị quân đội, ông cũng là người đã “đẹp” vụ dự thảo ngay còn trong trứng nước. Nhưng khi Trần Dân bị bắt lần thứ nhì, dùng dao cạo cửa cổ, được đưa vào bệnh viện, Trần Dân viết thư cho Nguyễn chí Thanh, ông đã can thiệp để “cứu” Trần Dân. Nhưng cũng chính Tướng Nguyễn chí Thanh đã trao cho người bà con Vũ tú Nam toàn bộ

tài liệu về Trần Dần, kể cả 2 lá thư Trần Dần viết để xin ra khỏi đảng năm 55, để họ Vũ có đủ tài liệu viết bài đánh Trần Dần (Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam, Boudarel, trang 100 và 126).

Nhưng cũng không thể liệt Nguyễn chí Thanh vào loại người xoay chiều, như Đỗ Nhuận, bạn thân của Trần Dần, cùng đi Điện Biên Phủ, cùng đi Trung Quốc, cùng ký bản dự thảo, nhưng sau này quay lại viết bài đánh Trần Dần.

Nhân Vật Trần Dần

Vì hai sự kiện: *Phê Bình Thơ Tố Hữu* và *Đề nghị cải cách chính sách văn nghệ quân đội*, mà Trần Dần và Tử Phác bị kỷ luật, bị giam tù 13.6.55 đến 14.9.55.

Nhưng về mặt chính thức, Trần Dần bị kỷ luật vì lẽ khác: Về chuyện tình cảm, yêu một người con gái có Đạo (Cô Khuê, vợ Trần Dần sau này) cha mẹ đã đi Nam, không được đảng cho phép cưới, tự ý bỏ trại, về với người yêu ở Phố Sinh Từ và không chịu lên trình diện (Tử Phác cũng không chịu lên trình diện). Hoàng Văn Chí thu thập được khá nhiều tin tức và tổng hợp với bài *Con Người Trần Dần* của Hoàng Cầm, đã viết khá chi tiết về việc này từ năm 1959. Nhưng sự phân tích của Boudarel có những điểm thỏa đáng hơn:

“Đối với Trần Dần, trận bút chiến trong ba tháng đầu năm 1955 đi đôi với sự tranh đấu không cân bằng trong cục chính ủy quân đội về vấn đề lý thuyết chính trị và nhân sự, cả hai đan cài khó gỡ. Việc bản dự thảo bị hủy bỏ đối với Trần Dần là một thất bại, nhưng cũng không đau đớn bằng việc bị các bạn đồng hành bỏ rơi chạy sang phe bên kia. Vì lý do sức khỏe, Trần Dần xin nghỉ một thời gian để thoát khỏi trại nhà binh. Mỗi không thấy cấp trên trả lời, anh tự ý bỏ trại về nhà người bạn gái ở Phố Sinh Từ. Hai lần cấp trên gọi về chờ lệnh, anh đều từ chối. Bị kiểm thảo vắng mặt, và có lẽ bị trừng phạt nữa, bởi vì trong lần gọi thứ ba, anh đòi hủy bỏ những quyết định chống lại anh. Những phê phán Trần Dần phạm quân kỷ đi đôi với việc trật tự trở lại trong văn nghệ quân đội. Mỗi không thấy gì mới, đến giữa tháng 5.1955, Trần Dần viết hai lá đơn xin ra khỏi đảng và ra khỏi quân đội (một cho đảng và một cho quân đội) trong đó anh trình bày những lý lẽ của mình với một sự thẳng thắn, nếu không muốn nói ngậy thơ lạ lùng” (Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam, Boudarel, trang 125-126).

Đây là lần thứ nhất Trần Dần, Tử Phác bị giam, thật ra là bị cấm trại, không phải bị tù. Trong thời gian này, Trần Dần viết bài thơ dài *Nhất Định Thắng* trao bản thảo cho Lê Đạt giữ (Hoàng Cầm, *Con Người Trần Dần*). Hết ba tháng cấm trại, Trần Dần và Tử Phác được về nhà, và hơn tháng sau, cả hai được gửi đi tham gia Cải Cách Ruộng Đất tại Yên Viên, Bắc Ninh, từ 2.11.1955 đến tháng 2.1956. Trong khi ấy Hoàng Cầm và Lê Đạt chuẩn bị ra tờ *Giai Phẩm Mùa Xuân*.

Tháng Giêng năm 1956, *Giai Phẩm Mùa Xuân* ra đời, đăng bài thơ *Nhất Định Thắng* của Trần Dần. Bài thơ đã gây tai họa cho Trần Dần và tờ *Giai Phẩm*. Báo vừa phát hành, Lê Đạt bị gọi lên tuyên huấn để kiểm thảo. *Giai Phẩm Mùa Xuân* bị tịch thu. Trần Dần và Tử Phác bị bắt. Bị giam, Trần Dần dùng dao cạo cửa cốp, được đưa vào bệnh viện. Trần Dần viết thư cho Tướng Nguyễn chí Thanh ngày 21.2.56 và được tha ngày 5.5.56 (Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam, Boudarel, trang 46).

Hoàng Cầm viết: *“Giai Phẩm Mùa Xuân bị kết tội, bài thơ “Nhất Định Thắng” bị kết tội. Người ta cho rằng cái bè phái độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ Việt Bắc) đã tìm cách trả thù: Trần Dần, Tử Phác đều bị tổng giam”*.

*“Từ những ngày Tết mưa lũ chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái *Giai Phẩm*. Một không khí ngột thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ*

“Nhất Định Thắng” bị đem ra luận tội”. (Con Người Trần Dân, Hoàng Cầm, Nhân Văn số 1)

Hoàng Cầm trong lời “Thú Nhận”, kể rằng ông muốn làm “cho cả cụ Hồ, cả Trung ương cũng phải thương xót cảnh ngộ Trần Dân, mà trừng trị người nào đã gây ra cảnh ngộ đó”. Nhưng sau khi bài báo xuất hiện, Nguyễn chí Thanh giao cho Lê Quang Đạo mời Hoàng Cầm đến để giải thích, vẫn theo lời “Thú Nhận” của Hoàng Cầm:

“Khi đồng chí Lê Quang Đạo có mời tôi vào giải thích rõ trường hợp Trần Dân, tôi đã nhụt đi, có ý muốn cải chính bài báo, tôi về viết bài cải chính, có nói rõ sự giáo dục của quân đội với Trần Dân, sự săn sóc của đồng chí Nguyễn chí Thanh và của phòng văn nghệ quân đội đối với Trần Dân, nhưng trong ý nghĩ vẫn không chịu nhận rằng mình đã xuyên tạc bóp méo sự thật, không chịu nhận rằng mình bôi đen chế độ, nên vẫn viết thêm một đoạn cuối nói rằng: Việc bỏ tù Trần Dân là quá đáng, đến nỗi Trần Dân phải tự tử, và tôi vẫn viết một câu đại ý: Đồng chí Tố Hữu là người phụ trách toàn bộ công tác lãnh đạo văn nghệ, phải chịu trách nhiệm về việc này. Thế là cải chính một nửa, để lại bôi xấu một nửa. Bài đó (không đăng) chỉ là một hành vi không thành thật” (Những lời Thú Nhận của Hoàng Cầm, Văn Nghệ số 12, tháng 5.58).

Về phía đối diện, đây là lời buộc tội của Tố Hữu:

“Cuộc tấn công vào chế độ ta và đảng ta đã bắt đầu trên mặt trận văn nghệ từ đầu năm 1955, ngay khi hòa bình vừa lập lại.

Trong khi bọn gián điệp còn giấu mặt chờ đợi thời cơ, và bọn tò-rốt-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo tích cực chuẩn bị lực lượng ở Trường Đại Học, thì bọn Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, hai tên phản đảng ẩn nấp trong báo Văn Nghệ của Hội Văn Nghệ cùng bọn Trần Dân, Tử Phác cũng là những tên phản đảng trong phòng văn nghệ quân đội, đã kết thành một bè phái chống đảng trong Văn Nghệ.

Như lời Thú Nhận của Trần Dân, Lê Đạt, Hoàng Cầm, cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc là do cái bè phái ấy sắp đặt, để đánh vào sự lãnh đạo và đường lối văn nghệ của đảng, đường lối phục vụ chính trị cách mạng, phục vụ công nông binh, và để đề xướng cái “điệu tâm hồn” ruỗng nát của chủ nghĩa cá nhân tư sản, mở cửa cho lối sống tự do sa đọa.

Đương nhiên cái “điệu tâm hồn” ấy của Lê Đạt xướng lên không thể nào hòa được với cái điệu lớn của cách mạng, và cũng rất tự nhiên nó chỉ hòa được với “tiếng sáo tiền kiếp” lóc gân của tên mặt thám Trần Duy.

Cũng lúc ấy, bọn Trần Dân, Tử Phác (những đứa con hư hỏng của Hà Nội cũ) nay lại trở về với “cảnh cũ người xưa” bỗng cảm thấy đời sống trong quân đội “nghet thở”, chỉ vì thiếu cái tự do trở lại đời sống trụy lạc cũ. Đối với chúng, đời sống trong quân đội cách mạng chỉ còn là “những sợi dây xích trói buộc phải phá mà ra”. Được thêm thêm ít nhiều chất phản động của Hồ Phong, Trần Dân gióng lên “tiếng trống tương lai” chủi cán bộ chính trị là “người bệnh”, “người ròi”, “người ụ”. Cùng Tử Phác, khiêu khích những anh em khác, hấn tổ chức một cuộc đấu tranh “buộc lãnh đạo thực hiện mọi yêu cầu” của họ.

Họ đòi thực hiện những gì? “Trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ. Thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội. Thủ tiêu mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội. Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc hội văn nghệ, không qua cục tuyên huấn và tổng cục chính trị”. Tóm lại là thủ tiêu sự lãnh đạo của đảng và kỷ luật của quân đội đối với họ”

(Tố Hữu, Nhìn lại 3 năm phá hoại của nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm”,

Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận, nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1959, trang 22-24).

Việc Trần Dần Dùng Dao Cạo Cửa Cỗ

Về việc Trần Dần cửa cỗ, cho đến nay, chỉ có Hoàng Cầm kể lại: Trong bài cải chính (không in) mà Hoàng Cầm nhắc đến ở trên và trong buổi nói chuyện trên RFI, ông thuật lại ít nhiều chi tiết. Đặc biệt trong hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh, đoạn ghi lời kể của Hoàng Cầm về việc này có nhiều chi tiết rõ ràng hơn:

Tố Hữu ra lệnh bắt Trần Dần:

Hồi Hoàng Cầm cho in tập Giai Phẩm Mùa Xuân, có đăng bài của Trần Dần, Tử Phác. Tố Hữu triệu tập mấy người đến họp: Hoàng Cầm, Văn Phác (phụ trách tổ chức Bộ Văn Hóa), Chế lan Viên... Tố Hữu cầm cuốn Giai Phẩm Mùa Xuân, hỏi mọi người: “Các anh thấy tập sách này thế nào?”

Không ai dám trả lời, vì không đoán được ý Tố Hữu. Chế lan Viên nhanh trí, đoán trúng ý thủ trưởng. Anh nói: “Cuốn sách đại phản động!”

Tố Hữu hỏi Văn Phác: “Hiện nay chúng nó đang ở đâu?” Văn Phác: “Thưa, các anh ấy đang đi thực tế ở Yên Viên”

Tố Hữu lệnh Hoàng Cầm nhớ đúng sáu tiếng: “Gọi nó về, bắt lấy nó!”

Thế là Văn Phác làm giấy tờ để bắt Trần Dần, Tử Phác.

Và đây là lời kể của Trần Dần, Hoàng Cầm thuật lại: Chiều hôm ấy, có một cái xe ô tô nhà binh đến Yên Viên. Họ gọi Trần Dần, Tử Phác ra và lập tức bịt mắt. Trần Dần kịp thấy trên xe có lính mang súng, lưỡi lê tuốt trần.

Hoàng Cầm nói, Trần Dần là tay thần kinh rất vững. Anh ta bình tĩnh lắng nghe để đoán xem xe đi đâu. Qua một cái cầu dài. Thế là vào Hà Nội. Nhưng xe lại chạy tiếp khá lâu. Thế là đi quá Hà Nội. Đến một chỗ nào đấy, xe đỗ lại. Người ta dắt Trần Dần, Tử Phác, đi xuống một địa điểm ở sâu dưới đất vì cứ thấy xuống nhiều bậc, xuống mãi. Đến một độ sâu nào đấy, họ dừng lại và đẩy Trần Dần vào một căn hầm, đóng cửa lại. Trần Dần nghĩ bụng, chắc bị thủ tiêu. Thủ tiêu ở đây thì ai biết được? Coi như mất tích. Anh nghĩ phải tìm cách lên được mặt đất.

Sáng ra, thấy đây là một cái hầm đào sâu dưới đất. Ánh sáng lọt xuống từ nóc hầm qua một ô cửa có chấn song, ở trên thoáng thấy có bóng một anh lính gác.

Trần Dần thấy trong hầm có một cái phản gỗ và một bình nước. Anh kéo cái phản ra chỗ ánh sáng từ trên nóc hầm rọi xuống, cởi áo ngoài, để phơi áo sơ mi trắng bên trong ra, lấy một cái mince lame trong túi, nằm ngửa lên phản, dùng lưỡi dao cạo vào cổ cho máu phun ra ngược áo, rồi giã đạp âm ỉ, cốt cho anh lính gác nghe thấy. Anh lính gác nhìn xuống thấy thế hoảng quá: Nó tự tử, phải đưa cấp cứu ngay! Một lát sau, cửa hầm mở, người ta đưa Trần Dần đi cấp cứu ở một bệnh viện gần đó. Té ra là bệnh viện Hà Đông. Ở đây, Trần Dần may mắn được một người quen bèn viết mẫu giấy nhờ đưa đến tổng cục chính trị nơi anh công tác. Nguyễn chí Thanh lập tức đến bệnh viện và lệnh tha ngay cả Trần Dần và Tử Phác.

Hoàng Cầm rất phục Trần Dần. Thằng cha thần kinh rất vững. Hoàng Cầm cũng từng bị bắt giam. (Ông nghe Hoàng Hưng, định đưa tập thơ Về Kinh Bắc sang Pháp in). Ông nói: “Tôi nhát lắm, mọi tội tôi xin nhận hết” (Hết hạn tù, người ta cho ra, còn xin ở lại viết kiểm thảo. Tô Hoài cho tôi biết thế). Sợ nhát là trong tù cứ thấy tiếng phát ra đều đều không biết từ đâu: Khai thật đi! Khai thật đi! Khai thật rồi về với vợ con!

Chuyện nghe khá sợ. Một hình thức khủng bố về tâm lý. Chẳng biết Hoàng Cầm có thêm thất gì vào sự thật không. Nhưng quá là đáng sợ. Hoàng Cầm cũng hay tưởng tượng thêm dật thêm ra nữa” (trích Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh, chưa in).

Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu, Trần Dần, Tử Phác bị bắt, Lê Đạt bị kiểm thảo. Sự khủng bố trở nên công khai nhưng cũng mở màn cho một Phong Trào đấu tranh cho dân chủ rộng lớn hơn, nửa năm sau. Vậy nội dung Giai Phẩm Mùa Xuân có những gì? Điều này cần đến một sự phân tích văn bản.

PHẦN III GIAI PHẨM MÙA XUÂN

Trong *Giai Phẩm Mùa Xuân* bài thơ quyết liệt nhất, hồi tội bọn nịnh thần, là của Văn Cao. Nhưng không ai dám đánh Văn Cao, tác giả quốc ca. Tất cả mũi dùi đổ vào Trần Dần, Lê Đạt, hai nhà thơ trẻ chưa nổi tiếng. Chính vì vụ đánh Trần Dần, Lê Đạt mà Phan Khôi trở lại vai “ngụ sử văn đàn” với bài *Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ* và các nhà trí thức khác tích cực tham gia Phong Trào.

Tổ Chức Giai Phẩm Mùa Xuân

Giai Phẩm Mùa Xuân do Hoàng Cầm và Lê Đạt chủ trương. Trần Dần có tham dự vào việc tổ chức ra báo và bài vở không ?

Hoàng Cầm trong bài *Con Người Trần Dần*, in trên Nhân Văn số 1 (8.1956) và cả đến sau này, trong bài phỏng vấn trên RFI, đều xác định là *Trần Dần không biết gì về việc in bài thơ Nhất Định Thắng* vì lúc đó đang tham gia Cải Cách Ruộng Đất ở xa. Có lẽ là để gỡ tội cho Trần Dần.

Nhưng sự thực thì Trần Dần có tham gia vào việc ra *Giai Phẩm Mùa Xuân* : Sau khi bị bắt lần thứ nhất, bị cầm trại 3 tháng cùng với Tử Phác [vì “phạm kỷ luật quân đội” nhưng trên thực tế vì tổ chức phê bình thơ Tố Hữu và viết bản dự thảo đòi tự do sáng tác], Trần Dần, Tử Phác được gửi đi tham quan Cải Cách Ruộng Đất.

Trong lời “thú tội”, Trần Dần viết về thời điểm này như sau:

“Sau thời gian đó, trên có cho tôi đi tham quan Cải Cách Ruộng Đất để tự cải tạo. Song, tôi lại dựa vào cái thế tham quan, cứ đi lại Hà Nội, tiếp tục quan hệ với một người vợ chưa được phép. Hơn nữa lại quan hệ với Hoàng Cầm, Lê Đạt, ra *Giai Phẩm Mùa Xuân*. Tuy là họ đề ra, song sau khi thống nhất trước với nhau là: “Tự do lấy bài tôi đưa vào”, thì tôi hoàn toàn đồng tình. Mỗi lần gặp lại thúc đẩy, dục dã, ra cho nhanh. Việc tập hợp bài vở, tôi không rõ chi tiết. Bài *Lão Rông* là do tôi viết. Tôi ví đồng chí Văn Phác như tên lý trưởng đã chà đạp *Lão Rông*”. (Trần Dần, *Những Lời Thú Nhận Bước Đầu*, Văn Nghệ, số 12, tháng 5.1958, trang 60).

Phía Lê Đạt, ông xác định việc chủ trương và tổ chức *Giai Phẩm Mùa Xuân* như sau:

“Trần Dần ra rồi, chúng tôi mới nghĩ đến chuyện này: Bây giờ làm sao mà in được một tập thơ, trái với nguyên tắc lúc bấy giờ, nguyên tắc bấy giờ là tất cả các bài đều bị kiểm duyệt. Tôi chủ trương tập này phải là một tập tự do sáng tác hoàn toàn, tức là mỗi cá nhân đều chịu trách nhiệm về bài của mình và không có kiểm duyệt gì cả. Tôi có bàn với Dần, Cầm, với Văn Cao, Tử Phác và mấy anh hội họa nữa là Sỹ Ngọc và Nguyễn Sáng. Lúc đó thì chưa tìm được chữ gì hay lắm. Tôi cũng không thích chữ *Giai Phẩm* tại chữ *Giai Phẩm* có vẻ Tự Lực Văn Đoàn, nghe chữ ấy nó sang trọng quá tôi không thích. Nhưng lúc đó anh Minh Đức (nhà xuất bản) và anh Đang đều thích chữ ấy. Trước tôi định cái tí là “*Thơ năm người*”, nhưng mọi người bảo thế là “*gây sự*” quá, thì sau cũng đành lấy chữ *Giai Phẩm*”. (Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI).

Về mặt văn bản, căn cứ vào các sáng tác in trong *Giai Phẩm Mùa Xuân*, chúng ta có thể xác định rằng: *Giai Phẩm Mùa Xuân* là tập chí văn học đầu tiên ở miền Bắc sau cách mạng tháng Tám, đáp ứng hai đòi hỏi: Tự do sáng tác và đổi mới văn học do Lê Đạt, Hoàng Cầm chủ trương, với sự cộng tác của Trần Dần, Văn Cao, Tử Phác...

Nội Dung Giai Phẩm Mùa Xuân

Giai Phẩm Mùa Xuân chuyên về thơ. Tất cả có 9 bài thơ (Lê Đạt ba, Hoàng Cầm hai, Văn Cao, Nguyễn Sáng, Phùng Quán, mỗi người một và bài *Nhất Định*

Thắng của Trần Dần), ngoài ra còn một truyện ngắn của Sỹ Ngọc và truyện phiếm Lão Rồng của Trần Dần.

Về hình thức, thơ trong *Giai Phẩm Mùa Xuân* khác với *Thơ Mới*: Các câu dài, ngắn, không đồng đều, nhịp điệu phóng khoáng, có thể nói đây là *tạp chí thơ đầu tiên thể hiện cách làm thơ hiện đại không vắn ở miền Bắc*. Tất nhiên cũng mới chỉ là những thử nghiệm, các tác giả chưa xác định được căn cước của riêng mình, như sau này Lê Đạt với *Bóng Chữ*, Trần Dần với *Công Tĩnh*, Hoàng Cầm với *Về Kinh Bắc*, Đặng Đình Hưng với *Ô Mai, Bến Lạ*.

Về nội dung tư tưởng, sáng tác trong *Giai Phẩm Mùa Xuân* có ba hướng khá rõ:

- Khuynh hướng tuyên truyền cách mạng: Chống địa chủ, cường hào ác bá, đề cao cách mạng (*Mùa Xuân đến rồi đây* của Hoàng Cầm), thơ chiêu hồi gửi miền Nam (*Thơ qua Đài Phát Thanh*, Hoàng Cầm). Thơ đề cao chiến thắng và công lao của đảng (*Hoa Đào Vãn Nở*, Nguyễn Sáng). Thơ kiến thiết đất nước, xây dựng xã hội mới (*Mỗi Ngày Mỗi Lớn-Gửi Kế Hoạch Nhà Nước 1956*, Lê Đạt). Thơ ca tụng công nhân quét đường (*Thi Sĩ Và Công Nhân*, Phùng Quán). Văn tả cảnh đói khổ của người dân lao động, sự bóc lột của địa chủ, nhưng nhờ ánh sáng của đảng, từ nay, trời sẽ *"trong sáng vĩnh viễn"* (*Sổ Tay*, Sỹ Ngọc).

- Khuynh hướng vừa chống vừa theo: Trần Dần (*Nhất Định Thắng*).

- Khuynh hướng chống đối và đòi tự do sáng tác: Văn Cao (*Anh Có Nghe Thấy Không*) và Lê Đạt (*Làm Thơ và Mới*).

Thơ Hoàng Cầm

Tiểu biểu cho khuynh hướng đầu tiên là thơ Hoàng Cầm. Là một trong những người chủ chốt xây dựng nên Phong Trào, nhưng khác với Trần Dần và Lê Đạt, hai nhà thơ trẻ chưa có tên tuổi, Hoàng Cầm thuộc lớp đàn anh, đã có vị trí vững vàng trên nhiều địa hạt văn nghệ như một nhà thơ, kịch tác gia, diễn viên và đạo diễn.

Về mặt thi ca, Hoàng Cầm có phần nổi tiếng hơn Tố Hữu: Những bài *Đêm Liên Hoan*, *Tâm Sự Đêm Giao Thừa*, *Bên Kia Sông Đuống*...tuy không được phổ biến rộng rãi trên báo của đảng, nhưng vẫn truyền qua các kênh đại chúng, trở thành những tác phẩm tiêu biểu của thi ca kháng chiến và đã đóng góp tích cực vào việc tuyên truyền cho tinh thần chiến đấu vệ quốc quân.

Thơ Tố Hữu, vì có nhiều câu kêu gọi sự giết chóc (dù là giết "quân thù"): *"Giết giết nữa bàn tay không ngừng nghỉ..."*, lại có những câu ca tụng đảng trơ trên: *"Đảng ta đó trăm tay nghìn mắt"* hoặc *"Đảng ta Mác - Lê nin vĩ đại..."*, hoặc những câu thờ phụng lãnh tụ ngoại lai: *Thờ Mao chủ tịch, thờ Xít- Ta-Lin bất diệt*, đôi khi đi đến chỗ vong bản như: *Xít-ta- lin ! Xít-ta-lin ! Yêu biết mấy, nghe con tập nói. Tiếng đầu lòng con gọi Xít-Ta - Lin...*nên dù Tố Hữu có quyền thế, dù thơ Tố Hữu được học, được tung hô trong hơn nửa thế kỷ, nhưng thơ ông vẫn *không được toàn dân chấp nhận*. Tố Hữu cũng có những câu thơ hay, nhưng chúng bị ngập trong rừng thơ tuyên truyền. Đối với số đông người Việt, Tố Hữu là chủ soái của trường thơ ca tụng bác và đảng.

Hoàng Cầm là nhà thơ đích thực, từ Bắc chí Nam, trước và sau 1954, thơ Hoàng Cầm *được mọi người yêu mến*, bởi thơ ông nói lên tâm sự đớn đau của con người. Hoàng Cầm cũng tuyên truyền, nhưng thường tuyên truyền cho lòng yêu nước, rất ít những câu ca tụng đảng, ca tụng lãnh tụ hay một chủ nghĩa ngoại lai như trường hợp Tố Hữu.

Cho nên, không phải tình cờ mà Nguyễn Hữu Đang, năm 1956, khi ra Nhân Văn số 1, đã nhờ Hoàng Cầm viết bài bênh vực Trần Dần: Bởi trong nền thi ca cách mạng, chỉ Hoàng Cầm mới có đủ tư thế văn học để đương đầu với Tố Hữu lúc bấy giờ.

Trong Nhân Văn-Giai Phẩm, Hoàng Cầm giữ vị trí điều hòa và liên lạc mời những người có “vai vế” như Văn Cao, Phan Khôi...tham gia Phong Trào. Hoàng Cầm cùng với Lê Đạt tổ chức *Giai Phẩm Mùa Xuân*, nhưng thơ ông trong *Giai Phẩm Mùa Xuân* không có tính cách quyết liệt như thơ Văn Cao, không tố giác như thơ Trần Dần và cũng không đòi đổi mới thi ca như thơ Lê Đạt.

Đó cũng là phong cách của Hoàng Cầm: Trung dung, ôn hòa, cũng có thể như ông tự nhận mình là nhát, ít nhất trong những bước đầu. Nhưng khi cần bênh vực Trần Dần, ông đã lên tiếng mạnh mẽ trong bài *Con Người Trần Dần*.

Bài *Mùa Xuân Đến Rồi Đây* của ông nói lên nỗi khổ của người dân trong bảy mươi năm nô lệ, đói khổ, dưới sự thống trị của bọn “địa chủ cường hào ác bá”, nhưng rồi cách mạng thành công, công bằng, ấm no, hạnh phúc trở lại:

*Bảy mươi mùa xuân không xuân
Bảy mươi năm cùng tháng tận
Dòng sông Nhị ơi ! Con cò lặn đận
Bãi ngô dài cát trắng
Lòng sông cuộn nặng
Phủ sa
Nước mắt mẹ con ta
Chảy ra ngoài biển rộng
Réo lên đầu sóng
Đùn đùn mây đen
Mưa lợt mái nhà rách thủng.
Mưa thốc xuống tàu chuối khô
Ướt đẫm manh tải
Mẹ con nằm trong đêm mưa
Nằm trong nước mắt đỏ như máu
Nằm trong nước sông đầy bùn nhơ
Dòng sông Nhị ơi ! Lúa mướt hai bờ
Địa chủ đứng trên đê
Mất ngầu hổ dữ...*

Sau khi duyệt lại những năm tháng tối tăm cùng khổ của con người trong đói khổ, bị đàn áp, Hoàng Cầm ca tụng mùa Xuân trở về (cách mạng thành công), mang lại ấm no, công bằng:

*Dòng sông Nhị ơi ! Mùa Xuân đến rồi đây
Mẹ con được chia: Hai gánh thóc đây
(Mùa Xuân Đến Rồi Đây)*

“*Thơ Qua Đài Phát Thanh*” là một bài thơ “chiêu hồi” gửi “người em” bên kia vĩ tuyến, có những câu rất lãng mạn:

*Tôi tìm Em trên sóng điện bao la
Thơ đã đứng lên, vút đi, cao lớn
Ông nói như môi em chờ đón
Trầm ngâm, ấp một nụ cười
Tôi sung sướng truyền thơ tôi
Cho những Người yêu khắp nước*

Tóm lại, Hoàng Cầm trong *Giai Phẩm Mùa Xuân* mới chỉ thử nghiệm những câu thơ không vần, trong tinh thần tuyên truyền cách mạng, chưa đủ động đến những vấn đề gai góc như tự do tư tưởng, tự do sáng tác, và trong văn bản, chưa có câu nào “bôi đen” chế độ.

Thơ Trần Dần

Trần Dần đưa ra nhân vật kỳ quái trong truyện ngắn *Lão Rông*, một bản nông say rượu bết nhè, nhưng là một “nhà sáng tác”, chuyên làm những bài về phạm thượng, chế giễu, từ bọn sư mô đến lũ tai to mặt lớn trong làng. *Lão Rông* vừa “sáng tác” xong một bài về là đã có bọn con nít lập tức “xuất bản và phát hành”. Cuối cùng lão bị người ta lập mưu đánh chết.

Bài thơ *Nhất Định Thắng* là tác phẩm chính trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm của Trần Dần, phản ánh khá rõ tính cách mâu thuẫn trong tư tưởng tác giả với giọng anh hùng ca. Trần Dần lồng bi kịch cá nhân của mình (yêu người con gái ở Phố Sinh Từ) trong bối cảnh chung của đất nước sau hiệp định Genève:

- Miền Bắc nghèo đói, thất nghiệp “*Anh bước đi không thấy phố không thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*”.

- Miền Nam dưới gót dày của “giặc”: “*Ở miền Nam có tên giặc họ Ngô, tài của hắn là Khuyển Ưng của Mỹ*”.

- Nhưng chúng ta “*Nhất Định Thắng*”, đất nước sẽ thống nhất: “*hàng triệu tâm hồn, đã bỏ miền Nam ra Bắc*”, và “kẻ thù” (nghèo đói, Ngô, Mỹ) sẽ phải thua: “*bọn Mỹ Diệt ôm đầu sợ hãi*”.

- Rồi trời lại xanh: “*Anh bước đi đã thấy phố đã thấy nhà, không thấy mưa sa, chỉ thấy nắng lên, trên màu cờ đỏ*”.

Nhất Định Thắng Như Một Bài Thơ Tuyên Truyền

Đây là đoạn mở đầu:

Tôi ở phố Sinh Từ:

Hai người

Một gian nhà chật.

Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui ?

Tổ Quốc hôm nay

tuy gọi sống hòa bình

Nhưng mới chỉ là năm thứ nhất

Chúng ta còn muôn việc rối tinh...

Chúng ta

Ngày làm việc, đêm thì lo đầy giắc

Vợ con đau thì rối ruột thuốc men

Khi mừng vui-khi chột nhớ-chột quên

Trăm cái bận hàng ngày nhay nhất,

Chúng ta vẫn làm ăn chiu chắt.

Ta biết đâu bên Mỹ Miéc títt mù

Chúng còn đương bày kế hại đời ta ?

Người ta nói thằng Ngô con đĩ

Ở miền Nam có tên giặc họ Ngô

Tài của hắn là: Khuyển Ưng của Mỹ

Bừu bói góm ghê là: một lưỡi đao cùn

Hắn nhay mãi có xẻ đôi Tổ Quốc.

Tác phẩm trình bày cảnh đói khổ của miền Bắc, nhưng thâm ngụ ý Mỹ-Diệm mới là nguồn cơn của mọi đờn đau: “*Em ơi, Em có biết đâu, Ta khổ thế này, Vì sao ? Em biết đâu, Mỹ Miéc, Ngô Nghê gì ?*”. Khi chửi Ngô Đình Diệm, Trần Dần có những câu sất máu, đại loại: “*Hắn thét lên ọc máu mũi máu mồm*”, “*Đất trời sâu / đương vẫy máu / đuổi theo chân hắn. Hắn run sợ - Quỳ xin đã muộn ! / Dù đêm khuya, bóng tối đặc ngầu ngầu / Máu vẫn đỏ / trúng đầu trúng mặt / Tên tội nhân kia ! / Lịch sử vang tên mày !*”

Bài thơ kết thúc có hậu: “*Em có thấy bay trên trời xanh / Hàng triệu tâm hồn / Họ đã bỏ miền Nam ra Bắc ! / Chúng đem súng mà ngăn / Đem giầy mà trói ! / Giữ*

thân người không giữ được nhân tâm / Người Nam gửi tâm hồn ra Bắc cả / Bọn Mỹ Diệm ôm đầu sợ hãi / Đổ lên chúng nó / Mây đen / lửa loạn / bão thù”.

Và khi “ta” đã toàn thắng: *“Anh bước đi / đã thấy phố thấy nhà / Không thấy mưa sa / Chỉ thấy nắng lên / trên màu cờ đỏ”.* Người dân Phố Sinh Từ đóng cửa xuống đường đi mít tinh: *“Vung cờ đỏ hát hò vỡ phôi”.*

Đó là một bài anh hùng ca theo đường lối thơ cách mạng, có nhiều câu tuyên truyền theo thông tin nhà nước. Thực ra, tháng 4.1955, khi Trần Dần viết bài *Nhất Định Thắng*, người Mỹ chưa vào miền Nam. Ngô Đình Diệm mới về, chỉ là Thủ Tướng, đang lo dẹp Bình Xuyên, Hòa Hảo, chưa thật sự nắm quyền và có chính sách chống cộng triệt để như sau này. Ngày 23.10.1955, Ngô Đình Diệm mới tổ chức cuộc trưng cầu dân ý “truất phế” Bảo Đại.

Cho nên khi Hoài Thanh viết: *“Toàn bài của Trần Dần toát ra một sự hẳn học sâu sắc đối với chế độ tươi sáng ở miền Bắc, đối với sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, thống nhất của nhân dân ta. Tôi không kết luận về người. Tôi chỉ căn cứ vào bài văn. Tự nó, bài “Nhất Định Thắng” trong lời và chữ của nó, chứa đựng những tư tưởng phản động, đứng về phía địch chống lại nhân dân ta, chống lại cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Trong nền văn nghệ chúng ta đầy tin tưởng ở hiện tại và tương lai của chế độ, của dân tộc, bài “Nhất Định Thắng” của Trần Dần thật đúng như lời đồng chí Nguyễn Tuân nói, là một thứ mụn lở trên một cơ thể lành mạnh”.* (Hoài Thanh, *Vạch trần chất phản động của bài Nhất Định Thắng của Trần Dần*, Báo Văn Nghệ, Hà Nội, số 110 (1.3.1956), Lại Nguyên Ân sưu tầm). Viết như vậy, Hoài Thanh không còn đứng ở cương vị một nhà phê bình đứng đắn dựa trên văn bản để xét mà ông đã xuyên tạc, hoặc nói ngược lại ý nghĩa trong bài thơ của Trần Dần.

Nhưng tại sao Trần Dần cũng lại viết:

“Bài Nhất Định Thắng sinh ra trong cái nôi những tư tưởng chống đối như thế. Dưới chiêu bài “phát hiện mâu thuẫn xã hội”, “chống công thức, tìm cái mới”, bài Nhất Định Thắng bôi đen miền Bắc. Thất nghiệp hàng ế, đi Nam, hai năm không thống nhất được v.v... và cái điệp khúc “mưa sa trên màu cờ đỏ” nó nhấn mạnh: “Đảng là nguyên nhân của cái xã hội thê thảm này”. Những sự quy kết khác ép cho địch, thực chất chỉ là chiêu bài. Có những câu đã kích cán bộ chính trị “nhà chính trị lấm mư trong bụng” về sau in xóa đi. Bài Nhất Định Thắng là một cuộc đánh thẳng vào tư tưởng của đảng, trắng trợn và hung hăng”. (Trần Dần, *Những Lời Thú Nhận Bước Đầu*, Văn Nghệ, số 12, tháng 5.1958, trang 60).

“Thú Nhận” như thế tức là tức là hoàn toàn nhận lỗi chống chế độ về mình. Mà thực tế văn bản đâu phải thế ? Tại sao ? Vậy có thể hiểu là, ở thời điểm 1958, trong bối cảnh trù dập của lớp học Thái Hà, Trần Dần đã phải Thú Nhận tất cả mọi “tội”, kể cả những tội không phải của mình, ví dụ như *“phát hiện mâu thuẫn xã hội”, “chống công thức, tìm cái mới”* là “tội” của Lê Đạt. Những lời thơ trong *Nhất Định Thắng* chưa thể gọi *“là một cuộc đánh thẳng vào tư tưởng của đảng, trắng trợn và hung hăng”* như Trần Dần đã (phải) xác nhận.

Vì vậy, chúng ta nên thận trọng khi tìm hiểu hiện tượng những thành viên trong Nhân Văn-Giai Phẩm, người này tố cáo người kia, trong không khí thanh trừng này, kể cả việc phải tố cáo chính mình.

Tóm lại xung quanh bài *Nhất Định Thắng* có ba vấn đề:

- Tính cách mâu thuẫn trong tư tưởng Trần Dần
- Việc bắt buộc phải nhận tội dưới áp lực cách mạng.
- Bị kích Trần Dần.

Nhất Định Thắng Như Một Tác Phẩm Văn Học

Nhất Định Thắng trước hết là một bài thơ tuyên truyền, nhiều câu khẩu hiệu, có lẽ vì thế mà cả Hoàng Cầm lẫn Phan Khôi (hai người cực lực bên vực Trần Dần) đều không cho *Nhất Định Thắng* là một bài thơ hay.

Nhưng nếu cắt những đoạn tuyên truyền máu mê thô thiển đi, như Hoàng Văn Chí đã làm thì bài *Nhất Định Thắng* trở thành một tác phẩm văn học giá trị. Bởi khi đem bị kịch riêng lòng vào lịch sử, Trần Dần đã có những câu thơ thật xúc động:

*Tôi ở phố Sinh Từ
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ
Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về
- Anh ạ!
họ vẫn bảo chờ...
Tôi không gắng hỏi, nói gì ư?
Trời mưa, trời mưa
Ba tháng rồi
Em đợi
Sống bằng tương lai
Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi
Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã...
Em đi
trong mưa
cúi đầu
nghiêng vai
Người con gái mới mười chín tuổi*

Khi nói đến tình trạng thất nghiệp ở miền Bắc, Trần Dần có những hình ảnh thơ mộng và nhúc nhối:

*Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về
- Anh ạ.
Họ vẫn bảo chờ...
Tôi không gắng hỏi, nói gì ư?
Trời mưa, trời mưa
Ba tháng rồi
Em đợi
Sống bằng tương lai
Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi
Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã...
Em đi
trong mưa
cúi đầu
nghiêng vai
Người con gái mới mười chín tuổi.*

Nói đến nghịch cảnh chia đôi đất nước, Trần Dần có những lời lẽ thiết tha, đòi đoạn:

*Tôi đã sống rã rời cân não
Quãng thời gian nhưng nhức chuyện đi Nam
Những cơn mưa rơi mãi tối sầm
Họ lếch thếch ôm nhau đi từng mảng*

....
*Tôi nức nở giữa trời mưa bão.
Họ vẫn ra đi.*

- Nhưng sao bước rã rời ?

Sao họ khóc ?

Họ có gì thất vọng ?

Đất níu chân đi,

gió cân áo bay về

Xa đất Bắc tưởng như rời cõi sống

...
*Trời vẫn quật muôn vàn tầng gió
Bắc Nam ơi, đứt ruột chia đôi
Tôi cúi xuống - Quỳ xin mưa bão
Chớ đổ thêm lên đầu họ
Khổ nhiều rồi !*

Chính những câu thơ này đã khiến bài *Nhất Định Thắng* sống mãi trong lòng người dân miền Nam.

Toàn bài phản ánh những suy nghĩ của Trần Dần về tình hình đất nước năm 1955, những suy nghĩ này thường mâu thuẫn nhau: Vừa nói lên cái khổ của người dân miền Bắc dưới chế độ cộng sản: *Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà...* nhưng lại mong miền Bắc thắng trong cuộc thống nhất đất nước. Hoặc nói về màu cờ: Trần Dần vừa thấy *"mưa sa trên màu cờ đỏ"*, nhưng lại cũng thấy *"nắng lên đỏ phố đỏ cờ"*, *"cờ bay đỏ phố đỏ nhà"*, và có lúc *"cầm cờ đỏ hét hò vỡ ngực"*.

Phần dở là những câu, những đoạn tuyên truyền khơi gợi căm thù, kiểu: *"Hôm nay hàng triệu mối thù sâu / tới đập cửa lão già Ngô đòi mạng / Vung đao cùn chém phải quãng trời không"*.

Phần hay là những đoạn thơ nhân bản, nói lên những đau đớn xót xa của người dân đói khổ, thất nghiệp, ở Bắc, của người dân lìa bỏ quê cha đất tổ, trong Nam, và tác giả mong một ngày sẽ có hiệp thương, thống nhất đất nước, để hai miền cùng đọc tác phẩm của mình, và như thế độc giả sẽ tăng lên gấp bội.

Hoàng Văn Chí khi in bài *Nhất Định Thắng* trong *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc*, đã cắt những câu, đoạn, những lời sát máu, oán thù, khiến bài thơ hay hơn, nhân bản hơn. Nhưng việc cắt xén này làm thay đổi ý nghĩa của bài thơ và lập trường chính trị của Trần Dần năm 1956, làm cho *Nhất Định Thắng* trở thành một tác phẩm chống cộng, được chính quyền miền Nam trưng dụng như một biểu tượng "tố cộng". Và chính quyền miền Bắc dựa vào đó để buộc tội Trần Dần. Bi kịch của nhà thơ là tác phẩm của ông, đã bị/được, bên này, bên kia gán cho những ý nghĩa không có trong văn bản, đem trưng dụng để tung hô hay buộc tội.

Độc giả miền Bắc, năm 1956, theo lời Lê Đạt, khi đọc *Nhất Định Thắng*, cũng chỉ giữ lại những câu hay nhất: *"Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ"*. Bởi nó đã nói lên được tâm sự của con người sống dưới chế độ cộng sản. Hậu thế sẽ nhớ đến Trần Dần qua hai câu thơ kiệt tác đó.

Văn Cao và Lê Đạt: Tác giả đích thực "có vấn đề"

Hai tác giả đích thực “có vấn đề” phải là Văn Cao và Lê Đạt, bởi họ đã nói đến thực chất của chế độ, đòi quyền tự do tư tưởng, tự do sáng tác, và chủ trương đổi mới văn học trên *Giai Phẩm Mùa Xuân*.

Thơ Văn Cao

Với bài *Anh Có Nghe Thấy Không* Văn Cao nói đến sự bế quan tỏa cảng tinh thần trong chế độ cộng sản, đến khát vọng tự do của con người:

*Cửa đóng lại từ chín giờ
Không một cuốn sách chờ đợi
Dù những ngôi sao đang nở trên trời
Dù đêm mùa xuân bắt đầu trở lại*

*Tất cả hướng về biển
Bọt cứ tan trên bãi cát xa
Mà cửa bể vẫn im lìm chưa mở*

*Bao giờ nghe được bản tình ca
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật
Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả*

*Những con người không phải của chúng ta
Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống*

*Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bề cổ bẻ chân đeo tội ác cho người*

*Chúng nó còn ở lại
Trong những tủ sách gia đình
Ở điều thuốc trên môi những em bé mười lăm
Từng bước chân các cô gái
Từng con đường từng bãi cỏ từng bóng tối
Mắt quàng thâm còn nhớ mãi đêm*

*Chúng nó còn ở lại
Trong những tuổi bốn mươi
Đang đi vào cuộc sống
Như nấm mọc trên những thân gỗ mục
Người bán giấy cũ
Đã hết những trang tiểu thuyết ế
Những trang báo ngày xưa
Đang bán đến những trang sách mới
Những bài thơ mới nhất của anh*

*Anh muốn giơ tay lên mặt trời
Để vui da mình hồng hồng sắc máu
Mấy năm một điệu sáo
Như giọng máy nước thâu đêm chảy*

Chung quanh còn những người khôn ngoan

*Không có mồm
Mắt không bao giờ nhìn thẳng
(...)
Bây giờ không còn những tiếng nổ to
Nhưng còn những tiếng rạn vỡ
Có thể thu hết những khẩu súng phản động
Nhưng vẫn còn
Những khẩu súng đưa người tự tử.*

*Anh có nghe thấy không
Chỗ nào cũng có tiếng
Chưa nói lên*

*Những người của chúng ta
Đang mờ mờ xuất hiện
Le lói hy vọng
Trên những cánh đồng lầy*

*Nghìn năm cũ phủ mất nhiều giá trị
Đốt nghìn kinh chưa thấp sáng cuộc đời*

*Vào một cuộc đấu tranh mới
Với những người không phải của chúng ta
Anh có nghe thấy không*

*Vào một cuộc đấu tranh mới
Để mở tung các cánh cửa sổ
Mở tung các cửa bể
Và tung ra hàng loạt hàng loạt
Những con người thật của chúng ta*

Giọng thơ Văn Cao nhẹ nhàng, nhưng ý thơ rất quyết liệt: Đòi tự do, lên án sự bùng bít của chế độ và kêu gọi mọi người đứng dậy tranh đấu đến cùng. Những lời đầu, Văn Cao mở vào không gian kín mít, không gian ngột thở sau khi cách mạng thành công:

*Cửa đóng lại từ chín giờ
Không một cuốn sách chờ đợi
Dù những ngôi sao đang nở trên trời
Dù đêm mùa Xuân bắt đầu trở lại*

Đó là thứ không khí thiết quân luật. Cửa đóng. Không có sách hay không còn sách. Mặc dù sao (vàng) lấp lánh trên trời. Mặc dù mùa xuân đã đến. Mọi con mắt hướng ra biển (về phía tự do), nhưng cửa biển vẫn im ỉm đóng:

*Tất cả hướng về biển
Bọt cứ tan trên bãi cát xa
Mà cửa bể vẫn im lìm chưa mở*

Vẫn giọng ôn hoà, nhưng không kém phần khắc nghiệt, Văn Cao trở thẳng vào bọn gian thần, bọn đốt nát, bọn kim kẹp Văn Hóa tư tưởng, mắng và đui, khi nào “chúng nó” còn đây thì:

*Bao giờ nghe được bản tình ca
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật
Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả*

Chúng nó là ai ?
Nhà thơ trả lời
-Chúng là:
*Những con người không phải của chúng ta
Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống*

*Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bê cổ bê chân đeo tội ác cho người.*

"Chúng nó", bọn áo thụng, len lỏi khắp nơi, từ trong tủ sách gia đình đến điều thuốc trên môi đứa bé mười lăm, quần trong bước chân người con gái. "Chúng nó" nấp trong mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp xã hội, "chúng nó" trà trộn vào đời sống hàng ngày, làm ô uế không gian, lũng đoạn thời gian. Sách cũ, sách mới đem bán cân giấy lộn, đến cả những bài thơ mới nhất của anh. Những kẻ "khôn ngoan" thì ngậm miệng "mắt không bao giờ nhìn thẳng".

Nhưng Anh người nghệ sĩ tự do, Anh có nghe thấy không ? Bọn chúng đã "đốt nghìn kinh chưa thắp sáng cuộc đời". Còn Anh, anh phải bước vào cuộc đấu tranh mới: Mở tung các cửa bể, và anh phải tung ra những con người thật của chúng ta, để thay thế "chúng nó", những con người giả.

Thơ Văn Cao là nỗ lực trầm lặng của một nghệ sĩ bị giam hãm tư tưởng, của một kẻ sĩ can trường hạch tội gian thần. Giọng nhẹ nhàng nhưng tha thiết kêu gọi mọi người đứng lên đấu tranh cho tự do tư tưởng. Văn Cao là một nghệ sĩ và cũng là một kẻ sĩ.

Nhưng lạ lùng là cả triều đình và bọn nịnh thần không ai dám động đến Văn Cao. Chẳng lẽ họ không hiểu ? Kể cả những người làm chữ như Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi ?

Dĩ nhiên là họ hiểu. Nhưng bởi Văn Cao là một tài năng lớn, trên tất cả "chúng nó" và Văn Cao là tác giả quốc ca. Chính bài quốc ca đã đỡ đòn cho Văn Cao trong toàn bộ hành trình Nhân Văn-Giai Phẩm.

Thơ Lê Đạt

Lê Đạt là nhà thơ trẻ chưa có tên tuổi gì khi chủ trương *Giai Phẩm Mùa Xuân*, nhưng đường lối tranh đấu của Lê Đạt đã rõ ràng qua hai bài: *Làm thơ và Mối*.

Bài *Làm thơ* nói lên tâm trạng và hoài bão của một nhà thơ trẻ, trước tình thế đất nước:

*Đêm khuya
Bóng đầu anh
Hắn lên trang sách nhỏ
Như bóng hàng cây
quặn gió
Lắng xuống mặt đường*

*Giông bão mênh mông
Anh nhìn Tổ quốc
Đất nước đêm nay trĩu đầu ngòi bút*

*Hàng vạn vần thơ mang nặng tình người
Anh nghe tiếng đất trời
Xao động lùm cây ngọn cỏ
Như hiệu thính viên
Đêm không ngủ
Ghi những lời cuộc sống
điện về
Những tiếng nặng nề
Những tiếng cục cằn uất ức
Những tiếng căm thù chua xót
Những tiếng yêu thương*

Lê Đạt tự coi mình như một *hiệu thính viên* lắng nghe tất cả những *tiếng* đau thương do người đồng loại *điện về* và thầm kín nói lên tham vọng “*Anh nghe tiếng đất trời*” của một “lãnh tụ”. Năm 1956, với những câu thơ:

*Ghi những lời cuộc sống
điện về.*

Hoặc:

*Óc anh là một công trường
Mỗi dòng thơ là một cây số mới.*

Hoặc:

*Một tiếng súng tương lai
Nổ vào đầu dĩ vãng*

Lê Đạt đã trở thành người đầu tiên *làm thơ hiện đại* ở miền Bắc, đã thực sự đưa ra cách suy nghĩ, cách tạo hình và kiến trúc tư tưởng rất mới (Trước đó có Nguyễn đình Thi, bài *Đất nước*, nhưng thơ Nguyễn đình Thi vẫn còn nằm trong không gian lãng mạn).

Lê Đạt còn là người đầu tiên đặt vấn đề *nhà văn dấn thân* (écrivain engagé), nhà văn không thể làm ngơ trước những khó khăn của dân tộc, của con người và của cuộc sống. Sự dấn thân này, do tự thân Lê Đạt, không do ảnh hưởng của Sartre, vì năm 56, Lê Đạt chưa đọc Sartre và cả sau này ông cũng không mấy chú ý đến tư tưởng của Sartre.

Tóm lại, Lê Đạt là người có hoài bão chính trị cho dân tộc ngay từ những bước thơ đầu, khác hẳn với Trần Dần là nhà thơ “nổi loạn” chống lại mọi áp bức bó buộc bản thân, nhưng không có mục đích tranh đấu chính trị cho quốc gia dân tộc.

Lê Đạt xác định một lần nữa, bản chất và nhiệm vụ của một nhà thơ dấn thân, phải đi vào cuộc sống, phải tìm cách thay đổi xã hội, xây dựng lại con người:

*Người làm thơ nắng mưa thiêu đốt
Ăn nằm với cuộc đời
Thai nghén đất trời
Sinh ra sự sống
Năng tâm tư của trăm ngàn quần chúng
Đau xót hơn bao nhiêu
Em ơi !
Anh thức thâu đêm suốt sáng
Mọi óc làm thơ
Mọi tim làm thơ
Như người thợ
Chui xuống lòng hầm mỏ
Mọi than mọi lửa
Đốt sáng cuộc đời*

Anh muốn đảng gọi anh đến nơi
Hội ý về cuộc sống
Điều động anh vào Bộ Tâm hồn quần chúng
Giúp Trung ương
Xây dựng
Những con người
Từng từng giọt mồ hôi
Đắm bản đồ chính sách
Anh mở lối giữa cuộc đời góc ngách
Óc anh là một công trường
Mỗi dòng thơ là một cây số mới
Trên con đường đi tới
Xã hội
Ngày mai
Một tiếng súng tương lai
Nổ vào đầu dĩ vãng
Anh vác bút đi theo đảng
Xông lên hàng đầu

Năm 1956, khi chủ trương *Giai Phẩm Mùa Xuân*, Lê Đạt vẫn còn làm việc ở tuyên huấn, cạnh những cột trụ Trường Chinh, Tố Hữu. Lê Đạt chưa thể tách rời khỏi đảng. Đoạn kết bài *Làm thơ* có những câu tỏ ý vẫn tin tưởng vào đảng, một đảng sẽ lãnh mạnh hơn, biết đặt văn nghệ sĩ vào những vị trí xứng đáng để họ có thể nhả tơ xây dựng lại đời sống con người. Đó là một chiến lược của nhà chính trị Lê Đạt, hay là niềm tin tưởng thật của nhà thơ Lê Đạt. Khó biết được.

Tố Hữu nhìn thấy những “nguy cơ” trong bài thơ thứ nhì của Lê Đạt, bài *Mới*, như một lời tố cáo, mạnh mẽ và quyết liệt của lớp đảng viên trẻ, muốn đổi mới văn học, muốn “*đập cánh bay lên*”, muốn chống lại “*bao nhiêu gông xiềng tập quán / cột lầy bước chân*”, muốn chống lại những thành phần kỳ cựu đã sống quá lâu, trở thành những *ông bình vôi*, khép kín trong công thức, bị xoắn dây vào mũi:

Tôi mới hai mươi lăm tuổi
Chung quanh tôi bao cuộc đời mệt mỏi
Thất bại cú đầu
Công thức xoắn giây vào mũi

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một chiếc bình vôi
Càng sống càng tòi
Càng sống càng bé lại

Tôi đã sống rất nhiều ngày thảm bại
Khôn ngoan không dám làm người
Bao nhiêu lần tôi không thực là tôi

Nhà thơ nhìn quanh: Một xã hội “*công thức giả tạo*”, với những *ông bình vôi* hủ lậu kéo dài cuộc sống và nhìn lại chính mình, còn trẻ, nhưng đã tự đánh mất mình, vì khôn ngoan, nên *không dám làm người* ! Cuối cùng nhà thơ mạnh dạn đứng lên hô hào đổi mới toàn diện thi ca xã hội và con người:

Mới Mới !
Luôn luôn Mới
Bay cho cao
Bay cho xa

*Trên những vết già nua cũ kỹ
Trên lều đường han rỉ
Vượt ngày hôm nay
Vượt ngày mai, ngày kia,
Vượt mãi*

Tố Hữu khó chịu nhất những câu thơ trên đây, có thể coi là bản tuyên ngôn, là lời kêu gọi của Lê Đạt cho một *đường hướng sáng tác mới* vượt trên lối mòn cũ của các bậc đàn anh Tố Hữu, Xuân Diệu. Thấy sự nghiệp thi ca cách mạng của mình có thể bị chao đảo, sẵn quyền uy trong tay, Tố Hữu đã thẳng tay triệt hạ mầm mống nổi loạn, đòi thay đổi cục diện văn nghệ, đòi “chôn đàn anh” của ngòi bút trẻ Lê Đạt.

Giai Phẩm Mùa Xuân là tác phẩm đầu tiên ở miền Bắc chủ trương đổi mới thi ca, tự do sáng tác, với những khuynh hướng khác nhau: Thơ tuyên truyền theo đường lối cách mạng của Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Phùng Quán... Thơ nói lên tình hình nghèo khổ thất nghiệp ở Bắc và tố cáo tội ác Mỹ Diệm trong Nam của Trần Dần. Thơ đòi tự do tư tưởng và chữ bợn nịnh thần của Văn Cao. Thơ xây dựng một xã hội mới, một nền thơ mới của Lê Đạt.

Bài thơ quyết liệt nhất là của Văn Cao. Nhưng không ai dám đánh Văn Cao. Tất cả mũi dùi đổ vào Trần Dần và Lê Đạt, hai nhà thơ trẻ chưa nổi tiếng. Và chính vì vụ đánh Trần Dần và Lê Đạt mà trí thức tham gia.

Lúc đầu trí thức chưa tham gia, nhưng vì vụ đánh Trần Dần, Lê Đạt mà Phan Khôi trở lại vai “ngự sử văn đàn” với bài *Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ*. Bài tham luận của Nguyễn Hữu Đang đọc trước lớp học 18 ngày và bài *Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ* của Phan Khôi là hai tác phẩm chủ chốt, đã thuyết phục Trương Tửu và những nhà trí thức khác tham gia tích cực, tạo nên một Phong Trào rộng lớn: Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

PHẦN IV

NGUYÊN NHÂN ĐƯA ĐẾN CUỘC CÁCH MẠNG MÙA THU CỦA TƯ TƯỞNG

Trường Chinh là người soạn thảo bản Đề Cương Văn Hóa Việt Nam. Đây là văn bản chính thức xác định đường lối văn hóa văn nghệ mác-xít. Văn bản này là đầu mối trách nhiệm tình trạng suy đồi của văn hóa văn nghệ Việt Nam: Bắt buộc sáng tác và phê bình phải theo con đường duy nhất là tuyên truyền và phục vụ sự lãnh đạo độc tôn của đảng cộng sản. Triệt hạ những đường hướng tư tưởng khác. Triệt hạ những tài năng có tư tưởng tự do. Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm chống lại chính sách văn hóa văn nghệ của đảng cộng sản.

Từ Mùa Xuân 1956 Sang Mùa Thu 1956

Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm chia làm hai giai đoạn: *Giai đoạn I* gắn bó với *Giai Phẩm Mùa Xuân* và *giai đoạn II* gồm toàn bộ những tờ báo phát hành từ tháng 8.1956 đến tháng 12.56.

Giai đoạn I có thể tóm tắt như sau:

Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời cuối tháng 1.1956. Hơn một tuần sau, nhiều sự kiện quan trọng liên tiếp xảy ra:

- 28 Tết Nguyên đán: Tố Hữu sai người tìm gọi Lê Đạt lên tuyên huấn.
- 4 Tết: Trần Dần và Tử Phác bị bắt tại Yên Viên, nơi đang học tập Cải Cách Ruộng Đất.
- 5 Tết: Lê Đạt ăn Tết xong mới lên trình diện Tố Hữu. Bị giữ lại kiểm thảo 15 ngày.

- Trần Dần, sau ba ngày bị giam dưới một căn hầm, dùng dao cạo cửa cổ, được đưa đến bệnh viện. Tại đây, ngày 21.2.56 Trần Dần viết một lá thư dài cho Đại

Tướng Nguyễn chí Thanh. Tướng Thanh can thiệp, Trần Dần, Tử Phác được tha ngày 5.5.56.

Trong tháng 2.56, một “hội nghị lớn” luận tội Trần Dần (vắng mặt) được tổ chức. Chiến dịch đánh Trần Dần bắt đầu ngày 7.3.1956 với bài viết của Hoài Thanh trên báo Văn Nghệ số 110.

Giai đoạn II bắt nguồn từ những biến cố lớn trong các nước cộng sản và trong nội bộ của đảng cộng sản Việt Nam:

Ngày 24.2.1956, tại đại hội XX của đảng cộng sản Liên Xô: Khrouchtchev đọc bản tường trình mật về tội ác của Staline. Ngày 26.5.1956, Mao Trạch Đông phát động Phong Trào “*Trăm Hoa Đua Nở, Trăm Nhà Đua Tiếng*”. Ngày 28.6.1956, Ba Lan nổi dậy.

Những biến cố trên đây ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình Việt Nam: Theo đường lối của Liên Xô và Trung Quốc, đảng lao động mở rộng chính sách học tập tự do dân chủ.

Một mặt khác, trong nội bộ đảng cũng đang có những bất ổn chính trị:

Trong hội nghị lần thứ 10 của ban chấp hành trung ương đảng (họp từ ngày 25.8.56 đến 24.9.56), Trường Chinh bị “nghiêm khắc kiểm điểm sai lầm” trong công tác Cải Cách Ruộng Đất, phải tự kiểm thảo và xin từ chức. Hoàng quốc Việt và Lê văn Lương, bị loại ra khỏi bộ chính trị, Hồ viết Thắng ra khỏi ban chấp hành trung ương đảng. Hồ chí Minh kiêm nhiệm hai chức chủ tịch đảng và tổng bí thư từ (9.1956 đến 9.1960). Sau đó là thời kỳ Lê Duẩn làm tổng Bí thư (9.1960 đến 7.1986), xảy ra vụ Xét Lại Chống Đảng.

Vụ Nhân Văn-Giai Phẩm xảy ra dưới thời Hồ chí Minh làm chủ tịch đảng kiêm tổng bí thư.

Vậy ai là người trách nhiệm chính ?

Ai trách nhiệm vụ Nhân Văn-Giai Phẩm ?

Trả lời câu hỏi chủ tịch Hồ chí Minh có trách nhiệm như thế nào về vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, Nguyễn Hữu Đang tuyên bố: *“Cái việc mà người ta cứ nói là việc họ việc kia là người dưới làm chứ họ không biết, họ không thực tiến làm, đó là một cách nói không đúng sự thật. Người ta thấy việc gì mà có dư luận kêu ca, thắc mắc thì không muốn để cái kêu ca thắc mắc đó hướng vào vị lãnh tụ mà người ta suy tôn tuyệt đối. Có thể nói là người ta thần thánh hóa họ. Vì cái lý do nó là như thế. Thực chất thì họ không phải là người bị vô hiệu hóa trong bộ máy lãnh đạo của đảng và của dân tộc. Họ lúc nào cũng là người có đầy đủ quyền hành, lúc nào họ cũng sáng suốt, linh lợi, lúc nào họ cũng có uy tín với dân và cũng có quyền đối với các đồng chí trong đảng, đối với những người lãnh đạo khác. Chắc bà cũng biết rằng những vị lãnh đạo khác của đảng, đối với họ là học trò chứ không phải như ở các đảng cộng sản khác đâu. Cho nên uy tín của họ, quyền hành của họ bao giờ cũng rất vững, họ biết hết cả, và việc đó họ cũng đồng tình làm.*

Có thể nói tóm một câu là cho đến mấy năm sau cùng, vì họ yếu họ ít chăm nom công việc, họ khoán cho bộ chính trị, họ ít can thiệp trực tiếp, chứ còn trước đó thì bất cứ việc gì cũng là trong phạm vi chỉ đạo của họ cả. Hay cũng ở họ, dở cũng ở họ. Họ phải gánh trách nhiệm đó, điều đó rõ ràng.

Có khi nào một lãnh tụ tối cao đối với dân tộc, lãnh tụ tối cao của đảng mà lại không có trách nhiệm về việc họ, việc kia. Điều đó không đúng. Chế độ gọi là “báo cáo thỉnh thị” rất chặt chẽ trong nội bộ đảng cộng sản và trong bộ máy chuyên chính của nhà nước cũng thế, nghiêm ngặt lắm”. (Nguyễn Hữu Đang, trả lời phỏng vấn RFI, ngày 3.9.1995).

Nhận định trên đây của Nguyễn Hữu Đang phù hợp với một số nhận định khác về vai trò của chủ tịch Hồ chí Minh trong đời sống văn hóa văn nghệ:

Hà xuân Trường nói về vai trò của đảng trong “mặt trận văn hóa văn nghệ”:
“Tôi muốn trở lại ý cơ bản này: Buổi đầu cách mạng và kháng chiến, tờ báo đảng đã có sự quan tâm thích đáng đến mặt trận Văn Hóa-Văn Nghệ. (...) Sự đầu tư công sức và tâm huyết của đảng vào mặt trận này là đáng kể: Từ Bác, đến các anh Trường Chinh, Tố Hữu. Cần nhắc thêm vai trò của Bác và các ý kiến của Bác căn dặn giới báo chí và Văn Hóa-Văn Nghệ ngay từ buổi đầu này. Bác thường gửi bài cho báo đảng, trên *Sự Thật* lúc ấy, cũng như trên tờ *Nhân Dân* sau này [Nhân Dân, tiếp tục tờ *Sự Thật*, ra số 1, ngày 11.3.1951] dưới các bút danh ta đã quen thuộc: C.B, X.Y.Z, A.G (chúng tôi thường gọi Anh Già)...Điều đặc biệt là Bác viết rất ngắn và mỗi lần gửi bài cho báo, Bác thường viết luôn một loạt có đánh số thứ tự. Bác dặn anh em chúng tôi là đánh số như thế để cho bạn đọc và cả Bác dễ nhớ, bao giờ gần hết bài thì Bác chỉ cần xem trên báo là Bác biết để Bác kịp viết tiếp, “các chú không cần phải nhắc”. (Hà xuân Trường, *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập II, nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, 1987, trang 44-45).

Và ông xác định vị trí và trách nhiệm của từng người trong cấp lãnh đạo:
“Công tác Văn Hóa-Văn Nghệ lúc bấy giờ nằm trong sự chỉ đạo của tiểu ban tuyên truyền do anh Trường Chinh đứng đầu. Anh Tố Hữu lúc này được trung ương giao trực tiếp tổ chức, chỉ đạo công tác văn nghệ. Tôi là người của tiểu ban tuyên truyền, làm tờ *Sự Thật*, do vậy mà có trách nhiệm liên lạc giữa trung ương và bộ phận Văn Hóa-Văn Nghệ, giữa anh Trường Chinh và anh Tố Hữu. Trách nhiệm chính là làm sao giúp trung ương nắm tình hình văn nghệ, và từ góc độ báo đảng, mà góp phần gọi giúp cho người văn nghệ mạnh dạn đi vào quần chúng, dần dần nắm hiểu đời sống, tham gia công tác cách mạng, và khắc phục từng bước các ảnh hưởng của cách nhìn và thói quen cảm xúc tiểu tư sản...” (Hà xuân Trường, báo đã dẫn, trang 41)

“Anh [tức Trường Chinh] còn cho biết thêm là bản báo cáo [Chủ nghĩa Mác và Văn Hóa Việt Nam] tuy là do anh trực tiếp soạn thảo, nhưng đã được ban thường vụ trung ương thông qua và Bác đã xem và góp ý kiến” (Hà xuân Trường, báo đã dẫn, trang 42).

Hoàng Trung Thông cho biết: “Sau này tôi mới biết cuốn truyện về chiến sĩ thi đua đầu tiên là do Bác Hồ viết để làm mẫu cho những người khác viết theo” (Hoàng trung Thông, *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, Tập I, nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, 1985, trang 191).

Tháng Giêng năm 1956, *Giai Phẩm Mùa Xuân* vừa ló dạng thể hiện tự do sáng tác, đã bị dập tắt ngay. Vậy có thể hiểu là Trường Chinh đã giao cho Tố Hữu, người có tư thù với Hoàng Cầm, Trần Dần và Lê Đạt trong việc phê bình tập thơ Việt Bắc, xử lý vụ *Giai Phẩm Mùa Xuân* theo chỉ thị của Hồ chí Minh.

Trong tháng 8 và 9 năm 1956, có hai sự kiện trùng hợp đáng kể:

Trường Chinh phải từ chức tổng Bí thư. Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm phát triển trở lại.

Quyết định cho phép hội văn nghệ tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày, theo đường lối Liên Xô, trong tháng 8.1956, đến từ ai, nếu không phải là Hồ chí Minh ?

Lớp học này do Nguyễn Hữu Đang phụ trách. Vai trò của Nguyễn Hữu Đang sẽ nổi bật trong lớp học này. Bài tham luận ông đọc ngày 26.8.56 tổng kết lớp học sẽ là cái mốc quan trọng đẩy mạnh tiến trình đòi hỏi tự do dân chủ, việc thành lập báo *Nhân Văn* và tục bản tờ *Giai Phẩm*, tạo nên cuộc *Cách mạng mùa thu của tư tưởng*.

Tháng 10.56 Hungary nổi dậy. Tháng 11.56 xe tăng Xô Viết tiến vào Budapest.

Ngày 9.12.1956 Hồ chí Minh ký sắc lệnh báo chí. Đóng cửa Nhân Văn.

Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm bị dập tắt lần thứ nhì, tháng 12.56.

Tháng 2.57 trong đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, họp từ 20 đến 28.2 tại Hà Nội, Trường Chinh kêu gọi đấu tranh “đập nát âm mưu phản động” của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm.

Cuối năm 57: Mao Trạch Đông hạ lệnh đánh phái hữu. Huy Cận và Hà Xuân Trường được cử đi học tập chính sách của Trung Quốc. Khi họ trở về, tháng 2.58 việc thanh trừng Nhân Văn-Giai Phẩm được tổ chức quy mô và toàn diện trong hai lớp đấu tranh Thái Hà.

Lần này nữa, trách nhiệm hẳn cũng đến từ từng cao nhất của cấp lãnh đạo: Chủ tịch Hồ chí Minh ?

Khảo sát bị kịch Nhân Văn, chúng ta thấy rõ sự đối lập giữa hai nhân vật: Nguyễn Hữu Đang và Trường Chinh, cả hai đều được Hồ chí Minh tin dùng.

Trường Chinh Là Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản, Còn Nguyễn Hữu Đang Là Ai ?

Tại sao ông lại được Hồ chí Minh giao cho trách nhiệm tổ chức ngày lễ độc lập 2.9.45. Vì bất đồng ý kiến với Trường Chinh, năm 1948, ông đã bỏ đảng. Nhưng sau khi hòa bình lập lại, năm 1954, ông lại được gọi về làm việc và đến tháng 8.56, ông được phép đứng ra tổ chức lớp *học tập dân chủ 18 ngày*.

Phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm chống lại toàn bộ chính sách văn hóa văn nghệ của đảng cộng sản. Vì vậy, chúng ta cần tìm hiểu chính sách văn hóa văn nghệ ấy như thế nào ?

Nói đến đường lối văn hóa văn nghệ của đảng cộng sản là phải nói đến Trường Chinh, vì chính Trường Chinh (chứ không phải Hồ chí Minh) đã viết bản đề cương văn hóa văn nghệ và cũng chính Trường Chinh trực tiếp lãnh đạo văn hóa văn nghệ.

Trường Chinh

Trường Chinh Đặng xuân Khu (1907-1988) là nhà chính trị, nhưng trước tiên, ông là nhà báo, viết văn và làm thơ (bút hiệu Sóng Hồng). 1927, gia nhập *Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đông Chí Hội* (tiền thân của đảng cộng sản). 1940 là chủ bút báo *cờ giải phóng*, cơ quan của xứ ủy Bắc Kỳ. Sau đó làm chủ bút tờ *sự thật*, cơ quan ngôn luận của đảng cộng sản. Từ tháng 5.1941 đến tháng 9.1956, làm tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam [đảng này thành lập tháng 2.1930. Từ tháng 9.1930 đến tháng 11.1945, lấy tên là đảng cộng sản Đông Dương (theo chỉ thị của quốc tế cộng sản). Tháng 11.1945 đảng “tự giải thể”, rút vào bí mật. 1951, đảng công khai trở lại với tên lao động và đến năm 1976, mới chính thức lấy tên là đảng cộng sản Việt Nam]

Hà xuân Trường kể lại: “*Đảng lúc bấy giờ, sau khi tuyên bố “tự giải tán”, để chuyển thành hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương* (ngày 11.11.1945). *Anh Trường Chinh lúc bấy giờ là tổng bí thư đảng, trưởng tiểu ban tuyên truyền của trung ương, kiêm chủ bút (tức tổng biên tập) tờ sự thật*” (số 1, ra ngày 5.12.1945 ở Hà Nội) (Hà xuân Trường, *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập II, trang 31).

Đảng trải qua hai biến cố quan trọng: Ngày 2.9.1945: Tuyên ngôn độc lập. Hơn hai tháng sau, ngày 11.11.1945, Đảng tuyên bố “tự giải tán”, đổi tên thành *Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương*. Đó là chiến thuật chính trị của Hồ chí Minh: Chính phủ lâm thời tạm giấu cái gốc quốc tế cộng sản, lấy danh nghĩa *Mặt Trận Việt Minh* để tập hợp mọi thành phần dân tộc cả quốc gia lẫn cộng sản trong công cuộc kháng chiến chống Pháp.

Nguyễn Hữu Đang cho biết: “*Vai trò của Hồ chủ tịch rất quan trọng. Cụ có thành lập Mặt Trận Việt Minh thì mới có cách mạng tháng Tám. Nếu đảng cộng sản đứng ra vận động cuộc cách mạng tháng Tám, tôi tin là không được kết quả như là Mặt Trận Việt Minh, đó là một mặt trận gồm nhiều thành phần, nhiều tầng lớp tham*

gia cho nên phát triển mạnh, được nhân dân ta hưởng ứng hơn chứ còn nếu đảng cộng sản đứng ra thì vẫn bị hạn chế đấy”.

“Đảng cộng sản lúc bấy giờ có 5000 người chứ ăn thua gì đâu”. (Nguyễn Hữu Đang, trả lời phỏng vấn RFI)

Về mặt thực tế, đảng cộng sản vẫn lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trường Chinh là người thảo đề cương, vạch rõ đường lối văn hóa và văn nghệ Mác-xít của đảng cộng sản Việt Nam qua hai văn bản quan trọng: “Đề Cương Văn Hóa Việt Nam” (1943) và chủ nghĩa Mác và Văn Hóa Việt Nam đọc tại đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ nhì, ở Việt Bắc, ngày 19.7.1948.

Tầm quan trọng và ảnh hưởng của hai văn bản này trong đời sống văn hóa văn nghệ Việt Nam dưới chế độ cộng sản, được Hà xuân Trường so sánh với lập thuyết của Mao: “Chúng ta chỉ cần nghiên cứu Đề Cương Văn Hóa Việt Nam năm 1943, báo cáo chủ nghĩa Mác và Văn Hóa Việt Nam năm 1948 của đồng chí Trường Chinh, và so sánh những văn kiện đó với phần “Văn hóa dân chủ mới” và “Tọa đàm văn nghệ ở Diên An” của Mao Trạch Đông thì rõ ràng khác nhau lắm, khác từ gốc, khác từ mục tiêu đến phương pháp nhận thức”.

(Hà xuân Trường, báo đã dẫn, trang 46).

Như vậy, Trường Chinh là người được Hồ chí Minh giao cho trọng trách khai thảo đường lối văn học mác-xít của đảng cộng sản Việt Nam. Trường Chinh chính là người khai sinh và chỉ đạo chính sách văn hóa văn nghệ kháng chiến. Tố Hữu, trách nhiệm phần lãnh đạo văn nghệ:

“Công tác Văn Hóa-Văn Nghệ lúc bấy giờ nằm trong sự chỉ đạo của tiểu ban tuyên truyền do anh Trường Chinh đứng đầu. Anh Tố Hữu lúc này được trung ương giao trực tiếp tổ chức, chỉ đạo công tác văn nghệ” (Hà xuân Trường, báo đã dẫn, trang 41)

Vai trò của Trường Chinh trong giai đoạn đầu cách mạng được xác định như sau:

“1943, ông đã chỉ đạo việc thành lập hội văn hóa cứu quốc, tổ chức văn nghệ cách mạng đầu tiên ở Việt Nam, và là người soạn thảo “Đề Cương Văn Hóa Việt Nam” (Nguyễn hoàng Khung, Từ Điển Văn Học).

Bản Đề cương Văn Hóa Việt Nam

Bản Đề Cương Văn Hóa Việt Nam có 5 phần chính:

- 1- Cách đặt vấn đề.
- 2- Phân đoạn Văn Hóa Việt Nam.
- 3- Những nguy cơ Văn Hóa dưới ách phát-xít Nhật Pháp.
- 4- Xác định Văn Hóa cách mạng Việt Nam.
- 5- Nhiệm vụ của các nhà Văn Hóa mác-xít Việt Nam.

[in trong Tiên Phong số 1, ra ngày 10.11.45, và in lại trong *Sưu tập trọn bộ Tiên Phong 1945-1946* của Lại Nguyên Ân, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, 1996]

Phần đầu, Trường Chinh giới hạn lãnh vực của Văn Hóa: “Văn Hóa bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật”. Và xác định sự lãnh đạo của đảng: “đảng tiên phong phải lãnh đạo văn hóa tiên phong”.

Phần hai, phân chia Văn Hóa Việt Nam làm ba giai đoạn: Từ Quang Trung trở về trước “phong kiến”, “nô lệ”, “phụ thuộc vào Văn Hóa Tàu”, từ Quang Trung đến thời Pháp thuộc “phong kiến, tiểu tư sản”, từ Pháp thuộc đến 1943: “phong kiến, tư bản, thuộc địa”

Phần ba, tác giả vạch rõ “những thủ đoạn phát-xít trói buộc Văn Hóa và giết chết Văn Hóa Việt Nam”.

Phần bốn, ông đặt hai tiêu đề chính:

- “Cách mạng văn hóa muốn hoàn thành phải do đảng cộng sản Đông Dương lãnh đạo”

- Và “Nền văn hóa mà cuộc cách mạng Văn Hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hóa xã hội chủ nghĩa”.

Và phần năm, xác định “nhiệm vụ cần kíp của những nhà văn hóa mác xít Đông Dương và nhất là những nhà văn hóa mác xít Việt Nam”, qua hai công việc chính phải làm:

a/ Tranh đấu về học thuật tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta: Triết học Khổng, Mạnh, Descartes, Bergson, Kant, Nietzsche v.v...làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng).

b/ tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng v.v...làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng).

Đây là văn bản chính thức của đảng cộng sản, xác định đường lối văn hóa văn nghệ mác-xít. Văn bản này là đầu mối trách nhiệm tình trạng suy đồi của văn hóa văn nghệ Việt Nam: Bắt buộc sáng tác và phê bình phải theo con đường duy nhất là tuyên truyền và phục vụ sự lãnh đạo độc tôn của đảng cộng sản. Triệt hạ những đường hướng tư tưởng khác. Triệt hạ những tài năng có tư tưởng tự do.

Nguyễn Hữu Đang

Qua hoạt động chính trị và ngòi bút, Nguyễn Hữu Đang (1913-2007) được xác định như một nhà chính trị và văn hóa: Theo cách mạng từ những buổi đầu, có óc tổ chức và tài hùng biện, Nguyễn Hữu Đang được coi là “cánh tay phải” của Hồ chí Minh.

Năm 1929, Nguyễn Hữu Đang gia nhập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. Hoạt động đắc lực trong hội truyền bá quốc ngữ từ năm 1938. Từ 1937 đến 39, làm báo cùng với Đặng xuân Khu (tức Trường Chinh) và Trần huy Liệu. 1943: Tham gia đảng cộng sản Đông Dương, liên lạc mật thiết với Trường Chinh (tổng bí thư) và thành ủy Hà Nội, nhưng chưa được kết nạp. 1943-1946: Cùng Trường Chinh sáng lập và lãnh đạo hội văn hóa cứu quốc. Tổ chức ngày tuyên ngôn độc lập 2.9.1945. Tham gia chính phủ lâm thời, làm thứ trưởng bộ truyền truyền, rồi bộ thanh niên, chủ tịch ủy ban vận động mặt trận văn hóa. Tổ chức hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất tại Hà Nội, “Khai mạc đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ nhất vào chiều 24.11.1946 có Bác Hồ đến nói chuyện” (Hà xuân Trường, báo đã dẫn, trang 40).

Vị trí và uy tín của Nguyễn Hữu Đang, được Nguyễn huy Tường ghi lại trong nhật ký như sau:

“Anh Nguyễn Hữu Đang xuống làm việc cho truyền bá quốc ngữ từ hơn hai tháng nay. Anh xin nghỉ ở Sở Tài Chính [Hà Nội] xuống đây làm việc nghĩa. Đức hi sinh của anh thực không thể nào tả được. Nhờ anh mà Phong Trào Quốc Ngữ ở Hải Phòng chết đi nay sống lại. Anh như một ông tướng khuyến khích được cả một đạo quân chiến bại”. (Nhật ký Nguyễn huy Tường ngày 16.6.1942).

“Chuyện Tham Y phục các cán bộ Việt Minh. (...) Phục Đang. Hỏi thăm một người: Có phải là cánh tay phải của Cụ Hồ không ? Bản khoản không biết bây giờ Đang về khu này thì phải vào chức gì cho xứng ? Theo ý anh tham biện ấy, thì ở đây không có một chức gì cao hơn để Đang làm cả, vì Đang trên cả ủy ban kháng chiến”. (Nhật ký Nguyễn huy Tường, ngày 15.11.1947)

Năm 1947, Nguyễn Hữu Đang mới được chính thức kết nạp vào đảng.

Năm 1948, ông rời mọi sinh hoạt của đảng, lui về Thanh Hóa.

Từ vị trí được coi là “cánh tay phải của cụ Hồ”, “trên cả ủy ban kháng chiến”, tại sao năm 1948, Nguyễn Hữu Đang rút lui về Thanh Hóa ?

Sự chia tay với cách mạng xảy ra trong đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ hai (khai mạc ngày 15.7.48 ở Việt Bắc). Trong hội nghị này Trường Chinh đọc bản báo cáo nổi tiếng *Chủ nghĩa Mác và Văn Hóa Việt Nam*.

Hoàng Cầm kể về đại hội này: “Vào khoảng tháng 7 năm 48, có đại hội văn hóa toàn quốc do ông Trường Chinh đề xướng và làm chủ tịch. Hội nghị văn hóa toàn quốc được tổ chức để động viên và hướng dẫn trí thức và văn nghệ sĩ chuẩn bị đi sâu vào cuộc kháng chiến. (...) Tức là lúc bấy giờ hội nghị mới đề ra văn nghệ kháng chiến. (...) Tôi cũng được mời, nhưng không đi dự vì bị ốm, trong hội nghị có mặt anh Nguyễn Hữu Đang. Sau hội nghị đó, không hiểu vì lý do gì thì anh Đang không làm công tác kháng chiến nữa, anh về Thanh Hóa, ở nhà người bạn là anh Trần Thiếu Bảo, giám đốc nhà xuất bản Minh Đức(...) Anh Đang không làm công việc gì của nhà nước cả, tôi cũng không hiểu rõ nguyên nhân. Mãi sau này, hòa bình rồi, về Hà Nội tôi cũng chỉ nghe phong phanh anh em bàn tán thôi chứ hỏi anh Đang thì anh ấy cũng không nói, là hình như trong hội nghị văn hóa toàn quốc, anh Đang có mâu thuẫn về đường lối văn nghệ, văn hóa với ông Trường Chinh. Do mâu thuẫn không giải quyết được, cho nên anh Đang không làm việc nữa, anh nghỉ. Anh về Thanh Hóa”. (Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI)

[Xin nhắc lại: Tháng 7.48 có hai đại hội: Đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ hai tại Việt Bắc, khai mạc ngày 15.8.48, do Trường Chinh chủ trì và đọc bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và Văn Hóa Việt Nam*, Nguyễn Hữu Đang có tham dự. Hội nghị văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất, cũng họp tại Việt Bắc, từ 23 đến 25.7.48, chính thức thành lập Hội Văn Nghệ Việt Nam, Nguyễn Hữu Đang không tham dự].

Nguyễn Hữu Đang, vì không đồng ý với Trường Chinh trong hội nghị văn hóa toàn quốc, nên đã bỏ về Thanh Hóa, không tham dự đời sống văn hóa chính trị nữa.

Mà không đồng ý thì chắc chắn là về bản báo cáo của Trường Chinh.

Vậy bản báo cáo mà Trường Chinh đọc tại hội nghị này nội dung ra sao ?

Chủ Nghĩa Mác Và Văn Hóa Việt Nam

Bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và Văn Hóa Việt Nam* được nhà xuất bản Sự Thật in thành sách (Chúng tôi không có văn bản này). Nhưng Phần VII, được in trên báo Văn Nghệ số 6 tháng 11.48, dưới tiêu đề “*Mấy vấn đề thắc mắc trong văn học nghệ thuật*” và sau này in lại trong cuốn *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học, tập II*, đổi tên thành “*Mấy vấn đề cụ thể trong văn học và nghệ thuật*”.

Bài “*Mấy vấn đề thắc mắc trong văn học nghệ thuật*” đặt trọng tâm trả lời những *thắc mắc* của người làm văn học nghệ thuật, trên một số điểm:

1- Xác định nghệ thuật và tuyên truyền:

“*Nghệ thuật phục vụ cho mục đích chính nghĩa là nghệ thuật hợp chân lý. Nghệ thuật phục vụ cho mục đích phi nghĩa là nghệ thuật phản chân lý*”.

“*Tuyên truyền của phe xâm lược, phản động là tuyên truyền phản chân lý. Tuyên truyền của phe cách mạng là tuyên truyền chân thật, phù hợp với chân lý rõ ràng*”.

2- Khẳng định khuynh hướng sáng tác: Hiện thực xã hội chủ nghĩa.

3- Chỉ ra đường lối “*phê bình đúng nguyên tắc*”, “*chú trọng đã kích tư tưởng, văn học, nghệ thuật phản động của địch*”.

4- Cho rằng “*Quần chúng là nhà phê bình nghệ thuật sành hơn ai hết, chính vì quần chúng gồm nhiều tai, mắt, óc khôn và có cảm giác chung đấu lại. Không một nhà phê bình nào sánh được với quần chúng về mặt đó*”.

5- Chỉ ra 4 điều cho nhà văn noi theo để “*làm sao cho sáng tác văn nghệ được tốt*”.

6- Xác định: “*Đối tượng sáng tác văn nghệ của ta là nhân dân*”. “*Sáng tác văn nghệ có cả một nguồn cổ vũ mạnh mẽ là Phong Trào thi đua*”.

Tóm lại, Trường Chinh đã vạch sẵn con đường văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa.

Con đường này, gồm những yếu tố chính: Văn nghệ phục vụ cách mạng. Văn nghệ tuyên truyền. Văn nghệ thi đua. Hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đả kích tư tưởng phản động của địch. Sáng tác cho nhân dân. Nhân dân làm chủ phê bình.

Đường lối *văn nghệ tuyên truyền cách mạng* này đã tạo ra nhiều lớp người viết với những sáng tác mà nhạc sĩ Tô Hải, trong cuốn *Hồi ký của một thằng hèn* (Tủ sách Tiếng Quê Hương, Virginia, Hoa Kỳ, 2009) đã gọi là thời kỳ “bồi bút, bồi nhạc”. Cao điểm là cuốn *Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm trước tòa án dư luận* mà chúng ta đã biết. Và ảnh hưởng của nó còn kéo dài tới ngày nay.

Là người làm Văn Hóa, Nguyễn Hữu Đang bỏ đi từ năm 1948 là phải.

Sự rời đảng của Nguyễn Hữu Đang không chỉ vì bất đồng ý kiến về văn hóa mà còn cả những bất đồng về chính trị nữa.

Nhưng trong kháng chiến không chỉ có một Nguyễn Hữu Đang chống lại đường lối văn hóa văn nghệ của đảng cộng sản, mà còn có những tiếng nói khác, như Nguyễn Mạnh Tường:

Hoàng Trung Thông kể: “*Năm 1949, Đại hội văn nghệ khu bốn được tổ chức và chi hội văn nghệ Liên Khu bốn được thành lập (...)*

“*Cuộc tranh đấu tư tưởng duy nhất ở Liên Khu Bốn trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp là cuộc đấu tranh với một số quan điểm của Nguyễn Mạnh Tường. Trong một cuộc nói chuyện Nguyễn Mạnh Tường cho rằng văn nghệ ta như một cái chuồng nhốt các văn nghệ sĩ trong đ*”. (Hoàng trung Thông, báo đã dẫn, trang 181)

Như Trương Tửu:

“*Đồng chí Nguyễn chí Thanh bấy giờ là bí thư đảng bộ liên khu bốn, đã có ý kiến về những luận điểm to-rót-kit của Trương Tửu trong buổi lễ kỷ niệm ngày thành lập đảng cộng sản Đông Dương. Trong cuộc đấu tranh chính trị năm 1952, Trương Tửu bị đưa ra phê phán gay gắt*”. (Hoàng trung Thông, báo đã dẫn, trang 187).

Như Tô ngọc Vân:

“*Anh Tô ngọc Vân tỏ ý không đồng tình về sự phân tích của đồng chí Trường Chinh về chủ nghĩa “quy-bít”. Nhưng anh Trường Chinh không trực tiếp trả lời, và tỏ sự thật không lên tiếng, để tránh gây các mặc cảm không cần thiết đối với anh chị em văn nghệ đang đến với đảng, và tự giác chấp nhận sự lãnh đạo của đảng. Bài viết của tôi thảo luận với anh Tô ngọc Vân, ký tên Lê trọng Lâm, lại đăng trên tạp chí Văn Nghệ*” (Hà xuân Trường, báo đã dẫn, trang 42-43).

Thái độ của Trường Chinh đối với những người chống đối rất khôn khéo: Ông không ra mặt trả lời và khuyên cấp dưới “*cần phải đấu tranh tư tưởng nhưng đừng nặng lời quá, vì lúc bấy giờ chúng ta đang cần phải đoàn kết để kháng chiến chống Pháp, mặc dầu đoàn kết không có nghĩa là thủ tiêu đấu tranh*” (Hà xuân Trường, báo đã dẫn, trang 42-43).

Tóm lại, đã có những người làm văn hóa văn nghệ bắt đầu *thắc mắc* về đường lối văn hóa văn nghệ của đảng cộng sản ngay trong kháng chiến. Những *thắc mắc* này càng lớn mạnh khi hòa bình lập lại sau 1954, kết hợp thành sự phản kháng toàn bộ trong Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Sự Trở Lại Của Nguyễn Hữu Đang

Nguyễn Hữu Đang, vì bất đồng ý kiến với Trường Chinh, bỏ về Thanh Hóa, cộng tác với nhà xuất bản Minh Đức từ 1948.

Nhưng tại sao năm 1954, ông trở lại hoạt động ? Việc gọi ông trở lại có thể từ lệnh của chủ tịch Hồ chí Minh.

Hoàng Cầm kể: “Đến khi hòa bình lập lại, năm 1954, tôi cũng chỉ được nghe kể lại chứ không được chứng kiến, là như sau: Ông Trường Chinh có hỏi ông Tố Hữu: Anh Đang anh ấy đã không làm việc gì từ lâu rồi, từ mấy năm nay, thì bây giờ hòa bình thắng lợi rồi, ta phải mời anh ấy ra làm việc chứ. Thế là anh Tố Hữu cũng nghe theo và mời anh Đang ở Thanh Hóa ra” (Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI).

Theo hồi ký Nguyễn Huy Tưởng, chính ông là người được cử vào Thanh Hóa mời Nguyễn Hữu Đang. Và theo Hoàng Cầm: Khi Nguyễn Hữu Đang ra đến Hà Nội, Tố Hữu đề nghị chức giám đốc sở văn hóa thông tin Hà Nội, nhưng Nguyễn Hữu Đang từ chối, ngỏ ý muốn làm báo Văn Nghệ, Tố Hữu đành phải bằng lòng.

Những Thắc Mắc

Hoàng Cầm kể: “Anh Đang về báo Văn Nghệ, nhưng anh Đang là người đặc biệt có tài tổ chức: Trong kháng chiến anh ấy đã tổ chức thanh niên xung phong, tổ chức mặt trận bình dân học vụ, sau đó lại là tổ chức hội nghị văn hóa toàn quốc. (...) Vì anh ấy có tài tổ chức cho nên anh ấy tổ chức ngay hai cuộc phê bình trong văn học:

Thứ nhất là cuộc phê bình tác phẩm *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán (...) Và tổ chức một lớp học tập chính trị, đầu đề tài liệu học tập là “Những tài liệu của Mác, Lê-nin, Staline nói về vấn đề văn nghệ”. (Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI).

Về không khí của lớp học này, Hoàng Cầm nhớ lại:

“Đầu đề tài liệu học tập là “Những tài liệu của Mác, Lê-nin, Staline nói về vấn đề văn nghệ”. Buổi sáng học, buổi chiều làm việc cơ quan. Tôi nhớ học 18 ngày. Nhưng từ hôm mở lớp đến độ ngày thứ năm thì có cái mục gọi là liên hệ thực tế. Tất cả các văn nghệ sĩ ở các tỉnh hoặc đi tập kết về Hà Nội, thì họ đều nêu lên những thắc mắc, mà phải nói là những thắc mắc ghê gớm về vấn đề văn nghệ và lãnh đạo văn nghệ. Nó gần như là một cuộc tố khổ: Các văn nghệ sĩ đều nói ra những thắc mắc về việc lãnh đạo địa phương, cả lãnh đạo trung ương nữa, đối với văn nghệ (...) Toàn là những thắc mắc mà anh em lôi ra từ thực tế trong kháng chiến và thực tế trong hòa bình lập lại” (Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI).

Georges Boudarel, đặt trọng tâm trên hai chữ *thắc mắc* này, theo ông đây là một thứ mây mù của ý thức, một kỳ xảo nói mà như không nói, một nghệ thuật không gọi sự vật theo tên của nó.

Hai chữ *thắc mắc* không thể dịch sang tiếng Pháp, Boudarel cho là trung tâm của vấn đề: Trong một nước mà cuộc đấu tranh chống thực dân, giành độc lập, bảo vệ truyền thống dân tộc, được phát lên dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác-Lê-Mao, như một nghịch lý, thì *thắc mắc* là đưa con lai lạ lẫm, sinh ra từ cuộc tình vừa nóng bỏng vừa tương phản vừa không thể Thủ Nhận được giữa *quốc tế vô sản* và *lòng ái quốc cực đoan*.

Chủ nghĩa cộng sản mà người ta du nhập vào đã thủ tiêu nhanh chóng mọi hình thức tự do phát biểu của xã hội dân sự kể cả những người ủng hộ nhiệt thành. Năm 1950, chủ nghĩa Mao ào ạt tràn vào, với những đợt chỉnh huấn, phát hiện, tố giác, kiểm thảo, tự kiểm thảo... mang lại những hậu quả tai hại.

Nếu năm 1946, hầu hết mọi thành phần dân tộc đều đi theo kháng chiến chống Pháp, thì tới 1950, nhiều trí thức văn nghệ sĩ nổi tiếng trong đó có Phạm Duy, Vũ Hoàng Chương, hoặc sẽ nổi tiếng sau này như Đoàn Quốc Sỹ... đã không thể chịu được, phải quay “về thành”.

Sự phản kháng của họ mang tính chất bi đát, bởi phải chọn lựa giữa hai con đường: Hoặc tiếp tục chống thực dân Pháp thì phải theo chủ nghĩa cộng sản Mao, hoặc chống cộng sản Mao thì phải vào vùng Pháp đóng. Bị xâu xé giữa, một bên là lòng yêu nước thúc đẩy họ phải chấp nhận tất cả để chiếm lại tổ quốc đã mất và một bên là cái vốn Văn Hóa Tây phương thúc đẩy họ đòi hỏi một thứ tự do không thể nào

có được với đảng cộng sản. Người trí thức, những năm tháng ấy, vừa như sống một bản hùng ca, lại vừa chịu một bi kịch gặm nhấm từ bên trong.

Đại đa số thành phần dân tộc, trong đó có người trí thức, tìm cách hòa mình với đời sống mới, từ đó nảy sinh những *thắc mắc*: Nền dân chủ cộng hòa, do Hồ chí Minh tạo dựng, có mang lại độc lập thật sự cho nước Việt không? Những người mang *thắc mắc* trong lòng muốn tin vào lãnh đạo của họ nhưng trong thâm tâm vẫn không thể nào tin được. Chỉ biết mình có những *thắc mắc* không thể nói ra. Cái hình thức đối lập bị dồn nén, sự phản kháng bị chôn vùi, chỉ được nói thầm, nói một nửa, đọc giữa hai hàng chữ, đoán ngầm những ngụ ý... trở thành một phần của đời sống Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Và những vấn đề mở ra từ năm 1956, với Nhân Văn-Giai Phẩm, vẫn còn đúng với hôm nay. (Theo phân tích của Boudarel, trong cuốn Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Việt Nam, từ trang 9 đến 20).

Những *thắc mắc* ấy tạm ngu yên trong thời chiến, nhưng bùng lên khi hòa bình lập lại.

Và trong lớp học 18 ngày, Nguyễn Hữu Đang là người đã thấy rõ tình thế, mạnh bạo đứng lên, đặt với lãnh đạo những câu hỏi cần thiết.

Lớp Học 18 Ngày

Về lớp học này, Người Quan Sát tường thuật trên Nhân Văn số 1 (20.9.56), như sau:

“Trong tháng Tám vừa qua, hội văn nghệ đã tổ chức tại thủ đô một đợt học tập mười tám ngày nhằm mục đích nâng cao trình độ lý luận văn nghệ của anh chị em công tác trong ngành. [...] Ý định của thường vụ hội là như vậy, nhưng trên ba trăm người tham gia học tập đã dần dần từ thảo luận nguyên tắc sáng tác chuyển sang kiểm điểm Phong Trào, đem lý luận đối chiếu với thực tế, liên hệ bản thân cũng có, nhưng chủ yếu là liên hệ lãnh đạo.

*Mà phê bình lãnh đạo ngày nay, nhờ có ảnh hưởng của đại hội 20 đảng cộng sản Liên Xô, thường là rất mạnh bạo chứ không còn e dè, quanh co như cái thời phục tùng mù quáng hoặc có *thắc mắc* thì trước mặt cả nể, kể lễ sau lưng nữa. Anh chị em đã phát huy tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, đem hết nhiệt tình cách mạng ra mà nói thẳng, nói thật, nói hết. Thế là việc học tập trở nên sôi nổi, nhất là ở bước cuối thì người ta có thể nói đến một không khí bùng bùng đấu tranh, làm cho chẳng những giới văn nghệ như *cựa* mình một cái thực mạnh mà nhiều ngành khác ở thủ đô cũng như thấy rung động lây.*

Qua những sự việc mà anh chị em phát hiện cũng như qua những ý nghĩ, tình cảm mà anh chị em bộc lộ, chúng ta đã thấy Phong Trào Văn Nghệ trong sáu bảy năm nay đã có những sai lầm nghiêm trọng về mặt lãnh đạo. Quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do sáng tác đã bị vi phạm một cách có hệ thống”. (Trích bài “Chuẩn Bị Đại Hội Văn Nghệ Toàn Quốc-Một Đợt Học Tập Và Đấu Tranh Của Giới Văn Nghệ”, Nhân Văn số 1, ra ngày 20.9.56).

Bài tham luận của Nguyễn Hữu Đang đọc ngày 26.8.56 chỉ trích đường lối văn nghệ của đảng trên ba điểm chính:

- Đường lối lãnh đạo văn nghệ của trung ương đảng hẹp hòi, gò bó, do nhận thức không đúng về mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ.
- Trung ương đảng chưa có một chính sách cụ thể về văn nghệ.
- Bộ phận lãnh đạo văn nghệ không hợp lý, không trong sạch, có tính bè phái, nguy hiểm.

Nguyễn Hữu Đang được *“cử tọa hoan hô nhiệt liệt”*. Qua lời tổng kết của Nguyễn đình Thi và lời tự kiểm thảo của Tố Hữu, bộ phận lãnh đạo văn nghệ đã phải *“thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng và hứa hẹn sẽ sửa chữa”*.

Vai trò lãnh đạo Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm của Nguyễn Hữu Đang đã rõ: Dựa vào những biến động ở Liên Xô và Trung Quốc, vào sự đồng thuận của đông đảo trí thức văn nghệ sĩ, vào thế yếu của lãnh đạo sau thất bại Cải Cách Ruộng Đất, Nguyễn Hữu Đang, với tài hùng biện nổi tiếng, đứng ra cổ động trí thức, hướng dẫn Phong Trào và chủ trương báo Nhân Văn, với ý định cải tổ lại nền chính trị của miền Bắc Việt Nam.

Thực Chất Của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm Là Gì ?

Nguyễn Hữu Đang trả lời: *Thực chất Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, nếu đứng về mặt chính trị, thì đó là một cuộc đấu tranh của một số người trí thức, văn nghệ sĩ và một số đảng viên về chính trị nữa, là chống, không phải chống đảng cộng sản đâu, mà đây là chống cái chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao Trạch Đông đưa đến nhiều hiện tượng nói là chuyên chính thì chưa đủ phải nói là cực quyền toàn trị, nó gay gắt ghê lắm. Nó gay gắt ghê lắm! Đảng cộng sản đã phạm sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, rồi thì chỉnh huấn, chấn chỉnh tổ chức, đăng ký hộ khẩu v.v... Tất cả những cái đó đều do những cái quá tả, từ phương Bắc nó xâm nhập vào, chứ không phải chờ đến bây giờ nó mới đem cái tả khuynh hữu trí vào nước Việt Nam. Cái thời mà cụ Hồ chưa về nước và ông Trần Phú làm tổng bí thư, thì làm cái cuộc gọi là Xó Viết Nghệ Tĩnh, đưa ra cái khẩu hiệu rất quái gở tức là "Trí, phú, địa, hào đánh tận gốc, tróc tận rễ". Nó quá tả như thế thì còn làm sao giành được độc lập! Như thế là chia rẽ dân tộc. Lúc bấy giờ chúng tôi cũng cảnh giác, chúng tôi theo đảng cộng sản nhưng chống chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Nhưng rất tiếc là lúc bấy giờ, thế lực của Liên Xô rất mạnh, áp lực của Trung Quốc cũng rất mạnh cho nên cuộc đối thoại ấy không có kết quả"* (Nguyễn Hữu Đang, trả lời phỏng vấn RFI tháng 9.1995)

Từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 11 năm 1956, không những *Giai Phẩm Mùa Xuân* được in lại mà còn ra tiếp 4 số nữa, tổng cộng là 5 số *Giai Phẩm* và 5 số *Nhân Văn*. Ngoài ra, còn có 1 số *Đất Mới* của sinh viên và 10 số *Trăm Hoa* của Nguyễn Bính (từ tháng 10 đến tháng 12.56), thêm báo *Nói Thật* của Hoàng Công Khanh và *Tạp san phê bình*, xuất hiện tới cuối năm 1957. Cuối tháng 11.56, trên các báo *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*, nhà xuất bản Minh Đức còn quảng cáo mời độc giả tìm đọc *Tự Do Diễn Đàn* và *Sáng Tạo* (chuyên về điện ảnh kịch trường). Nhưng rút cục *Tự Do Diễn Đàn* in xong bị cấm. Nhưng *Văn*, báo chính thức của hội nhà văn, sang năm 57 vẫn còn in bài của những người trong nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, đến số 36 (10.1.58) *Văn* mới bị đình bản vì đăng bài *Ông Năm Chuột* của Phan Khôi.

Cuộc cách mạng mùa thu của tư tưởng đã xảy ra.

PHẦN V

NỘI BỘ BÁO NHÂN VĂN

Nhân Văn-Giai Phẩm do hai nhóm bạn hợp tác điều hành: Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, Trần Thiểu Bảo ba người bạn thân, trong kháng chiến, đã từng chủ trương việc xuất bản lại các tác phẩm có giá trị thời tiền chiến. Và Lê Đạt, Hoàng Cầm, là hai người bạn thân đã làm tờ *Giai Phẩm Mùa Xuân*. *Nhân Văn* do Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, trách nhiệm bài vở. *Giai Phẩm* do Trương Tửu trông nom. *Giai Phẩm* xuất hiện trước nhưng *Nhân Văn* vẫn được coi là "đầu não" của Phong Trào.

Trong vòng 4 tháng, từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 12.56, Phong Trào đòi hỏi dân chủ và tự do tư tưởng bùng lên với hai tờ báo chính: *Nhân Văn* và *Giai Phẩm* do nhà xuất bản Minh Đức (Trần Thiểu Bảo) in hoặc giúp đỡ in ấn. Phần lớn những người viết cho *Nhân Văn* đều có mặt trên *Giai Phẩm* và ngược lại.

Nhân Văn-Giai Phẩm do hai nhóm bạn song song hợp tác điều hành:

- Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, Trần Thiếu Bảo là ba người bạn, trong kháng chiến, đã từng chủ trương việc xuất bản lại các tác phẩm có giá trị thời tiền chiến (nhưng bị loại trừ sau cách mạng) như *Tiểu Sơn Tráng Sĩ* của Khái Hưng, *Số Đố* của Vũ Trọng Phụng, v.v...

- Hoàng Cầm, Lê Đạt, hai người bạn thân đã tranh đấu đòi tự do sáng tác từ những ngày đầu trong quân đội cùng với Trần Dần, Tử Phác, năm 1955, và làm tờ *Giai Phẩm Mùa Xuân*.

Năm người này là những viên gạch nền móng, bằng những cố gắng xây dựng của họ, từ tháng 8 đến tháng 12 năm 1956, đã quy tụ được một số đông văn nghệ sĩ trí thức, họp thành Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Nhân Văn do Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, trách nhiệm bài vở. *Giai Phẩm* do Trương Tửu trông nom. *Nhân Văn* hướng về con đường đấu tranh chính trị. *Giai Phẩm* đi vào chiều sâu của tư tưởng.

Giai Phẩm xuất hiện trước với *Giai Phẩm Mùa Thu Tập I* (29.8.56), nhưng *Nhân Văn* vẫn được coi là “đầu não” của Phong Trào.

Hiện nay, chúng ta chưa thể biết rõ về nội bộ tờ *Giai Phẩm* vì Trương Tửu và Trần Thiếu Bảo đều không phát biểu gì, cho đến khi mất. Nhưng về nội bộ tờ *Nhân Văn*, chúng ta có thể biết được phần nào sự thật, nhờ tiếng nói của những thành viên chính.

Ngày 20.9.1956, *Nhân Văn* số 1 ra đời, về mặt chính thức tờ báo do Phan Khôi làm chủ nhiệm và Trần Duy Thu Ký Tòa Soạn. Nhưng thực sự, nội bộ báo *Nhân Văn* đã được cấu trúc như thế nào? Đó là câu hỏi đầu tiên cần được giải đáp.

Việc Thành Lập Báo Nhân Văn

Để dựng lại sự việc đã xảy ra, chúng tôi dùng hai loại chứng:

Những bản “Thú Nhận” của các thành viên chính, viết trong đợt đấu tranh chống Nhân Văn-Giai Phẩm ở Thái Hà Ấp, giữa tháng 3 và 4 năm 1958 và những lời tuyên bố của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Duy, trên RFI, những năm gần đây.

Khi nói về cùng một dữ kiện, trong hai loại chứng trên thì những lời “Thú Nhận” sẽ ưu tiên, vì đã được viết trong thời gian bị kịch xảy ra, tại chỗ, nên không bị nhớ lầm, như trường hợp những lời viết hoặc tuyên bố sau này, nửa thế kỷ qua, trí nhớ có thể sai lạc.

Nhưng về những lời “Thú Nhận” này, chúng ta cần biết:

1- Những lời “Thú Nhận” này đã viết trong điều kiện như thế nào?

- Viết trong “lớp học” thứ nhì (đúng ra là “đấu trường” thứ nhì) ở Thái Hà giữa tháng 3 và 4.58 (có 304 người dự). Chúng tôi sẽ đề cập đến không khí gay gắt của hai đợt đấu tranh chống Nhân Văn-Giai Phẩm ở Ấp Thái Hà trong Chương VI, ở đây, chỉ xin nêu lên một số điểm liên quan đến các bài “Thú Nhận”, được sử dụng trong chương này:

- Theo Lê Đạt, ở hội trường, mọi người đứng lên “phát hiện tội”, “Nhân Văn”. Và “Sau khi tất cả mọi người phát hiện các tội của Nhân Văn xong rồi, thì mới đến lượt Nhân Văn, từng người một, nhận tội”. Rồi sau đó, các “Nhân Văn” về tổ của mình làm “bài khai”. “*Bài khai phải được tổ thông qua, và lại phải đưa ra hội trường thông qua nữa, thì anh mới được xong*”. Tức là anh mới được về.

- Như thế, những “bài khai” này, đã được viết dưới áp lực của “đấu trường” kéo dài trong một tháng, và cũng là bài “tổng kết tội trạng” mà mỗi thành viên Nhân Văn phải tự mình viết ra. Khi viết, họ không được trao đổi với nhau, sau đó phải đọc trong tổ, tổ thông qua, rồi mới đọc cho hội trường nghe và duyệt. Vì những lẽ đó, họ khó có thể “khai man” (vì sợ không đúng với những lời tố, lời khai, của người khác), vì vậy, chúng ta nên thận trọng, đối với một số dư luận buộc tội người này, người kia “khai man” trong lớp Thái Hà.

- Vì những điều kiện trên, chúng tôi xem những *bài khai* hay *bài Thú Nhận* này là những văn bản sớm nhất (viết từ tháng 3.58) thuật lại một số sự việc thật đã xảy ra trong nội bộ Nhân Văn.

2- Bài *Thú Nhận* của Trần Dần và Lê Đạt, “hai tên thơ phản động nhất nước”, được/bị trích đăng trên hai báo Văn Học số 1 (25.5.1958) và Văn Nghệ số 12 (5.58), bài *Thú Nhận* của Hoàng Cầm và Phùng Quán đăng trên Văn Nghệ số 12, của Văn Cao trên Văn Học số 3 (5.6.58), của Trần Đức Thảo trên Nhân Dân số 1532-1533 (23-24.5.58), và trích in một số đoạn trong cuốn *Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận*.

3- Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Duy, “không được” dự lớp Thái Hà vì thuộc diện những “phần tử xấu”. Vì vậy, không có bản “Thú Nhận” của họ.

“*Không phải là chị Thụy An, anh Trần Duy và ông Phan Khôi không chịu đi học. Ở đây người ta chia ra: Những người nào hoạt động chính trị mà người ta cho là có tính chất phản động, là những phần tử xấu thì người ta “không cho” đi học lớp ấy: Phan Khôi, Thụy An, Trần Duy “không được” học. Chỉ có những văn nghệ sĩ mà người ta cho là những người vì quan điểm làm lạc, được đảng chiếu cố cải tạo giúp đỡ, thì mới được đi học lớp ấy thôi. Cho nên đi học lớp ấy, gay go thế cũng là một “ưu tiên”.* (Lê Đạt trả lời RFI).

4- Các văn bản “thú tội” phản ảnh tâm thức của người viết: Qua những bài khai, Lê Đạt và Trần Đức Thảo giữ được phong cách của người trí thức: Chịu trách nhiệm việc mình làm. Không đổ lỗi cho người khác. Không gọi bạn đồng hành là *tên*, là *nó*, là *bọn*. Có lẽ đó là cách phải gọi những người Nhân Văn-Giai Phẩm trong “đấu trường”, nó phản ảnh không khí trừ dập, đàn áp, xuống cấp và thù nghịch ở Ấp Thái Hà và sức chịu đựng của từng người: Trong ba người bạn thân Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, thì Lê Đạt có bản lĩnh hơn cả.

Ý Định Ra Báo

Ý định ra báo là của Nguyễn Hữu Đang. Nguyễn Hữu Đang thuyết phục Hoàng Cầm trước. Hoàng Cầm về bàn với 5 người thân nhất trong nhóm *Giai Phẩm Mùa Xuân*: Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Văn Cao và Đặng Đình Hưng. Phần đông đều e ngại, không muốn cộng tác vì nghi ngờ Nguyễn Hữu Đang là người làm chính trị. Một mặt khác, sau vụ đàn áp *Giai Phẩm Mùa Xuân*, Trần Dần và Lê Đạt đều muốn nghỉ (một phần vì chuyện gia đình, mới lấy vợ, mới có con...). Hoàng Cầm nhận phụ trách phần văn nghệ của Nhân Văn. Đến Nhân Văn số 2, Lê Đạt mới thực sự vào ban biên tập.

Hoàng Cầm thuật lại trên RFI:

“[Sau lớp học 18 ngày] *Thì lúc bấy giờ anh Đang anh ấy mới nảy ra một ý: Đang lúc văn nghệ sĩ có nhiều thắc mắc như thế này thì chúng mình nên ra một tờ báo. Tôi bảo: Ra báo thì phải có tiền, chứ tự nhiên ra thế nào được. Anh Đang bảo: Tiền thì tôi sẽ nhờ người bạn đi vay và chắc chắn chỉ vài số báo là đã có thể trả được.* (...)

“*Đầu tiên tôi không nhận lời, vì lúc ấy tôi đang làm ở nhà xuất bản của hội văn nghệ, nhiều công việc bận lắm. Nhưng mà anh ấy vẫn không tha. Anh ấy cứ bám riết lấy.(...) giữ riết lấy tôi và thúc đẩy tôi. Thế rồi cuối cùng tôi cũng phải nhận lời. Bởi tôi cũng để tính và hay nể bạn*”. (Hoàng Cầm, RFI, 8.2.2008).

Trong bài “Thú Nhận”, tháng 3.1958, Hoàng Cầm viết:

“*Bàn về tiền ra báo, tôi tán thành tên Tước [là một người thân thuộc của nhà xuất bản Minh Đức] do Nguyễn Hữu Đang giới thiệu, bỏ tiền ra làm vốn. Tôi đã đi họp hai lần ở nhà tên Tước, lần đầu với Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Tước bàn về thể tài tờ báo. Tư tưởng tôi lúc đó phản đối mọi đường lối, chính sách của đảng nên tôi nghĩ: Báo Văn Nghệ hay Văn Hóa xã hội cũng được, miễn là ra được, nhưng chổ*

tôi biết hơn cả là mặt văn nghệ, thì tôi tự nhận phần văn nghệ, còn ngoài ra ai muốn viết về vấn đề gì, tôi cũng tán thành. Một lần nữa, có Nguyễn Bình, Đàng, Tước bàn về tên tờ báo và mời Nguyễn Bình làm Thư Ký Tòa Soạn, thì tôi nghĩ là “tên báo gì gì cũng được” miễn là có báo ra được”. (Hoàng Cầm, Những Lời Thú Nhận Bước Đầu, Văn Nghệ số 12, tháng 5.1958).

Như vậy, theo lời Hoàng Cầm, Nguyễn Bình đã có mặt trong những buổi họp trước khi ra báo Nhân Văn.

Lê Đạt, kể lại trên RFI như sau:

“Trong buổi học tập văn nghệ đó [lớp học 18 ngày], anh Đàng có đọc một bài tham luận rất hùng hồn về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ.

Lúc đó Đàng có nói một câu với Nguyễn đình Thi, Nguyễn đình Thi lúc ấy là một trong những người chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ Đàng nói rằng: “Thế nào tao cũng ra một tờ báo, tờ báo chưa biết tên là gì, tao thì không làm được nhưng để cho bọn Giai Phẩm Mùa Xuân nó làm (...)

“Đến lúc ra báo Nhân Văn, cũng lại có nhiều khó khăn. Anh Dần muốn trực tiếp lo chuyện gia đình vì anh ấy gặp nhiều khó khăn quá: Bị bắt, rồi lại phải lo cho con cái. Còn tôi lúc đó, tôi cũng muốn nghỉ. Anh Đàng lại không thuộc nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân, anh Đàng là một cán bộ chính trị cũ, anh ấy chỉ biết tôi thôi, thế còn quan hệ với anh em Giai Phẩm Mùa Xuân, anh Đàng lại không có. Mà các anh ở Giai Phẩm Mùa Xuân cũng không thích anh Đàng. Chúng tôi mới quyết định thế này: Anh Cầm đang rối rắm, bèn giao cho anh Cầm, tách anh Cầm ra làm việc chung với anh Đàng”. (Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI).

Trong bài “Thú Nhận”, tháng 3.1958, Lê Đạt viết:

“...Sau thời gian lớp học 18 ngày Nguyễn Hữu Đàng cùng với Hoàng Cầm ra báo. Hoàng Cầm đặt vấn đề với nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân.

Văn Cao, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm và tôi bàn ở tiệm trà Phúc Châu.

Đa số đồng ý là không tham gia biên tập vì cho Nguyễn Hữu Đàng không phải là người văn nghệ, có thể nhiều động cơ cá nhân không tốt, hai là tập họp anh em đông quá trong số đó có nhiều phần tử chạy theo, cơ hội không nắm chặt được, sợ manh động (viết lách ẩu, quá khích bị lãnh đạo đánh)”.
(Lê Đạt, Những Lời Thú Nhận Bước Đầu, Văn Nghệ số 12, tháng 5.1958, trang 74).

Vấn về việc này, Trần Dần trong bài “Thú Nhận”, viết:

“...Đến lớp học mười tám ngày, Nguyễn Hữu Đàng từ lâu nằm phục xuống, nhờ cơ hội này đứng dậy phát cò. Nếu không có Đàng sẽ không có tham luận với những đề nghị: Gặp trung ương, ra báo v.v...mà cũng sẽ không có tờ Nhân Văn.

Tư tưởng chống đối trong tôi cũng ngóc dậy. Tuy đồng tình với Nguyễn Hữu Đàng, song không đồng tình về phương pháp (...).

Nguyễn Hữu Đàng định kéo nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân làm vốn cho hẳn ra báo, đấu tranh với đảng, vì từ lâu hẳn đã nghĩ thấy ở đó có vấn đề có thể kiếm chác được. Vấp phải sự dùng dằng không muốn tham gia của nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân (vì nhiều lẽ), hẳn kéo lẻ từng người. Đầu tiên là Hoàng Cầm (...)

“...Đến khi Nhân Văn thông qua bài số 1, tôi đến, thấy hỗn độn tấp nham quá, mình dự đây là dại, nên nửa chừng bỏ về. Lúc đó tôi đã nghi Nguyễn Hữu Đàng, cho là thằng quá tả, vấn đề gì cũng định đưa ra công khai, tôi cho rằng hẳn sẽ làm hỏng Phong Trào của lớp học mười tám ngày thôi. Sẽ lại thất bại như hồi bộ đội. Nên tôi tự đặt nhiệm vụ dùng Hoàng Cầm, Lê Đạt mà ghim hẳn lại”. (Trần Dần, Những Lời Thú Nhận Bước Đầu, Văn Nghệ số 12, 5.1958, trang 61)

Trần Dần vì nghi kỵ Nguyễn Hữu Đang, không muốn tham dự, nhưng cũng không bỏ hẳn. Như vậy, trong nội bộ Nhân Văn, từ đầu, đã có những khuynh hướng khác nhau: Nguyễn Hữu Đang muốn mở rộng cuộc tranh đấu sang chính trị: *Đòi hỏi tự do dân chủ*. Hoàng Cầm thì thế nào cũng được. Trần Dần chỉ muốn *đòi tự do sáng tác*. Lê Đạt giữ vị trí trung gian: Đồng ý với Nguyễn Hữu Đang về đấu tranh tự do dân chủ nhưng muốn thực hiện bằng con đường sáng tác.

Đó là những “khó khăn” mà Lê Đạt muốn nói đến khi lập tờ Nhân Văn, nhưng không chỉ có những “khó khăn” nội bộ, mà còn cả những khó khăn do áp lực bên ngoài. Một chủ trương “rầm rộ” như vậy, lãnh đạo không thể không biết. Và trung ương đã tìm cách khuyên nhóm Nhân Văn dẹp ý định làm báo đối lập, bằng cách nói riêng với từng người.

Bộ chính trị Khuyên Nên Bỏ Ý Định Ra Báo

Hoàng Cầm kể trên RFI: “...*Trước khi ra báo thì các anh em đã rậm rịch nói với nhau rồi, cho nên tin tức đều đến tai lãnh đạo cả. Thì lãnh đạo, tức là bộ chính trị, đã bố trí cho cho ông Võ nguyên Giáp mời Nguyễn Hữu Đang lên nói chuyện, mời riêng đấy. Còn ông Lê đức Thọ, lúc bấy giờ cũng là bộ chính trị, thì mời Lê Đạt và ông Lê Liêm lúc bấy giờ là tổng cục phó tổng cục chính trị (về sau này ông ấy mới chuyển sang làm thứ trưởng bộ giáo dục), thì mời tôi. Như vậy là ba ông ủy viên bộ chính trị gặp những người chủ chốt của Nhân Văn, và nếu mà ba ông ấy thuyết phục được ba người đó đừng ra báo, thì thôi, coi như là yên ổn cả, không có chuyện gì. Ông Lê Liêm gặp tôi đến ba buổi tối trong nhà khách của quân đội, ông Giáp thì gặp anh Đang, ông Lê đức Thọ gặp anh Lê Đạt, tất nhiên là để nói đến chuyện ra tờ báo, thì họ cũng lấy tình đồng chí, tình bạn bè, khuyên bảo, chứ không phải để ra lệnh gì. Ông Lê Liêm gặp tôi rất khiêm tốn, nói hết những cái đảng có thể có những sai lầm này, sai lầm khác v.v...trong việc lãnh đạo văn nghệ. Tự ông ấy nói ra để cho mình hiểu và yên tâm là đảng cũng biết đấy, để đảng sửa dần, để cho mình muốn nói cái gì về đảng trên tờ báo của mình thì mình rút đi, rút lui cái ý kiến trên báo ấy đi. Mục đích của những cuộc gặp đó là như thế. Khổ một nỗi là lúc bấy giờ những thắc mắc của anh em văn nghệ nó ồn ã lắm. Mà nó nhiều cái sâu sắc lắm, cho nên anh Đang anh ấy kiên quyết là không, cứ phải ra báo, phải ra báo thì mới nói được. Anh Đang kiên quyết ra báo. Tôi thì ra cũng được mà không ra cũng được. Thế là trong nội bộ của mấy anh em hoạt động nhất trong báo Nhân Văn là Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt và tôi cùng thống nhất với nhau là cứ ra. Thế là ra được Nhân Văn số 1”.* (Hoàng Cầm, RFI, 8.2.2008).

Việc Mời Phan Khôi Làm Chủ Nhiệm

Việc này do Nguyễn Hữu Đang nghĩ ra. Lê Đạt kể: “*Đang bảo: “Hay là mời cụ Phan Khôi ? Mà cụ Phan Khôi cũng lại không thân gì với Đang lắm. Thế là anh Hoàng Cầm được cử đến mời cụ Phan Khôi. Phan Khôi khẳng khái nhận lời ngay”* (Lê Đạt trả lời RFI).

Việc Mời Trần Duy Làm Thư Ký Tòa Soạn

Trần Duy, nói trên RFI:

“*Tôi không biết Trần Dần, tôi cũng không biết Hoàng Cầm. Mãi sau buổi họp ở 51 Trần Hưng Đạo, đưa bài Nhất Định Thắng của Trần Dần, hôm đó là cuộc hội rất lớn kết tội bài đó [Buổi “hội lớn” của hội văn nghệ, đánh Trần Dần (vắng mặt) với 150 người dự, một buổi tối giữa tháng 2.1956, chưa xác định được ngày]. Tôi với ông Phan Khôi ngồi gần nhau (...). Người ta quy rằng Trần Dần như thế là ngã về địch, bị gián điệp (...). Ông Phan Khôi nói với tôi: Quy cho người ta là gián điệp, là chính trị, nhanh quá, rất nguy hiểm (...). Vì thế tôi không quen biết những người này nhưng vì ông Phan Khôi, tôi đứng trên quan điểm của ông Phan Khôi, tôi rất ủng hộ ông Trần Dần mà tôi không biết ông Trần Dần là ai cả. Tôi cũng không biết ông*

Hoàng Cầm. Tôi biết anh Lê Đạt vì tôi cùng về báo Văn Nghệ (...) Do ông Phan Khôi tôi biết nhóm Lê Đạt và Trần Dần”. (Trần Duy trả lời RFI, tháng 7.2008).

Cũng về việc này, Hoàng Cầm viết trong bài “Thú Nhận” tháng 3.58, như sau:
“Chỉ có việc Nguyễn Hữu Đang mời tôi làm Thư Ký Tòa Soạn là tôi không nhận, lý do chỉ vì sợ trách nhiệm, muốn đùn trách nhiệm cho người khác. Tôi đã đùn cho Trần Duy trong một buổi tình cờ gặp Trần Duy ở nhà Minh Đức. Tôi gọi nó lên gác nhà tên Đang, giới thiệu nó với tên Đang. Trần Duy nhận lời ngay”. (Hoàng Cầm, Những Lời Thú Nhận Bước Đầu, Văn Nghệ số 12, tháng 5.1958).

Ai Quyết Định Nội Dung Bài Vỡ Báo Nhân Văn ?

Trong bài “Thú Nhận”, Lê Đạt viết:

“Tôi tham gia Nhân Văn với ý thức là người lãnh đạo lý luận của tờ báo vì tôi cho tôi xứng và hơn Nguyễn Hữu Đang. Ban biên tập lúc đó gồm bốn người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cầm và tôi”. (Lê Đạt, Những Lời Thú Nhận Bước Đầu, Văn Nghệ số 12, tháng 5.58, trang 75).

Vậy trong bốn người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cầm và Lê Đạt, ai quyết định nội dung tờ báo ?

Trần Duy trả lời trên RFI:

“Tất cả bài vỡ là do Đang và Đạt quyết định và bài vỡ tập hợp vào tôi, khi thiếu bài hoặc mise mà không có thì bảo tôi làm cái remplissage lấp lỗ trống hoặc thu dọn bài này, bài nọ, trang mấy, trang mấy có tranh, thì bảo tôi làm. Sự thật ra quyết định bài vỡ phần lớn là Đang, quyết định nội dung bài là Đạt. Còn thầy cò thầy kiện là ông Văn Cao. Ông Trần Dần, ông Hoàng Cầm là đứng sau lưng. Người chủ động và trực tiếp với tôi là Lê Đạt, người chủ động bài vỡ là ông Nguyễn Hữu Đang. Tất nhiên là tôi không quyết định được bài vỡ rồi, nhưng có bài nào cần thiết thì Lê Đạt bảo: Ông viết đi, vấn đề này ông viết được, ông viết hộ tôi, ví dụ như tự do sáng tác hay là gì đó thì ông cứ viết, ông lại hơi có cái giọng humour thì ông làm cho tôi...không phải chuyện cười, những chuyện thời sự ông đi góp nhặt các nơi. Thì tôi phụ trách mục đó và tôi đề TD, là Trần Duy đó. Sau khi mise những bài chính rồi thì tôi là người lấp remplissage phần còn lại của tờ báo. Sự thực ra người ta không bao giờ hỏi ông Phan Khôi về một cái gì cả”. (Trần Duy trả lời RFI)

Vẫn theo lời Trần Duy, Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang thường hay cãi nhau. Vậy sự bất đồng ý kiến đó là gì ? Có phải về mục tiêu đấu tranh, hay là cái gì khác ?

Lê Đạt viết trong bài “Thú Nhận”:

“Về mục tiêu đấu tranh của Nhân Văn: Một mặt, lật đổ bộ phận lãnh đạo mà tôi cho là bè phái (đồng chí Tố Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi), một mặt nữa đấu tranh với trung ương về tự do dân chủ, tôi tán thành nhưng vẫn muốn đấu tranh bằng hình thức văn nghệ. Lúc đó tôi có khuyên Hoàng Cầm nên đẩy mạnh mặt văn nghệ của tờ báo còn phần đấu tranh cho tự do dân chủ thì làm một phần nhẹ thôi” (Lê Đạt, Thú Nhận).

“Xét cho cùng lúc đầu tôi với Nguyễn Hữu Đang chỉ khác nhau về chiến thuật. Tuy không tham gia biên tập nhưng khi in số 1 thỉnh thoảng tôi cũng có đến”. (Lê Đạt, Thú Nhận).

Nhân Văn số 1: Ra ngày 20.9.56, gồm những bài chính: Bài thơ Nhân Câu Chuyện Mấy Người Tự Tử của Lê Đạt, bài Tiến Tới Xét Lại Một Vụ Án Văn Học: Con Người Trần Dần của Hoàng Cầm, Bức Tranh Nguyễn Sáng vẽ Trần Dần với vết sẹo trên cổ và bài Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường trả lời về vấn đề mở rộng tự do dân chủ.

Nhân Văn số 2: Ra ngày 30.9.1956, với ba bài chính: Phấn Đấu Cho Trăm Hoa Đua Nở của Trần Duy, Đào Duy Anh Trả Lời Về Vấn Đề Mở Rộng Tự Do Dân Chủ và bài Trả Lời Bạn Nguyễn Chương Và Báo Nhân Dân, do Nguyễn Hữu Đang viết.

Nhân Văn số 3: Nhân Văn số 3 (ra ngày 15.10.1956), xác định rõ ràng hơn đường lối tranh đấu cho tự do dân chủ với hai bài chính *Nỗ Lực Phát Triển Dân Chủ* của Trần Đức Thảo và *Đặng Văn Ngữ Trả Lời Về Mở Rộng Tự Do Dân Chủ*.

Sau Nhân Văn số 3, có hai sự việc quan trọng xảy ra: Trung ương tổ chức tọa đàm và Trần Duy lên gặp Thủ Tướng Phạm văn Đồng.

Trần Duy thuật lại trên RFI:

“Tôi gặp anh Phạm văn Đồng, ông Đồng gọi tôi lên, khi đó là số 3 rồi. Khi đó có những tin đồn là Nhân Văn muốn ngã về những mouvement, những Phong Trào đòi dân chủ ở Hung hay là ở Nam Tư gì đó, thì anh Đồng có cho gọi Ban Biên Tập và Tòa Soạn lên, cuối cùng anh em bảo Trần Duy lên gặp, thì tôi lên. Việc tôi lên gặp ông Đồng cũng có một số anh em tán thành, một số không tán thành, cho rằng như thế là tự mình ràng buộc với...chính quyền.

Nhưng tôi nghĩ rằng anh không thể nào vượt chính quyền được và anh không thể nào vượt khỏi tổ chức của đảng được, không thể chống lại được nó, làm cái gì cũng phải nằm trong cơ sở tổ chức của đảng thôi. Tôi lên gặp ông Đồng. Thái độ của ông Đồng rất cởi mở, gặp tôi bảo: Tôi hiện nay rất bận (...), tôi ủy cho anh Phan Mỹ thay tôi để giải quyết những vấn đề gì của anh em còn vướng mắc, theo tôi thì đừng nói chữ đấu tranh, các anh cần gì, yêu cầu gì, các anh cứ việc đề ra và chúng tôi giải quyết chứ đừng đấu tranh, đòi hỏi cái gì mà phải đấu tranh (...). Ông Đồng đi thì tôi ngồi nói chuyện với anh Phan Mỹ, anh Phan Mỹ bảo: Các anh cần gì, vấn đề tài chính thì tất nhiên chính phủ làm được việc đó, các anh cần mua giấy thì chúng tôi cấp giấy cho các anh mua.

Xong việc ấy tôi về gặp anh em ở một cái quán nhỏ đầu Hàng Nón, mọi người ở đấy, có Văn Cao, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt...và tôi. Một lúc thì Đang đến, tôi nói chuyện tôi gặp như thế thì tất cả mọi người, trừ Lê Đạt, đều cho rằng thái độ của tôi là thái độ đầu hàng”.

(Trần Duy, trả lời RFI).

[Theo tin trong Nhân Văn số 3: Sở dĩ Nhân Văn phải bán giá cao hơn các báo khác, vì “chỉ được cơ quan mật dịch trung ương cung cấp giấy đủ để in 2000 số”, trong khi số 2, in 6000 và số 3, in 7000 số, vì vậy phải mua thêm giấy ngoài thị trường với giá đắt gấp đôi giá mật dịch”. Tin trong Nhân Văn số 4: “Kỳ này, in 12.000 số, mà vẫn chỉ được sở báo chí và mật dịch trung ương cung cấp giấy đủ in 2000 số, tuy chúng tôi đã nhiều lần xin thêm].

Trung Ương Tổ Chức Tọa Đàm

Về việc trung ương tổ chức tọa đàm, Võ hồng Cương, cục phó cục tuyên huấn, trong bài tổng kết *“Cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận văn nghệ hiện nay”* (văn nghệ quân đội, số 6, tháng 6.58), viết:

“Ngay từ khi chúng xuất bản “Giai Phẩm Mùa Thu” tập I và Nhân Văn số I, giới văn nghệ sĩ ta đã thấy rõ tính chất phản động của chúng, nên đã kịp thời phê phán chúng trước dư luận nhân dân. Trung ương đảng lao động Việt Nam muốn mở đường cho chúng hối cải, nên tuy rất bận về công tác sửa sai rất khẩn trương, cũng đã để thì giờ gặp chúng đến ba lần, để nghe chúng phát biểu thắc mắc nguyện vọng và nghe chúng phê bình sự lãnh đạo của cán bộ phụ trách văn nghệ của đảng rồi khuyên bảo chúng những điều nên làm và những việc nên tránh”. (Hồng Cương, văn nghệ quân đội, số 6, tháng 6.58, trang 36).

Theo tin trên Nhân Văn số 4 (5.11.56), thì ngày 20.10.56 bắt đầu cuộc tọa đàm giữa đại diện ban chấp hành trung ương đảng lao động Việt Nam và các ngành văn học nghệ thuật. Ba buổi tọa đàm này được tổ chức những ngày: 20, 21, và tối 23.10.56. Nhân Văn đề cử ba đại biểu đến tham dự.

Như vậy những buổi tọa đàm này không chỉ dành riêng cho Nhân Văn. Một trong ba người của Nhân Văn đi dự tọa đàm là Trần Dần. Hai người kia có thể là Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang.

Lê Đạt viết trong bài *Thú Nhận*:

“Sau cuộc tọa đàm với trung ương, tôi viết bài “Hoan nghênh trung ương đảng lắng nghe cán bộ và quần chúng” để gây thanh thế cho báo Nhân Văn. Một mặt khác tôi luôn luôn đã kích chuyên chính vô sản mà tôi cho là độc tài. Tôi tung ra trong anh em lập luận: “Từ khi về hòa bình mất đối tượng đế quốc và địa chủ, đảng chĩa mũi dùi chuyên chính vào nhân dân”. (Lê Đạt, *Thú Nhận*)

Trần Dần viết lời “*Thú Nhận*” như sau:

“Khoảng Nhân Văn số 3, tôi được cử đi gặp trung ương đảng. Tôi chuẩn bị kết án sự lãnh đạo văn nghệ trước, và đòi Trăm Hoa Đua Nở. Song mọi người nói cả rồi nên thôi (sau có viết bài đăng báo Nhân Văn). Trước cuộc họp tọa đàm này, Nguyễn Hữu Đang có họp [Nhân Văn] tôi không dự, nội dung đâu như chuẩn bị ra một số đặc biệt, lợi dụng cuộc tọa đàm với trung ương đem mọi lời phát biểu phơi trần ra công khai đánh vào đảng”. (Trần Dần, *Thú Nhận*).

Theo lời khai trên đây của Trần Dần, thì từ số 3, Trần Dần không còn “ở ngoài” *Nhân Văn* (như ông đã khai ở đoạn trên) mà đã vào trong *Nhân Văn*, vì được cử đi gặp trung ương. Trần Dần đến dự buổi tọa đàm này với mục đích “kết án sự lãnh đạo văn nghệ” và “đòi hỏi Trăm Hoa Đua Nở”, nhưng chưa kịp nói thì “mọi người đã nói cả rồi”. Tuy ông không cho biết *mọi người* là những ai, nhưng điều này chứng tỏ nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, đối diện với trung ương đảng, trong các buổi tọa đàm tháng 10.56, có vẻ dứt khoát không sợ hãi gì cả. Và đi dự tọa đàm về họ còn viết hai bài rất mạnh trên Nhân Văn số 4:

- Bài *“Sự thật về vụ xúc phạm Thi Sĩ Nguyễn Bính và báo Trăm Hoa”* ký tên Người Quan Sát (có thể là của Nguyễn Hữu Đang) nêu lên việc Nguyễn Bính bị hành hung vì không đăng bài đã kích Nhân Văn trên báo Trăm Hoa, và yêu cầu Thủ Tướng (Phạm văn Đồng) lưu ý vụ này.

- Bài *“Hoan nghênh trung ương đảng lắng nghe cán bộ và quần chúng”* ký tên Nhân Văn, do Lê Đạt viết, đề cao hành động của *“anh em văn nghệ đã đứng trong hàng ngũ tiên phong đấu tranh cho tự do dân chủ”* và chỉ trích những kẻ đã gán cho họ cái mũ *“phản động”*.

Về phía trung ương đảng, kết quả các buổi tọa đàm được Võ hồng Cương đánh giá như sau:

“...Chúng đã cố tình chống đối. Chẳng những chúng đã không nghe những lời khuyên bảo chân thành đầy thiện ý của trung ương, mà còn lợi dụng những buổi gặp gỡ đó để tuyên truyền xuyên tạc, tự đề cao uy tín và tiến hành hoạt động phá hoại. Chẳng những chúng đã không chịu đứng ở phạm vi đấu tranh nội bộ về vấn đề văn nghệ mà chúng còn cố tình chuyển sang chống đối về chính trị công khai và trắng trợn.

Từ Nhân Văn số 4 trở đi, tức là sau khi bọn phản cách mạng ở Hung-ga-ry được bọn đế quốc giúp đỡ, đã thực hiện được vụ bạo động phản cách mạng ở Buy-đa-pet, thì chúng đã chuyển hẳn sang chống đối bằng chính trị, kích động quần chúng biểu tình chống lại đảng và chính phủ ta nhân lúc quốc hội ta đang họp”. (Hồng Cương, văn nghệ quân đội, số 6, tháng 6.58, trang 36).

Việc tọa đàm của trung ương và việc Trần Duy lên gặp Thủ Tướng Phạm văn Đồng không có kết quả: Nhân Văn số 4 nghiêng hẳn sang đấu tranh chính trị.

Ngõ quặt chính trị của Nhân Văn số 4

Nhân Văn số 4 ra ngày 5.11.1956, Nguyễn Hữu Đang lần đầu tiên ký tên thật, trong bài xã luận chính *Cần Phải Chính Quy Hơn Nữa*, ông đặt vấn đề cần phải xây dựng một nhà nước pháp trị.

Ngoài hai bài *Sự Thật Về Vụ Xúc Phạm Thi Sĩ Nguyễn Bính Và Báo Trăm Hoa*, và *Hoan Nghênh Trung Ương Đảng Lãnh Nghe Cán Bộ Và Quần Chúng*, đã nói ở trên, Trần Duy viết bài *Thành Thật Đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ*, chỉ trích đảng cố tình đàn áp tờ Nhân Văn. Phùng Cung xuất hiện với truyện ngắn *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh*. Văn Cao đăng bài *Những Ngày Báo Hiệu Mùa Xuân*. Thanh Châu viết phóng sự *Mua Hàng Mậu Dịch*.

Những bài chính luận và sáng tác trong Nhân Văn số 4 mang tính cách đấu tranh chính trị, xã hội rất mạnh.

Hoàng Cầm viết trong bản "tự thú":

"Từ sau số 3 Nhân Văn, càng ngày tôi càng thấy tờ báo bị công kích dữ, nhất là sau số 4, Nhân Văn bị thi hành kỷ luật, [Nhân Văn bị thi hành kỷ luật vì số 4, nộp lưu chiểu chậm. Cảnh cáo đầu của chính quyền]. Tôi bắt đầu chùn và muốn lảng ra, không phải vì tư tưởng chống đảng đã giảm đi mà chính là vì sợ, muốn tìm chỗ yên thân, nên tôi lại cố sức đi vận động Trần Duy đóng cửa báo. Muốn lảng ra không được, tên Trần Đức Thảo lại thuyết phục, tôi vẫn bị hút vào, nhưng vẫn chân trong chân ngoài chỉ chực trốn. Thời kỳ cuối Nhân Văn, cái tính chất "văn dốt, vũ rât" của tôi biểu hiện rất rõ ràng: Nghe ý kiến của Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang nêu ra những "trách nhiệm với lịch sử" để tiếp tục ra báo, tôi cũng thấy phải. Về gặp Văn Cao, Trần Dần nêu ra vấn đề "đóng cửa báo, vì tờ báo đang phiêu lưu, dễ bị đánh chết" tôi lại thấy phải". (Hoàng Cầm, Thú Nhận).

Qua lời khai của Hoàng Cầm thì, sau số 4, Hoàng Cầm, Văn Cao, Trần Dần muốn rút lui, đóng cửa báo, trong khi Nguyễn Hữu Đang, Trần Đức Thảo và Lê Đạt nhất quyết tiếp tục ra báo trong hướng đấu tranh chính trị.

Vai trò hướng dẫn tư tưởng của Trần Đức Thảo, và hướng dẫn văn bản của Lê Đạt nổi bật trong Nhân Văn số 4.

Trần Dần khai:

"Tôi Nhân Văn số 4 tôi nhận được giấy triệu tập đến họp về vấn đề: Báo có chuyển sang chính trị hay không? Trần Duy ký. Địa điểm ở nhà Trần Duy. Thực ra từ số 1 bọn Đang, Phan Khôi đã đòi làm chính trị và báo Nhân Văn đã đề cập đến vấn đề tự do dân chủ ở mức độ nào đó rồi. Âm mưu chính trị có từ đó, đến nay nhân thời cơ thế giới, bọn họ muốn đẩy mạnh phần chính trị lên hàng làm sôi sục tình hình Việt Nam, gây ra những sự biến chính trị, nếu có thể. Tôi nghĩ thấy sự nguy hiểm đó, tuy không rõ. Đến cuộc họp tôi can họ "sang chính trị sẽ bị bóp chết ngay". Vẫn chỉ là cái ý thức sợ Phong Trào bị tổn thất nặng. Song Trần Đức Thảo (tôi gặp lần đầu) hẳn nói: "Văn nghệ và chính trị không thể tách được, không có tự do dân chủ, làm sao có tự do sáng tác? Báo nên sang mọi vấn đề chính trị tùy cách mà bàn thôi!" Ý kiến hẳn có poids [có trọng lượng], cuộc họp bị hẳn dắt mũi đi.

Tình hình gay gắt lắm rồi, tôi tìm Văn Cao. Văn Cao bảo "nên vận động đóng cửa báo, anh em đỡ thiệt hại, trên có đánh sẽ bị hăng! Tôi hoàn toàn đồng ý. Đi vận động một số người đã ngã rồi, đến cuộc họp có Trường Xuân dự (bịa tin là Hồ chủ tịch bảo con dao mổ trâu không đem giết gà) thì anh em lại bị bọn Trần Duy, Trường Xuân chúng dắt đi". (Trần Dần, Thú Nhận).

Lê Đạt trong bài "Thú Nhận", viết:

"Lúc này tôi vẫn còn ở trong đảng, nhưng tư tưởng chống đối trong tôi đã phát triển mạnh.

Tôi còn tán thành và đi nói với anh em quan điểm của Nguyễn Hữu Đang. Bản thân tôi cũng từng nói "đảng trị" cho nên trong cuộc họp số 4, Trần Đức Thảo, Trần

Duy đưa ra chủ trương đề cập đến những vấn đề chính trị mạnh hơn nữa tôi cũng đồng ý”. (...)

“Tôi góp ý kiến với Trần Duy trong bài “Thành Thật đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ” sửa chữa nhiều đoạn:

“Đấu tranh cho tự do dân chủ là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ vì nó là một cuộc tấn công quyết liệt vào những tệ lậu hủ bại của xã hội. Nó sẽ bị những phần tử tệ lậu và hủ bại hiện đương còn quyền hành và thế lực cản trở xuyên tạc phá hoại có khi bằng cả những phương pháp đen tối độc ác (chỗ này tôi ám chỉ các đồng chí lãnh tụ) đấu tranh cho tự do dân chủ không bao giờ chỉ là một công việc thuần túy có tính chất quần chúng rộng rãi (...).

Để tấn công quan điểm vô sản chuyên chính của đảng, tôi vận động Thanh Châu viết bài “Mậu dịch” và còn dự định vận động Thanh Châu viết về vấn đề nhà cửa. Tôi góp ý kiến về tranh một người đẽo chân cho vừa giày mậu dịch (...).

Tôi lại viết “Lời Tòa Soạn” cho truyện “Con Ngựa Già” của Phùng Cung, đã kích và vu khống lãnh đạo văn nghệ không chú ý đến các nhà văn trẻ” (Lê Đạt, Thú Nhận).

Tóm lại, những cố gắng của trung ương đảng về việc tổ chức tọa đàm và việc gặp riêng Trần Duy, chỉ gây được ít nhiều chia rẽ trong nội bộ Nhân Văn, nhưng cuối cùng, khuynh hướng đấu tranh chính trị vẫn thắng. Nguyễn Hữu Đang đặt nền móng đầu tiên cho một nhà nước pháp quyền, trong Nhân Văn số 4, và đến Nhân Văn số 5, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt còn tiến xa hơn nữa.

Nhân Văn số 5 ra ngày 20.11.1956 với hai bài xã luận chính: *Hiến Pháp Việt Nam 1946 và Hiến Pháp Trung Hoa Bảo Đảm Tự Do Dân Chủ Thế Nào ?* của Nguyễn Hữu Đang, nội dung đề nghị sửa đổi Hiến Pháp 1956, hoặc làm một hiến pháp mới, và *Bài Học Ba Lan Và Hung ga ry* ký tên Người Quan Sát, do Lê Đạt viết, ngụ ý nếu chính quyền không chịu cải tổ chính trị thì miền Bắc Việt Nam sẽ trở thành một Ba Lan, một Hung-ga-ry.

Lê Đạt viết trong bài “Thú Nhận”:

“Tôi đồng ý với Nguyễn Hữu Đang đề cập đến vấn đề Hiến Pháp để làm áp lực chuẩn bị cho việc sửa đổi Hiến Pháp sắp đem bàn ở quốc hội (...)

“Trên thế giới lúc đó xảy ra hai sự kiện: Vụ Poznan và vụ Hung-ga-ri. Lúc đó tôi rất bất mãn với nhận định của đảng về vấn đề Hung-ga-ri mà tôi cho là “đổ tất cả cho địch” đồng thời đề ra khẩu hiệu tăng cường chuyên chính. Tôi viết bài “Bài Học Ba Lan, Hung-ga-ri” để làm áp lực đấu tranh với quan điểm đó (...)

Quan điểm của Trần Dân trong bài “Phải Để Cho Trăm Hoa Đua Nở” [Tức là bài “Không Có Lý Gì Mà Không Tấn Thành Trăm Hoa Đua Nở” ký tên H.L, trên Nhân Văn số 5] cũng là quan điểm của tôi và Trần Dân thường bàn chủ trương “đảng không thể quyết định, quần chúng mới là trọng tài tối cao”. (Lê Đạt, Thú Nhận).

Nhân Văn số 6

Về Nhân Văn số 6, Trần Duy cho biết:

“Xong số 3 thì tôi chuẩn bị mấy số sau, tôi chuẩn bị cái affiche về Ba Lan thì chính tôi lên tiếp xúc với Sứ Quán Ba Lan, họ cho tôi tất cả tài liệu, affiche, tranh ảnh về Ba Lan và tôi đang định làm số đó. Nhưng sau vụ tôi lên gặp ông Đồng ấy, thì ông Đang ông dùng dùng ông tự động thay đổi. Lê Đạt cũng bảo cái chuyện mà Đang lên nhà in tự động thay đổi nội dung rất là nguy hiểm. Thì rồi xảy ra việc mà bên công an can thiệp, nhưng không can thiệp đến ban biên tập, không can thiệp đến người, chỉ đình số báo lại và không cho phát hành. Nếu số báo ấy ra thì chưa biết tình hình sẽ đi đến đâu. Tất cả số báo đó tôi hoàn toàn không biết”

(Trần Duy trả lời RFI).

Lê Đạt viết trong lời Thú Nhận:

“Đến số 6, Đảng mượn được một số France Observateur, bàn nên ra một số đặc biệt về Ba Lan. Tôi rất tán thành cho rằng đảng ta hay bưng bít tài liệu bây giờ đấu tranh bằng cách trình bày những tài liệu nước ngoài tác dụng rất tốt mà đảng có muốn phê bình cũng không làm gì được. Đây cũng là một chiến thuật tốt để tán công đảng”.

Bài vở số này do Đảng và Trần Duy sắp xếp. Về bài xã luận của Nguyễn Hữu Đang tôi cũng xem cũng như những bài xã luận mấy số 4, 5 trước khi Nguyễn Hữu Đang đưa in. Đọc đến chỗ “nhân dân có quyền biểu tình”, tôi hỏi. Nguyễn Hữu Đang trả lời “báo nhân dân đã khỏe chửi, đánh cho một đòn như thế là chịuæ. [Chỗ này chắc Nguyễn Hữu Đang chơi chữ: Lê Đạt hỏi nhân dân, Nguyễn Hữu Đang trả lời Nhân Dân]

Lúc đó tất cả tâm trí tôi chỉ lo đối phó với các báo của đảng, nên đồng tình. Trong lúc đương in số 6, thì Phong Trào phản đối lên mạnh. Tôi muốn đóng cửa. Nhưng trong cuộc họp chủ trương tiếp tục, Trần Đức Thảo và Trường Xuân, Phan Khôi thẳng thắn. Nhưng kết quả báo cũng bị đóng cửa. Tôi ngại chi bộ thi hành kỷ luật và cũng hoang mang, ngại sự phẫn nộ của quần chúng không biết làm thế nào nên lánh mặt và không gặp anh em nữa”.

“Đôi lúc tôi có nghĩ “Giá có biểu tình để trung ương thay đổi đường lối thì tốt”. Nhưng lại lo không muốn biểu tình xảy ra vì nếu có “một là tôi sẽ bị bắt vào Hỏa Lò, hai là trong lúc hỗn quân hỗn quan sẽ bị treo cổ”.

“Giữa tôi và Nguyễn Hữu Đang lúc đầu không phải là khác nhau về lập trường chống đối mà chính chỉ khác nhau về phương pháp mà thôi”. (Lê Đạt, “Thú Nhận”)

Như vậy, trong những ngày cuối cùng của Nhân Văn: Trần Đức Thảo và Phan Khôi vẫn là những kiện tướng, Trường Xuân không rõ là ai.

Ngày 09.12.1956, Hồ chí Minh ký sắc lệnh: Báo chí phải “phục vụ công nông binh”, phục vụ nền “chuyên chính vô sản”. Phạt tù 5 năm đến khổ sai chung thân kể nào vi phạm những cấm điều.

Theo Hoàng Văn Chí, những điều khoản trong sắc lệnh 15.12.56 đã được ban bố từ tháng 10.54, sau khi tiếp thu Hà Nội. Nhưng lúc đó báo chí phần lớn đều là của đảng, nên những cấm điều chỉ “giao hẹn mồm” mà vẫn được áp dụng triệt để:

- Không được chống chính phủ, chống chế độ.
- Không được xúi dục nhân dân làm loạn.
- Không được nói xấu các nước bạn.
- Không được tiết lộ bí mật quân sự.
- Không được đăng bài vở có phương hại đến thuần phong mỹ tục.

(THĐNTĐB, trang 31).

Nhưng từ khi Nhân Văn-Giai Phẩm xuất hiện, những tờ báo “đổi lập” này không tuân thủ những cấm điều nữa: Nội dung bài vở chuyển tải rõ ràng ý chống đảng, chống chế độ.

15.12.1956, Nhân Văn số 6 đang in, bị chặn lại và bị thu hồi.

Chúng ta vừa nhìn lại quá trình hình thành và một số sự kiện xảy ra trong nội bộ báo Nhân Văn. Rất tiếc là điều kiện tài liệu hiện nay chưa thể soi tỏ những gì xảy ra trong nội bộ *Giai Phẩm*. Nhưng qua những chứng nhân, đặc biệt của Lê Đạt trong phần *Thú Nhận*, ông cho biết rõ sự thực về hậu trường Nhân Văn, về sự tranh đấu cũng như óc chia rẽ, phân hóa trong mỗi con người, trước hoàn cảnh lịch sử.

Về mặt văn bản, *Nhân Văn*, với những bài viết của Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt...mở mặt trận đấu tranh chính trị. *Giai Phẩm* với những bài của Trương Tửu, Trần Đức Thảo...mở mặt trận tư tưởng. Phan Khôi như một vị thủ lĩnh tinh thần của hai tờ báo.

Toàn bộ Nhân Văn-Giai Phẩm là một kết hợp chặt chẽ giữa văn nghệ sĩ và trí thức trong cuộc đấu tranh cho tự do sáng tác và tự do dân chủ. Hai hình thái đấu tranh này đi đôi với nhau, không thể tách rời, như lời Trần Đức Thảo: “Văn nghệ và chính trị không thể tách được, không có tự do dân chủ, làm sao có tự do sáng tác?”

PHẦN VI
TRÍ THỨC VÀ DÂN CHỦ TẠI VIỆT NAM TRONG THẾ KỶ XX
MỘT TRUYỀN THÔNG ĐẤU TRANH TỪ PHAN CHÂU TRINH, HOÀNG ĐẠO ĐẾN
NHÂN VĂN-GIAI PHẨM.

Bài Phê bình lãnh đạo văn nghệ của Phan Khôi là văn bản “*hỏi tội triều đình*” trực tiếp và gay gắt nhất, mà cho đến nay chưa một trí thức nào dám làm. Văn bản này sẽ mãi mãi trụ lại như một bài văn tiêu biểu cho sự can trường của một nhà trí thức hiện đại trong Thế Kỷ XX, trước sự độc tài của một thể chế, không khác gì các sứ dâng vua trăm tấu bọn gian thần thời phong kiến

Những bài viết chủ yếu trong Nhân Văn-Giai Phẩm gồm hai loại:

Loại bài *chính luận trực tiếp định hướng tư tưởng* của các nhà trí thức và loạt bài *sáng tác dân thân nói lên khát vọng tự do* của các văn nghệ sĩ. Hai thể loại này đan cài và bổ sung cho nhau, tạo nên làn sóng đấu tranh toàn diện cho tự do dân chủ và tự do tư tưởng.

Trí thức trong vị trí dẫn đường, được xếp vào loại A. *Văn Nghệ Sĩ*, ít “nguy hiểm” hơn, loại B (nhật ký Trần Dần ghi, trang 245).

Vì *trí thức* và *dân chủ* là hai trục chính: *Trí thức dẫn đường* và *dân chủ là mục đích đấu tranh*, cho nên trước khi phân tích nội dung tranh đấu của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, chúng ta cần phải tìm hiểu hai khái niệm chủ chốt: Thế nào là trí thức? Thế nào là dân chủ? Hai khái niệm này giữa địa vị như thế nào ở Việt Nam trước và trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm?

Trong điều kiện tài liệu hiện nay, Nguyễn Mạnh Tường là nhà trí thức duy nhất đã để lại những trang viết mà ngày nay chúng ta có thể dựa vào như một tài liệu chính trị, xã hội, phản ảnh vai trò của người trí thức trong giai đoạn đấu tranh cho tự do dân chủ những năm 50 ở miền Bắc.

Phan Châu Trinh Và Dân Trị Chủ Nghĩa

Khái niệm tự do dân chủ phát xuất từ Tây phương, nhưng trái với một số lập luận cho tới ngày nay, vẫn còn cho rằng tự do dân chủ không phù hợp với tinh thần phương Đông nói chung và không thể áp đặt cho Việt Nam nói riêng.

Sự thực khác hẳn, tự do dân chủ không xa lạ gì với người Việt, bởi: “*Khái niệm tự do dân chủ đã theo chiến hạm Pháp nhập vào nước ta từ cuối thế kỷ XIX*” (Hoàng Đạo).

Phan Châu Trinh là người đầu tiên chủ trương chống Pháp bắt bạo động, nâng cao dân trí và xây dựng một thể chế dân chủ pháp trị.

Từ Pháp trở về Việt Nam năm 1925, cuối năm 1925, Phan Châu Trinh đọc hai bài diễn văn tại Hội Thanh Niên Sài Gòn: *Quán Trị Chủ Nghĩa Và Dân Trị Chủ Nghĩa* và *Đạo Đức Và Luân Lý Đông Tây*. Bài *Quán Trị Chủ Nghĩa Và Dân Trị Chủ Nghĩa*, là luận văn cơ bản giải thích thế nào là quân chủ và thế nào là dân chủ, chia làm ba phần.

Phần đầu, Phan Châu Trinh xét bốn nước Á Đông Tàu, Nhật, Cao Ly [Triều Tiên] và Việt Nam, có cùng một nền Văn Hóa gốc, ông viết:

“Lạ là trong cái xứ Á Đông này có bốn nước đồng văn, mà đồng sùng cái quân chủ chánh thể, mà đồng tự xưng là sùng thượng nho giáo, vậy mà làm sao từ hồi cái văn minh bên Âu Châu tràn sang cõi Á Đông đến nay, thì chỉ có người Nhật

Bản bỏ ngay cái học cũ mà làm theo lối mới (...) thì sự giàu mạnh ngó thấy liền trước mắt, chừng trong bốn mươi năm thì đã sánh vai với liệt cường (...)

Còn chỉ chưa có ba nước là Tàu, nước Cao-ly và An-nam ta, dân thì nghèo, nước thì yếu, cái phần người đốt nát trong nước thì chiếm 80 phần trong một trăm. Còn gọi là người thượng lưu, trung lưu, chẳng qua là bọn bát cổ [khoa bảng] đã chiếm hai phần ba, thiệt chẳng biết cái nho học là gì, mà cũng nhắm mắt lại chê càn cái văn minh mới là mọi rợ!

Nhưng mà nay cái Phong Trào [dân chủ] trong thế giới nó mãnh liệt lắm: Ai thuận theo nó mà đi thì thuận buồm xuôi gió, ai không thuận theo nó thì cũng bị xô đẩy mà đổ lướt đi như rác cỏ” (Pháp-Việt liên hiệp hậu tri tân Việt Nam (Nước Việt Nam mới sau khi Pháp Việt liên hiệp) trích tuyển tập Phan Châu Trinh do Nguyễn Văn Dương biên soạn (nhà xuất bản Đà Nẵng 1995, trang 793-794).

Phan Châu Trinh Đã Thấy Rõ Hiệu Quả Dân Chủ Của Nước Nhật.

Trong phần thứ nhì, ông nhìn lại *chủ nghĩa quân trị* (chế độ quân chủ) từ thời tiên Tần đến Thế Kỷ XX: Quân trị tàn ác đốt sách Đời Tần, quân chủ chuyên chế khôn khéo ở Á Đông, và ông định nghĩa: *Quân trị là nhân trị* (cai trị bởi một người), là một nước có luật pháp nhưng do một ông vua làm nên, dân chẳng biết gì.

Và trong phần thứ ba, Phan Châu Trinh bàn đến *chủ nghĩa dân trị* (chế độ dân chủ): Theo ông, điều đáng lo ngại nhất ở nước ta là dân trí kém, ở các nước khác trên thế giới, chỉ cần có một ít ảnh hưởng văn minh Âu Châu là người ta hiểu ngay được thế nào là tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, vấn đề dân chủ, dân trị.

Đối với người Việt Nam đầu Thế Kỷ XX, vì trình độ dân trí còn kém, Phan Châu Trinh cắt nghĩa ngắn gọn cho mọi người hiểu: Dân trị là cứ bảy năm người dân bầu lại ông Giám Quốc (Tổng Thống) một lần, còn quân chủ, vua là cha truyền con nối. Dân trị có nghị viện do dân bầu lên, giữ quyền lập pháp. Quyền hành pháp giao cho quan tòa, thuộc Ngành Tư Pháp, ở trong chính quyền nhưng có vị trí độc lập. Phan Châu Trinh kết luận: *“Nói tóm lại, dân trị tức là pháp trị. Quyền hạn và bổn phận của mỗi người trong nước, bất kỳ người làm việc nhà nước hay là người thường, đều có pháp luật chỉ định rõ ràng, không khác gì là đã có đường gạch sẵn, cứ trong đường ấy mà đi, tự do muốn bước tới bao nhiêu cũng được, không ai ngăn trở cả. Chỉ trừ khi nào xâm lấn đến quyền hạn của người khác thì không được mà thôi”.*

Như vậy ngay từ 1925, Phan Châu Trinh đã cắt nghĩa rõ ràng và ngắn gọn, những điều căn bản A, B, C, về vấn đề dân chủ. Và ông mắng thẳng *“bọn bát cổ [khoa bảng], thiệt chẳng biết cái nho học là gì, mà cũng nhắm mắt lại chê càn cái văn minh mới là mọi rợ!”*

Đáng buồn là gần một thế kỷ đã trôi qua, ngày nay vẫn còn có những “trí thức bát cổ” nói: “dân chủ là ý niệm của Tây phương”, “tự do là muốn làm gì thì làm”, “các đảng đối lập là phản động”, may mà cụ Phan mất đã hơn 90 năm, nếu cụ còn sống, không biết cụ sẽ nói sao với những “giáo sư”, những “trí thức” này!

Con đường giáo dục dân chủ quần chúng được Phan Châu Trinh đề ra từ năm 1925, hơn mười năm sau, Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, tiếp tục kêu gọi việc giáo dục quyền công dân, quyền làm người, và ông đứng trên bình diện một nhà luật học, sử dụng quyền tự do dân chủ, để tranh đấu bằng ngòi bút với người Pháp.

Hoàng Đạo Và Dân Chủ

Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, em Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và cũng là một trong những người lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng, là nhà văn đầu tiên đã sử dụng *quyền tự do dân chủ một cách có hệ thống để chống lại chế độ thuộc địa Pháp.*

Một trong những ngòi bút chính của Tự Lực Văn Đoàn, xuất thân luật gia, ông đổ vào trường Luật Đông Dương, Hà Nội, năm 1924 và tốt nghiệp năm 1927. Ngay

từ 1933, trên Phong Hóa, dưới bút hiệu Tứ Ly, ông đã viết những bài châm biếm đã kích toàn bộ hệ thống quan lại của chính quyền thuộc địa và bài trừ hủ tục trong xã hội Việt Nam. Trên báo Ngày Nay, từ 1937 đến 1939, Hoàng Đạo hoàn tất những hồ sơ lớn về *Vấn đề thuộc địa*, *Vấn đề cần lao*, *Công dân giáo dục*, nội dung phê phán chính quyền thuộc địa, chỉ trích sự vi phạm nhân quyền trong chính sách đánh chiếm thuộc địa của người da trắng, chỉ trích sự vi phạm luật lao động trong chính sách mộ phu và cổ động việc giáo dục công dân về dân quyền và nhân quyền. Tất cả loạt bài này căn bản đều dựa trên *tự do dân chủ*, *quyền làm người*, *luật lao động*, *quyền công dân*, thoát thai từ tinh thần cách mạng 1789 của Pháp.

Trước thực tại Việt Nam đầu Thế Kỷ XX, một nước bị mất chủ quyền, một dân tộc bị Pháp đô hộ, vậy vấn đề đầu tiên cần nói với người Pháp là gì ? Hoàng Đạo trả lời: Là vấn đề thuộc địa.

Sau khi nhắc lại lời Montesquieu: *"lập ra thuộc địa, cốt là để có nơi buôn bán có lợi hơn là buôn bán với các nước láng giềng"*, Hoàng Đạo đánh thẳng vào sự phân biệt kỳ thị giữa mầu quốc và người bị trị: *"Những dân bản xứ, vì khác loài, khác giống, da đỏ, da đen, mũi tẹt, môi dày, đều bị coi là một hạng nửa người nửa thú, không đáng đứng ngang hàng với dân mầu quốc về hết thấy phương diện"*. Rồi ông nhấn mạnh: *"Họ chịu làm thuộc địa chỉ là một sự bất đắc dĩ, sau một cuộc tàn sát khốc hại. Họ phải lùi, bó tay hàng trước sức mạnh"*.

(Vấn đề thuộc địa, Thuộc địa Ký-ước, Ngày Nay số 74, 29.8.1937).

Với những người Pháp yêu chuộng tự do dân chủ, Hoàng Đạo gửi tới họ những khát vọng của dân Việt: *"Người Nam chỉ ao ước một điều: Là được những sự tự do của nền dân chủ và được dần dà coi ngó, đảm đang lấy việc công trong nước của họ. Ngày nào dân Annam có quyền, trong sự tự do, tự kén chọn lấy những người cầm quyền cai trị họ, ngày ấy nguyện vọng của người Nam đã đạt được nhiều rồi vậy"* (Vấn đề thuộc địa, Thuộc địa Pháp-Chính sách, Ngày Nay số 80, 10.10.1937).

Kết tội chính sách thuộc địa dã man của Anh, Tây Ban Nha, Hoàng Đạo nhắc người Pháp rằng chính sách thuộc địa của họ là bất hợp pháp và nếu họ không thay đổi chính sách cai trị thì người Việt sẽ nổi lên chống lại.

Loạt bài *Vấn đề thuộc địa*, tổng hợp những lý luận chặt chẽ, kiến thức uyên bác, tầm nhìn rộng về thế giới bên ngoài, về lịch sử chinh phục thuộc địa, về sự tiến hóa của luật pháp.

Trong bức thư ngỏ gửi cựu toàn quyền Varenne, về chỉ dụ báo chí 4.10.1927, Hoàng Đạo viết:

"Tôi không cần phải nhắc lại rằng đạo chỉ dụ ấy đã bắt các báo chí ở đây [tức ở là Trung và Bắc, Nam kỳ được hưởng quyền tự do báo chí như ở các nước thuộc địa cũ] phải xin phép mới được xuất bản và phép cho xuất bản chính phủ muốn thu về lúc nào cũng được. Tôi không cần phải nói đến tệ hại của chế độ ấy, tôi đã nói nhiều rồi (...)

Muốn rửa sạch cái tiếng không hay đã đem tên ông đặt vào cái chỉ dụ 1927, ông chỉ còn có một phương pháp, là đem hết tài lực của ông mà xin hủy bỏ cái chế độ không hợp với trình độ của dân tộc Việt Nam ấy đi, để chúng tôi được hưởng một chút tự do, một chút quyền lợi về chính trị mà ông bảo phải đi đôi với công việc giáo hóa" (Thư ngỏ cho ông cựu Toàn Quyền Varenne, Ngày Nay, số 130, 1.10.38).

Hoàng Đạo không chỉ đòi tự do dân chủ cho người Việt, mà ông đòi hỏi tự do, dân chủ, nhân quyền cho toàn bộ những dân tộc bị trị trên thế giới. Khi đối đầu với người Pháp, Hoàng Đạo, luôn giữ thái độ bình đẳng của *người đòi hỏi người*, của *một dân tộc đòi hỏi một dân tộc khác*: Ông khẩn thiết yêu cầu nước Pháp, một nước tự nhận là quê hương, là nguồn cội của *Nhân Quyền*, hãy áp dụng cái *Nhân Quyền* ấy ở Việt Nam.

Về vấn đề cần lao, phản đối tình trạng người lao động bị bóc lột ở Việt Nam nói riêng và *người bóc lột người* ở thời đại kỹ nghệ phát triển nói chung, Hoàng Đạo viết: “*Người ta đem phủ một lượt tro lên sự đốn mạt người bóc lột người. Người ta đem những danh hiệu mới, như tờ cam đoan, tờ giao kèo, lao công cường bách, để che đậy sự thực*” (Vấn đề cần lao, Nô lệ trá hình, Ngày nay, số 133, 22.10.38).

Ông phân tích và đứng trên bình diện luật pháp để phê phán những bất cập, phạm pháp trong các chế độ: *Lao công cường bách* (mộ phu đi rừng cao-su), *luật xã hội, luật lao động, vấn đề thanh tra và nghiệp đoàn...*

Loạt bài *Công Dân Giáo Dục* (viết năm 1939), nhắm vào sự giáo dục dân chủ, Hoàng Đạo giải thích cho người Việt hiểu quyền lợi và trách nhiệm của người *công dân* trong một nước dân chủ, khác với bản phận một *thần dân* dưới thời phong kiến: Muốn được tự do, muốn có dân chủ, thì người dân trước hết phải tự ý thức được cái giá phải trả cho tự do, dân chủ, tức là phải ý thức được sự trưởng thành, độc lập của mình, phải hiểu quyền công dân và trách nhiệm của người công dân. Hoàng Đạo viết: “*Ý tưởng công dân là một ý tưởng mới. Cùng với những ý tưởng khác, có sức mạnh vô cùng, ý tưởng tự do bình đẳng, nhân đạo, công lý, ý tưởng công dân vì một tình cờ trong lịch sử đã theo chiến hạm Pháp nhập vào nước ta vào khoảng cuối thế kỷ trước*” (Công Dân Giáo Dục, Ngày Nay số 160, 6.5.39).

Trong loạt bài này, Hoàng Đạo giải thích rõ ràng các khái niệm mấu chốt: *Hiến pháp, Nhân quyền, Tự do, Ý nghĩa cuộc cách mệnh Pháp, Tự do cá nhân, Tự do tư tưởng, Tự do ngôn luận, Tự do hội họp, Tự do lập hội, Tự do chính trị.*

Như vậy, khái niệm tự do dân chủ đã truyền vào Việt Nam từ cuối Thế Kỷ XIX, với đoàn quân viễn chinh Pháp, và được mở rộng, dưới thời Pháp thuộc, qua ngã học đường, tạo thành một lớp trí thức tân học, đấu tranh cho dân chủ bằng ngòi bút, một lớp văn nghệ sĩ mới, xây dựng nên nền văn học quốc ngữ.

Tình hình Việt Nam khác với tình hình Trung Hoa: Người Hoa không bị Tây Phương đô hộ, họ không tiếp nhận tinh thần tự do dân chủ ở học đường như người Việt. Cho nên không thể máy móc chép lại lập luận của người Tàu “Dân chủ là một khái niệm của Tây phương không phù hợp với tinh thần Đông phương” để áp dụng cho người Việt. Lập luận đó, vừa hạ thấp trình độ của người dân Việt và trí thức Việt trước các dân tộc khác, lại vừa sai lầm, không đúng với thực tế vì nếu chúng ta nhìn lại *quá trình đấu tranh cho tự do dân chủ của người trí thức Việt Nam* qua lý luận pháp luật, từ Hoàng Đạo, thời Pháp thuộc, Nguyễn Mạnh Tường thời Nhân Văn-Giai Phẩm, đến các luật gia trẻ thời nay như Lê Thị Công Nhân, Lê Công Định...Việc đấu tranh do dân chủ ở Việt Nam là một truyền thống có từ đầu thế kỷ XX, từ Phan Châu Trinh đến ngày nay, qua những giai đoạn lịch sử khác nhau.

Nguyễn Mạnh Tường

Sau Hoàng Đạo, Nguyễn Mạnh Tường là người dùng lý lẽ luật pháp để phê bình những sai lầm về mọi mặt trong chính sách cai trị thiếu dân chủ của đảng lao động, đặc biệt trong bài tham luận “*Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo*” đọc trước mặt trận tổ quốc ngày 30.10.1956 trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm.

Sau này, Nguyễn Mạnh Tường để lại hai tác phẩm quan trọng, viết bằng tiếng Pháp, cuốn *Un Excommunié* (Kẻ bị khai trừ), viết về ba “đấu trường” mà ông phải trải qua sau vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, và cuốn tiểu thuyết *Une voix dans la nuit, roman sur le Vietnam 1950-1990-1993, (Tiếng vọng trong đêm, tiểu thuyết về Việt Nam những năm 1950-1990-1993)*, tóm tắt lịch sử cận đại, xuyên qua ba chặng khúc liệt nhất: Cải Cách Ruộng Đất ở thôn quê, Cải cách bất động sản ở Hà Nội, và Chính sách đối với trí thức. Nội dung những tác phẩm này sẽ được đề cập đến sau, ở đây chúng tôi chỉ giới thiệu đoạn ông viết về khái niệm tự do dân chủ trong lòng trí thức

Việt Nam Thế Kỷ XX trong chương *Le problème des intellectuels* (Vấn đề người trí thức):

Trước hết, Nguyễn Mạnh Tường định nghĩa thế nào là trí thức ?

Dùng lời một cán bộ cao cấp, thân cận với giới trí thức, báo cáo lên tổng bí thư, (có thể hiểu như lời Trường Chinh nói với Hồ chí Minh), Nguyễn Mạnh Tường viết:

“Tôi muốn nói những nhà trí thức đích thực, đối cực của thứ trí thức giả hiệu ngược phông những phẩm hàm, những bằng cấp thật giả không sao biết được. (...)

Ở những nhà trí thức đích thực, nhân cách đi đôi với Văn Hóa. Văn hóa ở đây không có nghĩa là kiến thức. Có những người đầy kiến thức, là chuyên viên hàng đầu trong địa hạt hoạt động của mình, nhưng họ vẫn vô Văn Hóa, bởi lối nhìn về con người, về vạn vật của họ ấu trĩ vô cùng. Sự nhận thức thực tế xã hội và con người của họ ngậy ngò lạ lùng!

Họ thiếu cái gì ? Thiếu sự phán đoán được rèn luyện qua sách vở, thiếu sự giao tiếp với con người, thiếu tiếp cận những vấn đề của cuộc sống, thiếu trao đổi tư tưởng với người khác, thiếu sự suy nghĩ sâu xa và đúng đắn về những thành công và thất bại mà kinh nghiệm sống đem lại”. (trích dịch Nguyễn Mạnh Tường, *Une voix dans la nuit, roman sur le Vietnam 1950-1990-1993, Tiếng vọng trong đêm, tiểu thuyết về Việt Nam những năm 1950-1990-1993*, bản đánh máy, chưa in).

Đó là một định nghĩa trí thức của Nguyễn Mạnh Tường qua lời một cán bộ cao cấp cộng sản. Và đây là vị trí của người trí thức đích thực trong xã hội Việt Nam từ xưa đến nay:

“Nhờ nhân cách và Văn Hóa mà người trí thức, trung quân trong thời phong kiến, có uy tín đối với quần chúng và được vương quyền nể trọng. Sau khi thi đỗ, ra làm quan cai trị dân là họ hoàn tất nhiệm vụ của mình.

Trong thời Pháp thuộc, giai cấp quan lại bị mất uy tín vì sa vào vòng thối nát hối lộ, mất đi cái hào quang xưa, trở thành cái bia cho báo chí và quần chúng chế giễu, phỉ báng.

Nhưng lớp trí thức mới được đào tạo từ những trường hay Đại Học Pháp, lại được hưởng niềm tin và kính trọng của quần chúng mà lớp trí thức xưa để lại. Thêm một sự kiện mới nữa: Những nhà trí thức tân học đích thực này đã tiếp nhận tinh thần dân chủ Pháp thoát thai từ cách mạng 1789. Họ không xa lạ gì với vấn đề nhân quyền.

Thừa đồng chí tổng bí thư, cái nguy hiểm là ở chỗ đó: Con trùng dân chủ và nhân quyền đã thấm vào máu, nhất là tầng lớp quan lại xuất thân từ đại học Luật mới mở những năm gần đây. Dĩ nhiên có người vẫn còn chịu ảnh hưởng truyền thống cũ, có người là nạn nhân những di tật người trước để lại, nhưng trong đáy lòng họ, vẫn le lói ngọn lửa dân chủ”.

(Trích dịch Nguyễn Mạnh Tường, *Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm*)

Mượn lời một cán bộ cao cấp báo cáo tính hình trí thức lên vị tổng bí thư về mối hiểm nguy của tinh thần dân chủ trong người trí thức tân học, tinh thần đó đã đi vào máu, đã ở trong tim họ, để vị tổng bí thư tìm cách đối phó, Nguyễn Mạnh Tường muốn phản ảnh hai thực tại:

- Trí thức thâm nhuần dân chủ là một lực lượng đáng ngại đối với chế độ cộng sản.

- Những người lãnh đạo cộng sản hiểu rõ vấn đề trí thức và dân chủ hơn ai hết. Họ phân biệt hai loại: Trí thức thật và trí thức giả. Trí thức giả là bọn bồi bút, để chính quyền sai bảo, và trí thức thật, có uy tín với quần chúng, mới là những người mà đảng cần phải thanh trừng, bởi đó là mối hiểm nguy: Họ mang trong người tinh

thần dân chủ, họ chống lại chính sách độc tài đảng trị và họ chuyên chờ ý thức tự do cá nhân, chống lại chủ nghĩa tập thể, đó là những điểm mà những nhà lãnh đạo cộng sản không thể chấp nhận được.

Nhờ sự giải thích của Nguyễn Mạnh Tường trong tiểu thuyết *Tiếng vọng trong đêm*, mà chúng ta có thể hiểu rõ hơn phương pháp và mục đích đấu tranh của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, hiểu được mức hậu thuẫn sâu xa của quần chúng đối với Phong Trào và hiểu sự đàn áp của chính quyền cộng sản đối với trí thức văn nghệ sĩ tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm.

Dập tắt được Phong Trào *Nhân Văn-Giai Phẩm* tức là dẹp tan tinh thần tự do dân chủ và nghiền nát tầng lớp trí thức đích thực, chỉ để lại những "trí thức" lo "sống sót đến ngày nay là vì biết sợ" như lời Nguyễn Tuân. Tinh thần dân chủ đã bị "đánh tận gốc, tróc tận rễ" từ năm 1958, cùng với sự trừ dập những thành viên của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm và ngày nay không dễ gì xây dựng lại được.

Sự Đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ Trên Nhân Văn Và Giai Phẩm

Nguyễn Hữu Đang đặt trọng tâm chính trên vấn đề tự do dân chủ trên báo Nhân Văn. Trong ba số đầu, ông thực hiện cuộc phỏng vấn ba nhà trí thức danh tiếng, không thuộc nhóm Nhân Văn: Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh và Đặng Văn Ngữ về vấn đề mở rộng tự do dân chủ.

Nhìn lại nội dung hai số báo *Nhân Văn* và *Giai Phẩm* đầu tiên, chúng ta có thể thấy một sự phân chia nội dung rất hợp lý: Bài *Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ*, của Phan Khôi đi tiên phong trên *Giai Phẩm Mùa Thu* Tập I, như ngọn đuốc dẫn đường.

Trên *Giai Phẩm Mùa Thu* Tập 1 (30.8.56) còn có truyện ngắn *Tiếng Sáo Tiền Kiếp* của Trần Duy, một trong những truyện ngắn hay nhất thời Nhân Văn-Giai Phẩm, nói lên sự bất lực của chính sách tẩy não: Không ai có thể tịch thu quá khứ con người. *Bức Thư Gửi Một Người Bạn Cũ* của Trần Lê Văn mô tả một chân dung bồi bút. Bài thơ *Tinh Giác Chiêm Bao* của Nguyễn Bính thuật lại sự thức tỉnh của một nghệ sĩ sau 9 năm theo cách mạng.

Trên Nhân Văn số 1 (30.9.56), bài *Nhân Câu Chuyện Máy Người Tự Tử* của Lê Đạt là một bài xã luận bằng thơ đả phá chế độ công an trị. Bài *Con Người Trần Dần* của Hoàng Cầm kể lại bi kịch của một nhà thơ trẻ, chỉ in có một bài thơ trên báo với nội dung yêu nước, mà bị bắt đi trong một bối cảnh tăm tối, không biết bị giam giữ ở đâu, có thể bị thủ tiêu, đó là một bản cáo trạng thống thiết về tình trạng bắt bớ giam người trái phép, vô luật pháp. Tranh Nguyễn Sáng khắc lại hậu quả của sự khủng bố trên con người Trần Dần.

30.9.1956, cùng ngày phát hành Nhân Văn số 1, *Giai Phẩm Mùa Thu*, Tập II xuất hiện với những bài: *Bệnh Sùng Bái Cá Nhân Trong Giới Lãnh Đạo Văn Nghệ* của Trương Tửu, *Ông Bình Vô* của Phan Khôi, *Những Người Khổng Lồ* của Trần Duy, *Thơ Cái Chối-Chống Tham Ô Lãng Phí* của Phùng Quán, *Cũng Những Thành Nịnh Hót* của Hữu Loan, *Em Bé Lén Sáu Tuổi* của Hoàng Cầm, *Cuốn Sổ Tay* của Lê Đại Thanh... Đây là số báo mạnh mẽ nhất từ trước đến giờ về mặt chống đối chế độ.

Trần Đức Thảo, trên Nhân Văn số 3 (15.10.1956) trong bài *Nỗ Lực Phát Triển Dân Chủ*, nhấn mạnh đến sự tự do của người trí thức: "*Người trí thức hoạt động Văn Hóa, cần tự do như khí trời để thở. Có tự do mới đầy mạnh được sáng tác văn nghệ, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu cầu thiết thân đồng thời cũng là nhiệm vụ số 1 của người trí thức cũng như của toàn dân*".

Học Giả Đào Duy Anh, trong bài *Muốn Phát Triển Học Thuật*, trên *Giai Phẩm Mùa Thu Tập III* (30.10.56), nêu lên hai căn bệnh nặng nhất trong học thuật là bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân: "...người ta, vô luận bàn về vấn đề gì, cũng đều phải bắt đầu dẫn những đề án của Mác-Ăng-ghen và Lê-nin, hoặc những ý kiến của Stalin hay các lãnh tụ khác, để, hoặc phát triển thêm những ý kiến ấy, hoặc gò bó tài

liệu, xoay sở thế nào để gán vào khuôn khổ của những công thức rút ra từ những ý kiến ấy”.

“Bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại dẫn thẳng đến cái tệ tư tưởng độc tôn: Hễ thấy ai có ý kiến gì vượt ra ngoài những công thức cũ, những khuôn khổ sẵn có thì người ta chụp ngay cho những cái mũ để sợ như cái danh hiệu cải biến chủ nghĩa chẳng hạn, những mũ như thế rất dễ bị mồm bịt miệng người ta”.

“Tư tưởng không tự do thì không thể tự do thảo luận được. Mặc dầu không ai cấm tranh luận các nhà lãnh đạo vẫn thường nói nên mở rộng tranh luận nhưng trong thực tế thì sự thảo luận đã bị thủ tiêu từ gốc rồi”.

“Phải trừ bỏ những bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân để trả lại tự do cho học thuật”.

Trên Nhân Văn số 4 (5.11.1956), Nguyễn Hữu Đang viết bài *Cần Phải Chính Quy Hơn Nữa*, đặt vấn đề xây dựng một nhà nước pháp trị. Phùng Cung trong *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh* dùng hình ảnh con ngựa già để chỉ những văn nghệ sĩ phục vụ đảng cũng giống như con ngựa của nhà Chúa, quen thói đòi, vinh thân phì gia, mất hết mọi khả năng sáng tạo. Văn Cao trong *Những Ngày Báo Hiệu Mùa Xuân*, lại một lần nữa chỉ bọn nịnh thần mà mắng.

20.11.1956 Nhân Văn số 5, trong bài *Hiến Pháp Việt Nam 1946 Và Hiến Pháp Trung Hoa Bảo Đảm Tự Do Dân Chủ Thế Nào ?* Nguyễn Hữu Đang nhắc lại điều 10 (của Hiến pháp 1946): Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận. Tự do xuất bản. Tự do tổ chức hội họp. Tự do cư trú, đi lại trong nước và ngoài nước và điều 11: Tự pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam. Nhà ở và thư từ của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật. Trong *Bài học Ba-lan và Hun-ga-ri* ký tên Người Quan Sát, Lê Đạt cảnh báo: Nếu muốn tránh một biến cố như biến động Ba Lan thì Đảng phải: “*cương quyết và mạnh bạo sửa chữa những sai lầm kịp thời và đúng mức, cụ thể là nâng cao đời sống của nhân dân, mở rộng tự do dân chủ*”.

Ngày 30.10.56, Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường nổ quả “bom” ngoài luồng Nhân Văn, với bài *Qua Những Sai Lầm Trong Cải Cách Ruộng Đất Xây Dựng Quan Điểm Lãnh Đạo*, đọc trước mặt trận tổ quốc.

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu những bài quan trọng nhất trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm.

Phan Khôi Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ

Lê Đạt tuyên bố: “*Mặc dầu Phan Khôi không lãnh đạo trực tiếp tờ Nhân Văn, nhưng trong thâm tâm tôi, bao giờ tôi cũng coi ông là người lãnh đạo tờ Nhân Văn*”. (Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI). Lời nói của Lê Đạt biểu dương ý kiến chung của những ai đã đọc các bài Phan Khôi viết trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, đã thấy sự can trường của một người đứng ra lãnh trọng trách chủ nhiệm một tờ báo đòi tự do dân chủ, đối lập với chính quyền cộng sản.

Trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, Phan Khôi có hai bài viết chính: bài *Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ* (*Giai Phẩm Mùa Thu Tập I*, 29.8.1956) và truyện ngắn *Ông Bình Vôi* (*Giai Phẩm Mùa Thu Tập II*, 30.9.1956).

Phê bình lãnh đạo văn nghệ, là một trong những tác phẩm chủ chốt của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, nhắm vào ba vấn đề thời sự văn học đương thời, nhưng vẫn còn là thời sự văn học hôm nay:

- Vấn đề tự do văn nghệ sĩ
- Vụ đàn áp *Giai Phẩm Mùa Xuân*
- Và vụ giải thưởng văn học 1954-1955.

Với ngòi bút sắc sảo, với tác phong “ngự sử văn đàn”, Phan Khôi vạch trần những tác hại của đám quan trường nhất phẩm triều đình: Ông chỉ trích Trường

Chinh ăn nói bừa bãi, chất vấn gắt gao Tố Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi, những người tổ chức và thi hành việc đánh Trần Dần. Trước Phan Khôi, chưa có nhà văn nào dám mạnh mẽ quyết liệt phê bình lãnh đạo đến thế.

Phan Khôi tách bạch hai giai cấp: *Lãnh đạo văn nghệ* và *Quần chúng văn nghệ* và ông triệt để phê phán ba vấn đề thực tiễn:

1- Vấn đề tự do của văn nghệ sĩ: Sau khi đưa ra những dẫn chứng cụ thể về việc lãnh đạo nghiệt ngã bắt bẻ nhà văn phải viết theo đúng đường lối chính sách của đảng, Phan Khôi hỏi thẳng lãnh đạo: Chính trị muốn đạt đến cái mục đích của nó thì cứ việc dùng khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị, không được hay sao mà phải dùng đến văn nghệ sĩ? Rồi ông buộc tội: *“Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ”*.

2- Về vụ Giai Phẩm Mùa Xuân: Chất vấn ban chủ tọa hội văn nghệ về việc tổ chức hội họp đánh Trần Dần, Phan Khôi viết: *“...Hội văn nghệ khai hội từ 7 giờ tới đến 1 giờ sáng để phê bình bài thơ Trần Dần, mà kỳ thực là hỏi tội Trần Dần, một mầm non văn nghệ. Hỏi độc tội một Trần Dần thôi là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hóa lũ người trong Giai Phẩm, cái ngón ấy đã thành công”*.

“Tôi nhớ có một vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ “Người” viết hoa. Láy lẽ rằng chữ Người viết hoa lâu nay chỉ để xưng Hồ chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ Người không phải để xưng Hồ chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng như ở trong chiêm bao, chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rộng rọ, ông Lê Mỗ tố cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngai vàng, rằng trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về hoàng thượng mới phải đài [tôn xưng], thế mà tên Nguyễn Mỗ viết thư cho bạn, dám đài chữ không phải thuộc về hoàng thượng. Nhưng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình đang ngồi trong phòng họp hội văn nghệ”.

Những lời trên đây, tưởng Phan Khôi nói với đám nhất phẩm, nhưng không phải, đó là những lời nhả tới bệ rồng. Ông không thềm hỏi tội bầy tôi nữa, mà ông đi ngược lên trên, điều tra đến manh mối sau cùng, tới lãnh đạo tối cao, qua những chữ: *Người, sân rộng, Hoàng thượng, ngai vàng*, để xác định: Sự sùng bái lãnh tụ phải đến từ chính vị lãnh tụ. Nếu lãnh tụ không muốn được tôn sùng, nếu lãnh tụ ưa sự bình đẳng, dân chủ, thì kẻ dưới quyền không thể xu nịnh tăng bốc được.

3- Về giải thưởng văn học năm 54-55: Ba tác phẩm *Mưa* sao của Xuân Diệu, *Truyện anh Lục* của Nguyễn huy Tường và *Nam Bộ mền yêu* của Hoài Thanh đều chiếm giải. Phan Khôi phê bình: *“Cả ba ông Xuân Diệu, Nguyễn huy Tường, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong ban chung khảo. Nếu ở trong ban chung khảo mà thôi còn khá, thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở ban sơ khảo nữa, sao lại có thể như thế? Trường thi phong kiến xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn sạch tiếng: Một người nào có con em đi thi, thì người ấy có được cất cử cũng phải “hồi ty”, không được chắm trường. Bây giờ đến cả chính mình đi thi mà cũng không “hồi ty”: một lẽ là ở thời đại Hồ chí Minh, con người đã đổi mới, đã “liêm chính” cả rồi, một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái “miệng” đã bị “vú lấp”.”*

Qua việc trao giải thưởng văn nghệ hàng năm, Phan Khôi mỉa mai sự gian dối, ám muội trong các địa hạt khác ở *“thời đại Hồ chí Minh”*, đã đổi mới rồi, mà sao con người lại “thanh liêm” kiểu ấy, bởi “mọi cái miệng đã bị vú lấp mất rồi”.

Về việc Hồ chí Minh viết “truyện mẫu” cho nhà văn viết theo, Phan Khôi bảo:

“Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết”.

Về việc đảng dạy dỗ các nhà thơ nhà văn sáng tác theo chỉ thị, Phan Khôi bảo: *“đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu!”*

Những lời khẳng khái của Phan Khôi trong thời điểm Nhân Văn-Giai Phẩm đã trở thành biểu tượng của *tinh thần bất khuất phan khôi* trước mọi áp lực tư tưởng.

Bài *Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ* là văn bản “hỏi tội triều đình” trực tiếp và gay gắt nhất, mà cho đến nay chưa một trí thức nào dám làm. Văn bản này sẽ mãi mãi trụ lại như một bài văn tiêu biểu cho sự can trường của một nhà trí thức hiện đại trong Thế Kỷ XX, đứng trước sự độc tài của một thể chế, không khác gì các sớ dâng vua trăm tấu bọn gian thần thời phong kiến.

Chính văn bản này đã khiến giới cầm bút nhìn thấy ở Phan Khôi một nhà *lãnh đạo văn nghệ* đích thực, và những trí thức khác như Trương Tửu, theo gương Phan Khôi dứt khoát bước vào diễn đàn Nhân Văn-Giai Phẩm.

Các Cột Mốc Quan Trọng Của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm

“Khi đưa ra khẩu hiệu “thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch” thì khẩu hiệu này không những quá tả một cách vô lý mà phản lại cách mạng là đảng khác nữa (...) Khẩu hiệu của pháp lý thì khác hẳn: “Thà 10 địch sót còn hơn một người bị kết án oan” (Nguyễn Mạnh Tường).

Trương Tửu: Bệnh Sùng Bái Cá Nhân Trong Giới Lãnh Đạo Văn Nghệ

Trương Tửu bước vào diễn đàn với lập luận chặt chẽ và đanh thép của nhà phê bình, ông viết hai bài quan trọng trong chủ đề tự do tư tưởng: *Bệnh Sùng Bái Cá Nhân Trong Giới Lãnh Đạo Văn Nghệ* (Giai Phẩm Mùa Thu Tập II, 30.9.56) và *Văn Nghệ Và Chính Trị* (Giai Phẩm Mùa Thu tập III, 30.10.56) với phần hai là *Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của đảng cộng sản Bôn-sê-vích*. (Giai phẩm Mùa Đông Tập I, 28.11.56). Hai bài viết này xác định Trương Tửu như một trong những người lãnh đạo tư tưởng của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Trong bài *Bệnh Sùng Bái Cá Nhân Trong Giới Lãnh Đạo Văn Nghệ*, ông trực tiếp đưa ngay vấn đề: “Tôi viết bài này, nói gót nhà văn lão thành dũng cảm Phan Khôi, góp ý kiến phê bình lãnh đạo văn nghệ, đặc biệt sự sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ”.

Trước tiên, ông xác định bệnh sùng bái cá nhân là bệnh của lãnh đạo văn nghệ:

“Sùng bái cá nhân là một bệnh phổ biến trong giới lãnh đạo văn nghệ (...) Tôi không nói đó là bệnh của văn nghệ sĩ, vì rằng, hôm qua cũng như hôm nay, người văn nghệ sĩ tự trọng không bao giờ thừa nhận sự sùng bái cá nhân. Nghệ thuật là sáng tạo, là tự do. Sùng bái cá nhân là phục tùng mù quáng, là nô lệ. Hai thứ đó như nước với lửa, có cái này thì không có cái kia được”.

Rồi ông dẫn chứng những trường hợp cụ thể không chịu sùng bái cá nhân của Tô Ngọc Vân, Sĩ Ngọc đối với Trường Chinh:

“Ai cũng còn nhớ, năm 1948, cố họa sĩ Tô Ngọc Vân đã tranh luận khá gay gắt với ông Trường Chinh về vấn đề: Quân chúng phê bình nghệ thuật. Ngòi bút tranh luận của Tô Ngọc Vân chứng tỏ một khối óc độc lập, một tâm hồn có cá tính không vì uy quyền của lãnh tụ này hay lãnh tụ khác mà thủ tiêu ý kiến riêng của mình”.

Cùng năm 1948, trong một buổi nói chuyện khác ở Thanh Hóa “có đoạn ông Trường Chinh lớn tiếng mạt sát họa phái lập thể chủ nghĩa (của Picasso). Ông cho họa phái ấy, cũng như các phái nghệ thuật Đa đa, Dã thú v.v..., chỉ là những cái nắm độc mọc trên trạng thái thoái tha của chế độ tư bản chủ nghĩa ở Âu Châu đầu Thế Kỷ 20”.

“Sau buổi nói chuyện này, Họa Sĩ Sĩ Ngọc đã viết một bài nói về chủ nghĩa lập thể trong tạp chí Sáng Tạo số 4”, “để gián tiếp bác ý kiến của ông Trường Chinh”.

Trương Tửu xác định nhiệm vụ của văn nghệ sĩ trong cách mạng kháng chiến:

“Người văn nghệ sĩ kháng chiến đi tìm chân lý, đi tìm chính nghĩa, đi tìm tự do chứ không đi tìm cuộc đời nô lệ dưới hình thức này hay hình thức khác. Lấy sáng tạo nghệ thuật để phục vụ cách mạng làm lẽ sống chủ yếu, họ không thể sùng bái bất cứ cá nhân nào, không thể thừa nhận bất cứ uy quyền độc đoán nào, chống lại bất cứ sức ép chế tư tưởng nào.

Với những văn nghệ sĩ yêu chuộng tự do như thế, hệ lãnh đạo độc tài, bè phái thì tất yếu sự phản kháng nảy ra ngay. Đó là tình trạng văn nghệ của ta từ sau 1949”.

Trong khi ấy thì lãnh đạo văn nghệ:

“Giống như bọn thầy bùa phong kiến, các nhà lãnh đạo văn nghệ của chúng ta muốn “yểm” tất cả các tâm hồn cứng rắn và tự do cho đến trở thành những hòn đất thó “tròn méo mặc dầu tay kẻ nặn”. Những lá bùa của họ chế tạo ra kể cũng đã khá nhiều: Mất lập trường, phạm chính sách, phá đoàn kết, phá tổ chức, vô kỷ luật, chống đảng, dịch lợi dụng, có vấn đề, bất mãn cá nhân, óc địa vị, v.v... còn gì nữa ?

Sự đe nẹt của lãnh đạo văn nghệ cũng đã ảnh hưởng đến một số người:

“Và phải nói ngay rằng ngàn ấy lá bùa yểm cũng đã linh nghiệm ít nhiều. Một số văn nghệ sĩ non gan (...) biến thành những tên thư lại văn nghệ xu nịnh trực lợi. Một số khác trốn vào thái độ tiêu cực, chán nản công tác, tâm tư nặng trĩu hờn oán và uất ức. Một số khác nữa “cất kín” cá tính và nghệ thuật xuống “đáy ba lô”, yên lặng làm bổn phận một người công dân kháng chiến bằng bút, bằng màu sắc, bằng dây đàn, bằng sân khấu “đánh giặc dã!”. Còn một số không khuất phục, kịch liệt phê phán tác phong và đường lối lãnh đạo của thường vụ Hội thì bị chụp mũ, bị chèn ép, bị “trù”, bị hành hạ, bị gạt sang một bên...”

Tình trạng trù dập, chụp mũ này dẫn đến hậu quả là: *“Cho đến hôm nay: Sự phải xảy ra đã xảy ra. Nhân đã đẻ ra quả. Cuộc đấu tranh âm ỷ dai dẳng chống lãnh đạo độc đoán, quan liêu, bè phái, trong những năm cuối kháng chiến, khi hòa bình trở lại, đã bùng nổ. Khởi điểm là ở trong phòng văn nghệ quân đội. Trần Dần, Phùng Quán, Trần Công, Tử Phác, Hoàng Cầm v.v... đề đạt nguyện vọng lên ban lãnh đạo yêu cầu một chế độ công tác hợp với tính chất đặc biệt của sự sáng tạo văn nghệ, yêu cầu trao trả quyền điều khiển văn nghệ cho văn nghệ sĩ, yêu cầu tự do trong sáng tác và sinh hoạt văn nghệ. Các nhà lãnh đạo văn nghệ quân đội, chủ quan và độc đoán, cương quyết đàn áp Phong Trào đấu tranh chính đáng ấy. Kết quả là cuộc đấu tranh càng ngày càng lan rộng. Điểm cuối cùng của nó là lớp học tập lý luận văn nghệ tháng Tám vừa qua ở trụ sở hội văn nghệ. Suốt mười tám ngày, anh em văn nghệ sĩ trong đảng cũng như ngoài đảng đã đứng dậy đồng thanh tố cáo những hành động và thái độ độc tài, bè phái của ban lãnh đạo văn nghệ. Học tập văn kiện của đại hội 20 đảng cộng sản Liên Xô (đặc biệt bản tham luận của Cholokov), học tập văn kiện “Bách khoa tề phóng, bách gia tranh minh” của ông Lục Đĩnh Nhất, ủy viên ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Trung Quốc, anh em văn nghệ sĩ càng phấn khởi và mạnh bạo nêu cao khẩu hiệu tự do tư tưởng, Trăm Hoa Đua Nở, lấy đó làm mục tiêu đấu tranh chủ yếu. Hôm tổng kết học tập, ông Nguyễn Hữu Đang, đại diện giới văn nghệ sĩ, đã đọc một bản tham luận lên án đường lối lãnh đạo độc tài bè phái của thường vụ hội, sự việc thật là cụ thể, lời lẽ thật là tha thiết. Ông Tố Hữu, người có trách nhiệm chính về Phong Trào văn nghệ từ thời kháng chiến đến giờ, đã đứng lên sơ bộ tự kiểm thảo về tác phong quan liêu trong lãnh đạo văn nghệ. Anh em văn nghệ sĩ chưa thỏa mãn về những lời tự kiểm thảo của ông Tố Hữu và có yêu cầu được gặp trung ương đảng để trình bày nguyện vọng. Cuộc đấu tranh còn tiếp tục...”*

Nguyên nhân nào đã đưa đến tình trạng này: Bệnh sùng bái cá nhân. Sau khi dẫn chứng những cử chỉ, thái độ sùng bái cá nhân của các lãnh đạo văn nghệ, từ Lưu Trọng Lư đến Tố Hữu, mà theo ông đó là những kẻ có tâm lý “bảo hoàng hơn vua”, “ở cửa miệng họ, bao giờ ta cũng bắt gặp cái điệp khúc bất di bất dịch này: *Đảng không bao giờ sai lầm. Rồi từ chỗ nói: Đảng không bao giờ sai lầm, họ tiến đến chỗ nói: Các cá nhân lãnh đạo đảng không bao giờ sai lầm*”.

Họ sùng bái cá nhân để làm gì? Trương Tửu trả lời:

“Họ sùng bái một người (cấp trên) để vạ người (cấp dưới) sợ cá nhân họ. Nhờ phương châm ấy, họ bám vào gót giày cấp ủy ban này, cấp ủy ban khác, leo dần lên thang danh lợi, oai quyền hồng hách, đàn áp cấp dưới, khinh miệt quần chúng, báo cáo lên trên thì xuyên tạc sự thực có dụng ý, lãnh đạo anh em thì mệnh lệnh độc tài. Họ sùng bái cá nhân là để trục lợi. Họ chỉ có thể tiến thân bằng đường lối ấy (...)

“Thêm vào tư cách lãnh đạo ấy sự hiểu biết nông cạn và lệch lạc về văn nghệ, sự áp dụng máy móc phương châm phục vụ kịp thời, sự bắt buộc lòng một cách công thức chủ trương chính sách vào tác phẩm nghệ thuật, sự độc quyền và bè phái trong việc xuất bản báo, sự áp chế có tính cách hành chính hoặc quân sự đối với những văn nghệ sĩ dám nói thực, nói thẳng, nói hết...là ta có tất cả cái tình trạng văn nghệ ngọt ngào năm sáu năm nay. Bao nhiêu năng lực sáng tạo văn nghệ vì thế mà quần quai không phát triển mạnh được”.

Sau khi tóm tắt tình hình toàn bộ đời sống văn nghệ trong kháng chiến, Trương Tửu kêu gọi:

“Đã đến lúc phải sa thải những “nhà lãnh đạo” thiếu tư cách mà quần chúng tuyệt đối không tin tưởng nữa để quần chúng văn nghệ tự tay mình điều khiển công việc chuyên môn của mình một cách thực sự dân chủ”.

“Đã đến lúc phải thanh toán lối đàn áp tự do tư tưởng, khinh miệt quần chúng, mệnh lệnh, độc đoán, bè phái chủ nghĩa do bệnh sùng bái cá nhân đẻ ra, để mở đường cho Trăm Hoa Đua Nở, trăm nhà đua nói”.

Về nguyện vọng của văn nghệ sĩ, Trương Tửu viết:

“Họ muốn tiêu diệt bệnh sùng bái cá nhân trong việc lãnh đạo văn nghệ đã cản trở sức phát triển nghệ thuật”

“Họ muốn chấm dứt lề lối mệnh lệnh, độc đoán, quan liêu, bè phái, chụp mũ, trong sự lãnh đạo văn nghệ, giành lại quyền tự do tư tưởng bị chà đạp bấy lâu nay, vì thiếu tự do tư tưởng thì nghệ thuật sẽ co quắp, mòn mỏi như cụm hoa thiếu ánh sáng mặt trời.

“Họ muốn công việc lãnh đạo văn nghệ phải trả lại cho những văn nghệ sĩ bất kể trong đảng hay ngoài đảng được quần chúng văn nghệ tự ý lựa chọn và tin nhiệm”

Bài viết đầu tiên của Trương Tửu tố cáo toàn diện bộ mặt lãnh đạo văn nghệ, qua đó ông phê phán bộ mặt lãnh đạo nói chung. Trong bài viết thứ nhì, ông đi sâu vào vấn đề tự do sáng tạo.

Trương Tửu: Văn Nghệ Và Chính Trị

Đối diện với Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường, là những người có tư tưởng quốc gia, triệt để chống lại quan niệm đấu tranh giai cấp của cộng sản, Trương Tửu là người cộng sản đê tú, đứng trên quan niệm đấu tranh giai cấp để đòi hỏi tự do dân chủ.

Trước tiên, ông xác định quan hệ mật thiết giữa chính trị và văn nghệ:

“Văn nghệ, tự thân nó, tất yếu phải mang chính trị tính và có tác dụng chính trị” vì *“Văn nghệ, căn bản, là một thể cách nhận thức và tái tạo thế giới thực tại, một thể cách biến cải xã hội, biến cải con người bằng đường lối thẩm mỹ”.*

Cho nên, người nghệ sĩ khi sáng tác bắt buộc phải “dấn thân”, nhưng sự dấn thân ở đây có tính cách “đấu tranh giai cấp”, ông viết: *“Sáng tác văn nghệ là tự xác định một thái độ, một lập trường đối với cuộc đấu tranh giai cấp đương thời”*.

Đồng ý hay không đồng ý với quan niệm đấu tranh giai cấp này của Trương Tửu, nhưng không ai có thể phủ nhận quan niệm tự do của văn nghệ sĩ mà ông trình bày trong bài viết. Vẫn đứng trên quan niệm đấu tranh giai cấp, chống lại các chế độ người bóc lột người, ông viết về thời cổ điển:

“Lịch sử văn nghệ căn bản là lịch sử chiến đấu của những văn nghệ sĩ nhân đạo chủ nghĩa đối kháng với chế độ áp bức con người, bảo vệ quyền tự do tư tưởng, tự do nói sự thực trong tác phẩm”. Mà sự thực lại là điều mà các chế độ độc tài ghê sợ nhất. *“Bao nhiêu chính sách, biện pháp, công cụ đàn áp khủng bố của bọn thống trị đều chỉ nhằm mục đích: Che giấu sự thực, cấm nói sự thực vì sự thực lên án chúng”*. Nhưng: *“Các văn nghệ sĩ cổ điển đã nói sự thực, bất chấp mọi đe dọa. Đại thi hào Pouchkine có câu: “Nhà văn không nên hèn nhát kêu ca oán thán vì phải bất thần chịu đựng những viên đạn đầu tiên trên mặt trận, vì phải ném trái những nỗi khổ cực nguy hiểm do sự viết văn gây ra”*.

“Đó cũng là thái độ của tất cả những văn nghệ sĩ cổ điển Đông và Tây của những Đỗ Phủ, Nguyễn Du, Molière, Heine, Rousseau, Diderot v.v... Họ đứng cầm bảo vệ tự do tư tưởng, tự do nói thực đến kỳ cùng trước sức tấn công hiểm độc của các giai cấp bóc lột như người lính cách mạng bảo vệ khẩu súng, như người nông dân cách mạng bảo vệ làng xóm, như người công nhân cách mạng bảo vệ nhà máy, trước sức xâm lược khốc liệt của quân thù dân tộc và giai cấp. Đó là điều kiện cơ bản của sự thành công nghệ thuật. Sự thực về con người, chân lý cuộc sống là huyết mạch của nghệ thuật. “Thiếu chân lý đó, không thể có tác phẩm nghệ thuật thực sự quan trọng được”.

Trương Tửu đã viết những lời kêu gọi và biện hộ tha thiết cho sự tự do của văn nghệ sĩ:

“Muốn sáng tạo ra một thế giới độc đáo, văn nghệ sĩ phải có một cái nhìn độc đáo, một nhận thức độc đáo về thực tại, một trí tưởng tượng độc đáo, một lối nói độc đáo. Phải duy trì, bảo vệ, phát triển tính độc đáo ấy không để một sức mạnh bên ngoài nào xâm phạm đến hay làm cho mất đi. Phải tự do nhìn sự thực, tự do xúc cảm, tự do suy nghĩ, tự do tưởng tượng, tự do vận dụng ngôn ngữ nghệ thuật để có thể phản ánh hiện thực một cách trung thành. Tự do đây có nghĩa là: Chống lại mọi áp bức tư tưởng, mọi mệnh lệnh, mọi công thức, mọi quyền uy bắt mình nói điều mình không muốn nói, nghĩ điều mình không muốn nghĩ, nhận là đúng điều mình cho là sai, yêu những cái mà mình ghét, ca tụng những cái mà mình phản đối. Không có tự do ấy, sự sáng tác của văn nghệ sĩ sẽ giả tạo. Giả tạo là kẻ thù của nghệ thuật. Giả tạo là tiêu diệt nghệ thuật. Một tác phẩm văn nghệ không tiết ra từ những cảm nghĩ thành thực và sâu sắc của chính tâm hồn tác giả sẽ là một phản ảnh nhạt nhẽo của thực tại. Nó khô khăng vì thiếu chất sống. Nó bất thành nghệ thuật, và do đó, chẳng xúc động được ai cả”.

Ông kêu gọi người nghệ sĩ phải “có can đảm *“là mình”* trong những điều kiện xã hội bắt họ *“không được là mình”*. Họ phải “tự do nhìn, cảm, nghĩ, nói theo *chủ định cá nhân* mình trong những điều kiện xã hội buộc họ phải nhìn, cảm, nghĩ, nói theo những *công thức thống trị”*.

Và ông kết luận: *“Người văn nghệ sĩ sống bằng tự do tư tưởng. Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ là bất khả xâm phạm”*. *“Không có tự do tư tưởng thì không thể có nghệ thuật chân chính được. Đó là một chân lý bất di bất dịch”*.

Văn nghệ và chính trị là bài viết đấu tranh cho tự do tư tưởng hay nhất và mạnh mẽ nhất trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm.

Lê Đạt: Nhân Câu Chuyện Mấy Người Tự Tử

Lê Đạt, trên Nhân Văn số 1 (20.9.56), mượn một câu chuyện thời sự trên báo: Một đôi tình nhân tự tử để gợi lại chuyện riêng của mình (Lê Đạt yêu Thúy Thúy. Nguyễn Thị Thúy một nghệ sĩ sân khấu, ly dị vợ, bị cấp trên khiển trách). Nhưng bài thơ đã vượt trên bi kịch cá nhân, để tố cáo sự độc tài đảng trị, kiểm soát cả trái tim con người:

*Chế độ ta không cấm họ yêu nhau
Mà sao họ chết?
Người công an đứng ngã tư đường phố*

Chỉ huy

*bên trái
bên phải
xe chạy
xe dừng*

*Rất cần cho việc giao thông.
Nhưng đem bực công an
máy móc*

đặt giữa tim người

*Bắt tình cảm ngược xuôi
theo đúng luật đi đường nhà nước
Có thể gây rất nhiều chua xót
ngoài đời*

Từ bi kịch của đôi tình nhân, nhà thơ nhìn lại chính mình, từ bấy lâu nay đã ngủ quên trong chế độ:

*Thơ tôi bị cuộc đời ruồng bỏ
Vì tôi đã ngủ quên trong chế độ
Vẽ phấn bôi son, tô toàn màu đỏ
La liệt đầy đường hoa nở
chim kêu*

(...)

*Giữa năm Cộng hoà lớn khôn mười một tuổi
Vẫn còn lọt lưới
nhiều thói "an nam"*

*Dán nhãn hiệu
"Made in Cách mạng"
Ngang nhiên xúc phạm con người
Đẩy họ đi tự tử*

Nay bừng tỉnh, nhà thơ kêu gọi mọi người, hãy "Quét sạch mây đen", "Chặt hết gông xiềng":

*Phải quét sạch mây đen
cho chân trời rộng mở
Chặt hết gông xiềng
cho những cánh tung lên
Ngày và đêm
mộng bay đầy cuộc sống
Khát vọng theo khát vọng
Không gì ngăn cản con người*

Tác phẩm chiếm trọn trang ba của tờ báo, có vị trí một bài xã luận, xác định lập trường chính trị của Lê Đạt và của báo Nhân Văn. Những câu: *Đem bực công an máy móc đặt giữa tim người. Bắt tình cảm ngược xuôi theo đúng luật đi đường nhà*

nước đã vượt thời gian, đi vào tim người như bức hình rõ nhất chụp lại chế độ công an trị trên đất nước Việt Nam.

Nguyễn Mạnh Tường: *Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo*

Ngày 30.10.1956, Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn “*Qua Những Sai Lầm Trong Cải Cách Ruộng Đất, Xây Dựng Quan Điểm Lãnh Đạo*” trước mặt trận tổ quốc Hà Nội.

Đây là một bài chính luận sâu sắc, nội dung phân tích những sai lầm của chế độ, đi từ sai lầm Cải Cách Ruộng Đất ở thôn quê, sang sai lầm trong chế độ mậu dịch ở thị thành, tất cả nằm trong bản chất thiếu dân chủ của chế độ. Ông truy nguyên nguồn gốc những sai lầm và trình bày những nguyên tắc mới để sửa sang lại guồng máy luật pháp, chính trị của đất nước.

Với giọng văn vừa mỉa mai, vừa chua xót, Nguyễn Mạnh Tường nói thẳng với Trường Chinh:

“Tôi phấn khởi được nghe bản phê bình của đảng lao động do ông Trường Chinh đọc trước hội nghị. Nhưng tôi cũng phải thú rằng lòng phấn khởi của tôi một phần bị giảm đi, vì tôi nhớ lại kết quả tai hại của các sai lầm đã phạm trong công cuộc Cải Cách Ruộng Đất. Tôi xin phép các vị được kính cẩn nghiêng mình trước kỷ niệm những người vô tội đã chết oan, không phải vì bàn tay của địch mà chính của ta. (...) Trái lại, các người chết oan vì các sai lầm trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất này, lúc tắt thở, cay đắng đau xót vì chết với một ô danh”

Với tài hùng biện, Nguyễn Mạnh Tường đã “nói” bài này trước mặt trận tổ quốc, sau khi nghe Trường Chinh đọc bản tự phê bình của đảng lao động về chính sách Cải Cách Ruộng Đất. [Ông ứng khẩu, sau người ta yêu cầu ông viết lại (đăng trên báo *Tự Do Diễn Đàn*, ra tháng 12.56, bị cấm)].

Trong cuộc đối thoại trực tiếp với Trường Chinh, Nguyễn Mạnh Tường buộc tội:

Những người lãnh đạo, có trách nhiệm vụ Cải Cách Ruộng Đất làm cho bao nhiêu người chết oan, không thể chỉ đứng ra xin lỗi, hoặc nhận là đảng đã sai lầm, mà xong đâu. Xin lỗi không phải là hành động luật pháp. Giết người rồi, không thể chỉ xin lỗi mà xí xóa được. Trong một nước dân chủ thực sự, thì quốc hội phải lập một ủy ban điều tra, phải đưa họ ra tòa, và tòa sẽ phân xử, kết án, tùy theo trách nhiệm nặng nhẹ của mỗi người, từ lãnh đạo cao nhất xuống dưới.

Trước tiên, ông phân tích tình hình chính trị xã hội Việt Nam, bằng những chất vấn:

“Tình hình nước ta hiện thời ra sao ? Tình hình ấy có bi quan không ?”

“Về mậu dịch nửa năm nay, đồng bào ca thán như thế nào, ta đã biết. Nào chèn ép các nhà kinh doanh tư nhân, nào lũng phí bao nghìn triệu trong khi thực hiện chính sách, nào tàn nhẫn với các người bán sức lao động cho mình, nào đưa ra thị trường sữa hư mà không bao giờ nghĩ đến tính mệnh của người ốm, của trẻ sơ sinh, nào tung ra bơ hỏng, thuốc lá mốc, phạm đến sức khỏe của nhân dân, nào bắt lực trước hiện tượng vật giá ngày càng lên trong khi nhiệm vụ của mình là phải bình ổn nó. Có thể nói được, suốt ngày đêm không đâu là không có lời oán trách mậu dịch”.

Sau khi tổng kết tình trạng bi quan về kinh tế, xã hội, Nguyễn Mạnh Tường trở lại vấn đề Cải Cách Ruộng Đất, ông hỏi: Chúng ta đã sai lầm nghiêm trọng trong Cải Cách Ruộng Đất, nhưng bây giờ phải tìm hiểu xem sai ở đâu ? Vì sao mà sai ?

Đường lối cách mạng đề ra là người cày phải có ruộng, trên nguyên tắc điều ấy là đúng, không ai chối cãi. Nhưng khi thi hành chính sách này người ta đã coi thường sinh mạng con người, và vi phạm luật pháp:

“Khi đưa ra khẩu hiệu “thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch” thì khẩu hiệu này không những quá tả một cách vô lý mà phản lại cách mạng là đảng khác nữa (...) Khẩu hiệu của pháp lý thì khác hẳn: “Thà 10 địch sót còn hơn một người bị kết án oan”.

Nguyễn Mạnh Tường nhắc lại những nguyên tắc cơ bản của pháp lý:

- Không phạt các tội đã phạm quá lâu rồi mà bây giờ mới khám phá ra.
- Chỉ một mình phạm nhân chịu trách nhiệm việc mình làm, không có trách nhiệm chung của vợ con, gia đình.
- Muốn kết án một người phải có bằng chứng xác đáng.
- Thủ tục điều tra, xét xử phải bảo đảm quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố nhân có quyền nhờ luật sư bào chữa cho mình.

Những nguyên tắc cơ bản này không được áp dụng trong Cải Cách Ruộng Đất.

Sở dĩ có sai lầm như vậy vì ba nguyên do:

- Quan điểm ta-địch, thù-bạn mơ hồ
- Bất chấp pháp luật
- Bất chấp chuyên môn.

Vì quan điểm ta-địch, thù-bạn mơ hồ, cho nên bao nhiêu bị kịch đẫm máu xảy ra [các hiện tượng thanh trừng trong các nước cộng sản], có *“những người suốt đời hi sinh cho sự nghiệp cách mạng, rồi bỗng nhiên phải truất quyền, khai trừ ra khỏi đảng, tổng giam, thậm chí có khi bị giết nữa”*. Trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất, bao nhiêu *“chiến sĩ cách mạng thành tích lộng lẫy”* cũng *“bị kết án là phản động, cường hào gian ác và, sau khi nhận tội, bị tổng giam hay bị hành hình”*. Những cán bộ hành xử như vậy, nếu vì “chủ mưu phá hoại” thì phải đưa ra toà, còn nếu vì điên cuồng thì phải đem đi chữa bệnh thần kinh.

Vì chính trị bất chấp pháp luật cho nên, muốn xử tử ai cũng được: *“Quyền xử tử người một cách đơn giản như vậy trái với luật pháp”*.

Vì bất chấp chuyên môn cho nên *“Trong 10 năm vừa qua, ta thấy một tình trạng quái gở. Chính trị ám ảnh đầu óc chúng ta đến nỗi hai chữ “lập trường” làm ta mất ăn mất ngủ (...) Khi chọn một người vận lái ô tô, ta không hỏi người ấy có bằng vận lái và đã vận lái bao năm, ta chỉ hỏi: “Có lập trường không ?” Kết quả là từ hai năm nay, riêng trong thủ đô Hà Nội, hàng trăm tai nạn xảy ra do các người vận lái ô tô có lập trường mà không nắm chuyên môn. Khi đưa tới bệnh viện một bệnh nhân cấp cứu, vấn đề mang ra thảo luận trước tiên là: Bệnh nhân thuộc thành phần giai cấp nào ? Chữa cho địa chủ thì “mất lập trường”. Để nó chết mới chứng minh mình có “lập trường giai cấp” (hiện tượng do Bác Sĩ Nguyễn xuân Nguyên đưa ra) (...) Tại sao có những hiện tượng quái gở như vậy ? Là vì chính trị chiếm đóng tất cả các khu vực trong nhận thức của chúng ta làm chúng ta mất cả cái nhân đạo tối thiểu của con người, làm chúng ta khước từ các chân lý”*.

Thiếu Dân Chủ

Quốc hội thành lập đã mười năm [từ 1946 đến 1956]. *“Nhưng quyền lập pháp của quốc hội ở đâu ?”, “Dự luận quần chúng quan niệm rằng quốc hội chỉ có quyền thông qua các chính sách mà thôi”*.

“Trong bản tuyên ngôn độc lập, trong hiến pháp cũng như trong các sắc lệnh, đạo luật, nguyên tắc dân chủ đã được ban bố”. Nhưng trong thực tế: *“người dân không có quyền, không có phương tiện nói lên ý kiến của mình, tham gia xây dựng các chính sách của chính phủ”*.

Đề nghị hướng sửa chữa sai lầm: *Một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự”*.

Nguyễn Mạnh Tường nói:

“Hạnh phúc của loài người xây dựng trên cơ sở dân sinh và dân quyền. Tôi muốn nhấn mạnh ở đây về vấn đề dân quyền. Ta được biết từ hai thế kỷ nay chủ yếu trong vấn đề dân quyền là vấn đề dân chủ, nghĩa là quyền của người dân làm chủ trên đất nước, đồng thời là quyền của con người được sống theo các nhu cầu thiết yếu và chính đáng của nhân bản”.

“Tuy rằng trong nước ta có một Bộ Tư pháp, có các tòa án, có luật lệ, nhưng chế độ pháp trị hầu như không có”. Vì không có một chế độ pháp trị chân chính cho nên mới xảy ra vụ Cải Cách Ruộng Đất.

Và sau khi xảy ra rồi, thì: “phải lập một ủy ban điều tra gồm các vị đại biểu quốc hội, mặt trận, đảng lao động với sự cộng tác của các vị thẩm phán cao cấp, giàu kinh nghiệm để lập một hồ sơ theo phương pháp pháp lý đã nhận định, trên quá trình đi từ lãnh đạo qua chỉ đạo đến chỗ thực hiện chính sách, trách nhiệm ở chỗ nào và do những ai phải chịu. Sau khi kết thúc cuộc điều tra, ủy ban ấy sẽ phân tách trách nhiệm chính trị và trách nhiệm pháp lý. Ai chịu trách nhiệm chính trị sẽ trả lời trước quốc hội biến thành tòa án tối cao. Ai chịu trách nhiệm pháp lý sẽ trả lời trước các tòa án tư pháp. Dưới con mắt của quần chúng theo dõi xây dựng cuộc điều tra và xét xử, công lý phát huy, không còn ai thắc mắc nữa”.

Làm như thế mới đúng quy tắc của một chế độ dân chủ. Một chế độ thực sự dân chủ trong đó người dân được làm chủ trên đất nước không những trong hiến pháp, mà cả trong thực tế nữa.

Và ông nhấn mạnh: “Lịch sử các Phong Trào cách mạng trong hơn một thế kỷ nay, chưa bao giờ, chưa ai có thể ngăn cản được một Phong Trào quần chúng tranh đấu đòi các tự do dân chủ”.

Cùng với bài *Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ* của Phan Khôi, bài *Văn Nghệ Và Chính Trị* của Trương Tửu, đây là một trong ba văn bản quan trọng nhất thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm. Theo Hoàng Văn Chí, bài diễn văn của Nguyễn Mạnh Tường lọt ra ngoại quốc, không biết bằng cách nào, đã đến Rangoon, rồi truyền sang Paris và có tiếng vang trong dư luận quốc tế.

Cách bàn về dân chủ của các tác giả trong Nhân Văn-Giai Phẩm là nói với một quần chúng đã quen biết với dân chủ, có ý thức, có trình độ cao về dân chủ, khác hẳn với lối viết giản dị và giáo khoa của Phan Châu Trinh đầu Thế Kỷ XX, nói với một quần chúng còn phôi thai về vấn đề dân chủ. Và cũng khác cách viết tự tin và tự hào dân tộc của Hoàng Đạo đối đầu với thực dân Pháp. Như vậy đủ thấy rằng từ đầu đến giữa Thế Kỷ XX, trong đầu óc người Việt Nam, tự do dân chủ đã có những biến chuyển lớn lao, chứ không hề dậm chân tại chỗ.

Chỉ từ khi đảng cộng sản dập tắt Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, dẹp tan tư tưởng tự do dân chủ, giữ địa vị độc tôn cai trị, coi tất cả những đảng phái đối lập là thù nghịch, là phản động, và nhất là không còn giáo dục học sinh về quyền công dân, quyền con người nữa, thì người Việt mới lại rơi vào vòng chậm tiến, không ý thức được vấn đề tự do dân chủ, và chúng ta mới phải nghe những lời tuyên bố thoái hoá của những “trí thức”, lãnh đạo, về vấn đề tự do dân chủ như ngày nay.

PHẦN VII

BIỆN PHÁP THANH TRỪNG

“Sớm mai tòa xử Thụy An gián điệp và Nguyễn Hữu Đang phá hoại, cả hai: Hiện hành. Tôi không có giấy gọi cho dự. Người có một cái gì văng vẳng. Tôi đã có đứng với nhóm Đang cầm đầu. Tôi đã ly khai với “lý tưởng” đó. Cả khi đứng ở đó, cả khi ly khai, cả bây giờ, tôi vẫn cứ rớm máu. Chao ơi! Con đường để đi đến chỗ “Đúng” mới nhiều máu làm sao ?” (Trần Dần)

Tình Hình Từ Tháng 12.1956 đến tháng 2.1958

Nhân Văn-Giai Phẩm hoạt động từ tháng 8.1956 đến tháng 12.1956. Cuối tháng 12.1956, các tờ Nhân Văn, Giai Phẩm, Đất Mới... bị đình bản. Từ 20 đến 28.2.1957, Đại hội văn nghệ lần thứ hai họp tại Hà Nội, với gần 500 đại biểu, Trường Chinh kêu gọi đấu tranh "đập nát" Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tuy nhiên Trung Quốc vẫn tiếp tục Phong Trào "*Trăm Hoa Đua Nở, Trăm Nhà Đua Tiếng*", cho nên đảng lao động chưa có chính sách dứt khoát đối với trí thức văn nghệ sĩ: Đến đầu tháng 4.1957, hội nhà văn (trước đây là hội văn nghệ) được chính thức thành lập, với Tô Hoài làm tổng thư ký kiêm giám đốc nhà xuất bản hội nhà văn, và một số thành viên cũ của Nhân Văn-Giai Phẩm như Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh vẫn còn được bầu vào ban chấp hành.

Ngày 10.5.1957, hội nhà văn xuất bản tuần báo *Văn*, với Nguyễn Công Hoan chủ bút, Nguyễn Tuân, phó chủ bút, Nguyễn Hồng, tổng thư ký. Ban đầu báo *Văn* theo đường lối chính thống. Nhưng khi trên báo *Học Tập* của đảng, Thế Toản lên tiếng chê báo *Văn* "nghèo nàn", "xa rời thực tế cách mạng", Nguyễn Hồng viết bài trả lời (trên báo *Văn* số 15, 16.8.1957) phê bình Thế Toản "quan liêu", "trích thượng". Sự bút chiến giữa báo *Văn* và báo *Học Tập* gây chú ý trong bộ chính trị. Rồi báo *Văn* dần dần thay đổi thái độ, ít lâu sau một số cây bút cũ trong Nhân Văn-Giai Phẩm lại thấy xuất hiện trên báo *Văn*. *Văn* số 21 (27.9.1957) đăng bài thơ *Lời Mẹ Dặn* của Phùng Quán. *Số 24* (18.10.57), đăng kịch thơ *Tiếng Hát* của Hoàng Cầm. *Số 28* (15.11.1957), đăng bài thơ *Hãy Đi Mãi* của Trần Dần. *Số 30* (29.11.1957) in hý họa của Trần Duy chế giễu chế độ văn nghệ của đảng.

Cuối năm 1957, Mao Trạch Đông hạ lệnh đánh phái hữu. Huy Cận và Hà Xuân Trường được cử đi học tập chính sách mới của Trung Quốc. Khi họ trở về, đảng mới thực thụ áp dụng chính sách đàn áp của Bắc Kinh.

Ngày 6.1.1958, bộ chính trị ra nghị quyết về văn nghệ. Tinh thần nghị quyết này dựa trên hai điểm chính:

1- Trình bày các hiện tượng chống lại đường lối văn nghệ của đảng:

"Về văn học nghệ thuật, ranh giới giữa tư tưởng văn nghệ của đảng và tư tưởng văn nghệ tư sản bị xóa nhòa. Trên tuần báo Văn và trong một số sách xuất bản hoặc tái bản, đã biểu hiện khuynh hướng xa rời thực tế đời sống của nhân dân lao động ở nông thôn và thành thị, thoát ly chính trị và không nhằm đúng những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong giai đoạn mới. Những tình cảm cá nhân chủ nghĩa đang có chiều hướng phát triển, những chủ đề lớn do đời sống thực tại đề ra không được chú ý. Hình ảnh công nông binh phấn đấu dũng cảm trong hòa bình mờ nhạt trong văn thơ và trong các tác phẩm nghệ thuật khác. Nhiều quan điểm văn nghệ của giai cấp tư sản lại được nêu lên.

Cuộc tranh luận giữa tạp chí Học Tập và báo Văn gần đây lại là một biểu hiện cụ thể của cuộc đấu tranh giữa đường lối văn nghệ của đảng với khuynh hướng chống lại hoặc xa rời đường lối đó. Tư tưởng chủ đạo biểu hiện trên báo Văn chính là tư tưởng tách rời đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại, tách rời sự lãnh đạo của Đảng".

2- Phải tìm cách giải quyết ngay:

"Rõ ràng những phần tử chống chủ nghĩa xã hội, chống đảng đã nhân chỗ sơ hở của ta mà tiếp tục tiến công ta về mặt tư tưởng dưới hình thức văn nghệ. Sự hoạt động của những phần tử phá hoại trong giới văn nghệ là một hiện tượng hết sức nguy hiểm, một vấn đề cấp bách cần giải quyết (...) Chúng truyền bá những tài liệu và những báo chí phản động. Dưới chiêu bài "Chống Giáo Điều, Máy Móc", chúng gieo rắc những nọc độc của chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ, nhằm lôi kéo văn nghệ sĩ đi vào con đường nghệ thuật tư sản suy đồi. Trước những hoạt động có hại đó, số

đông văn nghệ sĩ, kể cả một số văn nghệ sĩ đảng viên, đã mất cảnh giác hoặc bị động, không kiên quyết đấu tranh, thậm chí một số còn hùa theo chúng”.

Tờ Văn bị đình bản ở số 36 (10.1.1958) có đăng bài Ông Năm Chuột của Phan Khôi.

Trong tháng 2, tháng 3 và 4.1958, đảng lao động tổ chức hai “hội nghị” quan trọng ở Ấp Thái Hà.

Biện pháp thanh trừng đối với văn nghệ sĩ: “Hội nghị” Thái Hà

Thi hành tinh thần nghị quyết 6.1.58, đảng tổ chức hai lớp học tập đấu tranh chống “bọn Nhân Văn-Giai Phẩm” ở Thái Hà Ấp, chính thức gọi là hai “*hội nghị nghiên cứu nghị quyết của bộ chính trị ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam, kết hợp với hai bản tuyên ngôn và tuyên bố của hội nghị các đảng cộng sản và các đảng công nhân họp ở Mạc Tư Khoa cuối năm 1957*”. Duy chỉ có Hồng Cương, gọi thẳng tên là hai lớp chỉnh huấn chính trị.

“Hội nghị” đầu, tổ chức tháng 2.58, dành riêng cho 172 đảng viên, theo Lê Đạt là để học tập cách “phát hiện” và “tố giác”, chuẩn bị cho hội nghị sau, tháng 3-4.58, 304 người, gồm các đảng viên, quần chúng và những người ngoài đảng đã tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm, đọc toàn lực đấu tranh chống Nhân Văn-Giai Phẩm.

Trong nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, chỉ có Văn Cao, Đặng Đình Hưng... “được” dự hội nghị đầu, vì là đảng viên. Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần, Tử Phác... chỉ “được” gọi đi hội nghị sau, vì Lê Đạt đã bị khai trừ từ tháng 5.57, sau khi in bài thơ dài *Cửa Hàng Lê Đạt*, bị cấm. Hoàng Cầm, không ở trong đảng. Trần Dần, Tử Phác, đã xin ra khỏi đảng từ trước. Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Duy, là những “phần tử xấu”, không được dự cả hai “hội nghị”.

Ở “hội nghị” thứ hai, mọi người phải viết bài “Thú Nhận”, sau đăng báo.

Thành quả hai “hội nghị”, được chính thức ghi lại như sau:

Cái ổ chuột “Nhân Văn-Giai Phẩm” bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận.

“Đầu năm 1958, có hai cuộc hội nghị của anh chị em công tác văn nghệ, nghiên cứu nghị quyết của bộ chính trị ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Việt Nam, kết hợp với hai bản tuyên ngôn và tuyên bố của hội nghị các đảng cộng sản và các đảng công nhân họp ở Mạc Tư Khoa cuối năm 1957. Hội nghị đầu, tháng 2 năm 1958, gồm 172 người dự. Hội nghị sau, tháng 3 năm 1958, gồm 304 người dự.

Qua hai cuộc hội nghị ấy, tất cả những “nhân vật” bí ối đã được phát hiện, tất cả những âm mưu, luận điệu, thủ đoạn đều bị vạch trần. Những con chuột đã phải bò ra khỏi cống. Những người tự giác hay không tự giác gắn gủi với những con chuột ấy cũng đã tự giác tự phê bình. Đây là bước cuối cùng của trận chiến đấu chống “Nhân Văn-Giai Phẩm” trong thời kỳ 1956-1958.

Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị nói trên, chúng ta được biết nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” bao gồm những tên “đầu sỏ”, những “cây bút” đã viết “hoặc nhiều hoặc ít” cho “Nhân Văn-Giai Phẩm” như: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yên Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh v.v...

Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt). Và cũng không phải tất cả những “cây bút” trên đây đều có những hành động phá hoại giống nhau, hoặc phá hoại với những mức độ giống nhau. Có bọn đầu sỏ, có bọn phụ họa, có người bị lôi cuốn vì ngây thơ chính trị...

(Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1959, trang 309-310).

Những dòng đây trên đưa đến hai nhận xét:

1- Những tên tuổi liệt kê trong danh sách, đã được xếp đặt theo trật tự “tội” nặng, nhẹ: Trí thức đứng đầu, rồi đến văn nghệ sĩ.

2- Tuy đã gửi Huy Cận và Hà Xuân Trường đi học tập chính sách đàn áp ở Trung Quốc, nhưng khi thi hành, đảng tránh nói đến Bắc Kinh, mà lại nêu cao việc “*ngiên cứu nghị quyết của bộ chính trị*” và “*hai bản tuyên ngôn và tuyên bố của đảng cộng sản và đảng công nhân Mạc Tư Khoa cuối năm 1957*”.

Những Lời Buộc Tội

Tổ Hữu trong bài “*Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ*”, dựa vào tinh thần nghị quyết 6.1.58, lên án quyết liệt:

“*Dưới ánh sáng mới ấy [ánh sáng xã hội chủ nghĩa], đã bật rõ ranh giới giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa cái mới và cái cũ, mỗi người yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội đều đã có thể nhìn thấy, phân biệt rõ ràng những con người và những con quỷ, những hoa thơm và những cỏ độc trong văn nghệ*”. (Những chữ in đậm, trong các trích đoạn là theo đúng nguyên văn)

Sau khi ca tụng “*Hai văn kiện có ý nghĩa quốc tế lớn lao của Mạc Tư Khoa*” đã giúp cho “*trung ương đảng ta*” chuyển biến, “*có con mắt sáng để nhìn đúng tình hình*”, Tổ Hữu xác định:

“*Không thể nào khác, muốn là “kỹ sư tâm hồn” xã hội chủ nghĩa, không thể nào không tự cải tạo bản thân văn nghệ sĩ thành những tâm hồn xã hội chủ nghĩa thật sự (...)* *Càng không thể để lén lút vào trong hàng ngũ văn nghệ, những con rắn độc thù địch phun nọc giết người*”. (...)

Đó là tiêu chuẩn chính trị để phân rõ ranh giới: Ai là thù, ai là bạn. Không thể mập mờ”.

Rồi ông đe dọa:

“*Mỗi văn nghệ sĩ lại phải tự trả lời dứt khoát: Ủng hộ hay phản đối đường lối văn nghệ của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh, phục tùng chính trị, theo yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và phục tùng sự lãnh đạo của đảng?*”

“*Đã đến lúc cách mạng đòi hỏi mỗi văn nghệ sĩ và mỗi cán bộ văn hóa “duyet lại” những tư tưởng, tình cảm của mình, những sáng tác và công tác trong ba năm qua, và dưới ánh sáng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm một cuộc phê phán thật nghiêm trang, không khoan nhượng đối với mình, đối với bạn, đối với địch*”. (...)

“*Thông qua cuộc đấu tranh lần này mà lột trần bộ mặt gian ác của những phần tử phản cách mạng, chống chế độ, chống nhân dân, phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Phải lôi chúng ra ánh sáng, xé toạc mặt nạ của chúng mà ném xuống đất*”.

Ông “vạch mặt” những “tên phản động”:

“*Chúng là những tên phản trắc, có kẻ như Phan-Khôi một đời đã năm lần phản bội tổ quốc, kẻ đã từng phục mạ “người An-nam là chó, và đã là chó thì phải ăn cút” để “thuyết phục” người khác đầu hàng địch, mà vẫn dương dương tự cho mình là “học giả tiết tháo”, và được kẻ đồng bọn phong cho là “anh hùng của ba trăm nô lệ” (!)*

Chúng là những con buôn “mác-xít”, “cách mạng” đầu lưỡi như Trương Tửu, Trần Đức Thảo mà thực chất là những tên tư-rôt-skit vô tổ quốc đã từng nấp dưới nách của địch chống lại cách mạng, suốt đời thù ghét những người cộng sản và tất cả những ai tin yêu (...) Chúng là những kẻ đầu cơ cách mạng, như Nguyễn Hữu Đang (...) Gặp nhau trong một mục đích chung, chống tổ quốc, chống nhân dân,

chống chế độ, chống phe xã hội chủ nghĩa, chống đảng lãnh đạo, tất cả bọn chúng đã liên minh thành một khối, phối hợp hoạt động phá hoại trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, trong các hội văn học nghệ thuật, một số cơ quan văn hóa, trong giới đại học v.v...(...) Trên thực tế, rõ ràng chúng đã làm như những tay sai của địch thực hành kế hoạch phá hoại của Mỹ-Diệm ở miền Bắc là "chống cộng trong lòng cộng".

Cuối cùng, ông nhấn mạnh đến sự kiện:

"Cuối năm 1956, nói đến báo Nhân Văn và các tập Giai Phẩm, Hồ chủ tịch đã chỉ rõ:

"Đó là những hạt giống xấu gieo trên miếng đất của những tư tưởng sai lầm". Bởi vậy, vấn đề không phải chỉ là vứt bỏ những hạt giống xấu, mà còn là dọn lại đất cho tốt" (trích Tố Hữu, Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ, Học Tập, số tháng 4.1958).

Nguyễn đình Thi tổng kết chủ trương của Nhân Văn-Giai Phẩm, trên 6 điểm:

Bồi nhọ chủ nghĩa cộng sản là không "Nhân Văn", là "chà đạp con người", bồi nhọ những đảng viên cộng sản là "khổng lồ không tim", không phải là "cộng sản chân chính", xuyên tạc sự giáo dục của đảng là "rập khuôn đầu óc và tâm hồn", văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa là "công thức, giả tạo", đẻ ra những "thi sĩ máy". Dưới chiêu bài "đề cao con người", "chống công thức", báo Nhân Văn, Giai Phẩm đã đề cao chủ nghĩa cá nhân, "tự do" cá nhân, đòi quyền, "tự do" cho những lối sống và tình cảm ích kỷ trụy lạc.

Phản đối chuyên chính, đòi "dân chủ", "tự do" theo lối tư sản trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa. Đả kích từ mậu dịch, quản lý hộ khẩu, bưu điện, cơ quan báo chí, bệnh viện, cho tới quốc hội, nói chung là đả kích vào bộ máy nhà nước của ta, đòi tự do đối lập với chính phủ, trong lúc bọn phản động đang âm mưu phá hoại và một vài giới tư sản đang tiến công ta.

Đưa ra chiêu bài "chống sùng bái cá nhân" để xuyên tạc sự lãnh đạo của đảng là "đảng trị" (...) Đem đối lập quần chúng với lãnh đạo, kích quần chúng chống lãnh đạo (...)

Phỉ bình đầu óc quốc gia chủ nghĩa tư sản, đả kích Liên Xô, cho sự giáo dục con người ở Liên Xô là "rập khuôn", văn học nghệ thuật Liên Xô là "công thức", không có giá trị. Vin vào khẩu hiệu "Trăm Hoa Đua Nở" để xuyên tạc đường lối văn học nghệ thuật của Trung Quốc, (...)

Phủ nhận những thành tích to lớn của nhân dân ta, của đảng ta trong công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, phủ nhận những kết quả to lớn của Cải Cách Ruộng Đất (...)

Riêng về văn nghệ, thì trong Nhân Văn, Giai Phẩm đã đề xướng "Trăm Hoa Đua Nở" theo lối tự phát vô chính phủ, "hoa lành, hoa độc, hoa thối, hoa thơm" đều có quyền nở tự do như nhau. Thực chất là nó đòi hủy bỏ sự lãnh đạo của đảng, nêu khẩu hiệu "trả văn nghệ về cho văn nghệ", "văn nghệ và chính trị vô vai nhau hai bên cùng có lợi" v.v...

(Trích Nguyễn đình Thi, chống chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ, Học Tập, số 3, tháng 3.58).

Hồng Cương, cục phó cục tuyên huấn, trong bài tổng kết "Cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận văn nghệ hiện nay" (văn nghệ quân đội, số 6, tháng 6.58), tóm tắt toàn bộ hành trình đấu tranh của Nhân Văn-Giai Phẩm, chỉ ra "chân tướng phản động chính trị của những tên cầm đầu": Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Thụy An, Minh Đức, coi Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm là cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên ba khái niệm chính:

1- Đấu tranh giữa hai đường lối chính trị khác nhau.

2-Đấu tranh giữa hai đường lối văn nghệ khác nhau.

3-Đấu tranh giữa hai thế giới quan và nhân sinh quan khác nhau.

Hồng Cương còn nhấn mạnh đến những nguy cơ “xụp đổ chế độ”:

“Hạ được tập thơ Việt Bắc và hạ được Tố Hữu xuống là hạ được cả giá trị văn nghệ kháng chiến xuống và hạ được sự lãnh đạo văn nghệ của đảng và chính phủ xuống. (...)

Chúng tôi nói trung ương đảng ta, thậm chí nói các lãnh tụ ta là “dốt văn nghệ”. Chúng tôi kêu gọi rằng đảng và chính phủ ta là “bọn ngu khờ cầm quyền” (l'ignorance au pouvoir) không thể lãnh đạo được văn nghệ (...).

Chúng tôi không chế độ ta là cộng sản thời trung cổ (communisme du moyen âge), là cộng sản phong kiến (communisme féodal), chế độ ta là cộng sản suy đồi (dégénérescence du communisme), chúng ta xuyên tạc và nguyên rủa chính huấn của ta là đòi truy tinh thần (avilissement de l'esprit), là nô dịch hóa tư tưởng (esclavage de la pensée). Chúng ta chế giễu chính sách đối ngoại của ta là “bỏ lỏng” vua ban, huân chương của ta là “mề đay” của đế quốc. Không khác gì Phan Khôi đã ví chế độ ta với một triều đại phong kiến nào đó”. (trích Hồng Cương, Bọn phản bội Trần Dần-Hoàng Cầm-Tử Phác, quân đội nhân dân số 437 (11.4.1958)

Những lời buộc tội của Hồng Cương, khác lối nhìn đao phủ của Tố Hữu, dường như có ngụ ý biện hộ và đồng tình.

Các Biện Pháp Kỷ Luật

“Trận chiến đấu chống bọn phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm” đã kết thúc bằng hội nghị thứ ba của ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, họp tại Hà Nội ngày 4.6.1958 với bài báo cáo tổng kết của Tố Hữu, và Nghị quyết của ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam lên án “bọn Nhân Văn-Giai Phẩm”.

Ngày 5.6.1958, tại Hà Nội, hơn 800 văn nghệ sĩ thảo luận nghị quyết gọi là “Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ” phụ họa với nghị quyết của hội liên hiệp.

Sau đó trong tuần lễ từ 21.6 đến 3.7.1958, các ban chấp hành hội nhạc sĩ, hội mỹ thuật, hội nhà văn, lần lượt thi hành các biện pháp kỷ luật đối với các thành viên của hội đã tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm:

Hội nhà văn khai trừ Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh ra khỏi ban chấp hành.

Hội Mỹ Thuật, cảnh cáo Sĩ Ngọc, “*chấp nhận cho Sĩ Ngọc và Nguyễn Sáng rút khỏi ban chấp hành*”.

Hội Nhạc Sĩ “*chấp nhận cho Văn Cao, Nguyễn Văn Tý rút khỏi ban chấp hành*”.

Cả ba hội quyết định:

- Khai trừ Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An ra khỏi hội nhà văn, Trần Duy ra khỏi hội mỹ thuật.

- Khai trừ trong thời hạn một năm Hoàng Cầm và Phùng Quán ra khỏi hội nhà văn. Khai trừ ba năm Trần Dần, Lê Đạt ra khỏi hội nhà văn, ba năm Tử Phác và Đặng Đình Hưng ra khỏi hội nhạc sĩ. Và cảnh cáo một số hội viên khác đã tích cực hoạt động trong nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tháng 7.58: Văn Cao đi thực tế Điện Biên cùng với Nguyễn Tuân và Nguyễn Huy Tưởng, ông bị chảy máu ruột và được trở về. Ngày 22.8.58, Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Tử Phác...đi lao động cải tạo ở Chí Linh, đến Tết mới được về Hà Nội nghỉ, đợt đợt sau. Trong thời kỳ lao động cải tạo này Tử Phác bị ho lao (25.11.58 Tử Phác đi khám ruột, lại thấy bị lao phổi, nhật ký *Trần Dần ghi*). Phùng Quán mới đầu “bất trị” đi rồi lại bỏ về, đến tháng 8.58 mới chịu đi thực tế Thái Bình với Hoàng Cầm (*Trần Dần ghi*).

Những người tội nặng, bị đưa ra tòa ngày 19.1.1960. Qua những bản tin về phiên tòa này, đăng trên các báo tại Hà Nội tháng Giêng năm 1960, do Lại Nguyên Ân sưu tầm và công bố mới đây trên Talawas, luận điệu các bài viết khá giống nhau:

“Ngày 19.1.1960, Tòa án nhân dân Hà Nội đã xử vụ gián điệp có tổ chức do bọn Nguyễn Hữu Đang và Thụy An cầm đầu. Nhiều đại biểu các tầng lớp nhân dân Hà Nội đã tới dự phiên tòa này.

Bọn gián điệp bị đưa ra xử gồm năm tên: Nguyễn Hữu Đang, Lưu Thị Yến tức Thụy An, Trần Thiều Bảo tức Minh Đức, Phan Tội và Lê Nguyên Chí” (trích báo nhân dân, Hà Nội, ngày 21.01.1960, tài liệu Lại Nguyên Ân).

Chánh án là Nguyễn xuân Dương. Hội Thẩm là Nguyễn Tử Các và Phùng Bảo Thạch.

Vẫn theo bài báo trên: *“Thụy An là một tên gián điệp lợi hại quốc tế (...) Năm 1956, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi nhập thành một nhóm (...) tháng 9.1956 xuất bản tờ Nhân Văn” (...)* Nguyễn Hữu Đang và Thụy An lấy nhà Phan Tội làm một *“câu lạc bộ” bí mật, tụ tập một số phần tử phản cách mạng (...)* *“Đến khi chúng thấy âm mưu và hoạt động của chúng bị bại lộ, chúng định trốn vào Nam để tiếp tục làm tay sai cho Mỹ-Diệm. Lê Nguyên Chí Thú Nhận: “Đang nói với tôi, Đang vào theo Mỹ-Diệm sẽ được chúng tin dùng và sẽ làm được những việc lớn”. Đang cùng Lê Nguyên Chí chuẩn bị trốn vào Nam”.*

Tòa đã tuyên án:

Nguyễn Hữu Đang, 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân, Lưu Thị Yến tức Thụy An, 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân, Trần Thiều Bảo tức Minh Đức, 10 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân, Phan Tội, 6 năm phạt giam, 3 năm mất quyền công dân, Lê Nguyên Chí, 5 năm phạt giam, 3 năm mất quyền công dân.

(Trích báo nhân dân, bài đã dẫn)

Phùng Cung bị bắt tháng 5.61. Bị giam 12 năm tù. Không có án. Trường hợp Phùng Cung sẽ được tìm hiểu thêm trong phần viết về Phùng Cung.

Các Giáo Sư Đại Học như Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh,...bị cách chức và bị quản thúc. Cách đối xử với họ như thế nào, tài liệu chính thức không nhắc đến. Trong bài báo cáo tổng kết, có một đoạn Tố Hữu viết:

“Cho đến khi, dưới ánh sáng của nghị quyết bộ chính trị, mở ra hai lớp học tập cho ngót 500 anh chị em văn nghệ sĩ, qua một cuộc đấu tranh kiên quyết thì mặt nạ của nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” mới hoàn toàn rơi xuống đất và đồng thời, những sai lầm lệch lạc nghiêm trọng, nhất là tình trạng mất cảnh giác giai cấp trong văn nghệ sĩ, trong các đảng viên và cơ quan của đảng cũng được vạch chỉ rõ ràng.

Cùng một lúc, qua cuộc học tập đấu tranh trong các Trường Đại Học, chủ yếu ở khoa Văn, khoa Sử, bọn to-rót-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo khoác áo Giáo Sư cũng phơi trần chân tướng” (Tố Hữu, *“Nhìn lại 3 năm phá hoại của nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm”*, Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dự Luận, trang 34-35).

Câu: *“Cùng một lúc, qua cuộc học tập đấu tranh trong các Trường Đại Học...”* rất quan trọng, nó xác định sự kiện cùng lúc với hai lớp Thái Hà, dành cho văn nghệ sĩ, thì trong Đại Học có các “lớp” khác, dành cho các Giáo Sư Đại Học như Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường...

Nhưng hiện nay, chúng ta có rất ít tài liệu viết của các nhà trí thức đã tham dự Nhân Văn-Giai Phẩm về vấn đề này, nên không thể biết những gì đã xảy ra cho họ, chỉ có cuốn *Un Excommunié* (Kẻ Bị Khai Trừ), do nhà xuất bản Quê Mẹ, in tại Paris năm 1992, trong đó Giáo Sư Nguyễn Mạnh Tường thuật lại ông đã bị đưa ra *corrida* (đấu trường) ba lần: Đấu trường mặt trận tổ quốc, đấu trường Đại Học và đấu trường

đảng. Sau đó, ông hoàn toàn bị ly khai, không được tiếp xúc với người ngoài, không được dạy học, không cả dạy tư, rơi vào cảnh đói rét, bệnh tật.

Về những biện pháp trừng phạt đối với toàn bộ văn nghệ sĩ, trí thức, sinh viên và quần chúng đã ít nhiều tham gia, đã đọc, đã mua báo, hoặc đã giúp đỡ, ủng hộ Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm bằng cách này hay cách khác, hiện nay chưa có một ước lượng nào gần với sự thật. Số phận Bùi Quang Đoài, người cầm đầu Phong Trào Sinh Viên, chủ bút tờ *Đất Mới*, sau đó, không rõ ra sao.

Thực Chất Của Hội Nghị Thái Hà

Trong nhóm ba người Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, ban đầu Trần Dần có vẻ rất cứng cỏi, nhưng trong lớp Thái Hà, dường như ông lại là người nao núng nhất. Sự nao núng này sống lại trong những lời nhật ký. Nhật ký, chủ đích là viết riêng cho mình, không cần giấu diếm, che đậy, nhưng trái lại, ở đây đã có màu sắc “hối cải”, giống như lời tự thú để đăng báo, viết cho “người khác” đọc, phản ánh một Trần Dần đã thối đòn, biết sợ, ông viết:

“Nhân Văn-Giai Phẩm thế là đã đứng về phe tư bản chủ nghĩa, phản đối xã hội chủ nghĩa, hơn thế, lớp học trình bày sự thực, làm cho tất cả thấy đều thấy rõ chân tướng bọn cầm đầu Nhân Văn-Giai Phẩm, đó là một công ty phá hoại bao gồm những kẻ phản cách mạng, đưa là phần tử Quốc Dân Đảng cũ (Phan Khôi), đưa là mật thám trước (Trần Duy), đưa là tên bất mãn chống đảng có lịch sử, đi đến chủ nghĩa trotskisme (Nguyễn Hữu Đang),... chúng ngoặc với bọn trotkistes Trương Tửu, Trần Đình Thảo, và với bọn gián điệp vẫn liên lạc với Sainteny, là Thụy An” (nhật ký Trần Dần ghi, Phạm Thị Hoài biên soạn, trang 239-240).

Đó là những “nhận định” về người đồng hành, còn đây là “nhận định” về “tôi”:

“Tôi là cái gì ?

Trước cách mạng, tôi là một thứ hổ lớn phản động của những tư tưởng tư sản địa chủ: Hưởng lạc đến đời truy, háms danh to đến bệnh “vĩ đại cuồng”, vô chính phủ đến phá phách mọi trật tự, thoát ly đến rơi vào sinh hoạt sa đọa, và đi vào các trường phái nghệ thuật vị nghệ thuật, tượng trưng, lập thể, siêu thực...và vào triết học ru ngủ tối phản động của Bergson (...)

Tôi đã tự lừa dối (...)

Tôi đã tự lừa dối (...)

Tôi đã tự lừa dối (...)”

(Trần Dần ghi trang 240-241).

Trong điều kiện tài liệu hiện nay, Trần Dần là người duy nhất để lại ba trang nhật ký về giai đoạn Thái Hà, nhưng ông không dám viết gì về nội dung học tập, mà chỉ ghi lại những “kết quả” học tập và sự tự hối của mình sau “lớp nghiên cứu 2 văn kiện”.

Khi Lê Đạt trả lời phỏng vấn năm 1999 ở Paris, phát trên sóng RFI năm 2004, chúng ta biết rõ hơn về thực chất hai “hội nghị” Thái Hà.

Về lớp đầu tổ chức tháng 2.56, với 172 đảng viên, Lê Đạt giải thích tại sao lại có hai lớp học khác nhau:

“Lớp đầu tiên tổ chức cho các đảng viên (...) tức là người ta vận động các đảng viên khác phát hiện tất cả những tội của những đảng viên tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm đã đành rồi, nhưng còn để phát hiện cả những tội của những người chưa tham gia Nhân Văn, của quần chúng, vì vậy người ta phải làm trong buổi trước”.

Hình thức “học tập trước” các cách “phát hiện tội” này, đã được dùng trong Cải Cách Ruộng Đất và Nguyễn Mạnh Tường đã mô tả khá rõ trong tiểu thuyết *Une voix dans la nuit* (Tiếng Vọng Trong Đêm), sẽ nói đến sau. Ở đây xin tiếp tục lời thuật của Lê Đạt.

Và đây là diễn biến của lớp thứ nhì, với 304 người, trong tháng 3 và 4.56.

Trước tiên, về không khí của “lớp học”, Lê Đạt kể:

“Không khí rất căng thẳng, tôi nói thế này để chị biết nó căng thẳng như thế nào: Văn Cao đã đi lớp trước rồi, lớp cho đảng viên hồi tháng 2, thì sau đó, họ cũng kéo tất cả trở lại lớp sau để đánh tiếp. Tôi xin nhắc lại: Tức là trong lớp trước, họ học tập đảng viên phát hiện quần chúng, để họ đánh, nhưng bây giờ, ở lớp thứ hai này: Quần chúng lại phát hiện trở lại, để nếu đảng viên có gì, họ lôi ra đánh tiếp luôn, chị có rõ ý tôi không? Thế thì tôi thấy Văn Cao (hôm ấy trời nóng) Văn Cao mặc áo sơ mi to phồng thế mà sau khi nó tố những khuyết điểm của Văn Cao, tôi thấy cái áo sơ mi cứ dính dần, dính dần, dính dần...toát hết cả mồ hôi, nó dính như một cái áo lót cơ mà...Đấy, chị thấy không khí căng thẳng như thế nào”.

Về thực chất của “lớp học”, Lê Đạt cho biết:

“Đây không phải là một cuộc học tập mà là một cuộc đấu tranh, nó khác hẳn các cuộc học tập khác. Trong những ngày đầu, người ta vạch tất cả “những tội” của những người trong Nhân Văn-Giai Phẩm, ai nhớ được gì thì nói ra..., nó là một cái tụi...tố cáo nhau (...)

Trong khi “học” như thế thì công an đi ra đi vào rất nhiều, mà đi một cách rõ ràng cho mình trông thấy chứ không phải người ta kín đáo gì!

Sau khi tất cả mọi người đều đã “phát hiện các tội” của Nhân Văn xong rồi, thì mới đến lượt Nhân Văn, từng người một, nhận tội”

Cuộc “đấu tranh” kéo dài hơn một tháng, và theo lời Lê Đạt:

“...trong suốt một tháng ấy là cứ ngày nào, ngày nào cũng...lên phát hiện tội. Cứ phát hiện tội, tức là mình có gì thì mình báo cáo, còn người ta, người ta phát hiện tội của mình. Nó là một thứ đấu tranh đấy mà. Đấu tranh rất gay gắt. Và lẽ dĩ nhiên, nói là cả lớp, nhưng người ta chỉ tập trung vào một vài người thôi, trong số đó có tôi cho nên vất vả lắm”.

Cách “phát hiện tội” như thế nào? Bằng miệng hay là ghi trên giấy? “Bị can” có quyền cãi khi lời “phát hiện” là bịa đặt hay không?

Lê Đạt trả lời: *“Không! Không! Tất cả mọi người đều đứng lên phát hiện chứ. Phát hiện thì có thư ký ghi hết và bản thân mình cũng phải ghi. Rồi sau căn cứ trên cái phát hiện của người ta, mình về tố, mình phát hiện cái khuyết điểm của mình, cái tội của mình và sau đó mình phải làm bài kiểm điểm rất dài về toàn bộ thời gian mà mình tham gia Nhân Văn. Người ta phát hiện, còn mình không được nói nữa. Đông Tây người ta phát hiện ầm ầm, ầm ầm, làm sao mà mình có quyền, nhất là không được cãi gì”.*

Về các văn bản “thú tội”, Lê Đạt cho biết đã được viết trong hoàn cảnh thế nào:

“Tức là như thế này: Bây giờ anh làm trong tổ, tổ thông qua bài khai của anh. Bài của anh lại phải đưa ra hội trường, hội trường thông qua thì anh mới được xong. Nếu không thì anh cứ việc tiếp tục lại. Viết xong, nhưng chưa thành khẩn, thì lại phải viết tiếp. Mình cứ phải viết tiếp, viết tiếp...mãi, mà mình chỉ có từng ấy ý thì làm sao viết thêm được mãi!”

Về việc bắt Nguyễn Hữu Đang:

Trong lúc kiểm thảo như thế, thì người ta loan tin, người ta nói rằng: “công an đã bắt Nguyễn Hữu Đang!” Cái anh Đang này cũng là người hoạt động mà sao đại dột thế! Ông ấy lại nhờ người mang một lá thư về Hải Phòng để bố trí cho ông ấy vào Nam. Thế là nó bắt được cái thư ấy. Vì chính người đưa thư ấy là người của công an. Thế là họ đồn ầm lên: “Sự liên hệ giữa Nhân Văn và bọn Mỹ Diệm là đã rõ ràng rồi. Nguyễn Hữu Đang trong lúc không còn đường thoát nữa, liên lạc với trong ấy và chúng ta đã bắt được Nguyễn Hữu Đang rồi, bắt vào ngày bao nhiêu, bao

nhiều"...Tất cả mọi người vỗ tay: Hoan hô! Hoan hô!...Tức là một sức ép rất ghê gớm".

Về việc lao động cải tạo, Lê Đạt cho biết:

"Lúc đầu mới đi thì mình cũng lao động, cũng hăm hờ. Mình hăm hờ vì chắc là hai năm thì xong. Thế nhưng mà hai năm rồi cũng không thấy ai nói gì về vấn đề đó cả và lại tiếp tục hai năm nữa...rồi dần dần nó phai nhạt đi không ai nhắc đến chuyện đó nữa. Thì thời gian disponibilité (thời gian mà phải đi, lúc nào người ta gọi đi lao động cũng được) thời gian đó kéo dài 10 năm. Lẽ dĩ nhiên là trong 10 năm ấy, không phải lúc nào cũng đi. Người ta gọi đi, rồi người ta lại cho mình về, về rồi, họ lại kéo mình đi, nghĩa là trong 10 năm là thời gian mình phải dành cho việc đi lao động cải tạo. Thế còn sau này hết 10 năm thì ở nhà. Nhưng mà ở nhà thì...Tôi không ngờ nó kéo dài đến thế: Cả thời kỳ đi lao động lẫn thời kỳ "cắm" là gần 40 năm chị ạ. Mình thấy nó đằng đằng mà mình coi như là số mệnh thôi".

"Lúc bấy giờ, nếu tôi không có sự cưỡng lại thì tôi là một người vút đi, thành một cái rẻ rách. Tôi cho cái việc rẻ rách hóa con người đó, chính quyền phải chịu trách nhiệm".

Ngày 10.12.1959, Trần Dần ghi: "Sớm mai tòa xử Thụy An gián điệp và Nguyễn Hữu Đang phá hoại, cả hai: Hiện hành. Tôi không có giấy gọi cho dự (...) Người có một cái gì vắng vắng. Tôi đã có đứng với nhóm Đang cầm đầu. Tôi đã ly khai với "lý tưởng" đó. Cả khi đứng ở đó, cả khi ly khai, cả bây giờ, tôi vẫn cứ rớm máu. Chao ơi! Con đường để đi đến chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao? Tương lai có để dành cho tôi nhát dao nào nữa không? Đang đã thấy cái sai lớn của Đang chưa? (...)

Ngoài trời mưa bụi. Rét xoàng. Không có gió. Đôi lúc vài tiếng chuông xe đạp. Năm nay rét muộn. Đang ra toà cuối năm. Tôi cũng không thể nào nhõn nhõn với sự kiện này. Chao ơi! Con đường để đi tới chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao?"

Biện pháp thanh trừng đối với trí thức: Các đấu trường khác *Un excommunié* (Kẻ Bị Khai Trừ) của Nguyễn Mạnh Tường thuật lại những nổi trôi của một người trí thức có lòng với đất nước, trong buổi đổi đời. Tác phẩm phản ảnh phong cách và tư tưởng của một kẻ sĩ bất phục tùng, mô tả sự hèn mạt và trá trở của những phường mũ mào cân đai và chứng minh thế nào là lòng yêu nước đích thực. Qua biện pháp kỷ luật mà nhà cầm quyền dành cho ông, chúng ta có thể đoán được chính sách đối xử với những nhà trí thức khác như Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh...

Sau Nhân Văn, Nguyễn Mạnh Tường đã trải qua ba "đấu trường" (corrida): Mặt trận Tổ quốc, Đại Học và đảng. Tại mỗi đấu trường, ông phải trả lời về tội trạng của mình.

Đấu trường đầu tiên là phòng họp của mặt trận tổ quốc ở Phố Tràng Thi, được ông mô tả như sau:

"Tôi đã có nhiều dịp tới đây dự các cuộc họp, hồi tôi còn ở trong nhóm những người được sủng ái được ngồi bên cánh phải của Người (Seigneur). Tôi biết rõ tất cả những vị "đồng liêu" (mes pairs) sẽ quyết định số phận của tôi hôm nay!

Lần này, tôi vào phòng họp như con bò mộng bị thả vào đấu trường (corrida). Đúng là một đấu trường bởi vì tất cả bàn ghế đã được xếp dãy dọc tường, chừa một chỗ trống giữa phòng. Sau dãy bàn, là đám đông nhiều hạng người. Những người ngồi là thành viên của mặt trận, đứng là những kẻ hiếu kỳ, phần đông là nhà báo, hoặc các cơ quan hội đoàn. Đó là thứ quần chúng đấu trường, thêm cảm giác mạnh và sôi sục ham muốn thấy quang cảnh lạ lẫm khó tả sắp diễn ra!

Như con bò mộng thả trong đấu trường, tôi đưa mắt nhìn một lượt cử tọa. Nếu những người đứng, trở mắt nhìn và lắng tai nghe, thì những vị "đồng liêu" của tôi ngồi sau dãy bàn, có vẻ ngượng nghịu với nhiệm vụ mà họ chưa quen lắm. Tuy

những câu hỏi đã được các vị “có thẩm quyền” soạn sẵn, nhưng trong cách diễn tả, giọng họ có chút bối rối. Tôi không khỏi thương cho họ bị rơi vào hoàn cảnh trái khoáy này” (trích dịch *Un Excommunié*, trang 151-152).

Biết rõ bản lĩnh của mình, Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường cảm thấy hoàn toàn thoải mái trong việc tự biện hộ, ông nắm chắc phần “thắng” trước những đối thủ tầm thường, đuoối lý, không đáp lại được những lời hùng biện của người Luật Sư đầy kinh nghiệm.

Ngày hôm sau, đấu Trường Đại Học diễn ra trong không khí công cộng, mọi hạng người đều có thể tham dự. Hàng ngàn sinh viên, nhân viên trong Đại Học, nhà báo, những kẻ hiếu kỳ, bọn lang bang, đến kín chật hành lang, giảng đường, muốn dự kiến buổi “*xử tử một trí thức nổi tiếng ở Hà Nội*”. Lần này quan tòa không ngồi bàn, mà thay phiên nhau bước lên giảng đàn.

Nếu bên *mặt trận tổ quốc* còn có chút nể mặt ông, chưa làm quá lộ liễu, thì ở đây, ông thấy rõ:

“Người ta muốn kéo tên tôi xuống bùn đen, họ muốn chỉ rõ tội ác của tôi để biện minh trước cho sự trừng phạt mà họ sẽ dành cho tôi. Và đồng thời, để răn đe tầng lớp trí thức, để cái tạo họ, bắt họ tuân thủ vô điều kiện những mệnh lệnh và quyết định của đảng, theo đúng đường lối chính thống cộng sản. Tất cả mọi vi phạm vào nguyên tắc thần thánh này sẽ bị trừng phạt nghiêm ngặt, dù cho thủ phạm đã có công lớn như thế nào đối với tổ quốc và cách mạng.

Dưới chân giảng đàn mà tôi đã trải qua những giây phút đẹp nhất đời tôi, tôi được thấy những điều tồi tệ nhất. Tôi thấy, không những người ta muốn trừng phạt tôi (xin lỗi) cái tạo tôi, mà còn hơn nữa: Họ muốn đìm tôi xuống địa vị một phạm nhân dưới chân cái bục mà thời vàng son tôi đã đứng, bắt tôi nghe những lời thóa mạ mỉa mai cay độc của những kẻ không phải là đồng song với tôi như ở mặt trận mà là những đũa nhãi ranh không biết lượm được ở đâu, một vài kẻ hình như đã học tôi”. (trang 173-174).

Những lời đấu tố thô bỉ người thầy, không được Nguyễn Mạnh Tường nhắc lại, ông chỉ ghi lại cuộc tranh luận của ông với một sinh viên học trò cũ và một nhà giáo Trung Học nhò chạy chọt, được lên dạy Đại Học, vì những vấn đề họ đưa ra, có chỗ đáng bàn. Và ông vẫn vận dụng kiến thức của mình để thuyết giảng. Ông thấy mình như đã chiếm được cảm tình của số đông cử tọa, qua ánh mắt của họ.

Đấu trường đảng xảy ra trong không gian kín, không có quần chúng tham dự. Có lẽ người ta thấy bất lợi khi đưa ông ra trước công chúng: Không những ông không bị bôi nhọ mà dường như ông còn được quần chúng ủng hộ. Trong đấu trường thứ ba này, Nguyễn Mạnh Tường phải trả lời ba vị quan tòa về *Thái độ của người trí thức trong thế giới cộng sản*. Câu hỏi chính đặt ra trong buổi thẩm vấn là: Sau chín năm theo cách mạng, đồng chí đã gặt hái được những thành quả không nhỏ và được sự trọng đãi của đảng và nhà nước, thay vì hưởng thụ những đặc quyền mà đảng đã dành cho, tại sao đồng chí lại đứng lên chống đảng ?

Và đây là lời vấn đáp cuối cùng giữa người hỏi cung và Nguyễn Mạnh Tường, trong buổi đối chất trước tòa án đảng

Người chất vấn:

- *Đồng chí không thể không biết những gì đang chờ đợi. Nhà nước chỉ chấp nhận một thái độ duy nhất của trí thức. Đó là thái độ theo đúng đường lối chính thống, tin vào đảng, trung thành với đảng, suy nghĩ, cảm nhận, hành động, theo chiều hướng và cung cách mà các cấp lãnh đạo đã quy định. Bất luận kẻ nào đi ra ngoài con đường này là bị rơi vào tà thuyết và sẽ bị trừng trị như những kẻ phản động bán nước. Đây là cơ hội cuối cùng để đồng chí hối cải về sự cả gan và bất cần của đồng chí. Hãy nắm lấy!*

Nguyễn Mạnh Tường trả lời:

- Mỗi người chịu trách nhiệm về hành động của mình. Nếu xã hội, tức là nhân dân, đạt tới một trình độ văn hóa cao, có mức nhận thức trong sáng, thì những cản trở của một tư tưởng khác với đường lối chung sẽ không bị trừng phạt, mà ngược lại sẽ được khuyến khích, bởi sự tiến bộ của dân tộc tùy thuộc vào những cản trở này. Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng không bao giờ số đông quần chúng có thể khai quang được một lối đi trong rừng rậm của dốt nát, thành kiến, hèn hạ, để tiến lên một bước về phía ánh sáng mặt trời. Trong thành Athènes, Kinh Đô của hiền triết, Socrate đã phải uống cạn cốc độc cần, để lại bài học cho những trí thức trên thế giới suy nghiệm và noi theo: Người trí thức phải giữ vai trò tiên phong, hướng đạo trên con đường khó khăn và nhọc nhằn, để dẫn dân tộc đến niềm vui và hạnh phúc.

Nước ta đã phải chứng kiến sự thâm nhập của một chủ nghĩa ngoại bang hoàn toàn không bắt rễ từ quá khứ dân tộc. Bao nhiêu nhà ái quốc lớn mà mọi người đều kính phục đã bảo vệ, đã bênh vực, đã bảo trợ cho chủ nghĩa này, họ đã đưa nó ra rồi bắt dân chúng phải thừa nhận, bằng cách hứa hẹn nó là chìa khóa mở cửa vào thiên đàng trần thế. Quần chúng tin vào lời nói của lãnh đạo và chờ đợi sự thực hiện những lời hứa. Chính nhờ vào sự đồng tình, vào những cố gắng, những hy sinh của của toàn dân mà đất nước đã giành được độc lập và tự do. Những cánh tay làm việc và những cái đầu suy nghĩ đã là rường cột cho đảng cầm quyền.

Bất hạnh thay, con đường chúng ta đi không bọc nhung. Hạng mình trước những chiến công hiển hách mà họ tưởng đã đạt được nhờ chủ nghĩa mác-xít, những người lãnh đạo đã xây dựng nền móng và áp dụng sâu rộng hơn chủ nghĩa này trong tất cả các ngành, không cần đếm xỉa đến khoa học và thực tế, tuy vẫn hô hào kính trọng giáo dục. Cuộc Cải Cách Ruộng Đất đưa đến những sai lầm nghiêm trọng mà những người cầm quyền phải chịu trách nhiệm. Sự đói khổ của nhân dân đã đến mức khốc liệt, vậy mà những kẻ trách nhiệm vẫn khoác lác rêu rao những điều ngược lại.

Trước bi kịch này, thái độ của trí thức phải thế nào? Có kẻ bịt mắt đút nút lỗ tai để đồng thanh phụ họa với bọn cơ hội và phỉnh nịnh, luôn miệng kêu gào: "Cộng sản thắng lợi. Đảng cộng sản muôn năm". Những kẻ này hy vọng được ân sủng đến ba đời. Công chúng biết rõ và khinh họ. Nhưng những khối óc biết nghĩ và những trái tim yêu tổ quốc và dân tộc không thể nhẫn nhục chịu đựng (trong im lặng và thụ động) những cay đắng của khát vọng không thành và những giấc mơ bị chà đạp. Họ lên tiếng tố cáo những sai lầm và đề nghị những biện pháp sửa đổi. Họ được cảm ơn bằng những cú roi quất, bằng tù tội suốt đời, họ bị kết tội phản đảng, phản cách mạng, là kẻ thù của nhân dân! Sự an ủi duy nhất của họ là được quần chúng hiểu, ái ngại, nhưng không làm gì cho họ được. Họ phải đợi sự phán đoán của Lịch sử".

Và ông viết tiếp:

"Không một lời tuyên án. Những người cộng sản ưa bí mật. Lệnh được quyết định và thi hành trong yên lặng chết chóc. Công chúng không biết gì cả: Bí mật được giữ trọn để khơi lên những tình cảm vô ích, những xao động đáng tiếc! Họ đã tiên đoán tất cả và hành động kịp thời!" (Un excommunié, trang 226- 229).

Ba đầu trường. Không có án. Nguyễn Mạnh Tường đã phải xuyên qua hơn ba mươi năm sa mạc từ 1958 đến 1990. Bị khai trừ khỏi Đại Học. Chiếc xe đạp đi dạy bị lấy lại.

Không được mở lớp dạy tư để kiếm tiền. Phải bán dần đồ đạc trong nhà. Sống trong đói khát. Bệnh tật. Bạn bè xa lánh. Người quen đổi vĩa hè.

Nhưng trong đêm khuya tâm tôi vẫn có những đốm lửa lóe lên: "Thỉnh thoảng, sáng thức dậy mở cửa tôi thấy ai đã nhét vào kẽ cửa một phong bì đầy tiền. Chúng tôi cảm động rơi nước mắt, tuyệt vọng vì không thể cảm ơn ân nhân được bởi có biết

họ là ai. Hay có những hôm tôi đi dạo lúc trời nhá nhem. Luôn luôn vẫn có còm theo dõi đằng xa. Bỗng một chiếc xe đạp đạp rất nhanh, sát bên tôi, nhét vào tay tôi một phong bì hay một gói nhỏ rồi biến mất. Tất cả chỉ trong nháy mắt”. (Un excommunié, trang 335).

Những đốm lửa hy vọng đó đã nuôi sống nhà trí thức trong suốt cuộc đời còn lại.

PHẦN VIII THỤY AN

Mặc bao cuộc hưng tàn phế đổi
Vẫn đắm đắm một đời, một chờ
Mẹ con hoá đá tro tro
Mẹ là tin tưởng, con là tương lai.

Đó là tâm trạng Tô Thị hóa đá, mà cũng là tâm trạng của tôi suốt 15 năm cho đến mãi mãi.

(Thụy An)

Thụy An là khuôn mặt nổi trội, bị kết án nặng nề nhất. Trường hợp của bà giống như một bi kịch Hy Lạp, và cho đến nay, chưa mấy ai hiểu được những khúc mắc ở bên trong.

Thụy An Là Ai ?

Là phụ nữ duy nhất, không viết bài cho Nhân Văn-Giai Phẩm, nhưng tên bà bị nêu lên hàng đầu trong “hàng ngũ phản động”, bà bị quy kết là “gián điệp quốc tế”, lãnh án 15 năm tù cùng với Nguyễn Hữu Đang. Những lời thóa mạ như bản nhất dành cho bà “*Con phù thủy xảo quyệt*” cùng những lời lẽ độc địa nhất: “*Như vắt người thấy máu, Thụy An như rắn bò tới các câu lạc bộ hội nhà văn phun nọc độc mạt sát chế độ ta bản cùng hoá nhân dân*” (Bàng sĩ Nguyên, Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận, trang 120).

Tại sao lại có sự căm thù ghê gớm đối với nhà thơ, nhà văn, nhà báo phụ nữ tiên phong của Việt Nam ? Người đầu tiên thực hiện nữ quyền bằng ngòi bút và hành động. Người chủ trương giải phóng phụ nữ không bằng lý thuyết mà bằng việc làm. Người xác định vị trí phụ nữ như một công dân tự do, thấm nhuần tinh thần dân chủ.

Đáng lẽ bà phải có chỗ đứng xứng đáng trên văn đàn, bởi bà là nhà báo đầu tiên chủ trương các tờ *Đàn Bà Mới*, tại Sài Gòn, từ 1934, và *Đàn Bà*, Hà Nội, 1937. Bà là nhà văn nữ tiên phong với tiểu thuyết *Một Linh Hồn*, 1942. Nhưng cho đến nay, chính quyền chưa hề trả lại cho bà phần danh dự bị bôi nhọ trong hơn nửa thế kỷ, với những lời nhục mạ tàn nhẫn, một cái án 15 năm phi lý, và cho đến chết bà vẫn chưa hề được phục hồi danh dự.

Để tìm hiểu về Thụy An con người và tác phẩm, chúng tôi đã liên lạc với hai con bà, ông Bùi Thụy Bằng, nguyên chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san Atlanta Việt Báo, tại Hoa Kỳ, bà Bùi Thư Linh, tại Paris, và sử dụng bản tiểu sử Thụy An do Trinh Tiên (bạn thân của Thụy An) viết ngay sau khi Thụy An qua đời năm 1987, nhưng đến 1998, gia đình mới nhận được, đăng trên Atlanta Việt Báo Xuân Ất Dậu, 2005.

Thụy An (bút hiệu khác: Thụy An Hoàng Dân), tên thật là Lưu Thị Yến, sinh năm 1916 tại Hà Nội, là con ông bà Lưu Tiến Ích và Phùng Thị Tôn, quê gốc làng Hòa Xá, Quận Vân Đình, Tỉnh Hà Đông. Thuở nhỏ học Trường Hàng Cót, Hà Nội. Năm 1929, 13 tuổi, Yến đã có thơ đăng trên Nam Phong. 1932, 16 tuổi, được giải thưởng văn chương của Triều Đình Huế. Năm 1934, 18 tuổi, Thụy An kết hôn với Bùi Nhung, Nhà Văn kiêm Nhà Giáo, bút hiệu Bằng Dương, là em ruột học giả Bùi Kỷ và bà Trần Trọng Kim, sinh 7 con, một người mất sớm: An Dương (1934), Thụy

Băng (1937), Thư Linh (1938), Dương Chi (1939), Ngọc Trinh (1943) và Châu Công (1945). Ông Bùi Nhung hai lần làm Giám Đốc Đài Phát Thanh Hà Nội từ 1948-1949, và 1951-1952, rồi Giám Đốc Đài Phát Thanh Hải Phòng năm 1954 (trong thời gian 180 ngày trước khi vỹ tuyến 17 khép lại).

Cũng năm 1934, 18 tuổi, Thụy An bắt đầu nghề báo, cùng chồng lập tuần báo *Đàn Bà Mới* ở Sài Gòn. 1937, ra Hà Nội, chủ trương tờ *Đàn Bà*. Theo Trinh Tiên, năm 1939, bà làm chủ nhiệm báo *Phụ Nữ Tân Văn* ở Sài Gòn. Trong chiến tranh Việt-Pháp, Thụy An là phóng viên chiến tranh, tham dự nhiều cuộc nhảy dù ra mặt trận để cung cấp tài liệu cho báo chí. 1954, bà giữ chức quyền giám đốc Việt Tấn Xã.

Thụy An-Băng Dương sống ly thân từ 1949, nhưng không ly dị vì cả hai đều theo Đạo Công Giáo. Bà có quan hệ mật thiết với ông Đỗ Đình Đạo, một nhân vật quan trọng của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nhưng Thụy An và Đỗ Đình Đạo không bao giờ chung sống cùng nhau.

Thụy An và Đỗ Đình Đạo chia tay năm 1952. Nhưng đến 1954, khi Đỗ Đình Đạo bị đầu độc chết, dư luận buộc tội bà giết chồng, và chính những lời vu cáo này, sẽ được thổi phồng và sử dụng chống bà sau 1954.

Về biệt hiệu Thụy An Hoàng Dân, Bùi Thụy Băng, giải thích: Phan Khôi và Thụy An là hai người bạn vong niên từ lâu (Thụy An kém Phan Khôi 29 tuổi). Biệt hiệu Chương Dân của Phan Khôi và Hoàng Dân của Thụy An, là cùng để tưởng niệm đến một người anh hùng, có tên là Chương Hoàng Dân hay Hoàng Chương Dân.

Tác Phẩm

Thụy An là tiểu thuyết gia phụ nữ duy nhất được Vũ Ngọc Phan lựa chọn trong bộ *Nhà văn hiện đại*, với tác phẩm *Một Linh Hồn* (xuất bản 1943). Trong bài phê bình dài dành cho tác phẩm *Một Linh Hồn*, Vũ Ngọc Phan nhận định: “*Là một nhà thơ, nhưng bà là người đi tiên phong trong địa hạt tiểu thuyết với cuốn Một Linh Hồn*” và ông kết luận “*Một Linh Hồn cũng đáng kể là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay, tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn*”.

Về cuốn tiểu thuyết thứ nhì, *Bốn Mớ Tóc* (1952), Trinh Tiên nhận xét: “*Đây là tập truyện gồm nhiều đoản tác: “Một Thương”, “Bà Mẹ”, “Cô Con”, “Mớ Tóc”... Tác giả cố ý nêu cuộc sống dân tộc trong buổi giao thời, mọi sinh hoạt đan che nhau giữa mới và cũ. Điển hình như một mái tóc phụ nữ. Cổ thì để dài vấn trần hoặc vấn khăn búi tó, mới thì cắt ngắn hoặc uốn quăn...*” (Tiểu sử Thụy An, Trinh Tiên, Atlanta Việt Báo Xuân Ất Dậu, 2005).

Truyện ngắn của Thụy An in rải rác trên các báo tại Hà Nội. Phần lớn, chưa tìm lại được như: *Chiếc cầu chân chó*, *Les vingt cinq meilleures histoires du monde* bằng tiếng Pháp, do Hội Văn Bút Quốc Tế xuất bản năm 1954 hoặc 55. Một cuốn sách bà viết về gia đình, gửi một tờ báo ở San José in năm 1985. Tác phẩm *Vợ Chồng...*

Một vài truyện được ghi lại như: *Giết Chó* (in lại trên Khởi Hành, Hoa Kỳ, số 77, tháng 3.2003, in lần đầu trên Tạp Chí Phổ Thông của Hội Cựu Sinh Viên Trường Luật Hà Nội, số 19-20 tháng 6-7.1953). Tác phẩm viết về hiện tượng cách mạng ra lệnh cho dân chúng đồng loạt giết hết chó để có thể đột nhập vào làng ban đêm mà không bị tiếng chó sủa phát giác, nhưng đồng thời cũng kết án hành động đen tối này như một cuộc thủ tiêu đàn chó vô tội.

Lại Nguyễn Ân sưu tầm được một số tác phẩm của Thụy An trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, đã công bố trên Talawas, gồm những bài: “*Nhân Xem Phim “Anh gắng nuôi con, đặt lại vấn đề Tân hiện thực*”, tiểu luận phê bình điện ảnh (Văn

Nghệ, số 142, 11.10.1956) *Chuyện Bố, Mẹ, Bé Và Con Búp Bé*, truyện ngắn (Trăm Hoa, 25.11.56), *Chiếc Lược*, thơ (Trăm Hoa, 2.12.56). Trong thời kỳ Nhân Văn, bà có in một tập truyện ngắn, theo bài buộc tội của Vũ đức Phúc, có những truyện như: *Trường hợp tổng quan của thiếu úy Lâm, Bích-xu-ra...*

Bài tiểu luận phê bình phim *Anh Gắng Nuôi Con* của Nhật Bản, chứng tỏ không những Thụy An thông thạo tình hình điện ảnh thế giới sau đại chiến, đặc biệt hai nền điện ảnh Tân hiện thực của Ý và Nhật Bản, mà còn có những phân tích sắc bén, sâu xa về sự phục vụ của điện ảnh trong đời sống con người.

Thơ Văn Sáng Tác Trong Tù

Trong bài “*Thụy An, Mẹ Chúng Tôi*” viết cuối năm 1988, sáu tháng trước khi mất, dùng giọng các con để viết về mình, bà có nói đến việc sáng tác trong tù:

Bên cạnh cái án đó là nỗi đau khổ của một người mẹ lìa xa con cái 30 năm trời, chưa hề biết mặt 17 đứa cháu nội, ngoại, cũng chưa được ẵm đứa cháu đầu tiên vừa mới ra đời. (...) Lại cũng cần phải nói ngay, không vì bị 15 năm mất tự do và treo bút vô thời hạn mà Mẹ chúng tôi phải “tìm tự do”, tìm “đất sống” cho những thứ mình viết ra hầu hết trong thời gian bị tù. [Ý bà muốn nói việc in sách tại hải ngoại]

Khởi sự bị giam cầm, Mẹ chúng tôi trong một thời gian ngắn có bị khủng hoảng tinh thần trước tai biến bất ngờ quá ư to lớn đối với một người đàn bà. Song Mẹ chúng tôi đã kịp thời trấn tĩnh lại, nhận tai biến như một cái Nghiệp (...) Mẹ chúng tôi coi tai biến như một cái giá phải trả cho sự may mắn được làm người, mà lại làm người Việt Nam có một thứ ngôn ngữ “đẹp nhất trần đời”, để học nhất thế giới, có sức diễn đạt truyền cảm, thấm thấu suốt tâm hồn dân tộc đến nỗi:

*Một người mẹ không biết một chữ A,
Cũng biết hát những lời thơ hay nhất
(thơ Thụy An trong Trường Ca Tiếng Mẹ)*

(...) Từ ngày anh em chúng tôi biết đọc, Mẹ chúng tôi vẫn tự hẹn sẽ kể cho các con nghe những chuyện cổ tích Việt Nam để khỏi óc trĩnh tuyên của con cái được thâm nhập ngay tính nhân hậu, hiền hòa, thơ và mộng, trí và dũng của dân tộc... Thời kỳ mẹ chúng tôi có ý định này, vào thập niên 30-40, chính là thời kỳ văn học Việt Nam đang tiến lên hiện đại hóa cả hình thức lẫn nội dung, một sự tất yếu phải nhiệt liệt đón chào. Chỉ tiếc một điều, trên con đường hiện đại hóa, những vốn cổ dân tộc: Tré Cóc, Lục Súc Tranh Công, Vợ Cóc, Vợ Tranh, Châu Long, Tô Thị, v.v... bị lãng quên...

Thế rồi suốt 20 năm sau, cuốn vào thời cuộc thế giới, của đất nước và nghề báo chí, Mẹ chúng tôi chưa thực hiện được ý định. Phải đợi vào nhà tù cộng sản, Mẹ chúng tôi mới khởi công làm cái việc tha thiết nhất một đời...”

(Atlanta Việt Báo, 15.12.2004)

Như vậy, những sáng tác trong tù của bà có thể rất phong phú, ngoài 16 truyện cổ tích Việt Nam viết bằng thơ, bà vừa nhắc đến, nói lên chí khí và tâm sự của mình mà bà coi như tập “*Nhật Ký Trong Tù*”, còn có tiểu thuyết và biên khảo. Thơ của bà cũng trong tình trạng tứ tán thất lạc. Theo Trinh Tiên: “*Thụy An sáng tác thơ cũng rất nhiều, phần đăng rải rác trên các báo, phần vẫn còn trong bản thảo. Bài thơ trường thiên tựa đề “Sao Lại Mùa Thu”. Rồi như bài “Ân Thiên Nhất Đẳng” tặng Thái Bằng có giọng ca thiên phú đọc đáo...”*. Về các sách chưa xuất bản, Trinh Tiên nhắc đến 2 cuốn tiểu thuyết: *Người Lãnh Tụ, Phiên Chợ Trời Đanh Xuyên*, và 2 cuốn biên khảo: *Bùi Thị Xuân và Vợ Chàng Trương*, có lẽ đó những sách bà đã viết trong tù, không biết bây giờ thất lạc ở đâu.

Những Lời Buộc Tội

Trong những lời buộc tội, có hai loại: Loại “gián điệp quốc tế” mà không hề đưa ra bất cứ một bằng chứng cụ thể nào về việc này quá dễ dàng, có thể gán cho

ai cũng được, chúng ta không cần bàn đến. Loại thứ nhì dựa trên một vài sự kiện có thực rồi khuếch trương lên, chính loại này đã tác hại lên danh dự của Thụy An. Loại này xoay quanh ba dữ kiện:

- Bà quen nhiều người Pháp.

- Bà di chuyển thường xuyên trên trục Nam-Bắc.

- Người ta đồn bà giết ông Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân của Việt Nam Quốc Dân Đảng, để tỏ "lòng trung thành" với cách mạng.

Xuân Dung viết:

"Hồi Hà Nội tạm chiếm, nó bỏ Bằng Dương, hiện nay là tay chân "đắc lực" của Mỹ-Diệm, và lấy Đỗ Đình Đạo (một tên Quốc Dân Đảng đã từng chống lại chính quyền dân chủ nhân dân và tàn sát đồng bào ta ở Vĩnh Yên, Phúc Yên hồi cách mạng tháng Tám). Lúc này tên phản quốc Đạo đang chỉ huy những đội "quân thứ hành chính lưu động" của Pháp chuyên đi càn quét các vùng. Và nó được Đạo nâng đỡ, cất nhắc lên chức quyền Giám Đốc Việt Tấn Xã của ngụy quyền.

Một tờ báo xuất bản thời ngụy quyền, ra ngày 8.8.1954 có viết: "thường thường bà Thụy An đi lại trên đường hàng không Hà Nội-Sài Gòn nhiều lần và hành tung bí mật như đời sống riêng của bà..."

Hành tung của con mẹ phù thủy ấy là đi máy bay dự các cuộc nhảy dù và ra khắp các mặt trận để cung cấp tin tức cho nhiều đài và báo địch, còn đời sống riêng là luôn luôn ra vào buồng những thằng Tát-xi-nhi, Cô-nhi...Cuối 1953, nó liên lạc chặt chẽ với tụi to-rốt-kít Hồ Hữu Tường và cổ động tích cực cho báo Đông Phương với nội dung tuyên truyền thuyết "trung lập chế" (trung lập hay chính là tay sai cho đế quốc?).

Trước hòa bình lập lại ít ngày, dùng một cái, người ta nghe tin Thụy An giết Đỗ Đình Đạo, mà lúc đó có tờ báo trong Hà Nội đã nêu lên với một đầu đề lớn "Tiền, tình hay chính trị". Vì gì thì vì, có điều nhất định không vì chế độ dân chủ nhân dân của chúng ta rồi! Đỗ Đình Đạo tên trùm GAMO (quân thứ hành chính lưu động) vừa bị giết được hai ngày, có người (hiện đương ở Hà Nội) lại trông thấy Thụy An ngồi chung xe với tên tướng giặc Cô- Nhi, ấy là chưa kể còn có tin nó vào Sài Gòn rồi lại trở ra Hà Nội, 1 tháng trước khi tiếp quản.

Giải phóng thủ đô, nhiều người lạ lùng vì sự có mặt của con này. Riêng cái việc xuống Hải Phòng khi ta chưa tiếp quản, rồi lại về Hà Nội một cách đàng hoàng cũng đủ cho chúng ta suy nghĩ (...) Việc đầu tiên là luôn luôn lấy việc giết Đạo để tỏ lòng "trung thành" với cách mạng" (Xuân Dung, con phù thủy xảo quyệt: Thụy An, báo Thủ Đô 23.4.58, Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận, trang 42-43).

Cách viết trên đây rất thâm độc: Tác giả dựa vào một vài sự kiện có thật như việc Thụy An hay ra vào Nam Bắc, và cái chết bí mật của Đỗ Đình Đạo, được báo chí loan tin, để tạo cho người đọc cái cảm tưởng là mọi việc có thật, nhưng lại chêm vào những chữ: *nghe tin, có người trông thấy, ấy là chưa kể...để chứng tỏ mình (người viết) vô can. Không kể những điểm vô lý như: Nếu ông Đạo là trùm GAMO của Pháp thì sao Thụy An lại không bị Pháp bắt, vì giết Đỗ Đình Đạo, mà lại đàng hoàng đi xe với tướng Cogny? Việc bà "luôn luôn lấy việc giết Đạo để tỏ lòng trung thành với cách mạng" thật đáng ngờ, vì trong những phát biểu của Thụy An, cho đến lúc chết, chưa bao giờ bà "tỏ lòng trung thành với cách mạng".*

Tất cả những lời đồn đại ác ý làm cho bà bị mang tiếng "giết chồng", sau này trong bài tự thú, Phùng Quán viết "tôi có biết Thụy An trước đây đã giết chồng" và cả Lê Đạt cũng viết "lúc đầu rất ghê tởm Thụy An". Tiếng oan "giết chồng" là bi kịch đầu tiên của Thụy An.

Gia Cảnh Thụy An Và Cái Chết Của Đỗ Đình Đạo

Bùi Thụy Băng cho biết về hoàn cảnh gia đình và tình trạng sức khỏe của người mẹ:

“Là đưa con trai thứ nhì, tôi là người gần mẹ tôi nhất vì từ năm 1943 trở đi mẹ tôi bệnh tật luôn luôn. Mới 6 tuổi tôi đã trông nom mẹ tôi. Anh cả tôi là Bùi An Dương bị bệnh hen suyễn từ khi mới sinh ra nên rất yếu đuối và mẹ tôi đã cho anh An Dương khi chưa đầy một tuổi, làm con nuôi ông bà Trần Trọng Kim (cụ Bùi Kỳ và bà Trần Trọng Kim là anh, chị ruột của ba chúng tôi)”. (Điện thư ngày 15.12.2004)

Thụy An và Băng Dương ly thân từ năm 1949. Tại sao ?

- Vì cha tôi không trung thành, ông có nhiều bà khác. (Bùi Thư Linh, điện thoại, 17.10.2009)

Sau khi ly thân, ai nuôi các con ?

- Mẹ nuôi các con, nhờ bà ngoại giúp đỡ, bác (gái) Trần Trọng Kim cho vay tiền, nhưng mẹ vất vả lắm. (Bùi Thư Linh, như trên)

Khi nào thì gia đình vào Nam ?

- Năm 1952, đi bằng tàu thủy. Mẹ thường đi về Sài Gòn-Hà Nội bằng máy bay, nhưng vé máy bay cho cả nhà đắt lắm, Mẹ mua vé tàu thủy cho các con, nhờ người cậu dẫn vào Sài Gòn. (Bùi Thư Linh, như trên)

Đến năm 1954, Bùi Thư Linh (16 tuổi) đi Pháp, tại sao ?

- Tôi bị bệnh lao xương, Mẹ gửi tôi đi Pháp chữa bệnh ngày 20.5.1954.

Nhưng gia đình túng thiếu, lấy tiền đâu ra ?

- Đi theo diện *Pupille de la Nation* (Nghĩa Tử Quốc Gia), chính phủ Pháp lo hết. (Bùi Thư Linh, như trên)

- Tại sao Thụy An đem gia đình vào Sài Gòn năm 1952 ?

Bùi Thụy Băng: Vì ông Đỗ Đình Đạo. [Có thể hiểu là năm 1952 Thụy An đã chia tay với Đỗ Đình Đạo, và muốn tránh, bà đem các con vào sống tại Sài Gòn].

- Tại sao Thụy An đã vào Sài Gòn năm 1952, lại còn trở ra Hà Nội, trước ngày tiếp quản ? [Hội nghị Genève ký: 20.7.1954. Việt Minh tiếp quản Hà Nội: 10.10.1954, tiếp quản Hải Phòng: 13/5/1955]

- Bùi Thụy Băng: *“Từ năm 1952, Thụy An đã vào Nam, tại vì ông Đỗ Đình Đạo. Ông Đỗ Đình Đạo là Giám Đốc Quân Thứ Lưu Động của Việt Nam Quốc Dân Đảng từ 1950 đến 1954. Ông Đỗ Đình Đạo còn là bạn thân của ông cụ tôi, trước khi mất, ông vẫn còn liên lạc với ông cụ tôi. Sau trận Điện Biên Phủ, ông Đỗ Đình Đạo có lệnh của Việt Nam Quốc Dân Đảng, phải ở lại Hà Nội để chống Việt Minh. Nhưng mẹ tôi không biết chuyện đó. Nửa tháng trước khi Việt Minh tiếp thu Hà Nội, tôi (lúc đó 17 tuổi) đưa bà cụ ra phi trường Sài Gòn để đi Hà Nội. Bà cụ tôi ra Hà Nội vì tưởng rằng ông Đỗ Đình Đạo đã đi rồi. Bà cụ tôi nghĩ rằng ông Đỗ Đình Đạo không còn ở Hà Nội”.* (Điện thoại, 16.12.2004)

- Thụy An ra Hà Nội với mục đích gì ?

- Bùi Thụy Băng: *Bà cụ tôi ra Bắc, với hai mục đích:*

- Về quê mình để thu thập tất cả những gì quý báu nhất trong nhà ông ngoại tôi.

- Thứ nhì, bà cụ tôi muốn đặt cái bản doanh chống lại chính quyền ở Hòa Xá. (Điện thoại, 16.12.2004).

Nhờ những chi tiết trên đây, cuộc đời của Thụy An sáng tỏ hơn: Người phụ nữ ấy làm nghề báo để nuôi 6 con, là phóng viên chiến tranh, ở cương vị quyền Giám Đốc Việt Tấn Xã, bà vào Nam ra Bắc thường xuyên, bà quen biết những người như Sainteny (Đại Sứ), các Tướng Tassigny, Cogny...và cũng nhờ họ, bà xin được cho con gái sang Pháp chữa bệnh lao xương. Nhưng cũng chính vì việc con gái sang Pháp với diện *Pupille de la Nation* mà sau này trong vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm, bà lại càng bị quy kết làm “gián điệp” cho Pháp.

Như vậy, khi ra Bắc, Thụy An đã có chủ đích chính trị: Đặt bản doanh chống chính quyền cộng sản ở Hòa Xá là quê hương bà, nơi có những người tin cần nhất, và Hòa Xá cũng là một trong những làng có truyền thống chống cộng. Với hành động này, Thụy An trở thành nhà văn đầu tiên tổ chức chống lại chính quyền cộng sản, trong lòng chế độ.

Bà không ở trong tổ chức của Việt Nam Quốc Dân Đảng, vì bà không biết Đỗ Đình Đạo đã có nhiệm vụ ở lại chống Việt Minh. Vậy bà ra Bắc, là theo chỉ thị của chính mình: *"Tình nhà, tình nước bời bời / Mẹ năn nỉ giữa, nước đòi thiết tha"*. Và như lời Bùi Thư Linh: *"Mẹ thương các con lắm nhưng mẹ vẫn có cái lý tưởng của mẹ, không bỏ được"*.

Ở thời điểm 1954, hầu hết mọi người Việt Nam đều nghĩ việc chia đôi đất nước sẽ chỉ trong một vài năm. Vì vậy, Thụy An đã nhờ mẹ trông nom các con để ra Bắc hoạt động. Bà không ngờ đến cái chết của Đỗ Đình Đạo, cũng không ngờ Nam Bắc chia đôi 20 năm, và lại càng không ngờ chính mình bị rơi vào 15 năm tù tội.

Về cái chết của Đỗ Đình Đạo, Bùi Thụy Băng cho biết:

"Lúc đó, tôi từ Sài Gòn, ép bố tôi, còn đang là Giám Đốc Đài Phát Thanh Hải Phòng, phải ký sự vụ lệnh cho tôi đáp máy bay ra Hải Phòng rồi lấy xe lửa ra Hà Nội gặp mẹ tôi, vì cái chết của nhà cách mệnh Việt Nam Quốc Dân Đảng Đỗ Đình Đạo. Nếu bà cụ tôi đầu độc Đỗ Đình Đạo, thì chính quyền Pháp điều tra biết, họ cũng bắt ngay. Khi truyện xảy ra, ông Đỗ Đình Đạo ở nhà bà cụ tôi [ở Hà Nội] mà bà cụ tôi cũng không biết. Nhà hai chị em mẹ tôi ở chung. Có thể bà dì tôi đã cho ông Đỗ Đình Đạo trú ngụ (để trốn tránh) mà mẹ tôi không biết. Khi ông Đỗ Đình Đạo bị đầu độc thì mẹ tôi đương ở Hòa Xá với một người bạn là bác Phụng, ở Ngõ Nhà Do (Impasse d'Identité)". Mẹ tôi còn nói: *"Bác chết nhưng mà xác bác chết còn thơm hơn người sống"*. Mặc dù không bị bắt, nhưng Thụy An vẫn bị mang tiếng "đầu độc chồng": *"Đến anh tôi còn giận, không để hình mẹ tôi trong nhà"*. (Điện thoại, 16.12.2004).

Tuổi Trẻ Thơ Mộng

Trong bài tiểu sử Thụy An, Trinh Tiên viết:

"Hè 1932, cô Yến được cha mẹ cho học tư thêm. Thầy giáo là một hàn sĩ người Quảng Bình, dáng dấp mảnh khảnh đầy vẻ cương nghị.(...) Ông thầy giáo trẻ ấy đã bị trò Yến cùng các bạn trêu chọc gọi là "Anh đồ Nghệ". Hơn thế, Yến còn làm thơ nhạo báng dí dỏm:

*Khéo ghét anh đồ xứ Nghệ
Hơn mình mấy tí tuổi đầu ?*

(trích bài "Sao Lại Mùa Thu" của Thụy An)

(...). Nhưng chàng trai xứ Quảng này không chỉ là một hàn sĩ hay một nhà mô phạm đơn thuần, mà còn là một người yêu nước thiết tha, một nhà cách mạng chân chính. Cho nên trong những bài giảng đã gieo ảnh hưởng không ít đến lớp học trò (...) Hơn thế nữa, chính người thầy giáo trẻ ấy lại là một chiến sĩ hoạt động trong bóng tối. Chúng ta hãy lắng nghe lời thơ giới thiệu của Thụy An về người anh hùng đó:

*Hung hãn vọng vào tiếng bể
Hòn căm rít ngọn gió Lào
Anh mang trùng dương giận dữ
Anh mang hoang dại khô khan.*

Và như:

*Mắt anh hùng trí bốn phương
Tay run nắm hồn dân tộc
Tóc xòa vương hận núi sông
Môi bậm tai nghe rên xiết*

Áo com dọ dưới cùm gông!

Thật sự, Thụy An đã hấp thụ tư tưởng cách mạng qua Thầy đồ Nghệ:

... Ròi anh bắt đầu dấn dất

Dạy em khui lửa bắt bình

Oán hận réo sôi lòng đất

Công lý tù đầy uất uất

Miếng cơm nghẹn họng nhân sinh...

(Trích: Sao Lại Mùa Thu).

Thoảng chốc, lớp hè vài tháng trôi qua. Thầy trò bịn rịn chia tay. Riêng thiếu nữ Thụy An còn nghe lòng vương chút băng khuâng, điệu vợi...Nhưng lại là chút băng khuâng rất nhẹ nhàng lơ lửng...nó đã thoảng qua ngay trong lứa tuổi 16 thơ ngây ấy...Và cũng bởi rằng: "làm tỉnh...anh vẫn thản nhiên..." Còn chẳng chút lưu luyến ở tâm hồn Thụy An là niềm cảm phục trang thanh nhiên chí khí, cô đã kết ý thơ thành chuỗi nguyện cầu:

Nguyện mình hoá vải hoá bông

Thấm lau giòng máu anh hùng thơm tho

Máu anh đã rửa quốc thù

Máu anh viết trước bài ca khải hoàn (thơ Thụy An)

(Trích tiểu sử Thụy An của Trinh Tiên, báo đã dẫn)

Bùi Thụy Băng cho biết thêm:

"Người thầy giáo đề cập ở đây là Tướng Võ nguyên Giáp. Khoảng 1930, ông ngoại của tôi đã mượn người thầy giáo sử địa Võ nguyên Giáp về nhà kèm má tôi học. Năm 1933, má tôi theo thầy vô Nam. Ông Võ nguyên Giáp muốn đưa bà cụ tôi sang Trung Hoa. Nhưng má tôi lại gặp ba tôi ở Sài Gòn và hai người lấy nhau, sanh ra anh cả tôi là Bùi An Dương, năm 1934. Lúc đó ba má tôi đã xuất bản tuần báo *Đàn Bà Mới*, nên má tôi trở về Hà Nội cho Anh tôi làm con nuôi ông bà Trần Trọng Kim, để vô Nam tiếp tục lo tờ tuần báo. Năm 1937, ba má tôi trở ra Hà Nội sanh ra tôi là Bùi Thụy Băng" (Điện thư 15.9.2004)

Theo tiểu sử chính thức, Võ nguyên Giáp sinh ngày 25.8.1911 (hơn Thụy An 5 tuổi). Năm 1931 ông ra Hà Nội học Trường Albert Sarraut, sau đó học Luật. Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Quang Thái, năm 1934 (bà Thái chết trong hỏa lò Hà Nội năm 1943). Năm 1934, Thụy An cũng lấy chồng.

Như vậy, khoảng 1931-1932, Võ nguyên Giáp có thể đã dạy kèm Lưu Thị Yến, tại nhà. Và đến Hè 1932, nếu những lời ghi của Trinh Tiên là đúng, thì cô Yến và các bạn còn học thêm Võ nguyên Giáp trong một lớp hè. Bài thơ dài *Sao Lại Mùa Thu* của Thụy An, được Trinh Tiên trích dẫn, nói rõ không khí lớp hè năm đó và sự "quyến luyến" mà trò Yến dành cho người thầy, đã gieo rắc vào tâm hồn cô gái 16, lý tưởng "cứu nước". Lưu Thị Yến, lúc đó 16-17 tuổi, cũng đã nổi tiếng vì có thơ đăng trên Nam Phong và được "giải thưởng văn học của triều đình". Sự việc này hư thật ra sao, chưa có tài liệu chứng minh rõ ràng, nhưng trong bài phỏng vấn, Lê Đạt nói một câu khá nhiều ý nghĩa: "*Chị Thụy An còn nói kín hờ cho tôi biết rằng chị ấy đã từng tham gia kháng chiến! Việc liên lạc với kháng chiến trong thời ấy thì mình mất mới là chuyện bình thường, mà mất mới thì mình không thể chứng minh được*".

Điều chắc chắn là qua những câu thơ trong bài *Sao Lại Mùa Thu*, Thụy An đã nói lên lòng ái quốc của chính mình với những lời thơ bất khuất: *Tay run nắm hồn dân tộc / Tóc xòa vương hận núi sông / Môi bậm tai nghe rên xiết / Áo com dọ dưới cùm gông!*

Chí Khí Thụy An

Bài *Tôi Về Quên Mất Cả Xuân Sang*, ký ngày 5 tháng 11 âm lịch 1951, viết tặng vợ chồng Trinh Tiên, là một bài trường ca, nói lên chí khí của Thụy An. Bài thơ

dài kể chuyện một đêm xuân ở Sài Gòn, nhớ Hà Nội, nhà thơ bước vào vũ trường, gặp người vũ nữ ngày xưa là em gái bạn. Người vũ nữ kể lại bi kịch của gia đình mình: Mẹ nàng có ba người con, sống trong êm ấm. Bỗng đâu, phong ba xảy đến:

*Nắm đi cho tháng theo lần,
Mà trong êm đã ngấm ngấm phong ba.
Gió cuốn lật úp sơn hà,
Màn che trướng rủ bỗng ra dải dàu,
Gió đưa khăn gói về đâu ?
Con đường vô định trước sau còn dài
- Tình nhà, tình nước bời bời
Mẹ năn nỉ giữa, nước đòi thiết tha.
Đã đành nghĩa nặng mẹ cha
Nỡ vô tình lúc nước nhà ngựa nghiêng ?
Chịu sinh làm gái vô quyền,
Nỡ mang cái tiếng yếu mềm, bó tay ?
Ầm tiếng súng Sơn Tây vắng lại,
Sôi má hồng, quăng thói nữ nhi,
Chị em phận sự hai chia
Em nuôi mẹ, chị ra đi chiến trường.
Lần thứ nhất mở đường ly tán,
Cũng từ đây, hoạn nạn gieo neo:
Nhìn nhau lặn suối, trèo đèo
Mẹ già em nhỏ đến điều gian truân.*

Rồi người chị cả hy sinh trên chiến địa:

*Tin đâu sét đánh thành linh
Chị yêu thôi đã bỏ mình phương xa,
Nơi chiến địa xác hoa phơi giã,
Bài điệu văn cú gọi hồn ma
Một đi lia cửa lià nhà
Một đi thế cũng kể là trăm năm.*

Người mẹ và hai con còn lại, cuốn trong gió lốc:

*Thân vong gia giật dờ cánh gió...
Đoạn thảm thương lần giờ thêm trang:
Một đêm đang lúc mơ màng,
Thức ra giấc đã khắp làng bao vây.
Mẹ con chúi bụi cây ẩn nắp
Đạn nổ tung, trời sập đất nhào...
Tỉnh ra tử nhục làm sao!
Tắm thân thôi đã lọt vào tanh hôi!
Bên mình, mẹ vẫn ngồi mà chết
Đầu vắng xa, máu thịt bết be
Xác em nguyên vẹn nằm kề
Tay níu mẹ, sợ đường về lạc chẳng ?
Chưa kịp khóc thì quân lang sói
Đã lôi em về mái đôn xa...
Nhục thay là phận đàn bà
Trong cơn binh lửa mà sa tay thù!!
Thôi gập sách! Để cho kết liễu
Đoạn về sau thừa hiểu là đây
Dứt lời, chỉ khẽ nhú mày,*

Lạnh khô đôi mắt. Bóng ngày vừa tan...

Bài ca hùng tráng, bi thương, ít có trong thời kháng chiến, nói lên tất cả những khía cạnh con người của Thụy An. Giọng thơ mạnh mẽ, quyết liệt: *"Gió cuốn lật úp sơn hà"*. Hai chữ *lật úp* thật là vũ bão. Rồi sự phân chia tình nước, tình nhà trong suốt cuộc đời bà: Vừa nuôi 6 con, vừa có chí lớn: *"Tình nhà, tình nước bồi bồi / Mẹ năn nỉ giữa, nước đòi thiết tha"*. Sự lựa chọn của người phụ nữ trước tình thế đất nước: *"Nữ vô tình lúc nước nhà ngửa nghiêng ? Nữ mang cái tiếng yếu mềm, bó tay ? Sự căm phẫn của người nữ anh hùng: Sôi má hồng, quăng thối nữ nhi. Cái chết khốc liệt và của người nữ chiến sĩ: Nơi chiến địa xác hoa phơi giải / Bài điệu vẫn cứ gọi hồn ma. Quang cảnh kinh hoàng chết chóc của người dân mất nước: Bên mình, mẹ vẫn ngồi mà chết / Đầu vắng xa, máu thịt bết be / Xác em nguyên vẹn nằm kê / Tay níu mẹ, sợ đường về lạc chẳng ?"*

Thơ Thụy An nói lên chí khí của bà, nói lên sự quyết liệt khi cần phải quyết liệt, nói lên cái hận mất nước, sự không chịu bó tay của người phụ nữ. Sáng tác của bà từ truyện cổ tích đến truyện ngắn, tiểu luận, và nhất là thơ, đã quét sạch những dòng nơ bần viết về bà, giải thích tại sao Thụy An không chịu lùi bước trước cường quyền và bạo lực.

Thời Kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm

Những nhà văn, nhà trí thức được mời vào nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, là những người đi theo kháng chiến từ đầu, kể cả những người không cộng sản như Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường. Thụy An vì ở trong thành, nên không được mời vào Nhân Văn-Giai Phẩm, như Lê Đạt đã xác nhận.

Nhưng trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, bà thường xuyên ra vào các hội văn nghệ, và có ảnh hưởng không nhỏ đối với những văn nghệ sĩ trẻ tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm. Bà liên lạc, nâng đỡ tinh thần, tích cực giúp đỡ anh em Nhân Văn, đặc biệt gia đình Lê Đạt.

Lê Đạt viết trong lời "tự thú":

"Âm mưu của Đảng sau này là biến thành nhà xuất bản Minh Đức thành nhà in đối lập với hội nhà văn và tập hợp nhóm Nhân Văn quanh nhà Minh Đức. Cũng giai đoạn này nổi bật vai trò Thụy An. Nhà Thụy An, Phan Tại như một câu lạc bộ."

Về Hà Nội tôi rất ghê tởm Thụy An. Nhưng sau khi bài thơ "Nhân câu chuyện mấy người tự tử" Thụy An tìm gặp tôi rất niềm nở và mời đến nhà bảo có nhiều sách mới."

Một thời gian dài tôi không đến. Nhưng từ sau khi "cửa Hàng Lê Đạt", tôi bị khai trừ khỏi đảng, tôi bắt đầu lui tới đó.(...)"

Thụy An đưa vợ tôi đi may áo, đi mua vải, may áo cho con tôi và đi lấy cả một chiếc giường cũ cho con tôi. Thụy An nghiêm nhiên trở thành thân thuộc với cả gia đình tôi. Mỗi lần tôi gặp Thụy An sau khi nói chuyện về tư sản, tiểu thương bất mãn, chuẩn bị đi Nam, các tin BBC về hiệp thương, lại kể chuyện Tassigny, chuyện các phóng viên chiến tranh, các tiểu thuyết tư sản, và sau hết đã kích vào sự lãnh đạo của đảng cho là hạn chế sự phát triển của tài năng. Mỗi lần ở nhà Thụy An ra là mỗi lần tôi thấy mình tài giỏi thêm, oán đảng thêm và chán nản thêm". (Văn Nghệ số 12, tháng 5.1958, Số đặc biệt thứ hai chống Nhân Văn-Giai Phẩm)

Thụy An dạy Phùng Quán học tiếng Pháp và tiếng Anh. Ảnh hưởng của Thụy An đối với các nhà văn trẻ rất lớn, nhờ kiến thức và tài thuyết phục, bà mở cửa cho họ vào với tác phẩm văn học Tây phương, vào kịch trường và điện ảnh. Thời kỳ ấy, Thụy An ở chung nhà với Phan Tại. Theo Nguyễn Hữu Đang, bà thuê những phim như Hamlet về chiếu. Bà cùng Phan Tại, dựng kịch Topaze của Marcel Pagnol...

Phùng Quán viết trong lời "tự thú":

"Còn học Pháp và Anh văn thì tôi học với con mụ Thụy An, và do đó tôi bắt đầu thân với mụ từ đấy. Khi được tin tôi đã ra bộ đội thì hẳn tỏ vẻ rất săn sóc đến việc học của tôi. Tháng đầu tôi còn bận viết thì mỗi lần gặp tôi hẳn đều thúc dục sao không đi học đi, tôi sẽ dạy cho Quán một tuần bốn tiếng đồng hồ. Tháng thứ hai tôi đến học với hẳn, cùng với một người bạn của tôi là sinh viên. Trước khi đến học, tôi có biết Thụy An trước đây đã giết chồng, làm phóng viên chiến tranh cho Pháp, đã đi máy bay lên Điện Biên Phủ. Nhưng đến lúc này thì bản chất cách mạng của tôi đã không còn gì nữa, nên tôi thấy những việc làm của mụ ta là việc thường. Đến học với hẳn, tôi tỏ ý phục, và mỗi ngày một cảm tình hơn. Tôi gọi hẳn là chị với tất cả nghĩa của nó". (Văn Nghệ số 12, tháng 5.1958)

Những lời Lê Đạt tuyên bố trên RFI 2004, tỏ rõ sự kính trọng và lòng tri ân của Lê Đạt đối với Thụy An:

"Chị Thụy An chưa bao giờ ở trong Nhân Văn-Giai Phẩm cả, đó là dứt khoát. Nhưng chị Thụy An rất thân với anh em trong Nhân Văn-Giai Phẩm và đặc biệt là thân với tôi".

"Tôi có thể bảo đảm 100% chị ấy không phải là gián điệp. Tại vì thế này: Nếu là gián điệp thì phải có chứng cứ chứ! Chị nhận tiền của ai? Nhận tiền ở đâu? Liên lạc với ai? Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy đó là một câu hỏi mà nhà nước chưa trả lời tôi được".

"Tôi vẫn khao khát và thiết tha có một dịp nào đó, người ta phục hồi chị Thụy An một cách chính thức. Không có thì riêng tôi, đối với chị Thụy An, tôi vẫn cho là món nợ. (...)

Riêng tôi không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi cả".

Bị bắt, Thụy An tự chọc mù một mắt.

Thụy An bị bắt ở đâu? Bùi Thụy Băng, cho biết:

"Tôi nghe nói bà cụ tôi bị bắt ở Hòa Xá. Nhưng theo lời ông cụ tôi thì bị bắt ở Phủ Lý. Tại sao lại như vậy? Bởi vì khi thấy lâm nguy, biết mình bị theo dõi, Thụy An thường di chuyển giữa Hà Nam-Phủ Lý (quê chồng) và Hòa Xá-Vân Đình (quê mình) để trốn tránh".

(Điện thoại, 16.12.2004).

Về việc bà chọc mù mắt, dư luận chính thức loan rằng bà bị tai nạn ở mắt, khi đi lao động cải tạo.

Chúng tôi hỏi nhà thơ Lê Đạt, người rất thân với bà trong suốt hành trình Nhân Văn-Giai Phẩm: Có phải trong Hỏa Lò chị Thụy An tự chọc mù mắt? Lê Đạt lặng lẽ gật đầu, không thêm một lời nào cả.

Bùi Thụy Băng cho biết: "Trong số những bài viết về bà cụ tôi, có bài của Trần Minh, ở Bên Úc, tựa đề "Nhân Văn-Giai Phẩm, một tư trào, một tội ác" đăng trong Giai Phẩm (Việt Báo) Xuân Tân Tỵ 2001, là chính xác nhất. Với những chi tiết mà chính tôi trước đây cũng không biết: Vào Hỏa Lò chưa được 3 tháng thì bà cụ tôi chọc mắt. Lý do là bởi phải ra hỏi cung, đứng trước lá cờ đỏ sao vàng, người ta bắt bà cụ tôi phải cúi xuống, nhưng bà cụ không cúi. Vào nhà giam, không có bút viết, bà cụ tôi lấy cái đinh guốc, viết lên tường lời phản kháng: "Chọc mù mắt để không phải nhìn thấy cái chế độ này nữa". Sau này có một người cũng bị giam tại căn phòng đó, đọc được và ghi lại, một vài nhà văn có chép lại câu này trên sách báo". (Điện thoại, 16.12.2004).

Thụy An bị giam tại Hỏa Lò Hà Nội từ tháng 3.1957. Đến 19.1.1960, bà bị đưa ra tòa cùng với Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Phan Tội và Lê Nguyên Chí.

Tại tòa án nhân dân Hà Nội, bà bị chính thức gọi là "Con gián điệp nguy hiểm", "Cùng với Nguyễn Hữu Đang, Thụy An trở thành bộ phận đầu não của bọn gián điệp phản cách mạng".

Ngày 19.1.1960, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử bọn gián điệp phản cách mạng phá hoại hiện hành: Nguyễn Hữu Đang và Thụy An: 15 năm phạt giam và 5 năm mất quyền công dân sau khi ra, Minh Đức: 10 năm phạt giam và 5 năm mất quyền công dân sau khi ra, Phan Tại: 6 năm phạt giam và 3 năm mất quyền công dân sau khi ra, Lê Nguyên Chí: 5 năm phạt giam và 3 năm mất quyền công dân sau khi ra.”. (quân đội nhân dân, Hà Nội, 21.01.1960, tài liệu do Lại Nguyên Ân sưu tầm, đăng trên Talawas)

Theo Nguyễn Hữu Đang, sau Hỏa Lò chuyển lên Yên Bái.

Thụy An viết: “Vào thời điểm mẹ thụ án từ 1958 đến 1973, suốt 15 năm (chỉ trừ hai năm giam cứu ở Hỏa Lò, Hà Nội, mẹ bị thảm cung gắt gao, một cuộc đấu trí (không có trọng tài) giữa pháp luật do các ông chấp pháp đại diện và mẹ, người bị can)” (Thụy An viết cho các con, Atlanta Việt Báo, 15.12.2004).

Những Năm Tháng Cuối

Tháng 10.1974 Thụy An được thả theo diện “Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris”, cùng với Nguyễn Hữu Đang. Bà bị trả về quản thúc ở Hòa Xá. Trên đường giải về làng, khi bị đẩy xuống xe tù, bà bị ném đá.

Năm 1976, nhờ em trai là Lưu Duy Trác xin cho vào Nam đoàn tụ với gia đình, bà được vào sống với mẹ tại Gia Định. Các con bà đã rời nước từ trước, chỉ có Bùi Thụy Băng ở lại đến 28.4.75. Năm 1987, Thụy An theo người bạn gái Trinh Tiên đến Chùa Quảng Hương Già Lam xin thọ lễ quy y. Được Hòa Thượng Thích Trí Thủ ban cho pháp danh Nguyên Quy.

Bùi Thụy Băng tìm mọi cách vận động cho mẹ sang Mỹ đoàn tụ gia đình, qua văn phòng ông Trần Sĩ Lương, đại diện Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, và các Tòa Đại Sứ Việt Nam, đều không có hiệu quả. Thư ông Lương phúc đáp có câu: “Trường hợp mẹ của ông chưa được giải quyết. Tôi mong ông cứ yên tâm chờ đợi”.

Đầu năm 1987, Thụy An đã yếu lắm, Bùi Thụy Băng chụp lá thư ông Trần Sĩ Lương gửi về cho mẹ. Bà trả lời con: Mẹ không muốn con liên lạc với các Tòa Đại Sứ như thế, và bà thêm: “Con đừng chửi mẹ!”. Kèm theo là bức thư dài, bà trả lời ông Trần Sĩ Lương, mở đầu bằng những hàng:

“Tôi rất xúc động được đọc thư ông viết cho Bùi Thụy Băng, con trai tôi, về việc Thụy Anh mẹ hẳn, muốn nhờ cậy ông.

Ông đã trả lời không một hứa hẹn dứt khoát (tôi hiểu rõ tất phải như thế, càng tất phải như thế, khi là chuyện văn chương), nhưng dầu sao cũng đã là một lời đáp lại tiếng kêu gọi, kêu oan...của tôi...muốn thêm hình dung từ nào cũng đều có nghĩa cả.

Cám ơn, cám ơn. Tôi đón nhận với tâm trạng một tù nhân bị kẹp lâu ngày, một mình giữa bốn bức tường hẹp, thêm được nghe tiếng người. Chợt có tiếng lịch kịch ở phòng bên cạnh (có lẽ chỉ là một con chuột chạy)”.

Và bà kết luận lá thư như sau:

“Ở Tô Thị, tâm trạng của người mẹ cống con trên lưng đi giữa rừng khuya, hải hùng đến nỗi ngắt siu, nhưng sức nhớ chồng trên đỉnh núi:

Nhớ con thơ đang gói trên lưng

Biển xanh đang ngóng đang trông

Giơ tay vung ngọn đuốc hồng cháy to.

Tôi cũng vậy, tôi còn cha mẹ già, đàn con nhỏ trên vai, tôi không được chết, phải cố mà sống, đợi cái ngày Tô Thị:

Mặc gió rụng tóc xanh từng sợi

Tung ra xa bay với mây trời

Mặc cho nắng dãi mưa phơi

Mặc cho muối đã mặn mòi lòng sương

*Mặc bao cuộc hưng tàn phé đổi
Vẫn dăm dăm một đọi, một chò
Mẹ con hoá đá trơ trơ
Mẹ là tin tưởng, con là tương lai.*

Đó là tâm trạng Tô Thị hóa đá, mà cũng là tâm trạng của tôi suốt 15 năm cho đến mãi mãi. Ông cứ đọc tất cả 16 bản của tôi, đều gặp những câu như thế, nó gần như một tập Nhật Ký Trong Tủ...”

Bà mất ngày 10.6.1989, tại nhà riêng ở đường Lê Văn Sỹ, Sài Gòn.

PHẦN IX NGUYỄN HỮU ĐANG

Là người cộng sản, nhưng Nguyễn Hữu Đang luôn luôn tự do trong hành động và tư tưởng của mình. Ông đã đứng lên lãnh đạo Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, đã tạo được một thời kỳ sôi nổi, trong vòng bốn tháng, trí thức và văn nghệ sĩ, dám nói, dám viết, những điều mình nghĩ, dám chủ trương cải tiến xã hội Việt Nam thành một nước dân chủ theo đà tiến của thế giới bên ngoài.

Nguyễn Hữu Đang là một trong những khuôn mặt trí thức dẫn thân tranh đấu cho tự do dân chủ can trường nhất trong Thế Kỷ XX. Là cột trụ của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, Nguyễn Hữu Đang đã bị bắt, bị cầm tù, bị quản thúc và mất quyền tự do phát biểu trong 59 năm, từ tháng 4.1958 đến tháng 2.2007, khi ông mất. Nhiều sự kiện về cuộc đời Nguyễn Hữu Đang đã sáng tỏ hơn, sau khi ông qua đời, một số tài liệu về con người ông đã được phơi bày ra ánh sáng và do đó chúng ta có thể tạm dựng một tiểu sử đầy đủ hơn về người lãnh đạo Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Nguyễn Hữu Đang sinh ngày 15.8.1913 tại Làng Trà Vy, Huyện Vũ Tiên, Tỉnh Thái Bình. Ông mất ngày 8.2.2007 tại Hà Nội. Theo bản “*Tóm tắt quá trình hoạt động xã hội của Nguyễn Hữu Đang*” do chính tay ông viết (tài liệu của diendan.org), lúc mười sáu tuổi, Nguyễn Hữu Đang đã tham gia Học Sinh Hội (tổ chức thuộc Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, rồi Đông Dương cộng sản đảng), làm tổ trưởng và đã là đối tượng được kết nạp vào đảng, đó là năm 1929.

Cuối năm 1930, ông bị bắt, bị tra tấn và bị giam 2 tháng rưỡi tại nhà lao Thị Xã Thái Bình. Mùa Hè năm 1931, bị đưa ra tòa, nhưng vì tuổi vị thành niên (trên giấy tờ, rút tuổi, khai sinh năm 1916), cho nên chỉ bị quản thúc tại quê nhà. Từ 1932 đến 1936, Nguyễn Hữu Đang theo học Trường Sư Phạm Hà Nội.

1937-1939: Tham gia mặt trận dân chủ Đông Dương. Biên tập các báo của mặt trận như *Thời Báo* (cùng Trần huy Liệu, Nguyễn đức Kỉnh), *Ngày Mới* (cùng Nguyễn đức Chính, Nguyễn đức Kỉnh) và các báo của đảng cộng sản như *Tin Tức* (cùng Trần huy Liệu, Phan Bội), *Đời Nay* (cùng Đặng xuân Khu tức Trường Chinh, Trần huy Liệu).

Từ 1938 đến 1945, Nguyễn Hữu Đang hoạt động trong hội truyền bá quốc ngữ, ở các vị trí: Ủy viên ban trị sự trung ương, huấn luyện viên trung ương, trưởng ban dạy học, trưởng ban cổ động, phó trưởng ban liên lạc các chi nhánh tỉnh.

1943: Gia nhập đảng cộng sản Đông Dương, bắt đầu liên lạc mật thiết với tổng bí thư Trường Chinh và thành ủy Hà Nội, nhưng vẫn chưa được chính thức kết nạp vào đảng.

1943-46: Tham gia sáng lập và lãnh đạo hội văn hóa cứu quốc, tiếp tục hoạt động chống nạn mù chữ. Mùa Thu năm 1944 bị Pháp bắt ở Hà Nội và bị giam một tháng tại Nam Định. Được ra, lại tiếp tục hoạt động cách mạng.

Tháng 8.1945 dự đại hội Tân Trào, được bầu vào ủy ban giải phóng dân tộc. Tham gia chính phủ lâm thời mở rộng, cấp bậc thứ trưởng (bộ truyền truyền). Được cử làm trưởng ban tổ chức ngày lễ tuyên bố độc lập 2.9.1945.

Từ tháng 10.1945 đến tháng 12.1946 giữ các chức vụ: Thứ trưởng bộ thanh niên, chủ tịch ủy ban vận động mặt trận Văn Hóa. Tổ chức hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất tại Hà Nội.

Tháng 12.1946 đến tháng 3.1948: Làm trưởng ban tuyên truyền xung phong trung ương.

Năm 1947, được chính thức kết nạp vào đảng cộng sản Đông Dương.

Từ tháng 4.1948, đến tháng 4.49, phụ trách báo *Toàn dân kháng chiến*, cơ quan trung ương của mặt trận liên việt.

7.1949-10.1954: Trưởng ban thanh tra nha bình dân học vụ.

11.1954-4.1958: Tổ chức và biên tập báo Văn Nghệ.

Cuối năm 56 đầu năm 57: Tổ chức, lãnh đạo và biên tập báo Nhân Văn. Giúp đỡ tập san Giai Phẩm.

Những dòng trên đây trích theo tài liệu viết tay của Nguyễn Hữu Đang, đã dẫn ở trên. Về hoạt động Nhân Văn-Giai Phẩm, ông còn chưa thêm hàng chữ: *"Những hoạt động này là tự ý làm ngoài công tác, vô tổ chức"*.

Chính thức hoạt động Nhân Văn-Giai Phẩm từ tháng 9.1956, với Nhân Văn số 1 (20.9.56), và chấm dứt với Nhân Văn số 6 (chưa ra, đã bị đình bản, tháng 12.56).

Tháng 4.1958 Nguyễn Hữu Đang bị bắt trên đường tìm cách vào Nam. Ngày 19.1.1960, ông bị đưa ra tòa cùng với Thụy An, Trần Thiếu Bảo, Phan Tại, và Lê Nguyên Chí.

Ông bị kết án 15 năm tù, 5 năm mất quyền công dân, vì tội *"phá hoại chính trị"*. Từ Hỏa Lò chuyển lên Yên Bái, rồi đưa lên giam ở Hà Giang. Năm 1973, ông được trả về cùng với Thụy An, theo diện *"Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris"* và bị quản chế ở Thái Bình.

1989, được "phục hồi". 1990 được trả lương hưu và từ 1993, được về sống ở Nghĩa Đô, ngoại ô Hà Nội cho đến lúc mất.

Nguyễn Hữu Đang Là Ai ?

Để trả lời câu hỏi này, dĩ nhiên chúng ta không thể bằng lòng với những gì ông đã ghi trong tiểu sử viết tay vừa lược trình trên đây. Bởi những điều được ghi lại, hoặc chính thức công nhận, chưa hẳn đã phản ảnh đầy đủ những gì diễn ra trên thực tế. Ví dụ:

- Hoạt động cách mạng từ năm 16 tuổi, tức là năm 1929, Nguyễn Hữu Đang đã là đối tượng sẽ được kết nạp vào đảng nhưng mãi đến năm 1947, mới được chính thức kết nạp vào đảng. Tại sao ?

- Quãng đời 6 năm, từ 1948 đến 1954, về mặt chính thức, ông giữ chức trưởng ban thanh tra bình dân học vụ (từ 7.1949 đến 10.1954). Nhưng Nguyễn Huy Tưởng, là bạn thân và hay viết về ông, không ghi dòng nào trong nhật ký về Nguyễn Hữu Đang từ 48 đến 54. Tại sao ?

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân tích những vấn đề này, sau, qua lời chứng của Nguyễn Huy Tưởng, Hoàng Cầm và bài buộc tội của Hồng Vân tựa đề *"Tên quân sư quạu mo: Nguyễn Hữu Đang"* đăng trên Văn Nghệ số 12 tháng 5.58. Bài viết này có nhiều chi tiết về Nguyễn Hữu Đang mà chỉ những người nắm vững hồ sơ mới biết được.

Không Được Phục Hồi Quyền Phát Biểu !

Sau thời kỳ quản thúc ở Thái Bình, được về sống tại Cầu Giấy, ngoại ô Hà Nội, ông vẫn bị "chăm sóc" kỹ càng. Điện thoại của ông, cũng như của các thành viên cựu Nhân Văn đều bị kiểm soát, nhưng riêng ông, ông không được phục hồi

quyền phát biểu, tức là không được quyền trả lời phỏng vấn công khai như những người khác.

Sở dĩ có buổi trả lời trên RFI tháng 9.1995 là nhờ sự tổ chức của Lê Đạt: Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Tuyên ngôn độc lập 2.9.1945, chúng tôi nhờ nhà thơ Lê Đạt liên lạc để gặp Nguyễn Hữu Đang, qua điện thoại nhà Lê Đạt, để hỏi ông về việc tổ chức ngày lễ độc lập, rồi nhân đó, hỏi thêm ông vài câu về chuyện Nhân Văn. Buổi thu thanh duy nhất này, được phát làm hai lần trên RFI, tháng 9.1995 (có thể nghe lại trên <http://thuykhue.free.fr>). Đó là lần phỏng vấn đầu tiên và cuối cùng. Về sau, không thể liên lạc được với Nguyễn Hữu Đang, mặc dù ông đã có điện thoại riêng, nhưng đường dây luôn luôn bị kiểm soát, chỉ nói được vài câu, là bị cắt ngay.

Vậy sự “phục hồi” ghi trong tiểu sử chỉ là hình thức, vì trên thực tế, Nguyễn Hữu Đang chưa bao giờ được phục hồi quyền phát biểu tự do như một công dân.

Kỷ luật áp dụng cho ông nghiêm ngặt hơn tất cả các bạn đồng hành. Lần cuối cùng chúng tôi về Hà Nội mùa thu năm 1997, được ông đến thăm 2 lần, nhưng lần nào cũng do ông Vũ Toàn, người của bộ nội vụ, chở. Ông Vũ Toàn nay cũng đã mất. Trò chuyện với ông, vì có sự hiện diện người của bộ nội vụ, nên không nói được gì. Những điều không thể hỏi ông qua điện thoại, đến khi gặp mặt cũng không sao hỏi được. Bao nhiêu chi tiết muốn ông soi tỏ về những hoạt động, những khúc mắc ngày xưa, về quãng đời tranh đấu truân chuyên, vẫn còn nguyên trong bóng tối.

Ông dặn: *“Anh em mình sẽ cố gắng làm chung với nhau một số chương trình Văn Hóa văn nghệ. Chỉ văn nghệ thôi”*. Ông nói như để trấn an người của chính quyền, nhưng cũng không kết quả. Bởi khi trở lại Paris, chúng tôi đã cố gắng điện thoại nhiều lần để “thực hiện chương trình”, nhưng chỉ sau vài câu thăm hỏi là đường dây lại bị cắt, mặc dù đề tài nói chuyện, như đã định trước, chỉ chuyện về văn hóa. Có lần bức quá, ông đã quát lên trong điện thoại: *“Chúng ta chỉ nói với nhau những chuyện văn hóa văn nghệ, chứ có làm gì phản dân, hại nước đâu mà chúng nó cũng...”* Ông chưa dứt lời, tiếng điện thoại đã lại u u...

Câu nói dở dang ấy của Nguyễn Hữu Đang, đã gây chấn động trong tôi nhiều năm tháng. Và từ đó đến khi ông mất, tôi không bao giờ điện thoại cho ông, một phần vì không muốn ông bị phiền phức thêm trong cuộc đời quá nhiều thử thách, đốn đau, nhưng còn một lý do nữa là sau này ông bị nặng tai, càng ngày càng nghe không rõ, những người đến thăm ông thường phải bút đàm.

Các Cột Mốc Quan Trọng Của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm

Cùng trong Nhân Văn, nhưng về cách đối xử, ông được “biệt đãi” hơn cả, biệt đãi đến phút cuối. Đám tang Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Trần Đức Thảo...đều đã được cử hành tương đối trọng thể, dù chỉ để che mắt thế gian. Hoàng Cầm, Lê Đạt còn được đọc điệu văn khóc bạn trước linh cữu Trần Dần. Đến Nguyễn Hữu Đang mọi chuyện khác hẳn:

Tang lễ Nguyễn Hữu Đang cũng được nhà nước cử hành, nhưng mọi sự dường như đều đã toan tính sao cho vừa đủ lệ bộ, trong lặng lẽ, khiến người thân không biết để đến dự. Trước linh cữu ông, hành động Nhân Văn vẫn còn bị chính thức tuyên bố là một “sai lầm”.

Chỉ vài giờ sau khi ông mất, chúng tôi đã được tin, cho nên đã kịp thời liên lạc với hai nhà thơ Lê Đạt và Hoàng Cầm để ghi âm những lời tiễn bạn qua điện thoại Paris-Hà Nội.

Riêng nhà thơ Hoàng Cầm hôm ấy, mặc dù tuổi cao, và sau khi bị ngã, chỉ nằm không còn đi lại được nữa, đã muốn nói thật dài về con người Nguyễn Hữu Đang. Hoàng Cầm nói không ngừng, nhưng sau khi thu thanh được gần một tiếng, vì sợ ông mệt, chúng tôi đề nghị tạm ngừng để hôm sau thu tiếp. Nhưng cả ngày hôm sau và hôm sau nữa, không thể liên lạc lại được với Hoàng Cầm, vì đường dây điện

thoại Hoàng Cầm-Paris cũng đã bị chặn. Như vậy, tiếng nói của những thành viên Nhân Văn-Giai Phẩm, cho đến ngày Nguyễn Hữu Đang mất, 8.2.2007, vẫn còn bị kiểm soát chặt chẽ.

Hoạt Động Trong Hội Truyền Bá Quốc Ngữ

Nguyễn Hữu Đang là một trong những người hoạt động rất sớm cho hội truyền bá quốc ngữ, nhưng ông không phải là người đầu tiên.

Về cách hoạt động của Nguyễn Hữu Đang trong hội truyền bá quốc ngữ, Nguyễn Huy Tường ghi trong nhật ký ngày 16.6.1942: *“Anh Nguyễn Hữu Đang xuống làm việc cho truyền bá quốc ngữ từ hơn hai tháng nay. Anh xin nghỉ ở sở tài chính (Hà Nội) xuống đây làm việc nghĩa. Đức hy sinh của anh thực không thể nào tả được. Nhờ anh mà Phong Trào quốc ngữ ở Hải Phòng chết đi nay sống lại. Anh như một ông tướng khuyến khích được cả một đạo quân chiến bại. Muốn làm một bài thơ tặng anh ấy”*.

Nguyễn Hữu Đang có nhiều bút hiệu khác nhau, hiện nay chưa biết rõ ông đã dùng bao nhiêu bút hiệu trong cuộc đời tranh đấu cách mạng, trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, vì vậy, việc tìm lại những bài viết của ông không dễ dàng. Ngay cả khi ông viết bài *“Người Truyền Trưởng”* về Nguyễn Văn Tố, khoảng 1988, cũng dưới hai bút hiệu khác nhau: Phần đầu ký tên Phạm Đình Thái, phần sau Dương Quang Hiệt, nhiều năm sau mới thu thập lại làm một dưới tên Nguyễn Hữu Đang. (Bài *Người Truyền Trưởng* viết nhân dịp kỷ niệm 50 năm hội truyền bá quốc ngữ (1938-1988), đăng trong tập kỷ yếu của Hội, do nhà xuất bản bộ giáo dục ấn hành, sau này đăng lại trên Diễn Đàn số 78, tháng 10.1998, và diendan.org).

Nhờ những thông tin trong bài *Người Truyền Trưởng*, chúng ta có thể xác định lại nguồn cội của hội truyền bá quốc ngữ, khác với những gì vẫn được chính thức ghi lại.

Nguyễn Hữu Đang viết: *“Mùa Hè năm 1938, vào cuối tháng năm, một hôm đọc báo hàng ngày ở một trạm Bưu Điện, cách Hà Nội hơn trăm cây số, tôi thấy bài tường thuật buổi cổ động đồng thời cũng là lễ ra mắt của hội truyền bá quốc ngữ Bắc Kỳ ở sân quần vợt Câu Lạc Bộ Thể Thao An-Nam (CSA), mấy nghìn người tới dự, có cả đại diện Thống Sứ Bắc Kỳ, Tổng Đốc Hà Đông, Đốc Lý Hà Nội, Chủ Tịch Chi Nhánh Hội Nhân Quyền Pháp, Bí Thư Chi Nhánh Đảng Xã Hội Pháp (SFIO), nhiều nhân sĩ Pháp, Nam nổi tiếng, tôi chăm chú đọc”*.

(Trích *Người Truyền Trưởng*, báo đã dẫn)

Qua nhân chứng của Nguyễn Hữu Đang, một số vấn đề sáng tỏ hơn:

- Hội truyền bá quốc ngữ được chính quyền thuộc địa chính thức công nhận từ đầu (năm 1938).

- Nguyễn Hữu Đang không phải là một trong những người sáng lập Hội như một vài tài liệu đã ghi. Hôm khai mạc hội, ông đang dạy học ở nông thôn, nhưng ít lâu sau, về Hà Nội nghỉ hè tình cờ gặp Đào Duy Kỳ (em trai Đào Duy Anh). Đào Duy Kỳ khuyên ông nên đến Hội Trí Tri, Phố Hàng Quạt để nhận việc dạy học giúp Hội.

- Việt Minh tham dự *hội truyền bá quốc ngữ*, nhưng Việt Minh không khai sinh ra hội truyền bá quốc ngữ, như các khẩu hiệu: *“Diệt giặc ngoại xâm ta có chiến dịch Điện Biên Phủ, diệt giặc đốt, ta có chiến dịch truyền bá quốc ngữ”*.

- Hội truyền bá quốc ngữ thuộc Hội Trí Tri, do Nguyễn Văn Tố làm hội trưởng. Trong số những thành viên xây dựng Hội, có các trí thức như Hoàng Xuân Hãn, tác giả bài về: *i tờ có móc cả hai...*

- Trong những tài liệu chính thức, và cả trong bài viết của Nguyễn Hữu Đang, không thấy nhắc đến vai trò chủ chốt của Hoàng Xuân Hãn trong *hội truyền bá quốc ngữ*, điều này cần được nhắc lại ở đây: Hoàng Xuân Hãn là một trong những người đầu tiên chủ trương việc truyền bá quốc ngữ (ngay khi chưa thành hội). Từ năm

1936, khi ông ở Pháp về, ông đã nghĩ ra phương pháp học chữ quốc ngữ, đặt những câu về đề người bình dân dễ thuộc vần quốc ngữ như: *O tròn như quả trứng gà, ô thì đội mũ, ơ thì thêm râu...*

- Nguyễn Văn Tố làm hội trưởng từ 1938 đến 1945. Nguyễn Hữu Đang cho biết: Trong *"Bảy năm liền, thuyền trưởng Nguyễn Văn Tố, về căn bản, đã làm tròn nhiệm vụ"*. Chỉ sau khi Việt Minh lên nắm chính quyền (1945), chính phủ cách mạng lâm thời quyết định thành lập *nha bình dân học vụ* để thay thế *hội truyền bá quốc ngữ*, từ đó, vai trò thuyền trưởng của Nguyễn Văn Tố mới chấm dứt.

Xác Định Lập Trường Văn Hóa

Những bài viết của Nguyễn Hữu Đang, trên ba số đầu của báo Tiên Phong (báo của hội văn hóa cứu quốc, ra năm 45-46, được 24 số, do Lại Nguyên Ân và Hữu Nhận sưu tầm, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, 1996), gồm có:

- *Định nghĩa hai chữ Văn Hóa* (viết chung với Đặng Thai Mai), *Trở lực của văn hóa dưới ách đế quốc* (Tiên Phong số 1, ra ngày 10.11.45)

- *Hội nghị văn hóa toàn quốc và nền độc lập Việt Nam* (Tiên Phong số 2, 1.12.45)

- *Nhận rõ thêm về ý nghĩa hai chữ Văn Hóa: Văn Hóa tức là... và Hội nghị văn hóa toàn quốc sẽ tổ chức như thế nào* (Tiên Phong số 3, 16.12.45).

Đó là những bài viết ngắn xác định lập trường Văn Hóa của Nguyễn Hữu Đang: Từ 1945, lập trường này đã khác biệt với lập trường của Trường Chinh, trong bài *Đề Cương Văn Hóa Việt Nam* (được coi là văn bản lịch sử của đảng cộng sản từ năm 1943, in lại trên Tiên Phong số 1).

Trường Chinh chủ trương: *"Nền Văn Hóa mà cuộc cách mạng Văn Hóa Đông Dương phải thực hiện sẽ là Văn Hóa xã hội chủ nghĩa"*

Nguyễn Hữu Đang, trong những bài viết trên đây, đã xác định đường lối hoạt động và lập trường văn hóa của hội văn hóa cứu quốc, nhưng không hề đề cập gì đến xã hội chủ nghĩa, và ông coi việc xây dựng văn hóa là xây dựng đời sống tinh thần của con người, đi đôi với công cuộc đấu tranh chống áp bức, nô lệ.

Vị Thế Chính Trị, Văn Hóa Và Tư Tưởng Độc Lập Của Nguyễn Hữu Đang

Nguyễn Huy Tưởng bộc lộ sự thán phục Nguyễn Hữu Đang trong nhật ký, như sau: *"Nghe Đang nói chuyện, tự thẹn. Anh đã biểu lộ ngay từ bé một tính cách đặc biệt, hùng hổ và ngang tàng. Không sợ, khinh quyền thế, biến báo giỏi, biết thân phận mình, tin ở tài mình, đó là những tính cách của một người giỏi"*. (Nhật Ký ngày 30.7.1942)

Năm 1945, là năm Nguyễn Hữu Đang hoạt động mạnh, về mặt chính trị, ông được chủ tịch Hồ chí Minh trao cho trọng trách tổ chức ngày lễ độc lập ở Ba Đình, về mặt văn hóa, ông chủ trương tạp chí *Tiên Phong* cùng Đặng Thai Mai.

Vị thế chính trị và văn hóa của Nguyễn Hữu Đang, từ 1945 đến 1947 lên rất cao, và điều này được Nguyễn Huy Tưởng xác định trong nhật ký: *"Chuyện Tham Ý. Phục các cán bộ Việt Minh (...) Phục Đang. Hỏi thăm một người: Có phải là cánh tay phải của cụ Hồ không? Bản khoán không biết bây giờ Đang về khu này thì phải vào chức gì cho xứng? Theo ý anh tham biện ấy, thì ở đây không có một chức gì cao hơn để Đang làm cả, vì Đang trên cả uỷ ban kháng chiến"* (ngày 15.11.1947)

Bài *Định Nghĩa Hai Chữ Văn Hóa* cho thấy những nhận thức của Nguyễn Hữu Đang về văn hóa, thấy mối tương giao của ông với những nhà văn hóa đương thời như Nguyễn Đức Quỳnh (trót-kít), Đào Duy Anh. Sự giao thiệp với các trí thức trong nhóm Hàn Thuyên đã gây khó khăn cho ông, nhưng có lẽ cũng nhờ những mối tương giao này, mà khi ra cầm đầu Nhân Văn-Giai Phẩm, ông đã được sự ủng hộ nhiệt thành của những nhà trí thức như Đào Duy Anh, Trương Tửu.

Qua lời buộc tội của Hồng Vân trong bài “*Tên quân sư quạt mo: Nguyễn Hữu Đang*”, chúng ta có thể hiểu rõ nguyên nhân tại sao ngay từ năm 1929 (16 tuổi), ông đã được coi là “đối tượng kết nạp” mà mãi đến năm 1947, ông mới được kết nạp vào đảng, rồi ông bỏ đảng khoảng một năm sau khi được kết nạp, Hồng Vân viết:

“*Khi phân công Nguyễn Hữu Đang đi vận động nhóm Hàn Thuyên, thì hẳn trở về mang theo cái chủ trương cần dựa vào Nhật của bè lũ tờ-rốt-kít*”.

“*Bất mãn với đoàn thể văn hóa cứu quốc và nhân cơ hội đảng chủ trương mở đại hội văn hóa toàn quốc, Nguyễn Hữu Đang xin ra lập ban vận động đại hội văn hóa toàn quốc*”.

“*Nguyễn Hữu Đang tự động làm mọi việc không thảo luận gì với anh em, không xin chỉ thị của đảng. Nguyễn Hữu Đang liên hệ với người này người khác, không cần biết thái độ chính trị ra sao. Công việc đương tiến hành thì kháng chiến bùng nổ*”.

“*Đang tổ chức thanh niên xung phong rất quy mô và tiêu tốn rất nhiều tiền (...) không quỹ nào cung cấp cho đủ. Tổ chức thanh niên xung phong của Đang phải giải tán. Nguyễn Hữu Đang lại được đảng điều động về làm thanh tra bình dân học vụ*”.

“*Đang tham gia Phong Trào đã lâu, nhưng vì đầu óc vô chính phủ và tư tưởng cơ hội nặng nề như vậy cho nên đến năm 1947 mới được kết nạp vào đảng. Nhưng rồi công không thành danh không toại, Đang sinh ra chán nản. Cơ quan bình dân học vụ dọn lên Việt Bắc. Đang ở lại Thanh Hóa làm “quân sư” cho nhà xuất bản Minh Đức (...) Từ ngày đó, Nguyễn Hữu Đang đã tự ý bỏ cơ quan và cũng từ ngày đó Đang đã xa rời hàng ngũ của đảng. Khoảng năm 1951 thì đảng cắt đứt sinh hoạt của Đang. Từ đó, khi Cầu Bó, khi Hậu Hiền, Đang luôn luôn chửi đảng, chửi cách mạng*”.

(Hồng Vân, báo đã dẫn)

Năm 1947 Nguyễn Hữu Đang được kết nạp vào đảng, và theo Nguyễn Huy Tường, thì năm 1947, ông vẫn còn được coi là nhân vật quan trọng nhất nhì bên cạnh chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng trong suốt thời gian từ 1929 đến 1947, Nguyễn Hữu Đang không được kết nạp vào đảng, vì sao ? Hồng Vân đã trả lời: “*Vì đầu óc vô chính phủ*”.

Sự thực, Nguyễn Hữu Đang không phải là người chịu tuân thủ một đường lối, một chính sách vạch sẵn, nghĩ hộ, ông có đường lối riêng: Tuy theo cách mạng, nhưng ông luôn luôn độc lập, không tuân chỉ thị, không nhận đường lối Văn Hóa xã hội chủ nghĩa, ông tự do giao tiếp với những nhà trí thức trong các nhóm chính trị và tư tưởng ngoài đảng, hoặc chống đảng.

Bất Đồng Ý Kiến Với Trường Chinh

Vào đảng năm 1947, Nguyễn Hữu Đang đã bỏ đảng từ năm nào ? Trong bài phỏng vấn trên RFI, ông cho biết là từ lớp chính huấn [lớp đầu tiên năm 1948], ông biết mình bị liệt vào thành phần trí thức tiểu tư sản, và từ đấy ông có ý tưởng xin ra đảng.

Theo bài của Hồng Vân, thì Nguyễn Hữu Đang *bỏ hoạt động từ khi cơ quan bình dân học vụ dọn lên Việt Bắc*. Như vậy, cần xem lại: Cơ quan bình dân học vụ dọn lên Việt Bắc năm nào ? Nhưng có lẽ đây cũng chỉ là cái cớ Nguyễn Hữu Đang đưa ra để ngừng hoạt động.

Bởi vì theo lời Hoàng Cầm thuật lại thì: “*Vào khoảng tháng 7 năm 48, có đại hội văn hóa toàn quốc do ông Trường Chinh đề xướng và làm chủ tịch. Hội nghị văn hóa toàn quốc được tổ chức để động viên và hướng dẫn trí thức và văn nghệ sĩ chuẩn bị đi sâu vào cuộc kháng chiến (...) Tức là lúc bấy giờ hội nghị mới đề ra văn nghệ kháng chiến. (...) Sau hội nghị đó, không hiểu vì lý do gì anh Đang không làm công tác kháng chiến nữa, anh về Thanh Hóa, ở nhà người bạn là anh Trần Thiếu Bảo, Giám Đốc nhà xuất bản Minh Đức (...) Mãi sau này, hòa bình rồi, về Hà Nội tôi*

cũng chỉ nghe phong phanh anh em bàn tán thôi chứ hỏi anh Đang thì anh cũng không nói, là hình như trong hội nghị văn hóa toàn quốc, anh Đang có mâu thuẫn về đường lối văn nghệ, văn hóa với ông Trường Chinh. Do mâu thuẫn không giải quyết được, cho nên anh Đang không làm việc nữa, anh nghỉ. Anh về Thanh Hóa” (Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI).

Nhưng theo bản tường trình của Xuân Diệu về hội nghị văn nghệ toàn quốc, thì Nguyễn Hữu Đang không đi dự hội nghị này. Như vậy, mỗi bất đồng giữa Trường Chinh và Nguyễn Hữu Đang mà Hoàng Cầm nhắc đến, *đã xảy ra trước hội nghị văn nghệ toàn quốc* cho nên Nguyễn Hữu Đang mới không đi dự. Sự bất đồng ý kiến về lập trường Văn Hóa, như chúng ta đã thấy trên báo Tiên Phong, năm 1945-1946, và đã kéo dài trong suốt thời kỳ kháng chiến, của một người làm chính trị, sử dụng Văn Hóa để phục vụ tuyên truyền như Trường Chinh và một người làm chính trị nhưng tôn trọng Văn Hóa như một sản phẩm tinh thần, cần tự do để có thể phát triển, như Nguyễn Hữu Đang.

Dù sao chăng nữa, nhiều tài liệu đều đồng quy ở một điểm: *Từ năm 1948, Nguyễn Hữu Đang không còn theo cách mạng nữa.*

Hoạt Động Trở Lại

Vẫn theo lời Hoàng Cầm, sau khi hòa bình lập lại, Trường Chinh bàn với Tố Hữu rằng anh Đang đã lâu lắm không làm gì, vậy nên mời anh ấy ra hoạt động lại. Điều này phù hợp với việc Nguyễn huy Tường mời Nguyễn Hữu Đang về báo Văn Nghệ (như lời chứng của Lê Đạt trên RFI và như Nguyễn huy Tường ghi trong nhật ký).

Như vậy, trái với những gì ghi trong tiểu sử chính thức, *trong 6 năm, từ 48 đến 54, Nguyễn Hữu Đang đã ngừng mọi hoạt động với chính quyền cách mạng.* Ông giúp Trần Thiệu Bảo điều hành nhà xuất bản Minh Đức, tổ chức in lại những sách giá trị thời tiền chiến, đã bị cách mạng lên án, hoặc cấm lưu hành, của Vũ Trọng Phụng, Khái Hưng, v.v...

Năm 1954, khi Tố Hữu chính thức mời ông về hoạt động trở lại, vẫn theo lời Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang đã từ chối chức giám đốc sở văn hóa thông tin Hà Nội, và yêu cầu được làm biên tập viên báo Văn Nghệ (cùng với Lê Đạt).

Về thời kỳ này, Nguyễn huy Tường ghi trong nhật ký:

“Nguyễn Hữu Đang tiêu cực. Ở đâu cũng thấy không vừa ý. Người có caractère, ở đâu cũng có ảnh hưởng đến anh em. Anh em tòa soạn [báo Văn Nghệ] khen là chí công, vô tư, nhưng tư tưởng rất là nguy hiểm. Một điển hình của một chiến sĩ làm cách mạng bất mãn”

[Nhật ký ngày 21.4.55].

“Đầu óc nặng vì bài Đang công kích thuế. Hữu khuynh” [Nhật ký ngày 24.4.1955]

“Học tập tình hình và nhiệm vụ. Đang không học tập. Đúng hôm góp ý kiến cho Tiểu ban thì đến. Đặc biệt đã kích mình [Nguyễn huy Tường]: (đã) in Góc đá, Gặp Bác, v.v...” [Nhật ký ngày 23.6.1955].

Sự trở lại của Nguyễn Hữu Đang gây khó khăn cho những người lãnh đạo văn nghệ, kể cả những người bạn thân.

Tổ Chức Lớp Học 18 Ngày

Trong thời gian này, Nguyễn Hữu Đang tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày (từ 8.8 đến 26.8.56) và trong ngày cuối, ông đã đọc một bài tham luận “nảy lửa” chỉ trích những sai lầm của đảng và của lãnh đạo văn nghệ. Trương Tửu đánh giá bài tham luận của Nguyễn Hữu Đang: *“sự việc thực là cụ thể, lời lẽ thực là tha thiết”*. Hoàng Cầm cho rằng tinh thần nêu những *thắc mắc*, có từ kháng chiến, tích tụ lại và bùng nổ lên trong lớp học này.

Lê Đạt kể lại: *“Trong cuộc học tập này, anh em phê phán văn nghệ rất nhiều, trong đó nổi bật lên vai trò của anh Nguyễn Hữu Đang (...) Trong buổi học tập văn nghệ đó, anh Đang có đọc một bài tham luận rất hùng hồn về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Lúc đó Đang có nói một câu với Nguyễn đình Thi. Nguyễn đình Thi lúc ấy là một trong những người chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ Đang nói rằng: “Thế nào tao cũng ra một tờ báo, tờ báo chưa biết tên là gì, tao thì không làm được nhưng để cho bọn Giai Phẩm Mùa Xuân nó làm” (...)* tờ báo này chính là tờ Nhân Văn”. (Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI).

Nguyễn Huy Tưởng ghi lại không khí lớp học 18 ngày, trong nhật ký, như sau: *“Nguyễn Hữu Đang nổi lên. Tiếc rằng kéo anh ta về văn nghệ để làm rầy rà mình. Chính người chủ mình nhất là Nguyễn Hữu Đang”* [ngày 21.8.56].

Những bức mình và dằn vặt của Nguyễn Huy Tưởng, càng làm rõ tấm lòng và nhân cách của ông: Mặc dù không đồng ý với Nguyễn Hữu Đang, bị Đang chỉ trích nặng nề, nhưng sau này, ông là người duy nhất trong ban lãnh đạo văn nghệ đã đứng ra bênh vực Nhân Văn, như Lê Đạt thuật lại và ông cũng ghi trong nhật ký: Đã phản ảnh lên Trường Chinh về vụ Nhân Văn, nhưng vô hiệu.

Nhân Văn-Giai Phẩm

Vai trò chủ động của Nguyễn Hữu Đang trong Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm đã được xác nhận từ nhiều phía:

Những người trong ban biên tập báo Nhân Văn như Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Duy đều xác nhận vai trò chủ chốt của Nguyễn Hữu Đang. Trần Dần ghi trong bài “Thú Nhận”: *“Nếu không có Đang, không ai có thể tập hợp anh em được. Sẽ không có tham luận với những đề nghị: Gặp trung ương, ra báo...mà cũng sẽ không có tờ Nhân Văn”*.

Về phía buộc tội, Nguyễn Hữu Đang được coi là lãnh tụ, “đầu sỏ”. Mạnh Phú Tư viết:

“Hắn lẩn mình và...rút lui vào bí mật. Suốt bốn số báo đầu, người ta không thấy một bài nào ký tên Nguyễn Hữu Đang! (...)

Người ta không thấy tên tuổi Nguyễn Hữu Đang trên những số đầu báo Nhân Văn, nhưng chính hắn là linh hồn của tờ báo. Hắn tìm tiền, kiếm giấy, thu xếp việc án loát và viết bài nhưng lại ký tên người khác. Hắn che lấp những nguồn tài chính, những kẻ cung cấp phương tiện bằng hình thức đối trá là nêu danh những người góp tiền in báo có một nhân lên gấp mười! Hắn họp hành bí mật với một số nhà văn chống đảng, với những người tư sản và trí thức cũng đang muốn lợi dụng thời cơ để phát lên lá cờ chính trị. Hắn luôn luôn bàn mưu, lập kế với bọn Trương Tửu v.v...Hắn có tay chân trong một hai đoàn kịch tư nhân, ở một vài cơ quan văn hóa của nhà nước. Thông qua tờ báo Nhân Văn, hắn đã trở thành một thứ lãnh tụ của một bọn người cơ hội, có âm mưu chính trị...”. (Mạnh Phú Tư, báo độc lập, số 356, ngày 24.4.1958, in lại trong Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận, trang 49-50).

Là người làm chính trị, Nguyễn Hữu Đang đã tìm đúng thời cơ: Trong nước, vị thế của Trường Chinh và đảng cộng sản yếu đi sau những sai lầm quan trọng trong Cải Cách Ruộng Đất, ngoài nước, việc hạ bệ Staline ở đại hội XX của đảng cộng sản Liên Xô, là những lực đẩy khuyến khích hướng tranh đấu cho tự do dân chủ có cơ hội hành động. Nguyễn Hữu Đang, với tài tổ chức và hùng biện trong lớp học 18 ngày, đã chiếm được lòng tin của giới trí thức và văn nghệ sĩ cấp tiến. Ông nắm lấy cơ hội, đứng ra tổ chức Nhân Văn-Giai Phẩm với những người bạn cùng chí hướng từ trong kháng chiến như Trương Tửu và Trần Thiệu Bảo, và Lê Đạt, Hoàng Cầm, chủ trương tạp chí *Giai Phẩm Mùa Xuân*.

Tuy không có nhiều bài ký tên thật, nhưng dấu ấn của ông không thiếu trên báo Nhân Văn:

- Những bài phỏng vấn Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Đặng Văn Ngữ về vấn đề dân chủ, có thể hoàn toàn do Nguyễn Hữu Đang thực hiện (Nguyễn Mạnh Tường xác nhận là chính Nguyễn Hữu Đang mời ông trả lời phỏng vấn).

- Trong Nhân Văn số 1, có bài tựa đề: *“Thuốc Đắng Dã Tật, Nói Thật Mất Lòng”* ký tên XYZ. Rất ít người biết XYZ là một trong những bút hiệu của Hồ Chí Minh. Chúng ta có thể đoán chắc bài này do Nguyễn Hữu Đang viết (Lê Đạt chưa tham dự việc biên tập Nhân Văn số 1). Trong bài này, tác giả dùng giọng của ông Hồ để “giáo huấn” cán bộ. Vừa vinh thăng vừa giễu cợt vị chủ tịch, có lẽ chỉ một mình Nguyễn Hữu Đang là dám làm trong thời điểm ấy.

- Bài *“Chúng Tôi Cực Lực Phản Đối Luận Điều Vu Cáo Chính Trị, Trả Lời Bạn Nguyễn Chương và báo nhân dân”*, trên Nhân Văn số 2, ký tên Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Duy, do Nguyễn Hữu Đang viết (theo Trần Duy). Bài này xác định biệt tài bút chiến của Nguyễn Hữu Đang. Ông trả lời từng điểm sự buộc tội Nhân Văn của báo đảng, với một lập luận châm biếm, sắc bén, không nhân nhượng. Chứng tỏ trong thời kỳ Nhân Văn, đã có những bài viết trực tiếp đương đầu với những luận điểm chính quy của đảng cộng sản.

- Bài *Cần Phải Chính Quy Hơn Nữa*, trên Nhân Văn số 4, là bài xã luận đầu tiên Nguyễn Hữu Đang ký tên thật. Trong bài này, ông xác định lập trường chính trị của nhóm Nhân Văn và công khai đòi tự do dân chủ, đòi thiết lập một nhà nước pháp trị.

- Bài *“Hiến Pháp Việt Nam năm 1946 và Hiến Pháp Trung Hoa Bảo Đảm Tự Do Dân Chủ Thế Nào ?* trên Nhân Văn số 5, ký tên thật, mạnh hơn nữa, ông đòi tự do dân chủ phải được thể hiện trên hiến pháp và trên thực tế, đòi quyền sống tự do của con người trong một chính thể dân chủ, một nhà nước pháp quyền.

Nguyễn Hữu Đang là một khuôn mặt chính trị, Văn Hóa và đấu tranh, hiếm có trên chính trường Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Một người theo đảng từ lúc 16 tuổi, hiểu rõ hơn ai hết quy luật tuân thủ của một cán bộ cộng sản. Nhưng ông đã đi ra ngoài trật tự ấy. Nguyễn Hữu Đang luôn luôn giữ vị trí tự do trong hành động cũng như tư tưởng của mình. Chính trong tư thế tự do ấy, ông đã đứng lên lãnh đạo Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, đã tạo được một thời kỳ sôi nổi, trong vòng bốn tháng, trí thức và văn nghệ sĩ, dám nói, dám viết những điều mình nghĩ, dám chủ trương cải tiến xã hội Việt Nam thành một nước dân chủ theo đà tiến của thế giới bên ngoài.

Nhưng Nguyễn Hữu Đang đã thất bại. Sự thất bại của Nguyễn Hữu Đang cũng là sự thất bại chung của một dân tộc. Và hậu quả kéo dài đến ngày nay: Nước Việt là một trong những nước cuối cùng, ở Thế Kỷ XXI, vẫn còn chưa biết nhận diện, để đòi hỏi những quyền cơ bản và tất yếu nhất của con người, đầu tiên là quyền tự do tư tưởng.

PHẦN X LÊ ĐẠT

Trong ba người bạn thân cùng hoạt động Nhân Văn-Giai Phẩm, Trần Dần viết nhật ký, Hoàng Cầm thuật lại dĩ vãng trong các bài ký, hồi ký. Duy có Lê Đạt là không có tiểu sử rõ ràng. Tại sao ? Một phần, dường như ông không coi tiểu sử nhà văn là vấn đề quan trọng, nhưng có lẽ còn một lý do nữa, vì tiểu sử của ông, nếu viết rõ ra, chỉ “có hại” cho gia đình. Ông không muốn các con biết về hoạt động của cha

để đỡ bị liên lụy. Đào Phương Liên, con gái ông, hỏi: *Bố là ai ? Các con không biết cha đã từng làm thơ, vì trong nhà “không có một quyển truyện một quyển thơ nào”*

Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, sinh ngày 10.09.1929 tại Xã Âu Lâu, Huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, mất ngày 21.4.2008 tại Hà Nội. Cha là Đào Công Đệ (mất năm 1975), quê phường Á Lữ, Xã Mỹ Lộc, Phủ Lạng Giang (Bắc Giang), làm việc trong Sở Hỏa Xa Vân Nam tại Yên Bái, gặp mẹ ông là Nguyễn Thị Sen (mất năm 1982), người làng Đình Bảng, Bắc Ninh, theo gia đình lên Yên Bái buôn bán. Lê Đạt học tiểu học ở Yên Bái, năm 1941, 12 tuổi lên Hà Nội, học Trường Bưởi. Kháng chiến bùng nổ, trở về quê cha, tiếp tục trung học tại Á Lữ. Rồi đi theo kháng chiến. Về thời kỳ này, Lê Đạt chỉ ghi vài hàng sơ lược:

“Năm 45 khi cách mạng tháng 8 bùng nổ, tôi theo cách mạng, rồi đi kháng chiến, chủ yếu hoạt động trong ngành tuyên huấn. Năm 49, tôi về công tác tại ban tuyên huấn của trung ương đảng cộng sản Việt Nam. Năm 1952, tôi chuyển hẳn về hội văn nghệ trung ương và bắt đầu cuộc đời sáng tác của nhà văn chuyên nghiệp”

(trích tiểu sử viết tay, Đường Chữ, nhà xuất bản hội nhà văn, 2009).

Trong *Từ điển văn học*, Nguyễn Huệ Chi ghi: *“Đầu kháng chiến, học tiếp trung học ở vùng kháng chiến rồi về công tác tại ban tuyên huấn Tỉnh Vĩnh Phúc và tiếp tục theo học Trường Đại Học Pháp lý cho đến khi trường giải thể. 1949, chuyển lên ban tuyên huấn trung ương đảng lao động Việt Nam. 1952 về hội văn nghệ. Sau 1954, về Hà Nội, tiếp tục công tác ở hội văn nghệ”*.

Nhưng Hoàng Cầm cho biết: Năm 1948, [mười chín tuổi] Lê Đạt đã là bí thư văn nghệ của Trường Chinh. Điều này dường như Lê Đạt không muốn nhắc đến.

Hoàng Cầm viết: *“Đầu năm 1949, anh Lê Đạt, phái viên của tổng bí thư Trường Chinh từ ban tuyên huấn được cử sang hội văn nghệ làm trợ lý cho ông Tố Hữu.”*

(Hoàng Cầm, Nguyễn đình Thi trong tôi-Nguyễn đình Thi ngoài tôi, Hồi ký, Talawas).

Nhưng trong bản “thú tội” của Lê Đạt, lại có câu: *“Đảng đối với tôi có rất nhiều ân huệ, kéo tôi ra khỏi bàn tay phản động của bọn Quốc Dân Đảng, cho tôi công tác gần các đồng chí lãnh tụ”*

(Văn Nghệ số 12, tháng 5.58, trang 80).

Như vậy, chúng ta có thể tạm sắp xếp lại tiểu sử của Lê Đạt, giai đoạn kháng chiến như sau:

Năm 1945, 16 tuổi, học Trường Bưởi, Lê Đạt chưa theo Việt Minh, lúc đó ông đang chịu ảnh hưởng Tự Lực Văn Đoàn, như phần đông các thanh niên “tiểu tư sản” thời ấy, mẫu người cách mạng lý tưởng đương nhiên là Dũng (trong *Đoạn Tuyệt và Đôi Bạn*) của Nhất Linh, dù ở Hà Nội hay Yên Bái, tâm cảm của họ còn rất lãng mạn:

*Yên Bái
dẫn cô gái
lỡ thì
thôn thức
Nhất Linh
tay
Loan Dũng
lên ô kính bụi*

Sau này, Lê Đạt hết sức chống lại cái lãng mạn của Tự Lực Văn Đoàn, có lẽ cũng chỉ là một cách sống lại những “lỗi lầm của tuổi trẻ”.

Lê Đạt theo *Quốc Dân Đảng* trong bao lâu ? Có thể từ 1945 đến 1948 (16 đến 19 tuổi), rồi được “giác ngộ” theo Việt Minh. Nhờ tài năng, người thanh niên này

được đưa vào tuyên huấn trung ương, làm bí thư của Trường Chinh. Tiểu sử chính thức của Lê Đạt bắt đầu từ 1948.

Vẫn theo Hoàng Cầm, năm 1949, khi Tố Hữu phụ trách toàn bộ văn nghệ kháng chiến, Trường Chinh cử Lê Đạt làm trợ lý cho Tố Hữu. Sự bổ nhiệm này cho thấy: Lãnh đạo đã nhìn thấy ở Lê Đạt khả năng chiến lược và chính trị cao hơn Tố Hữu.

Ngoài ra, những dữ kiện trên đây còn giải thích:

- Tại sao Lê Đạt thấy mình “vững” hơn Nguyễn Hữu Đang trong việc tổ chức báo Nhân Văn.

- Việc ông thân thiết, kính trọng Thụy An và Phan Khôi, bởi cả ba đều đã từng hoạt động cho Việt Nam Quốc Dân Đảng.

- Và sự tranh đấu của Lê Đạt, khác với các bạn văn nghệ sĩ, thể hiện trên hai mặt: **Về chính trị, chống chính sách đảng trị, đòi hỏi tự do dân chủ và về văn nghệ, chủ trương đổi mới thơ ca.**

Sự nghiệp đổi mới thi ca

Lê Đạt thất bại trong đấu tranh chính trị, nhưng ông đã thành công trong việc đổi mới thi ca. Sau hơn 30 năm cấm in, Lê Đạt được “phục hồi” năm 1988. Tập *Bóng Chữ* (nhà xuất bản hội nhà văn, 1994), tác phẩm đầu tiên xác định ông như một nhà thơ lớn, cùng với Thanh Tâm Tuyền, Đặng Đình Hưng, Trần Dần, đã xây dựng nên nền thơ Việt Nam hiện đại.

Tiếp đến những tập *Hèn Đại Nhân*, (truyện ngắn, nhà xuất bản phụ nữ, 1994), *Ngó Lờ* (thơ, nhà xuất bản Văn Học, 1997), *Từ Tình Epphen* (Tập chí thơ, Cali, 1998). *Mi là người bình thường*, (truyện ngắn, nhà xuất bản phụ nữ, 2007), *U75 từ tình* (thơ và đoản ngôn, nhà xuất bản phụ nữ, 2007) và sau khi ông mất, *Đường Chữ* (tuyển tập, nhà xuất bản hội nhà văn, Bách Việt 2009).

Chỉ sau khi tác giả được “phục hồi” vào năm 1988, một số tác phẩm của Lê Đạt mới được ra mắt độc giả

Chủ trương đổi mới thi ca của Lê Đạt bắt đầu từ năm nào ? Nguyễn Huệ Chi viết trong Từ điển văn học “*Bài thơ đầu tiên in trên Văn Nghệ năm 1951*”, nhưng đó chỉ là bài thơ đầu tiên được in ra, còn thực sự Lê Đạt đã làm thơ từ trước, từ nhiều năm trước và tập *Tình Mẹ* (*Đường Chữ*, phần di cảo) đã chứng minh điều đó.

Trong một đoạn hồi ký, Hoàng Cầm viết:

“Đầu năm 1949, anh Lê Đạt, phái viên của tổng bí thư Trường Chinh từ ban tuyên huấn được cử sang hội văn nghệ làm trợ lý cho ông Tố Hữu. Vốn là một anh sinh viên rất trẻ, rất sôi nổi, vừa đặt chân đến hội, Lê Đạt đã làm thân với các bậc cha chú như Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Nguyễn Xuân Khoát. (...) Lê Đạt khởi xướng ra cuộc tranh luận về một đề tài mới mẻ và có vẻ hấp dẫn lắm: Vấn đề thơ không vần của Nguyễn đình Thi (...) Anh Nhị Ca sôi nổi cho tôi biết về cuộc tranh luận thơ không vần từ tháng trước, giọng Nhị Ca rất vui, anh nói:

- Tiếc quá! Cậu không dự hôm ấy, giá có cậu thì có lẽ cũng góp được nhiều ý kiến bên vực cho cái gọi là thơ không vần. Đảng này chỉ có tớ với Lê Đạt thêm một thằng Lưu Quang Thuận. Và anh Bửu Tiến. Cũng may có thêm bác Phan Khôi. Ông già này lại bệnh rất hùng hồn, mà ọ. Còn một tá những ông già khác không chịu nói gì, hoặc có nói lại về hùa với ông Lành. Anh Thi đâm ra yếu thế, sau cứ đành gờ sườn ra cho các ông ấy thụi. Thành thử, cái loại thơ tự do không vần bị ăn một trận đòn đêch cãi vào đầu được.”

(Hoàng Cầm, Nguyễn đình Thi trong tôi-Nguyễn đình Thi ngoài tôi, Hồi ký, Talawas)

Như vậy, theo Hoàng Cầm, Lê Đạt đã xướng lên cuộc tranh luận về thơ không vần từ năm 1949 và Lê Đạt cùng với Lưu Quang Thuận, Bửu Tiến, Phan Khôi, ủng hộ thơ Nguyễn đình Thi. Người đánh Nguyễn đình Thi là Tố Hữu (ông Lành).

Lê Đạt cũng nói: *“Thời kháng chiến, tôi và Nguyễn đình Thi mới đầu chịu ảnh hưởng Eluard và tôi cũng làm thơ không vần như anh Thi. Tôi trọ ở nhà Eluard không lâu. Một thời gian dài tôi và Trần Dần chịu ảnh hưởng của Maiakovski rất đậm”*

(Nghe Lê Đạt kể chuyện mình, Phạm Tường Vân phỏng vấn tháng 1.2003, đăng trên BBC Việt Ngữ 6.5.2008).

Như vậy chúng ta có thể xác nhận: Lê Đạt làm thơ không vần, ít nhất từ 1948, và tập *Tình Mẹ*, có thể là những sáng tác đầu tiên của Lê Đạt.

Gia cảnh Nhân Văn

Bài thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử*, gây sóng gió suốt thời kỳ Nhân Văn, và ghi lại trong ký ức người đọc sự phản kháng sâu sắc của nhà thơ đối với một thể chế độc tài, khống chế tự do tình cảm, tự do luyến ái, can thiệp vào đời tư của con người, khởi đi từ những sự kiện có thật trong đời Lê Đạt.

Lê Đạt kết duyên với cô Nguyễn, cán bộ cốt cán, nhưng không hợp, chỉ sống chung một thời gian ngắn, rồi chia tay (khoảng 1955).

Một thời gian sau, Lê Đạt yêu Thúy Thúy (Nguyễn Thị Thúy), nghệ sĩ đang lên của đoàn kịch trung ương. Năm 1956, hai người sống chung. Việc “bỏ người vợ cốt cán”, để lấy vợ nghệ sĩ, đã gây cho Lê Đạt và Thúy Thúy, không ít khó khăn, cả hai đều bị kiểm thảo, Trần Dần ghi lại sự việc này trong nhật ký những ngày từ 23 đến 27.9.1955 như sau:

“Phê phán Lê Đạt:

Đồng chí định bỏ vợ lấy Thúy là bỏ cục vàng lấy cục đất. Còn gì quý hơn là người làm việc cho đảng? Đi Cải Cách Ruộng Đất bao nhiêu đợt rồi. Thành phần nông dân cốt cán. Đồng chí còn muốn gì? Không yêu nhân dân thì yêu ai? Chỉ có kẻ thù mới không yêu nhân dân thôi chứ!

Kể xấu Thúy. Con lính đế quốc. Nhặng nhít nọ kia bao nhiêu vụ rồi.

Tôi không thể đồng ý đề nghị của đồng chí. Không bao giờ đảng đồng ý những cái sai.

Đồng chí lắm lý luận lắm, đao to búa lớn, vợ đồng chí hiền lành, đồng chí có đem lý luận đàn áp, dù vợ đồng chí có bằng lòng ly dị, đảng cũng không đồng ý vì biết chắc chắn rằng đó chỉ là vì bị đồng chí đàn áp, bằng lòng mồm chứ không bằng lòng thực”

(trích Trần Dần ghi, Phạm Thị Hoài biên soạn, td mémoires, Văn Nghệ, 2001, trang 87).

Những hàng nhật ký trên đây của Trần Dần cung cấp một số thông tin chính xác:

- Cô Nguyễn bằng lòng ly dị (trên thực tế cô Nguyễn đứng đơn xin ly dị).

- Nhưng đảng rắn đe: **“dù vợ đồng chí có bằng lòng ly dị, đảng cũng không đồng ý”**

- Tình cảnh này đã được Lê Đạt thuật lại trong bài *“Nhân câu chuyện mấy người tự tử”* với hai câu thơ “để đời”:

Dem bực công an máy móc đặt giữa tim người.

Bất tình cảm ngược xuôi theo đúng luật đi đường nhà nước

Lời thơ phát xuất từ chuyện cá nhân, nhưng đã nói lên bi kịch của tất cả những người muốn sống tự do trong tình yêu, nhưng bị đảng trực tiếp ngăn cản.

Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt đều chung cảnh ngộ bị đảng can thiệp vào đời sống tình cảm riêng tư, và mỗi người vợ Nhân Văn đều phải gánh chịu hậu quả hoạt động của chồng trong suốt cuộc đời còn lại.

Lê Đạt kể lại: *"Khi ấy, Thúy mới 18 tuổi. Ngày nào cũng có những cán bộ tốt bụng đến vạch rõ "bộ mặt phản động của Lê Đạt và khuyên cô cắt đứt với tôi (...) Cô không được làm diễn viên nữa, bị đẩy xuống làm phục trang và bị đối xử như một con chiên ghê. Có một điều chắc chắn là không có vợ tôi, thì tôi đã thân tàn ma dại rồi. Tôi đã làm lỡ cuộc đời nghệ thuật của cô và cô vì tôi mà mắc bệnh suy nhược thần kinh cho đến bây giờ. (...) Được phục hồi, tôi còn nhúc nhích sáng tác được, nhưng Thúy thì được gì ngoài chứng bệnh suy nhược thần kinh, tê buốt khắp mặt đến mức nhiều khi không thể hé miệng được"*

(Nghe Lê Đạt kể chuyện mình, Phạm Tường Vân, bài đã dẫn).

Bi kịch gia đình Nhân Văn, được Lê Đạt ghi lại thành thơ, như một lời tạ lỗi vợ con, như một ân hận, suốt đời, nhưng bài thơ cũng lại vượt khỏi khuôn khổ gia đình để nói lên nghịch cảnh chung của tất cả những người vợ Nhân Văn, Lê Đạt đã khắc chân dung họ vào văn học sử:

Vợ Nhân Văn

*Lịch sử quýt làm cam chịu
Xin lỗi em
những đêm Nguyễn Bình Khiêm (1) trần trọc
Anh Thái Hà (2) chưa về
và em khóc
Xin lỗi em
những lời khuyên "cắt đứt"
Vạ gì đeo hai tiếng "liên quan"
Những buổi sớm
muốn chui đầu xuống đất
Mặt trời soi ngày kiểm thảo bắt đầu
Xin lỗi em
tiếng oan vợ thằng phản động
Lý lịch ba đời mấy đứa con thơ
Xin lỗi em
tuổi ước mơ không được sống
Những giấc ngủ
chưa một lần tròn mộng
Chung thân tâm thần
trọng tội đa mang
Đời sau ơi!
May còn đoái đến tôi
Hãy trả dùm tôi món nợ
Người vợ nhỏ
vừa thoát tuổi khăn quàng đỏ
Đã chụp mũ chồng
lượng thập tự Sói ăn
Và Đức Phật
duyet xuất biên vào Tĩnh thổ
Xin độ trì
những Thị Kính-vợ- Nhân Văn.
Chú thích (của tác giả):*

1- Vợ tác giả là diễn viên kịch nói ở nhà tập thể đoàn kịch phổ Nguyễn Bình Khiêm

2- Thái Hà Ấp: Nơi tổ chức cuộc đấu tranh chống Nhân Văn.Giai Phẩm
Con Nhân Văn

Đào Phương Liên, con gái Lê Đạt, đã ghi lại bối cảnh gia đình, nhân ngày giỗ đầu của cha. Bài văn khơi động một cảnh sống mà người ngoại cuộc không thể hình dung nổi, chúng tôi xin trích lại ở đây:

"... Suốt tuổi thơ, con luôn trăn trở mãi trong lòng câu hỏi Bố là ai? (...)

Nhưng con không dám hỏi Bố vì sao sau những buổi vui vẻ ấy, Mẹ lại lo lắng nhắc Bố: "Ông đừng có nói to, cười lớn như thế!". Bố thế nào cũng nổi cáu, quặc lại: "Tôi có làm gì khuấy tất đâu mà không được cười to, nói to?" Con đã bênh Bố vì nghĩ đó không phải là một tội nhưng lại thầm thắc mắc: "Vì sao nhỉ? Hay cười nói to thế là không lịch sự?"

Rồi một hôm Mẹ đi làm về, nhỏ to thì thầm: "Bà vợ ông Văn Cao dặn tôi nhắc ông vẫn có người theo dõi đấy. Ông phải cẩn thận. Đừng có cười to, nói to. Người ta để ý đấy!" Con đã quá quen với lời nhắc nhở đó, giờ chỉ còn mỗi bận tâm: "Văn Cao nào nhỉ? Làm sao mà Bố quen được với tác giả TIỀN QUÂN CA cơ chứ?"

Trên chiếc thùng gỗ tạp mà bề mặt xù xì dăm gỗ, chỉ rộng bằng tờ báo, kê dưới chiếc cửa sổ có chấn song nhỏ xíu của căn gác 3 như chuồng chim cu nhà ta, bố úp đáy làm bàn ngổ ngang giấy tờ, sách báo, Bố ngồi bệt dưới sàn, hí hoáy viết rồi gạch xóa. Bố là nhà thơ, nhà văn ư? Con thoáng nghĩ đến cái nghề cao siêu đó. Con lén tìm đọc. Con chỉ thấy vài chữ nguệch ngoạc bên lề những mẫu báo, bên lề những bài kiểm tra của con hay ở mặt sau những tờ giấy đen xì nổi gai: "chi chi...chành chành, rờng rần lên mây, cái đanh thổi lửa"...(Mà mỗi khi con hỏi bố tìm gì vì thấy bố hoảng hốt, cáu gắt loạn lên thì bố chỉ im im rồi thở dài. Bố đâu biết mẹ con con khi lau dọn tường là rác vứt đi rồi!). Con vội gạt đi ngay vì nhà mình không có một quyển truyện, một quyển thơ nào. (...)

Và con lại trăn trở với câu hỏi: Bố là ai? Làm nghề gì? (...)

Cho đến tận năm 1975, năm lớp 10 cuối cấp, một cậu bạn cùng phố, học từ thời vỡ lòng với con, con một cán bộ miền Nam tập kết cấp cõ, đến lớp bô bô: "Bố cái Liên là phản động chúng mày ạ". Con nghe máu nóng bốc rát mặt nhưng cúi mặt vờ không nghe thấy. Một cậu bạn kể bên để thêm: "Bố nó sờ nhầm giấy à?" Lúc đó, con chỉ muốn độn thổ vì sợ.

Về nhà, con lén lén để ý xem Bố có đúng là "phản động" không? Con không dám hỏi vì sợ...đúng ????. Vì sợ... đụng phải nổi đau cần phải che dấu của Bố dù con không hề tin!

Con đã tự trấn an mình bằng những kiến thức thu nạp được qua biết bao chuyện công an bắt gián điệp những tối thứ bảy, qua những câu chuyện trong các tạp chí QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, qua những nhân vật phản diện xấu xa trong các tác phẩm văn học. Con vừa là công an theo dõi Bố, vừa là luật sư phản biện, bảo vệ Bố. Con chịu khó lục tìm mọi chứng cứ có lợi cho Bố. (...) Con tự lý giải: Nếu Bố là "phản động" thì Bố đã không khóc ngày Bác Hồ mất! Nếu Bố "phản động" thì đã không có thể thương binh! (Lúc đó con không biết đó là thẻ Bố được tặng?) (...)

Rồi con không được xét vào Đoàn dù lần kết nạp nào con cũng được giới thiệu, (...) Rồi con làm hồ sơ thi Đại Học, anh con bác hàng xóm cười khẩy: "Rồi em cũng như tụi anh thôi. Có giỏi mấy cũng chẳng vào được Đại Học. Cùng lắm là Sư Phạm. Mà mày chưa đoàn viên thì đừng mơ!" Đem thắc mắc đó về hỏi, Bố cười gạt đi: "Làm gì có chuyện đó. Con cứ thi đi. Mà Bố thấy Sư Phạm cũng tốt". Bố chợt trầm ngâm: "Chắc không có chuyện gì đâu. Bút danh của Bố là Lê Đạt cơ mà. Có

phải Đào Công Đạt đâu mà lo?”. Rồi Bố lo lắng hỏi lại: “Thế có thật không phải đoàn viên thì không được vào Sư Phạm không con?”. Và bố lại tắt tả dắt xe đi...

Cho đến lúc ấy con mới được nghe từ Bố cái bút danh Lê Đạt nhưng quả thật không gây ấn tượng gì với con vì con chưa bao giờ nghe tới Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Và Bố không biết đâu, ngay những ngày đầu của năm thứ nhất Sư Phạm ngoại ngữ, trong một giờ văn học sử Pháp, thầy giáo không biết sao lại nhắc đến “bạn Nhân Văn Trần Dần, Lê Đạt” với những câu “bôi xấu chế độ”.

“Ta đi không thấy phở thấy phường

Chỉ thấy mưa sa trên nền cờ đỏ”

Của bác Trần Dần

Và của Bố:

“Đặt bực công an giữa trái tim người

Bất tình cảm ngược xuôi theo chế độ”.

Con đã cúi gằm mặt, người nổi gai vì ngỡ cả hội trường dòn mắt nhìn mình. Dẫu trong lòng con vang lên “nếu thế thì sai quá còn gì” dù con không biết những câu sau.

Cho tới ngày Bố đi xa, cô chủ nhiệm của con mới móm mém: “tao đến khổ vì chuyện vào đoàn của mày”. Con thật thà: “vì em chưa xứng đáng”. Cô vỗ vai: “vì cái lý lịch”

(trích *Bố ơi, những câu chuyện của con...* của Đào Phương Liên, in trên Tuổi trẻ cuối tuần, 12.4.2009)

Và đây là câu trả lời của Đào Công Uẩn trước linh cữu Lê Đạt, có đại diện của chính quyền: Cha chúng tôi là **một người luôn sống và trả giá “cho một đất nước độc lập, tự do, một nền văn học nghệ thuật độc lập, tự do”**.

Lê Đạt và Hồ chí Minh

Trái với Nguyễn Hữu Đang, dứt khoát xác định trách nhiệm của Hồ chí Minh trong việc đàn áp Nhân Văn-Giai Phẩm, Lê Đạt có một thái độ gần như bản khoán, khó hiểu.

Ngày 13.4.1999 tại Paris, nhà thơ Lê Đạt đã nói chuyện với RFI về Nhân Văn-Giai Phẩm

Trong buổi nói chuyện với ông (ghi âm ngày 13.04.1999), ở đoạn cuối, tôi có hỏi ông về Hồ chí Minh. Khi phát thanh trên RFI, năm 2004, Lê Đạt đồng ý là nên cất bỏ. Nay đã có khoảng cách thời gian, xin ghi lại hai câu đã bị cất bỏ này, như một tư liệu, giải thích thái độ của Lê Đạt đối với vị lãnh tụ đương thời.

Thụy Khuê: *Chính ở trong mouvement của các anh cũng có điều khó hiểu: Ngay từ ban đầu, các anh đã phê bình tập thơ Tố Hữu, chỉ trích tập thơ đó là thần tượng hóa cụ Hồ, và toàn bộ tinh thần Nhân Văn-Giai Phẩm đều chống lại sự thần tượng lãnh tụ. Nhưng trong thâm tâm các anh, ít nhất ba người Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm, đều thấm nhuần Tây học, mà vẫn có sự thần tượng hóa cụ Hồ, có phải như thế không? Điều này làm cho người ta khó hiểu.*

Lê Đạt: Dĩ nhiên chị ạ. Mình có thể phê phán người khác [nhưng mình vẫn phạm sự] thần tượng hóa, là tất nhiên. Nhưng khi tôi viết tôi không thần tượng hóa nữa. Tôi rất chú ý đến việc ấy, nhưng chắc là trong góc ngách tâm hồn tôi, chắc còn có nhiều chỗ vẫn thần tượng hóa.

Thụy Khuê: *Trong thâm tâm các anh vẫn coi cụ Hồ là “thần tượng”. Nhưng cụ Hồ lại chủ trương điều mà các anh chống lại, đó là sự toàn trị, và cảm đoán cái mà các anh đòi hỏi, đó là tự do tư tưởng. Mình không thể nào tranh đấu với một thần tượng mà mình tôn thờ và đòi lật đổ sự độc tôn thần tượng đó. Đây là cái điểm mâu thuẫn, không thể giải thích được trong lập luận của các anh?*

Lê Đạt: **“Tôi không bao giờ coi cụ Hồ là đại diện tự do và dân chủ cho đất nước Việt Nam.** Tôi thần tượng là thần tượng ở những khía cạnh khác. Chị nên thông cảm với tôi. Thần tượng trên mọi phương diện thì tôi không bao giờ có, không bao giờ tôi nghĩ cụ Hồ là thần tượng của tự do dân chủ trên đất nước Việt Nam. Không có. **Trong khi tôi đấu tranh thì có nghĩa là tôi đấu tranh cả với cụ Hồ.** Nhưng một góc của tâm hồn tôi...Đó là bi kịch của tôi. Điều đó chị thông cảm cho tôi”.

Ngoài micro, tôi nói đùa: *“Cụ Hồ đã làm các anh điều đúng suốt đời mà anh vẫn còn bệnh được thì lạ quá!”*. Lê Đạt cười: *“Thì mình cũng phải tin là còn có một người tử tế, chứ nếu cả nước đều một bọn vứt đi thì làm sao sống nổi!”*

Lê Đạt có viết một bài trường ca *Bác* (một phần trích in trong văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám, nhà xuất bản văn học Hà Nội 1992). Đây là bài thơ ca tụng, với những tình cảm chung chung, không bộc lộ được cái cảm xúc chân thực (nếu có) phát xuất tự đáy lòng:

*“Trong lặng im trắng
mênh mông
mỗi tác lòng
Ta càng nghe rất rõ
cái thừa Ba Đình
Di chúc
bác mở tay
mở bay
trang rộng”*

(sách đã dẫn, trang 132)

Thơ ca tụng bác Hồ, thời kỳ đầu kháng chiến, hầu như ai cũng làm, kể cả Vũ Hoàng Chương. Nhưng không hiểu sao, Lê Đạt lại làm bài *Bác* ở thời điểm khá trễ này? Đào Phương Liên cho biết, khi “Ông” mất, bố mẹ để tang “Ông”. Phong Lê trong bài *“Có một trường ca về Hồ chí Minh...”* cho biết trường ca này viết năm 1970 để kỷ niệm ngày giỗ đầu của Hồ chí Minh, nhưng cũng phải 20 năm sau, mới được in (Nhà xuất bản Thanh Niên, 1990) nhân ngày kỷ niệm 100 năm sinh Hồ chí Minh.

Như vậy bài thơ *Bác* có thể đã làm sau khi Hồ chí Minh mất, như một lời tạ ơn chăng?

Kết thúc lớp Thái Hà, Tố Hữu đã có lời đe Lê Đạt: **“Tội của anh cũng nặng như tội Nguyễn Hữu Đang.** Lẽ ra anh cũng bị đi tù. Nhưng mà đảng vì nghĩ đến anh, chiếu cố đến anh còn trẻ, có khả năng và còn có thể giúp ích được cho đời nữa nên đảng khoan hồng với anh thôi chứ **anh-đừng-nên-nghĩ-rằng-anh-tội-nhe!**” Đó là lời dằn dò của Tố Hữu với tôi trước khi tôi về”.

(Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI)

Đảng, trong lời Tố Hữu, là Bác? “Tội” của Lê Đạt nếu truy kỹ, nặng hơn “tội” Nguyễn Hữu Đang, vì những câu thơ của Lê Đạt viết về chế độ cộng sản sẽ không bao giờ xóa được trong lòng ký ức dân tộc. Nhưng Lê Đạt không bị đi tù. Phải chăng Lê Đạt đã cảm nhận được sự “khoan hồng” ở bác, đối với một nhà thơ có tài? Và đó chính là bi kịch của ông? Tạm hiểu bài thơ *Bác* và tình cảm “khoan hồng” của Lê Đạt đối với bác, nằm trong bối cảnh như thế.

Hoặc cũng có thể, ở những nghệ sĩ như Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, luôn luôn có một con người ngây thơ, lãng mạn, trữ tình, khi nhìn vị lãnh tụ. Trong khi ở những nhà trí thức như Phan Khôi, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Hữu Đang... Sự phán xét lãnh tụ sáng suốt, rạch ròi hơn, vì họ không lãng mạn mà nghiêng về lý trí, tinh thần.

Tham Gia Quốc Dân Đảng

Trong bản bản "thủ tội" của Lê Đạt, có một câu quan trọng: *"Đảng đối với tôi có rất nhiều ân huệ, kéo tôi ra khỏi bàn tay phản động của bọn Quốc Dân Đảng, cho tôi công tác gần các đồng chí lãnh tụ, cho tôi đi thực tế để cải tạo, nâng đỡ những sáng tác của tôi, đến khi va chạm vào quyền lợi cá nhân, tôi trở mặt tấn công vào đảng, nhẩy sang trận địa của giai cấp tư sản phản động và làm người phát ngôn của chúng"* (Văn Nghệ số 12, tháng 5.58, trang 80).

Và khi trả lời phỏng vấn của Phạm Tường Vân, Lê Đạt cho biết:

"Nhà mẹ vợ tôi là cơ sở cách mạng, hai anh của Thúy một người là bí thư chi bộ xã, một người đi bộ đội. Hồi cải cách mẹ vợ tôi bị quy là gián điệp và anh cả bị quy là Quốc Dân Đảng chờ đem ra xử bắn. Thúy đương được ở đoàn kịch trung ương, lúc nào cũng nơm nớp sợ bị đưa về xã đấu tố. Thì vừa lúc sửa sai bắt đầu, cả nhà may mắn thoát nạn"

(Lê Đạt trả lời Phạm Tường Vân, báo đã dẫn)

"Trong truyện ngắn *"Thế là...chị ơi!"* (Talawas, tháng 6.2007) của Vũ Ngọc Tiến, có nhiều chi tiết gần gũi với đời sống của bà Bùi Thị Ngọc Khuê, vợ nhà thơ Trần Dần, đặc biệt có một đoạn viết về cái chết của ông Phán Hậu (ân nhân của bà K) như sau:

"Cuối cùng thì thơ anh cũng được tôn vinh. Sau ngày anh mất, tập trường ca cuối cùng của anh được trao giải và hôm nay tôi lại nhìn thấy chị trên màn ảnh nhỏ, trong lễ trao giải thưởng nhà nước cho anh và những người bạn của anh. Song cái án oan kết tội ông Phán Hậu, nhà chí sĩ yêu nước giàu có, danh giá bậc nhất Tỉnh Nam Định bị bôi nhọ là tên phản động Quốc Dân Đảng, tay sai đế quốc Pháp ai rửa cho ông ? Đêm trước ngày bị các ông đội sai cán bộ chuổi, rẽ đến nhà bắt trói ông đem đi đấu tố, ông lập bàn thờ giữa sân nhà, có bài vị Nguyễn Thái Học bằng chữ Nho, rồi ông đội khăn xếp, mặc áo the đen, làm rằm khấn vái: "Tiên sinh năm nào lên máy chém vẫn để lại lời bất hủ rằng "không thành công cũng thành nhân". Giờ độc lập thành công rồi, mai tôi lên đoạn đầu đài sẽ thành gì đây ? Tiên sinh hỡi, tiên sinh!..." Cái án oan ấy khiến anh đang đi công tác cải cách ruộng đất ở Thái Bình bị triệu hồi về giam lỏng ở đơn vị. Ngày ấy, nếu lần anh tự tử bằng dao lam trót lọt thì còn đâu những tác phẩm sau này anh viết cho người đời chiêm ngưỡng, hậu thế tôn vinh ?"

Hai câu chuyện trên đây về người thân của hai bà vợ Nhân Văn, cho ta thấy rõ không khí thời đó đối với những người có "quan hệ" với Quốc Dân Đảng và hiểu tại sao Lê Đạt đã phải cất giấu quá khứ của mình.

Trong những người chủ chốt của phong trào, ba người có "liên hệ" với Quốc Dân Đảng: Phan Khôi, Thụy An, Lê Đạt. Do đó, một mối thâm tình liên kết họ với nhau:

- Trả lời phỏng vấn RFI, Lê Đạt nhắc đến Thụy An và Phan Khôi, với những lời đầy ý nghĩa: *"Phan Khôi với tôi vốn có những quan hệ đặc biệt", "Trong thâm tâm tôi, bao giờ tôi cũng coi ông là người lãnh đạo từ Nhân Văn"*.

Việc công nhận Phan Khôi là người lãnh đạo từ Nhân Văn, chứng tỏ Lê Đạt chỉ coi Nguyễn Hữu Đang như người bạn đồng hành, Phan Khôi mới là người thủ lĩnh. Ngoài uy tín của Phan Khôi trong văn học, còn có lý do nào khác, nếu không phải vì Phan Khôi là người theo Quốc Dân Đảng, lý tưởng đầu đời của Lê Đạt ?

- *"Tôi có thể bảo đảm 100% chị Thụy An không phải gián điệp", "Chị Thụy An rất thân với anh em trong Nhân Văn-Giai Phẩm và đặc biệt là thân với tôi". "Riêng tôi thì không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi"*.

Tại sao Lê Đạt dám bảo đảm 100% là Thụy An không phải gián điệp, nếu ông không biết rõ hành động của Thụy An ? Nếu không cùng một lý tưởng ?

Câu “*Tôi không bao giờ quên công của chị Thụy An đối với tôi*”, có nhiều ý nghĩa. Công gì ? Thụy An có công với nhiều người, công dạy Phùng Quán tiếng Pháp tiếng Anh, công giúp đỡ vợ con Lê Đạt... Nhưng từ khi Thụy An bị nạn cho đến bây giờ, những bạn đồng hành không ai nói một lời biện hộ công khai cho bà, trừ Lê Đạt. Vậy có thể hiểu chữ “*công*” này là một công lớn: Ngoài sự kính phục người chị văn nghệ can trường, còn có sự hàm ơn Thụy An, đã không “*khai*” những điều bà biết về Lê Đạt, như một thành viên cũ của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Câu châm ngôn mà Lê Đạt cho ghi lại trong bộ Nhà Văn Việt Nam Hiện Đại (nhà xuất bản hội nhà văn, 2007), là: “*Một nhà văn tự trọng nên bận tâm đến việc thành nhân hơn là thành danh*” có gì rất gần với lời Nguyễn Thái Học: “*Không thành công thì thành nhân*”.

Tinh thần yêu nước phát sinh từ Yên Bái

Đất Yên Thế và đất Yên Bái đối với Lê Đạt có những gắn bó sâu xa: Yên Thế, quê nội là đất của Đề Thám, thuộc phân Phủ Lạng Giang, triều Nguyễn (nay thuộc Tỉnh Bắc Giang), có 2 mảnh đất lịch sử: Nhã Nam và Yên Thế:

- Tổng Nhã Nam, là nơi Hoàng Hoa Thám làm lễ tế cờ khởi nghĩa (1889), và cũng là nơi Lương Tam Kỳ đem thủ cấp Đề Thám nộp cho Pháp lãnh thưởng (1913).

- Tổng Yên Thế, là nơi Đề Thám đặt đại bản doanh chiến đấu trong hơn 20 năm, vị trí hiểm trở, “*rừng thiêng nước độc*”, nằm giữa rặng Cai Kinh (Lạng Sơn) và núi đồi Thái Nguyên.

Yên Thế, như một địa hình, một bối cảnh đất nước lâm nguy, một can trường chống Pháp nhưng thất bại.

*Đất quê cha tôi
đất quê Đề Thám
Rừng rậm sông sâu
Con gái cũng theo đòi nghề võ
Ngày nhỏ
cha tôi dẫn đầu
lũ trẻ chẵn trâu
Phát ngọn cờ lau
vào rừng Na Lương đánh trận
Mơ làm Đề Thám...
(Cha Tôi)*

Nhưng vì miếng cơm manh áo, người cha đã buông tay, bỏ cuộc, người con tiếp tục lên đường:

*Cuộc sống hàng ngày
nhỏ nhen
tàn bạo
Rác rưởi gia đình
miếng cơm
manh áo
tàn phá con người
Những mơ ước thời xưa
như con chim gãy cánh
Rũ đầu chết ngạt trong bùn
Năm tháng mài mòn
bao nhiêu khát vọng.
Cha đã dạy con một bài học lớn
Đau thương
kiên quyết làm người.*

(Cha Tôi)

Bài *Cha Tôi* làm tháng 7.56, giữa *Giai Phẩm Mùa Xuân* và *Nhân Văn*, như một tuyên ngôn, xác định con đường tranh đấu, lấy đất Đền Thám làm khởi điểm.

Nếu Yên Thế được Lê Đạt xác nhận, thì Yên Bái, đã không thể công khai trình làng, bởi Yên Bái là quê hương của Quốc Dân Đảng.

Yên Bái là pháp trường xử lòng ái quốc. Khi Nguyễn Thái Học và 12 bạn đồng hành lên đoạn đầu đài (1930), Lê Đạt mới một tuổi, nhưng Yên Bái, hơn một nơi chôn rau cắt rốn, đã trụ lại như cái mốc đầu đời, một khởi điểm của cõi viết và nẩy mầm ý chí cách mạng vùng lên chống Pháp.

Tập thơ *Tinh Mẹ*, tạm coi như tập thơ đầu đời của Lê Đạt, đã dành cho Yên Bái chỗ đứng thiêng liêng, nói lên tâm sự người thanh niên sinh ở Yên Bái. *Tinh Mẹ* là Tinh mình sinh ra, là đất mẹ, là *Yên Bái*. *Tinh Mẹ* có thật sự bị thất lạc? Hay đã bị “tịch thu” và sau này được trả lại?

Tinh mẹ, in trong phần Di cảo (Đường Chũ, nhà xuất bản hội nhà văn, 2009)

Tác giả mơ hồ cho biết đây là tập thơ bị thất lạc đã 40 năm. Không một bài thơ nào ghi ngày tháng ở dưới. Lê Đạt cũng không hề nhắc đến “giai đoạn thơ này” khi còn sống. Có phải vì Yên Bái là một “*liên quan*” thầm kín mà tác giả phải giấu đi? Cũng như trong một thời gian dài, về nơi sinh, ông chỉ ghi Âu Lâu, trên bờ sông Hồng (không nhắc đến tên Yên Bái).

Tập thơ nói lên tinh thần chống Pháp của một thanh niên. Thơ làm theo lối leo thang, không vắn, đã là giọng thơ Lê Đạt, đã có những hình ảnh mới lạ, táo bạo hơn thơ người khác. Điểm đặc biệt là sự gắn bó với Yên Bái, như cái nôi của hành động và tư tưởng, như một tiền trạm của lòng yêu nước, như một ý chí cách mạng, một sự đổi thay, một sự lập thân con người, khởi đi từ Yên Bái.

Từ Yên Bái, cậu bé đã thấy một “người hàng xóm”, “người chị”, và cũng là “người yêu”, bị con trai quan phủ làm nhục, xóm làng hắt hủi:

Đêm ấy

chị ra sông tự tử

Theo những chiếc lá dâu ngày xưa

Áo trắng

như buồm mộng

về một chân trời nào

cao rộng

thăm thẳm

xa

(Thơ ngây, trang 298)

Từ Yên Bái, cậu bé nhìn thấy người ăn mày chết trước cửa giáo đường, hỏi Chúa có thấy không?

Chúa về tự bao giờ

Có phải thật Người không?

Tiếng chuông

lu loa

hối hả

giục

người bỏ già

Quét

chiếc xác

nằm co quắp

Chết

giữa ngày Phục Sinh

(Người ăn mày già, trang 319)

Từ Yên Bái, tác giả thấy một người anh, ban đầu có “chí lớn”, rồi chí ấy lụi tàn trong bồng lọc quan trường, cuối cùng nhìn lại số đời. Bản cáo trạng chứng tỏ người anh không sống trong thời Pháp thuộc mà dường như ở thời cách mạng:

“Trong khoảnh khắc

đối diện

cùng sự thật

Sờn tóc gáy

như kẻ sát nhân

đột nhiên

thấy

người mình thủ tiêu

lững thững

hiện theo về

đối chất

“Anh có thể lừa

cha mẹ

vợ con

lừa cả nước

Nhưng thế nào

cũng có lần

anh phải lòi ra

trước

vành móng ngựa bản thân anh”

(Một cuộc đời, trang 309)

Yên Bái, một xã hội Việt Nam thoi thóp, tê liệt, đơì chờ:

Yên Bái

dẫm cô gái

lỡ thì

thổn thức

Nhất Linh

tay

Loan Dững

lên ô kính bụi

Chợ chông

mấy con búp bê

gãy cẳng

bạc màu

Yên Bái

một phố chiều

thượng du nắng lụi

Một con đường

rơm rơm

máu rơi

Đôi vợ chồng già

không con

nhìn bóng tối

Ôm con mèo gầy

nhức nhối

chuyện ngày xưa

Yên Bái
hôm nào
cũng ra ga
Hôm nào
cũng nhờ tàu
ở lại
Với những tiếng còi
rứt ruột
gọi đi
Và một chân trời
nhều nhếch
khói (...)
Yên Bái
những ngày trích lục nhau
sao thành nhiều bản (...)
Yên Bái
một quê hương vỡ nợ (...)
Một ngã ba thành năm sáu ngã ba
(Phác họa màu xám, trang 333)

Và người thanh niên ấy đã gửi những lời tạ tội về Yên Bái, tạ tội đã đốt quê hương. *Tiêu Thỗ* là bài thơ duy nhất trong thời kháng chiến đặt lại vấn đề tiêu thổ kháng chiến như một tội đồ đối với quê hương, dân tộc:

Yên Bái
chỉ để lại
trong tôi
những kỷ niệm
nhạt
như nước ốc
Sao hôm nay
khi tiêu thổ quê hương
tôi bỗng khóc (...)
Yên Bái ơi!
Cố sống
lấy thêm
dăm ngày nữa (...)
Hôm nay
ta đánh vỡ
quê hương
Đánh vỡ
từng viên gạch
tổ tiên ta
cóp nhặt (...)
Quê hương ơi!
Ta không phải
kẻ ăn tàn phá hại
Vén tay áo xô
đốt gia tài
ông cha để lại...
(Tiêu Thỗ, 345)

Yên Bái chính là khởi điểm của cuộc lên đường, cũng là cuộc đi vào tan nát, khổ đau:

*“Ôi! Những ngày đầu
quê hương
tan nát lửa
Như đàn cò
vỡ tổ
bể nhau đi
Đằng trước một chân trời sọc đạn
Đằng sau
thông thống một đường về
Ta đã
chọn
đường
đi về phía trước
Chân chảy máu
nặng vào nhau ta bước
Điểm chỉ
trên khắp mọi ngã đường
Trong bản giao kèo
ta ký
với tương lai
(Quê hương du ca, trang 353)*

Yên Bái còn là mẹ của cả những người lính viễn chinh:

*Bà mẹ Âu Lâu
ngồi
như gốc mai nở trắng
giữa đàn con
đủ
các giống người
Thằng cả
Xa lum
người Xê nê gan
làm mỏ than Ma rốc
Vào hầm than
đen
như thấy dân tộc mình
mấy ngàn đời
vùi dập
chết
ở đây
Tan tâm về
ra bờ sông nước trong
rửa mặt
Rửa xong
nhìn
mặt vẫn nhọ than
Thằng hai
Ma Hô Mét
Công nhân bốc vác*

An Gié
Gù gù
lưng cánh phàn
Ngày ngày
khuân tổ quốc
xuống tàu buôn...
(Mẹ, trang 363)

Đối diện với những hô hào chém giết, máu, thù, trong thi ca đương thời, đây là bài thơ phản chiến và nhân bản nhất trong văn chương Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp. Nhà thơ không phân biệt chiến tuyến, “dám” coi “quân thù” cũng là con của mẹ Âu Lâu. Vì vậy “tội” của Lê Đạt phải là rất nặng, ngay từ trước thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm.

Thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm

Xuân Diệu buộc tội: “*Đã rõ rệt như ban ngày, tập Giai Phẩm Mùa Xuân 1956 phát lá cờ đầu tiên chống đảng, chống chế độ, và Lê Đạt là nhà lý luận trong đó. Lê Đạt mở đầu Giai Phẩm với cái tuyên ngôn: “Trích thơ gửi người yêu” (...) và bài thơ tuyên ngôn thứ hai “Mới” đăng trong Giai Phẩm (...) Lê Đạt là một người chủ chốt của báo Nhân Văn, tham mưu cho cả tờ báo, tự tay sửa chữa nhiều bài đã kích chế độ ta rất cay độc (...) Cùng với Nguyễn Hữu Đang làm bộ óc của báo Nhân Văn, đứng làm “nhà lý luận” của bọn chống chế độ (...) Sau khi báo Nhân Văn bị cấm, Lê Đạt liên lạc cấu kết với Thụy An, Lê Đạt đóng vai trò quan trọng trong việc lũng đoạn hội nhà văn, Lê Đạt tích cực dùng ngòi bút viết lối văn hai mặt, Lê Đạt luôn luôn giữ một cương vị đứng chủ trường phái, mãi đến trong lớp học văn nghệ lần thứ hai (tháng 3 và 4.1958) vẫn còn tìm cách quay quắt. Cho nên, xét Lê Đạt, ta phải nhìn thấy cho hết, rằng Lê Đạt chống đối ta, phá hoại ta từ trong bản chất giai cấp thù địch”* (trích bài “*Những biến hóa của chủ nghĩa cá nhân tư sản trong thơ Lê Đạt*”, (Văn Nghệ số 13 tháng 6.58, in lại trong tập *Dao có mài mới sắc* của Xuân Diệu, 1963, các trang 86, 87, 89 và 95).

Lê Đạt cũng xác nhận vai trò chủ chốt của mình trong bài tự kiểm thảo: “*Tôi tham gia Nhân Văn với ý thức là người lãnh đạo lý luận của tờ báo vì tôi cho tôi vững vàng hơn Nguyễn Hữu Đang. Ban biên tập lúc đó gồm có 4 người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cẩm và tôi. Để tán công quan điểm vô sản chuyên chính của đảng, tôi vận động Thanh Châu viết bài Mậu Dịch, tôi góp ý, vẽ tranh một người đẽo chân cho vừa giày mậu dịch. (...) Nhân Văn bị đóng cửa nhưng tư tưởng Nhân Văn, tư tưởng chống đối vẫn chưa hết. Sau một thời gian các báo ngớt đánh, tình hình trở lại bình thường, chúng tôi lại vẫn gặp nhau đã kích đảng, cho là độc đoán”*. (trích lời “*tự thú*” của Lê Đạt, Văn Nghệ số 12, tháng 5.1958).

Trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, ngoài những bài xã luận chính trị ký tên Người Quan Sát cùng với Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt là nhà thơ sáng tác nhiều nhất và chống đối mạnh mẽ nhất. Ngoài những bài thơ in trên báo, còn có:

Thế giới này là của chúng ta, (phát hành tháng 12.1955), có thể phần lớn làm theo lối tuyên truyền, thời mà Lê Đạt cho là “*biết bao lần tôi đã không thực là tôi*”, cho nên sau này ông không nhắc đến tập thơ ấy nữa.

Bài thơ trên ghé đá (nhà xuất bản hội nhà văn, 1957).

Cửa hàng Lê Đạt, (đang in, bị đình chỉ, Lê Đạt bị khai trừ khỏi đảng, tháng 7.1957)

Đụng long mạch (in trên *Tự do diễn đàn*, tháng 12.56, báo bị cấm)

Lê Đạt còn nói đến bút ký “*Vào 21*”, viết về thời kỳ bị kỷ luật. Hiện nay không biết văn bản này thất lạc ở đâu.

Trong tinh thần Đỗ Phủ, thơ Lê Đạt phản ảnh xã hội thời ông sống. Không ít bài bị cấm, bị tịch thu, hoặc bị thất lạc. Sau này, những ai muốn tìm hiểu thực chất của xã hội Việt Nam dưới chế độ cộng sản cần phải tìm lại những tác phẩm này, không chỉ của Lê Đạt, mà của toàn thể các tác giả trong Nhân Văn-Giai Phẩm đã bị chôn vùi hoặc thất lạc. Những tác phẩm viết trong tù, của Thụy An, có lẽ ở Sài Gòn, phía gia đình các em, hoặc bạn bà là Trinh Tiên (tên thật là Trinh Nữ, chồng là Bửu Đảo) còn giữ.

Nhờ hai bài đánh Lê Đạt của Xuân Diệu và Xuân Hoàng mà chúng ta có thể biết được nội dung một số bài thơ của Lê Đạt, trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tập *Bài thơ trên ghế đá*, theo Xuân Diệu “*dưới sự lũng đoạn của Hoàng Cầm*” nhà xuất bản hội nhà văn đã in tập thơ này năm 57, sau khi Nhân Văn bị đóng cửa.

Vẫn theo Xuân Diệu, thì tác phẩm này “*là cả một hệ thống có ý thức phá hoại tinh thần từ đầu chí cuối*”, “*anh ta [Lê Đạt] vẫn cứ “đầu thai nhằm chế độ”*”, bài “Đu” là “*một sự khiêu khích*”. Bài “*Gia đình*”, với những câu như: “*Nhiều dự định sa lầy trong đồng tử*”, “*tình yêu bị những cái hàng ngày bóp cổ*”, “*Lê Đạt đưa những xót xa đau đớn ra và cho nó thắng trận*”. Bài *thơ trên ghế đá* “*đầy một điệu hưởng lạc, chết lịm trong tình yêu*”, và vẫn theo Xuân Diệu, trong bản đánh máy đưa cho nhà xuất bản còn có bài “*Trong hầm bí mật*”, nhưng không in, bài này rất tiêu biểu cho cái triết lý “*máu, sướng và chết*” của Lê Đạt”. Xuân Diệu viết tiếp: “*Bài thơ trên ghế đá “còn có dã tâm đả kích đảng. Cho đảng là phao phí nhân tài (Con búp bê, Tinh người), ví đảng như một anh thợ câu già chưa vợ, bác rất nhiều câu, xây dựng kinh tế được nhiều đấy, nhưng chưa bắc qua được một lòng người”*”.

“*Hàng triệu lòng người đã nhờ đảng mà tái sinh, yêu đảng sâu sắc, nhưng cố nhiên lòng của bọn Nhân Văn- Giai Phẩm thì chỉ có bọn tư sản phản động mới bắc được cầu*”.

(Xuân Diệu, *Những biến hóa của chủ nghĩa cá nhân trong thơ Lê Đạt*, Văn Nghệ số 13, tháng 6.58).

Nhờ bài đã kích của Xuân Hoàng, chúng ta biết thêm nội dung bài *Đụng long mạch*, in trên *Tự do diễn đàn*, tháng 12.56, báo bị cấm:

“*Trong bài thơ “Đụng long mạch” (...) Lê Đạt dựng lên khung cảnh một địa phương đang bị hạn hán, có cán bộ về khuyến đào giếng nhưng vì sợ bị “đụng long mạch” nên các cụ nhất định không nghe. Sau có vợ chồng anh Ân đêm về bí mật bàn với nhau nên lén lút đem cuốc ra vườn đào giếng, đến sáng hôm sau bà con thức dậy thấy “mạch nước đùn lên nước phun loang loáng”, và từ đấy cả làng nơi gương vợ chồng anh đào giếng chống hạn khắp nơi.*

(...) Lê Đạt hết lời khen ngợi vợ chồng Ân những “*anh hùng*” trong câu chuyện qua cái nhìn của Lê Đạt đã “*dám cả gan đánh bốc với những già nua cũ kỹ của cuộc đời*”. Lê Đạt đã kêu âm lên một cách hậm hực rằng:

“*Những con người ụ*

“*Èng ra cản đường*”

Và Lê Đạt hô hào:

“*Cần biết bao nhiêu*

Những cái đầu táo bạo

Dám nghĩ, dám làm

Không nô lệ chung quanh”

(...) Còn đây là cái nhìn của Lê Đạt về đảng. Đó là:

...”*lưng con rồng,*

Ai đào giếng đụng vào long mạch

Thì phải tội mù hai con mắt

Cả nhà học máu chết tươi”

Và nhảy đi nhảy lại cái ý đó một cách dọa dẫm:

“Long mạch này mà đứt
Cả nhà không thoát một người”

hoặc:

“Long mạch hôm nay rung chuyển
Phen này rồi chết cả nhà”

(Thực chất tư tưởng chống đảng trong thơ Lê Đạt, Xuân Hoàng, Văn nghệ số 11, tháng 4.1958, trang 71-72)

Bài thơ dài *Cửa Hàng Lê Đạt*, in trong phần phụ lục dưới đây, làm theo thể trào phúng, là một trong những bức tranh thơ sống động nhất về thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm.

Đời chữ của Lê Đạt chia làm hai thời kỳ, dưới hai ngòi bút:

Nhà thơ thời thế, theo truyền thống Đỗ Phủ, ghi lại bộ mặt của xã hội toàn trị trên đất nước ta. *Nhà thơ cách tân*, theo truyền thống Mallarmé, mở một kỷ nguyên mới cho đường chữ.

Lê Đạt, nhà thơ thời thế, xác định tính chất cơ bản của lịch sử:

*Lịch sử muôn đời duyệt lại
Không ai lừa được cuộc đời.*

Lê Đạt, nhà thơ cách tân, gửi lại hậu thế những lời trăng trối cho tương lai:

*Vũ trụ ơi
tha cho tôi
Tất cả những gì
thơ tôi chưa làm được
Khi tất thảy
mắt tôi đừng ai vuốt
Còn gì buồn hơn
màn đóng lại mục đời*

CỬA HÀNG LÊ ĐẠT

Cảo thơm lần giờ trước đèn (+)

Nguyễn Du

Quý khách qua Phố Trần Hưng Đạo
Hãy dừng chân
mấy phút
tham quan
Cửa hàng Lê Đạt.

1.

Lê Đạt nào ?
Có phải Lê Đạt
của *Những người tự tử*
của *Những cái bình voi*
Chán thơ thần rồi sao
mà lại về mở hiệu
Hay vợ đau, con yếu
Làm thơ không đủ tiền
Hay bị phê bình
kiếm thảo
Giờ như chim phải tên
Động thấy cây cong
là sợ

Hay thơ tôi không người tiêu thụ
Phải bán Ki-lô

2.

Làm thơ đã đành là khó sống
Một bài thơ Văn nghệ trả
năm nghìn
Mua soắn vừa hai hộp sữa
Nhưng kinh tế dân ta còn khổ
làm thế nào
Cả nước nghèo tàn tảo nuôi nhau
Đủ sống làm thơ
thế là tốt lắm
Nếu không có mấy ông phê bình
Mác xít thiên binh
Duy vật chi hồ giả giả
Nhai chữ mòn răng
chưa vỡ sự đời
Mấy chữ i- tờ lòng người
không biết
Ngắt ngọn bao nhiêu suy nghĩ
tìm tòi
Ra chữ nghĩa
nhiều khi
cũng giết người
Có những ngày chán nản
Tôi muốn đi thật xa
Không muốn nhìn
không muốn nghe
không muốn viết
Có những ngày
tôi chỉ còn muốn chết
Nhưng thương vợ
thương con
yêu tiếng Việt
Tôi không đành đi
Quê lạnh thân cò lặn lội

3.

Trần Dần đi phao tin
"Lê Đạt mở cửa hàng phở chó"
Anh em ôm bụng cười
Ồ hay, sao lại cười
Tôi không định mở cửa hàng phở chó
Nhưng sáng tác cho đời thêm vài thứ phở
Chẳng là nên hay sao
Chẳng hơn ngồi nhai đi nhai lại
Mấy vản thơ thịt rừ
Bã nát từ thời cà cộ.
Một tý anh
một tý em
Tý ty nhiệm vụ

tý ty căm thù
Tý ty diễm huyền
tý ty mộng vụ
Đồ làm mấy chục thùng thơ
Bùi Thị Xuân (1)
nếu không còn hàng phở
Đời sẽ buồn biết đến bao nhiêu
Như Hồ Gươm không người làm xiếc
Như Hồ Tây vắng bánh tôm
Ta sẽ mất rất nhiều Hà Nội
Nước béo
mỡ gầu
tôm tươi
thơ mới
Áo nắng tuổi cờ thu chín tới Thủ đô

4.

Anh em tôi để sau đến muộn
Mở cửa hàng
sinh sống
khó khăn
Bao nhiêu chỗ thơm
người ta "xí" trước
Hiệu 20 năm
Hiệu 30 năm
Hiệu "nhất Thủ đô"
Hiệu "gia truyền chính cống"
Phong lưu sống nhờ đọc một cái tên
Anh em tôi đành ra góc phố
Đăng ký mở hàng
Chưa có tiếng tăm
rồi sẽ có tiếng tăm
Miễn chịu khó làm ăn
cần cù
lương thiện
Bà con
cho mấy tấm ni lông
Lộp lên làm mái
Mấy tấm dù Điện Biên
quây lại làm tường
Mới ra ở riêng
bạn bè thương giúp đỡ
Ôm lấy bóng đèn
Văn Cao vẽ một con mắt đỏ
Giải thích
"ngày đêm mất ngủ
đăm đăm sự đời"
Ngoài cửa hàng
Trần Dần treo
quả tim đỏ sộ
Khắc mấy câu thơ Mai

A “Yêu
ghét
khổng lồ”
Hôm khai trương
Hoàng Cầm giọng oanh vàng đất Bắc
Sẽ đến ngâm thơ
Nguyễn Sáng vẽ chân dung người đến dự
Tử Phác mắt Rômêô mơ buồn thả điệu “Quay tơ”
Phùng Quán “vượt Đảo” về múa micrô độc tấu...

5.

Cuộc sống thật vui
nhưng thật là vất vả
Méo mặt
lo cơm
lo gạo
lo ốm
lo đau
Lo hàng trăm thứ
Vật chất đã đành là hạ tầng cơ sở
Nhưng người ta đâu chỉ có dạ dày
Còn tim đòi rung
còn đầu đòi nghĩ
Hằng hà sa số nhu cầu
Anh thích đi câu
Anh thích đi pic-nic
Chị thích đầu xúc xích
Chị thích Uxi
Như sách nói:
Bách nhân bách thích
Anh hôm nay đi chơi
Trời cao thu mát
Gặp một tà áo bay phơ phất bên hồ
Con ruồi đậu mép ngân nga
Đêm khép cửa
lòng còn ngỡ gió
Còn anh
hai thứ tóc trên đầu
chưa vợ
Mưa dầm bên Nửa lữ xe
Đầu gối ba lô xẹp mọng
Buồn như một sự hiểu lầm
Còn anh
con sài
vợ chữa
Sòn sòn
hai năm đôi
Quanh quần tã con
thuốc vợ
Còn anh
mơ ước trong đầu tấy mũ

Bao nhiêu dự định quay cuồng
Bức bối, tay chân
đói thèm cửa sổ
Tàu mơ neo nặng nợ rãnh đời.

6.

Xin các anh hãy đến hàng tôi
Nếu cần vui
tôi sẽ đi làm xiếc
Trồng cây chuối ngược
đánh trống thổi kèn
Tôi sẽ làm thằng hề
"ói a"
bông phèng nghịch ngợm
Giành giật mảnh vui
từ tiếng thở dài
Những người ít cười
thường hay chết sớm
Tôi sẽ xào thêm xanh thêm mọng
Tôi sẽ làm thầy tướng
Chấp mấy tử vi
mấy bói bài xì
Người làm thơ nào chẳng chút ít tiên tri
Nếu những cái hàng ngày ỉ eo đê tiện
Mốc nồm ăn meo khắp cả thân hình
Tim tro nguội đến mèo không thèm ngủ
Tôi sẽ chụm thơ tôi thành ngọn lửa
Sấy lại tâm hồn mưa phùn
Trên đường mưu sinh trường kỳ mệt mỏi
Tôi sẽ tiếp máu thơ nóng hổi
Lên dây cốt lại trái tim
Bước túc tắc
phổ xanh mùa tíc tắc

7.

Đề tạo dựng một cửa hàng nho nhỏ
Tôi đã đổi những ngày hớn hờ
mười tám đôi mươi
Những má gọi
những vườn cười chín tới
Tôi đã sống những ngày làm lũi
Quên ngủ quên ăn
Tôi đã chịu đau thương bất công hát hủi
Tuổi thơ làm hại tuổi trời (2)...
Tôi vẫn đi
như cung mệnh
sao Đà la đầy dọa
Cho đến lúc
trí trá
cường quyền
đều giả
Không còn hành hạ con người

Sao ta chưa khai thác cung trăng
thành chỗ ở
Sao mới sáu bảy mươi
đời đã vội về già
Đến bao giờ mới có những thiếu nhi trăm tuổi
Ngậm ngùi thương ông Bành tổ chết non
Những bà mẹ vừa sinh con vừa hát
Chữ tự do mùa thật hạt bát cười
1958.

HẬU TỪ

Đầu phố Lãn Ông
có cửa hàng tạp vật
Đăng ký số 4210
đứng tên Lê Đạt
Nhớ xưa ba mươi năm
Cửa hàng quan niệm phong (3)
Bút đọc quân ông Lành tẩy uế
Tuổi sạch phục hồi
bán giấy vệ sinh

1989.

+ Đề từ này mới thêm vào năm 1989

1.- Hàng phở Tý nổi tiếng Phố Huyền Trân Công Chúa sau đổi thành Phố Bùi Thị Xuân

2.- Mất một trường đoạn

3.- Bài thơ "Cửa hàng Lê Đạt" được sáng tác năm 1957, thời điểm Hà Nội gay gắt cải tạo tư sản.

Bài thơ đương án loát thì thợ nhà in Xuân Thu đình công ngừng máy, cho rằng bài thơ đi ngược lại quyền lợi giai cấp công nhân và bản thảo cũng bị mất luôn.

Sau khi tác giả được phục hồi, tháng 3.1989, bộ nội vụ có nhã ý trả lại một bản đánh máy (mất một số trang).

Những đoạn thất lạc được tác giả ghi lại theo trí nhớ, hoặc cực chẳng đã viết máy dòng bổ sung cố gắng duy trì mạch thơ.

Và thêm đoạn Hậu từ

Ông Lành là một trong nhiều biệt danh của nhà thơ Tố Hữu, phụ trách tư tưởng thời bấy giờ.

CHƯƠNG XI

TRẦN DẦN

Trong 40 năm sau Nhân Văn, Trần Dần đã chỉ thấy những hòm bản thảo của mình: 2/3 bị tiêu tán, mục nát, 1/3 còn lại bị kết án chung thân trong trạng thái nằm. Vậy mà vẫn viết. Viết đều. Bởi ông cho rằng viết hay ghi là phương pháp duy nhất nói chuyện với mình khi không thể nói được với ai. Từ 1958, "ghi trở nên một hình phạt", người thanh niên 32 tuổi ấy đã bị "đòn ngắm quá cuồng tim rồi". Tác phẩm chịu chung số phận với người: Gần 30 tập thơ, 3 cuốn tiểu thuyết, và không biết bao nhiêu bản thảo đã bị mối mọt.

Chúng tôi tổng hợp một số tài liệu khác nhau để dựng lại một tiểu sử, một con người, được nhìn từ nhiều phía, rút từ chính văn bản của Trần Dần và những thông tin thu lượm chủ yếu trong các tài liệu sau đây: *Con người Trần Dần* của Hoàng Cầm (Nhân Văn số 1, 20.9.1956); *Sự thực về con người Trần Dần* của Vũ tú Nam (văn nghệ quân đội số 4, tháng 4.1958); *Vạch thêm những hoạt động đen tối của một số*

cầm đầu trong nhóm phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm của Từ Bích Hoàng (văn nghệ quân đội, số 5, tháng 5.1958), *Con đường đi của Phùng Quán, con đường sai lầm điển hình của một người viết văn trẻ* của Nguyễn Ngọc (Văn nghệ quân đội, số 4, tháng 4.1958), Nhật ký *Trần Dần ghi* (Phạm Thị Hoài, biên soạn, nhà xuất bản Văn Nghệ, Cali 2001), *Những ngày thử thách*, trích hồi ký của Vũ tú Nam (chép lại 25.10.2006, tạp chí Nhà Văn số 3, 2007, in lại trên Talawas.)

Trần Dần tên thật là Trần Văn Dzần, sinh ngày 23.8.1926 tại Nam Định trong một gia đình giàu có. Mất ngày 7.1.1997 tại Hà Nội. Đậu Thành Chung ở Nam Định, rồi lên Hà Nội, học tiếp, đậu bằng Tú Tài. Năm 1946, cùng với Đinh Hùng, Trần Mai Châu, và Vũ Hoàng Địch (em ruột Vũ Hoàng Chương) chủ trương nhóm Dạ Đài. Trần Dần, Trần Mai Châu và Vũ Hoàng Địch cùng ký tên vào bản “*Tuyên ngôn tượng trưng*” trên Dạ Đài số 1 (16.11.46), nhưng Đinh Hùng mới thực là “chủ soái”, bởi thơ Trần Dần, Trần Mai Châu, Vũ Hoàng Địch, và Nguyễn Văn Tậu chịu ảnh hưởng sâu xa thơ Đinh Hùng.

Bài *Về neo thanh tuyến* của Trần Dần có giọng rất Đinh Hùng:

Đời bỏ ta nằm dưới Thủy Cung

Mờ đi! ơi ánh nguyệt vô cùng

Hồn ta qua xứ ma làm loạn

Nên thác trong đường trận hỏa công

(Thơ Mới 1932-1945, phụ lục, Lại Nguyên Ân sưu tập, nhà xuất bản hội nhà văn, 1999).

Năm 1947, Trần Dần về Nam Định, tham gia kháng chiến, làm công tác thông tin. Được kết nạp vào đảng ngày 19.8.1948

(Vũ tú Nam, *Sự thật về con người Trần Dần*.)

Năm 1951, sau khi dự lớp chỉnh huấn “có kết quả”, Trần Dần được phụ trách huấn luyện đoàn văn công quân đội. Vì “đả kích cán bộ sáng tác” nên bị kỷ luật và bị chuyển về Tuyên huấn. Làm việc trong tuyên huấn đến 1953

(Vũ tú Nam, sách đã dẫn).

1954 tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, viết tiểu thuyết *Người người lớp lớp* (nhà xuất bản quân đội nhân dân, 1954). 10.10.54 được cử đi Trung Quốc viết thuyết minh cho phim Điện Biên Phủ. 10.12.54 trở về Hà Nội. 24.12.54 bắt đầu tổ chức các cuộc thảo luận đòi thay đổi chính sách văn nghệ quân đội.

Tháng 2.55, Trần Dần viết bản *Đề Nghị Chính Sách Văn Nghệ*.

Trong tháng 3 và 4.55, Trần Dần và Từ Phác tổ chức phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu và tiểu thuyết *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán.

Tháng 4.55: Bản *Đề Nghị Chính Sách Văn Nghệ* không được tuyên huấn thông qua.

23.4.55: Trần Dần quyết định viết đơn giải ngũ, dự định đến đường cùng sẽ ra đảng và kết hôn với cô Bùi Thị Ngọc Khuê, bất chấp quân kỷ (Trần Dần ghi).

16.5.1955: Trần Dần gửi đơn xin ra khỏi bộ đội và ra đảng. Hoàng Tích Linh xin ra khỏi bộ đội (Hồi ký Vũ tú Nam).

13.6.1955: Tất cả các tổ đảng ở cục tuyên huấn phê phán lá thư xin ra khỏi đảng và quân đội của Trần Dần là chống đối, phá hoại tổ chức đảng (Hồi ký Vũ tú Nam).

13.6 đến 13.9 Bị giam 3 tháng trong trại, Trần Dần ghi trong nhật ký “*Ba tháng bị giữ lại kiểm thảo*”, “*Nọc bệnh: anarchiste*” “*Khi xưa phản đối xã hội cũ bằng symbolisme [Tuyên ngôn tượng trưng], “Bây giờ phản đối những cái sai trong lãnh đạo văn nghệ bằng loạn ấu”*. Sáng tác *Nhật Định Thắng*, đưa cho Lê Đạt giữ (Hoàng Cầm, *Con Người Trần Dần*).

21.6.1955: Liên trong một tuần, từ thứ 2 đến thứ 7, chi bộ khai trừ Trần Dần và Nguyễn Anh Chấn [Tử Phác]. Về Nguyễn Anh Chấn, tổ chức quyết định đình chỉ công tác và sinh hoạt đảng để kiểm điểm (Hồi ký Vũ tú Nam).

Từ 3.11 đến giữa tháng 2.56 Trần Dần, Tử Phác phải đi “tham quan cải cách ruộng đất đợt 5” ở Yên Viên (Bắc Ninh), thỉnh thoảng được về Hà Nội hoặc Hoàng Cầm, Lê Đạt lên thăm. Trong thời gian này, Trần Dần ghi lại bi kịch kinh hoàng Cải Cách Ruộng Đất trong nhật ký, với những chi tiết, những con số, những màn đấu tố, những cảnh giết người. Đó là một tài liệu lịch sử và xã hội vô cùng quý giá. Khi biên tập *Trần Dần ghi*, Phạm Thị Hoài cho biết, chị chỉ đưa một phần, còn để lại dành cho cuốn riêng về Cải Cách Ruộng Đất. Nhưng cho tới nay, vẫn chưa thấy tác phẩm này ra đời, cũng như phần lớn các di cảo khác của Trần Dần vẫn còn nằm trong hòm.

Cùng trong thời gian này, Hoàng Cầm Lê Đạt tổ chức *Giai Phẩm Mùa Xuân*, có bàn với Trần Dần đưa bài thơ *Nhất Định Thắng* ra in, Trần Dần đồng ý (Trần Dần ghi).

Cuối tháng 1.56 *Giai Phẩm Mùa Xuân* vừa ra đời, bị tịch thu.

Đầu tháng 2.56 Lê Đạt bị Tố Hữu gọi tên tuyên huấn kiểm thảo 15 ngày. Trần Dần, Tử Phác bị bắt ở Bắc Ninh. Bị đưa giam ở một nơi kín. Sợ bị thủ tiêu, Trần Dần lập kế dùng mince lame cắt cổ cho chảy máu. Được đưa vào bệnh viện.

Ngày 21.2.56, Trần Dần viết một lá thư dài 15 trang, phân trần với Tướng Nguyễn Chí Thanh (Vũ tú Nam, sách đã dẫn). Hội Văn Nghệ tổ chức phê bình *Nhất Định Thắng*.

7.3.56 Bắt đầu chiến dịch đánh Trần Dần trên báo với bài của Hoài Thanh.

Ngày 5.5.56, Trần Dần được thả với điều kiện phải viết “một bản kế hoạch sửa chữa sai lầm sáu tháng cuối năm”. Sau đó được chuyển sang hội văn nghệ (Vũ tú Nam, sách đã dẫn).

Từ tháng 8.56, tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm và bị kỷ luật cùng điều kiện như Lê Đạt.

Tác phẩm:

Về nẻo thanh tuyền (Dạ Đài) 1946.

Phạm Thị Hoài trong bài *Trần Dần: Cuộc đời, tác phẩm, thời đại* (in trong *Trần Dần ghi*) ghi lại những tác phẩm sau đây:

1954: Anh đã thấy, Tiếng trống tương lai (trường ca).

1955: Cách mạng tháng tám, Nhất định thắng (bản Hoàng Văn Chí, in lại trong *Trần Dần thơ*, nhà xuất bản Nhã Nam Đà Nẵng, 2007)

1957: Hãy đi mãi, Đi! Bài thơ Việt Bắc (trường ca), (nhà xuất bản hội nhà văn 1991)

1959: Sắc lệnh 59 (thơ), Con tàu xã hội (thơ), 17 tình ca (thơ).

1959-1960: Cổng tỉnh (thơ), (nhà xuất bản hội nhà văn 1994)

1961: Đêm núp sen (tiểu thuyết)

1963: Jờ Joạc (thơ) (in trong *Trần Dần thơ*, 2007)

1964: Mùa sạch (nhà xuất bản văn học 1997), Những ngã tư và những cột đèn (tiểu thuyết)

1965: Một ngày Cầm Phả (tiểu thuyết)

1967: Con trắng (thơ văn xuôi, in trong *Trần Dần thơ*, 2007)

1968: 177 cảnh (hùng ca lựa)

1974: Động đất tâm thần (nhật ký thơ)

1978: Thơ không lời - Mây không lời (thơ-họa)

1979: Bộ ba: Thiên Thanh - 77- Ngày ngày

1980: Bộ ba: 36 - Thờ dài - Tư Mã dâng sao.

1987: Thơ Mini. (in trong *Trần Dần thơ*, 2007)

Nhưng kê khai trên đây có lẽ chưa phải là tất cả, vì trong cuốn *Trần Dần thơ* (nhà xuất bản Nhã Nam, Đà Nẵng, 2007), do Vũ Văn Kha biên tập, còn có những tập thơ khác. Vũ Văn Kha cho biết “*phần lớn di cảo thơ Trần Dần vẫn tiếp tục số phận nằm*”.

Trần Dần thơ, ngoài những tác phẩm tạm gọi là classique đã in như *Bài thơ Việt Bắc* và *Cổng Tĩnh*, còn có những tác phẩm mới hơn. Những thử nghiệm thơ đọc âm *Mùa sạch*, biến tấu âm *con OEE*, và thơ bè *Con I*, còn nhiều cường điệu và nệ hình thức, hoặc lập dị như *Jờ Joạcx*. Ngược lại, với *Sổ bụi* và *thơ Mini*, Trần Dần thực sự đã thành công, hai tác phẩm này xác định tinh thần cách tân thơ của Trần Dần, khác với Đặng Đình Hưng và Lê Đạt. Vậy lần công bố này, tầm quan trọng và sự độc đáo nằm trong *Sổ bụi*, và *thơ Mini*. *Sổ bụi*, tập hợp lời ghi chép đặc biệt Trần Dần: Đó là những bài thơ văn xuôi cô đọng, mới, đầy biến ảnh, thể hiện cái *mỹ học khổ đau* của ông một cách toàn diện. *Thơ Mini*, là những triết luận thu gọn đến cạn kiệt. Một Trần Dần đi từ thực tại thi nhân để đến với tâm linh hiền triết.

Từ kháng chiến đến Nhân Văn Giai Phẩm

Dạ Đài ra đời ngày 16.11.46 đúng lúc chiến tranh bùng nổ: Ngày 16.11.46, Tự vệ Hải Phòng được lệnh chuẩn bị chống Pháp. 30.11.46, quân Pháp và Tự Vệ xung đột ở Đồ Sơn. 7.12.46, Võ nguyên Giáp ra lệnh sửa soạn tấn công. 8.12.46, Hà Nội đào hầm, đục tường xuyên nhà nọ sang nhà kia. 10.12-46, dân chúng Hà Nội bắt đầu tản cư. 20.12.46, lệnh kháng chiến từ Hà Nội, ban hành ở Nam Bộ.

Đạo diễn Trần Vũ kể lại: Ban đầu, Trần Dần làm công tác tuyên truyền cùng Vũ Khiêu và Vũ Hoàng Địch. 1948, khi thành lập khu 14 ở Tây Bắc, Trần Dần cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch lên Tây Bắc. Một thời gian sau, khu 14 bị giải thể. Trần Dần tham gia quân đội, nhận công tác địch vận của trung đoàn Sơn La từ 1948 đến 1950. (RFI, chương trình tưởng niệm Trần Dần, tháng 1.1997)

Hồ Phương kể lại: “*Ở nhóm văn nghệ Tây Bắc có Trần Thứ (nay là Trần Vũ), Trần Dần và Hoài Niệm...Tờ Sông Đà của nhóm này cũng là một tờ báo được trình bày khá đẹp, nghiêng về sáng tác thơ văn. Hồi ấy Trần Dần hay làm thơ leo thang, bài thơ thường được trình bày khá kiểu cách. Dòng thì in chữ nhỏ, dòng lại in chữ to, thiên về hạng theo mốt.*” (*Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập II, nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, 1987, trang 140).

Theo Vũ tú Nam: Trong nhóm văn nghệ Sông Đà, Trần Dần “*làm thơ bí hiểm, vẽ theo lối lập thể, bị quân chúng bộ đội phản đối*”. Năm 1951, sau khi dự “*một lớp chỉnh huấn có kết quả*”, Trần Dần được điều về phụ trách đoàn văn công quân đội. (Vũ tú Nam, *Sự thật về con người Trần Dần*).

Theo Hoàng Cầm, “*tới trại hè năm 1951, các đoàn văn công nỗ lực tập luyện để phục vụ một chiến dịch lớn. Trần Dần phụ trách huấn luyện cho mấy trăm anh chị em: Sáng tác đạo diễn và diễn viên.*” (Con người Trần Dần)

Vũ tú Nam cho rằng vì “*có ít nhiều thành tích*” trong việc luyện tập văn công, Trần Dần “*đâm ra chủ quan độc đoán, đã kích cán bộ sáng tác*”, “*bị thi hành kỷ luật rồi điều về cục tuyên huấn công tác, bất mãn ngấm ngấm*” (Vũ tú Nam, *Sự thật về con người Trần Dần*).

Nếu Vũ tú Nam viết đúng sự thực, thì việc Trần Dần về cục tuyên huấn, không phải là một thăng tiến mà là một hình phạt.

Đầu năm 1954, Trần Dần tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ cùng với Đỗ Nhuận. Họa Sĩ Tô Ngọc Vân chết trong chiến dịch này. Tiểu thuyết *Người người lớp lớp* được sáng tác ở Điện Biên Phủ, hoàn thành cuối tháng 9.54.

Đầu tháng 10.54, Trần Dần được cử đi Trung Quốc 2 tháng để viết bản thuyết minh cho phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ*, cùng đi trong đoàn có Đỗ Nhuận. Ngày

10.10.54 khởi hành, 14.10 đến Nam Ninh, 20.10 đến Bắc Kinh, ông hoàn thành bài thơ *Tiếng trống tương lai* tại Bắc Kinh, và trở lại Hà Nội ngày 10.12.54.

Hoàng Cầm viết: “Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trần Dần thức thâu đêm suốt sáng để viết bản thảo lần thứ ba cuốn truyện về những người đã tạo ra chiến thắng lịch sử lớn lao đó. “Nhưng cái hướng chính của tôi không phải là tiểu thuyết. Hướng đi của tôi là thơ. Tôi sẽ tìm tòi trong thơ và cố gắng tạo ra một lối diễn tả riêng biệt, không phải lập dị, nhưng độc đáo. Trần Dần đã nói với tôi như vậy sau khi anh viết xong “Người người lớp lớp”. Hồi đó, anh có đưa tôi xem tập thơ làm đã lâu: “Tiếng trống tương lai”” (Hoàng Cầm, báo đã dẫn).

Trong nhật ký, Trần Dần chỉ ghi sơ lược về chuyến đi Trung Quốc, nhưng có lẽ ông đã thuật lại cho Hoàng Cầm. Hoàng Cầm ghi:

“Viết xong *Người người lớp lớp*, Trần Dần được phân công viết thuyết minh cho cuốn phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ* và anh được cử sang Trung Quốc làm nhiệm vụ đó. Nhưng đi kèm bên cạnh anh là một cán bộ chính trị có quyền tối hậu quyết định. Anh cán bộ này, đáng lẽ phạm vi công tác là góp ý kiến vào nội dung bản thuyết minh và bảo đảm cho nó không phạm những sai lầm về đường lối chính sách của đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thì đã lợi dụng uy quyền của mình đi quá xa vào phạm vi văn học, bắt Trần Dần phải viết như ý mình, từng câu từng chữ, lạm dụng danh từ chính trị khô khan rỗng tuếch để nhét cho kỳ được vào bản thuyết minh.

Đầu tiên, Trần Dần rất phục tùng người cán bộ chính trị khi dự thảo thuyết minh, và hoàn toàn theo sát những vấn đề chính trị sẽ đặt ra khi thuyết minh. Đến khi thấy anh cán bộ “lên gân” và thọc bàn tay cứng lạnh vào phạm vi viết văn thì Trần Dần bắt đầu có phản ứng. Nhưng anh vẫn bình tĩnh, đề nghị cấp trên xét lại vấn đề. Đến khi “anh cán bộ vẫn là tối hậu quyết định cả từng câu chữ” thì Trần Dần thôi không làm công việc đó nữa, nhường cả phần “văn chương” cho đồng chí cán bộ.

Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần. Anh vẫn cố dẹp đi, nhiều lúc anh thần thờ ít cười ít nói nhưng vốn là con người chân thực, cái chân thực nhiều khi đến thô lỗ, lắm khi anh đã cục cằn, thốt ra những lời gay gắt thiếu lịch sự. (...)

Đó là động lực thúc đẩy Trần Dần, rồi đến Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, và rất đông anh em công tác văn nghệ trong bộ đội dự thảo ra bản “*Đề Nghị Chính Sách Văn Nghệ*” trình bày với cấp trên hồi đầu năm 1955, tại Hà Nội.” (Hoàng Cầm)

Qua lời Hoàng Cầm, chúng ta hiểu rõ tại sao, từ khi đi Trung Hoa về, thái độ phản kháng của Trần Dần mãnh liệt hơn. Sự chống đối này không do ảnh hưởng Hồ Phong, như trong các bản cáo trạng buộc tội Trần Dần, khiến Boudarel và nhiều người khác tin theo, mà trực tiếp đến từ cung cách giáo điều của cán bộ chính trị. Đó là một trong những lý do, khiến khi về nước, Trần Dần bắt tay ngay vào việc tổ chức đấu tranh trong quân đội, soạn thảo bản *Đề Nghị* (cải tổ) *Chính Sách Văn nghệ* một cách quy mô và quyết liệt.

Tranh đấu trong quân đội, đầu năm 1955

Từ Bắc Kinh trở về Hà Nội, Trần Dần ghi trong nhật ký ngày 20.12.54:

“Về Hà Nội được đúng 10 ngày (...)

Cơ quan văn nghệ chưa có gì thay đổi. Vẫn những tư tưởng: “coi rẻ lao động nghệ thuật”, “đơn giản coi văn nghệ bộ đội là bộ đội”, không tin văn nghệ”. Vẫn những chính sách gò bó, mệnh lệnh và máy móc “quân sự hóa văn nghệ”. Đòi tôi chìm chết trong chính sách này, cũng như những anh em khác. Khó lắm. Nhưng tôi nghe nhiều tiếng cất lên. Phản đối. Bàn cãi. Mỉa mai. Và cả chửi bới. Cái đó có nghĩa là tiếng trống báo tử của những tư tưởng và chính sách áp chế văn nghệ bộ đội.

Những ngày gần đây sao mà tôi buồn. Buốt óc lắm. Và bức tức.

Cơ quan và chính sách. Hội văn nghệ đánh mất bản thảo Người người lớp lớp (phần 4 và 5).

Món nợ chính phủ, những kỷ niệm ngày bé, chua chát và mãnh liệt, những ước ức của 9 năm chiến tranh. Thơ tôi người ta không chê nhưng cũng không sốt sắng in. Những dự định khó thực hiện vì chính sách gò bó: Tích lũy cuộc sống mới thì phải được tự do, v.v... Tôi bị bao vây. Chặt quá. Ép quá (...)

Tôi muốn những gì ?

- Một chính sách văn nghệ mở rộng ra, cho nó đúng đắn.

- Một cuộc sống sáng tạo. Cái cũ thì trút ra. (...)

24.12: Đêm Noel (...) Bước quanh Bờ Hồ. Trời tối tối. Còn vắng tiếng hát micro nhà thờ buông trầm trầm. Hai thằng đi. Tôi và Lê Đạt. Buồn quá. Đây là những lúc người tôi hăng lắm. Rõng lắm. Tôi còn đầy dư vị những câu chuyện trao đổi đêm nay về chính sách văn nghệ. Dư vị chua, đắng, nhạt thếch.” (Trần Dần ghi, trang 63 và 65).

Như vậy, những cuộc thảo luận đổi mới chính sách văn nghệ quân đội đã xảy ra từ Noel 1955, trong không khí chán nản, “dư vị chua, đắng, nhạt thếch” như lời Trần Dần. Không khí này được Từ Bích Hoàng mô tả trong bài buộc tội Trần Dần, như sau:

“Từ Trung Quốc về, Trần Dần còn mang theo một bài thơ dài “Tiếng trống tương lai” trong đó Trần Dần gọi cán bộ chính trị là “người bệnh”, “người rời”, “người ự”. Đó chỉ có thể là cách nhìn của bọn thù địch đối với cán bộ của đảng. Đủ biết sự hằn học của Dần lúc bấy giờ đã nặng đến thế nào! Không ngạc nhiên khi thấy Dần mới bước về phòng văn nghệ quân đội đã đá kích luôn lãnh đạo, rồi nhân một số thắc mắc của anh em về công tác, Dần lợi dụng phát động từng người và biến thành một cuộc đấu tranh đối lập với lãnh đạo, lấy “áp lực quần chúng” hòng buộc lãnh đạo phải chấp nhận những yêu sách thoát ly chính trị, thoát ly quân đội như ta đã biết. Chính Trần Dần đã thú nhận tính chất hoạt động này của họ.

Cục tuyên huấn bảo anh em nghiên cứu lại bản đề nghị, Dần không chịu, bỏ mặc và phá phách ngay một dữ hơn. Dần lôi kéo được một số phá phách theo mình. Trần Công quá khích ăn nói lung tung: “Sống trong vòng K.50 (ý nói trong doanh trại, bên ngoài có bộ đội gác) nghệt thờ quá!” Những luận điệu vô kỷ luật này rất phù hợp với chủ trương “phải phá mà ra” của Trần Dần và mở đường cho bọn Dần càng đi sâu vào cạm bẫy của tư sản” (Từ Bích Hoàng, Vạch thêm những hoạt động đen tối của một số cầm đầu trong nhóm phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm, Văn nghệ quân đội, số 5, tháng 5.1958 báo đã dẫn)

Trần Dần, Người-phá, Anarchiste

Ngày 10.3.55 Trần Dần ghi trong nhật ký:

“Chính sách tính lại thử xem có những gì ? Vài cái bàn. Vài cái đèn điện lạnh và vàng. Thêm một bàn hành chính. Tờ báo ra nhưng khổ và tên SHVN [tức là tờ Sinh Hoạt Văn Nghệ, do Tử Phác làm thư ký tòa soạn] cũ. Người ta sợ đổi khổ là tính chiến đấu của nó [cũng đổi đi]. Có vậy thôi. Tôi không nói ngoa. Người ta quan niệm chính sách là như vậy. Đấy. Cái thông minh của người lãnh đạo năm 1955 tới cái mức ấy. Vậy là quá đáng lắm rồi. Còn đòi hỏi cái gì ? Văn nghệ được thế là “chiếu cố”, là “châm chước” tội độ rồi. Đáng lẽ chúng mày không có bàn, có điện, có báo nữa. Đáng lẽ chúng mày không được thức khuya hơn 9 giờ. Không được ra ngoài trại. Đàng này còn cho đi lại một chút. Vậy là rộng rãi lắm rồi còn gì!

Nhưng tôi nghĩ, những ông Cương [Võ hồng Cương, cục phó cục tuyên huấn] ông Thanh [Nguyễn chí Thanh, chủ nhiệm tổng cục chính trị] gì đó không đáng trách (...) Đáng trách là cả một cái HỆ THỐNG! Nó nặng như núi...Nó ở trên có, ở dưới có.

Ở ngang có. Đằng trước, đằng sau đều có nó. Hệ thống gì ? Đó là hồ lớn: Sự hãi cú đầu, làm thân con sên, con tầm gửi, hò hét mệnh lệnh, làm ông sấm, ông sét. Đẳng ở đâu ? (...)

Tôi nghĩ và tôi làm: Đẳng ở tôi. Tôi phá HỆ THỐNG. Làm sao tới hội nghị văn thơ tôi phải làm được một số việc: Vượt khỏi các ước lệ, điều lệ, thành kiến mà làm bằng được. (...)

Độ này có hai chiến trường khá sôi sục:

1) Vượt Côn Đảo

2) Thơ Tố Hữu

Tôi thích những cuộc tranh luận này. Không phải vì bản thân những quyển sách và những tác giả ấy. Mà vì ý nghĩa nó rộng ra nhiều mặt khác. Phát huy phê bình tự do (...)

Tại sao bọn giả mạo được tin hơn người thực thà ? Tại sao loài bò sát lại được dùng nhiều. Tại sao chúng nó có mặt ở thời đại này ? Ở trong đảng ? Ở cách mạng ? Lạ lùng nhất là tại sao không vạch mặt chúng ra ?

Văn thơ tôi sẽ balayer bọn ấy. Quét! Quét! (...)

Tất cả những cái gì, nguyên tắc gì trở ngại cho nguyên tắc lớn của tôi là tôi xóa hết! Mặc! Tôi chỉ còn một nguyên tắc mà thôi! Sống và viết để đánh bọn giả mạo, bọn ỳ ạch, bọn mốc xì, bọn người-bệnh, bọn người-dòi, bọn người-ụ. Anarchiste ?

Nếu vậy gọi là anarchiste thì tôi rất muốn là anarchiste (...) Tôi không có khả năng công chức, khả năng người-ụ. Khả năng tôi là khả năng người-phá.” (Trần Dần ghi, sách đã dẫn, trang 73-75)

Chủ đích của Trần Dần rất rõ: Làm *Người-phá*, phá toàn bộ HỆ THỐNG trói buộc văn nghệ sĩ. **Trần Dần xác định mình là Anarchiste** và ông đã dịch chữ *Anarchiste* rất tài tình là **Người-phá** (chữ này thường được dịch là *vô chính phủ*, chỉ đúng trong nghĩa chính trị (nghĩa gốc), nhưng nói rộng ra, *anarchiste* còn có nghĩa là *quậy, phá, loạn*, không chịu bất cứ một thứ kỷ luật sắt nào). Văn nghệ sĩ thường hay có thái độ anarchiste.

Trần Dần thực hiện tinh thần **Người-phá**, phá cái HỆ THỐNG, cái *cơ chế toàn trị* áp đặt lên Văn nghệ sĩ, qua ba “chiến trường”:

- Đề nghị cải tổ chính sách văn nghệ quân đội.
- Phê bình tập truyện *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán.
- Phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Ba “mặt trận” này diễn ra song song, từ tháng 2 đến tháng 5.55 trong quân đội, do Trần Dần và Tử Phác cầm đầu. Nên nhắc lại là các văn nghệ sĩ lúc ấy phần lớn theo kháng chiến và ở trong quân đội. Những người đặc lực trong nhóm gồm Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm, thêm “mưu sĩ số 1” Đặng Đình Hưng, [Tử Phác (Nguyễn Văn Chấn) là “mưu sĩ số 2”] và Lê Đạt. “Nhóm” này quy tụ được gần 30 văn nghệ sĩ (theo Hoàng Cầm). Vũ tú Nam và Tử Bích Hoàng cũng “cùng chí hướng” (theo hồi ký Vũ tú Nam), sau đổi hướng. Đỗ Nhuận là người trong nhóm “chủ trương”, sau quay lại viết bài đánh Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tử Bích Hoàng viết: “Lúc đó, Tử Phác đang làm thư ký tòa soạn tờ *Sinh Hoạt Văn Nghệ*, Tử Phác đã lợi dụng tờ báo của quân đội để Dần nổ ra hai cuộc phê bình *Vượt Côn Đảo* và tập thơ *Việt Bắc*, với một dụng ý rất xấu. Trần Dần “bóc” thơ Hoàng Cầm lên để đẩy Cầm cùng mình và Lê Đạt đã tập thơ *Việt Bắc*, thông qua tập thơ đó đã vào đồng chí Tố Hữu lãnh đạo văn nghệ, “hạ thần tượng” như bọn Dần đã nói. (...)

Suốt thời gian này, Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm và cả Lê Đạt, luôn luôn bỏ việc đến tụ họp rượu chè trai gái ở nhà tư sản, đầu độc cho nhau những luận điệu phản động và bàn cách tấn công lãnh đạo trong quân

đội. Hoàng Cầm càng đòi truy trong lối sống đầy thèm khát thú tính của tư sản, lối sống rất quen thuộc với Cầm thời trước cách mạng, thì những tư tưởng quan điểm thù địch càng thấm sâu vào người, và Cầm biến chất rất nhanh. Bọn họ bàn nhau “tập trung giải ngũ” để bắt bí lãnh đạo. Thấy không xong, lại bàn “phân tán giải ngũ”. Bọn họ đã thực hiện chủ trương này. Trần Dần đi tiên phong làm một lúc hai lá đơn xin ra đảng, quân đội, có tính chất tấn công vào đảng, quân đội như ta đã biết.

Chính những hoạt động chống đối của Trần Dần, Tử Phác và sự hùa theo càng ngày càng có ý thức của số người kể trên đã gây tình trạng rối loạn hoàn toàn, một thời gian, trong phòng văn nghệ quân đội, cầm đầu hồi này là Trần Dần và Tử Phác”. (Từ bích Hoàng, bài đã dẫn)

Bản đề nghị cải tổ chính sách văn nghệ quân đội

Tháng 2.55: Trần Dần viết bản *Đề Nghị Chính Sách Văn Nghệ*. Với sự góp ý của Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh.

Bản Đề nghị, dài 12 trang đánh máy, được đưa ra thảo luận, điều đình, thêm bớt, trong các cuộc họp của phòng văn nghệ quân đội từ tháng 2 đến tháng 4.55.

Vũ tú Nam, cháu Tướng Nguyễn chí Thanh, được ông Thanh giao toàn bộ hồ sơ Trần Dần (bản Đề nghị, thư xin ra đảng, thư xin giải ngũ, thư cầu cứu sau khi bị bắt lần thứ hai, bị giam kín, phải lập mưu cửa cô để thoát, v.v...) để có đủ tài liệu viết:

- *Những ngày thử thách*, trích hồi ký của Vũ tú Nam, chép lại ngày 25.10.2006 (in trên tạp chí Nhà văn số 3.2007), đăng lại trên Talawas. Nếu bài này viết đúng sự thật, thì Vũ tú Nam và Từ bích Hoàng đã “cùng nhóm” với Trần Dần khi tranh đấu. Nếu bài này được sửa lại sau này, cũng như nhiều “nhật ký” hoặc “hồi ký” xuất hiện những năm gần đây, chúng ta nên thận trọng khi sử dụng.

- *Sự thực về con người Trần Dần*, in trên văn nghệ quân đội số 4, tháng 4.1958, là tài liệu gốc, tuy viết với mục đích “đánh” Trần Dần, nhưng có nhiều thông tin hữu ích, về tiểu sử Trần Dần, về nội dung bản đề nghị cải tổ do Trần Dần viết tháng 2.1955. Sự trích dẫn của Vũ tú Nam có thể do thiện ý muốn để lại dấu vết bản đề nghị này cho mai sau.

Vũ tú Nam viết:

“Cuối năm 1954 sang đầu năm 1955, các đồng chí trong phòng văn nghệ quân đội đều thắc mắc muốn cải tiến tổ chức, chính sách cho hợp với tình hình mới, muốn đề đạt lên cấp trên nghiên cứu, giải quyết. Trong một cuộc họp với đồng chí Nguyễn chí Thanh, Trần Dần hùng hổ yêu sách mấy điểm, tự ý thêm thắt, không thật trung thành với những điều đã bàn với một số anh em trong phòng:

1- Trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ.

2- Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc hội văn nghệ, không qua cục tuyên huấn và tổng cục chính trị.

3- Bỏ mọi “chế độ quân sự hiện hành” trong văn nghệ quân đội...

Nghe xong, đồng chí Nguyễn chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi đảng, phi giai cấp, phi chính trị. Hồi đó, anh em chưa vỡ lẽ ra, còn ầm ức, cho là cấp trên không thông cảm. Trần Dần và một vài người khác thì lòng lộn, chửi bới, reo rắc hoài nghi, chán nản, muốn giải ngũ. Tháng 2.1955, trong phòng văn nghệ quân đội có tình trạng lỏng lẻo, rã rời, buông thả đến cao độ. Có đồng chí [Từ bích Hoàng] phải thốt ra lời than thở “Anarchie totale!” (vô chính phủ hoàn toàn) [nên dịch là Loạn!]

Trần Dần vẫn được tin nhiệm giao cho công tác phụ trách Ban Văn, chuẩn bị triệu tập hội nghị ngành văn toàn quân vào tháng 4.1955. Bản báo cáo do chính Trần Dần viết (tháng 2.1955). Vì tư tưởng cán bộ trong phòng văn nghệ lúc đó lệch lạc nhiều, vì nội dung bản báo cáo có nhiều điều nguy hiểm, cục tuyên huấn quyết định

đình việc chuẩn bị cuộc họp ngành văn lại, Trần Dần càng bất mãn, càng u uất hơn”. (Vũ tú Nam, Sự thật về con người Trần Dần).

Về nội dung bản đề nghị, xin chép lại những đoạn đã được Vũ tú Nam trích, những chỗ in đậm là do chúng tôi nhấn mạnh:

Về trách nhiệm của người cầm bút, Trần Dần viết:

“Biểu hiện cao nhất của trách nhiệm người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thực. Đó là tiêu chuẩn cao nhất đánh giá tác giả và tác phẩm... Tôn trọng, trung thành với sự thực vừa là trách nhiệm, vừa là lập trường, vừa là phương pháp làm việc của người viết”.

Thế nào là sự thực đối với một nhà văn ? Trần Dần viết:

“...Thế nào là trung thành với sự thực ? Đầu tiên, sự thực là gì ?

“Có sự thực của vũ trụ, của lịch sử, của thế giới, của cách mạng. Lại có sự thực trong nước, từng địa phương, từng ngành, từng giới, từng nghề, từng gia đình và từng người một nữa. Trong mỗi người cũng lại có triệu vấn đề, mỗi vấn đề là một sự thực.

“Có sự thực hôm qua. Sự thực hôm nay và ngày mai.

“Có sự thực toàn quân. Sự thực xung kích. Cửa pháo binh. Cửa cơ quan.

“Tức là: những vấn đề, hiện tượng của xã hội, của con người là sự thực.”

Nhà văn phải phục tùng sự thực hay phục tùng chính sách, chỉ thị, phục tùng tuyên huấn ? Trần Dần trả lời:

“...Sự thực lớn gấp triệu triệu lần bất cứ chỉ thị, lý luận nào...Nếu như sự thực ngược lại chính sách chỉ thị, thì phải viết sự thực chứ không phải là bóp gò sự thực vào chính sách. Không bao giờ được biến chính sách, chỉ thị thành định kiến “định ninh”... (...)

“...Người viết chỉ viết do thôi thúc của thực tế. Những chân lý lớn, nhỏ, anh ta tự giác thấy ở cuộc sống, ở quân đội. Không phải viết để vừa lòng tuyên huấn, vừa lòng cấp trên. Để có cái danh phục vụ kịp thời. Một triệu lần, không có mùi mè giác ngộ, phục vụ gì cả! Cái áo không thể che được mùi thối trong ruột. Cách mạng không cần những người vỗ tay hoan hô nhắm mắt. Những anh hát ca chính sách. Thậm chí những anh “thày cúng chính sách”, leng keng bóp méo, nghèo nàn... (...)

“...Liệu cứ viết như một anh thầy cúng ê a cảm thù yêu nước xông lên, có phải là trách nhiệm không ?...”

Trần Dần mô tả bộ mặt thực của văn học kháng chiến như sau:

“...Có thể nói văn chương hiện nay nhiều cái giả tạo (giả trá nữa). Gọi đúng tên nó là chủ nghĩa công thức, giản đơn, sơ lược. Tức là người viết đặt ra một cái khuôn nhất định, rồi gò ép mọi sự thực vào đó.

“Tả anh hùng chá hạn thì là: Cắm hờn, vào bộ đội rồi anh dũng lập công. Đối trên thì phục tùng kỷ luật (chưa nói trong tổ chức tính đó có nhiều rơi rớt phong kiến). Lệnh gì là làm ngay không thắc mắc, hoặc có thắc mắc thì phê bình sau (rồi cũng chả thấy phê bình gì cả!) Đối bạn thì giúp đỡ, thân ái phê bình, ai ai cũng mến (có người nào như vậy không ?) Đối với đảng thì mở mồm là biết ơn. Đối với dân thì yêu mến giúp đỡ.

Đó là cái khuôn cho anh hùng. Cái kiểu anh hùng không khuyết điểm (hoặc tí khuyết điểm lật vặt không quan trọng) ấy thực chất là kiểu iêng hùng gì ? Có mùi mè gì của người anh hùng quân chúng không ? Có mùi mè gì của nhân văn chúng ta không ? Và có thực như vậy không ?

“...Vậy mà qua cái khuôn trên kia dập ra thì thành ngòi bút, chậu thau giống nhau cả. Thật là lối sản xuất kỹ nghệ định đem vào sản xuất con người và sản xuất nghệ thuật!

“...Tại sao không viết về cơ quan chẳng hạn ? Tại sao sợ viết về tình yêu chẳng hạn ? Mà viết tình yêu thì y như đưa ra ái tình hy sinh vì tổ quốc!...Tại sao cứ xuất thân công nông mới đáng viết ?...”

“...Phải nói lại rằng người viết tự do chọn vấn đề, chọn đề tài, chọn sự thực nào mình muốn. Chủ nghĩa hiện thực không cấm đoán, mà còn khuyến khích tự do...”

“...Tùy sức mình, biết chắc cái gì hãy nói cái ấy. Phản đối lối nói bừa, kịp thời ầu... Không phải để có tiếng phục vụ kịp thời. Không phải vì bị ép kịp thời mà viết...”

“...Ngày nay, trong văn chương, kẻ thù ghê tởm là chủ nghĩa công thức, giản đơn sơ lược. Phải nói trắng ra là nó ở cả người viết, ở cả xã hội...Cho nên chống công thức giản đơn sơ lược không phải là chỉ làm ở người viết mà được đâu. Nó phải là một mặt trận lan ra cả xã hội...”

“...Thực thà chỉ có một con đường:

Đấu tranh tàn khốc với chủ nghĩa công thức giản đơn sơ lược trong bản thân và chung quanh” (Trích theo Sự thật về con người Trần Dần của Vũ tú Nam). Và Vũ tú Nam cho biết:

“Bản báo cáo Trần Dần viết, không được cục tuyên huấn thông qua, và cuộc họp ngành văn thơ toàn quân phải đình lại. Trần Dần càng bất mãn, gây gổ, thường thường bỏ doanh trại bộ đội ra ngoài phố ở, giao du rộng rãi, tự do”. (Sự thật về con người Trần Dần).

Theo Hoàng Cầm, tình hình phức tạp hơn, ban đầu đã có nhiều ý kiến thuận. Hoàng Cầm viết: “Bản dự thảo sắp được thông qua. Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị”.(Hoàng Cầm, Con người Trần Dần). “Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội” mà Hoàng Cầm nhắc đến ở đây, có thể là ba vị Tướng lãnh cao cấp trong tổng cục chính trị lúc bấy giờ: Lê Liêm, Lê quang Đạo và Trần Độ.

Về buổi họp chính, mang tính quyết định, Hoàng Cầm kể lại không khí như sau:

“Đến ngày họp bàn về dự thảo chính sách, Trần Dần được anh em cử ra trình bày. Nguyên vọng của bao nhiêu văn nghệ sĩ trong quân đội. Làm thế nào để sáng tác hay, phục vụ được sâu sắc. Anh nói say mê, nhiệt tình. Trong cách nói nhiều khi bốc. Mặt anh khi đỏ gay, khi tái lại:

“Giả văn nghệ cho anh em văn nghệ sĩ! Phân rõ ranh giới giữa cán bộ chính trị và văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ phải có sự lãnh đạo của đảng, nhưng không thể biến thành cái máy v.v...”

Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của đảng, bỗng có một câu quật lại:

“Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!”

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cựa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang”

(Hoàng Cầm, Con người Trần Dần).

Người nói câu đó là Tướng Nguyễn chí Thanh, chủ nhiệm tổng cục chính trị.

Vũ tú Nam xác định: “Nghe xong, đồng chí Nguyễn chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi đảng, phi giai cấp, phi chính trị” (Sự thật về con người Trần Dần).

Huyền Kiêu viết: “*Khi thấy Trần Dần đưa ra cái “đề án chính sách văn nghệ” sắc mùi tư sản của Dần, đòi “trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ (...) đồng chí Nguyễn chí Thanh nhìn rõ cái thực chất tư sản của bản dự án ấy nên nghiêm khắc giải thích và ân cần dặn dò anh em phải đề phòng. Hoàng Cầm tả lại như thế nào?: “Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của đảng, bỗng có một câu quật lại”. Rồi Hoàng Cầm tiếp với giọng láo xược: “Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi”. Nói tới đồng chí trung ương như vậy, Hoàng Cầm có từ [nề mặt] trung ương đâu?” (Huyền Kiêu, “Con người Trần Dần”, Một thủ đoạn chính trị bất lương của nhóm Nhân Văn, Văn Nghệ số 11, tháng 4.1958). Lối viết của Huyền Kiêu, thể hiện tính cách khiếm nhược của số đông văn nghệ sĩ trước lãnh đạo.*

Trần Dần phê bình *Vượt Côn Đảo*

Theo Vũ tú Nam, có ba buổi phê bình *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán:

“7.3.1955: Chiều thứ bảy, mình và Dần,...xin phép không họp chi bộ để đi thảo luận về *Vượt Côn Đảo*. Ông Tú Mỡ hoàn toàn khen. Mình nói lại rằng *Vượt Côn Đảo* có những nhược điểm. Anh em bộ đội nói nhiều nhất. Ra về, mình đồn anh Lưu Trọng Lư rằng lãnh đạo cần phải thay đổi, quan liêu và trì trệ quá”.

“14.3.1955: Tranh luận về *Vượt Côn Đảo* lần ba ở Trường Nguyễn Trãi, vì câu lạc bộ đoàn kết mắc bận. Họp tới 11 giờ, vẫn gặng hai ý kiến. Trần Dần phê phán: “Nhân vật trong *Vượt Côn Đảo* là người cụt đầu, không óc không tim” (?!). Ông Hoài Thanh phát biểu trân trọng về cuốn sách. Lê Đạt rất bốc.” (Hồi ký Vũ tú Nam).

Theo những lời trên đây, Vũ tú Nam cùng lập trường với Trần Dần, khác hẳn với luận điệu trong bài *Sự thực về con người Trần Dần* viết tháng 3.1958.

Chủ trương phê bình tự do, chống lại phê bình ca tụng một chiều, Trần Dần đưa hai cuốn sách tiêu biểu của nền văn học cách mạng lúc bấy giờ, ra để phê bình, về văn xuôi: *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán và về thơ: *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Phùng Quán vừa nổi tiếng với tác phẩm đầu tay, bán rất chạy, trong vòng một năm tái bản bốn lần: Tiểu thuyết *Vượt Côn Đảo* (nhà xuất bản quân đội nhân dân, Hà Nội 1954) ca tụng sự can trường của các chiến sĩ cộng sản tổ chức vượt ngục Côn Đảo, theo đúng lối văn tuyên truyền của cách mạng.

Trần Dần chủ trương viết, bất cứ chủ đề gì, cũng phải viết thực. Về cuốn *Người người lớp lớp*, ông ghi trong nhật ký:

“*Tôi vừa viết xong cuốn Người người lớp lớp. Viết về chiến tranh ở Điện Biên Phủ đấy. Nhưng mà tôi chán rồi. Tại vì rằng tôi ít thấy sự thực của chiến tranh trong đó quá. Và vì rằng tôi ít thấy sự thực của bản thân tôi trong đó quá. Chưa phải là chiến tranh, chưa phải là tôi. Cho nên tôi viết tới hơn 300 trang mà không thích bằng một bài thơ tôi cũng mới làm về chiến tranh: “Anh đã thấy” (mes douleurs) trên dưới có 6 trang!*” (Trần Dần ghi, trang 47)

Trần Dần là người đầu tiên đòi hỏi nhà văn khi viết về chiến tranh, phải viết sự thực, không tô hồng, không nói dối, không nặn ra những anh hùng giả, toàn tim mà không có óc. Trước Nguyễn minh Châu 30 năm, Trần Dần đã đòi hỏi nhà văn phải viết sự thực về chiến tranh, một cách quyết liệt và toàn diện.

Người người lớp lớp, viết xong cuối tháng 9, đầu tháng 10 Trần Dần đi Trung Quốc. Khi ông trở về sách đã in, nhưng *hội văn nghệ đánh mất bản thảo Người người lớp lớp (phần 4 và 5)* (Trần Dần ghi). Như vậy cuốn sách đã in không có phần 4 và phần 5. Có nghĩa là 2 phần này viết “không đúng đường lối” chẳng ?

Ngoài ra, chính Trần Dần, cũng không bằng lòng với cách viết của mình, và như vậy, chúng ta càng hiểu rõ vì sao ông phê bình khe khắt lối viết ca tụng anh hùng của Phùng Quán trong *Vượt Côn Đảo*, bởi qua tác phẩm của Phùng Quán, ông

muốn phê phán cả một tầng lớp nhà văn chính thống, từ Nguyễn đình Thi trong *Xung kích, Võ bờ...* đến Hoài Thanh, Xuân Diệu... đã nhắm mắt ca tụng *Việt Bắc*. Lý do thứ hai, vì Trần Dần, Phùng Quán cùng chung một nhóm, cho nên việc Trần Dần, Lê Đạt, phê bình sách của Phùng Quán, một nhà văn đàn em, cùng với sách của Tố Hữu, chứng tỏ tính “không bè phái”, không chỉ chê người đối lập, mà còn chê cả người trong nhóm, nếu có tác phẩm dở.

Trần Dần phê bình *Vượt Côn Đảo* như thế nào ? Nguyễn Ngọc viết:

*“Bấy giờ Phùng Quán còn choáng mắt lên vì sự thành công của mình. Quán đang tin ở tài năng của mình và chưa kịp bình tĩnh suy nghĩ gì về những nhược điểm, khuyết điểm còn lại. Thì giữa lúc đó Trần Dần viết bài “Bạn đã đọc kỹ *Vượt Côn Đảo* chưa ?” đăng trên tạp chí *Sinh Hoạt Văn Nghệ* (của quân đội) ra ngày 1.4.1955 [theo Vũ tú Nam bài này đăng trên SHVN số 36 tháng 3.1955]. Dưới danh nghĩa “vì trách nhiệm đối với quân đội...quan tâm tới số mệnh của văn chương và càng quan tâm gấp bội tới việc xây dựng tâm hồn người lính”, với một giọng khinh quân chúng ra mặt, một giọng kẻ cả, Trần Dần lật ngược tất cả những nhận định trước nay về *Vượt Côn Đảo*, thẳng tay đập toi bời cuốn sách đầu tay đó của Phùng Quán. Trần Dần nhận định:*

Về cốt chuyện “tinh thần chung của nó là hồng. Mới xét qua cốt chuyện đã thấy nó là một quyển sách ca tụng chủ nghĩa anh hùng cá nhân, ca tụng kiểu quân sự bạo động, tình cảm sốc nổi và phiêu lưu”.

Về nhân vật trong chuyện: “về nhân vật quân chúng thì tôi không hiểu tác giả mắc bệnh gì mà mỗi khi tả quân chúng thì tả họ ngây ngô...cái nhân vật quân chúng đã bị bôi nhọ quá nhiều”.

Về những nhân vật khác, Trần Dần cho là: “tác giả đưa lên những người toàn tim cả mà không có óc. Hay chỉ có một chút xiu”. Nói về cái chết của những người anh hùng trong tác phẩm của Phùng Quán, Trần Dần viết một cách vô lương tâm: “tôi đã không khóc mà lại còn muốn nói rất nhiều về những cái chết mù quáng như vậy. Không phải cứ mang cái chết ra mà cảm động được chúng ta đâu!... Tôi không rõ một giọt nước mắt nào cho những con người chết như thế. Đó là cái chết của những con người khờ dại...đảng viên ấy không phải là đảng viên, chiến sĩ ấy không phải là chiến sĩ...” (...)

*Suốt cả bài ấy Trần Dần dùng một lối văn đã kích bằng cách chơi chữ, lập lờ, một thứ “thủ đoạn văn chương” mà sau này ta đã tìm thấy lại trên báo Nhân Văn, trong các tập *Giai Phẩm* và *Đất Mới* của nhà xuất bản Minh Đức. Ví dụ chê một chỗ tác giả đưa lên một khó khăn quá ngây thơ, Trần Dần viết: “lần này là khó khăn con chó”.*

*Một tháng sau Lê Đạt cũng viết một bài phê bình *Vượt Côn Đảo* (*Sinh hoạt văn nghệ*, số 39 ra ngày 19.5.1955) ý kiến không có gì khác Trần Dần lắm. (...)*

*Sau khi đã đập Phùng Quán toi bời bằng một bài phê bình trên báo, sau khi đã làm cho Phùng Quán hoang mang suy nghĩ về tài năng, về trình độ mọi mặt của mình, Trần Dần lại nói riêng với Phùng Quán: “Tao đập là đập bọn chúng nó ngu dốt không biết gì chứ có phải đập mày đâu”. Ý muốn nói với Phùng Quán rằng: Mày vẫn là thằng có tài, chỉ có bọn người trước nay vẫn phê bình mày là ngu dốt. Thế là Trần Dần hoàn thành cái thủ đoạn của mình một cách khôn khéo, bắn một phát trúng nhiều mục tiêu: Qua phê bình *Vượt Côn Đảo* mà thóa mạ những chiến sĩ cộng sản, qua Phùng Quán mà chửi quân chúng là ngu dốt, tâng bốc Phùng Quán, đưa Phùng Quán đến chỗ đối lập lại quân chúng độc giả và lãnh đạo, lôi kéo Phùng Quán. Trần Dần đã thành công trong việc đó thật.*

Về sau này, Phùng Quán thường hay rêu rao là “độc lập suy nghĩ, độc lập tư tưởng”. Thực ra thì kể từ ngày đó, cái gọi là “độc lập tư tưởng” của Phùng Quán chỉ

còn là “độc lập tư tưởng” theo kiểu Trần Dần. Phùng Quán đã trở thành cái bóng của Trần Dần, nhiều khi Trần Dần rất khôn khéo đã nhờ cái miệng huênh hoang của Phùng Quán để nói toạc ra những quan điểm sai lầm và chống đối của mình về nghệ thuật và cả về chính trị” (Nguyễn Ngọc, *Con đường đi của Phùng Quán, con đường sai lầm điển hình của một người viết văn trẻ*, văn nghệ quân đội, số 4, tháng 4.1958)

Phê bình Việt Bắc

Phê bình tập thơ Việt Bắc là ngòi nổ đầu tiên của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm. *Việt Bắc* của Tố Hữu được tôn sùng như cuốn “thánh kinh” của văn học cách mạng. Từ khi tác phẩm ra đời cuối năm 1954 cho đến ngày nay, bao nhiêu giấy bút đã dành cho sự ca tụng nó. Hiếm có nhà phê bình nào, dám viết một câu phạm thượng về *Việt Bắc*. Đúng như Lê Đạt nhận xét: “Ở Việt Nam người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ”.

Sở dĩ việc phê bình thơ Tố Hữu, không chỉ khép kín trong các buổi họp nội bộ quân đội, mà thoát ra ngoài, nhờ hai người: Từ Phác làm tổng thư ký báo Sinh Hoạt Văn Nghệ, tung trên Sinh Hoạt Văn Nghệ trước. Lê Đạt phụ trách báo Văn Nghệ, đưa lên Văn Nghệ sau.

Vũ tú Nam viết:

“Ngày 4.3.1955, nổ ra cuộc họp đầu tiên tranh luận phê bình tập thơ Việt Bắc, Trần Dần gọi thơ Tố Hữu là “tí ti la haine, tí ti l'amour” (tí ti căm thù, tí ti tình yêu) một cách hằn học, đếu cáng. Ngày 7.3.1955, bắt đầu tranh luận phê bình *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán, Trần Dần gọi những chiến sĩ Côn Đảo trong truyện là những “người cụt đầu”, “toàn tim”, mù quáng (...)

Bài phê bình Vượt Côn Đảo của Trần Dần lệch lạc nguy hiểm như vậy, nhưng cũng có một số đồng chí trong quân đội không nhận ra, viết bài hưởng ứng. Cuối tháng 3.1955, khi duyệt những bức thư bạn đọc chung quanh việc phê bình Vượt Côn Đảo để in báo Sinh hoạt Văn nghệ, cục tuyên huấn quyết định bỏ bớt một số bài tán thành Trần Dần. Lúc này, Trần Dần phản ứng rất mạnh, gọi lãnh đạo là “répression policière!” (đàn áp kiểu cu-lít). Và đầu tháng 4.1955, mượn cớ đau óc, Trần Dần xin nghỉ dài hạn, bỏ công tác, bỏ doanh trại bộ đội, tự tiện ra ngoài phố ở.” (Vũ tú Nam, *Sự thật về con người Trần Dần*)

Về không khí các buổi phê bình thơ Tố Hữu, Vũ tú Nam ghi trong hồi ký, như sau:

5.3.1955: Tối qua, tranh luận về thơ Tố Hữu ở Cửa Đông, anh Nguyễn chí Thanh tới (...) anh em đông lắm, cả Hồ Dzếnh. Hoàng Yến trình bày vấn đề “khả năng hiện thực trong thơ Tố Hữu, Tố Hữu có tiêu biểu cho thời đại không?” Trần Dần, Lê Đạt nói bốc nhất. Hoàng Trung Thông, Nguyễn Xuân Sanh ngồi ghi mà không nói gì. Tố Hữu không tới, Xuân Diệu không tới. [Theo Từ Bích Hoàng, Nguyễn Hữu Đang cũng có mặt trong buổi đầu tiên này].

8.4.1955: Đêm 7.4, phê bình thơ *Việt Bắc* ở 51 Trần Hưng Đạo đến 12 giờ khuya. Dần tâm sự khi anh đi xe đạp có hai bộ đội theo dõi (?). Tối vào nhà bạn, lúc ra Dần bị bộ đội giữ mấy tiếng. Minh báo cáo sự việc với chi ủy. Trần Việt nói: Dần vào 69 Quán Thánh, nhà Hoàng Cơ Bình cũ, nên có thể bị theo dõi.

15.4.1955: Đêm qua, thảo luận về thơ *Việt Bắc* đến 12 giờ đêm. Hoàng Yến, Trần Dần, Hoàng Cầm nói gay gắt. Trương Tửu tranh luận rất phản khoa học. Huy Cận ngồi im. Tạ Hữu Thiện nói nhiều suy diễn, ví dụ cho đoạn nào là giống Kiều...Hoàng Cầm dẫn thơ Hồ Xuân Hương để chứng minh “chất sống” và “hồn thơ” của nữ thi sĩ. (Hồi ký Vũ tú Nam)

Trong bài *Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu*, viết tháng 5.55, Trần Dần viết:

"Nói chung thơ Tố Hữu có rất nhiều cái lười biếng. "Ý lười tầm thường (...), rất nhiều cái kiểu "lòng ta xao xuyến, rung rinh", "chúng bay chỉ một đường ra, một là tiêu diệt hai là tù binh", hoặc "đời vẫn ca vang núi đèo", hoặc "Cụ Hồ sáng soi". Không phải là thiên lệch trích ra một số câu như vậy, hãy đọc lại cả tập Việt Bắc xem, ta thấy nhan nhản những lối lười, nhạt, cả lảm nhảm nữa (...) Phá đường: "Nhà neo việc bận vẫn đi" làm thì thi đua, thi đua kết quả thì rồi mai địch chết. Ta đi tới: Đủ cả Bắc Nam, Việt, Miên, Lào, Itsala, Itsarác... xem ra thì có vẻ đúng chính trị. Nhưng xét sâu xem ? (...) Tố Hữu nhìn sự vật nó chính trị công thức quá, lười tìm tòi quá. Chỗ nào hay thì là lập lại Nguyễn Du, Tản Đà. ca dao... Tố Hữu chưa đem tới một cái nhìn mới mẻ gì. (Trần Dần ghi, trang 141)

Tiến đưa Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang ghi trong sổ tang:

"Lần đầu gặp anh trong cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc, đến nay dù hơn bốn mươi năm, biết bao là gian nan, trong những cố gắng chung để tìm cho văn nghệ Việt Nam một con đường phát triển thuận lợi nhất. Đúng hay sai, hôm nay tôi vẫn chưa dám khẳng định... Dù sao thiện chí của chúng ta chỉ có kẻ ác ý mới cố tình phủ nhận.

Tiến đưa anh về cõi vĩnh hằng, có lẽ tôi chỉ có thể nhắc lại cùng anh về đời của Ngô Thi Nhậm nói cái lẽ tất yếu: Gặp thì thế, thế thì phải thế. (...)

Cả nước biết lúc nào anh cũng có tư tưởng Nhất định thắng, dù cho ý chí ấy anh không đạt được thì cũng vẫn là phẩm giá cao đẹp của một con người." (Trần Dần ghi, trang 460)

Trần Dần ghi

Về Nhân Văn-Giai Phẩm, có những sự việc đã bị chôn sống, tưởng rồi sẽ tan trong lòng đất. Có những sự thực đã bị bóp méo đến độ dị dạng. Trong hơn nửa thế kỷ, người ta đã quen sống với những quái thai dị dạng đó: Những xuyên tạc, bôi nhọ được đề cao như những chân lý. Ngờ đâu, những *con chữ trong hòm* lại có ngày đứng dậy, thuật lại truyện mình. Tập *Trần Dần ghi 1954-1960* (Văn Nghệ, Cali, 2001) là một trong những tư liệu hòm, tự khai, tự quật. Tác phẩm chia ra *những dòng chữ đầu tiên* để lấp những trang còn trắng về một thời kỳ văn học sử, còn chưa được biết, còn chưa được viết.

Tập *Trần Dần ghi 1954-1960* là ba quyển sách gồm một: Phần đầu là những suy nghĩ về sáng tạo. Phần thứ nhì chụp lại thời kỳ đầu tổ với những hình ảnh khủng khiếp kinh hoàng. Phần thứ ba viết về cuộc sống con người trong những năm kỷ luật. Với một lối viết tốc ký, ngắn gọn, thể hiện cái mỹ học đờn đau của Trần Dần.

Chuyện đi cải tạo thực tế sau Nhân Văn, nằm trong lối tốc ký ấy:

"9.9.58 [...] Đêm, tôi thiếp đi trong mộng ác. Tay mưng, đau nhất là ở những chỗ đã thành chai mà lại mưng tái lại. Mọi bắp thịt suốt đêm lọc acide, và chôn cất những tế bào chết vì lao lực quá sức... Lọc đục suốt đêm vậy trong toàn bộ xác thịt tôi.

10.9.58[...] Gió khiếp quá. Hàng sự đoàn gió bắc trèo qua núi lúc nào đổ xuống đồng cỏ. Suốt buổi sáng, mùa Hè bị đánh tan nát. Nắng bị gió may thổi mát đi, nguội lửa.

Gió tốc mái, rút mấy lá gồi chuồng bò. Cây cành bị túm tóc, vật vã kêu gào, gió vẫn không tha. Các tàu chuối bị tước xơ ra. Có tàu rách mướp, trông hết một con rết xanh khổng lồ, hàng nghìn chân xanh ngo ngoạy điên cuồng, cào trong không khí, cái đuôi nó bị giữ rịt ở thân, nó lồng lộn ngang ngựa, không thoát [...]

Các nón lá bị gió nó hát chụp mặt. Nó kéo ra sau, quai nón xiết cổ như thùng thắt cổ! Bụi phả vào mắt chúng tôi, chưa dụi xong, gió đã ném thêm. Bọn tôi đào gốc, đã nhọc, còn bị lũ gió may kia trêu chọc. Nó đùa dai chứ... Có lúc tôi cuốc đất, mắt nhắm tịt, một anh mù làm việc." (trang 334-335).

Về những sôi động ở Thái Hà Ấp, ngày 16.4.1958, Trần Dần ghi:

“Hiện nay Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Minh Đức đã bị bắt, chẳng bao lâu sẽ ra tòa. Báo chí vẫn tiếp tục diệt đánh Nhân Văn Bộ 6 Giai Phẩm Mùa Xuân [Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Sỹ Ngọc, Tử Phác]. Bộ 6 đã buông nhau ra. Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm cũng ô-rơ-voa nhau hết [...] Sỹ Ngọc đóng cửa, miễn tiếp khách. Bản thân tôi, do chỗ đã tự giác đình bản tư tưởng thù địch (thứ tự giác kết quả của áp lực...) nên mọi mặt khác, tôi cũng đình bản cả giao du, đình bản cả việc viết lách. Có nên đi gặp những đồng chí lãnh đạo để hỏi những việc cần phải làm không ? Đi thì lại sợ bị hiểu lầm. Nhưng nếu ngồi nhà, tiêu cực đơì, có khi còn bị hiểu lầm gấp bội. [...]

Bọn Đang-Minh Đức-Thụy An thân thì bị cầm tù, tội ác thì đem bêu đầu trên báo chí. Vai trò của bọn chúng trong các vụ phá hoại 3 năm đang được vạch trần. Phan Khôi thì đóng cửa, nằm khàn, không đọc báo. Trương Tửu, Trần Đức Thảo làm gì ? Còn cả loại B chúng tôi hiện ra sao ? Làm gì ? Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt đang tiếp tục kiểm thảo ở cơ quan, cùng với những Quang Dũng, Trần Lê Văn, v.v...

Chúng tôi đi sâu vào kiểm điểm sáng tác hơn nữa. Kiểm điểm sáng tác cho sâu mới thật là khó sao! Cứ như phải rút bỏ một mảng thịt của mình. [...] Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhẫn nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ [...] Tôi vừa là một tội nhân, vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn.” (trang 244, 245- 260)

Phải nhận tội, phải cắt bỏ những mảng thịt của mình, phải tự chửi rủa mình, phải tìm gặp lãnh đạo, phải tố cáo bạn bè để xin một chút ơn huệ thừa, nhưng rồi cũng không ai thoát được guồng máy, không ai tránh khỏi bị ninh rừ.

Con người *nhất định thắng* ấy, sau trận đánh Thái Hà, đã thua, đã hàng, đã nhận tội, đã ly khai những lý tưởng ngày trước, đã phải đứng về phía bên này, để nhìn “bọn” bên kia: gồm những “tên thủ lĩnh chủ nghĩa xét lại” Nguyễn Hữu Đang, “tên phá hoại” Minh Đức, “con mụ gián điệp” Thụy An...đã xuống đến nấc thang cuối cùng của sự “giẻ rách hóa” con người.

10.12.59, Trần Dần ghi:

“Sớm mai tòa án xử Thụy An gián điệp và Nguyễn Hữu Đang phá hoại, cả hai: Hiện hành. Tôi không có giấy gọi cho dự, có lẽ vì không có vị trí gì ở đó. Không phải là nhân chứng, cũng không phải là đại biểu của nhân dân...

Người có một cái gì vắng vắng. Tôi đã có đứng với nhóm Đang cầm đầu. Tôi đã ly khai với “lý tưởng” đó. Cả khi đứng ở đó, cả khi ly khai, cả bây giờ, tôi vẫn cứ rớm máu. Chao ôi! Con đường để đi đến chỗ “Đúng” mới nhiều máu làm sao ? Tương lai có để dành cho tôi nhát dao nào nữa không ? Đang đã nhìn thấy cái sai lớn của Đang chưa ?[...].

Ngoài trời mưa bụi. Rét xoàng. Không có gió. Đôi lúc vài tiếng chuông xe đạp. Năm nay rét muộn. Đang ra tòa cuối năm. Tôi cũng không thể nào nhờ như với sự kiện này. Chao ôi! Con đường để đi tới chỗ “Đúng” mới nhiều máu làm sao!” (Trần Dần ghi, trang 376)

Từ lâu “*ghi trở nên một hình phạt*”. Nhưng vẫn ghi. Cuốn sổ 1958 ghi lại con đường của những người muốn ngoi lên để đi đến chỗ “Đúng”. Ai cũng muốn tìm một đường “máu” để thoát thân: Biết đâu đảng chả đoái thương mà nghĩ lại ? Phương tiện nào cũng tốt kể cả “khai”. Cả “tố”. Bao nhiêu khuôn mặt đã bước trên con đường “nhiều máu” ấy ? Trần Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã vo ve sự “Đúng” ấy ? Trần Dần ghi. Bao nhiêu tên tuổi đã đạt được sự “Đúng” ấy ? Trần Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã “Sai.” Trần Dần ghi. Cả đúng lẫn sai đều làm than, đều dần dần đi tới chỗ tha hóa. Họ tan tác cả. Họ chia tay. Có những oán hận, căm thù. Chính quyền đã thành công trong sự “giẻ rách hóa” con người, như lời Lê Đạt.

Thành công lớn nhất của guồng máy là đã đánh vào những yếu tố thiêng liêng nhất của con người, đánh vào tình bạn, tình người, đánh tan tác hết.

Những người "Nhân Văn" không chết, nhưng họ bị rút máu, rút gân, rút dần sinh lực. Họ đều rời rã, đều muốn đầu hàng. Nhiều người đã đầu hàng, trong đó có Trần Dần. Họ muốn được lãnh đạo thương xót, họ muốn được lãnh đạo đối đãi thương. Họ đã xuống đến đáy vực thẳm, họ chịu hết nổi. Họ sẵn sàng "*chút lòng trinh bạch từ nay xin chừa*" nhưng người ta vẫn lạnh lùng quay đi. Người ta vẫn không cho ngoi lên. Cái phận người nhỏ nhoi. Cái phận người Nhân Văn phải đi vào sa lầy, phải lún xuống, phải chịu nhận cái thời *không nhân văn* của dân tộc mình. Câm và điếc. Như đã chết. Và điều đó chỉ có *mỹ học khổ đau* của Trần Dần mới viết nên được.

CHƯƠNG XII HOÀNG CẦM

Muốn tìm hiểu một giai đoạn nào của Lịch Sử lớn, không thể không tìm hiểu lịch sử nhỏ của những người đã đóng góp tích cực vào sự tiến hóa hay thoái hóa của giai đoạn này. Trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, tiểu sử những người có công tiêu diệt Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm được phóng đại tô màu, vinh thăng ca ngợi. Còn lịch sử những người có công đầu trong kháng chiến chống Pháp, nhưng sau này trở thành những thành viên Nhân Văn-Giai Phẩm, đã bị xóa, tẩy, bôi nhọ, tác phẩm bị loại trừ. Hoàng Cầm là một khuôn mặt điển hình.

Tiểu sử

Hoàng Cầm sinh ngày 22.2.1922, tại làng Phúc Tăng, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, nguyên quán làng Lạc Thổ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh. Tên thật là Bùi Tăng Việt (chữ ghép của Phúc Tăng và Việt Yên). Bút danh khác: Lê Thái, Lê Kỳ Anh, Bằng Phi... Tiểu học ở Bắc Giang, 1937 đỗ Cao Đẳng Tiểu Học ở Bắc Ninh. Trung học ở Trường Thăng Long Hà Nội, đỗ Tú Tài năm 1940. Làm thơ từ 8 tuổi. Tác phẩm thành danh của Hoàng Cầm là kịch thơ Hận Nam Quan viết năm 1937, 15 tuổi, khi còn học đệ Tứ ở Bắc Ninh (in năm 1942). Hận Nam Quan được đưa vào chương trình giáo dục (vùng quốc gia) trước 1954.

1938, 16 tuổi, còn đi học Hoàng Cầm đã bước vào nghề văn, cộng tác với nhà xuất bản Tân Dân của Vũ Đình Long, nổi tiếng từ thời kỳ này, với những tác phẩm Hận ngày xanh, phóng tác Graziella của Lamartine và những truyện rút trong Ngàn lẻ một đêm. 1942, 20 tuổi, viết kịch thơ Kiều Loan. Từ 1940-1945, Hoàng Cầm sống ở Thuận Thành và Hà Nội, ông lấy người vợ đầu tiên trong thời gian này.

Tháng 9.1945, Hoàng Cầm cùng Hoàng Tích Chù lập ban kịch Đông Phương, trình diễn ở các vùng Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh... Ngày 26.11.46, Kiều Loan được trình diễn lần đầu tại nhà Hát Lớn Hà Nội.

Tháng 12.46, chiến tranh bùng nổ, ban kịch Đông Phương rời Hà Nội, đi lưu diễn ở những vùng phụ cận. Hoàng Cầm và Tuyết Khanh (diễn viên chính đóng vai Kiều Loan) sống chung, giữa năm 1947, hai người cùng gia nhập Vệ Quốc Đoàn. Hoàng Cầm thành lập đội văn nghệ tuyên truyền đầu tiên trong quân đội, điều khiển và phát triển đoàn văn nghệ Liên Khu Việt Bắc từ 1948 đến 1952.

Tháng 8.1950, Hội nghị văn nghệ họp tại Việt Bắc, dưới sự chỉ đạo của Tố Hữu, quyết định vinh thăng kịch, loại trừ: tuồng, chèo, vọng cổ, và kịch thơ...ra khỏi nền văn nghệ cách mạng. Hoàng Cầm phải tuyên bố "treo cổ" kịch thơ của mình.

Tháng 7.1952, Đại Tướng Nguyễn chí Thanh điều động Hoàng Cầm về làm đoàn trưởng đoàn văn công tổng cục chính trị. Ông giữ chức này đến đầu năm 1955.

1954, Hoàng Cầm được cử tổ chức buổi Liên hoan mừng chiến thắng Điện Biên Phủ. Trong mười tiết mục, ông đưa vào màn quan họ Bắc Ninh “Yêu nhau cởi áo cho nhau”, và bị “đả đảo!” là “đòi trụ!”. Tướng Nguyễn chí Thanh lên diễn đàn bênh vực Hoàng Cầm, hạ lệnh im bặt tiếng đả đảo, để đoàn văn công tiếp tục trình diễn hết màn quan họ.

Tháng 10.54 Hoàng Cầm và đoàn văn công về tiếp quản Hà Nội.

1.1.1955, Văn công quân đội chia làm ba đoàn, Hoàng Cầm điều khiển đoàn I, chuyên về kịch nói. Cùng thời gian này, Hoàng Cầm tham gia việc đòi cải tổ chính sách văn nghệ quân đội cùng với Trần Dần, Tử Phác, Lê Đạt...

Tháng 12.1955, vì bất hòa với cục phó cục tổ chức (cũng nằm trong tổng cục chính trị), Hoàng Cầm xin chuyển sang hội văn nghệ, làm việc ở nhà xuất bản Văn Nghệ.

Tháng 2.1956 Hoàng Cầm cùng Lê Đạt chủ trương Giai Phẩm Mùa Xuân.
Tháng 9.1956

Hoàng Cầm cùng Nguyễn Hữu Đang chủ trương Nhân Văn.

Chịu kỷ luật cùng với Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng... tuy nhẹ hơn, chỉ bị một năm khai trừ khỏi Hội Nhà Văn, như Phùng Quán. 1982, Hoàng Cầm bị bắt, bị giam 18 tháng vì tác phẩm Về Kinh Bắc. 1988, ông được “phục hồi”.

Trong các bài đánh Hoàng Cầm, người ta luôn luôn dùng hai chữ “đòi trụ”, nhắm vào đời tư của Hoàng Cầm: Ông nghiện thuốc phiện (như Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Tử Phác) và có nhiều vợ. Bà vợ đầu tên là Hoàng Thị Hoàn, cưới khoảng 1940-1945, có ba con, chết cùng với con gái năm 1949. Bà Tuyết Khanh sống chung từ đầu năm 1947, tháng 1.48, sinh Kiều Loan, nhưng hai người phải xa nhau. Sau đó ông sống với bà Xuyên, cô hàng xén Chợ Hạnh.

Từ tháng 5.1955 Hoàng Cầm sống với bà Lê Hoàng Yến, cựu hoa khôi Hà thành, đã có 6 con riêng, ông ly dị bà Xuyên khoảng 1956.

Xin nhắc lại: Những thành viên Nhân Văn-Giai Phẩm phần lớn là những người đã giữ trọng trách trong nền văn nghệ kháng chiến:

Lê Đạt làm phụ tá cho Tố Hữu (1949). Tử Phác, trưởng phòng văn nghệ tuyên huấn trung ương (1951). Đặng Đình Hưng, đoàn trưởng kiêm chính trị viên đoàn văn công nhân dân trung ương (1952). Hoàng Cầm, đoàn trưởng văn công tổng cục chính trị (1952). Trong bài múa sạp thấu lòng Tử Phác (Hoàng Cầm văn xuôi, nhà xuất bản Văn học 1999, trang 129) Hoàng Cầm cho biết, thời 51-52, Tử Phác là “cấp trên” của ông, chính Tử Phác đã “chỉ thị” cho Hoàng Cầm (trưởng đoàn văn công) và Mai Sao, nghiên cứu và thực hiện điệu múa sạp.

Những chi tiết trên đây giải thích tại sao Nhân Văn-Giai Phẩm có thể thành tựu được, bởi những người chủ trương phong trào nắm giữ các cơ sở chính của nền văn nghệ kháng chiến lúc bấy giờ: Tử Phác trách nhiệm tờ Sinh Hoạt Văn Nghệ (tiền thân của tờ Văn Nghệ Quân Đội). Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang ở trong báo Văn Nghệ. Hoàng Cầm và Đặng Đình Hưng trước điều khiển toàn bộ văn công quân đội và dân sự, từ 1955, Hoàng Cầm về nhà xuất bản Văn Nghệ (đọc và duyệt), nhờ ông mà một số tác phẩm không chính thống đã in được trong năm 1955-1956.

TÁC PHẨM:

Kịch thơ:

Hận Nam Quan, nhà xuất bản Người Bốn Phương, (viết 1937, in 1942)

Kiều Loan, nhà xuất bản Văn Học (viết 1942, diễn 1946, in 1992)

Viễn Khách, (viết 1942, diễn 1949, in 1952) của Hoa Thu, tuy Hoàng Cầm không xác nhận, nhưng cần nghiên cứu lại, nếu đúng, nên xác định đây là tác phẩm của Hoàng Cầm.

Lên đường, Tân Dân (1952)

Cô gái nước Tần, Tân Dân (1952)

Trương Chi, (chưa xuất bản), đánh dấu sự trở lại của Hoàng Cầm với kịch thơ, sau 1954. Có trích trên báo Văn số 24 (18.10.57), in lại trên Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc của Hoàng Văn Chí. Không biết hiện nay Trương Chi ở trong tình trạng như thế nào ?

Truyện:

Thoi mộng (truyện vừa) nhà xuất bản Tân Dân (viết 1940)
Hai lần chết (truyện ngắn) Tân Dân, 1941.

Kịch:

Ông cụ Liêu (viết 1950, in 1951)
Đêm Lào Cai (in 1957)

Thơ:

Mắt thiên thu, (mắt bản thảo, 1941)
Bên kia sông Đuống, (viết 1948, Văn Hóa, 1993)
Tiếng hát quan họ, (in chung trong tập Cửa biển, 1956)
Về Kinh Bắc (viết 1959, Văn Học, 1994)
Mưa Thuận Thành (Văn Hóa, 1987)
Lá diêu bông (viết 1970, Hội Nhà Văn, 1993)
Men đá vàng (truyện thơ, viết 1973, nhà xuất bản Trẻ, 1989)
Về cõi em, 1992, chưa in.

Dịch, phóng tác:

Hận ngày xanh (phóng tác Graziella của Lamartine, Tân Dân 1940).

Bông sen trắng (truyện thần thoại của Anderson, Tân Dân, 1941).

Những truyện thần thoại rút từ Nghìn lẻ một đêm: Mang xuống tuyền đài (Tân Dân, 1942). Cây đèn thần (Tân Dân, 1942), Tỉnh giấc mơ vua (Tân Dân, 1942).

Những niềm tin (Dịch thơ Boualem Khanfa, Algérie, 1965)

Mối tình cuối cùng (Dịch Dostoievski, Phụ nữ, 1988).

VỊ TRÍ HOÀNG CẦM TRONG VĂN HỌC

Trong ba nhà thơ tác nhân chính của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, Trần Dần và Lê Đạt thuộc thế hệ đàn em, chưa có sự nghiệp thơ trước kháng chiến. Hoàng Cầm thuộc thế hệ đàn anh.

Vũ Hoàng Chương có nhắc đến Dạ Đài: "Hùng đứng làm cổ vấn cho một nhóm thi hữu trẻ tuổi hơn trong đó có Vũ Hoàng Dịch, Trần Dần, Trần Mai Châu để xuất bản một giai phẩm lấy tên Dạ Đài. Quả là cái tên "tiền định". (Nhớ Đình Hùng, Loạn trung bút, Khai Trí 1970, trang 182). Khi Đình Hùng mất (24.8.67), Vũ Hoàng Chương làm câu đối đặt trước áo quan:

Hồn sáu đường mê tìm Phật độ
Tình muôn trang sử mặc Trời ngâm
Và trong bài ai điệu trước mộ, có câu:
Mênh mang một tiếng cười dài
Hồn lay bốn vách dạ đài cho tan!

Vũ Hoàng Chương bao quát đời Đình Hùng, từ Dạ Đài đến Mê Hồn Ca, Đường Vào Tình Sử...trong bốn câu thơ rung động trời, đất, Phật đài.

Hoàng Cầm (sinh 1922) cùng thời với Vũ Hoàng Chương (1916) và Đình Hùng (1920), là những nhà thơ nổi tiếng trước kháng chiến. Vũ Hoàng Chương lớn tuổi hơn cả, nhưng xong Tú Tài, ông còn học Luật, rồi bỏ Luật đi làm, sau lại học Khoa Học, cho nên ông vào nghề văn cùng thời với Hoàng Cầm, Đình Hùng. Tổ Hữu (1920) cũng làm thơ từ năm 1937, nhưng thập niên 40, chưa nổi tiếng. 1946 mới có tác phẩm đầu tay: Tập Thơ (1958 in lại đổi thành Từ ấy). Tác phẩm Việt Bắc (1954) xác định ông là nhà thơ hàng đầu của đảng. Sau khi "dẹp xong" Nhân Văn-Giai

Phẩm, uy thế Tố Hữu đã “lấy lòng”, trong số những bài viết về Tố Hữu, Đặng Thai Mai có nhận định xác đáng hơn cả:

“Tố Hữu là nhà thơ chỉ viết để phục vụ cách mạng từ trước đến sau”.

“Tình cảm trong thơ Tố Hữu là tình cảm của một chiến sĩ cộng sản, luôn luôn đứng trên lập trường của đảng mà tranh đấu, suy nghĩ, cảm xúc”.

Và Đặng Thai Mai nhấn mạnh:

“Tuởng không cần nhắc lại một lần nữa rằng, trong các yếu tố đã xây dựng nên cái đặc sắc của thi sĩ, như trên kia đã nói, thì chính là hoạt động cách mạng theo đường lối của đảng. Không có cái nội dung cách mạng đó, không có lập trường tư tưởng đó, thì cũng không có thơ Tố Hữu” (Đặng Thai Mai, Mấy ý nghĩ, viết ngày 10.4.1959, in trong tập Từ ấy, thơ Tố Hữu, Văn Học, 1959). Đó là vị trí của Tố Hữu trong văn học.

Trở lại vị trí của Hoàng Cầm: Trước kháng chiến, Hoàng Cầm cùng Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, là những nhà thơ thuộc thế hệ bắc cầu giữa thơ mới và thơ hiện đại.

Trong kháng chiến, Hoàng Cầm (1922) cùng Văn Cao (1923), Phạm Duy (1921), ba tên tuổi đã có những đóng góp lớn lao cho kháng chiến. Riêng Hoàng Cầm-Phạm Duy, ngoài sáng tác, còn trình diễn trên khắp chiến trường Việt Bắc (1947-1948), xây dựng tinh thần kháng chiến quân. Giọng ngâm “oanh vàng đất Bắc” của Hoàng Cầm, xung động tinh thần tự hào Vệ Quốc: “Rằng ta là Vệ Quốc Đoàn”. Tiếng hát Phạm Duy giục giã thanh niên “cùng nhau xông pha lên đường” bảo vệ tổ quốc.

Hoàng Cầm ghi: “Từ sau cách mạng tháng Tám, Văn Cao với tôi và Phạm Duy đã trở thành bạn thân, lúc nào, ngày nào cũng có nhau, biểu diễn, sáng tác đều có nhau, thậm chí đi nghe hát ca trù (ả đào) hoặc đi uống rượu, đi cà phê sớm tối đều có nhau, khiến rất nhiều văn nghệ sĩ lúc bấy giờ đã gọi ba đứa chúng tôi là: “Bộ ba bất khả li (Les trois inséparables). Vậy thì Văn Cao phải có mặt trong tập Giai Phẩm [mùa xuân] này chứ ?” (Cái gì thúc đẩy thơ, Hoàng Cầm văn xuôi, trang 221).

Về Kinh Bắc là một trong những tác phẩm đã khiến Hoàng Cầm bị bắt giam 18 tháng vào năm 1982.

Với kháng chiến, Hoàng Cầm còn là một trong những người đã đóng góp hai lần xương máu: Máu xương văn nghệ trong 9 năm sáng tác, trình diễn và máu xương gia đình: Một vợ, một con và một em trai, chết trong kháng chiến. Tìm lại lịch sử riêng của Hoàng Cầm, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn tại sao Hoàng Cầm có đủ tư thế văn nghệ để mời Văn Cao, Phan Khôi tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm, có đủ uy tín cách mạng để đương đầu với Tố Hữu, để bênh vực Trần Dần, và tại sao, khi chủ trương báo Nhân Văn, Nguyễn Hữu Đang phải thuyết phục Hoàng Cầm vào ban biên tập trước tiên. Khi Nhân Văn-Giai Phẩm bị thanh trừng, Hoàng Cầm viết Về Kinh Bắc ngay từ cuối năm 1959, tác phẩm kết tội triều đình. Năm 1982, Hoàng Cầm bị thanh trừng lần thứ nhì, khi chính quyền bắt được bản thảo Về Kinh Bắc...

Cuộc đời Hoàng Cầm gắn bó với lịch sử, không chỉ lịch sử kháng chiến, lịch sử Nhân Văn-Giai Phẩm, mà lịch sử dân tộc, từ tác phẩm đầu tay Hận Nam Quan, Hoàng Cầm đã xác định con đường dân tộc: Phải đề phòng phương Bắc. Nhưng hơn nửa thế kỷ qua, chúng ta vẫn còn chưa thoát khỏi cái nhục nô lệ Bắc phương: Khóc trong lòng ghi nhớ Hận Nam Quan.

HẬN NAM QUAN

Bối cảnh: Phi Khanh bị bắt giải sang Tàu, Nguyễn Trãi bí mật theo cũi cha, cùng chết. Tới Ải Nam Quan, Phi Khanh biết, bắt con trở về, tìm đường khởi nghĩa. Hận Nam Quan, Hoàng Cầm viết năm 15 tuổi, đã được đưa vào chương trình giáo

dục, chưa biết rõ năm nào, nhưng những người sinh khoảng 1940 trở đi, đều thuộc lòng đoạn sau đây:

- Con yêu quý! Chớ xuôi lòng mềm yếu
Gác tình riêng, vỗ cánh trở về Nam!
Con về đi! Tận trung là tận hiếu
Đem gương mài bóng nguyệt dưới khăn tang
Nếu trời muốn cho nước ta tiêu diệt
Thì lưới thù sẽ úp xuống đầu xanh
Không bao giờ! Không bao giờ con chết
Về ngay đi rồi chí toại công thành!
Nghĩ đến cha một phương trời ảm đạm
Thì nghiêng rặng vung kiếm quét quân thù
Trãi con ơi! Tương lai đầy ánh sáng
Cha đứng đây trông suốt được nghìn thu.
- Cha nói đến tương lai đầy ánh sáng
Khiến lòng con bừng tỉnh một cơn mê
Quý lạ cha, cha lên đường ảm đạm
Rời Nam Quan, theo gió con bay về
- Ôi sung sướng, trời sao chưa nở tắt
Về ngay đi ghi nhớ Hận Nam Quan
Bên Kim Lăng cho đến ngày nhắm mắt
Cha nguyện cầu con lấy lại giang san

Đoạn trên đây là bài học thuộc lòng thời tiểu học. Nhưng toàn thể vở kịch thơ là tác phẩm "classique" của học sinh trung học. Những buổi văn nghệ tất niên luôn luôn có màn trình diễn Hận Nam Quan. Trong trường nữ sinh, con gái giả trai "vào" vai Nguyễn Trãi, đeo râu dài để "nhập" Phi Khanh. Hoàng Cầm đi vào lòng dân tộc như thế. Tuy là tác phẩm đầu tay nhưng không hề non nớt, đã có những câu thơ tiên tri:

Đây là ả địa đầu nước Việt
Khóc trong lòng ghi nhớ Hận Nam Quan
15 tuổi, nhắc trang sử oanh liệt:
"Đây Nam Quan, quân Nguyên rời biển máu
Thoát rùng xương, toi tả kéo nhau về"
15 tuổi, đe dọa quân Tàu:
Hỡi quân Minh! Sao không nhìn lịch sử
Mà vội vàng ngạo nghễ xuống Nam phương ?
15 tuổi, xác định lòng quật khởi của dân tộc:
Một ngày mai, khi Trãi này khởi nghĩa,
Kéo cờ lên, phát phới linh hồn cha
Gạt nước mắt, nguyện cầu cùng thiên địa
Một ngày mai, con lấy lại sơn hà.
Nhưng bọn bán nước cầu vinh nào có nghe.
Lịch sử muôn đời lập lại.

HOÀNG CẦM-TUYẾT KHANH-VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Tháng 9.1945, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Chù, Hoàng Tích Linh (cả hai là em ruột Hoàng Tích Chu), Kim Lân, Trần Hoạt lập ban kịch Đông Phương, với Hoàng Tích Chù làm trưởng ban. Mục đích chính của Hoàng Cầm là dựng vở Kiều Loan nhưng tìm gần một năm, vẫn chưa "thấy" Kiều Loan. Tháng 8.46, tìm được Tuyết Khanh, bắt đầu dựng Kiều Loan với Hoàng Tích Linh làm đạo diễn, Tuyết Khanh trong vai Kiều Loan, Hoàng Cầm vai Hiệu Úy, Kim Lân vai ông già, v.v...

Ảnh hưởng Kiều Loan trong giới văn nghệ thời ấy khá rõ, Hoàng Cầm kể lại:

“...Nguyễn Huy Tưởng, hầu như không buổi tập nào là vắng mặt anh. Anh còn theo dõi khả năng diễn xuất của các bạn để mong mỗi sau này, sau vở Kiều Loan, anh có thể dựa vào những năng lực dồi dào ấy mà đưa vở kịch nói Vũ Như Tô của anh lên sân khấu. Có lần anh nói với tôi: “Được chị Tuyết Khanh này mà nhận sắm vai Đan Thiềm cho mình thì thật sung sướng và hoàn toàn yên tâm”. Đến anh Nam Cao thì tỏ ý thích vở kịch vì tư tưởng, nội dung hướng thiện, chống ác của nó (...) Cả nhà thơ Vũ Hoàng Chương không biết vì quá mê nàng Kiều Loan của vở kịch hay mê người sắm vai Kiều Loan mà từ ngày đầu đọc vở, anh đã trở nên một khán giả quá siêng năng cả đến khi Kiều Loan phải “tản cư” đi diễn ở mấy làng trong Tỉnh Bắc Ninh. Ngày nào anh cũng đến từ sớm, có khi nán lại dùng cơm trưa với diễn viên tại nhà anh Chủ. Còn hai anh Lưu Quang Thuận [cha Lưu Quang Vũ], Trúc Đường [anh Nguyễn Bính] là hai kịch tác gia mấy lần đến xem tập và phỏng vấn (...) và chuẩn bị ấn hành trọn vẹn kịch thơ Kiều Loan ngay trong năm 1946” (Lận đận Kiều Loan, Hoàng Cầm văn xuôi, trang 54).

Vũ Hoàng Chương (xưng là Hoàng), kể lại, ông biết Tuyết Khanh là do người bạn Phan Khắc Khoan rủ đi xem kịch:

“Hoàng ạ, ban kịch Đông Phương của bọn Hoàng Tích Chù lực lượng có vẻ khá lắm (...) Tin đích xác đây này: Tối mai ban kịch Đông Phương trình diễn tại Thái Bình, và diễn liền mấy tối sau nữa. Ngay Tỉnh lỵ, Hoàng có đi với tôi sang bên đó không nào? (...) Đối với họ Phan, người ta còn khách sáo ít nhiều, chứ đối với Hoàng thì, toàn ban đều thân mật, coi như “cố nhân”. Có lẽ bởi Họa Sĩ Hoàng Tích Chù (em ruột Hoàng Tích Chu) là chỗ thế nghị của Hoàng chăng? Hay bởi tác giả quan trọng của ban kịch là thi sĩ Hoàng Cầm, chỗ thanh khí của Hoàng, từng đã gặp nhau ở xóm Niềm bên Kinh Bắc? (...)”

Tối hôm đó diễn vở kịch thơ Lên Đường của Hoàng Cầm. Chỉ có 4 vai đều vai chính cả! Nhưng điều đáng nói là một trong bốn vai ấy đã do Tuyết Khanh đóng. “Người đẹp” này, Hoàng đã từng chiêm ngưỡng trên màn bạc rồi. Phim Cánh Đồng Ma của ông bạn Đàm Quang Thiện [Nguyễn Tuân có đóng] và cũng chẳng thấy gì đáng mê lắm. (...) Thế mà ai học đến chữ ngờ! Cơn mê đã bắt đầu chiếm đoạt Hoàng trọn vẹn, cách hai tuần sau, để kéo dài mãi, đến giờ phút này cũng chưa hẳn nhòa tan đấy (...)

“Nửa đời sương gió ngang tàng lắm
Mềm, chỉ vì Khanh, một trái tim...”

Ồi, chỉ vì Khanh! Vì Khanh! Chắc chắn Khanh ngạc nhiên. Mà chính Hoàng lại đã ngạc nhiên trước hết. Ngạc nhiên gấp hai lần Khanh, gấp bốn lần Hoàng Cầm. Và gấp cả một trăm lần thiên hạ (...) Và hình như sau chuyến lưu diễn Thái Bình, mọi người đang sửa soạn tập vở Kiều Loan của thi sĩ Hoàng Cầm thì phải. (...) Thật ra, Khanh còn đang bận tập Kiều Loan, Hoàng cũng đang bận viết bài cho Thế Sự, chẳng ai muốn mua dây tự buộc mình. Chỉ cốt hợp thức hóa mối liên hệ của Hoàng và Khanh thôi. Đừng để ai phá đám. Thí dụ nhà thơ Hoàng Cầm (...) Khăng khít như vậy mà rồi sau đêm mười chín tháng mười hai Dương lịch [19.12.1946, ban kịch Đông Phương rời Hà Nội] Khanh và Hoàng khởi sự lạc nhau. Lạc thôi chứ chưa mất. Hoàng trên bước tản cư phiêu lưu tới phủ Xuân Trường, lòng nhớ Khanh càng nổi dậy. Chẳng biết con người bạc mệnh kia đã phải trải qua những nhịp cầu đoạn trường nào thêm? Hiện nay ở đâu: Hưng Yên, Phủ Lạng Thương hay Bắc Kạn?...

Khanh của Hoàng ơi, lửa bốn phương
Khởi lên ngàn ngạt chén tha hương,
Nghe vang sóng rượu niềm ly tán
Chạnh xót nỗi thơ buổi nhiều hương” (...)

Một đêm trăng, Thứ Lang [Đình Hùng] dẫn Khanh từ Đống Năm vào, cùng với Kiều Liên [chắc là Kiều Loan, con gái Hoàng Cầm, lúc đó chưa đầy tuổi]. Mới tạm xa nhau chưa đến hai mươi tháng mà khi tái ngộ nhìn nhau cứ ngỡ ngáo như trong mộng ấy thôi!

*Khanh đã về trong lửa Túy hương
Khóe thu lộng gió tóc cài sương (...)*

Qua năm 1949, Hoàng dời chỗ ở sang làng Duyên Tục (thường gọi là làng Tuộc), rồi lại chuyển tới Huyện Đông Quan (làng Trầu). Nhưng cách Đống Năm vẫn không xa. Và như vậy, Khanh vẫn gần Hoàng. Vì Khanh đã ly khai hẳn với ban kịch Đông Phương, không theo họ đi lang thang lưu diễn vùng Bắc nữa, mà về ở Thái Bình, sống đơn chiếc như một ẩn sĩ thời loạn (...). Đầu năm 1950, Hoàng trở về Hà Nội, giữa khi súng đạn tràn tới Liên khu ba, Đống Năm bị phá nát, chẳng hiểu Khanh trôi dạt nơi nào!

(Duyên thơ nợ kịch, Vũ Hoàng Chương, trong tập hồi ký Ta đã làm chi đời ta, nhà xuất bản hội nhà văn in lại 1993, bị cắt nhiều chương, đoạn, so với bản in năm 1974 ở Sài Gòn)

Theo Hoàng Cầm, khi Tuyết Khanh có mang 6 tháng, phải ở lại “an dưỡng trong một quân y viện ở Huyện Hữu Lũng”, trong khi ông phải tiếp tục đi lưu diễn ở Việt Bắc. Đầu năm 1948, Tuyết Khanh sinh con gái là Kiều Loan. Nhưng hai người mất liên lạc. Sau này, tại Mỹ, Kiều Loan dựng lại tác phẩm của cha và thủ vai chính.

Vũ Hoàng Chương gặp lại Tuyết Khanh giữa năm 1950. Năm 1952, Ban Kịch Sông Hồng diễn vở Thăng Cuội của Vũ Hoàng Chương, ông mời Tuyết Khanh đóng vai Hằng Nga, nhưng nàng từ chối. “*Từ đó, Hoàng với Khanh chẳng còn sánh vai nhau trong áo mộng sân khấu một lần nào nữa. Hoàng cũng chẳng còn đủ hào hứng để viết thêm một vở kịch thơ nào*” (báo đã dẫn, trang 127).

Đoạn hồi ký trên đây cung cấp nhiều thông tin về đời sống kháng chiến, và có những chi tiết đáng chú ý:

- Sự tương kính giữa Vũ Hoàng Chương và Hoàng Cầm, Vũ Hoàng Chương viết: “*Hay bởi tác giả quan trọng của ban kịch là thi sĩ Hoàng Cầm, chỗ thanh khí của Hoàng, từng đã gặp nhau ở xóm Niềm bên Kinh Bắc?*”. Những tài năng lớn thường kính trọng nhau.

- Hai thi sĩ cùng yêu một người đẹp. Hoàng Cầm có lẽ quyến rũ hơn, với giọng oanh vàng đất Bắc, đã “được” Tuyết Khanh. [Vũ Hoàng Chương lúc đó đã có vợ là Đình Thục Oanh, chị Đình Hùng (từ 1944) và Hoàng Cầm cũng đã có vợ, ba con, tại quê nhà].

- Thời ấy, Vũ Hoàng Chương đã in Thơ Say (1940), Mây (1943) và kịch thơ Trương Chi (1944) gồm ba vở: Trương Chi, Vân Muội và Hồng Điệp. Trương Chi hay hơn cả, nhưng chưa thể sánh với Kiều Loan. Hoàng Chương nể Hoàng Cầm vì lẽ đó. Đến năm 1951, Vũ Hoàng Chương mới viết kịch thơ Tâm Sự Kẻ Sang Tần (in năm 1961). Có thể nói, nếu không có Kiều Loan thì chưa chắc đã có Tâm Sự Kẻ Sang Tần. Hai tác phẩm lớn. Vì người đẹp Tuyết Khanh mà Hoàng Chương bỏ kịch thơ. Hoàng Cầm, vì cách mạng phải treo cổ kịch thơ. Hai thi tài. Hai mệnh số. Hai quyết định bi đát.

KIỀU LOAN

Kiều Loan lênh đênh như toàn bộ tác phẩm của Hoàng Cầm.

Khởi thảo cuối Xuân 1942 đến giữa năm 1943, đã tạm xong, Hoàng Cầm định đưa lên sân khấu Bắc Giang, nhưng bị viên chánh công sứ Pháp, thạo tiếng Việt, kiểm duyệt bỏ. Đến cuối năm 1943, ban kịch Hà Nội của Chu Ngọc định dàn dựng cũng bị kiểm duyệt Pháp chặn.

Luyện tập trong bốn tháng. Trình diễn trong bốn giờ. Sáng ngày 26.11.1946, tại nhà Hát Lớn Hà Nội. Một buổi duy nhất, rồi bị Trần Duy Hưng ra lệnh đình chỉ. Đó là quyết định sai lầm đầu tiên của cách mạng về Kiều Loan. Hoàng Cầm kể lại:

“Chúng tôi vừa hạ màn chót cho vở diễn lúc 1giờ 15 phút. Sau những tràng vỗ tay kéo dài thì ông Trần duy Hưng, chủ tịch ủy ban dân tộc giải phóng thành phố Hà Nội cho người ra mời anh Chù, anh Linh và tôi lên trụ sở ủy ban. Ông ra lệnh cho chúng tôi phải hoãn những đêm diễn đã được ủy ban cho phép. Lý do: Quân đội Pháp đã đánh Hải Phòng và càng ngày càng khiêu khích trắng trợn Hà Nội. (...) Thế là số phận vở kịch lại lênh đênh. Tôi ngậm ngùi se sẽ ngậm câu Kiều:

“Phận bèo bao quản nước sa

Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh...”

Lần thứ nhì, trong kháng chiến, Hoàng Cầm định trình diễn Kiều Loan trong ngày khai mạc đại hội văn hóa toàn quốc:

“Tôi đưa đơn đến tận tay anh Nguyễn đình Thi, lúc đó đang là tổng thư ký hội văn hóa cứu quốc, đơn kèm theo kịch Kiều Loan. Rồi tôi hồi hộp chờ đợi...”

Với tôi hồi ấy cách mạng như một người khổng lồ mà tôi thì bé bỏng xa lạ quá. Cái uy thế của cách mạng tôi không thấy rõ lắm ở những người như các anh Nguyễn Huy Tường, Nam Cao, Kim Lân, Nguyễn Hồng, nhưng lại thấy nổi bật hẳn lên ở anh Nguyễn đình Thi. Ngồi trước mặt anh, bên cái bàn giấy lộng lẫy có đủ cả máy điện thoại và hai chồng sách dày, bìa cứng in nổi chữ vàng chữ bạc: Các Mác với vấn đề văn hóa, Tư bản luận, Chống Du-ring...tôi hoa cả mắt và cảm thấy mình là con chim chích vào rùng...

Không khí cuộc gặp mặt bỗng trở nên nghiêm trang và lời mở đầu câu chuyện của anh Thi lại càng làm cho nó thêm lạnh nhạt, căng thẳng:

- Tôi đã nhận được vở kịch của anh. Cả lá đơn nữa. Anh Nguyễn Huy Tường và anh Nguyễn Hồng đã giới thiệu Kiều Loan với tôi. Tôi cũng đã đọc qua...

Vừa nói, anh Thi vừa rút ở cái cặp da đen bóng tập bản thảo vở kịch đánh máy của tôi. Anh trao nó cho tôi với một nhếch mép cười mà cho đến nay tôi vẫn không sao hiểu được, nhất là câu nói ngay sau cái cười nửa miệng ấy:

- Rằng hay thì thật là hay!

Hai tiếng cuối câu đay xuống, tôi nghe như có vẻ vừa giễu cợt vừa hững hờ. Và anh Thi cũng chỉ nói có thế. Không hơn nữa lời. Rồi anh thu dọn sổ sách, như có ý bảo tôi “Về đi!”. Cũng để cho anh lính mới làng văn biết rằng mỗi giờ mỗi phút với anh Thi là vàng ngọc đấy! ”

(Hoàng Cầm, Nguyễn đình Thi trong tôi-Nguyễn đình Thi ngoài tôi, Tài liệu Talawas)

Cũng Nguyễn đình Thi đó, sau này nài nỉ Hoàng Cầm (trách nhiệm nhà xuất bản Văn Nghệ), in chùm tập thơ, **thơ không vần sửa thành có vần theo lệnh Tố Hữu**. Thế mới biết quyền lực tha hoá con người đến mức nào.

Tháng 12.46 Hoàng Cầm cùng ban kịch rời Hà Nội, đi lưu diễn ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Sơn Tây, Thái Bình. Kiều Loan phải tạm diễn ở cách đình làng vùng Bắc Ninh, nhưng đến ngày 19.12.46 chiến tranh bùng nổ, ban kịch Phương Đông phải giải tán. Kịch bản Kiều Loan, bị thất lạc trong những năm kháng chiến. Bản chính để in, do Lưu Quang Thuận giữ, khi Pháp nhảy dù Bắc Cạn, phải ném bản thảo của các văn nghệ sĩ xuống hồ Ba Bể, trong đó có Kiều Loan, mãi đến năm 1970, nhờ một số bạn cũ còn giữ được bản đánh máy, Hoàng Cầm kết hợp, “trùng tu” lại bản thảo năm 1946. Và đến 1992, mới được xuất bản, sau khi sáng tác đúng 50 năm.

Kiều Loan chính là hóa thân của Hoàng Cầm. Những nghệ sĩ lớn thường tạo những tình huống có tính cách tiên tri. Kiều Loan, sáng tác năm 1942, lúc Hoàng Cầm mới 20 tuổi đã nổi tiếng, trước một “tương lai sáng lạn” như thế, tại sao lại nghĩ

đến một nhân vật bi thảm như Kiều Loan ? Dường như Kiều Loan đã “vận” vào số phận Hoàng Cầm như một thực tại đốn đau mà người nghệ sĩ không tránh khỏi, trong cuộc đời của đất nước.

Sự lên ngôi của Kiều Loan trong thời Pháp thuộc và dưới thời cách mạng, không vì tình cờ, mà vì nội dung tác phẩm:

Kiều Loan, con gái một cựu thần Tây Sơn, đi tìm chồng là Vũ Văn Giỏi. Mười năm trước, theo lời khuyên của nàng, Vũ lên đường giúp Quang Toản, sau khi Quang Trung băng hà. Tới Phượng Hoàng Trung Đô, Vũ nghe tin Bùi Đắc Tuyên chuyên quyền làm bậy, ngả theo Nguyễn Ánh, trở thành Vũ tướng quân, tàn bạo càn quét những người dân chống lại nhà Nguyễn. Kiều Loan giả điên đến Phú Xuân, tại đây, nàng gặp ông già, thầy cũ của Vũ. Kiều Loan làm huyên náo cửa thành, cố tình để bị bắt vào dinh, nhìn lại người xưa. Kiều Loan và ông thầy bị giam trong ngục. Kiều Loan uống thuốc độc tự vận cùng với ông già. Trước khi chết, nàng chém người chồng phần bội.

Kiều Loan là một bi hùng ca bao quát lịch sử dân tộc, dõng vào những mốc chính: Nam Bắc phân tranh. Nguyễn Ánh cầu viện Pháp để tiêu diệt Tây Sơn. Gia Long thắng trận trở thành độc tài chuyên chế, tiêu diệt những khuynh hướng đối lập.

Một nội dung như vậy, tất nhiên, không chỉ thực dân Pháp căm giận:

“Vì chính sự bạo tàn Ôi! Nước mất

Bao nhiêu lần rõ xuống những hồn oan ?

Chính sự gì đi cầu viện ngoại bang

Về tàn sát những người dân vô tội”

Mà tất cả những kẻ cầu viện nước ngoài để vững quyền chấp chính cũng phải hổ mình.

Một triều đình vừa “thống nhất sơn hà”, nhưng lệnh đầu phát ra là lệnh cấm:

... Vua cấm đèn cấm lửa

Cấm dân gian đi lại ở kinh thành

Lệnh thứ nhì là cấm hát:

Vua có lệnh bắt những người hát nhằm

Đầu sẽ bêu sương gió nếp hoàng thành

Nhưng Kiều Loan, giai nhân tuyệt sắc, nào có sợ gì, nàng xuất hiện như một người điên, nàng cứ hát những lời phản biện:

Chị buồn chị hát vang lòng

Cỏ cây sa lệ núi rừng ngẩn ngơ

Kiều Loan, là vở kịch thơ hay nhất của Hoàng Cầm, của thời tiền chiến. Mười năm sau, Tâm Sự Kẻ Sang Tàn với bút pháp bay bổng của Vũ Hoàng Chương mới có thể kể vị Kiều Loan.

Kiều Loan nói lên chí khí bất khuất của Hoàng Cầm trong thi ca, tiên tri định mệnh đất nước:

Về cuộc cải cách ruộng đất:

Thà giết oan trăm mạng lương dân

Hơn để thoát một tên phản nghịch

Về Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm:

Mà trước mắt, cuộc xoay vần thời thế

Gạt ra ngoài hầu hết bậc tài danh

Bọn hủ nho nhan nhản khắp triều đình

Nơi tù ngục chất đầy người nghĩa khí

Gỗ mục, thép cùn múa tay trong bị

Lau sậy nghênh ngang làm cột trụ giang sơn

Về cảnh chiến tranh cốt nhục tương tàn:

Một nước nhỏ mà phân chia Nam Bắc
Xâu xé nhau vì hai chữ lợi danh
Tam vương, ngũ đế, cướp đất phá thành
Mấy trăm năm nghe dân tình xao xao xác
Thay cái đạo làm người bằng giáo mác
Yến ẩm lâu cao...xương máu chan hòa
Về ảo mộng chiến thắng:
Cờ nêu cao chiến thắng nhuộm chiêu dương
Mà rút lại cũng chỉ là giấc mộng.
Với những câu thơ lạnh người:
Chí lớn từ xưa chôn chặt đất
Riêng đàn đom đóm lại thênh thang
Bọn “đom đóm” Hoàng Cầm đã thấy từ tuổi hai mươi, sau này sẽ sẽ ngập trời
đất Bắc. Các “chí lớn” đã và hiện còn đang bị chôn vùi trong ngục tối.
Nhưng Hoàng Cầm luôn luôn có lời chốt:
Làm mất nhân tâm thì miếu lớn tượng to
Dân đạp dí xuống bùn là hết chuyện

VIỄN KHÁCH

Về tiểu sử Hoàng Cầm, Hoàng Văn Chí có những chi tiết chính xác:

“Ngay từ khi còn học lớp Đệ Tứ, ông đã dịch cuốn Graziella của Lamartine sang tiếng Việt, lấy nhan đề là Hận Ngày Xanh. Ông được nhiều người yêu chuộng từ ngày ấy. Tiếp theo, ông dịch cuốn Một Nghìn Một Đêm Lễ, đăng trong Tạp Chí Tân Dân.

Hoàng Cầm cũng có viết một cuốn tiểu thuyết đầu tay nhan đề là Thoi mộng, nhưng nghệ thuật chính của Hoàng Cầm là viết kịch thơ. Cho đến ngày nay Hoàng Cầm giữ địa vị cao nhất trong văn học Việt Nam về ngành kịch thơ, vì những vở kịch sau đây:

“Viễn Khách”, tả một câu chuyện về đời Hồ Quý Ly, đăng trong Tiểu Thuyết Thứ Bảy, với bút hiệu là Hoa Thu. “Kiều Loan”, tả một câu chuyện đời Tây Sơn. “Lên Đường” nói về thanh niên thời Nhật chiếm đóng”. (Hoàng Văn Chí, Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, trang 235)

Hoàng Văn Chí, cùng thời với Hoàng Cầm, là chứng nhân đáng tin cậy về một giai đoạn lịch sử mà nhiều điều vẫn còn chìm trong bóng tối, xác định kịch thơ Viễn Khách là của Hoàng Cầm. Tại sao ? Việc này chẳng thể vô cớ.

Trong cuốn Hoàng Cầm tác phẩm thơ (Lại Nguyên Ân sưu tầm với sự kiểm chứng của Hoàng Cầm), phần tiểu sử và tác phẩm không thấy nói đến Viễn Khách, các cuốn sách khác cũng vậy. Trong một bài đăng trên báo Văn Nghệ, Hoàng Cầm “đính chính” Viễn Khách không phải của ông:

“Thì ra tác giả kịch thơ Viễn Khách lại chính là người yêu của Hoa Thu. Vì một lẽ riêng, tác giả lấy bút hiệu của người tình, Hoa Thu, ký dưới tác phẩm của mình, còn tên thật của Hoa Thu là Đặng Thị Đức Hoan, năm nay 69 tuổi, hiện ở Bang Washington, Mỹ. Trong thư, sau những tâm sự buồn phiền, bà Hoan có yêu cầu tôi đính chính cho rằng: Hoàng Cầm không phải là tác giả kịch thơ Viễn Khách” (Văn Nghệ số 49, tháng 10.1993)

Một “đính chính” đầu Ngô mình Sở, bởi nếu cái ông nào đó, lấy tác phẩm của người tình là bà Đặng Thị Đức Hoan, rồi ký tên Hoa Thu (bút hiệu của bà Hoan), thì chính “ông Hoa Thu giả” đó, phải viết bài đính chính, chứ đâu cần Hoàng Cầm ? Bởi Hoàng Cầm có bao giờ chính thức nhận mình là tác giả Viễn Khách đâu ? Vậy những dòng “đính chính” này, chỉ để “che mắt thế gian”.

Trong Hoàng Cầm văn xuôi, có bài “Sau giờ viễn khách đi” viết tháng 8.1995 rất đáng lưu ý, bài này viết cho những người làm văn học. Đọc kỹ sẽ thấy Viễn Khách đúng là tác phẩm của Hoàng Cầm như Hoàng Văn Chí đã xác nhận. Hoàng Cầm giải thích về niềm đam mê kịch thơ, về cái “luật” phải chọn bối cảnh lịch sử xưa để nói chuyện thời nay, như trong Hận Nam Quan, Kiều Loan, Lên Đường:

“Vậy thì năm 1943, một tác giả viết kịch thơ “Viễn Khách” cũng không thể thoát khỏi cái lẽ luật ngặt nghèo ấy: Hoa Thu vẫn đang cảm xúc với bi kịch tình yêu trong thời đại mình, vẫn phải trốn về dĩ vãng xa xôi của lịch sử dân tộc, mượn chuyện sáu bảy trăm năm để nói cái bây giờ. Nước lớn ăn hiếp nước nhỏ, mà ngày nay trong một nước nhỏ, người ta cứ tranh bá đồ vương khiến con người cứ phải chịu những bi kịch tàn khốc (...) Hoa Thu viết Viễn khách vào năm chiến tranh thế giới đã lên đến đỉnh cao của chết chóc tàn phá (1943) (...) chỉ tiếc là trong khoảng thời gian thế chiến ấy, Viễn khách không có dịp ra mắt công chúng. Viễn khách còn ở viễn phương hay còn đang viễn vọng điều gì ? (...) Mãi đến 1949 (...) kịch thơ Viễn khách mới được đăng tải trên tạp chí Tiểu Thuyết Thứ Bảy rồi lại phải đợi đến 1951, mới được trình diễn hai đêm trên sân khấu Nhà Hát Lớn Hà Nội do đạo diễn Phan Tội dàn dựng”.

(Hoàng Cầm văn xuôi, trang 44-46).

Tại sao Hoàng Cầm lại biết rõ “tâm sự tác giả” đến thế, nếu Hoa Thu không phải là Hoàng Cầm ? Nhưng tại sao Hoàng Cầm lại không thể nhìn nhận tác phẩm của mình ?

- Trước hết, câu: Viễn khách còn ở viễn phương hay còn đang có viễn vọng điều gì ?

Chỉ vào Hoàng Cầm chứ không ai khác: Hoàng Cầm lúc ấy đang ở chiến khu (viễn phương), và còn đang viễn vọng vào cuộc cách mạng. Năm 1949, Viễn Khách được đăng trên Tiểu thuyết Thứ Bảy, tại Hà Nội (trong thành, tức là vùng địch). Đến năm 1951, Viễn Khách được Vũ Khắc Khoan và Phan Tội dàn dựng ở nhà Hát Lớn. Lúc đó Hoàng Cầm vẫn còn đang ở chiến khu, chẳng thể để tên thật trên một tác phẩm in và trình diễn trong vùng “địch”. Rồi sau 1954, Vũ Khắc Khoan di cư vào Nam, trở thành kịch tác gia hàng đầu của miền Nam với vở Thành Cát Tư Hãn. Phan Tội ở lại, hoạt động trong Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

- Lý do cuối và cũng là lý do chính: Viễn khách, cùng chủ đề “Đau khổ-Oan trái -Nước mắt” với Kiều Loan, cùng viết về thân phận dập vùi của một trang giai nhân tuyệt sắc: Hồ Thiên Hương. Nhưng nhân vật chính lại là cảnh vàng lá ngọc thời nhà Hồ. Đó là lý do chính, khiến Hoàng Cầm phải từ bỏ Viễn Khách, bởi tất cả những gì liên quan đến “nhà Hồ”, “họ Hồ”, “triều Hồ”, trong bối cảnh tranh bá đồ vương, đều phạm húy, đều nguy hiểm cho chính tác giả, từ 1945 đến ngày nay.

HOÀNG CẦM-PHAN DUY, VIỆT BẮC 1947-1948

Giai đoạn 1947-1948 là giai đoạn khởi đầu và cũng là giai đoạn quyết định của cuộc kháng chiến chống Pháp. Thời điểm mà hầu như toàn thể văn nghệ sĩ còn tương đối được tự do sáng tác, họ hoàn toàn tin tưởng vào cuộc kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh. Những tác phẩm lớn của văn nghệ kháng chiến đều xuất hiện trong thời điểm này.

Nếu không có các tác phẩm lớn ấy và nếu không có sự tuyên truyền mạnh mẽ ấy, thì diện mạo cuộc kháng chiến chống Pháp có thể thay đổi. Cho nên, ngày nay, chúng ta cần phải định vị lại những tác giả nào đã thực sự đóng góp vào nền văn nghệ kháng chiến, những tác giả nào chỉ có hư danh.

Hoàng Cầm viết:

“Một ngày giữa năm 1947, tôi và vợ tôi Tuyết Khanh (...) đã xông lên một vùng rừng núi đang rất xa lạ với mình, nhập luôn vào Vệ Quốc Đoàn chiến khu 12, rồi mày mò, tìm bạn, thành lập ngay một đội văn nghệ tuyên truyền, có thể gọi là đội văn

công đầu tiên của quân đội, gồm mười anh chị em (...) đến với từng trung đội, đại đội Vệ Quốc Quân, dân quân, du kích khắp bốn Tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Ninh, Lạng Sơn để biểu diễn đủ loại kịch ngắn, kịch nói, kịch cương, ngâm thơ, hát tốp ca, đơn ca, múa vài ba điệu dân dã học được của đồng bào miền xuôi, miền ngược (...)

Nửa đêm nay tiểu đội A đi phục kích ư ? Trung đội C đi quấy rối địch ư ? Chập tối họ vẫn được nghe giọng ngâm thơ sang sảng...

Đêm liên hoan, bạn ơi, đêm liên hoan
Đầu nhấp nhô như sóng bể ngang tàng
Ta muốn thét cho vỡ tung lồng ngực
Vi say sưa tình thân thiết Vệ Quốc Đoàn
(Đêm liên hoan, thơ Hoàng Cầm)

Nhiều khi họ lại "đồng ca" luôn theo đội văn nghệ:

Đường ta ta cứ đi
Nhà ta ta cứ xây
Ruộng ta ta cứ cấy
Đợi ngày...
Say sưa, họ còn vỗ tay theo điệu hát:
Ngày mai ta tiến lên
Diệt tan quân Pháp kia
Cười vui ta hát câu tự do...
(Nhạc tuổi xanh, Phạm Duy)

Vào một buổi chiều cuối Thu 1947. Trên đường đê sông máng đi từ đập Takun (tiếng Pháp đặt thay Việt ngữ: Tên gọi là đập Thác Huống) có ba người, 1 quãng ghi ta, 1 đeo accordéon, 1 đeo clarinette, ngỡ ngác hỏi thăm chỗ đóng quân của Đội văn nghệ tuyên truyền khu 12. Đó là anh Phạm Duy, Ngọc Bích và Ngọc Hiền, đang tìm về với đội văn nghệ của Hoàng Cầm sau khi đoàn kịch chiến thắng của các anh giải thể (...) Từ cuối năm 1947 ấy các anh đã thành cô-panh (bạn chia nhau từng mẩu bánh mì) của tôi (...) Riêng Phạm Duy, trong khoảng 13 tháng sát cánh bên nhau tôi cần phải nói thêm rằng có anh trong đơn vị, người tôi như mọc thêm cánh (...) Tôi thường chiều ý Phạm Duy, vì biết hễ cứ xê dịch luôn, có cảnh đẹp lạ mắt, có những cô gái xinh tươi thì thế nào Phạm Duy cũng bật ra được những giai điệu say mê, trữ tình, mặc dầu đề tài nhiều bài ca nổi tiếng của anh không phải là chuyện tình nam nữ. (...) Tôi cứ chuyển quân liên miên...nay vừa biểu diễn ở Nhã Nam, mai đã sang Bồ Hạ (...)

Sáng ra lại xuất quân Phạm Duy mê man đi, vừa đi vừa lảm nhảm thăm thẳm thì sáng tác thì chợt đến khi bắt được một giai điệu đẹp, tha thiết, là anh ngồi ngay xuống tảng đá bên đường, lấy bút giấy ra ghi. Nếu chỉ qua được một đoạn đường mà xong được một bài, anh lập tức kêu tôi và các bạn dừng lại, tùm tùm trên vệ cỏ, nghe anh hát.

Đường Lạng Sơn âm u (ù u)
Giờ bình minh êm ru (ù u)
Vắng nghe tiếng súng trong sương mù
Đường Thất Khê bao la (à a)
Rừng núi ta xông pha (à a) (...)

Cứ như vậy, toàn đội, đặc biệt là Phạm Duy đã truyền cho tôi sức mạnh dẻo dai để vừa đi vừa sáng tác. Ghi ngay thành thơ hoặc chủ đề kịch ngắn những cảm xúc, những ý tứ bất chợt lóe lên trong tôi. Sáng tác đến đâu biểu diễn luôn đến đấy (...) Chỉ trong vòng chưa đầy 12 tháng, Phạm Duy đã liên tục sáng tác hàng chục ca khúc, có nhiều bài chỉ hát đôi ba lần, bộ đội đã thuộc lòng (...) Gì chứ về cái công việc đi sâu đi sát vào đời sống chiến sĩ này thì Phạm Duy hăng hái, sôi nổi nhiệt tình

số một (...) Ở những tác phẩm của anh hồi đầu kháng chiến, tôi ít thấy cái da diết, thấm thiết đến khắc khoải như một vài ca khúc của Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao... Nhưng quả thật Phạm Duy là người viết ca khúc được hầu hết các chiến sĩ bộ đội, cán bộ và thanh niên nam nữ khắp Việt Bắc lúc bấy giờ yêu mến nhất, nhắc nhở nhiều nhất, vượt xa các nhạc sĩ nổi tiếng cùng thời” (Đường ta ta cứ đi, Hoàng Cầm văn xuôi, trang 151-161).

Xin nhắc lại, trong năm 1947, Phạm Duy đã sáng tác hơn 20 ca khúc: Nhạc Tuổi Xanh (Phú Thọ), Về đồng hoang (Phú Thọ), Đường về quê (Bắc giang) Thanh niên ca, Thanh niên quyết chiến (Yên Bái), Khởi hành (Tuyên Quang), Thiếu sinh quân, Dân quân du kích, Ngọn trào quay súng (Bắc Giang), Việt Bắc, Đường Lạng Sơn (Lạng Sơn), Nhớ người thương binh (Vĩnh Yên), Dẫn dò (Bắc Giang), Ru con (Thái Nguyên), Mùa đông chiến sĩ (Thái Nguyên), Nhớ người ra đi (Thái Nguyên), Bên ni bên tê (Tuyên Quang), Tiếng hát trên sông Lô (Tuyên Quang), Nương chiều (Lạng Sơn), Bên cầu biên giới (Lào Kai)...

Sau khi chia tay với Hoàng Cầm năm 1948, trở xuống Bình Trị Thiên, Phạm Duy sáng tác ba tác phẩm hay nhất của ông thời kháng chiến: Quê nghèo (Quảng Bình 1948), Bà mẹ Gio Linh (Gio Linh, 1948), Về miền trung (Đại Lược 1948)...

Theo những dòng Hoàng Cầm và Phạm Duy viết về nhau, có thể hiểu tâm hồn dân ca quan họ của Hoàng Cầm đã ảnh hưởng ít nhiều đến sáng tác của Phạm Duy trong kháng chiến.

Phạm Duy viết: “Cuối năm 1947 đó, tôi và Ngọc Bích từ Tĩnh lý bị tiêu hủy hoàn toàn là Thái Nguyên đi bộ qua Bắc Giang, tìm về làng Lan Giới thuộc khu Nhã Nam, Yên Thế (...)

Tôi và Ngọc Bích vác ba lô đi tìm bộ chỉ huy của Khu XII. Ở đó, tôi gặp Hoàng Cầm. Nó đang chuẩn bị thành lập một đội văn nghệ cho chiến khu này cùng với nhà viết kịch Hoàng Tích Linh, diễn viên Trúc Lâm và vợ chồng Văn Chung (...) Tôi và Ngọc Bích nhập ngay vào cái đội văn nghệ chỉ có vồn vẹn bảy, tám người đó để từ bộ chỉ huy, chúng tôi đi lưu diễn ở những nơi có Vệ Quốc Đoàn đóng quân trong ba Tỉnh Bắc Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn.

Gặp Hoàng Cầm, tôi yêu nó ngay. Nó bằng tuổi tôi. [Phạm Duy sinh ngày 5.10.1921- Hoàng Cầm 22.2.1922]. Trong khi tôi thích đùa rờn thì nó giống như một ông đồ non, lúc nào cũng ngồi hút thuốc lào, rung đùi, trầm ngâm. Nó đang sống chung với Tuyết Khanh (...)

Đi theo Hoàng Cầm ra vùng kháng chiến, Tuyết Khanh, mà lúc đó Hoàng Cầm cũng đổi luôn tên là Kiều Loan, đang có thai và bắt buộc phải ở lại vùng Trung Du để Hoàng Cầm và chúng tôi lên đường đi lưu diễn. Trong bữa cơm đạm bạc để chia tay nhau giữa hai vợ chồng Hoàng Cầm tại Phó Nĩ (Bắc Giang), tôi còn nhớ cảnh Hoàng Cầm ngồi rung đùi ngâm thơ bên cạnh người vợ mà rồi đây nó sẽ không bao giờ gặp lại nữa, giọng ngâm buồn rười rượi...” (Phạm Duy, Hồi Ký Thời Cách Mạng Kháng Chiến, trang 126-128, Phạm Duy Cờng, Cali, 1989)

ĐÊM LIÊN HOAN, TÂM SỰ ĐÊM GIAO THỪA, BÊN KIA SÔNG ĐUÔNG

Phạm Duy viết:

“Trong kỳ lưu diễn ở miền Cao-Bắc-Lạng này, tôi soạn thêm được nhiều bài dân ca khác trong đó có bài Nương Chiều (...) Vào lúc này, Hoàng Cầm vẫn còn nuôi mộng xây dựng một sân khấu kịch thơ sau khi vợ Kiều Loan đã không có may mắn được sống trong công chúng. Nó rất muốn dựng những vở kịch thơ trong kháng chiến nhưng với một đội văn nghệ ít người và với đối tượng chính là Vệ Quốc Quân, bây giờ nó chỉ có thể soạn những bài thơ cho một hoặc hai người ngâm trên một thứ sân khấu ngoài trời mà thôi. Bài thơ Đêm Liên Hoan [sáng tác tháng 10.1947] được

viết ra ngay trong những ngày đầu đi công tác. Hoàng Cầm và tôi diễn ngâm bài này rất nhiều lần trước hàng trăm, hàng ngàn Vệ Quốc Quân:

Đêm liên hoan đầu nhấp nhô như sóng bể ngang tàng.

Ta muốn thét cho vỡ tung lồng ngực

Vì say sưa tình thân thiết Vệ Quốc Đoàn.

Biết bao nhiêu Vệ Quốc Quân “lao đầu vào giặc” sau khi nghe những lời thơ đầy hào khí và thân thiết này:

Trong tiểu đội của anh

Những ai còn ai mất ?

Không ai còn, ai mất

Ai cũng chết mà thôi.

Người sau kẻ trước lao vào giặc

Giữ vùng nghìn thu một giống nòi

Dù ta thịt nát xương rơi

Cái còn vĩnh viễn là người Việt Nam...

Ngoài bài thơ *Đêm Liên Hoan* soạn cho riêng tập thể chiến sĩ, Hoàng Cầm cũng như tôi lúc đó, rất quan tâm tới người dân thường. Lúc đó tôi cũng đã đưa vào loại dân ca kháng chiến của tôi những hình ảnh anh thương binh, người mẹ già, người vợ hiền, đàn trẻ nhỏ... nhiều hơn là hình ảnh Vệ Quốc Quân. Hoàng Cầm, qua bài *Bên Kia Sông Đuống* [sáng tác tháng 4.1948], cũng đưa ra một cách tuyệt vời những hình ảnh cô hàng xén răng đen, môi cắn chỉ quét trầu, cụ già phơ phơ tóc trắng, em bé xột xoạt quần nâu... Những nhân vật đó lại càng nổi bật hơn lên khi được đặt vào khung cảnh tuyệt vời của miền Kinh Bắc hiển hách đó. Ai mà không muốn chiến đấu để gìn giữ cảnh vật và những con người thân yêu đó ? Những bài thơ kháng chiến như vậy đã được Hoàng Cầm và tôi diễn ngâm trong rừng sâu, trên đồi cao hay trong những hang đá dưới ánh đuốc bập bùng, có khi chỉ cách một đồn địch chừng vài ba cây số.

Vào khoảng đầu năm dương lịch 1948 tức là sắp sửa tới Tết âm lịch, trong chiến dịch thi đua lập chiến công, Hoàng Cầm sáng tác thêm một bài thơ nhan đề *Tâm Sự Đêm Giao Thừa* mà tôi cho là tuyệt vời. Hoàng Cầm đưa ra hình ảnh một người lính giữ nước, đang đứng gác trong một khu rừng vắng, giữa đêm giao thừa:

Đêm nay hết một năm

Phải gác tới giao thừa

Quê hương chừng rét lắm

Lát phát mấy hàng mưa...

Anh Vệ Quốc Quân này có một người vợ vừa sinh nở được một mụn con. Hoàng Cầm đưa ra hình ảnh của người vợ lính vì liên tưởng tới vợ mình. Người vợ lính đang phải sống lẫn lộn với một quán hàng trong một phiên chợ nhỏ, quán vắng khách, người thiếu phụ thiếu ăn, không đủ sữa cho con bú. Vì đêm nay là đêm giao thừa và theo thông lệ, dù trong hoàn cảnh chiến tranh, người lính biên thùy (cũng như chàng thi sĩ) cũng muốn có một cái quà gì để gửi về hậu phương cho vợ con nghèo đói. Nhưng chiến sĩ Việt Nam nghèo lắm cho nên chỉ có thể gửi cho vợ con một cái quà quý giá nhất là sự lập chiến công của mình. Người lính tưởng tượng ra cảnh vợ mình đang đói ăn nên không có sữa cho con bú, nhưng nghe tin chồng thắng trận thì vui mừng quá, máu bỗng chảy mạnh trong huyết quản của người vợ lính, sữa bỗng đâu căng lên đầu vú, đưa con bỗng có đủ một miếng sữa no trong ngày vui của dân tộc này. Hoàng Cầm đã đem được yếu tố sinh lý vào một bài thơ yêu nước. Trong toàn thể bộ thơ kháng chiến, tôi không hề thấy có ai làm được việc này. Bài thơ kết thúc với những câu thơ vẫn vô cùng thân yêu và đầy hào khí như trong những bài thơ khác của Hoàng Cầm:

Cha con ăn Tết lập lập công
Cho sữa mẹ chảy một dòng nghìn thu.
Cha đem cái chết quân thù
Làm nên sức sống bây giờ của con.

Bài thơ này, cũng như các bài thơ khác của Hoàng Cầm viết ra trong thời kháng chiến phải được diễn ngâm thì mới thấy được giá trị đích thực của nó. Thơ kháng chiến của Hoàng Cầm có rất nhiều tính chất đối đáp. Tôi và Hoàng Cầm chia nhau ra để ngâm từng đoạn và vì tôi vốn xuất thân là một ca sĩ hành nghề trong một gánh hát rong cho nên ngoài những cách nắn nót giọng ngâm, tôi còn biết dùng điệu bộ, nét mặt để diễn tả những bài thơ hùng tráng này. Ngay cả trong phạm vi nhạc điệu, lối ngâm thơ của chúng tôi lúc đó cũng mới mẻ hơn lối dùng điệu bông mặc, sa mạc của người đi trước, do đó có tính chất hấp dẫn hơn. Và cũng vì không khí anh hùng của người viết bài thơ, người diễn bài thơ và người nghe bài thơ cho nên lối ngâm thơ của chúng tôi không có tí gì là thảm thiết như lối kêu đường của các ngâm sĩ sau này.

Phải ghi nhận một điều rất quan trọng là tác dụng của bài thơ. Nó đã có khả năng diệt giặc hơn cả những vũ khí tối tân lúc đó như SKZ (súng không giật) hay bazooka vùn vùn... Trong ba lô của bất cứ một Vệ Quốc Quân nào cũng đều có những bài thơ chép tay của Hoàng Cầm. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp không thể nào thành công nếu không có những tác phẩm văn nghệ như những bản nhạc của Văn Cao, và những bài thơ của Hoàng Cầm, Quang Dũng (...) [Chúng tôi nhấn mạnh]

Còn nhớ có một lần, tôi và Hoàng Cầm ngâm bài thơ Đêm Liên Hoan cho bộ đội nghe 15 phút trước giờ tấn công đồn địch. Sau đó một anh bộ đội đã nói: **“Tôi vào giữa đồn mà vẫn còn nghe tiếng ngâm thơ của các anh văng vẳng ở trong đầu”**. **Thế mới biết sức mạnh của văn nghệ**” (Phạm Duy, Hồi Ký Cách Mạng Kháng Chiến, trang 131-137-148)

THƠ TỔ HỮU

Nhưng Phạm Duy cũng không quên thơ Tố Hữu:

“Cũng nên kể ra đây bài thơ Bắn Đi [sau đổi tên là Bắn] của Tố Hữu do tôi thường diễn tả trong chuyến đi phục vụ quân đội ở vùng Cao Bắc Lạng này. Đó là một trong những bài thơ mạnh mẽ nhất của thời kháng chiến” (trang 148)

Như vậy là Phạm Duy trình diễn thơ Tố Hữu song song với thơ Hoàng Cầm.

Xin ghi lại sau đây bài thơ Bắn của Tố Hữu, và bài Đêm Liên Hoan của Hoàng Cầm, được coi là “những bài thơ mạnh mẽ nhất của thời kháng chiến”:

Bắn

Chúng ta ở đây
Trên đầu chúng nó
Đại bác ta sau rèm tre nghênh cổ
Trông xuống khoanh đồi đỏ
Ngon như một đĩa thịt bò tươi
Dưới kia chúng nó đang cười
Cười đi nhé, chúng bay ơi, rồi chết!
Bao đồng chí của ta bay đã giết
Chặt đầu cắm cọc phơi khô
Chị em ta, bay căng thịt lỏa lồ
Con em ta bay quăng chân vào lửa
Lúa ngô ta bay cướp về cho ngựa
Xóm làng ta bay đốt cháy tan hoang!
Chúng bay cười ?

- Đến giờ chưa đồng chí ?
 Năm phút nữa ? Sao mà lâu thế nhỉ!
 Anh pháo binh anh còn đợi chờ gì ?
 Anh còn trông anh còn ngắm từng ly
 Anh sửa lại cho ngay nòng súng
 Chúc đồng chí bắn thẳng vào cho đúng
 Xé tan đồn nát xác chúng ra!
 Có tiếng kèn gì thổi dưới đồi xa
 Cờ chúng nó phất phơ đầu cột ấy
 Chúng nó chào cờ! Ôi lá cờ hôi tanh biết mấy
 Kéo bao lần qua máu của ta!
 Anh pháo binh anh chưa bắn đi à ?
 Một phút nữa ?
 Đầu tôi cháy bùng lên như cục lửa
 Sương bao nhiêu chốc nữa sẽ thành than
 Sẽ ra tro tất cả trại đồn tan
 Thây chúng nó tung lên từng miếng đồ
 Đầu chúng nó óc phọt ra ngoài sọ
 Oĩ các anh xung kích dưới cỏ âm thầm
 Hãy sẵn sàng tay mác nhảy lên đâm
 Giết, bắt sống, không mống nào được thoát!
 Anh đại bác, tôi chờ anh để hát!

Tố Hữu (1948)

Và Đêm Liên Hoan của Hoàng Cầm

Đêm liên hoan

Anh ơi!
 Đêm nay đầu người như ngọn sóng
 Đang trào lên sức sống muôn đời
 Niềm vui bát ngát trăng soi
 Mảnh trăng úa máu chân trời Việt Nam
 Đêm Liên Hoan! Kia trông: đêm liên hoan
 Đầu nhấp nhô như sóng bể ngang tàng
 Ta muốn thét cho vỡ tung lồng ngực
 Vì say sưa tình thân thiết Vệ Quốc đoàn
 - Kia núi dài Trung Nam
 Đây rừng sâu Việt Bắc
 Cỏ cây cũng cảm hờn
 Đang vùng lên đuổi giặc
 Tôi với anh trong ngày hội lên đường
 Bắt tay mừng trên giải đất đau thương
 - Anh từ phương nào lại ?
 - Tôi từ Đất dấy lên
 Anh có nghe tiếng sóng gầm Đông Hải
 Đang hờn ghen cùng thác máu thiên miên ?
 - Thác máu không tên
 Dội tràn bốn
 Cỏ không gãy, cây không già, hoa không héo
 Ngàn thu đất nước vững bền
 - Anh từ quê nào đó ?
 - Tôi từ Đất dấy lên

Chúng ta chung một mẹ hiền
 Lúa thơm bầu sữa, bông mềm áo thu
 - Chúng ta chung một mối thù
 Gươm tung uất hận, đạn vù đấng cay
 - Anh đi từ đâu tới đó ?
 - Tôi đi giết giặc Tây
 Hôm nay gặp bạn ta cùng hện
 Lấy máu thù kia rửa nhục này.
 - Gia đình anh ở đâu ?
 - Mẹ hiền tôi đã khuất
 Nhưng trước khi nhắm mắt
 Mẹ mừng cho đàn sau
 Máu tôi mai sẽ chảy
 Trôi phăng kiếp ngựa trâu
 Xương tôi tôi bắt nhịp cầu
 Cho đàn em bước lên lầu Tự Do
 - Trong tiểu đội của anh,
 Những ai còn ai mất ?
 - Không, không ai còn, ai mất
 Ai cũng chết mà thôi!
 Người sau kẻ trước lao vào giặc
 Giữ vững nghìn thu một giống nòi
 Dù ta thịt nát xương phơi
 Cái còn vĩnh viễn là người Việt Nam
 Đêm Liên Hoan, trời đầy sao vinh quang
 Đầu người nhấp nhô như sóng bể ngang tàng
 Muốn nói mãi cùng anh thương mến
 Vì say sưa tinh thần thiết Vệ Quốc Đoàn
 Anh bạn mến thương ơi
 Nắm chặt lấy tay tôi
 - Kia sao anh lại khóc ?
 - Tôi quá mừng đó thôi!
 Đêm liên hoan, lần thứ nhất trên đời
 Ta thương nhau, tượng bừng nhảy múa
 Giặc Pháp kia! Không bao giờ nữa!
 Ta đếm từng giờ
 Ta chờ từng phút
 Ta đợi từng giây
 Lửa hờn ngùn ngụt
 Thiêu tan chúng mày
 - Anh đi hỏi gió
 Anh về hỏi cây
 Anh hỏi biển rộng
 Anh hỏi sông đầy
 Anh hỏi ngô non
 Anh hỏi lúa bé
 Anh đi hỏi già
 Về nhà hỏi trẻ
 Rằng: ta là Vệ Quốc Đoàn
 Đêm nay say hội liên hoan

Ngày mai gươm súng diệt tan quân thù!
 - Nghĩa tình Cách mạng mùa thu
 Hội liên hoan sẽ tung bừng hiển hiện
 giữa đoàn quân bách chiến
 trở về thủ đô
 như nước vỡ bờ!
 - Từ trắng mọc Cà Mau
 đến hoàng hôn xứ Lạng
 Từ nắng sớm Sơn La
 đến mưa chiều Vạn Tượng
 Muôn đạo hùng binh
 Phất phới cờ bay
 Đoàn quân bách chiến
 Đi suốt đêm ngày
 - Mẹ ơi! Con đã về đây
 Cha già tóc bạc vẫy tay đón mừng...
 - Anh ơi! Anh tỉnh lại
 Nước mắt tôi rung rưng
 Hình như tôi đã mơ màng ...
 - Phải rồi! Anh Vệ Quốc Đoàn
 Đêm nay vào hội liên hoan
 Ngày mai nổ súng diệt tan quân thù
 - Mai này...thu...lại tới thu
 Liên Hoan bừng nở bốn mùa non sông!
 (10.1947)

Đọc Bản của Tố Hữu và Đêm Liên Hoan của Hoàng Cầm, chẳng cần phải có kiến thức về thơ, cũng hiểu ngay tại sao "trong ba lô của bất cứ một Vệ Quốc Quân nào cũng đều có những bài thơ chép tay của Hoàng Cầm", như Phạm Duy đã ghi lại.

ĐÓNG GÓP MÁU XƯƠNG TRONG KHÁNG CHIẾN

Nhưng kháng chiến không chỉ có hào hùng, mà còn là đói khát, chết chóc, kinh hoàng, Hoàng Cầm nhắc lại năm 1949, năm cam go nhất trong kháng chiến:

"...lên rừng sẵn sàng ăn cơm với muối, không có cả gạo nữa thì ăn cả củ mài. Thậm chí là anh đây này, Hoàng Cầm đây này, bây giờ ăn gì nào? Đố biết?...Ăn...Ăn củ nâu. Củ nâu để nhuộm ấy. Lấy củ nâu non, bởi vì củ mài đào cũng hết rồi, ở các rừng măng, nứa đấy. Măng nứa, măng mai là ăn vẫn hết rồi. Mà vẫn đói quá, bởi vì năm 49 là năm đói nhất. Chính vợ Hoàng Cầm là một, con gái Hoàng Cầm là hai, chỉ vì đói, ăn lung tung cả mới sinh bệnh mà chết. Hai mẹ con chết liền trong một tuần lễ trong lúc tản cư năm 49 đấy. Thì gia đình anh đã đóng góp cái máu đó là hai người: Vợ và con. Rồi đến năm 52, đóng góp một giọt máu nữa cho kháng chiến chống Pháp là người em ruột của Hoàng Cầm, nó cũng rất có tài về văn nghệ. Nó làm đạo diễn kịch được, viết kịch được, đặc biệt là diễn cũng rất khá. Hoàng Cầm cử nó làm đại đội trưởng một đội văn công Tây-Bắc, tức là Sơn La, Lào Kai, Lai Châu thuộc quân đội, gọi là đội Văn Công Tây Bắc. Cậu ấy đi đánh phỉ và bị phỉ nó sát hại, cả một đội văn công 12 người, chết hết. Nhà chỉ có hai anh em, người em cũng đi bộ đội như người anh, và đã hi sinh năm 52. Nghĩa là gia đình anh đóng góp vào cuộc kháng chiến đó: Một người vợ, một đứa con gái và một người em ruột. Còn bản thân anh thì trèo đèo, lội suối khắp các mặt trận, chỗ nào cũng đem cái đoàn văn công của mình đi biểu diễn, đóng góp vào cuộc kháng chiến như vậy, ngoài sáng tác của mình". (Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI).

Người vợ chết đói năm 1949 cùng với con gái, còn được ông nhắc đến trong bối cảnh sáng tác bài Bên Kia Sông Đuống, tháng 4.1948:

“Bốn bề vắng lặng, hơi rờn rợn. Mà xa kia, về phía xuôi, xa lắm, ở vùng sông Đuống ấy, bố mẹ già của tôi, vợ và ba đứa con của tôi có kịp chạy giặc đến nơi nào tạm an toàn không? Chiến sự hai bên đường số Năm ấy diễn biến ra sao rồi? Hơn nửa năm nay, tôi không có tin tức gì ở quê lên, càng sốt ruột”. (Sông Đuống bắt nguồn từ đâu? Hoàng Cầm văn xuôi, trang 166-167).

Hồ Dzếnh cũng mất một con trai lên ba và người vợ trong bối cảnh tương tự. Ông ghi lại những dòng kinh dị, người cha hôn cái xác bé bỏng: *“Rồi cái hôn bò lên tóc, lên tai, lên môi, lên cổ, cái hôn đi lần xuống khắp người, và ngừng lại ở hạt giống bé nhỏ. Nhưng vẫn không một lời nói cất lên giữa cái mê đắm kỳ dị, man rợ đó, ngoài tiếng thở rít lên, hít vào khoan khoái. Lần cuối cùng người cha “ăn” con bằng những cái hít rùng rợn, cũng như ngày trước, chính con người đó, đã đôi lúc muốn “quay rô-ti” con lên”* (Hồ Dzếnh, Quyền truyện không tên, Thanh Văn, Cali, 1993, trang 42). Và thay con, Hồ Dzếnh viết lại cảnh đứa bé nhay vú mẹ, người mẹ dốc cạn sữa cho con đến tàn lực, tàn hơi: *“Có lúc tôi nhai mạnh đầu vú. Ở chỗ thịt nứt, nước miếng tôi thấm vào, tia sữa bị rút lên, nghe buốt đến tận ruột mẹ. Và sữa tuôn ra với máu, chảy tràn ra hai mép tôi, chất ngọt dịu pha lẫn mùi vị tanh hăng làm cổ tôi nuốt vội. Mẹ tôi co người, nghiêng chặt răng lại, đôi mắt chớp chớp trong dòng lệ nóng hổi”*

(Hồ Dzếnh, sách đã dẫn, trang 47).

HỘI NGHỊ VĂN NGHỆ VIỆT BẮC 1950: HOÀNG CẦM TREO CỔ KỊCH THƠ CỦA MÌNH

Trong kháng chiến, dường như năm nào cũng có những hội nghị văn hóa văn nghệ, đủ mọi trình độ, tầm cỡ, được tổ chức khắp nơi. Nhưng đại hội văn nghệ tháng 8.1950 tại Việt Bắc, là một hội nghị quan trọng, quyết định vinh thăng Kịch và loại loại trừ Tuồng, Chèo, Cải Lương, Kịch thơ ra khỏi nền văn nghệ cách mạng. Quyết định này, đã buộc Hoàng Cầm phải “treo cổ” kịch thơ của mình, đã khiến Phạm Duy “đinh tê” tức là bỏ kháng chiến vào thành. Trong những nghệ sĩ bỏ kháng chiến, có Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Võ Phiến...sau này sẽ là những cột trụ xây dựng nền Văn Học Miền Nam.

Báo Văn Nghệ dành hai số 25 và số 26 ra tháng 8 và tháng 9.1950, để viết về hội nghị 1950:

“Ngày 26.7, hai năm sau hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai, đã khai mạc cuộc họp mặt văn hóa văn nghệ năm 1950. Non 100 đại biểu của Việt Bắc, khu ba, khu tư, và khu năm rất xa, đã tề tựu dưới mái giăng đường trường văn nghệ nhân dân. Các đại biểu đã vượt hàng tháng đường dài qua rừng núi, nắng mưa, qua những đèo giặc”. (Những cuộc họp văn hóa, văn nghệ ở Việt Bắc, đầu tháng Tám, A.N, Văn Nghệ số 25, tháng 8.1950. Sưu tập Văn Nghệ 1948-1954, của Hữu Nhuận, Tập 3, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, trang 603). Về ngày tháng họp hội nghị, có chỗ ghi tháng 3 (Sưu tập, trang 637, 655), chỗ ghi tháng 5 (trang 619) chắc là lỗi đánh máy.

Văn nghệ 26, số đặc biệt về kịch, giới thiệu “hội nghị tranh luận sân khấu”, với 2 bài chính:

- Bài biên bản, không ký tên tác giả.
- Bài Những ngày hội nghị của Tô Hoài.

Bài biên bản này cho biết: Thế Lữ tuyên bố khai mạc. Tố Hữu đặt vấn đề thảo luận. Đoàn Phú Tứ thuyết trình “Quan niệm xây dựng sân khấu Việt Nam” với những ý chính:

- Tuồng: “Thái độ dứt khoát của chúng ta bây giờ là đưa nó [Tuồng] vào Viện Bảo Tàng”

- Chèo: “Nên yêu chèo như một tử ngữ, hãy trân trọng xếp nó vào Viện Bảo Tàng”

- Cải Lương: “Cải Lương Nam Kỳ là một nghệ thuật quái gở, lai căng, sản sinh ra ở một thời đại mưa may quay cuồng, điên điên dại dại, để giải trí cho một lớp người cuồng vọng, không biết mình sẽ đi đâu, không biết mình đương nghĩ gì, đương cảm xúc thế nào, lớp người mới phát sinh trong thời Pháp thuộc, mất gốc mất rễ, và giao động đến cực độ”.

- Kịch nói: Một hình thức biểu diễn sân khấu mới nhất, tuy còn ít thành tích, nhưng rất nhiều tương lai. (trang 621)

- Trong phần tranh luận, chỉ có Lưu Hữu Phước và Tống Ngọc Hạp bênh vực cải lương.

- Kết Luận: Tuồng, Chèo là tàn tích của thời phong kiến. Cải lương là sản phẩm của giai cấp tư sản. Chỉ giữ lại Kịch và phổ biến rộng rãi.

Nhận xét:

1.- Theo bài biên bản này thì những lời nhảm nhí nhất về Cải Lương là do **Đoàn Phú Tứ thuyết trình**. Nhưng theo Phạm Duy (bài trích dẫn ở dưới), thì **Đoàn Phú Tứ chỉ tóm tắt các ý kiến của những người thuyết trình**. Hai sự việc khác hẳn nhau.

2.- Bài này **không nói gì đến kịch thơ và Hoàng Cầm. Tố Hữu được mô tả như một người ngoài cuộc, không có ý kiến**. Nhưng theo Phạm Duy, Tố Hữu là người chủ đạo trong hội nghị.

Trong bài “Những ngày hội nghị”, Tô Hoài kể nhiều chi tiết khác:

“Tối nay, ba đội kịch đấu làm một. Đội liên khu Việt Bắc diễn “Ngày hội tòng quân”, kịch thơ của Hoàng Cầm, đội Vui Sống: “Số phải đi xa” kịch vui của Võ Đức Diên, đội Chiến thắng: “Anh Sơ đầu quân” của Nguyễn Huy Tưởng.

Khán giả không phải chỉ có một trăm đại biểu. Khán giả từ các làng xa trong cánh đồng, phụ lão ông, phụ lão bà, các trung nữ, các đồng chí nông dân, các chị phụ nữ cứu quốc lẫn mấy chị tân cư áo trắng, anh thông tin, anh bình dân, đồng chí bí thư chi bộ xã, hội thiếu nhi Trần Quốc Tuấn các thôn, đêm nào cũng nghìn nghịt kéo đến, tối mưa thế nào cũng không bớt đông, đóm đuốc lượn rờn rần rừng rục các bờ ruộng chặt vòng trong, vòng ngoài sân khấu.

Anh Dũng, chị Lụa đương tình tự trong “Ngày hội tòng quân”. Nói chuyện thường như ta nói qua bờ rào, nhưng đây đôi trai gái ấy lại đọc thơ cho nhau nghe. Có cái việc đi tòng quân mà cừ dưng dưng, bản thần mãi. Đứng dưới, bà con xì xào: “Sốt ruột thế!”, “Cái chị phụ nữ tốt giọng nhẩy!”, “Khốn khổ cái ông già ốm hay sao mà khặc khừ, lử đử vừa nói vừa run thế?” (ông già ấy đọc thơ)

Đại khái tự dưng người ta nói, hoặc tôi hỏi, người ta nói như thế. Tôi nhớ lấy. Để mai nghe Hoàng Cầm mỗ sẽ về nó. Lâu lắm mới lại được nghe Hoàng Cầm ngâm thơ. Cái giọng tài hoa sang sảng ấy, ngày trước vang ngân giữa cái tai bạn những “kẻ sĩ” tiêu dao ngày tháng bấy giờ nó ảm, nó tê tái thế, mà sao bây giờ nó lại loãng, nó nhạt trước một đám đông công chúng, xù xì, nhọn nhọn thế này. Tôi nghĩ lẫn thần giọng Hoàng Cầm hồng thế, hay là tại thơ Hoàng Cầm?

Chiều 22.3 [chắc là 22.8], Hoàng Cầm đứng trên diễn đàn: Cũng như nhiều văn nghệ sĩ công tác văn nghệ Thu Đông 1949 trên chiến dịch Đông Bắc vừa về, anh mặc cái áo khoác Gia-nã-đại, chiến lợi phẩm của bộ đôi tặng. Hơn một năm nay, Hoàng Cầm, kịch Liên khu Việt Bắc đi cùng Cao Bắc Lạng. Đội kịch ấy đã được tiếng một đội kịch tổ chức giản đơn (toàn đội có 7 người) thành tích công tác đeo đầy người.

Hoàng Cầm nói về kịch thơ của mình. Anh phác qua kịch thơ trước khởi nghĩa, trong kháng chiến và dọc đường lưu động của đội kịch.

Anh phân tích “Ngày hội tông quân” Tôi định làm thơ thì lại là tôi giết chết kịch. Định làm kịch thì chết thơ. Chỗ nào tác giả cho là lâm li thì lỗi nhải, chỗ nào tôi chỉ có đối thoại thường, thì người xem lại cho là dễ nghe. Kịch thơ không thể sống được, nó không diễn tả đúng nhân vật. Bây giờ và cả mai sau, nó không thể còn đất đứng.

Hoàng Cầm bùi ngùi (thật cái thái độ của nhà kịch thơ lúc bấy giờ như thế) Hoàng Cầm bế kịch thơ của anh lên ghé đầu, từ từ dần đầu nó vào cái thông lọng, rồi đập các ghé đi.

“Hội nghị này thanh toán cho tôi câu chuyện kịch thơ. Tôi xin tuyên bố: Cho đến vở “Ngày hội tông quân” (1949), tôi cho là cái sản phẩm cuối cùng của một sở trường cũ của tôi”.

Sau lời kêu gọi đưa ma cái đám thắt cổ ấy của nhà kịch thơ Hoàng Cầm, cử tọa im lìm, tưởng đã nghe tiếng sinh, tiếng phèng phèng, đám đông đang sửa soạn khóc cười phúng viếng. Nhưng đừng ồn! Hãy dừng cả lại đây! Thế Lữ đã đứng lên kia. Rồi tiếp theo Thế Lữ, ồn ào, tới tấp hừng hực những tay gươm, những miếng gang mồm thép của Đoàn Phú Tứ, Xuân Diệu, Hoài Thanh, Nguyễn Tuân, Trọng Loan, Thanh Tịnh, Trần Hoạc, Kim Lân, Phan Khôi, Võ Đức Diên...” (trang 654)

Sau đó, Tô Hoài thuật lại một số ý kiến chính: Thế Lữ, Phan Khôi, Thanh Tịnh bênh kịch thơ, Hoài Thanh chống, rồi ông viết: “Chủ tịch đoàn: Yêu cầu hội nghị không nên có quyết nghị gì về kịch thơ. Thư ký đoàn chỉ nên ghi: Không một đại biểu nào bênh vực kịch thơ đã có từ trước tới nay” (trang 656).

Nhận xét đầu tiên: Câu này của Tô Hoài rất quan trọng: “Chủ tịch đoàn yêu cầu hội nghị không nên có quyết nghị gì về kịch thơ và Thư ký đoàn chỉ nên ghi: Không một đại biểu nào bênh vực kịch thơ đã có từ trước tới nay. Như vậy có nghĩa là bài Biên bản ở trên đã được viết theo những yêu cầu:

1.- Biện Đoàn Phú Tứ, tác giả Mầu thời gian (Xuân Thu nhã Tập) thành người phát biểu hạ nhục cải lương. Trong khi, theo Phạm Duy, Đoàn Phú Tứ chỉ tóm tắt các phát biểu của người khác.

2.- Không nhắc đến kịch thơ. Không nhắc đến sự kiện Hoàng Cầm. Không nhắc đến vai trò chủ đạo của Tố Hữu.

Nhận xét thứ nhì: Trong bài viết của Tô Hoài, cũng tuyệt nhiên không thấy ghi Tố Hữu tuyên bố điều gì quan trọng. Cũng không thấy ai chỉ trích kịch thơ. **Chỉ một mình Hoàng Cầm đứng lên tự xỉ vả và treo cổ kịch thơ của mình!**

Bài của Tô Hoài tiêu biểu cho lối “viết, lách” thần tình của ông: Tuy viết cho lãnh đạo vừa lòng mà vẫn có vài nét “thật”.

- Để chứng tỏ sự “xuống dốc” của Hoàng Cầm, trước hết, Tô Hoài phải nhắc lại cái “giọng tài hoa sang sảng” và cái “thành tích công tác treo đầy người” ngày trước, như để tỏ “tấm lòng” của ông đối với Hoàng Cầm, nhưng cũng để cho thấy Hoàng Cầm bây giờ “tệ” như thế nào: Kịch thơ gì mà đôi trai gái chia tay chỉ ngâm thơ, không thấy nói! Ông già gì mà giọng run rẩy! Giọng Hoàng Cầm lại loãng và nhạt, không biết là thơ dở hay ngâm dở...Hiển nhiên: Dở như thế thì chắc chắn là phải tự “treo cổ” thơ mình! Có gì mà tiếc! Tô Hoài có vẻ thú vị đã tìm ra những chữ đắc địa để đưa ma kịch thơ Hoàng Cầm: “tiếng sinh”, “tiếng phèng”, “tiếng khóc cười cúng viếng”! Bút pháp Tô Hoài thật hay.

Nhưng không phải ông đã hoàn toàn thành công trong sự lượn lẹo ngòi bút. Bài viết có những lỗ hổng: Nếu quần chúng “đêm nào cũng nghìn nghịt kéo đến”, thì người đọc sẽ tự hỏi: kịch thơ Hoàng Cầm “dở” đến thế nào mà quần chúng lại “nghìn nghịt kéo đến”? Chẳng lẽ đến để xem kịch của kiến trúc sư Võ Đức Diên chăng? Hay đến để xem kịch Nguyễn Huy Tường? Có thể. Nhưng điều chắc chắn là tác giả Hận Nam Quan và Kiều Loan không thể “chết dở” như thế. Phạm Duy có

mặt tại đây, kể lại: “đôi mắt của nó [Hoàng Cầm] vẫn còn sắc như dao, giọng nói của nó vẫn sang sảng” Và Vũ Cao, (anh ruột Vũ Tú Nam), trong bài đánh Hoàng Cầm, cũng viết: “Năm 50, trong một cuộc hội nghị văn công, Hoàng Cầm ngang nhiên tuyên bố: “Đảng không nên dúng bàn tay vào chuyên môn nghệ thuật” (Vũ Cao, Ý thức phá hoại và tư tưởng đòi trụ của Hoàng Cầm, văn nghệ quân đội, số 4, tháng 4.1948).

Hoàng Cầm suốt đời gắn bó với kịch thơ, trước khi buộc nó phải tuấn tiết, chắc chắn ông phải cho nó “chết hay”, chết hoành tráng, bằng cách đưa hết tài năng của mình vào buổi trình diễn chót này, vì thế mà quần chúng đã đội gió mưa “đêm nào cũng nghìn nghịt kéo đến”, để xem cái chết của “kịch thơ Hoàng Cầm”:

Một mảnh hồ chống sao đàn chó sói
Thân tan tành bêu máu chợ Kinh Đô
(Hận Nam Quan)

Sau này, đọc những bài đánh Hoàng Cầm sau Nhân Văn, thì càng thấy thấm thía số phận “mảnh hồ” khi đã sa vào “đàn chó sói”: Bởi Kiều Loan được “hiểu” như một tác phẩm “đòi trụ”.

Trở về với Tô Hoài, đây không phải là lần duy nhất Tô Hoài viết bậy. Trong hồi ký Cát Bụi Chân Ai có đoạn Tô Hoài thuật lại việc ông đưa bài đánh Nhân Văn-Giai Phẩm của mình trên báo nhân dân cho Nguyên Hồng xem. Đọc xong, Nguyên Hồng “nói như hét vào mặt tôi: Tiên sư mày, thằng Câu Tiễn! Ông thì không, Nguyên Hồng thì không. Nguyên Hồng quý xuống trước tôi, rồi cứ phủ phục thế, khóc thút thít” (trang 133).

1993, về Hà Nội, gặp Tô Hoài, tôi hỏi: “Tại sao anh lại viết thế ? Em đọc tài liệu thấy có cả bài của Nguyên Hồng đánh Nhân Văn-Giai Phẩm, thì làm sao Nguyên Hồng lại mắng anh được ?” [Bài Nguyên Hồng đăng trên nhân dân số 1451 (2.3.1958), bài Tô Hoài, Nhân Dân số 1461 (12.3.1958), cách nhau 10 ngày, cả hai đều được trích đăng trong Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận]. Ông nói lảng: “Tôi nhớ đâu viết đấy chứ có nghiên cứu gì như cô!”. Tức là ông có thể bịa hẳn ra một giai thoại để chứng minh mình đã “xám hối” ngay từ đầu, và ông “thành tâm” ghi lại “sự thực” ấy trong “hồi ký”.

HỘI NGHỊ 1950 DƯỚI SỰ GHI CHÉP CỦA PHẠM DUY

Rất may là Phạm Duy cũng ghi chép tỷ mỉ về hội nghị văn nghệ 1950 này trong hồi ký kháng chiến, trọn chương 32, nhờ đó, chúng ta có thể rút ra những thông tin sau đây:

“Chúng tôi được liên lạc viên dẫn tới Yên Giã, một khu rừng nằm gần ranh giới hai Tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Ở chung quanh đây không có một gia đình thường dân nào cả. Khu thung lũng rộng lớn và có núi bao quanh này là một thứ an toàn khu của tất cả các cán bộ làm việc trong các cơ quan khác nhau của trung ương.(...) Yên Giã có vẻ là nơi dành riêng cho các gia đình văn nghệ sĩ.(...) Đi vài quãng đường là tới Cù Vân, vượt qua Đèo Khế tới khu vực của các lãnh tụ. Hang Pác Bó là nơi ở của Chủ tịch họ Hồ cũng nằm ở đâu đây. Tại Yên Giã, vợ chồng tôi là thượng khách của Nguyễn Xuân Khoát, chủ tịch hội nhạc sĩ kháng chiến.(...) Và lập tức anh dắt tôi tới gặp Tố Hữu, người bắt đầu nắm trong tay vận mạng của toàn thể văn nghệ sĩ. Tố Hữu già hơn hồi tôi gặp anh ở Huế, vẫn ăn nói nhẹ nhàng nhưng có cái đanh thép ẩn trong câu nói. Chắc anh theo dõi công việc của tôi trong mấy năm qua, bây giờ gặp tôi, Tố Hữu khen nhạc của tôi có ưu điểm là rất nhạy cảm và uyển chuyển (sensibilité et souplesse). Tôi cũng đáp lễ và khen bài thơ Bắn đi của anh, nói rằng nhờ bài thơ này mà tôi được bộ đội yêu mến. Đó là sự thật (...)

Thế rồi vào một ngày Hè trong năm 1950 này, đại hội văn nghệ có thêm vào đó hai chữ “nhân dân” được khai mạc. Hội trường do kiến trúc sư Võ Đức Diên vẽ

kiểu và đôn đốc việc xây cất từ mấy tháng nay. (...) Thành phần tham dự đại hội là những văn nghệ sĩ nổi danh đang phục vụ trong quân đội hay trong các hội văn nghệ ở trung ương, các nhân viên của các hội văn nghệ ở các địa phương và còn có thêm cả các cán bộ thông tin văn hóa nữa. (...)

Trong ngày đầu tiên của đại hội, tôi thấy chủ tịch đoàn đưa ra một đường lối gọi là “văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa”. Mục đích chính là đưa ra một thứ kim chỉ nam cho tất cả mọi ngành sáng tác và biểu diễn. Mục đích phụ (hay đây mới là mục đích chính ?) là biểu dương lực lượng văn nghệ sĩ và “báo cáo” đường lối chỉ huy văn nghệ của nhà nước cho các quan khách biết. Các quan khách đó là ai ? Đó một số cố vấn Liên Xô, Trung Cộng và vị tân khách Léo Figuères, đại diện của đoàn thanh niên Pháp Quốc đang ngồi ở hàng ghế đầu cùng với Trường Chinh, Tố Hữu, Trần Độ...

Sau đó, tới phần thảo luận riêng của các ngành. So với mọi ngành khác, thành phần nghệ sĩ trong ngành kịch là đông đảo nhất. (...) Tôi cũng gặp cả Hoàng Cầm, vừa mới tới Yên Giã cùng với các diễn viên nổi tiếng trong ngành Kịch Thơ như Trần Hoạt, Kim Lân. Tôi thấy Hoàng Cầm gầy đi nhưng đôi mắt của nó vẫn còn sắc như dao, giọng nói của nó vẫn sang sảng...

Dưới sự chủ tọa của Thế Lữ, hội trưởng của hội sân khấu, một anh hội viên là Đoàn Phú Tứ đứng ra thuyết trình về sự hình thành của sân khấu Việt Nam gồm có Tuồng Cổ, Chèo Cổ, Cải Lương, Kịch Thơ, Kịch Nói... và xin mọi người thảo luận để định nghĩa cho một hình thức sân khấu mới mẻ nhất là Thoại Kịch tức Kịch Nói. Sau nhiều tranh luận, **Đoàn Phú Tứ tóm tắt các ý kiến của những người phát biểu.** [chúng tôi nhấn mạnh] Tất cả đã nhất trí với định nghĩa này:

- Kịch là bộ môn nghệ thuật dùng sân khấu làm phương tiện trình bày những cảnh đời đang có mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn đi tới chỗ kịch liệt thì phải giải quyết. Giải quyết xong mâu thuẫn là hết kịch.

Tôi đã biết tới những điều này từ lúc mới bước chân vào Liên Khu IV, được nghe Tướng Nguyễn Sơn giảng về Tào Ngưu và vở kịch Lôi Vũ. Có gì là mới lạ đâu ? Đã tưởng thế là xong phần thuyết trình và định nghĩa về Thoại Kịch sau khi các văn nghệ sĩ đã đồng ý với thuyết trình viên Đoàn Phú Tứ. Nhưng lập tức một số cán bộ chính trị đứng lên đòi Chủ Tịch Đoàn phải bổ túc thêm vào biên bản của hội nghị:

- Giải quyết những vấn đề trong các vở kịch thì phải có lập trường. Vậy chúng ta đứng trên lập trường nào ? Lập trường phong kiến ? Lập trường tư sản hay tiểu tư sản ? Không. Phải đứng trên lập trường của giai cấp vô sản.

Trong một buổi họp khác, tổ kịch đang thảo luận về đặc trưng của các bộ môn sân khấu như Tuồng Cổ, Chèo Cổ, Cải Lương, Kịch Thơ và Kịch Nói, **Tố Hữu đứng ra lên lớp anh em, trước hết là đả kích bài Vọng Cổ.** Tố Hữu nói:

- Vọng Cổ có âm điệu ủy mị, làm cho người nghe bị ru ngủ, lòng người nghe bị mềm yếu rồi người nghe cúi đầu xuống, tiêu tan cả chí phấn đấu.

Lưu Hữu Phước, Tổng Ngọc Hạp bèn kể trước người sau đứng lên bênh vực cho bài Vọng Cổ xuất xứ từ Nam Bộ của mình, nói rằng:

- Vọng Cổ hay lắm, hay lắm, không bỏ được Vọng Cổ đâu ạ.

Nhưng Tố Hữu cười khẩy:

- Vâng, bài Vọng Cổ hay lắm. Hay đến độ đã làm cho Việt Nam mất nước, bây giờ trong kháng chiến, ta phải nên căm nó.

Nghe thấy vậy, bụng bảo dạ, tôi nghĩ: A! Tố Hữu nói như vậy thì có nghĩa là đại hội văn nghệ nhân dân này phải có thái độ với bài hát đã “từ lòng nhân dân mà ra”. Lưu Hữu Phước và Tổng Ngọc Hạp im lặng. Xưa nay tôi là người không ưa cãi nhau cho nên lúc đó tôi cũng im luôn. Dù lập trường của Tố Hữu không vững lắm nhưng tôi cũng không đứng lên để bênh vực hai anh nhạc sĩ Nam Kỳ này. Theo sự

hiểu biết của tôi, vốn là kẻ đã đi theo gánh hát Cải Lương trong ba năm trời thì bài *Vọng Cổ* đã ra đời vào năm 1917 là lúc nước Việt Nam đã sống dưới ách nô lệ thực dân từ lâu rồi. Đã mất nước rồi mới có một người là ông Sáu Lầu ở Bạc Liêu để ra bài *Vọng Cổ*. *Điệu Vọng Cổ* xuất thân từ *điệu Hành Vân*, mới đầu chỉ có 20 câu, mỗi câu 2 nhịp. Khi nó phát triển tới loại *Vọng Cổ* 6 câu mỗi câu 16 nhịp rồi tiến tới 32 nhịp thì âm nhạc của nó nghiêng hẳn về *điệu ru con* ở miền Nam. Trong suốt mấy chục năm, *Vọng Cổ* đã được dùng để kể lể đầy đủ mọi thứ chuyện buồn hay chuyện không buồn, kể cả những chuyện hài hước làm cho người nghe phải cười nôn ruột của mấy anh hề. Không phải chỉ có những bài hát *Vọng Cổ* than khóc mà thôi đâu.(...)

Chỉ huy xong sự khai tử bài *Vọng Cổ*, Tố Hữu đi tới phán quyết thứ hai của anh. Anh mặt sất thậm tệ Kịch Thơ:

“Nội dung kịch thơ phần nhiều chỉ phản ảnh tinh thần phong kiến. Cốt truyện đưa ra toàn là những nhân vật quan liêu. Lối diễn xuất bằng sự ngâm nga, nghe thật là rên rỉ, lướt thướt. Kịch Thơ không thích hợp với cuộc sống động của toàn dân đang kháng chiến”.

Lại cũng không ổn! Những vở kịch thơ trước đây tôi đã được coi, chính là những vở kịch nung nấu lòng ái quốc của chính tôi, vì nó nói tới chuyện Nguyễn Trãi, Phi Khanh, nói tới Quán Biên Thủy, Người Mù Đạo Trúc, Bến Nước Ngũ Bò, Lên Đường, Viễn Khách... (...)

Opera của Âu Tây là cái gì, nếu không phải là kịch thơ có ngâm nga và có hát lên? Hơn nữa, gần đây, tại chiến trường Cao-Bắc-Lạng, tôi và Hoàng Cầm rất thành công với những màn diễn thơ có thể được gọi là những “màn kịch thơ ngắn” được lắm. Với *Đêm Liên Hoan* hay *Tâm Sự Đêm Giao Thừa* được trình diễn với hai diễn viên và có *điệu bộ*, ta có *mầm mống* của những vở kịch thơ ái quốc. Ngay chính tôi đây, khi diễn ngâm bài thơ *Bắn đi của Tố Hữu*, tôi đã đóng kịch đó. Đóng vai anh thi sĩ đứng cạnh người lính Pháo Binh ở trên một ngọn đồi có đặt sẵn khẩu súng lớn nhắm xuống đồn địch (...) Tôi cho rằng, nếu lúc đó Hoàng Cầm được khuyến khích để tiếp tục phát triển Kịch Thơ thì không chừng chúng ta đã có một thứ sân khấu có tính chất opera theo kiểu Việt Nam, chứ không phải thứ *opéra học* mót của các trường phái của Âu Tây.

Sau khi Tố Hữu đã đã kích Kịch Thơ xong rồi, cử tọa bỗng im phăng phắc, mọi người chăm chú nhìn vào Hoàng Cầm, mục tiêu của sự đã kích. Hoàng Cầm đứng dậy, nhắc cái ghế đầu mà nó vừa ngồi lên, trịnh trọng bưng ghế ra đặt ở giữa hội trường, lấy ở trong túi ra một sợi dây dài, dùng dây buộc tập kịch thơ, xong leo lên ghế đầu, giơ tập thơ vừa mới bị trói chặt lên thật cao, tuyên bố:

“Tôi xin treo cổ Kịch Thơ. Bắt đầu từ ngày hôm nay” (...)

Các ngành khác, như âm nhạc chẳng hạn, cũng được bàn tay chỉ huy chiếu cố tới, nhưng sự ra lệnh có vẻ kín đáo và tế nhị hơn. (...) Tôi bị phê bình là tiêu cực với những bài như *Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây* [Quê nghèo], *Bà Mẹ Gio Linh*. Và tôi được khuyến khích để khai tử một bài hát quá ư lãng mạn và đang được phổ biến rất mạnh mẽ trong toàn quốc là bài *Bên Cầu Biên Giới*. (...)

Phải nói rằng đại hội văn nghệ này rất thành công. Thành công ở chỗ đại đa số văn nghệ sĩ được “chỉ huy” mà không có ai dám phản đối gì cả. Nếu có phản đối, phải đợi khi tan xong đại hội và trở về tới địa phương rồi mới phản đối bằng cách...”*dinh tê*”. (Chương 32, Phạm Duy, Hồi ký kháng chiến, trang 275-295)

Ngày 1.5.1951, gia đình Phạm Duy bỏ kháng chiến, về Hà Nội, rồi vào Nam.

Có thể nói hội nghị văn nghệ năm 1950 là giọt nước cuối cùng làm tràn chén. Những hội nghị trước đã có những đổ vỡ. Hội nghị văn hóa toàn quốc 1948: Nguyễn

Hữu Đang bắt đồng ý kiến với chính sách văn hóa của Trường Chinh, bỏ đảng, về Thái Bình. Hội nghị văn nghệ 1948 và 1949, phê bình tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng và Thơ không vần của Nguyễn đình Thi. Hội nghị 1950: Tiêu diệt Tuồng, Chèo, Vọng Cổ. Phê bình nhạc Phạm Duy. Bắt Hoàng Cầm phải treo cổ kịch thơ...

Khuynh hướng toàn trị trên nền văn nghệ kháng chiến đã lộ. Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng lần lượt hồi cư (1950), Phạm Duy về thành (1951), Hoàng Cầm ở lại, để trở thành một trong những người lãnh đạo phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm. Đó là một thực tại.

Sự việc Tố Hữu triệt hạ kịch thơ Hoàng Cầm còn có một lý do khác: Đó là sự đối lập tư tưởng giữa hai nhà thơ: Một lối nhìn vong bản như “Thờ Mao Chủ tịch thờ Xít-Ta-Lin bắt diệt” không thể sống chung với một tư tưởng ái quốc như “Về ngay đi! Ghi nhớ Hận Nam Quan!”

Ngoài ra, toàn bộ kịch thơ Hoàng Cầm áp ủ những chủ đề: Đề phòng phương Bắc. Phỉ báng sự cầu viện ngoại bang. Lên án cảnh cốt nhục tương tàn. Đòi hỏi tự do sáng tác. Cho nên, sau khi đã loại bỏ những hình thái văn hóa truyền thống của dân tộc như Tuồng, Chèo, Cải Lương, đã cưỡng bức Hoàng Cầm treo cổ kịch thơ, đã bắt Nguyễn đình Thi phải sửa thơ không vần thành thơ có vần, Tố Hữu được lệnh trên cho phép, thừa thắng xông lên, dẹp tan Nhân Văn-Giai Phẩm. Từ 1954, Tố Hữu trở thành soái chủ trên thi đàn miền Bắc (và sau 1975, cả nước), thơ ông biến thành thánh kinh cách mạng.

Trong hơn nửa thế kỷ, bao nhiêu thế hệ trẻ đã không biết gì về tác phẩm của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng... đã không hay rằng Phạm Duy, Hoàng Cầm là những nghệ sĩ có công đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Bởi họ chỉ được đọc, học và tôn sùng tài thơ Tố Hữu.

Không ai trách Trương Phúc Loan, Bùi Đắc Tuyên, nếu họ làm thơ dở. Tội của bọn này là chuyên quyền. Chuyên quyền trong triều chỉ có tội với vua. Còn chuyên quyền văn hóa là một tội đồ đối với dân tộc.

VỀ KINH BẮC

Bài viết có tính cách tiêu biểu của Hoàng Cầm trong giai đoạn Nhân Văn-Giai Phẩm là bài Con Người Trần Dần, in trong Nhân Văn số 1, vừa biện hộ cho Trần Dần, vừa nói lên những mờ ám, oan ức, trong việc giam giữ Trần Dần.

Đối với bạn đồng hành, Hoàng Cầm, tuy thuộc “lớp trên”, nhưng ông bình đẳng, chịu đựng, nhường nhịn anh em. Đặng Đình Hưng, Trần Dần thường chê thơ Hoàng Cầm cổ. Trần Dần trong nhật ký, chê Hoàng Cầm nhát, hay khai. Hoàng Cầm không chấp.

Không chấp ai cả. Ngay cả khi Tố Hữu từ trần, Hoàng Cầm viết bài diếu có câu: “Cầu Trời Phật cho anh được siêu linh tịnh độ trong khói trầm từ đài hoàn vũ quảng đại và nhân từ”. Chỉ một mình Lê Đạt biết và kiên trì bênh vực Hoàng Cầm. Đối với Lê Đạt, Hoàng Cầm là người can đảm chữ. Người làm thơ chỉ cần can đảm chữ. Đó là một nhận thức độc đáo và rất hiểu Hoàng Cầm.

Trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, Hoàng Cầm ít chống đối trực tiếp (có lẽ vì thế mà tội nhẹ hơn chăng ?) Ông chủ trương dùng nghệ thuật để nói lên tư tưởng. Tác phẩm chính trong thời kỳ này, là kịch thơ Trương Chi, không biết hiện nay còn hay mất. Trương Chi, đánh dấu sự trở lại của Hoàng Cầm với kịch thơ, một đoạn được in trên báo Văn số 24 (18.10.57) và Hoàng Văn Chí in lại trên Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc. Trong Trương Chi, cũng như trước đây trong Kiều Loan, Hoàng Cầm mượn hình ảnh tiếng hát để xác định không thể cưỡng bức nghệ thuật:

“Tướng công vừa truyền lệnh
Khóa kín cửa lầu, lấp cả dòng sông
Để không còn tiếng hát”

Nhưng My Nương, tha thiết yêu tiếng hát, đã năn nỉ người hầu gái:

“Chị van em. Em đi tìm tiếng hát
Dấu tướng công, em lót áo, đem về...”

Thơ Hoàng Cầm, ngay cả khi tranh đấu, cái hùng tráng luôn luôn đi đôi với cái bi thương, và đó là nét khác biệt giữa Hoàng Cầm, Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương.

Ví dụ, cùng một cảnh sông núi:

Thơ Đinh Hùng:

Thuyền đi núi cũng phiêu bồng
Đáy sông lẩn sắc cầu vòng trao nghiêng...
Sông sâu chớp mắt thần linh
Thuyền qua thạch động thấy mình cao bay
(Thủy mặc)

Thơ Hoàng Cầm:

Thuyền ơi! Ta chờ giăng đi
Mênh mông biển gió thấy gì nữa đâu
Thuyền ơi! Ta ghé bến sầu
Khóc không nước mắt hoen màu thời gian
Thuyền ơi! Tóc chảy đêm vàng
Giai nhân sóng soãi hai hàng chiêm bao
Chồng tôi phóng ngựa phượng nào
Mà dây vó sắt dẫm vào tuổi thơ
(Kiều Loan)

Thơ Vũ Hoàng Chương:

Trăng liềm một mảnh láng láng bạc
Nghiêng xuống cành dương lá lá rơi
Nhịp theo tiếng trúc cao vời
Đất quay ngược hướng mơ trời Thuần Nghiêu
(Tâm sự kẻ sang Tần)

Thơ Đinh Hùng thanh thoát, nối kết âm-dương, trời đất-thủy thần. Thơ Hoàng Cầm diễm lệ, bi đát. Thơ Vũ Hoàng Chương điêu luyện, cao lộng. Ba tài năng lớn của thi ca Việt Nam Thế Kỷ XX. Ba phận số. Phải chăng thơ luôn luôn vận vào người, nên trong ba người, chỉ có Hoàng Cầm mắc nạn chữ suốt đời.

Sau khi Nhân Văn-Giai Phẩm bị thanh trừng, tưởng rằng:

“Kính vào lạch đã hết đường vùng vẫy
(Kiều Loan)

Nhưng không. Từ mùa Thu năm 1959 đến cuối Xuân 1960, Hoàng Cầm đã làm xong tập thơ Về Kinh Bắc, phản ánh ý chí quật cường của nhà thơ trước bão tố dập vùi.

Về Kinh Bắc được mọi người chép tay, truyền đọc như các tác phẩm khác của Hoàng Cầm. Tưởng đã yên thân. Ai ngờ. Tai nạn lại đến.

Theo Họa Sĩ Bùi Thanh Phương, con trai Họa Sĩ Bùi Xuân Phái, thì sự việc như sau:

Năm 1982, Trần Thiểu Bảo (nguyên chủ nhà xuất bản Minh Đức, bị tù 10 năm trong vụ Nhân Văn-Giai Phẩm) định in Về Kinh Bắc với bìa của Văn Cao, đem bản thảo đến nhờ Bùi Xuân Phái vẽ phụ bản. Bùi Xuân Phái và con trai đều đọc, không thấy có gì là “phản động”, ông nhận lời vẽ 6 bức. Trần Thiểu Bảo đến lấy tranh. Vài hôm sau được tin Hoàng Hưng bị bắt, bị quy kết “lưu truyền văn hóa phẩm phản động”, bị đi tù cải tạo 39 tháng. Toàn bộ bản thảo cùng tranh Bùi Xuân Phái bị tịch thu. “Những ngày tháng đó chúng tôi thực sự đã sống lo âu sau khi nghe tin Hoàng

Hưng bị bắt, Hoàng Cầm bị bắt, rồi Thiếu Bảo bị gọi lên thẩm vấn... Trong vụ bản thảo "Về Kinh Bắc" này, nhà thơ Hoàng Cầm bị bắt giam 18 tháng, và tâm trạng của Bùi Xuân Phái khi đó là lo âu nơm nớp như cá nằm trên thớt" (Vết thương tình đời của Bùi Thanh Phương, tài liệu trên Internet).

Theo Hoàng Hưng, ông bị bắt, chỉ vì xin Hoàng Cầm một bản đưa vào Sài Gòn cho các bạn cùng đọc. Cùng lúc ấy Nguyễn Mạnh Hùng (Nam Dao) định đưa bản thảo Về Kinh Bắc ra ngoại quốc để in. Chính quyền kết hợp hai việc lại để bắt Hoàng Hưng. Nguyễn Mạnh Hùng được báo trước nên không cầm bản thảo Về Kinh Bắc ra máy bay nữa.

Sau khi bị giam 18 tháng, Hoàng Cầm được thả về, ông bị bệnh tâm thần từ 1985 đến 1987. Lần này, bị kịch không chỉ đến với Hoàng Cầm, mà còn xảy ra cho bà Lê Hoàng Yến, người vợ chung sống cùng ông từ tháng 5.1955. Bà Yến mất năm 1985, trong hoàn cảnh vô vọng: *"...bà vợ tôi đã qua đời trong cảnh vô cùng nghèo đói, phải chạy ăn từng bữa một, từng dùm gạo một. (...) Bà vợ tôi chết vào những ngày như thế, mà lại chết vào năm 85 ấy, lúc tôi đang bị cái bệnh tâm thần, đang ở cái dạng trầm uất và hoảng loạn như thế. Vì bà ấy phải chạy từng ngày bữa ăn của gia đình. Gia đình thì đông. Mỗi một tháng lại phải lên trình diện một lần mới được người ta cấp cho 12 cân gạo".* (Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI).

Khi hỏi về nguyên do, bệnh trạng, Hoàng Cầm cho biết:

"Sau khi tôi bị giam cầm 18 tháng, từ đó đến khi được về thì những bác sĩ quen của tôi họ đều thống nhất một điểm là tâm thần của tôi tự nhiên nó bị ở hai dạng:

- Trước tiên là hoảng loạn,
- Thứ hai là trầm uất.

Thật ra thì cũng không có gì là ghê gớm lắm, cũng không xé quần, xé áo, không đi ra ngoài đường, không chửi bới hay làm những gì ầm ĩ cả, bởi vì chỉ là hoảng loạn thôi. Hoảng loạn một cách hết sức lặng lẽ. Ví dụ nghe một tiếng còi ô-tô và một cái gì như là frein ô-tô rít lên ở ngoài cửa mà lúc bấy giờ tôi ở tít tận trong nhà cơ, nhưng khi nghe thấy như thế, vào lúc độ gần nửa đêm chẳng hạn, thì tự nhiên tôi co rúm lại và hết sức sợ hãi. Nó như là một cái bản năng đấy, tìm chỗ trốn. Quả nhiên là tôi đã có nhiều lần chui xuống gầm giường vì những hoảng loạn như thế. Hay nghe tiếng giày cộp cộp và thoáng thấy một bóng áo, như áo quân đội hay áo cảnh sát hay của một người thương binh nào đó, chỉ cần một cái bóng, một cái màu quần áo thôi, thì tôi cũng hoảng rồi. Người ta gọi là bệnh hoảng loạn. Chứ sự thực thì lúc ấy chẳng có ai dọa nạt, chẳng có ai làm gì mình cả.

Thứ hai là dạng trầm uất. Có khi cả ngày tôi không nói một lời. Bạn bè đến, tôi vẫn cứ tỉnh táo đi pha trà mời mọi người có vẻ lịch sự lắm. Nhưng đến khi người ta hỏi tôi về bất cứ một cái gì đó thì tôi không trả lời hoặc là trả lời giống một.

Năm 87. Có độ 7, 8 anh em nhà văn trẻ như là Hoàng phủ ngọc Tường, Lâm Thị Mỹ Dạ, Ngô Minh, v.v... ở trong Huế ra chơi, họ đến nhà anh Phùng Quán. Họ nhờ anh Phùng Quán đưa xuống thăm tôi. Tôi cũng vẫn có vẻ như vui mừng được gặp những người anh em xưa nay người ta mến mình thì cũng vẫn giữ một thái độ thân ái thôi. Nhưng đến khi Hoàng phủ ngọc Tường hỏi rằng: Anh có dự định sáng tác gì nữa không, thì tôi lắc đầu không trả lời thành tiếng gì cả. Lắc đầu. Cứ lắc đầu hoài. Thế rồi họ hỏi cái gì tôi cũng lắc đầu. Chỉ lắc đầu mà tôi không nói gì hết. Phùng Quán thấy thế cho rằng tôi suy sụp hoàn toàn về tinh thần. Đó là đầu năm 87. Phùng Quán có vẻ bức tức cái chuyện ấy lắm mới chạy đến nhà anh Lê Đạt, bảo anh Lê Đạt: "Bây giờ anh Hoàng Cầm bị tình trạng như thế này thì chỉ có anh mới giúp anh ấy được, chứ em trông thấy thế này thì em sợ lắm, và em nghĩ rằng một tài năng như anh Hoàng Cầm mà bị như thế này thì chúng ta sẽ hết sức thiệt thòi, anh

ấy không còn có thể viết một cái gì được nữa”. Lê Đạt thì vững vàng hơn. Lê Đạt chỉ bảo Phùng Quán rằng: “Rồi cái đó nó cũng sẽ qua đi. Tôi tin rằng Hoàng Cầm không bao giờ là người sẽ suy sụp.” Phùng Quán vẫn không tin Lê Đạt, bèn về viết một bài, nó cũng không phải là thơ, là một ý kiến, có vần, có điệu, coi như một bài thơ, nó thế này:

Tôi tin núi tàn
Tôi tin sông lấp
Tôi không thể nào tin
Một nhà thơ như anh
Lại ngã lòng suy sụp.
Một nhà thơ đã từng viết những câu thơ lẫm liệt
Trong tiểu đội của anh những ai còn ai mất
Không. Không ai còn ai mất
Ai cũng chết mà thôi
Người sau kẻ trước lao vào giặc
Giữ vững nghìn thu một giống nòi.....”
(Hoàng Cầm trả lời RFI)

Về Kinh Bắc là bản hùng ca của Hoàng Cầm, trả lời mọi thanh trừng bức bách. Nội dung “Về Kinh Bắc là về quê hương, đất mẹ Luy Lâu (Kinh Bắc), kinh đô văn hóa đầu tiên của nước Việt, để dâng sớ kể tội “triều đình” đàn áp tư tưởng, càn quét nhân tài” được giấu trong những câu thơ kín đáo, rồi lại đảo lộn thứ tự như sấm Trạng Trình, đọc qua không thể hiểu. Tác giả còn chen vào những bài trữ tình quan họ: Váy Đình Bảng, Lá Diêu Bông... khiến phần đông người đọc, lẫn người phê bình, chỉ chú ý vào những chỗ lãng mạn, trữ tình, dễ hiểu.

Nhưng kẻ ra lệnh bắt Hoàng Cầm đã hiểu.

Một bản hùng ca bi tráng, vào đêm. Đêm của người thất trận, nhưng không thoái gót.

Hoàng Cầm tiếp tục cỡi hùng ca bi tráng từ Hận Nam Quan, qua Kiều Loan và trở về Kinh Bắc, giọng vẫn sang sảng:

Về Kinh Bắc phải đâu con nghẹn khóc
Con không cười
Con thoảng nhớ thoảng quên. (Đêm Kim)
Về Kinh Bắc phải đâu con hé miệng (Đêm Mộc)
Về Kinh Bắc phải đâu con nhắm mắt (Đêm Thủy)
Về Kinh Bắc tìm chơi đàn kiến lửa (Đêm Hỏa)

Và những bức tranh cuồng loạn: Bức bách tự do, giam cầm nghệ sĩ, đàn áp trí thức, xé sách, cùm thơ, giam chữ, sống lại, sống mãi trong ký ức muôn đời của dân tộc:

Trăng lên chém đầu ngọn gió
Cành si bưng chậu máu chát chao (...)
Chợt mê thét giữa sân
Nét Mác chữ thiên toạc lưng trâu mộng
Máu đỏ
Mây dùn
Gió lộng
Sớm mai đi
Xé trang Luận Ngữ
lau gương
lên đường (...).
hỏi tội nghịch thần

mắt Chúa đảo thiên
Kéo áo che ngại
Né mũi kiếm vô hình xóc tới
Phanh hãm nhét vội một vàng dương
Cấn nhọn móng tay
Thơ cùm lim khắc máu (...)
Vùng chặt xích bẻ gông
phá cửa
cướp ngựa hình tham tri
phóng lên ải bắc
Nâng lụa ngang mày cảm tiếng khóc
Nghiến oán thù tím ngắt nắng Phong Châu
Đó là Hoàng Cầm. Hoàng Cầm viết lịch sử thời ông. Thời chúng ta.

CHƯƠNG XIII VĂN CAO

CHƯƠNG XIV PHÙNG CUNG

I.

Tại sao Phùng Cung bị bắt, bị biệt giam không có án ?

Tư tưởng của Phùng Cung độc đáo và ngược hướng với những người cùng thời, kể cả các thành viên Nhân Văn-Giai Phẩm và thế hệ ngày nay, trên nhiều địa hạt: *Bảo tồn văn hóa, lòng ái quốc, cách mạng mùa Thu, kháng chiến chống Pháp, chiến tranh Nam-Bắc, tình nước và tình người*. Chưa một nhà thơ, nhà văn nào dám đi xa như thế, viết những lời đả phá mãnh liệt như thế về quốc ca, quốc thiều, về cách mạng mùa Thu, về chính sách văn hóa của đảng cộng sản, về những tín hiệu đã mê hoặc người Việt Nam trong suốt thế kỷ qua. Và đó là lý do chính khiến Phùng Cung bị 12 năm tù, không có án.

Tìm hiểu Phùng Cung là tìm hiểu nguồn tư tưởng yêu nước đối lập với quan niệm chính thống và đi ngược lại niềm tự hào dân tộc cổ hữu, nhưng sẽ là kim chỉ nam cho một con đường dân tộc mới: Con đường chuyển *giáo dục chiến tranh* và *giáo dục hận thù* thành *giáo dục hòa bình* và *giáo dục văn hóa*.

Bao nhiêu người bị liên lụy trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm ?

1.- Danh sách những người trong nhóm “phá hoại” Nhân Văn-Giai Phẩm được chính thức ghi nhận trong cuốn Bọn Nhân-Văn Giai Phẩm Trước Tòa Án Dự Luận năm 1959, như sau:

“Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị [Thái Hà Ấp] nói trên, chúng ta được biết nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” bao gồm những tên “đầu sỏ”, những “cây bút” đã viết “hoặc nhiều hoặc ít” cho “Nhân Văn-Giai Phẩm” như: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiều Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dân, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh v.v... Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt). Và cũng không phải tất cả những “cây bút” trên đây đều có những hành động phá hoại giống nhau, hoặc phá hoại với những mức độ giống nhau. Có bọn đầu sỏ, có bọn phụ họa, có người bị

lời cuốn vì ngậy thơ chính trị...(Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận, nhà xuất bản sự thật, Hà Nội, 1959, trang 309-310).

Trong danh sách trên đây có **34 người** bị nêu tên.

2.- Danh sách những người có tên trên 5 số báo Nhân Văn và 5 tập Giai Phẩm: Nguyễn Hữu Đang, Minh Đức (Trần Thiếu Bảo), Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao, Trần Duy, Nguyễn Sáng, Phùng Quán, Sỹ Ngọc, Tử Phác, Tô Vũ, Nguyễn Bính, Quang Dũng, Phan Khôi, Hữu Loan, Phùng Cung, Trần Lê Văn, Phác Văn, Huy Phương, Lê Đại Thanh, Hoàng Yến, Nguyễn Tư Nghiêm, Trần Công, Hoàng Huế, Hồng Lược, Bùi Xuân Phái, Trương Tửu, Đào Duy Anh, Bùi Quang Đoài, Mai Hạnh, Chu Ngọc, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Trúc Lâm, Phan Vũ, Hoàng Tích Linh, Đặng Văn Ngữ, Trần Thịnh, Hữu Tâm, Thanh Bình, Trần Phương, Thanh Châu, Châm Văn Biếm, Hoàng Tố Nguyên, Cao Nhị, Trần Hải An...gồm **47 người**.

Hai danh sách trên đây không hoàn toàn giống nhau, vì ngoài *Nhân Văn* và *Giai Phẩm*, còn có một số sách báo khác, cùng xu hướng, như *Đất Mới* của Sinh Viên, hoặc *Tự Do Diễn Đàn* (Nghị Luận, số 1, ra ngày 10.12.1956 Minh Đức xuất bản, vừa phát hành đã bị tịch thu), Sách Tết 1957, do Minh Đức in đầu năm 1957, hoặc tạp chí *Sáng Tạo* (kịch trường và điện ảnh) của nhóm Trần Thịnh-Trần Công. Ngoài ra còn có những bài in trên các báo khác như báo Văn năm 1957, sau khi Nhân Văn-Giai Phẩm bị đình bản.

3.- Trong một tài liệu mới nhất, LHN cho biết: **“Số người gọi là tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm tại Hà Nội do bộ công an và công an Hà Nội quản lý, do tác giả [LHN] thống kê được gồm khoảng 170 người. Số bị xử lý nặng khoảng gần 100 người, còn số bị đưa vào danh sách để phân loại xử lý tính trên toàn miền Bắc ở tất cả các lĩnh vực phải tới hàng ngàn người. Bởi vì các ấn phẩm của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đã được đón nhận nồng nhiệt, được hưởng ứng không chỉ ở Hà Nội, mà xuống đến tận các vùng nông thôn miền núi.”** (Trích bài nghiên cứu chưa công bố của LHN).

Như vậy chúng ta tạm nhận con số **gần 100 người bị xử lý nặng**, do LHN đưa ra, cho đến khi nào có những chứng từ khác.

Trong danh sách chính thức năm 1959, thiếu tên hai người: **Phan Tại** và **Phùng Cung**, mặc dù cả hai đều bị đi tù, có thể vì Phan Tại và Phùng Cung, năm 1959, chưa bị tố giác. Nhưng hai trường hợp này cần tìm hiểu.

Phan Tại không viết bài trên cả Nhân Văn lẫn Giai Phẩm. Còn Phùng Cung với truyện ngắn *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh*, tác phẩm có giá trị tương đương với *Tiếng Sáo Tiền Kiếp* của Trần Duy, nhưng ý nghĩa kín đáo, khó có thể kết tội công khai được.

Phan Tại và nhóm Sáng Tạo trong địa hạt điện ảnh kịch trường

Trong phiên tòa ngày 19.1.1960, xử Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Thiếu Bảo, Lê Nguyên Chí (người giúp Nguyễn Hữu Đang trốn vào Nam), Phan Tại bị kết án 6 năm tù giam và 3 năm mất quyền công dân.

Tại sao kịch tác gia Phan Tại, chủ đoàn kịch *Sông Nhị*, lại bị kết án nặng như vậy? Tội của ông là tội gì?

Tổng hợp lời những nhân chứng, những bài viết, ông đã “phạm những tội” sau đây:

- “Chứa chấp” Thụy An (bà Thụy An ở chung nhà với ông bà Phan Tại).

- Nhà Phan Tại-Thụy An là một “câu lạc bộ văn nghệ” (tập kịch, chiếu phim, hội họp).

- “Nhóm” *Thụy An-Phan Tại* cùng với nhóm *Sáng Tạo* của *Trần Thịnh-Trần Công* chủ trương thành lập một hội điện ảnh độc lập. Đả phá phim tuyên truyền của

Liên Xô. Đổi mới kịch nghệ và điện ảnh theo đường lối Tân hiện thực (Néoréalisme) Ý và Nhật. Thụy An, Cao Nhị, Nắng Mai Hồng, Vũ Phạm Từ, Kỳ Nam...viết những bài giới thiệu, phê bình điện ảnh. Tổ chức chiếu lại những phim hay đã chiếu ở Hà Nội trước 1954, do Thụy An viết thuyết minh. Chiếu những kiệt tác tân hiện thực như *Miếng cơm cay đắng* (Riz amer), *Chiếc xe đạp* (La bicyclette) của Ý, *Rashomon*, *Những đứa trẻ Hiroshima*, *Anh gắng nuôi con* của Nhật... Những người trong *Sáng Tạo* như đạo diễn Trần Thịnh (chủ nhiệm *Sáng Tạo*), Trần Công, Chu Ngọc, Phan Vũ, Cao Nhị, v.v...đều có bài đăng trên Nhân Văn-Giai Phẩm.

Trong bài *Đi tìm dấu tích tờ báo Sáng Tạo* (Hà Nội, 1956) công bố trên Talawas ngày 3.2.2010, Lại Nguyên Ân cho biết: *Sáng Tạo* ra được hai số: Số 1 (5.11.1956) và số 2 (20.11.1956). Trong đợt đánh *Sáng Tạo*, Trần Đức Hình, chủ nhiệm tờ Điện Ảnh của Cục điện ảnh, viết:

“Nửa tháng “Liên hoan phim Liên Xô” khai mạc vào ngày 7.11.56, thì đúng ngày 5.11.56, Giai phẩm mùa Thu Tập III xuất bản, trong đó có đăng bài “Chúng Ta Gắng Nuôi Con”, hoạt cảnh của Chu Ngọc, đã kích không tiếc lời vào phim Liên Xô. Cùng ngày 5.11.56, báo Sáng Tạo ra số đầu, đã lộ ngay ý định xấu đối với phim Liên Xô (...) Những bài như trên phải được đặt bên cạnh bao nhiêu bài khác của Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Trần Dân, v.v...đang nhan nhản lúc bấy giờ ở các số Nhân Văn, Giai Phẩm thì mới thấy đầy đủ tính chất nguy hiểm của nó” (Trần Đức Hình *“Tẩy sạch nọc độc của chủ nghĩa xét lại trong việc giới thiệu, phê bình phim ảnh”*, *Điện ảnh số 14*, ngày 1.5.58, tài liệu của Lại Nguyên Ân).

Như vậy, có thể nói: Song song với Nhân Văn và Giai Phẩm, đã có một phong trào điện ảnh kịch trường, do hai nhóm *Phan Tại-Thụy An* và *Trần Thịnh-Trần Công* chủ trương. Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm như vậy, không chỉ giới hạn trong phạm vi văn học, mà còn lan rộng ra các ngành nghệ thuật khác, để trở thành cuộc ***cách mạng văn hóa toàn diện*** của các trí thức văn nghệ sĩ miền Bắc, đòi tự do sáng tác và tự do dân chủ.

Phan Tại, bị đi tù 6 năm, kèm 3 năm quản thúc, có thể vì những tội: “cấu kết” với Thụy An, là một trong những người “lãnh đạo” phong trào điện ảnh kịch trường cùng với Trần Thịnh-Trần Công trong nhóm *Sáng Tạo*.

Trường hợp Phùng Cung

Phùng Cung đại diện cho tất cả những người bị tù không có án, thậm chí không có lý do, hoặc lý do mơ hồ, khó hiểu, trong danh sách hàng trăm người bị xử lý nặng, hoặc hàng ngàn người, đã “liên hệ” xa gần với Nhân Văn Giai Phẩm, với nhóm “Xét lại chống đảng” những năm sáu mươi.

Mỗi cá nhân là một trường hợp, là một chân dung bị xóa, bị đưa đi biệt tích, trong cô đơn, đau khổ.

Phùng Cung cũng là khuôn mặt văn nghệ sĩ cuối cùng trong nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm mà chúng tôi đề cập trong loạt bài chân dung này, trước khi bước sang địa hạt trí thức. Nhưng không có nghĩa là những người khác không có giá trị: Mỗi con người đã góp phần vào việc đấu tranh cho dân chủ của đất nước Việt Nam từ đầu Thế Kỷ XX cho đến ngày nay là một giá trị, một biệt cách. Chỉ riêng trong Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm không thôi, sự can trường của Hữu Loan không giống sự can trường của Phùng Cung. Lòng nhiệt tình của Phùng Quán không dễ ai sánh được. Sự góp phần của Bùi Xuân Phái không giống Nguyễn Sáng. Kịch của Hoàng Tích Linh không giống kịch của Chu Ngọc...Mỗi nghệ sĩ, mỗi tác giả là một chân dung, mà ký ức lịch sử và văn học sẽ không thể bỏ qua.

Sau này, khi nhắc đến Phùng Cung, người ta thường cho rằng ông bị tù vì truyện *“Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh”*. Sự thực có lẽ phức tạp hơn nhiều, nó nằm trong toàn bộ thái độ sống và sáng tác của Phùng Cung. Bài viết này cố gắng tìm hiểu những nguyên do sâu xa đã đưa Phùng Cung vào vòng tù tội và bị theo dõi suốt đời. Nguyên do ấy có thể tóm tắt như sau:

Một tinh thần bất khuất không đầu hàng bạo lực cách mạng.

Một sự nghiệp thơ văn chống lại chiến tranh và xây dựng văn hóa dân tộc.

Tiểu sử Phùng Cung

Những chi tiết đáng tin cậy nhất về Phùng Cung nằm trong bài *Nhà Thơ Phùng Cung* của Phùng Hà Phủ, con trai Phùng Cung, nay đã qua đời.

Phùng Cung sinh ngày 18.7.1928 tại làng Kim Lân, xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Yên. Mất ngày 9.5.1998 tại Hà Nội. Quê tổ ở Xã Cam Lâm, Quận Đường Lâm, Huyện Phúc Thọ, Tỉnh Hà Tây. Vĩnh Yên (quê sinh) và Hà Tây (quê tổ) của Phùng Cung đều thuộc Tỉnh Sơn Tây. Họ Phùng ở Cam Lâm dòng dõi Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương). Là con trưởng một gia đình giàu có, đông con. Phùng Cung được gửi đi trọ học ở Thị Xã Sơn Tây. Có bằng Trung học (Brevet). Tháng 4.45, Nhật đảo chính Pháp, Phùng Cung trở lại quê nhà. Tháng 9.45, Phùng Cung (17 tuổi) được bầu làm chủ tịch liên xã Hồng Châu-Liên Châu. Tên xã do ông đặt và tên ấy vẫn còn giữ đến ngày nay. Phùng Cung làm chủ tịch xã được hai năm. Đến tháng 10.1947, Pháp chiếm Đông và Sơn Tây, Phùng Cung chạy lên Việt Bắc cùng mấy anh em trai. Tại quê nhà, gia đình ông bị liên lụy vì có con đi làm cách mạng.

Phùng Hà Phủ viết: *“Khi lên chiến khu, bố tôi làm công tác thông tin ở liên khu 10 Việt Bắc, cơ quan thông tin của ông Nguyễn Tấn Gi Trọng (Bác Sĩ Trọng sau này làm công tác chuyên môn tại Trường Đại Học Y Dược Hà Nội và là người giúp mẹ tôi theo học lớp dược tá khi hòa bình lập lại). Sau một thời gian làm tại liên khu 10, bố tôi mới chuyển sang an toàn khu và làm công tác văn nghệ, cùng sống và làm việc với các ông Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài,...cho đến khi hòa bình lập lại (1954) thì cùng với cơ quan hội văn nghệ về tiếp quản thủ đô Hà Nội.”* (Phùng Hà Phủ, *Nhà Thơ Phùng Cung*, in trong *Phùng Cung truyện và thơ chưa hề xuất bản* (Văn Nghệ, California 2003), in lại trong *Phùng Cung* (Trung tâm dân chủ cho Việt Nam, Canada 2004), bài có trên Talawas). Trong thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất, gia đình ông bị quy vào thành phần địa chủ cường hào. Cha ông bị đem ra đấu tố, rồi bị đưa lên giam giữ ở trại Cò Nỉ-Thái Nguyên. Khi ấy, Phùng Cung đang làm việc trong cơ quan văn nghệ kháng chiến ở Tuyên Quang. Phùng Hà Phủ viết: *“Khi bố tôi hay tin, bố rất nóng lòng chuyện nhà và muốn quay về xem sự thể ra sao. Những bạn bè thân trong cơ quan biết chuyện như ông Tô Hoài (lúc này đang phụ trách công tác đảng-đoàn của cơ quan văn nghệ) đều khuyên nên thật bình tĩnh, chờ đảng sẽ sửa sai. Trong một lần kết hợp đi công tác, bố tôi có tìm lên thăm và những mong gặp mặt để tiếp tế cho cụ. Nhưng tới nơi thì được một người bạn tù già cùng lán với cụ, chưa kịp nói câu nào vội vã dẫn bố lên khu đồi trọc phía sau trại giam và chỉ cho bố lùm đất mà ngọn sắn làm dấu mới héo lá. Quá bất ngờ trước cái chết của cụ, bố tôi quay ngay về Hà Nội, bố rất buồn, suy nghĩ nhiều và tránh mọi sự tiếp xúc với bên ngoài.”* (Bài đã dẫn)

1954, Phùng Cung làm việc tại hội văn nghệ.

1956, ông tham gia phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm với truyện ngắn *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh* đăng trên *Nhân Văn* số 4.

Tháng 5.1961 (theo Phùng Hà Phủ), công an đến nhà bắt Phùng Cung. Theo Nguyễn Hữu Hiệu, thì đó là ngày *“19 tháng Chạp năm Canh Tý”* [tức là 4.2.1961].

Ông bị tịch thu tất cả bản thảo và bị giam vào Hỏa Lò Hà Nội. Rồi bị chuyển đi các trại Bất Bạt (Sơn Tây), Yên Bình (Yên Bái) và Phong Quang (Lào Cai), bị tù 12 năm, với 11 năm biệt giam, không có án. Trong suốt thời gian từ tháng 2.58 (bắt đầu lớp Thái Hà) đến tháng 5.61, khi ông bị bắt, trong hơn ba năm, Phùng Cung vẫn sáng tác đều và không hề nhụt tay trong sự lên án chế độ.

Tháng 11.1972 ông được tha về.

Ông làm nghề thợ đing trong những ngày tháng còn lại, ông vẫn âm thầm sáng tác, vẫn bị công an đến thăm dò và kiểm soát. Ông phải chép bản thảo làm nhiều bản gửi nhiều nơi.

Phùng Cung mất năm 1998 tại Hà Nội.

Sáng tác và sáng tác trong tù / Bản thảo và gửi giữ bản thảo

1.- Nguyễn Chí Thiện cho biết ông gặp Phùng Cung tại trại Phong Quang, Yên Bái năm 1970, Phùng Cung đang nằm bệnh xá vì bị lao phổi. Trong những trao đổi của ông với Phùng Cung có câu:

"- Anh tù đã 10 năm rồi, anh sáng tác được nhiều không ?

Anh Cung lắc đầu:

- Máy năm đầu râu rĩ, lo nghĩ về vợ con, không làm gì được. Sau đó có viết một số truyện ngắn trong đầu, nhưng không nhớ nổi. đành chuyển sang thơ. Làm cũng được ít thôi, độ vài chục bài" (Nguyễn Chí Thiện viết về Phùng Cung, *Phùng Cung truyện và thơ*, nhà xuất bản văn nghệ, 2003, phần phụ lục, trang 397)

2.- Phùng Quán viết: *Sau mười hai năm cách ly đời thường, Phùng Cung như xa lạ với môi trường văn nghệ. Được trả lại tự do, việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lễ "Tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán". Rồi yên phận hăm hiu, anh tránh thật xa mùi bút mực. Anh xoay tròn làm nghề đập đing, phụ với vợ thêm nghề bán rán, nuôi ba đứa con trai đang sức ăn, sức lớn. Song hình như mùi dầu nhờn, gỉ sắt, mỡ rán vẫn không át được mùi bút mực. Những lúc rảnh tay, anh ngồi buồn thiu, thỉnh thoảng chấm ngón tay vào đáy chén trà cạn, viết một từ gì đó lên mặt bàn"* (Phùng Quán, *Hàng Nga Thức Dậy*, tài liệu Talawas).

3.- Về việc bản thảo và giữ gìn bản thảo, Ngô Minh thuật lại bối cảnh khi được Phùng Quán dẫn đến gặp Phùng Cung lần đầu, năm 1986:

"...rồi ông đứng lên mở ngăn kéo bàn lục tìm hồi lâu mới lấy ra một tập vở bé bằng bàn tay, bìa bọc giấy xi măng cấu bần, cầm đến đưa cho Phùng Quán: "Sau mười hai năm khổ ải, mình về với vợ con là mừng. Nghĩ đến tù đầy là sợ lắm." Phùng Cung trầm ngâm: "Quán ạ, mình cố quên hết văn chương. Nhưng không sao quên được. Đêm ngủ thơ nó cứ kéo về trong mộng. Thế là mình thủng thủng ghi lại từng ngày. Như là viết nhật ký. Đây là những bài thơ nho nhỏ về chuyện quê nhà. Nhưng bây giờ thì gay rồi. Hôm qua chú công an khu vực đến chơi nhà, bỗng dựng chú cười hỏi: "Chào bác Phùng Cung, nghe nói dạo này bác lại viết thơ nữa à ?" Chỉ câu hỏi vui thế mà làm mình nổi da gà. Sợ quá. Tập thơ này toàn hình ảnh quê, mình viết để giải khuây, không có "chuyện gì" trong đó cả. Nhưng nếu mà họ thu mất thì tiếc lắm. Nên Quán cứ giữ hộ cho mình cho chắc."(...)

Phùng Quán đưa cho tôi xem tập thơ chép tay. Tập vở mỏng, giấy học trò đen hùn. Trong đó mỗi trang chép một đến hai bài thơ, bài nào cũng ngắn, có bài chỉ hai ba câu, bốn năm câu giống như thơ Haiku của Nhật Bản, nét chữ Phùng Cung viết bằng bút chì rất nắn nót, hoa tay, nhưng không ghi tên tác giả. Tôi liếc bài thơ hai câu đầu tiên nhan đề là "Bèo", bỗng nổi da gà: Thơ ghê quá, bắt ngờ quá:

Lênh đênh muôn dặm nước non

Đạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh (...)

Trên đường về lại Hồ Tây, tôi bảo anh Quán: “Anh để em giữ tập thơ này cho. Anh giữ cùng chưa chắc an toàn”. Anh Phùng Quán đồng ý. Thế là tôi mang vào Huế. (...)

Tôi đã chọn hai chùm thơ Phùng Cung và đưa tập thơ viết bút chì của Phùng Cung cho nhà văn Nguyễn khắc Phê, lúc đó là phó tổng biên tập Sông Hương, sau này một giai đoạn là tổng biên tập. Tạp chí Sông Hương năm 1988 đã hai lần giới thiệu thơ Phùng Cung với những bài như “Nghiêng lụy”, “Bèo”, “Người làng”, “Chiếc lá rụng”, “Cô lái đò”, rút trong tập thơ chép tay bằng bút chì ấy. Có thể nói văn chương Phùng Cung lần đầu tiên sau 32 năm kể từ Con Ngựa Già Chúa Trịnh (1956) mới được xuất hiện trở lại, đã gây ấn tượng mạnh đối với độc giả Sông Hương và cả nước. Chắc chắn những ngày cuối năm 1988 ấy ông vui lắm. Gần đây tôi mới biết, khi nhà thơ Phùng Quán còn sống, một lần nữ nhà văn Hà Khánh Linh ở Huế ra Hà Nội, anh Phùng Quán cũng dắt đến thăm nhà thơ Phùng Cung ở Bưởi. Buổi trưa hôm đó Phùng Cung, Phùng Quán và ông Nguyễn Hữu Đang mời cơm nữ sĩ Hà Khánh Linh. Tại bữa cơm ấy Phùng Cung cũng đưa cho Hà Khánh Linh một tập thơ chép tay như thế, nhưng viết bằng bút mực, chứ không phải bút chì (...) Mới hay, gửi cho bạn bè giữ hộ là cách “lưu trữ” thơ của Phùng Cung. Ông phải chép thành nhiều bản để đề phòng bị mất” (Ngô Minh, *Phùng Cung Trong Tôi*, Huế, 3.2008, tài liệu Talawas)

Xuất hiện lại trên văn đàn

Như vậy, lần đầu tiên tác phẩm của Phùng Cung xuất hiện trở lại, là trên báo Sông Hương ở Huế năm 1988, với các bài thơ “Nghiêng lụy”, “Bèo”, “Người làng”, “Chiếc lá rụng”, “Cô lái đò”.

Nguyễn Hữu Hiệu, trong một thời gian dài, hay về nước, ông đã gặp Phùng Cung và nhiều nhà văn trong nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm. Ông đã đem được bản thảo của Phùng Cung ra hải ngoại: Bài Dạ Ký được đăng lần đầu trên tạp chí Khởi Hành của Viên Linh (bộ mới, số 1 và 2, tháng 11 và 12.1996); tiếp đó là *Ván Cờ Khai Xuân* (Khởi Hành số 4, tháng 2.1997) và *Phòng Tuyên Truyền Địa Ngục* (số 7 và 8, tháng 6 và 7.1997).

Năm 1995, nhà xuất bản văn hóa thông tin in tập *Xem Đêm* của Phùng Cung, gồm 200 bài thơ. “Tập thơ *Xem đêm* được in ra có phần cổ vũ, trợ giúp không nhỏ về tài chính của ông Đang và sự nhiệt tình của ông Quán. Ngoài ra cũng phải kể đến sự quý trọng và can thiệp trong khâu kiểm duyệt bài của nhà thơ Quang Huy, giám đốc nhà xuất bản đồng thời là người viết tựa cho cuốn sách này” (Phùng Hà Phủ, báo đã dẫn).

Năm năm sau khi Phùng Cung qua đời, Lâm Thu Vân cho in tại hải ngoại, cuốn *Phùng Cung Truyện và Thơ (chưa hề xuất bản)* (Văn Nghệ, 2003), gồm tập thơ *Trăng Ngục* (35 bài làm trong tù, từ 1961 đến 1972) và 11 truyện ngắn (10 truyện mới và *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh*). Năm sau, sách tái bản dưới tựa *Phùng Cung Trăng Ngục* (Trung Tâm Dân Chủ cho Việt nam, 2004) có thêm 74 bài thơ trích trong tập *Xem Đêm*.

Về tập *Xem Đêm*, Nguyễn Hữu Đang viết: “Nhà xuất bản văn hóa thông tin đã sốt sắng nhận làm bà mẹ đỡ đẻ cho đứa con tinh thần này của Phùng Cung. Khi đón nhận nó với cái tên ngộ nghĩnh *Xem Đêm*, tôi nghĩ ngay đến một câu của thi hào cổ đại Horace như đã “ứng” vào trường hợp này: “Tôi sẽ không chết tất cả” (nguyên văn tiếng La Tinh *Non omnis moriar*), ngụ ý sau khi thi sĩ qua đời, tác phẩm của ông là một phần con người ông sẽ còn sống mãi), Phùng Cung cũng hoàn toàn tin tưởng lạc quan ở sức sống lâu dài của thơ ông như Horace nghĩ về thơ mình. Và cố nhiên bấy lâu ông hằng mong thơ ông chóng thoát ly bản thảo để sức sống kia được thử thách và cống hiến” (Nguyễn Hữu Đang, *Con Người Phùng Cung và những bài thơ*

hay trong tập *Xem Đêm*, Hợp Lưu số 94, tháng 4-5.2007). Thơ Phùng Cung in được, nhờ Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang là hai bạn đồng hành và vài người "ngoài cuộc" như Quang Huy, nhóm Ngô Minh-Hà Khánh Linh và báo Sông Hương, ở Huế, ủng hộ. Còn sĩ phu Bắc Hà thì sao ?

Xem Đêm ra mắt độc giả trong nước từ 1995. Về mặt giá trị văn học, thơ Phùng Cung không thua gì những tập thơ khác của các bạn trong Nhân Văn-Giai Phẩm đã được in ra. Nhưng "giới sành thơ" ngoài Bắc không mấy ai nhắc đến. *Từ điển văn học* cũng không có mục từ về Phùng Cung trong khi Văn Cao, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Phùng Quán, có cả.

Phải chăng vì Phùng Cung chưa bao giờ được chính thức "xóa án" ? Chưa bao giờ được công khai "hồi phục" như những thành viên khác của Nhân Văn-Giai Phẩm ?

Nhưng còn một lý do nữa, có lẽ quan trọng hơn cả: Là mọi người ngại, không nhắc đến Phùng Cung, không phải vì *Xem Đêm*, mà vì nội dung toàn bộ tác phẩm của Phùng Cung, dù chưa in ở trong nước, nhưng đã có nhiều người biết hoặc đã đọc qua.

Cái làm cho người ta ngại, chính là tư tưởng của Phùng Cung. Một tư tưởng độc đáo và ngược hướng những người cùng thời, kể cả các thành viên Nhân Văn-Giai Phẩm và thế hệ ngày nay, trên nhiều địa hạt: ***Bảo tồn văn hóa, lòng ái quốc, cách mạng mùa Thu, kháng chiến chống Pháp, chiến tranh Nam-Bắc, tình nước và tình người.***

Chưa một nhà thơ, nhà văn nào dám đi xa như thế, viết những lời đã kích mãnh liệt như thế về quốc ca, quốc thiều, về cách mạng mùa Thu, về chính sách văn hóa của đảng cộng sản, về những tín hiệu đã mê hoặc người Việt Nam trong suốt thế kỷ qua. Và đó là lý do chính khiến Phùng Cung bị 12 năm tù. Rồi khi được thả, ông vẫn bị gạt ra ngoài vòng chấp nhận của nhiều người trong và ngoài đảng.

Tìm hiểu Phùng Cung là tìm hiểu dòng tư tưởng yêu nước đối lập với các quan niệm chính thống và đi ngược lại niềm tự hào dân tộc cổ hữu, nhưng sẽ là kim chỉ nam cho một con đường dân tộc mới: Con đường chuyển *giáo dục chiến tranh* và *giáo dục hận thù* thành *giáo dục hòa bình* và *giáo dục văn hóa*.

Phùng Cung và lớp chỉnh huấn Thái Hà Ấp

Nhân Văn-Giai Phẩm bị đình bản cuối tháng 12.1956. Trong năm 1957, mọi việc "bình thường" trở lại. Đến tháng 2.1958 sự thanh trừng mới bắt đầu với hai "lớp học" ở Ấp Thái Hà.

1.- Một số dữ kiện được ghi lại trong nhật ký Trần Dần, về những ngày sắp dự lớp học Thái Hà:

27.2.58 Phùng Cung: Tự dựng học hành đến nơi mà liên hiệp hội lại cho Phùng Cung nghỉ công tác. Phùng Cung lo. Không hiểu sao. Có phải vì các ông ấy sợ mình ở đấy đâm lộ chuyện hay không ? Hay là vì cái "giả vía", các ông ấy mới cho mình là cái thằng mất dạy ? Đã mất dạy thì thôi, không dạy cho nữa, để mà biết tay!

Tôi hỏi Phùng Cung xem cái "giả vía" ấy có gì ?

Phùng Cung cười hì hì, kể lại:

- Cũng chả có gì hì...Có một chỗ mình bảo là cái "đảng mạ", hì, nghĩa là cái thứ mạ, mình gọi là "đảng mạ", dùng tiếng quê vậy cho nó vui, hì...Lại có chỗ mình định ca ngợi các đồng chí chuyên gia, thì mình cũng dùng tiếng quê, bảo là "các ông ấy béo mà phương phi như tây đoan", "cái đệm các ông ấy nằm mà bà con ta nằm

thì ngủ không biết khi nào trở dậy được”, hi, mình cứ nói tiếng quê vậy, để bà con nhân dân ta đọc cho nó vui...hi...

Tôi lo dựng tóc gáy:

Anh viết thế mà anh bảo là tiếng quê! Anh có bị đánh mất xác cũng không oan...

Về sau tôi hỏi Hoàng Tích Linh. Linh bảo:

- Cái thằng, nó cứ có cái lối thế. Nó cho rằng viết phải đã cái gì một tí thì mới oai. Anh em khởi cười.

- Ai bảo nó thế ?

- Ấy thế mới khi!...Nó cứ nghĩ như thế cơ chứ! (Trần Dần ghi, Văn Nghệ, 2001, trang 238-239)

Những dòng này chứng tỏ, trước lớp Thái Hà, Phùng Cung vẫn sáng tác đều và bút pháp của ông vẫn không hề nhụt tay trong sự châm biếm đả.

2.- Phùng Quán, trong bài Hăng Nga Thức Dậy, cho biết về số truyện ngắn Phùng Cung viết trong thời kỳ này:

“Anh còn một tập truyện ngắn, đâu như tám truyện thì phải, cũng một dòng “ngựa, voi”, chưa kịp ra mắt bạn đọc thì đã bị cái khách quan khắc nghiệt “bảo lưu” cùng với tài năng của tác giả. Truyện nào viết xong anh cũng đưa tôi đọc. Truyện nào cũng làm tôi say mê vì vẻ đẹp của ngôn từ. Cái kho ngôn từ dân dã của anh dường như vô tận. So với tất cả văn xuôi của tôi đã in ra, tôi có cảm giác mình là người nước ngoài viết tiếng Việt.”

Phùng Hà Phủ viết: “Cũng khoảng thời gian này, [thời gian báo Nhân Văn bị cấm] bố tôi bị đình chỉ công tác để làm kiểm thảo. Bố tôi ít đến cơ quan và chỉ viết ở nhà, một số bạn thân của bố tôi thường lui tới như Trần Dần, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng...”

Như vậy, từ cuối năm 1956 đến 1961 (khi bị bắt) Phùng Cung vẫn sáng tác, Phùng Quán được đọc một số, ngoài Phùng Quán, nhiều người khác cũng được đọc, vì theo Tô Hoài, (trích dẫn ở dưới) bài Dạ Ký lúc bấy giờ, đã nổi tiếng lắm, đã đến tai ông.

3.- Phùng Cung là đảng viên (vào đảng từ khi ở Việt Bắc, chưa xác định rõ năm nào). Vậy ông phải đi cả hai lớp Thái Hà (cho đảng viên và cho người ngoài đảng). Trong kỳ học tập này, chắc ông chưa bị “tổ giác”.

Hoàng Cầm viết: “Tôi đi động viên Phùng Cung viết chuyện, và khi Phùng Cung viết “Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh” đưa tôi xem bản thảo đầu tiên, tôi có góp ý kiến vào việc diễn tả: “Chỗ con ngựa vào cung Vua, nên tả cho đáng ghét hơn”. Khi Phùng Cung đưa bản thảo lần thứ hai, tôi chữa văn và thêm nhiều câu diễn tả cảnh đẹp, diễn tả con ngựa càng ngày càng béo...” (Những lời thú nhận của Hoàng Cầm, văn nghệ, số 12, tháng 5 năm 1958)

Lê Đạt viết: “Tôi lại viết “lời tòa soạn” cho chuyện “Con ngựa già” của Phùng Cung đã kích và vu khống lãnh đạo văn nghệ không chú ý đến các nhà văn trẻ” (Những lời thú nhận của Lê Đạt, văn nghệ, số 12, tháng 5 năm 1958)

Hai lời “thú nhận” trên đây chứng tỏ Hoàng Cầm, Lê Đạt đều muốn “che tội” cho Phùng Cung hơn là tổ giác.

4.- Thái độ của Phùng Cung ở lớp Thái Hà được Trần Dần ghi trong nhật ký như sau:

29.4.58 Phùng Cung

- Nhục lắm. Mẹ nó. Mình xin về nhà có được không nhỉ ? (...) Có nên xin ra biên chế không ? Tôi nhìn Phùng Cung, ái ngại cho anh quá. Đâu như trong khi học tập, anh ta "hỗn" quá, bị đuổi khỏi lớp làm sao ấy... Tôi khuyên anh, rằng nên đầu hàng đi, rằng chỉ có một con đường, "họ" là chân lý, mình đầu hàng, là phải, rằng không nên xin ra biên chế, lúc này việc ấy có thể là một sự tiến công của tư tưởng thù địch, rằng không nên coi là nhục, oan ức gì nữa, mà cứ nghĩ lại xem tổng cộng cái bỏ chữ mình đã chửi vào lãnh đạo nó to như thế nào, còn oan và nhục gì nữa ? Phùng Cung xem ý không thông gì lắm. Tôi thấy khở! Một con người có cái gan "tử vì đạo" là Phùng Cung, than ôi, cái đạo anh định chết vì nó chính là cái đạo phản cách mạng, sao mà anh chưa tỉnh ngộ ra hử anh ?" (Trang 253)

Vậy theo nhật ký Trần Dần, ở lớp học Thái Hà, Phùng Cung đã lựa chọn thái độ cứng rắn, không đầu hàng, "tử vì đạo". Trong khi tôi khuyên anh, rằng nên đầu hàng đi

5.- Tháng 5.58, tức là thời gian ngay sau lớp Thái Hà, Trần Dần ghi tiếp về sự phải tự tổ trong các bài kiểm thảo:

Ngày 7.5.58 Kiểm thảo sáng tác.

Đảng đoàn hội nhà văn để cả một tuần này, để cho Nhân Văn viết lại cái phần kiểm thảo sáng tác! Theo như đồng chí Nguyễn Xuân Sanh nói, thì tuần trước, phần đó viết chưa sâu, vì thiếu thời giờ, thì tuần này viết lại cho kỹ. Mà phải viết sao cho có thể dùng in công khai được. Sau khi mọi người đã nộp cái của quốc cấm, nghĩa là cả một đống những Nhân Văn-Giai Phẩm rồi, thì tập trung ở cả một phòng, viết kiểm thảo. (...) Anh nào anh nấy lặn vào viết. Lắm hình dung từ, lắm tiếng tự phê dao búa! (...)

Tôi cũng không kém. Bao nhiêu hình dung từ phản cách mạng, phản động, phản đảng, phản bội, chống chế độ, xét lại, tở-rốt-kít. Không còn thiếu chữ gì. Giặc bút, viên đạn xét lại, mũi tên độc địa của chủ nghĩa cá nhân đòi truy, chủ nghĩa vô chính phủ và đầu óc làm phản v.v... Tôi sáng tác thêm nhiều chữ nữa để mà miêu tả chân tướng mình, cho nó hết lòng một thể.

Chắc các đồng chí lãnh đạo đọc một loạt kiểm thảo bọn tôi lần này thì phải bực cười lắm đấy! "Trước kia thì nói nhẹ chúng cũng không nghe. Bây giờ thì chúng lại còn tự sỉ vả gấp triệu lần sự phê bình của lãnh đạo!" (trang 257)

6.- Trần Dần mô tả tâm trạng ông và các bạn trong tình hình ấy:

Ngày 12.5.58 Tình hình cuộc đấu tranh cứ lộn đi lộn lại từ B [văn nghệ sĩ] sang A [trí thức], lại A sang B, báo chí cứ xoay đi xoay lại mãi, cứ như một cái nồi khổng lồ của vô sản chuyên chính, ninh đi ninh lại cho nó dừ cái chủ nghĩa xét lại ra.

Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhẩn nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ. Không còn cách nào. Đây không phải là một sự trừng trị cá nhân; mà đây là "chúng ta" trừng trị một phong trào, một trào lưu tư tưởng của chủ nghĩa xét lại... Tôi vừa là một tội nhân. Vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn" (trang 260).

Sau cùng, Trần Dần kể lại chiến thuật của mình, ông giải thích tại sao phải tổ các bạn để tìm lối thoát và tổ như thế nào:

21.5.58

“Thực ra, trước khi Hoàng Cầm báo cáo, tôi dự định là giữ Văn Cao và Đặng Đình Hưng lại, như là “giữ một nửa thành phố, chỉ đầu hàng một nửa” (...). Nên báo cáo tổ, bị hỏi, bị dồn, bị truy nữa, tôi vẫn giấu quanh, không chịu thú thủ cái một nửa thành phố đó!
Đến lúc Hoàng Cầm báo cáo, tức Hoàng Cầm “rendre” [khai] hai ông bạn quý đó rồi. Phan Vũ lên tổ thêm Văn Cao. Lê Đạt thì chỉ xác nhận, tổ thêm tí tình, còn bao che Đặng Đình Hưng nhiều. Hơn nữa, qua báo cáo Hoàng Cầm và Lê Đạt, thì tôi “được” đưa lên mũi nhọn, “được” hội trường chờ đợi rất ghê!

Bảo lúc ấy châu chực trên đầu lâu tôi!

Tôi phải tính kế, vừa thoát thân, vừa thoát cho bốn thằng đang bị dồn đánh ghê gớm Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Tử Phác vừa để sao cho Văn Cao, Đặng Đình Hưng hiểu mình, qua cái ý ngầm của bản báo cáo!

Cụ thể, tức là tôi nghĩ rằng: “Bây giờ chỉ còn con đường duy nhất, là đầu hàng đảng. Không có con đường khác. Mà đã hàng thì hàng thực sự, về sau mới thực sự trời êm bể lặng được. Thế nào là hàng thực sự? Hàng thực sự là: Mỗi người phải ra mà gánh lấy cái phần bảo, do chính trách nhiệm mình gây ra! Bốn thằng đang chịu cái trận bão đó rồi, còn hai ông anh Văn Cao, Đặng Đình Hưng thì xin nhờ đến vai hai ông, mang vác lấy cái phần của các ông! (...)

Thực tế đã chứng minh cho giá trị chủ trương đó. Quả nhiên: Ngay trong lớp học, bão cũng đã ngàn đi dần dần trên đầu bốn thằng, và sau khi chuyển mạnh sang đầu hai thằng kia ít bữa, rồi nó cũng ngàn đi.

Đến sau lớp học nữa, thằng nào cũng đều được sống trong một không khí được giải vây tương đối dễ thở. Với thời gian chắc nó sẽ càng dễ thở hơn.

Chỉ có cái là trong bộ sáu Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Tử Phác, Đặng Đình Hưng thì có một sự phân hóa của trách móc, hằn thù...Hoàng Cầm có vẻ khỏ! Lê Đạt tự cho mình là oai nhất, “đúng nhất, vừa mức nhất, không vấy cho ai!”, Lê Đạt cho tôi là “quá mức!”, Đặng Đình Hưng thì kể cả: “Tất nhiên có chuyện đó, nhưng đã thuộc lịch sử rồi. Tử Phác khó hiểu, vừa ghét Hoàng Cầm, vừa ghét Văn Cao mà vẫn nói lại một phần, còn đối tôi thì lại bảo là: “anh ghê nhất, anh giỏi nhất!” (trang 267-268).

Những trang nhật ký trên đây của Trần Dần, giải thích sự kiện tại sao những con người như ông phải đầu hàng trước hệ thống cưỡng bách thẩm vấn trong chế độ toàn trị, chúng cho biết thêm về điều kiện viết những bản tự thú hoặc tố giác người khác, đồng thời vô hiệu hóa giá trị những văn bản này trong một chế độ dân chủ.

Phùng Cung bị bắt

1.- Họa Sĩ Trần Duy, cựu Thư Ký Tòa Soạn báo Nhân Văn, trong bài “Một câu hỏi còn chưa được trả lời” đăng ngày 10.7.2009 trên Talawas, viết:

“Chính việc anh Phùng Cung bị bắt làm tôi rất lo sợ và đau buồn, vì Phùng Cung không tham gia Nhân Văn ngoài bài viết “Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh” nhằm vào một nhân vật có tên tuổi trong Hội Nhà Văn (Nguyễn Tuân). Nhưng vì anh

Phùng Cung có một số bài viết đầu tay đã chuyển cho một số đàn anh xem để biết, rồi không hiểu bằng cách nào đó những bản thảo ấy lại vào tay lãnh đạo (tôi không được đọc những bài viết ấy) (...)
Tôi nhớ một cuộc họp tại trụ sở hội nhà văn ở Đường Nguyễn Du năm 1957 dưới sự chủ tọa của Hà Minh Tuân, Nguyên Hồng... người đến họp có đông văn nghệ sĩ, trong đó có Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần, qua những câu hỏi, những lời xác minh của các anh Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần thì đúng Phùng Cung là tác giả của những bài viết kể trên, và như vậy bản án đã úp lên đời Phùng Cung một tội trạng. Tôi còn nhớ câu của Nguyên Hồng nói sau khi kết thúc buổi họp: “Các anh lúc bình thường đối xử với nhau có vẻ trí thức lắm, nhưng lúc có sự việc xảy ra thì các anh đối xử với nhau không bằng lũ chăn trâu!”. Ra đến cổng anh Nguyên Hồng vỗ vào vai tôi và bảo: “Đã biết sợ chưa!”.

Quả tình tôi rất sợ, tất nhiên sợ về pháp luật là chính nhưng sợ hơn nữa là nhân tâm con người, sự tàn nhẫn của những con người đã bán rẻ nhân phẩm của mình để tự cứu mình, giẫm lên sinh mạng của những người khác để tự thoát thân”.

Theo Họa Sĩ Trần Duy, thì việc Phùng Cung bị tố giác xảy ra năm 1957, và Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần là những người tố, việc tố này đã khiến Phùng Cung bị kết án.

Chúng tôi so sánh với những tài liệu khác thì không thấy nơi nào ghi năm 1957 đã có việc tố giác Phùng Cung. Vậy có thể Họa Sĩ Trần Duy đã nhớ lầm vài năm. Hầu hết đều ghi sự việc bắt đầu vào khoảng cuối năm 1960 trở đi, nghĩa là sau lớp học Thái Hà hơn một năm.

2.- Phùng Hà Phủ viết: “Một buổi sáng như thường lệ, khi mẹ tôi đi làm (lúc đó hai anh em tôi còn nhỏ, chưa đến tuổi đi học), thì ở nhà, căn hộ mà gia đình tôi ở bị công an mang xe ô tô đến vây bắt khám xét. Sau khi khám nhà và tịch thu toàn bộ sách vở, tài liệu, bố tôi bị đưa ngay vào giam ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Đó là tháng 5.1961. Kể từ ngày đó mãi cho đến thời gian chuẩn bị ký hiệp định Paris (1973), tức là 12 năm sau, bố tôi mới được tha về nhà. Thời gian đầu bố tôi bị giam ở Hỏa Lò (Hà Nội), sau đó đưa lên Bát Bạt (Sơn Tây), rồi Yên Bình (Yên Bái), Phong Quang (Lào Cai)”.

“Bố tôi bị bắt và giam giữ nhưng không có án mà gọi là đi tập trung cải tạo (...)
Sau này lúc mãn hạn tù, mẹ tôi mới biết bố tôi luôn là đối tượng bị giam cầm cố trong xà lim, bị hạn chế tôi đã tiếp xúc với thân nhân.

Nhớ lại theo bố tôi kể “khi xảy ra chuyện”, buổi sáng đó bố tôi được triệu tập tới cơ quan để họp. Đến nơi thấy mọi người xung quanh đều có ý lảng tránh mình, thậm chí không dám mời nhau uống chén nước. Ngay cả những bạn rất thân và thường lui tới nhà cũng tìm cách lánh mặt. Ngay sau đó bố tôi bị đem ra kiểm điểm trước cuộc họp, mà thực chất gần như một buổi đấu tố thời “cải cách” của liên hiệp hội văn học nghệ thuật (gồm cả đại diện bên văn nghệ quân đội). Chủ trì cuộc đấu tố gồm các ông Võ hồng Cương, Nguyễn đình Thi, Chế lan Viên, Hoài Thanh... Cảm tưởng đau xót và ngỡ ngàng nhất đối với bố tôi là những bạn thường ngày chơi thân với bố tôi như vậy đều tham gia vào việc “đấu tố”. Ngày hôm đó, ông Trần Dần là người đứng lên “tố” để hai ông Lê Đạt và Hoàng Cầm làm chứng đối. Tội chính mà bố tôi bị “tố” là mang lòng hận thù cách mạng sau cái chết của bố mình. Lôi kéo

người khác cùng về hòa để lãnh đạo và còn viết nhiều chuyện chưa in khác. Tất cả nội dung đều tập trung vào lãnh tụ và đảng cộng sản như: Dạ Ký, Chiếc Mũ Lông, Quản Thối, Kép Nghề...Việc bố tôi bị bắt sau đó là do tham gia làm báo Nhân Văn nhưng theo mẹ tôi còn nhiều lý do khác nữa (...)

Từ ngày ra tù bố tôi sống như người bị câm, hầu như không quan hệ với ai ngay trong các bạn văn quen biết cũ. Những người trực tiếp “tố” bố tôi ngày xưa đều cảm thấy hối hận về việc làm của mình và xin lỗi bố tôi.” (Trích Phùng Cung Truyện và Thơ (văn nghệ 2003)

Phùng Hà Phủ, không ghi rõ ngày “xảy ra chuyện” (khi đó hai anh em mới 4 tuổi và 2 tuổi), chỉ thuật những gì nghe cha mẹ kể lại, có những chi tiết phù hợp với những điều Nguyễn Hữu Hiệu viết trên báo Khởi Hành.

3.- Nguyễn Hữu Hiệu viết:

“Theo lệ thường, mỗi năm, hội viên hội nhà văn phải viết bá cáo, tự thuật, tự đánh giá mình đọc trước lãnh đạo.

Trong đợt học tập cuối năm 1960, tổ học tập gồm bốn người cứng đầu kia Phùng Cung, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt bị trực tiếp đặt dưới quyền tổ trưởng Võ hồng Chương chắc là Võ hồng Cương. Trong đợt học tập này Trần Dần được lãnh đạo viết bản tố cáo dài gần 40 trang viết tay chữ nhỏ như kiến. Phùng Cung bị đấu hai buổi trước đông đảo văn nghệ sĩ tại trụ sở hội nhà văn, bị tố cáo là tên phản động ngoan cố nhất của “Nhân Văn-Giai Phẩm”.

Chế lan Viên, cuối cùng, mới đứng lên đề nghị phải lập tức điều công an đến khám nhà và bắt Phùng Cung.

Nỗi đau nhục bị phản bội chưa qua thì họa khám nhà đã đến. Ngày 19 tháng Chạp năm Canh Tý 1960 [thực ra ngày 19 tháng Chạp năm Canh Tý là ngày 4.2.1961]. Công an vây kín ngõ, xông xộc vào nhà, lục soát, dầy xéo lung tung, tịch thu toàn bộ bản thảo gồm trên ba chục truyện ngắn và rất nhiều thơ. Phùng Cung bị đưa vào Hỏa Lò Hà Nội.

Sau đó, ông bị đưa đi biệt giam qua các trại Bất Bạt (Sơn Tây), Yên Bình (Yên Bái), Bảo Thắng (Lào Kai) từ đầu 1961 đến cuối 1972. Suốt trong mười một năm bị biệt giam, Phùng Cung bị lao nặng và nhiều bệnh trầm kha khác. Khi được phóng thích ông vẫn bị quản chế rất chặt tại địa phương”

Khi làn sóng Dân Chủ đích thực, giấc mơ đời của Phùng Cung dâng lên đe dọa nhận chìm Liên Xô “Thành đồng của cách mạng” thì Phùng Cung không được làm “bất cứ việc gì liên quan đến chữ nghĩa” kể cả việc làm gia sư. Điều đặn hàng tuần công an đến nhà thăm hỏi sức khỏe, ngồi ì trong nhà khiến không ai dám bén mảng tới. Đông Âu sụp đổ, hình thức quản chế cũng theo đà “đổi mới” theo, nghĩa là công an vẫn đến thăm hỏi như xưa nhưng nhẹ nhàng và ít thường xuyên hơn.

Hiện Phùng Cung đang sống lây lất với gia đình tại một căn nhà âm u, lụp xụp tại vùng Quần Ngựa ngoại thành cũ”. (Nguyễn Hữu Hiệu, Phùng Cung, Khởi Hành, Bộ mới số 1, tháng 11.1996, trang 7).

Chế Lan Viên ra lệnh bắt Phùng Cung

Tổng hợp những thông tin của Phùng Hà Phủ, Nguyễn Hữu Hiệu và Trần Duy, chúng ta có thể xây dựng lại một thực tại như sau:

Trong đợt học tập cuối năm 1960, Trần Dần. [chắc là Trần Dần], được chỉ định viết bản tố cáo dày gần 40 trang, [Trần Dần cũng xác nhận việc phải khai các bạn, và các bạn khai mình, để tìm lối thoát, trong nhật ký]. Sau bài tố của Trần Dần, Hoàng Cầm và Lê Đạt, phải đứng lên phụ họa, xác định các tác phẩm mà Phùng Cung viết trong mấy năm qua ngụ ý chống đảng là có thật.

Màn bi kịch này có thể đã được dàn dựng trước, với những yếu tố sau đây:

- Sau khi Nhân Văn-Giai Phẩm bị đình bản, Phùng Cung vẫn tiếp tục sáng tác và ngoài bộ ba Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt còn nhiều người được đọc các sáng tác này, vì họ vẫn công khai trao đổi văn chương ở trụ sở hội nhà văn (khoảng 18 tháng, từ đầu năm 1957 đến tháng 8.58 khi Trần Dần, Lê Đạt bị đi cải tạo đợt đầu). Đặc biệt bài *Dạ Ký*, dường như đã “nổi tiếng” lắm trong giới *văn học* và *công an* đương thời:

“Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được phong chức “tay truyện ngắn nhất Đông Dương”. Chắc là ở chiếu la đà với nhau, ăn nói càng ganh nhau, ngổ ngáo, bạt mạng. Đương viết tập Dạ Ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm” (Tô Hoài, Cát Bụi Chân Ai).

“Quả thật sau đợt học tập này [Thái Hà], những anh em “Nhân Văn” hầu hết đều không dám qua lại nhà nhau, có chạm mặt ở cơ quan cũng không dám chào hỏi nhau, len lén cúi đầu sợ sệt. Riêng có bọn “chúng nó bốn thằng” là Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt vẫn bất chấp, ngang nhiên quán quýt, trao đổi văn chương, chuyện trò rôm rả, nhất là khi gặp nhau tại trụ sở hội nhà văn 84 Nguyễn Du. Thái độ ngông nghênh này làm gai mắt lãnh đạo. Khi nào công an chịu bỏ qua?” (Nguyễn Hữu Hiệu).

- Cuối 1960, đầu 1961, khi Phùng Cung bị gọi lên kiểm thảo, bộ ba Trần Dần, Hoàng Cầm Lê Đạt đã bị đánh tan nát. Trần Dần, Lê Đạt, phải đi chăn bò, chăn trâu, bị cách ly. Trong hoàn cảnh như vậy, liệu họ còn có thể từ chối khi “được” chỉ định phải tố Phùng Cung hay không ?

- Hay đây chỉ là sự dàn cảnh để mọi người thấy rõ “bộ mặt tồi tệ của bọn Nhân Văn”, “bọn chúng tố cáo lẫn nhau” đây, và để cho Chế lan Viên có cơ ra lệnh khám nhà và bắt “tên phản động” Phùng Cung.

- Chế lan Viên đã đóng đúng vai trò Tố Hữu trong việc bắt Trần Dần, nhưng một cách “đường đường chính chính”, không ám lậu như Tố Hữu.

- Ba người nắm hồ sơ và hoạt động đặc lực nhất trong vụ thanh trừng Nhân Văn-Giai Phẩm là Chế lan Viên, Hoàng trung Thông và Đào Vũ. Nhưng Chế lan Viên khôn khéo hơn hai người kia, ông không viết bài đánh nên không có văn bản “để đời”.

Nhưng ông thù Phùng Cung vì bài *Dạ Ký*, trong đó Phùng Cung vẽ biếm họa một số chân dung văn học, đặc biệt bốn vị “*tứ bất tử*”: Tố Hữu, Chế lan Viên, Hoài Thanh và Nguyễn đình Thi, có thêm “*đương kim vô địch khôn*” Tô Hoài, và vẽ cả các bạn đồng hành Quang Dũng, Văn Cao, Hoàng Cầm, Lê Đạt.

Tất nhiên Chế lan Viên không thể thích bức chân dung “*nhà thơ giả thiếu số*” chuyên dùng khoa “*Phật vận*” tức là “*lấy tiếng chó làm chuẩn để cân đong đánh giá sự gian ngay*” mà Phùng Cung họa về mình. Bài *Dạ Ký* đối với bốn vị lãnh đạo văn

nghệ “tứ bất tử” là không thể chấp nhận được. Đặc biệt với Chế lan Viên, sự “phạm thượng” có thể sánh ngang vụ Việt Bắc đối với Tố Hữu.

- Phùng Cung bị bắt và bị tịch thu toàn bộ bản thảo gồm trên **ba chục truyện ngắn và rất nhiều thơ** (theo Nguyễn Hữu Hiệu). Vậy những bản thảo này hiện ở đâu ? Từ khi được tha về cho đến lúc mất, Phùng Cung chỉ viết lại (hay sửa lại) được 10 truyện ngắn, in năm 2003 tại hải ngoại.

Như vậy, có thể nói, bài *Dạ Ký* là cái họa lớn của Phùng Cung, lớn hơn *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh*.

Trong *Cát Bụi Chân Ai*, viết về Phùng Cung năm 1990, giọng Tô Hoài vẫn còn cay đắng:

“Tan lớp ở Thái Hà ít lâu, Phùng Cung bị bắt. Phùng Cung công tác chạy hiệu ở văn phòng cơ quan hội văn nghệ từ trên Tuyên Quang. Ở rừng những việc tẩn mẩn không tên, sổ sách công văn, giữ thư viện, làm lán mới, đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan...Nghĩ đến Phùng Cung, tôi nhớ những việc linh tinh hàng ngày ở cơ quan kháng chiến (...) Phùng Cung ở cơ quan nào đạt đến, không nhớ. Chơi vui, cũng không để ý, kể cả việc hệ trọng khi tôi nhờ Phùng Cung đi đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy. Đọc truyện ngắn “Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh” của Phùng Cung đăng trên báo Nhân Văn tôi cũng gật gù đại khái “thằng này viết được. Nhưng còn học máu ra mới nên cơm cháo đấy, con ạ”. Cũng điều đóm tập tành như mình ngày xưa, đâu đã mà có sừng có mỏ ngay.

*Phùng Cung bị bắt khi “nhân văn, nhân võ” đã được dọn dẹp êm ắng, đã tàn. Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được phong chức “tay truyện ngắn nhất Đông Dương”. Chắc là ở chiếu la đà với nhau, ăn nói càng ganh nhau, ngổ ngáo, bạt mạng. Đương viết tập *Dạ Ký* đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm”.*

Tôi không thể tưởng tượng một Phùng Cung thế nào, tôi không biết được. Tôi vẫn mơ màng chúng tôi, cây số ba, cây số bảy trên Tuyên, phở Dơi, cà phê Pháo, anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu về vệt vệt nặn trứng cá, cứ ngồi lừ lừ bên bàn đọc sách, có lúc gãi ghè hay lúi húi làm gì, con mắt đo đờ mà tinh vật, như chú mèo vờ lù rù rình chuột. Về Hà Nội, đôi ba lần chúng tôi lảng cháng lên cà phê Phúc Châu phố trên. Hình như Phùng Cung quê ở Sơn Tây và mỗi nhà địa chủ phú nông thế nào đấy, cũng không bao giờ nói và tôi cũng không hỏi. Lại bao nhiêu năm sau. Chập tối, một người bước vào cửa. Dáng cù rù, mặt tái ngoét, không phải Phùng Cung mà là cái bóng Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chì mờ mờ.

- Phùng Cung phải không ?

- Tôi đây.

- Còn sống về được à ?

- Cũng không hiểu tại sao anh ạ.

(...)

- Anh có biết tôi phải tù bao nhiêu năm ?

- Không biết.

- Vâng tù biệt giam mười một năm.

Đã tù, lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù. Thế nào, người tù biệt giam mười một năm vẫn hiện được về. Lại lâu lắm không gặp gỡ. Ngỡ như Phùng Cung đã làm sao. Nhưng một hôm, có người sở công an đến nhờ tôi ký chứng nhận quãng công tác ở cơ quan sau cùng Phùng Cung làm việc, trước khi phải tù.

Tôi hỏi người công an trẻ tuổi cảm giấy.

- Chúng nhận để làm gì ?

- Có liên tục công tác mới đủ năm cầm sổ hưu. Thủ tục ạ.

- Liên tục cả ở cơ quan nhà tù ?

Anh công an cười hồn nhiên, chào “cám ơn bác”.

Gần đây, nghe Phùng Cung đã chuyển lên ở trên Quận Ngựa. Nghe nói đã khám khá, làm nhà mới. Lại thấy bảo đương viết, viết hồi ký hay tiếp tục Dạ Ký, sau hơn ba mươi năm, hả đời ? Định có hôm nào lên chơi, vẫn chưa đi được.” (Cát Bụi Chân Ai, Bản Hồng Lĩnh, Cali, 1993, trang 120-123).

Những dòng trên đây phản ảnh khá rõ tình cảm Tô Hoài dành cho cái xóm “nhà lá” mà ông gọi mỉa là “*nhân văn, nhân võ*”. Đặc biệt Phùng Cung, hồi trẻ, được ông mô tả: “*anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu về vết vết nặn trứng cá, cứ ngồi lừ rừ bên bàn đọc sách, có lúc gãi ghê hay lúi húi làm gì, con mắt đo đờ mà tinh vật, như chú mèo vờ lù rù rình chuột*”. Người thanh niên này làm việc dưới quyền ông, chỉ được ông giao cho việc vặt, đại loại “*công tác chạy hiệu*”, “*Ở rừng*”, làm “*những việc tửn mẫn*”, “*đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan*”...Việc quan trọng nhất được ông sai là “*đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy*”. Và khi đọc *Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh*, ông nghĩ “*thằng này viết được. Nhưng còn học máu ra mới nên cơm cháo đấy, con ạ*”. Sau khi đi tù 12 năm, về, đến thăm, ông rửa thắm “*Đã tù, lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù*”....Thế mà vẫn không chừa, vẫn lại chứng nào tật ấy: “*Lại thấy bảo đương viết, viết hồi ký hay tiếp tục Dạ Ký, sau hơn ba mươi năm, hả đời ?*”

Những dòng này viết năm 1990, hơn bốn mươi năm sau khi Nhân Văn Giai Phẩm bị dẹp, mà giọng Tô Hoài vẫn chưa thôi miệt thị và hằn học, như vậy đủ biết mấy trang Dạ Ký của Phùng Cung, nặng nợ như thế nào.

Nhưng chỉ một Dạ Ký thôi, có lẽ chưa đủ để “lính án” 12 năm. Dạ Ký là cái cơ đầu tiên cho những người lãnh đạo văn nghệ bị Phùng Cung biếm họa nổi giận. Để Chế lan Viên ra lệnh bắt. Việc tù tội tiếp sau, dựa trên toàn bộ tác phẩm thơ văn của Phùng Cung, một nội dung đào sâu vào tận gốc chính sách tiêu diệt văn hoá của đảng, áp dụng từ cách mạng tháng Tám:

“Giải thoát” và “Mộ phách” viết về sự bức tử nghề ca trù và tuồng chèo cổ.

“Biệt tích” là sự thủ tiêu nghề thợ mộc chân chính.

“Mạt kiếp” là cái đói và cái chết của người cùng đinh.

“Phòng tuyên truyền địa ngục” là cơ quan dụ dỗ con người bỏ trần gian để về với thiên đường địa ngục...

---oOo---

PHỤ LỤC I

MỘT TƯ TRÀO, MỘT VỤ ÁN, MỘT TỘI ÁC

Trần Minh

“Nhân Văn-Giai Phẩm” là một tư trào trong giới trí thức miền Bắc Việt Nam hồi giữa thập niên 50. Nó phản ánh những băn khoăn, trăn trở, suy nghĩ của những người trí thức nhạy cảm trước tình cảnh đau thương của người dân, họ phê phán những điều tệ hại trong xã hội hồi đó và khẩn khoản đề đạt lên ban lãnh đạo của đảng cộng sản (lúc đó mang tên đảng lao động) những đề nghị để cải tiến tình hình. Tư trào đó nói lên khát vọng dân chủ tự do, nhất là tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do sáng tác.

Xét sâu xa về thực chất thì đó là một trào lưu dân chủ, bước đầu của sự chống đối chính sách của đảng cầm quyền và chế độ mà đảng ấy áp đặt cho nhân dân. Đúng vậy, đây chỉ là bước đầu mà thôi. Sự chống đối hồi đó còn ở mức độ rất thấp, rất ôn hòa, hoàn toàn chỉ biểu hiện trên mặt báo chí, dưới hình thức văn nghệ, trong lời nói dè dặt, nhẹ nhàng, có khi bóng bẩy, ẩn dụ. Cố nhiên, trong chế độ cực quyền hết sức khắc nghiệt hồi đó, khi mọi người chỉ được phép ca ngợi đảng và lãnh tụ hoặc chỉ biết giữ mồm giữ miệng làm thinh, thì những lời lẽ dù nhẹ nhàng, dè dặt, nhưng công nhiên phê phán sự lãnh đạo của đảng, đã là một sự thách thức lớn đối với chế độ đương thời và là sự thể hiện cao độ lòng dũng cảm đáng phục của lớp sĩ phu Bắc Hà.

Hồi giữa thập niên 50, tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm” cuốn hút khá mạnh trí thức miền Bắc thuộc đủ mọi giới: Nhà Văn, Nhà Thơ, Giáo Sư, Luật Sư, Nhạc Sĩ, Họa Sĩ, Kỹ Sư, Diễn Viên, Ca Sĩ, Sinh Viên, Học Sinh...

Các quan điểm về văn học, nghệ thuật, cũng như về chính trị, kinh tế của tư trào này được trình bày rõ nét nhất trên tờ báo “Nhân Văn” và các tập “Giai Phẩm”, nên người ta gọi tư trào này bằng cái tên “Nhân Văn-Giai Phẩm”.

Bối Cảnh Chung

Để hiểu được nguyên nhân ra đời của tư trào này, cần phải nhắc lại tình hình Việt Nam, nhất là miền Bắc Việt Nam hồi thập niên 50 và vài sự kiện đáng kể trên thế giới thời đó.

Sau khi nắm được quyền bính ở nhiều vùng trong nước, đảng cộng sản đã quên ngay những lời hứa hẹn về dân chủ, tự do mà họ đã hào phóng tung ra khi chưa cầm quyền và ngày càng siết chặt nền chuyên chế của một nhóm người trong đảng đối với nhân dân mà, mĩa mai thay, họ gọi một cách bịp bợm là nền chuyên chính dân chủ nhân dân!

Tháng 7 năm 1954, Hiệp Định Genève được ký kết sau thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ, đất nước ta bị chia cắt làm hai miền, chính quyền của đảng cộng sản tiếp nhận miền Bắc. Ngay sau đó, một triệu dân miền Bắc, đa số là nông dân Công Giáo, đã bỏ nhà cửa, ruộng đất, tài sản chạy vào miền Nam để thoát khỏi nền thống trị cộng sản.

Cuộc cải cách ruộng đất, kèm theo việc chỉnh đốn tổ chức, bắt đầu từ năm 1953, được mở rộng hầu như khắp miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1956, đã gây nên một làn sóng bất bình to lớn trong nhân dân vì những hành động quá tàn bạo chẳng những đối với địa chủ, mà cả đối với nông dân, cán bộ, đảng viên ở nông thôn nữa. Một số nơi đã xảy ra những “vụ lộn xộn”, mà đặc biệt nghiêm trọng là ở Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, nông dân đã nổi dậy chống chính quyền đến nỗi các lãnh tụ cộng sản phải điều quân đến đàn áp tàn khốc.

Từ tháng 9 năm 1955, toàn miền Bắc, đặc biệt là ở thành thị, đảng cộng sản siết chặt hơn nữa sự kiểm soát nhân dân bằng cái chế độ gọi là “quản lý hộ khẩu”, theo đúng khuôn mẫu Liên Xô và Trung Quốc. “Quản lý hộ khẩu” càng làm nổi bật hơn nữa tính chất cảnh sát của chế độ miền Bắc. Đến lúc đó thì sự kiểm soát của

đảng cộng sản đối với cuộc sống của người dân đã đến mức toàn diện: Cả về sự cư trú, đi lại, cả về sự sản xuất, làm ăn, cả về tư tưởng, tình cảm...

Bạn đọc chắc khó lòng tưởng tượng một điều (gần như là một điều luật bất thành văn) mà hồi đó hầu như mọi người phải tuân theo: Chẳng những cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, cán bộ chỉ huy và binh sĩ trong quân đội, mà cả các viên chức, nhân viên công sở mỗi khi lập gia đình đều phải báo cáo trước và được sự "thông qua" của cấp bộ đảng!

Trong một chế độ như vậy, lẽ dĩ nhiên, mọi quyền tự do của công dân, mọi quyền của con người bị chà đạp không thương xót. Vì thế bầu không khí chính trị, xã hội rất ngột ngạt và căng thẳng đè nặng trên cả miền Bắc Việt Nam.

Trong lúc đó, trên thế giới đã xảy ra nhiều sự kiện có tác động khá mạnh đến tâm tư của con người. Mặc dù bị nhà cầm quyền ra sức bưng bít, những cuộc đấu tranh tư tưởng, học thuật trong giới trí thức các nước gọi là "xã hội chủ nghĩa", như Ba Lan, Hungarie, Nam Tư...và ngay cả ở Trung Quốc láng giềng dưới chế độ hà khắc của họ Mao (cuộc tranh luận giữa Hồ Phong và Chu Dương) đã làm nhiều người trí thức bàn tán xôn xao.

Nhưng đặc biệt gây chấn động mạnh nhất đối với dư luận xã hội là tiếng vang của đại hội XX đảng cộng sản Liên Xô hồi tháng 2 năm 1956. Qua những tin tức đã bị cắt xén, tĩa gọt, dư luận xã hội, nhất là trong giới trí thức, đã biết được phần nào về những hành động tàn bạo, những tội ác man rợ của Stalin, người mà giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã luôn luôn tôn vinh hơn thánh sống. Lẽ tự nhiên, dư luận xã hội không thể không liên hệ những hành động tội ác của Stalin với hành động của những học trò ông ta và của họ Mao trên đất nước Việt Nam. Lòng bất bình của nhân dân càng thêm sôi sục. Để tránh nguy cơ một cuộc bùng nổ xã hội, giới lãnh đạo cộng sản, hồi tháng 9 năm 1956, bắt buộc phải thừa nhận những "sai lầm" trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phải tiến hành "sửa sai" và phải vờ vỉnh "trừng phạt" những kẻ phạm "sai lầm". Đồng thời họ hứa hẹn "mở rộng" dân chủ và tự do.

Còn ở Đông Âu, sau vụ bạo động ở Poznan (Ba Lan) thất bại, nhân dân Hungarie đã vùng lên trong một cuộc khởi nghĩa mãnh liệt để chống lại nền thống trị cộng sản mà Liên Xô đã áp đặt cho họ. Ngày 2.11.1956, xe tăng Liên Xô đã đè bẹp cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Budapest. Những tin tức ấy làm cho tình hình ở miền Bắc thêm sôi động.

Đấy, tư trào "Nhân Văn-Giai Phẩm" đã xuất hiện trong bối cảnh như thế.

Sau đây xin tóm lược những trang sử bi đát của tư trào đó.

Dâng Sớ Thiên Tào

Hồi cuối năm 1954 đầu năm 1955, một nhóm Văn Nghệ Sĩ trong quân đội gồm toàn những người đã tham gia kháng chiến chống Pháp lâu năm, nhiều người đã dự trận Điện Biên Phủ và là đảng viên cộng sản đã họp nhau lại để chuẩn bị những đề nghị (chứ không phải là yêu sách!) với đảng cầm quyền nhằm cải tiến công tác văn nghệ trong quân đội. Đề nghị thì nhiều, nhưng chung quy có thể thu gọn trong một câu mà nhà văn Trần Dần đã thay mặt cả nhóm đứng ra trình bày với Nguyễn chí Thanh, ủy viên bộ chính trị, chủ nhiệm tổng cục chính trị quân đội: "Trả văn nghệ cho Văn Nghệ Sĩ". Như thế có nghĩa là Văn Nghệ Sĩ chấp nhận sự lãnh đạo chính trị của đảng, còn đảng thì phải thừa nhận rằng sáng tác văn nghệ là công việc của Văn Nghệ Sĩ, đảng đừng can thiệp thô bạo vào việc sáng tác của họ. Chỉ có thế thôi! Nhưng những người lãnh đạo của đảng đã vội hô hoán lên là nhóm Văn Nghệ Sĩ kia "phủ nhận sự lãnh đạo của đảng", là "quan điểm tự do tư sản, phản động!" Thế là nhiều người bị nghi ngờ, theo dõi, giám sát, trước hết là Trần Dần. Hồi

đó, những người lãnh đạo đã nhanh chóng quên bằng quyển sách viết về trận Điện Biên Phủ, “Người người lớp lớp”, mới xuất bản và được hoan nghênh của nhà văn!

Cũng cần nói thêm rằng, hồi đó, Trần Dần đang gặp phải bi kịch lớn trong cuộc đời riêng. Sau khi về Hà Nội, nhà văn trẻ tuổi ấy đã yêu một thiếu nữ ngoài 20 tuổi. Lẽ dĩ nhiên, đó là chuyện bình thường. Nhưng dưới con mắt đầy “cảnh giác” của những người lãnh đạo thì đó là việc không bình thường chút nào, vì người yêu của nhà văn là một cô gái Hà Nội, nghĩa là ở vùng bị địch chiếm trước đây (!), hơn nữa, lại là một giáo dân Thiên Chúa Giáo (!), lại còn được ủy quyền cho thuê mấy ngôi nhà (!) mà chị đã tự nguyện giao lại cho chính quyền thành phố. Cho nên mối tình đó “chưa được công nhận”, không được tán thành. Người ta xét đoán về “lập trường”, “quan điểm”, về “giai cấp tính”, “tư tưởng tính”, về “ảnh hưởng tư sản”...Hoàng Cầm đã viết: “Người ta rút những câu to lớn nhất trong hàng chục pho sách chính trị để quy kết cho một mối tình”. Và Trần Dần càng bị nghi ngờ là đã bị “trúng viên đạn bọc đường”, bị “sa lưới địch”!

Vuốt Râu Hùm

Tiếp đó, vào giữa tháng 3 năm 1955, có cuộc phê bình tập thơ “Việt Bắc” của Tố Hữu xuất bản hồi cuối năm trước. Giá như Tố Hữu là một người bình thường thì có lẽ không có chuyện gì xảy ra cả. Đảng này nhà thơ Tố Hữu lại là ủy viên trung ương đảng, trưởng ban tuyên huấn trung ương của đảng, người nắm trong tay vận mệnh của nền văn hóa, văn học, nghệ thuật của cả miền Bắc “xã hội chủ nghĩa”, cho nên việc phê bình thơ Tố Hữu vô hình trung có tính chất chính trị cao! Trong lúc bao nhiêu kẻ nịnh bợ ca ngợi, bốc thơ Tố Hữu lên tận mây xanh, thì một số nhà văn, nhà thơ “cứng đầu”, như Hoàng Cầm, Hoàng Yến, Lê Đạt, Trần Dần...lại dám nói đến mặt yếu kém của thơ Tố Hữu! Đặc biệt, Trần Dần đã nhận xét thơ Tố Hữu “nhỏ bé, nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại” và “Tố Hữu mắc sai lầm thần thánh hóa lãnh tụ”. Cả gan chê “thơ cách mạng” của Tố Hữu là nhỏ bé, nhạt nhẽo, Trần Dần lại còn dám động đến lãnh tụ! Tội tày trời! Lại một làn sóng ào ạt đả kích nhóm Văn Nghệ Sĩ “cứng đầu” trên báo chí, trong các buổi họp bằng những lời buộc tội rùm beng “tư sản”, “phản động”, “phản cách mạng”, dường như hòa nhịp với các trận đấu tố trong cải cách ruộng đất đang mở rộng ở nông thôn.

Thế là Trần Dần và Tử Phác bị bắt giam. Trong thời gian đó, giải thưởng Văn Học 1954 được công bố. Về thơ: Giải nhất Tố Hữu, giải nhì Trần Hữu Thung, Xuân Diệu, Tú Mỡ, giải ba Hồ Khải Đại. Về truyện: Giải nhất Nguyễn Ngọc, Tô Hoài, giải nhì Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Văn Bổng, giải ba Phùng Quán, Trần Kim Trác. Ba người nữa được giải khuyến khích. Còn những nhà văn, nhà thơ như Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt v.v...thì không hề được chú ý tới. Nhà văn lão thành cương trực Phan Khôi đã nói tới trong tập “Giai Phẩm Mùa Thu” những bê bối trong việc này. Nhà văn Nguyễn Tuân cũng vạch ra sự bất công đối với Trần Dần. Nhiều Văn Nghệ Sĩ nói rõ tính chất bè phái, bênh che cho nhau của những người lãnh đạo văn nghệ để đưa những tác phẩm xoàng của họ lên chiếm giải.

Sau ba tháng bị giam giữ, Trần Dần và Tử Phác được thả ra với cái án kỷ luật quái gở “cấm sáng tác” và bị đưa xuống nông thôn “tham quan” cải cách ruộng đất.

Nợ Văn Chương

Đầu năm 1956, một số Nhà Văn, Nhà Thơ, Họa Sĩ, Nhạc Sĩ nổi tiếng như Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Sỹ Ngọc, Nguyễn Văn Tý v.v...chủ trương ra tập “Giai Phẩm 1956” (sau này gọi là “Giai Phẩm Mùa Xuân”) do nhà xuất bản Minh Đức, tức là Trần Thiếu Bảo, một người đã từng theo kháng chiến, ấn hành. Trong tập đó, đáng chú ý có các bài “Chống Công Thức”, “Ông Bình Vôi” của Lê Đạt, “Cái Chổi Quét Rác Rười” của Phùng Quán và bài thơ “Nhất Định Thắng” của Trần Dần làm trong nhà giam. “Giai Phẩm Mùa Xuân” vừa ra khỏi nhà in lập tức bị những người

lãnh đạo văn nghệ, như Hoài Thanh, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi...mạt sát đã kích dử dội và bị thu hồi. Hoàng Cầm kể lại: "Người ta cho rằng cái bè phái độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình tập thơ "Việt Bắc") đã tìm cách trả thù"...Từ những ngày Tết mưa lũ chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái "Giai Phẩm". Một không khí ngột thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ "Nhất Định Thắng" bị đem ra luận tội"...Trong đêm đấu tố thơ Trần Dần tại cuộc họp đông đảo văn nghệ sĩ trong hội văn nghệ (sau này là hội nhà văn) Nhà Thơ Trần Dần bị quy là phản động. Hoàng Cầm viết tiếp: "Thôi thế là đêm luận tội này đã đóng cái án tử hình xuống một bài thơ, xuống một con người, đồng thời là một sự đe dọa nặng nề chung cho anh chị em Văn Nghệ Sĩ đang muốn tìm những lối sáng tác khác với cái bè phái kia".

Thực ra những lời buộc tội các tác giả có bài trong "Giai Phẩm Mùa Xuân" mà lũ cai tù văn nghệ và đám bồi bút theo đóm ăn tàn đưa ra, có tính chất vu khống đến mức lố bịch.

Bài thơ "Ông Bình Vôi" của Lê Đạt có những câu:

"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tòi
Càng sống càng bé lại..."

Thì người ta không đưa ra luận tội công khai trước đám đông, vì sợ động đến "Cha già dân tộc", mà cẩn thận găm vào hồ sơ hình sự như một tội tà đình để hỏi tới sau này.

Còn Trần Dần bị buộc tội là "phản bội", "phản động", "bôi đen chế độ", "xuyên tạc thực tế tốt đẹp của miền Bắc"...vì trong bài "Nhất Định Thắng", ông đã "phơi bày" những nét chân thật, như chuyện "đi Nam" (ý nói việc dân chúng miền Bắc bỏ chạy vào miền Nam), "hàng ế", "hai năm chưa thống nhất đất nước"...Những câu thơ nói lên tâm trạng tác giả lúc buồn

"Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ"

Được lấy đi lấy lại trong bài thì bị kết tội là tác giả "cố tình nhấn mạnh đảng là nguyên nhân của cái xã hội thê thảm ở miền Bắc". Có người nói: "Cờ đỏ là cờ của đảng, của đất nước, nó phải tung bay trong nắng ấm, gió lộng, chứ không thể rủ xuống dưới mưa sa"!

Thực ra, trong lúc hăng say đánh "phản động", không mấy ai nhớ đến vài đoạn khác của tác giả như:

"Trời đã thôi mưa...thôi gió
Đã thấy nắng lên trên màu cờ đỏ"...

hoặc

"Hôm nay
Trời đã thôi mưa, thôi gió
Nắng lên đỏ phố, đỏ nhà
Đỏ mọi buồng tim lá phổi
Em ơi! Đếm thử bao nhiêu ngày mưa"...

Trần Dần còn bị buộc tội "phạm thượng" nghiêm trọng, vì hai câu thơ này nữa:

"Ôi! Xưa nay Người vẫn thiếu tin Người

Người vẫn thường hốt hoảng trước tương lai”...

Người sao lại viết hoa ? Người viết hoa “chỉ có thể dùng để tôn xưng Hồ chủ tịch”! Tội “phạm thượng” tày trời! Phan Khôi đã viết trong bài “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ” rằng khi nghe lời “phê phán” như vậy, ông ngỡ như mình đang chiêm bao sống dưới cái thời quân chủ, khi những chữ thuộc về Hoàng Thượng thì “bá tánh” không được dùng!

Thực ra, đêm đầu tố thơ Trần Dần chủ yếu là nhằm khùng bố tinh thần Văn Nghệ Sĩ, chứ không phải để quyết định số phận của ông, vì số phận của ông đã được giới lãnh đạo đảng cầm quyền quyết định từ trước rồi: Ông bị bắt lần thứ hai! Trong nhà giam, phần uất quá nhà thơ cất cổ tự tử, nhưng không chết, sau này vẫn mang cái sẹo ở cổ. Những chuyện đó xảy ra hồi tháng 2 năm 1956. Cũng trong tháng đó đã diễn ra cuộc đại hội XX lịch sử của đảng cộng sản Liên Xô, còn trong tháng 4 thì trung ương đảng lao động Việt Nam đã bàn về đại hội XX. Từ 28.4 đến 3.5.1956, hội nghị cán bộ trung cao cấp họp để nghiên cứu các nghị quyết của đại hội XX và của trung ương đảng lao động Việt Nam. Chính tại hội nghị này, được ảnh hưởng của làn gió phê bình của đại hội XX, nhiều cán bộ đã mạnh dạn vạch trần tệ sùng bái cá nhân trong đảng, vạch trần nạn độc tài, độc đoán, những sai lầm trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, quản lý hộ khẩu, thương nghiệp (lúc đó gọi là mậu dịch)...Tình trạng căng thẳng cao độ trong xã hội đã ảnh hưởng mạnh đến bầu không khí sôi sục của hội nghị.

Ngày 5.5, Trần Dần được thả ra. Ngày 26.5, Lục Đình Nhất tuyên bố phong trào “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” ở Trung Quốc. Ngày 13.6, tờ “Nhân Dân Nhật Báo” ở Bắc Kinh đăng bài đó thì sinh viên Việt Nam liền dịch và đăng ngay trên báo tường Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, trong lúc đó báo “Nhân Dân” ở Hà Nội cứ chần chừ mãi đến ngày 30.9 mới đăng.

Trước sức ép của dư luận trong đảng và ngoài xã hội, mãi đến tháng 9.1956, hội nghị trung ương đảng mới thừa nhận “những sai lầm nghiêm trọng” trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, đề ra việc “sửa sai” và “cất chức” Trường Chinh, Hồ viết Thắng, Lê văn Lương và Hoàng quốc Việt. Trung ương đảng cũng đã quyết định “mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền tự do dân chủ”.

“Quả Bom Tạ”

Một làn gió mát đầy hy vọng thổi vào tâm hồn những người trí thức, Văn Nghệ Sĩ yêu tự do. Vì thế, những người trước đây đã ra “Giai Phẩm Mùa Xuân” (tập ấy đã bị thu hồi), lần này lại chủ trương ra “Giai Phẩm Mùa Thu” Tập I, Tập II và “Giai Phẩm Mùa Đông”. Ngày 29.8, “Giai Phẩm Mùa Thu” Tập I ra mắt với những bài “Bệnh Sùng Bái Cá Nhân Trong Giới Lãnh Đạo Văn Nghệ” của Trương Tửu, “Bức Thư Gửi Một Người Bạn Cũ” của Trần Lê Văn, “Chống Tham Ô Lãng Phí” của Phùng Quán và đặc biệt là bài phê bình nẩy lửa “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ” của Phan Khôi. Độc giả miền Bắc Việt Nam từ bấy lâu chỉ được đọc những lời ngọt ngào tâng bốc lãnh đạo, bây giờ được nghe những lời thẳng thắn, đĩnh đạc, mạnh dạn phê bình lãnh đạo, thốt ra từ miệng một nhà nho cương trực đã 70 tuổi. Hồi đó, trên tờ “Thời Mới” ở Hà Nội (tờ báo tư nhân còn sót lại của ông Hiền Nhân), có người viết rằng bài viết của Cụ Phan như một “quả bom tạ” thả xuống Hà Thành.

Hơn 20 ngày sau, Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy...cho ra đời tờ báo “Nhân Văn”, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm Thư Ký Tòa Soạn. Số 1 của báo “Nhân Văn” ra ngày 20.9, tuyên bố là “báo “Nhân Văn” đứng dưới sự lãnh đạo của đảng lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác Lênin với tinh thần thực tiễn, để xúc tiến công cuộc củng cố miền Bắc, thống nhất nước nhà, để đi đến thực hiện xã hội chủ nghĩa, theo như ý muốn của đảng cũng là ý muốn của nhân dân cả nước”. Trong số đó, có những bài làm độc giả rất chú ý, vì tính chất khác thường,

như “Ý Kiến Của Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường Giáo Sư Đại Học” về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ, bài “Chống Bè Phái Trong Văn Nghệ” của Trần Công, nhẹ nhàng nhưng thẳng thắn nêu rõ sự độc đoán của nhóm người lãnh đạo văn nghệ, bài thơ “Nhân Câu Chuyện Máy Người Tự Tử” của Lê Đạt, với lời kêu gọi “Phải Hiểu, Phải Yêu, Phải Trọng Con Người” và đặc biệt là bài hồi ký “Con Người Trần Dần” của Hoàng Cầm, hé tẩm màn bí mật về sự đàn áp tự do tư tưởng, tự do sáng tác, về việc Trần Dần hai lần bị bắt. Báo “Nhân Văn” vừa ra đã có tiếng vang rất lớn trong nhân dân các thành phố, người ta chuyền tay cho nhau đọc và bàn tán sôi nổi.

Ngày 25.9, báo “Nhân Dân” của đảng đăng bài của Nguyễn Chương (dù không nêu chức danh, nhưng ai cũng biết đó là phó trưởng ban tuyên huấn trung ương của đảng) với những lời vu cáo chính trị hoàn toàn vô căn cứ, cố ghép báo “Nhân Văn” vào tội chính trị: “Muốn nhân việc phê bình lãnh đạo văn nghệ hẹp hòi, mệnh lệnh mà làm cho người ta tưởng rằng toàn bộ sự lãnh đạo của đảng lao động Việt Nam và toàn bộ chế độ chính trị ở miền Bắc là độc đoán, độc tài, chà đạp con người, không có nhân văn”. Tiếp sau đó là một loạt bài khác đăng trên các báo của đảng cũng lặp lại những luận điệu tương tự: Báo “Nhân Văn” đánh vào đảng lãnh đạo, vào chế độ, nói một cách khác, “phản động”, “phản cách mạng”! Đồng thời sở báo chí trung ương của Thủ Tướng hạn chế lượng giấy mà báo “Nhân Văn” được mua để in và bày ra trò thi hành kỷ luật báo “Nhân Văn”. Còn bộ công an, lẽ cố nhiên, từ lâu đã được lệnh “bám sát các đối tượng” Văn Nghệ Sĩ chống đối này”.

Trong lúc đó, người dân thành thị “đói khát sự thật” đã lâu ngày, say sưa tìm đọc, cổ động cho báo “Nhân Văn”, nhiều độc giả quên cả sợ, công khai bên vực báo “Nhân Văn”, đập lại luận điệu vu khống của các báo đảng. Tờ “Trăm Hoa” của nhà thơ Nguyễn Bính không chịu đăng bài chỉ trích báo “Nhân Văn” do Thiết Vũ, cán bộ của sở báo chí, đưa đến, sau đó Nguyễn Bính bị Thiết Vũ hành hung. Sinh viên cho ra tờ “Đất Mới” do Bùi Quang Đoài làm chủ bút, còn tờ “Thời Mới” của Hiền Nhân lâu nay vẫn hiền lành, giờ đâm ra “trở chứng”, cứ nêu ra những “sai lầm” của đảng và đề nghị sửa chữa...

Vượt qua biết bao nhiêu trở ngại do nhà cầm quyền gây ra, báo “Nhân Văn” tiếp tục ra đều đến số 5. Bạn đọc hoan nghênh “Ý Kiến Nhà Sử Học Đào Duy Anh” về mở rộng tự do, dân chủ và các bài bàn về vấn đề đó, như “Nỗ Lực Phát Triển Tự Do, Dân Chủ” của Trần Duy, “Hiến Pháp Việt Nam và Hiến Pháp Trung Hoa bảo đảm tự do, dân chủ, như thế nào” của Nguyễn Hữu Đang, “Bài Học Ba Lan Và Hung-ga-ri” của Lê Đạt (ký bút danh Người Quan Sát), đã nêu ra những đề nghị đáng chú ý. Về văn nghệ, kịch “Xem Mặt Vợ” của Hoàng Tích Linh, truyện ngắn “Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh” của Phùng Cung, chuyện vui “Thi Sĩ Máy” của Như Mai (ký bút danh Châm Văn Biếm), thơ Văn Cao, Hoàng Tố Nguyên, đăng trên báo đều được độc giả tán thưởng.

Nhưng sức ép của giới cầm quyền ngày một mạnh: Người ta tổ chức những buổi nói chuyện ở các trường, các công sở, các khu phố “vạch mặt” báo “Nhân Văn” chống đảng, chống chế độ, gây khó khăn cho việc đấu tranh thống nhất nước nhà...vì thế không được đọc và phổ biến báo ấy. Thế mà nhiều sinh viên, học sinh có cảm tình với báo vẫn tự nguyện mang báo đi bán.

Trong lúc đó, tiếng vang của cuộc nổi dậy ở Hungarie đã làm cho nhà cầm quyền lo sợ. Bộ chính trị trung ương đảng quyết định chấm dứt tình trạng “dân chủ không có lãnh đạo” này. Thế là “nhà đạo diễn” Tố Hữu đã...tổ chức mọi việc!

Trận Càn Quét

Tức thì một loạt bài trên báo chí của đảng hô hoán lên rằng “từ số 4 và số 5, báo “Nhân Văn” đã chuyển hẳn sang vấn đề chính trị” (lời buộc tội mập mờ nhưng rất nguy hiểm!), và những cây bút chính của báo được gán cho những “mỹ từ”, như

“bọn phá hoại”, “phản cách mạng”...Đến trung tuần tháng 12, Tố Hữu la ó lên rằng trong số 6, Nguyễn Hữu Đang viết bài xã luận trắng trợn xúi giục quần chúng biểu tình nhân dịp quốc hội sắp họp, mặc dù số 6 mới lên khuôn, chưa in. Thế là cán bộ liên hiệp công đoàn Hà Nội được lệnh phải tức tốc đến nhà in Xuân Thu bắt công nhân “hãm” việc in báo lại. Và thật là nhịp nhàng, “đồng bộ” như trong một chiến dịch, ngày 15.12.1956, báo “Nhân Dân” đăng lời tuyên bố của 235 Văn Nghệ Sĩ Nam Bộ (trên báo chỉ chỉ công bố tên 41 người) lên án “báo “Nhân Văn” là một phương tiện để cho địch lợi dụng gây sự hiểu lầm miền Bắc, gây chia rẽ Bắc Nam”! Cũng trong ngày hôm đó, 180 nhà báo ở Hà Nội (hoàn toàn không ghi tên ai cả) lên án báo “Nhân Văn”, “nói sai sự thật, xuyên tạc nhiều vấn đề với dụng ý bôi xấu chế độ ta”, “gây hoang mang, chia rẽ trong nhân dân và vô cùng phương hại đến công cuộc giành thống nhất nước nhà”! Cũng trong ngày hôm đó, Bác Sĩ Trần duy Hưng, chủ tịch ủy ban hành chính thành phố Hà Nội ra quyết định đóng cửa báo “Nhân Văn”. Cũng trong ngày hôm đó, Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Hồ chí Minh ra sắc lệnh về báo chí, trong đó có quy định: Nếu vi phạm những điều cấm, như tuyên truyền chống chế độ, chống chính phủ, nói xấu các nước bạn, xúi giục dân chúng làm loạn...thì bị phạt tù từ 5 năm đến chung thân, bị tịch thu một phần hay toàn bộ tài sản. Sắc lệnh được công bố thì các tờ báo “Trăm Hoa”, “Giai Phẩm”, “Đất Mới”...đều bị bóp chết không kèn không trống.

Hồn Tự Do Vẫn Sống

Để bù lại lỗ trống, đảng cầm quyền cho ra tờ tuần báo “Văn” của Hội nhà văn do đảng lãnh đạo. Thế nhưng, báo “Nhân Văn”, “Giai Phẩm”, cũng như “Trăm Hoa”, “Đất Mới”...dù bị giết chết, mà tinh thần “Nhân Văn-Giai Phẩm” tức là lòng khao khát tự do, dân chủ vẫn còn sống mạnh mẽ. Báo “Nhân Văn” lại “hiện hồn” trên những trang báo “Văn”. Sau thời kỳ đầu “theo đúng lập trường của đảng”, báo “Văn” với những cây bút có tiếng như Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Tế Hanh...dần dần trở nên “lệch lạc”. Trên trang báo số 21, ngày 17.9.1957, Phùng Quán lại xuất hiện với bài thơ “Lời Mẹ Dặn”:

“Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét,
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét,
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu...”

Đến số 24, Hoàng Cầm ra mắt bạn đọc tuần báo “Văn” với “Tiếng Hát”. Rồi Trần Duy vẽ tranh châm biếm “Một Phương Pháp Xây Dựng Nghệ Thuật”, Minh Hoàng cho ra “Đóng Máy”, Phan Khôi cho ra “Ông Năm Chuột”. Bạn đọc gặp lại Trần Dần trên trang báo “Văn” với bài thơ “Hãy Đi Mãi”. Không thể chịu được nữa! “Hồn” của “Nhân Văn-Giai Phẩm” vẫn còn phảng phất đâu đây trong giới trí thức miền Bắc! Đảng đành phải làm một việc thất nhân tâm: Đình bản tuần báo “Văn” do chính tay đảng đã đưa ra! Thế là báo này chỉ ra vền vện được 37 số đã chết yểu!

Nhưng, như thế vẫn chưa “đào tận gốc trúc tận ngọn” cái khát vọng tự do, cái tinh thần “Nhân Văn-Giai Phẩm” đáng ghét kia được, nên giới lãnh đạo của đảng đã thi hành một kế hoạch “triệt để”.

Lại Càn Quét, Lại Đấu Tố

Việc đầu tiên là đảng giao cho tiểu ban văn nghệ trung ương tiến hành kiểm tra nghiêm ngặt toàn bộ tổ chức, cán bộ của hội nhà văn, ngành và hội âm nhạc, ngành và hội mỹ thuật, ngành sân khấu, ngành điện ảnh, các Trường Đại Học, nhất là khoa văn, khoa sử. Theo báo cáo của Tố Hữu đọc ngày 4.6.1958 tại hội nghị ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật thì “nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm” đã

lũng đoạn nặng nề về tư tưởng và tổ chức những cơ quan xung yếu của hội nhà văn. Từ báo “Văn” đến nhà xuất bản, từ ban nghiên cứu sáng tác, ban liên lạc với nước ngoài đến câu lạc bộ, quỹ sáng tác” (xem sách “xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta với thời đại ta” của Tố Hữu, trang 151). Đối với các ngành và các hội văn học, nghệ thuật khác, Tố Hữu cũng có nhận xét tương tự. Thế là một đợt “chỉnh đốn tổ chức” được tiến hành nhằm thải loại những người “có vấn đề” và đưa những người “có lập trường vững” để thay thế. Trong các Trường Đại Học, người ta gạt ngay những người “có liên quan” đến “Nhân Văn-Giai Phẩm” ra khỏi bục giảng.

Tiếp đó, bộ chính trị trung ương đảng ra nghị quyết ngày 6.1.1958 về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ, do Trường Chinh ký. Cũng theo lời của Tố Hữu: “dưới ánh sáng của nghị quyết bộ chính trị, mở ra hai lớp học tập cho ngót năm trăm anh chị em Văn Nghệ Sĩ” (Sách đã dẫn trang 152). Cái gọi là “học tập” đó của “anh chị em Văn Nghệ Sĩ” có thực chất là gì?

Trên danh nghĩa công khai, các lớp “học tập” do tiểu ban văn nghệ trung ương của đảng phụ trách, nhưng tiểu ban này phối hợp rất chặt chẽ với một vụ của bộ công an lo cái việc gọi là “bảo vệ văn hóa”. Tất cả những ai có giấy triệu tập đều phải có mặt. Ban lãnh đạo lớp “học tập” bí mật sơ bộ “phân loại” những người đến lớp, đại thể ra thành mấy loại: “đối tượng” (tức là đối tượng đấu tranh, những người sẽ bị “đấu”, ban lãnh đạo xếp họ vào loại “bọn phản động”, “bọn phá hoại”...), “những người có vấn đề” (tức là những người bị coi là có “sai lầm”, nhưng chưa hẳn là “ngoan cố”), “những người lưng chừng” (tức là những người chưa tích cực đấu tranh) và “chỗ dựa” (tức là những người “có lập trường vững” và tích cực đấu tranh, trong đám này không ít kẻ ghen tỵ, bọn vô tài tăng công, nịnh bợ cấp trên (2) để ngoi lên địa vị). Khi chia tổ, người ta chú ý phân bố làm sao ở mọi tổ đều có “chỗ dựa” mạnh để bảo đảm “thắng lợi”. Mở đầu lớp học, ban lãnh đạo tuyên bố rõ trong cuộc đấu tranh, mỗi người chỉ có một chỗ đứng, hoặc về “phe ta” hoặc về “phe địch”, không thể lưng chừng. Tố Hữu nói một cách văn vẻ là “lựa chọn đất đứng nào trong giai đoạn mới của cách mạng nước ta” (Sách đã dẫn trang 133). Học xong nghị quyết bộ chính trị, mỗi người phải “liên hệ”, làm “kiểm thảo” để “bộc lộ” sai lầm của mình, rồi trình bày trước tổ để mọi người “góp ý kiến”, “chất vấn”, “phê phán”, còn người “kiểm thảo” thì phải trả lời mọi câu “chất vấn” cho đến khi nào tổ “chấp nhận”. Đối với những “đối tượng” và những người “có vấn đề” thì thực chất của quá trình này là một “cuộc đấu tố” với mọi kiểu “tố giác”, “hỏi cung tập thể”, “mớm cung” để người “kiểm thảo” cuối cùng phải nhận “tội”. Những “đối tượng”, sau thời gian “học tập” ở lớp, còn “được” công an “làm việc” một cách tích cực.

“Tố Đại Hội”

Để chuẩn bị dư luận cho việc đàn áp nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm” từ cuối tháng 3 đến tháng 5, tháng 6, tất cả các báo của đảng đồng loạt đăng những bài “tố cáo”, “vạch mặt” với lời lẽ rất thô bỉ nhưng không có chứng cứ cụ thể gì. Đọc những bài ấy, độc giả khách quan không thể không liên tưởng đến những lời “tố khổ” của những người nông dân bị đội cải cách ruộng đất xúi giục trong các trận “đấu” địa chủ thật cũng như địa chủ bị quy oan. Đây là “mẫu mực” của lối đấu tố thời đó (mà sau cải cách ruộng đất, nông dân gọi là “tố điều”, “tố đại hội”) thốt ra từ miệng những người mang danh là trí thức!

Nguyễn đình Thi lớn tiếng “vạch mặt”: “Rọi sáng vào cái ổ “Nhân Văn-Giai Phẩm” ấy, chúng ta thấy hiện lên những tên tác động tinh thần, mật thám, những bọn lái buôn văn nghệ, những tên phản cách mạng già đời, tất cả bọn chúng ngoặc với một số người văn nghệ từ chỗ sa đọa đi tới phản động về chính trị... Trong đời sống, những phần tử “Nhân Văn-Giai Phẩm” đã trở lại là những “cậu ấm con quan”,

“công tử nhà giàu”, có cả những chủ nợ lãi, chủ nhà thổ lậu, hoặc những kẻ sống nửa lưu manh, không có đất đứng trong xã hội” (“Nhân Dân”, số 1511, 1.5.1958).

Xuân Dung “tố” Thụy An làm “gián điệp”: “...có người (hiện đương ở Hà Nội) lại trông thấy Thụy An ngồi chung xe với tên tướng giặc Cô-nhi, ấy là chưa kể có tin nó vào Sài Gòn rồi lại trở ra Hà Nội, một tháng trước khi tiếp quản...Giải phóng thủ đô, nhiều người lạ lùng vì sự có mặt của con này. Riêng với cái việc xuống Hải Phòng khi ta chưa tiếp quản, rồi lại về Hà Nội một cách đàng hoàng cũng đủ cho ta suy nghĩ” (“Thủ Đô”, 23.4.1958).

Hồng Vân “tố cáo” Nguyễn Hữu Đang: “Hắn là con một tên Chánh Tổng ở Thái Bình. Chính gia đình địa chủ cường hào này đã rèn luyện cho hắn cái đầu óc thích “ăn trên ngồi trốc”, thích địa vị với nhiều thủ đoạn nham hiểm và tàn nhẫn...Trong chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc lòng lộn khủng bố, toàn bộ đảng ta rút vào bí mật. Không những các cán bộ, đảng viên, mà cả những đoàn viên thanh niên dân chủ cũng bị lùng bắt. Còn Nguyễn Hữu Đang vẫn hoạt động công khai trong phong trào truyền bá quốc ngữ” (Tạp chí “Văn Nghệ”, số 12, 5.1958).

Xuân Ba “đấu” Trần Thiếu Bảo: “Là con một chủ hàng cơm ở Thái Bình, do lừa lọc gian xảo, bợ đỡ bọn công sứ và quan lại phong kiến trở nên giàu có, Trần Thiếu Bảo mở hiệu sách Minh Đức, sau đó lại chạy chọt để được làm hội viên Hội Trí Thức Dục do tên Công Sứ Pháp làm Hội Trưởng...Được tên tư rớt kít Trương Tửu mách nước, bọn chúng tổ chức lễ kỷ niệm Vũ Trọng Phụng (Vũ Trọng Phụng là người thế nào và đánh giá tác phẩm Vũ Trọng Phụng ra sao, sau này sẽ được nhân dân chứng minh thêm)” (Sách “Bọn “Nhân Văn-Giai Phẩm” trước tòa án dư luận”, trang 53).

Hoài Thanh “luận tội” Trương Tửu: “Cách mạng tháng Tám thành công ngày 19.8.1945. Ba tuần sau, vào ngày 10.9.1945, Trương Tửu xuất bản quyển “Tương lai văn nghệ Việt Nam”. Trong quyển sách cũng như trong lời tựa, hoàn toàn không có lấy một lời nói đến cách mạng tháng Tám...Vẫn một lối huênh hoang và bịp bợm cũ, nó làm như chỉ có nó mới là triết để cách mạng. Một mặt nó bóp méo, bịa đặt để vu khống...Một mặt khác nó xuyên tạc lời nói của các lãnh tụ. Nó trích dẫn Mác đã kích chính quyền phản động cũ để gián tiếp đã kích chính quyền ta” (“Văn Nghệ”, số 11, 4.1958). Để sở toẹt đoạn đường theo kháng chiến của Trương Tửu, Bùi Huy Phồn viết: “Có người thấy Trương Tửu theo đuổi được chín mươi năm (kháng chiến) cũng là một điều kỳ lạ. Tôi thì tôi muốn đặt ngược lại vấn đề: Trương Tửu theo kháng chiến có phải là thực tâm tán thành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của chúng ta, hay còn vì “mục đích” gì khác nữa?”, “...Trong khi giảng dạy ở Trường Đại Học, hoặc nói chuyện với những sinh viên thân cận, Trương Tửu đưa ra một mớ lý luận sặc mùi tư rớt kít nếu không là gián điệp: Nào là “giai cấp công nhân sắp hết vai trò sản xuất, quân đội sắp hết vai trò chiến đấu trong thời đại nguyên tử này”. Đề làm gì, nếu không nhằm làm tê liệt ý chí đấu tranh và sản xuất của các tầng lớp cơ bản trong nhân dân ta?” (“Văn Nghệ”, số 12, 5.1958).

Phạm Huy Thông “vạch mặt” Trần Đức Thảo: “Trở nên môn đệ của Giăng Pôn Xác, Thảo đã tham gia những hoạt động văn hóa và chính trị phản động của nhóm “Thời Nay” do Xác chỉ huy, nêu cao thuyết “sinh tồn”, một thuyết phản động về triết học và chính trị, chủ yếu nhằm chống lại phong trào cộng sản ở các nước phương Tây...Thảo vu khống đảng cộng sản Pháp có đầu óc đế quốc thực dân (!), phỉ báng chính sách ngoại giao của ta mà Thảo cho là đầu hàng, phản bội (!). Nói về Hiệp ước sơ bộ 6.3.1946, Thảo đã phụ họa với bè lũ tư rớt kít, chống lại chính phủ ta và đã thốt lên những lời thóa mạ thô bỉ, rất hỗn xược với các lãnh tụ của ta” (“Nhân Dân”, 4.5.1958).

Thế Lữ viết về Phan Khôi: “Phan Khôi phản cách mạng, ngấm ngấm chống đảng lãnh đạo cách mạng từ trong kháng chiến, đó là việc hiện giờ ta đã thấy rõ hiển nhiên...Phan Khôi vẫn khoe là được Hồ Chủ Tịch tặng một chiếc áo lụa, và kể cho tôi nghe một chuyện gặp Hồ Chủ Tịch. Ở chuyện được áo, tôi không thấy ông ta tỏ ra một ý nào gọi là cảm kích. Phan Khôi không cảm thấy được rằng một cử chỉ đơn giản đó của Người biểu trưng cho một tình bao dung nhân ái rộng lớn dồi dào của đạo đức cách mạng” (“Nhân Dân”, số 1501, 12.4.1958).

Có biết bao “Lời vàng ngọc” khác đã được viết lên trên các báo của đảng để “tố cáo” Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác, Trần Duy và những người khác trong nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm” không thể kể hết được! Cuối cùng, những người được gọi là “bị ảnh hưởng tư tưởng “Nhân Văn-Giai Phẩm”, như Nhà Văn Nguyễn Hồng, Nhà Thơ Tế Hanh, Nhà Văn Tô Hoài cũng phải viết bài trên báo đảng để nhận “tội” (xem “Nhân Dân” số 1451, 2.3.1958, số 1461, 12.3.1958, số 1463, 14.3.1958). Rồi hàng loạt, hàng loạt bài của các giới, công nông binh, trí thức...phát biểu ào ào trên báo, mặc dù số đông tác giả các bài này chưa hề đọc, thậm chí chưa hề biết mặt tờ “Nhân Văn” hay các tập “Giai Phẩm”! Sau cùng là những bài “thú tội” của Trần Dần, Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Hoàng Cầm và Văn Cao được đăng lên báo.

Đạp Xuống Bùn Đen

Đến lúc này thì ban lãnh đạo đảng đã có thể hò reo mừng “thắng lợi” và Tố Hữu đã có thể rầm rộ “báo công” trước đảng: Ngày 4.6.1958, ông đọc “Báo cáo tổng kết cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm”, “tại hội nghị ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật. Ông nói: “...cuộc đấu tranh từ năm tháng nay chống nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” trên mặt trận văn nghệ, một cuộc đấu tranh quyết liệt, có tính chất quần chúng và toàn quốc, chưa từng thấy mấy chục năm nay...Dưới sự lãnh đạo kiên quyết và sáng suốt của đảng ta, cuộc giao phong tư tưởng vừa qua đã giành được thắng lợi lớn” (Sách “Xây dựng một nền văn nghệ lớn...”, trang 133). Dường như tự coi mình là tổng công tố kiêm chánh án tòa án tối cao, ông lớn tiếng tuyên bố: “Lật bộ áo”, “Nhân Văn-Giai Phẩm” thối tha, người ta đã thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, mật thám, lưu manh, trót kít, địa chủ tư sản phản động, quần tụ trong những tổ quỷ với những gái điếm, bàn đèn, sách “chống cộng”, phim ảnh khiêu dâm” (Sách đã dẫn, trang 138). Và cũng như bọn cai tù văn nghệ tay chân của mình ông tự cho phép tha hồ thóa mạ, sỉ nhục trí thức, Văn Nghệ Sĩ cách đây không lâu còn ở trong hàng ngũ của đảng hoặc đứng dưới lá cờ của đảng cộng sản, bằng những từ ngữ thô bỉ nhất: “bọn trót kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo”, “bọn Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, hai tên phản đảng”, “bọn Trần Dần, Tử Phác, những tên phản đảng, những đứa con hư của Hà Nội cũ”, “tên mật thám Trần Duy”, “bọn Phan Khôi, mật thám cũ của thực dân Pháp”, “bọn gián điệp Thụy An”... (Sách đã dẫn, trang 141, 146...). Cuối cùng, Tố Hữu kết “tội” nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm”, “đã” ra mặt phản cách mạng, đánh thẳng vào chế độ và sự lãnh đạo của đảng...âm mưu gây biến động”, “lũng đoạn hội nhà văn và các cơ quan nghệ thuật, xây dựng “pháo đài” chống cách mạng ở Trường Đại Học”, “kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản”, “khiêu khích nhân dân chống lại chế độ và đảng lãnh đạo”, “chống lại nền chuyên chính vô sản”, “chống lại toàn bộ cách mạng xã hội chủ nghĩa”, “gieo rắc chủ nghĩa dân tộc tư sản”, “chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản”, “ra sức chửi rủa cái mà chúng gọi là chủ nghĩa Stalin, vu khống đảng ta là “giáo điều”, “nô lệ” và vu khống các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô, Trung Quốc”. Tố Hữu lên án nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm” là “phản động”, “phản cách mạng” vì đã “phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, đòi “tự do độc lập” của văn nghệ, rêu rao “sứ mạng chống đối” của văn nghệ, phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên con người trừu tượng”, “đả kích

văn nghệ kháng chiến của ta”, “phủ nhận hoàn toàn phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, coi đó chỉ là một sản phẩm của “thời kỳ Stalin”, “đòi “trả văn nghệ cho Văn Nghệ Sĩ” thực ra là đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng”... (Sách đã dẫn, trang 144 193).

Sau đó, các ban chấp hành các hội văn học nghệ thuật đã họp để ra nghị quyết khai trừ Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An, Trần Dần, Lê Đạt ra khỏi hội nhà văn, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh ra khỏi ban chấp hành, khai trừ Trần Duy ra khỏi hội mỹ thuật, Sỹ Ngọc, Nguyễn Sáng ra khỏi ban chấp hành, khai trừ Tử Phác, Đặng Đình Hưng (thân sinh nhạc sĩ Đặng Thái Sơn) ra khỏi hội nhạc sĩ sáng tác, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý ra khỏi ban chấp hành...Đó là mặt công khai, còn mặt “không công khai tuyên bố” thì một loạt Văn Nghệ Sĩ, trí thức bị sa thải khỏi cơ quan, công sở, trường học, nhiều người bị bắt bớ, giam giữ, xét hỏi...Vẫn chưa đủ! Cần phải lập hồ sơ để dựng lên một vụ án! Một vụ án “điển hình”! Để trí thức, tư sản chống đối phải khiếp sợ khi đảng đưa miền Bắc “tiến lên chủ nghĩa xã hội”!

“SỔ ĐEN” HAY “SỔ VÀNG” ?

Dưới đầu đề “Cái ổ chuột, Nhân Văn-Giai Phẩm” bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận”, người ta đã công bố danh sách (một loại sổ đen) để bôi nhọ những Văn Nghệ Sĩ đã tham gia “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Mời các bạn xem một đoạn để nhớ đến (như sổ vàng ghi công) những người đã bị đàn áp vì đấu tranh cho tự do và dân chủ: “Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị (Tố Hữu thì nói là hai lớp học tập) nói trên, chúng ta được biết nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” bao gồm những tên đầu sỏ, những “cây bút” đã viết “hoặc nhiều hoặc ít” cho “Nhân Văn-Giai Phẩm” như: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sỹ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh v.v...Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt)”. (Sách “Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận”, trang 309 310). Sau đó, còn thêm Hữu Loan và vài người khác nữa.

Hồ sơ đã lập xong, giới lãnh đạo đảng đã quyết định đưa một số người trong nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm” ra xét xử tại tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hồi đầu năm 1960. Để tránh tiếng xử “vụ án văn chương”, theo chỉ thị cấp trên, tòa phải xử thành “vụ án gián điệp”, phải xử “nhanh gọn” và hạn chế đến mức tối thiểu số bị cáo đưa ra tòa để dư luận không xôn xao nhiều. Năm người bị đưa ra xét xử là: Lưu Thị Yên (Thụy An), Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo (Minh Đức) và hai tòng phạm Phan Tài, Lê Nguyên Chi. Kể ra thì buộc tội gián điệp cũng “hơi khó” vì thực ra không có bằng chứng gì cụ thể, ngoài một chi tiết là Thụy An có quen biết với Maurice Durand, một Nhà Việt Học người Pháp ở Trường Viễn Đông Bác Cổ! Nhưng tòa án của nền chuyên chính vô sản cũng đã có cách: Maurice Durand phải coi là “điệp viên” của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Thụy An quen biết, giao thiệp với M. Durand, tất nhiên là “gián điệp”. Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiếu Bảo cùng Thụy An cộng tác với nhau để ra báo “Nhân Văn” và “Giai Phẩm”, dĩ nhiên đều là gián điệp! Vả lại, phiên tòa tuy được tuyên bố là “công khai”, nhưng các nhà báo nước ngoài không được đến dự, còn các nhà báo trong nước và dân chúng thì...chỉ những người có “giấy mời” mới được vào. Còn luật sư biện hộ thì đã do đảng lựa chọn rồi, họ chẳng có trách nhiệm gì với thân chủ của họ!

Thế là ngày 21.1.1960, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên án các “tên gián điệp” Lưu Thị Yên (Thụy An) và Nguyễn Hữu Đang, mỗi người 15 năm tù, Trần Thiếu Bảo, Giám Đốc nhà xuất bản Minh Đức 10 năm tù, hai tòng phạm Phan

Tài và Lê Nguyên Chi mỗi người 5 năm tù. Các báo đưa tin giật gân này với dòng tít lớn: “Tòa án nhân dân Hà Nội đã xử vụ gián điệp Nguyễn Hữu Đăng, Thụy An” (3). Người dân Hà Nội bàng hoàng, nín lặng, nhiều người hoài nghi: Không khéo lại như hồi Cải Cách Ruộng Đất!

Tuy nhiên, “vụ án gián điệp” mới chỉ là “phần nổi của băng đảo” mà thôi, còn “phần chìm” của nó ít ai được biết. Đó là hàng chục Văn Nghệ Sĩ tài ba, Giáo Sư Đại Học uyên bác, nói chung là trí thức, khao khát tự do, có đầu óc biết suy nghĩ, bị bắt bớ, tù đày, bị tước quyền công dân trong nhiều năm mà không hề được xét xử công khai, minh bạch, như Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Duy, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Trương Tửu, Trần Đức Thảo v.v...Đó là trên một trăm văn sĩ, thi sĩ, giáo sư, giáo viên, luật sư, sử gia, nhạc sĩ, họa sĩ, kịch sĩ, sĩ quan...bị bắt giữ, xét hỏi, sa thải, mất việc, bị tước quyền sáng tác, bị cô lập, bị ghi vào lý lịch, ghi vào sổ đen để suốt đời bị kỳ thị, con cái bị vạ lây. Đó là hàng ngàn, có người nói hàng chục ngàn người (“Mặt Thật” của Thành Tín, trang 161), ở các địa phương, các ngành, các đoàn thể...đã có cảm tình với “Nhân Văn-Giai Phẩm”, đã ủng hộ công khai và bí mật, đã bênh vực, tàng trữ, chuyền tay nhau đọc các báo “Nhân Văn”, “Giai Phẩm”, “Đất Mới” cũng bị bắt giữ, xét hỏi, giam ngắn hạn, mất việc, bị cảnh cáo ghi lý lịch. Những người đó trong dân gian gọi là “Nhân Văn tinh”, “Nhân Văn huyện”, “Nhân Văn xóm”... Thật là một bi kịch lớn của nhân dân! Bao nhiêu đau thương! Biết bao cuộc đời tan vỡ!

Số Phận Sĩ Phu

Thiết tưởng nên nhắc qua số phận bi đát của một số người đã tích cực tham gia hoặc ủng hộ “Nhân Văn-Giai Phẩm”.

Phan Khôi (bút danh Chương Dân), một nhà nho, nhà báo tài ba, đã từng viết cho nhiều báo từ Bắc chí Nam, từng làm chủ nhiệm báo “Sông Hương”, là người khởi xướng và cổ vũ phong trào thơ mới với bài “Tình Già”. Là một nhà nghiên cứu và bình phẩm văn thơ giỏi, với tác phẩm “Chương Dân Thi Thoại”. Những bài ông viết về ngôn ngữ học rất có giá trị (xem tác phẩm “Việt Ngữ Nghiên Cứu” của ông). Ông đã tham gia suốt cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông làm chủ nhiệm báo “Nhân Văn”. Khi tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm” bị đàn áp, ông đã trên 70 tuổi, bị đầu tó dũ dội, bị vu khống làm mật thám cho Pháp, bị sỉ nhục vì đã thẳng thắn công khai phê bình lãnh đạo văn nghệ, công khai đưa ra ánh sáng những vụ bê bối bao che cho nhau của giới lãnh đạo, vì đã đứng đầu tờ “Nhân Văn” mà Tố Hữu coi là “lá cờ phản cách mạng, đánh thẳng vào đảng và nhà nước” (Sách đã dẫn trang 145). Ông đã qua đời ngày 6.1.1959 trong nỗi uất hận.

Nguyễn Hữu Đăng, vốn là một đảng viên đảng cộng sản lâu năm, là phó hội trưởng Hội truyền bá chữ quốc ngữ, người lãnh đạo hội văn hóa cứu quốc, trưởng ban tổ chức lễ tuyên bố độc lập của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ngày 2.9.1945, thứ trưởng bộ thanh niên, sau đó là thứ trưởng bộ tuyên truyền trong chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Bị coi là “linh hồn” của báo “Nhân Văn”, ông bị đầu tó dũ dội, bị giam cầm, bị vu khống, rồi bị đưa ra xử án “gián điệp” và bị kết án 15 năm tù ngồi, chỉ vì trong nhiều bài viết ông đã nhận xét dè dặt “các quyền tự do dân chủ bị hạn chế quá nhiều” và đề nghị (cũng dè dặt) sửa đổi hiệp pháp hoặc bổ sung hiệp pháp 1946, đề nghị thực hiện quyền tự do dân chủ thực sự. Mãn hạn tù, ông trở về quê ở Thái Bình sống rất cực nhọc và cô đơn, bị theo dõi như một “đối tượng” nguy hiểm. Trong bài báo gần đây, Phùng Quán đã kể lại chuyện đến thăm ông, khi ông gần 80 tuổi, sống rất nghèo khổ, ông thu góp từng vỏ báo thuốc lá để đổi lấy gạo, nhái, rán làm thức ăn. Không có nhà cửa, ông ở đậu, và không muốn làm phiền chủ nhà khi mình chết, ông đã tìm cho mình một trứng vữa

người dưới gốc bụi tre gần nhà để khi cảm thấy sắp đến giờ lâm chung thì bò ra đấy trút hơi thở cuối cùng!

Trương Tửu (bút danh Nguyễn Bách Khoa), Giáo Sư Đại Học, một nhà nghiên cứu uyên bác, trước đây đứng đầu nhóm “Hàn Thuyên”, tác giả “Nguyễn Du và truyện Kiều”, “Hai Bà Trưng”, “Tương Lai Văn Nghệ Việt Nam”, v.v...Khi trào lưu “Nhân Văn-Giai Phẩm” bị đàn áp, ông bị đấu tố dữ dội, bị đưa ra cho sinh viên đấu tố, xỉ vả, sau đó bị đui khỏi trường, bị bắt và bỏ tù từ năm 1957, vì ông bị giới lãnh đạo quy là “trót kít”, vì ông đã có những quan điểm không giống họ, ông đòi hỏi phải có một chính sách “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” và cho rằng Văn Nghệ Sĩ không nên làm chính trị, Văn Nghệ Sĩ chân chính xưa nay đều đối lập với chính trị của giai cấp cầm quyền...Cũng như Trần Đức Thảo, ông đòi “trả văn nghệ cho Văn Nghệ Sĩ”, “trả chuyên môn cho các nhà chuyên môn”, đòi thực sự mở rộng tự do dân chủ và các quyền tự do chân chính. Bị tù đày trong nhiều năm mới được thả ra, về nhà, ông làm nghề chằm cứu để sinh sống. Hơn 30 năm ô nhục, vị Giáo Sư Đại Học có tài ba đang sống những ngày buồn đau của một nhà văn già trên 80 tuổi bị hất hủi.

Trần Dần đã theo quân đội suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, là nhà văn, nhà thơ đang sung sức hồi những năm 50, thơ văn của ông hồi đó đang kỳ nở rộ, mang nặng những băn khoăn, nghi ngại của con người có lương tâm và thể hiện những tìm tòi mới mẻ. Ông là người đầu tiên dũng cảm đưa ra yêu sách với giới lãnh đạo “Trả Văn Nghệ Cho Văn Nghệ Sĩ”. Vì hăng hái tranh đấu cho tự do sáng tác, ông bị bắt giam sớm nhất, hồi tháng 6 năm 1955. Sau bài “Nhất Định Thắng” được đăng trên “Giai Phẩm Mùa Xuân”, ông bị đấu tố và bị bắt giam lần thứ hai, hồi tháng 2 năm 1956. Còn khi trào lưu “Nhân Văn-Giai Phẩm” bị đàn áp, ông lại bị đấu tố dữ dội, bị bắt, bị bỏ tù trong nhiều năm. Đến khi được thả ra, ông buồn đau, thờ thẫn, như người mất hồn...Và thực sự ông đã trở thành một người bệnh tâm thần!

Lê Đạt, một nhà thơ có tài, mang đầy những mộng ước sáng tạo, hăng say tìm tòi và cổ vũ cái mới. Vì làm bài thơ “Ông Bình Vôi”, ông bị buộc tội ám chỉ “lãnh tụ”, “phạm thượng”, vì lời kêu gọi “chống công thức, giáo điều” mà bị buộc tội là phản nghịch, xúi giục nhân dân nổi dậy chống đảng, chống nhà nước, ông bị đấu tố dữ dội, bắt bớ, tù đày trong nhiều năm. Sau khi ở tù ra, ông trở về với mẹ già, sống cô đơn và làm nghề mua bán giấy cũ để sống.

Và bao nhiêu người khác nữa, Giáo Sư Đại Học, Triết Gia Trần Đức Thảo, Giáo Sư Đại Học, Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường, Họa Sĩ, Nhà Văn Trần Duy, Nhà Thơ nổi tiếng Hoàng Cầm, Nhạc Sĩ lừng danh, đồng thời là Nhà Thơ có tài Văn Cao, Nhạc Sĩ Tử Phác, Nhạc Sĩ Đặng Đình Hưng, Nhà Thơ, Nhà Soạn Kịch Đoàn Phú Tứ, Nhà Thơ nổi tiếng Nguyễn Bính, Nhà Văn Thụy An, thời trước đã làm chủ nhiệm báo “Đàn Bà”, người xuất bản thiết tha với nền Văn Học nước Nhà Trần Thiếu Bảo (Minh Đức), v.v...cũng chịu số phận chung: Cuộc đời tan nát thảm thương!

Hậu Quả Không Chỉ Một Thời

Vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm” là một tội ác ghê rợn của giới lãnh đạo đảng cầm quyền, không những nó chà đạp lên nhân phẩm, tự do, quyền của con người, giày xéo lên cuộc sống vật chất và tinh thần của bao nhiêu Văn Nghệ Sĩ, trí thức tiên tiến nhất, sáng tạo nhất của một thời, mà nó còn hủy hoại cả một thế hệ Văn Nghệ Sĩ đầy sức sống hồi đó, gieo rắc đầu óc sợ sệt của kẻ nô lệ, đè nén tinh thần độc lập và mạnh dạn sáng tạo của các thế hệ trí thức, Văn Nghệ Sĩ lớp sau. Sự độc tài, chuyên chế, lộng hành của giới lãnh đạo nhân danh nền chuyên chính vô sản, hồi đó đã lên đến cao độ. Nhà Thơ Trần Mạnh Hào, thuộc thế hệ sau, đã viết rất đúng trong bài thơ “Nhớ Nguyễn Bính”:

...”Anh mang theo xuống đất cái thời

Đến nghĩ ngợi cũng cần xin phép”.
Nhà Thơ Trần Nam Hương, trong bài “Tạ lỗi cánh đồng” đã thổ lộ:
“Đã có một thời nổi đau ta phải giấu
Ta đánh mất ta trong nửa con người
Bài thơ phải cất đi phần thật nhất
Trang báo ta cầm chỉ đọc những niềm vui”.

Hậu quả của sự thống trị cộng sản là cả một nền văn học, nghệ thuật, giáo dục, đạo đức của miền Bắc bị lụn bại, méo mó, què quặt và hầu như cả một thể hệ trí thức, Văn Nghệ Sĩ miền Bắc bị đánh gục, bị chìm trong nỗi sợ triền miên. “Cứng” như Nguyễn Tuân mà cũng sợ. Đến cuối đời, ông đã bộc bạch: “Tao còn sống đến bây giờ là nhờ biết sợ”. Cổ nhiên, có những người không sợ, nhưng số đó rất hiếm. Có lẽ Nguyễn chí Thiện là nhà thơ trẻ tuổi độc nhất vô nhị, đơn thương độc mã, dùng thơ ca dũng cảm chiến đấu chống đảng cộng sản, chống ách thống trị cộng sản. Nhưng những lời thơ hùng tráng, tiếng ca thống thiết của ông, cũng như chính con người của ông bị đảng cầm quyền giam chặt, giấu kín trong trại tù 27 năm trời, nên hầu như không mấy ai biết đến. Cho đến giờ, thơ ông vẫn là đồ quốc cấm.

Hãy Sám Hối!

Nói đến trách nhiệm chính trong vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm”, cũng như trong sự méo mó, què quặt của nền văn học, nghệ thuật, giáo dục, đạo đức của miền Bắc trong một thời gian dài thì phải kể trước hết đến bộ chính trị trung ương đảng đứng đầu là chủ tịch đảng Hồ chí Minh và các tổng bí thư Trường Chinh, Lê Duẩn (Trường Chinh làm tổng bí thư cho đến tháng 9.1956. Hồ chí Minh kiêm nhiệm tổng bí thư từ tháng 9.1956 đến tháng 9.1960. Lê Duẩn làm tổng bí thư từ tháng 9.1960 cho đến khi mất). Bộ chính trị thực tế độc quyền quyết định mọi việc. Còn trực tiếp phụ trách tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục hồi đó là Trường Chinh, cho nên trách nhiệm trực tiếp của Trường Chinh rất lớn. Vâng, chính ông Trường Chinh ấy đã từng làm chủ tịch ủy ban cải cách ruộng đất, một cuộc cải cách rập khuôn Trung Quốc, đã gây ra bao nhiêu tang thương cho dân tộc. Có người cho rằng sau cải cách ruộng đất, Trường Chinh bị mất uy tín lớn vì những sai lầm nghiêm trọng đã bị phát hiện, nên vớ lầy cơ hội có tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm” này để lập công với đảng hòng lấy lại uy tín. Ý kiến đó đúng hay sai thì còn phải bàn cãi. Nhưng điều này thì chắc chắn: Trung ương đảng đã chịu nhận những “sai lầm” trong cải cách ruộng đất, đã cho Trường Chinh thôi chức tổng bí thư, nhưng lại vẫn để ông làm ủy viên bộ chính trị và trung ương đảng lại vẫn để bộ chính trị rập khuôn Trung Quốc đem phương pháp “đấu tố” ở Trung Quốc để áp dụng đối với trí thức và Văn Nghệ Sĩ Việt Nam, cho nên, trách nhiệm của trung ương đảng rất lớn.

Cùng chịu trách nhiệm, phải đặc biệt nói đến Tố Hữu, chính ông là người bày mưu đặt kế, giúp trung ương “chỉ huy” cái mà ông gọi là “trận giao phong tư tưởng” này. Ông là người hùng hổ, hò hét cổ vũ và trực tiếp điều khiển mọi việc “đấu tố”, đàn áp trí thức, nên nhiều người cho là ông làm với tinh thần tâm công để leo lên địa vị cao. Có người nói: Tố Hữu và Hồ viết Thắng trên “mặt trận” văn hóa, văn nghệ. Sự so sánh đó có mặt đúng vì cả hai ông đều dùng phương pháp rất tàn bạo, người thì đối với nông dân, người thì đối với trí thức, và đã gây ra vô vàn đau thương cho người dân. Nhưng có mặt không đúng là Hồ viết Thắng sau đợt 5 cải cách ruộng đất, đợt mà đảng gọi là “chiến dịch Điện Biên Phủ ở nông thôn”, hy vọng sẽ được vào bộ chính trị, thì ông bị đưa ra khỏi trung ương, còn Tố Hữu, sau trận đàn áp trào lưu “Nhân Văn-Giai Phẩm”, thì lên như điều: Được đưa vào ban bí thư, rồi vào bộ chính trị. Nhưng sự so sánh đó đúng hay không đúng thì chẳng mấy may làm giảm nhẹ số phận bi đát của người dân bình thường.

Cùng chịu trách nhiệm, cũng phải đặc biệt nhắc đến Lê đức Thọ, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương, Nguyễn chí Thanh, ủy viên bộ chính trị, chủ nhiệm tổng cục chính trị quân đội, Trần quốc Hoàn, ủy viên bộ chính trị, bộ trưởng bộ công an và Hoàng quốc Việt, ủy viên bộ chính trị (từ tháng 9.1960, ủy viên trung ương), viện trưởng viện kiểm sát tối cao, là những người góp phần đặc lực nhất trong vụ đàn áp này.

Ngoài ra, không thể không nhắc tới đám “cai tù văn nghệ” như Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi, Nguyễn Chương, Hồng Chương, Xuân Trường, Như Phong, Quang Đạm, Hoàng xuân Nhị, Hồng Cương, Chính Hữu v.v...cùng với lũ bồi bút theo đóm ăn tàn và công an văn hóa đã góp sức đàn áp, đấu tố, trừng trị, đè nén Văn Nghệ Sĩ, trí thức cả về mặt thể chất lẫn về mặt tư tưởng, tinh thần. Họ đã được đảng cầm quyền trả công xứng đáng, đãi ngộ hậu hĩnh.

Cùng chịu trách nhiệm với trung ương đảng, còn phải nói đến toàn bộ đảng cộng sản cầm quyền, trong đó có cả người viết những dòng này, vì hồi đó là một thành viên và cán bộ của đảng. Mọi đảng viên đều phải chịu trách nhiệm về việc làm của đảng. Hồi đó, hoặc vì mê muội, sùng bái cấp trên, hoặc vì sợ sệt ngậm miệng làm thinh để được an thân, nên nói chung, các đảng viên phó mặc trung ương đảng muốn làm gì thì làm. Lẽ nào vì thế mà tránh né được trách nhiệm trong việc này ?

Cùng chịu trách nhiệm còn phải nói đến chính bản thân Văn Nghệ Sĩ, trí thức miền Bắc hồi đó, nhất là các vị có uy tín lớn, vị thế cao. Những văn sĩ, thi sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ, nhà phê bình nổi tiếng từ thời tiền chiến, nhờ tương đối có tự do sáng tác mà đã tạo nên những bông hoa tươi thắm của nền văn học, nghệ thuật nước nhà một thời, thì nay nhiều người vì sợ hãi đã phải đứng vào hoặc bị lừa vào trận tuyến chống “Nhân Văn-Giai Phẩm”, gương gao phê phán hoặc miễn cưỡng ký tên vào những bản tuyên bố, tố cáo...Số im hơi lặng tiếng được thì rất ít. Ngoài ra, còn một số không ít đã xông tới với tâm địa tâng công, hùa theo “đánh đòn hội chợ” vào các bạn đồng nghiệp đang tranh đấu gay go cho nền tự do chung, cho tự do tư tưởng, tự do sáng tác.

Chính giữa lúc lười gươm chuyên chính vô sản (mà thực ra có phải là chuyên chính của giai cấp vô sản đâu, thậm chí cũng không phải là của đảng, mà là của một nhóm nhỏ mấy người!) đang giáng xuống đầu các Văn Nghệ Sĩ khao khát tự do, các trí thức nặng tình với dân chủ, thì hồi tháng 7.1957, nhà thơ trữ tình Xuân Diệu, tác giả các tập “Thơ Thơ” và “Phấn Thông Vàng” nổi tiếng hồi tiền chiến, lại tung ra bài thơ “Chuyên Chính Vô Sản”, có những câu đọc lên nghe rợn cả người vì sự suy đồi đạo đức:

...“Ôi êm ái khi tay cầm vũ khí,
Chuyên chính của ta là thép cương kiên...”
...“Mặc chúng nó kêu lá rụng, hoa tàn
Tôi thẳng thắn ngợi ca nền chuyên chính”.

Chế Lan Viên, tác giả tập thơ “Điêu Tàn” nổi tiếng, cũng hăng hái không kém, ông xông xáo đang cố ngoi lên để được chỗ ngồi cao, được trọng vọng trong “bàn tiệc lớn”, để rồi khi ở buồng riêng viết trong bài “Bánh vẽ” với những câu nghe đến xấu hổ:

“Chưa cầm lên nôm, anh đã biết là bánh vẽ
Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
Cầm lên nhấm nháp...”
Thế thì còn nói chi đến lớp Văn Nghệ Sĩ đàn em!

Khi nói đến trách nhiệm chung và riêng, người viết những dòng này không nhằm mục đích kêu gọi hận thù, càng không phải để kêu gọi báo thù! Không! Ngàn

lần không! Mà chính là để mọi sự phải được minh bạch, rõ ràng trước Lịch Sử. Lịch Sử mà Lê Đạt đã nói đến trong bài thơ “Nhân Câu Chuyện Mấy Người Tự Tử”:

“Lịch sử luôn luôn duyệt lại
Không ai lừa được cuộc đời
Rồi các anh sẽ phải trả lời
Trước tòa án ngày mai”.

Khi chúng tôi nói đến trách nhiệm, chính là để kêu gọi một sự sám hối chung và riêng trước Lương tâm của mỗi người (4). Vì chỉ có sự sám hối chân thật mới có thể bảo đảm chắc chắn trong tương lai sẽ không còn sự lộng hành, độc tài độc đoán và những tấn thảm kịch của nhân dân sẽ không còn tái diễn. Vì chỉ có sự sám hối chân thật mới hy vọng xóa bỏ được cái chế độ cực quyền mà phần lớn loài người đã vứt ra bãi rác của Lịch Sử, mới hy vọng xây dựng nên một xã hội tự do, dân chủ đích thực trên đất nước ta.

“Cởi trói” ?

Tháng 10 năm 1987, trong một cuộc gặp mặt Văn Nghệ Sĩ, tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã tuyên bố “cởi trói” cho Văn Nghệ Sĩ. Báo chí Hà Nội đưa tin “anh chị em Văn Nghệ Sĩ hồ hởi, phấn khởi hoan nghênh” lời tuyên bố đó. Hầu như không mấy ai nhận rõ toàn bộ tính chất lằng nhục Văn Nghệ Sĩ, trí thức trong cái chữ “cởi trói” trích thượng ấy, vì nó khẳng định tình cảnh “bị trói”, bị mất tự do của họ từ trước đến nay dưới chế độ của đảng, vì nó xác nhận rõ ràng tính chất độc tài, đảng trị của chế độ, vì nó nhấn mạnh quyền tối thượng của đảng cộng sản trong việc quyết định số phận của họ, theo lối nói dân gian là “quyền sinh quyền sát” trong tay đảng, vì nó chứng thực thân phận nô lệ của họ: “trói” hay “cởi trói”, hay “lại trói” cũng là quyền của đảng! Chắc là tổng bí thư đảng không hề có ý định lằng nhục trí thức, Văn Nghệ Sĩ, nhưng cái tâm lý của kẻ thống trị độc quyền đã thâm căn cố đế, ăn sâu vào tiềm thức các lãnh tụ cộng sản đến nỗi chữ đó phụt ra từ miệng tổng bí thư một cách hoàn toàn tự nhiên! Và chúng ta chẳng lạ gì khi thấy hai năm sau, đảng không còn nhắc đến chính sách “cởi trói” nữa, còn dây dợ trói buộc vốn có trong tay đảng thì đã từ từ thắt chặt lại rồi! Thời kỳ “lại trói” đã bắt đầu từ năm 1989!

“Cởi trói” cho Văn Nghệ Sĩ là một đề tài rộng. Ở đây, chỉ xin đề cập đến việc “cởi trói” cho Văn Nghệ Sĩ, trí thức đã từng tham gia hoặc ủng hộ tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm” mà thôi. Chúng ta đã thấy gì ? Những người bị giam giữ lần lượt và lẳng lẳng ra khỏi tù, một số đổi án tù thành quản thúc, sau đó bỏ cả việc quản thúc, nhưng cơ quan an ninh vẫn bí mật coi họ là “đối tượng” để theo dõi. Rồi họ nhận được thẻ cử tri, được đi bầu quốc hội, dù chẳng có quyết định chính thức của một tòa án nào khôi phục quyền công dân cho họ. Hồi 1989, một số đã “được cho sinh hoạt lại” ở Hội nhà văn, nhưng không ai được trở lại công việc của họ. Rồi một số được mời đi dự đại hội nhà văn. Gần đây một số đã được lĩnh tiền hưu. Thế là hết! Không một lời công khai của đảng và chính phủ nhận “lỗi”, xin “lỗi”! Không một lời chính thức “minh oan”! Không một sự phục hồi danh dự, bồi thường danh dự!

Giới lãnh đạo cộng sản nhất mực từ chối việc chính thức và công khai xét lại vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm” kéo dài trên 30 năm trời. Họ cãi chày cãi cối: “Sự việc xảy ra đã lâu rồi, nhiều người không còn sống nữa, thì chẳng nên nhắc lại làm gì chuyện cũ”, mặc dù ai cũng biết là đại đa số những người trong vụ án ấy vẫn sống sờ sờ trước mặt họ! Thậm chí trắng trợn hơn, Trần trọng Tân, ủy viên trung ương đảng, trưởng ban tư tưởng, văn hóa trung ương, đã tuyên bố: “Đảng có sai đâu mà phải xét lại!” Nghe nói Nhà Văn Phùng Quán đã gửi đơn cho tòa án tối cao và viện kiểm sát tối cao đòi nhà nước phải bồi thường thiệt hại vật chất cho Văn Nghệ Sĩ bị kết án oan trong vụ “Nhân Văn-Giai Phẩm”, nhưng cả tòa án lẫn viện kiểm sát của

cái nhà nước tự xưng là “pháp quyền” ấy đã lờ tịt! Thật là một thái độ gian xảo của một kẻ quịt nợ!

Tập đoàn thống trị cộng sản hiện nay sợ nhắc đến và xét lại vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm”, sợ “rút dây động rừng”, vì lôi ra ánh sáng vụ án ấy thì còn biết bao nhiêu vụ án khác nữa! Từ những vụ ám hại các thủ lĩnh và đảng viên các đảng phái đối lập hay có thể trở thành đối lập, các vụ đàn áp, tàn sát các tu sĩ, tăng ni, tín đồ Công Giáo, Phật Giáo, Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo, Tin Lành...các vụ giam cầm hãm hại những người bất đồng chính kiến, như việc bỏ tù nhà thơ Nguyễn chí Thiện 27 năm trời, cho đến các cuộc đàn áp, thanh trừng nội bộ, như “vụ án xét lại chống đảng” (còn gọi là “vụ án Hoàng minh Chính”), vụ án Hoàng văn Hoan và những người cùng tư tưởng với ông, trong đó có Thượng Tướng Chu văn Tấn... cho đến các vụ đàn áp, bắt bớ, ám hại Tăng Ni, Phật Tử trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, cho đến gần đây là “vụ án Nguyễn Đan Quế và Cao Trào Nhân Bản”, “vụ án Đoàn Viết Hoạt và Diễn Đàn Dân Chủ”, các vụ án các Thầy Hải Tạng, Trí Tụu, Hải Thịnh, Hải Chánh, Hạnh Đức, vụ án đàn áp, bắt bớ những người đứng đầu câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, v.v...Đó là chưa kể đến những “vụ án” trong cải cách ruộng đất, vụ đàn áp nông dân Quỳnh Lưu và các nơi khác đã nổi dậy, các “vụ án” trong các cuộc “cải tạo xã hội chủ nghĩa”, các vụ án ở các vùng dân tộc thiểu số v.v...và v.v...Nếu lôi ra ánh sáng tất cả các vụ ấy thì ta sẽ thấy phơi bày ra cả một chuỗi dài tội ác đối với nhân dân mà kẻ tội phạm chắc chắn sẽ là tập đoàn thống trị cộng sản. Đó là lý do tại sao họ không chịu xét lại bất cứ một vụ án nào kể từ ngày họ cầm quyền đến nay. Về mặt này thì họ rất ngoan cố.

Hồn Tự Do Bất Diệt

Trước nguy cơ sụp đổ vì khủng hoảng trầm trọng của chế độ xã hội chủ nghĩa, giới cầm quyền đã phải nói lòng phần nào về kinh tế, trong lúc vẫn siết chặt về chính trị, rồi lớn tiếng hô to là “cởi trói”, “đổi mới”. Nhưng những trò ảo thuật đó khó lọt qua cặp mắt sáng suốt của nhiều người. Ngay từ năm 1988, Nhà Thơ Nguyễn Duy đã hỏi:

“Đổi mới thật không hay giả vờ đổi mới ?
Máu nhiễm trùng ta có thể thay chằng ?”

Dù vậy, Văn Nghệ Sĩ, trí thức cũng không bỏ lỡ cơ hội để vươn lên. Tinh thần “Nhân Văn-Giai Phẩm”, hồn tự do bất diệt, bị đè nén, vùi dập hơn 30 năm, giờ lại trỗi dậy và đã tạo nên một bước chuyển mình mới của văn học, nghệ thuật, với Nguyên Ngọc, Nguyễn Minh Châu, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Quang Lập, Phùng Gia Lộc, Trần Mạnh Hảo, Lê Lưu, Xuân Cang, Trần Huy Quang, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Duy, Trần Vàng Sao, Thanh Thảo, Xuân Quỳnh, Bùi Minh Quốc...trong văn thơ. Trần Văn Thủy, Đặng Nhật Minh, Việt Linh...trong điện ảnh, Văn Cao, Hoàng Diệp...trong âm nhạc. Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng, Bửu Chỉ...trong hội họa, Lưu Quang Vũ, Tất Đạt...trong ngành kịch. Lại Nguyên Ân, Nguyễn Đăng Mạnh, Hoàng Ngọc Hiến, Vương Trí Nhàn...trong lý luận và phê bình. Và rất nhiều người khác nữa thuộc thế hệ mới lên.

Thế nhưng, tập đoàn thống trị cộng sản run sợ khi thấy Văn Nghệ Sĩ xông xáo lao vào những đề tài vô cùng bức xúc của xã hội, phanh phui những hành vi tội lỗi xúc phạm đến cuộc sống của con người, vạch trần những bất công xã hội và tầng lớp bóc lột mới trong xã hội bọn cường hào mới, những cán bộ có chức có quyền ức hiếp thường dân, thì đảng vội vàng “lại trói” Văn Nghệ Sĩ, trí thức: Tờ “Lang BIAN” ra đến số 3 thì bị đóng cửa, Tổng biên tập Bùi Minh Quốc bị khai trừ ra khỏi đảng, tạp chí “Sông Hương” cũng bị đóng cửa, Tổng Biên Tập Tô Nhuận Vĩ bị thi hành kỷ luật, nhà văn Nguyên Ngọc bị cách chức Tổng Biên Tập tuần báo “Văn Nghệ”. Nhà báo Vũ Kim Hạnh bị cách chức Tổng Biên Tập báo “Tuổi Trẻ”...chỉ vì các báo và các

Tổng Biên Tập ấy đã mạnh dạn “đổi mới”, dám nói lên sự thật hoặc một phần sự thật! Thật là nghịch lý! Đảng tuyên bố “đổi mới” thế mà những tờ báo, nhà báo, nhà văn...hăng hái “đổi mới” lại bị đảng trừng phạt! Thanh trừng xong các tờ báo và tổng biên tập mạnh dạn “đổi mới”, đảng càng siết chặt chế độ kiểm duyệt và bắt đầu đàn áp mạnh những người tranh đấu cho tự do, dân chủ. Tháng 4 năm 1991, nữ văn sĩ Dương Thu Hương, tác giả “Bên Kia Bờ Áo Vọng”, “Những Thiên Đường Mù”, “Tiểu Thuyết Vô Đề”, đã bị bắt giam, những người ngưỡng mộ nhà văn cũng bị tru dập, bắt bớ. Trên 1000 nhân vật nổi tiếng ở phương Tây đã lên án hành động độc tài của nhà cầm quyền Việt Nam và đòi phải trả tự do cho nhà văn gan dạ. Phu Nhân của Tổng Thống Pháp Francois Mitterand cũng đã trực tiếp can thiệp. Cuối cùng nhà cầm quyền Hà Nội buộc lòng phải thả nhà văn ra. Tiếp đó họ lại bắt bớ, giam cầm, rồi đưa ra xử án rất nặng những chiến sĩ đấu tranh cho nhân quyền và tự do, dân chủ, như Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế, sáng lập viên Cao Trào Nhân Bản, Giáo Sư Đoàn Viết Hoạt và nhóm “Diễn Đàn Tự Do”, bắt chấp sự phản đối của dư luận thế giới. Đến cả những người lãnh đạo câu lạc bộ những người kháng chiến cũ, như các ông Tạ bá Tông, Nguyễn Hộ...cũng không thoát khỏi sự đàn áp, giam cầm, quản thúc.

Tuy nhiên, khác hẳn với thời kỳ những năm 50, 60, Văn Nghệ Sĩ, Trí Thức Việt Nam không còn khiếp sợ như trước: Tình trạng a dua, hùa theo lãnh đạo để đánh bặt cầm bút hầu như không còn thấy, trừ một vài cá biệt “lộn giống” nhà văn chỉ điếm, trái lại, đang âm ỉ sự chống đối ngấm ngầm, thềm lặng đôi khi đã trở thành công nhiên, trực diện, một số tác phẩm văn nghệ bị cấm ở trong nước đã được đưa ra nước ngoài xuất bản, như “Ly Thân” của Trần Mạnh Hào, “Tiểu Thuyết Vô Đề” của Dương Thu Hương và những bài luận văn của Hà sĩ Phu (Nguyễn xuân Tụ), Nguyễn Phong Hồ Hiếu, Lữ Phương, Nguyễn Kiến Giang, Linh Mục Chân Tín v.v...Cùng với tiếng nói vô úy đại hùng của Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã vang lên những lời lẽ đanh thép của Dương Thu Hương, Tiến Sĩ Phan Đình Diệu, nhà ngôn ngữ họa Nguyễn Phan Cảnh...tố cáo chế độ cực quyền.

Hồn tự do bất diệt dù bị đè nén, vùi dập, nhưng vẫn âm ỉ, ngấm ngầm chờ dịp lại bùng lên. Bùng lên! Cho đến ngày chế độ cực quyền cộng sản đã bị loài người lên án, sẽ phải sụp đổ trên đất nước chúng ta. Cũng như Nguyễn chí Thiện đã tiên đoán cách đây mấy chục năm, chúng ta tin rằng ngày đó nhất định sẽ đến:

“Sẽ có một ngày,
Con người hôm nay
Vất sủng, vất cùm, vất cờ, vất Đảng,
Đội lại khăn tang, quay ngang vòng nặng oan khiên,
Về với miếu đường, mồ mã gia tiên...”

21.8.1994
Trần Minh

Chú Thích:

1. Bài này đã đăng trên tạp chí “Thế Giới Ngày Nay” ở Hoa Kỳ số 124 (11 & 12.1994), trên tờ “Thiện Chí” ở Đức số 25, tờ “Viet Nam Forum”, số 23, do Nguyễn Thị Thu Cúc dịch ra tiếng Đức.

2. Nhà Thơ Hữu Loan đã vạch mặt đám này trong bài “Cũng Những Thằng Nịnh Hót”.

3. Gần đây, khi trả lời phỏng vấn của Bà Thụy Khuê (đài RFI), ông Nguyễn Hữu Đang dường như phủ nhận việc ông bị đưa ra xét xử với tội gián điệp. Nghe anh Bạch Thái Quốc nói lại chuyện đó, thật tình tôi thấy thương và rất thông cảm với tình cảnh của ông, một người “còn ở trong lòng chế độ” mà phải trả lời cho “đài phát thanh nước ngoài” về một vấn đề quá tế nhị như vậy!

Để làm sáng tỏ vấn đề này, xin các bạn cứ khách quan xem xét:

a) Tại sao trong gần ba năm trời trước khi xử án, những người “lãnh đạo” văn nghệ, như Tố Hữu, Nguyễn đình Thi, Hoài Thanh v.v... cứ mỗi lần mở miệng ra nói về nhóm “Nhân Văn-Giai Phẩm” là họ cứ gắn với “bọn gián điệp, mật thám” và họ cố đưa tên Thụy An đứng đầu sổ trong nhóm đó, dù rằng khách quan mà xét, Thụy An có thể chỉ là người cảm tình với “Nhân Văn-Giai Phẩm” mà thôi ?

b) Tại sao người ta đưa Nguyễn Hữu Đang ra xử cùng với Thụy An, là người mà “các vị tai to mặt lớn” kia và báo chí của họ đều gán cho cái nhãn hiệu “gián điệp”, nếu không phải để buộc tội cho ông Đang cũng là “gián điệp” và để cả hai người “lính” mức án ngang nhau ?

c) Tại sao công tố viên khi đọc cáo trạng lại cứ gắn hoạt động của “Nhân Văn-Giai Phẩm” mà họ cho ông Đang là “chủ mưu” với hoạt động gián điệp, phá hoại đấu tranh thống nhất ?

d) Tại sao đài truyền thanh của thành phố Hà Nội, theo lệnh của ban tuyên huấn trung ương do Tố Hữu làm trưởng ban, khi truyền thanh tại chỗ lại cứ ra rả nói suốt ngày là xử vụ án gián điệp ?

e) Tại sao hôm sau ngày xử án, tất cả các báo ở Hà Nội lại đưa tin về vụ xử án gián điệp Nguyễn Hữu Đang-Thụy An ?

Về điều này, nhân thể nói thêm, trong sách “Trăm Hoa Đua Nở Trong Đêm Tối Việt Nam. Chủ nghĩa cộng sản và trào lưu bất đồng chính kiến 1954-1956” (xuất bản năm 1991, bằng tiếng Pháp) của Georges Boudarel, một cựu đảng viên cộng sản Pháp và cộng sản Việt Nam với bí danh Đại Đồng, đã từng sống và hoạt động tại Việt Nam suốt trong thời kỳ đó, cũng viết: Nguyễn Hữu Đang, linh hồn của các xuất bản phẩm nói trên, bị kết án nặng nhất “bởi lời buộc tội thật bí ẩn là gián điệp” (“sous une énigmatique accusation d'espionnage”). Còn trong sách “Mặt Thật” xuất bản năm 1993 của Thành Tín, tức Bùi Tín, nguyên phó tổng biên tập báo “Nhân Dân” cũng viết: “Sau 3 năm đấu tranh một chiều... vụ án văn học lớn nhất trong lịch sử Việt Nam này tạm kết thúc ngày 21 tháng Giêng năm 1960 với tin giật gân có tít là: “Tòa án nhân dân Hà Nội đã xử vụ án gián điệp Nguyễn Hữu Đang-Thụy An” (trang 157). Chú thích thêm ngày 2.10.96. TM.

4. Tấm gương sáng về sự chân thành sám hối là nhà văn Bửu Tiển. Tại Đại hội nhà văn năm 1989 tại Hà Nội, ông đã thành thật nói trước Đại hội: “Xin lỗi anh em Nhân Văn-Giai Phẩm, và trừu tượng hơn, xin tạ tội với tự do dân chủ, giấc mơ ngàn đời của nhân loại và bản thân”. Điều đó đã đem lại cho ông sự thanh thản trong lòng và gây được sự kính trọng của các bạn đồng nghiệp đối với ông, một người có lương tâm trong sáng.

NHỮNG HỒI TƯỞNG CỦA MỘT NHÂN CHỨNG

Nguyễn Minh Cần

LTS : Kể từ tháng 8.1945, tức là từ khi đảng cộng sản Việt Nam nắm chính quyền, rất nhiều vụ án oan khuất đã xảy ra trên đất nước dưới chế độ cực quyền và toàn trị. Có thể nói “Nhân Văn-Giai Phẩm” là một vụ án điển hình. Điển hình vì nó đánh thẳng vào tầng lớp trí thức, Văn Nghệ Sĩ đã từng tận tụy đi theo đảng cộng sản và đã có công lao to lớn trong cuộc kháng Pháp giành độc lập dân tộc. Điển hình vì hậu quả của nó ngay lập tức lan tỏa ra toàn xã hội, tạo tiền đề cho “vụ án xét lại

chống đảng” và suốt hơn 30 năm qua nó gây nên nỗi ám ảnh khủng khiếp trong đời sống văn hóa nghệ thuật giáo dục nước nhà. Trong nhiều năm gần đây, từ khi có việc “cởi trói” Văn Nghệ Sĩ hồi tháng 10.1987, người ta đã được biết nhiều hơn, chính xác hơn về những sự việc, những con người trong vụ án này.

Bạn đọc “Hy Vọng” ở số báo trước đã có dịp làm quen với ông Nguyễn Minh Cần như là một nạn nhân của “vụ án xét lại chống đảng”. Hôm nay chúng tôi trân trọng đưa đến bạn đọc những tâm sự, những hồi tưởng...của ông với tư cách một nhân chứng của vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Cũng xin giới thiệu lại rằng trong thời gian xảy ra vụ án này, ông Nguyễn Minh Cần là Phó Chủ Tịch ủy ban hành chính Hà Nội, ủy viên thường vụ thành ủy, trưởng ban tuyên huấn thành ủy Hà Nội kiêm chủ nhiệm báo “Thủ đô Hà Nội”.

Bài viết dưới đây do Trần Tuấn Thanh, Đỗ Quang Nghĩa và Đỗ Quyên nhuận sắc từ băng ghi âm cuộc hỏi chuyện thân mật ông Nguyễn Minh Cần mà chúng tôi đã tham dự tại tòa soạn báo “Thiện Chí” dạo đầu tháng Tư vừa rồi.

Cuối cùng, báo “Hy Vọng” xin được dùng bài viết này để kính viếng 100 ngày mất của Nhạc Sĩ Văn Cao, một nạn nhân đau thương trong vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm”.

I.

...“Dạo đó tôi là phó chủ tịch ủy ban hành chính Hà Nội, đặc trách về công tác tuyên huấn, văn hóa, giáo dục và ngoại thành...Dưới đây, tôi sẽ kể thêm một vài điều mà bài tổng quan của tôi về vụ “Nhân Văn-Giai Phẩm” (2) chưa có điều kiện nói kỹ.

Sau khi đảng cộng sản Việt Nam chịu ảnh hưởng rất mạnh của đường lối Stalinist, Maoist, và nhất là từ khi Trung Quốc giành được chính quyền trên toàn lục địa, thì cách thức cai trị của đảng cộng sản Việt Nam rất độc tài, có tính chất phong kiến, trung cổ. Chữ “trung cổ” ở đây tôi nói không có gì oan uổng cả! Nó đúng với cái thực tế hồi đó! Việc kiểm soát về tư tưởng rất ngặt nghèo, từ khi bắt đầu cải cách ruộng đất thì không khí chính trị xã hội ở miền Bắc rất ngột ngột. Không ai được có một ý kiến hơi sai, hơi khác. “Chủ nghĩa đồng phục” tư tưởng Stalinist, Maoist đấy mà!

Thế mà...từ các vùng chiến khu trở về Hà Nội, anh em trí thức, Văn Nghệ Sĩ có nhu cầu rất lớn về tự do, vì có tự do mới có thể sáng tác, nghiên cứu, sáng tạo được. Hồi trước, do yêu cầu của kháng chiến, họ phải chịu im, phải nhát nhát theo lãnh đạo. Nay một phần đất nước được giải phóng rồi, thì trí thức, Văn Nghệ Sĩ cũng đòi hỏi được giải phóng, hoặc chí ít được nới lỏng một chút, theo kiểu “đường lối lãnh đạo là của các anh, nhưng phương pháp sáng tác là của chúng tôi, xin các anh đừng can thiệp vào”. Tôi cho rằng đấy là nhu cầu tự nhiên. Dạo đó, các sáng tác văn nghệ đều bị kiểm duyệt tới từng câu chữ, chi tiết. Đề tài lịch sử là cái người ta rất cẩn thận khi xem xét, vì cho rằng dễ bị ám chỉ: Nói chuyện thời phong kiến xa xưa đấy mà lại là chuyện đương thời.

Thế là cuối 1954 đầu năm 1955, một số Văn Nghệ Sĩ trong quân đội, đứng đầu là nhà văn Trần Dần, đã họp để chuẩn bị các đề nghị cụ thể xin đảng cải tiến công tác quản lý văn nghệ trong quân đội, với tinh thần là để cho họ được tự do sáng tác. Sau này người ta hay nhắc lại các đề nghị đó được gói gọn trong một câu mà Trần Dần phát biểu với Nguyễn Chí Thanh, ủy viên bộ chính trị, chủ nhiệm tổng cục chính trị: “Trả Văn Nghệ Cho Văn Nghệ Sĩ”. Mở đầu tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm” là như thế! Thật ra, Văn Nghệ Sĩ sau kháng chiến chống Pháp có đòi hỏi nội tâm rất lớn. Anh em chấp nhận sự lãnh đạo của đảng cộng sản, phải nói rằng hồi đó họ còn tin ở đảng, nhưng họ muốn rằng đảng phải coi văn nghệ là công việc của Văn Nghệ Sĩ, đừng can thiệp thô bạo vào việc sáng tác của họ. Mà hồi đó quả là có lắm chuyện can thiệp thô bạo đã xảy ra thật, vì các ông lãnh đạo nhà ta cứ luôn luôn viện dẫn câu nói đầu lưỡi của Mao: “chính trị là thống soái”, nên cán bộ đảng coi mình

phải “chỉ huy” Văn Nghệ Sĩ về đường lối, về đề tài, về cốt chuyện, về xây dựng nhân vật, ai là “chính diện”, ai là “phản diện”, và thậm chí cả...về “văn phong” nữa. Lắm chuyện lố bịch khó tưởng tượng nổi! Thế nhưng, giới lãnh đạo đảng đã buộc tội Trần Dần và nhóm Văn Nghệ Sĩ nói trên là “có quan điểm tự do, tư sản và phản động”, “phủ nhận sự lãnh đạo của đảng” v.v...Các anh bây giờ khó mà hình dung nổi cái quan niệm của thời đó: Người ta cho rằng đã là trí thức thì có tư tưởng tư sản, dù có theo kháng chiến, dù có là đảng viên cộng sản. Người ta không chịu tin người trí thức, kể cả những người trí thức đã hầu như suốt đời đi theo cách mạng. Ví dụ như ông Trương Tửu. Ông đi kháng chiến, đến khi ông có ý kiến hơi khác lãnh đạo thì bị đặt vấn đề là ông có thực tâm theo kháng chiến hay không. Trường hợp ông Phan Khôi cũng vậy. Ông mà chạy vào Nam thì hẳn sẽ có cương vị khác, nhưng ông đã theo kháng chiến, thế mà người ta có tin đâu. Tố Hữu đã trắng trợn chửi bới ông là “bọn Phan Khôi, mật thám cũ của thực dân Pháp”, chắc các anh biết chứ? Hoặc với Trần Dần...Anh đã viết những cuốn sách ca ngợi kháng chiến, như tiểu thuyết “Người Người Lốp Lốp” nói về chiến dịch Điện Biên Phủ. Đến khi anh có ý kiến khác thì Tố Hữu gọi anh là “tên phản đảng, đứa con hư của Hà Nội cũ”, rồi đời tư bị moi móc ra. Tất nhiên, vì đã học ở Trường Tây ra, anh thích trường phái này, học thuyết nọ, thì có sao mà cứ bới ra bêu diếu, trong lúc đó thì lờ đi chuyện anh đã tham gia suốt cuộc kháng chiến chống Pháp. Cả chuyện anh yêu một cô gái giáo dân “trong vùng địch tạm chiếm” cũng bị coi là “mất lập trường”! Chắc các anh ở đây có đọc một bài mới đăng của Nguyễn Khải có tên là “Người vợ”. Cách viết bài đó thì tôi không thích lắm, nhưng phải nói đúng là kể khách quan về gia đình Trần Dần, về người vợ đảm đang, đáng thương của anh ấy. Rồi Trần Dần bị theo dõi, bị bắt lần một, lần hai...Anh tự tử mà không chết. Thế là mai một cả một đời văn, một đời thơ...Tất nhiên, văn thơ của anh có người thích, có người không, nhưng thực tâm anh muốn sáng tạo, muốn được tự do sáng tạo... Ở đây, tôi muốn nói qua về hoàn cảnh, về không khí của sự mở màn ước mơ tự do sáng tác dạo đó” (thở dài)...

II.

...“Tư trào này có tên “Nhân Văn-Giai Phẩm”, vì các quan điểm về văn nghệ, cũng như về kinh tế, chính trị của nó được thể hiện trên tờ báo “Nhân Văn” và trên các tập “Giai Phẩm”. Tập “Giai Phẩm 1956” (sau gọi là “Giai Phẩm Mùa Xuân”) do nhiều người nổi tiếng chủ trương như Nhà Thơ Hoàng Cầm, Nhà Thơ Lê Đạt, Nhạc Sĩ Văn Cao, Họa Sĩ Sỹ Ngọc, Nhạc Sĩ Nguyễn Văn Tý, và được ra mắt vào đầu năm 1956 với các bài đáng chú ý là bài thơ “Ông Bình Vôi” của Lê Đạt, bài thơ “Nhất Định Thắng” của Trần Dần. Còn tờ “Nhân Văn” do Phan Khôi là Chủ Nhiệm, số 1 ra ngày 20.9.1956. Lúc đó tôi biết các việc như vậy vì phải chịu trách nhiệm về các công tác tuyên huấn, văn hóa, giáo dục của Hà Nội... Một hôm, trên trung ương chỉ thị xuống bảo phải triệu tập hội nghị thường vụ thành ủy. Chúng tôi đến họp đông đủ. Người thay mặt trung ương đến hội nghị là ông Tố Hữu. Vừa đến một cái là ông nói luôn: “Nhân Văn, Giai Phẩm nó ra như thế mà các anh không có thái độ gì rõ rệt cả”. Tất nhiên là tôi phải phát biểu tự bênh vực mình và các anh em khác: “Nhưng mà những gì được trình bày trên “Nhân Văn” số 1, số 2 là quan điểm của giới trí thức...chứ chưa có gì thể hiện sự chống đối mình rõ rệt. Theo tôi, cứ để xem tư tưởng họ ra sao đã...” Ông Trần Danh Tuyên, hồi đó là bí thư thành ủy, ngồi cạnh tôi cứ bám bám vào người tôi ra hiệu để tôi đừng nói nữa. Từ lúc ấy hội nghị thường vụ thành ủy trở thành cuộc độc thoại của ông Tố Hữu... “Các anh mất cảnh giác chính trị trước một trào lưu tư tưởng tư sản đang chống đối chế độ”, “Hà Nội các anh chưa nhận thức đầy đủ tình hình hiện nay!”, “Các anh không thấy ở Hungarie tình hình bắt đầu như thế nào à? Nó bắt đầu từ “Câu lạc bộ Petofi”...”, v.v...và v.v...Sau đó, Tố Hữu đề ra những việc phải làm “để chống lại những luồng tư tưởng có hại cho sự

ngiệp thống nhất đất nước”. Ông giải thích rõ là “phải đánh vào tâm lý yêu nước, mong thống nhất tổ quốc của nhân dân để tìm sự đồng cảm của họ khi chúng ta bài bác các tờ báo đó”. Tất nhiên là đến lúc ấy mọi người dự hội nghị chả ai có ý kiến gì nữa. Tôi thì tôi cũng im... (Tất cả cùng cười).

Vâng, đó là hội nghị lần thứ nhất của thành ủy Hà Nội bàn về vụ này. Rồi đến hội nghị lần thứ hai, cũng trong năm 1956, lần này là vào giữa tháng 12. Lúc đó, ông Tố Hữu nói rằng: “Tờ “Nhân Văn” số 6 đã kích động quần chúng biểu tình nhân dịp quốc hội sắp họp”. Thú thực với các anh là chúng tôi ở thành ủy Hà Nội không hề biết mô tê gì về nội dung của “Nhân Văn” số 6. Tôi không biết ông Tố Hữu đã đọc số báo này chưa và cũng không biết ở đó có bài mang nội dung kích động biểu tình hay không. Theo tôi, điều đó không có! Lúc Tố Hữu la ó như vậy thì số 6 mới lên khuôn, đã được in ra đâu cơ chứ! Thế rồi Vũ Định, là người phụ trách công đoàn Hà Nội, phải chịu trách nhiệm giải thích cho công nhân nhà in Xuân Thu để hãm việc in báo số 6. Dù đó là việc kiểm ăn của anh em công nhân, nhưng việc “thuyết phục” để không in báo số 6 cũng không có gì khó khăn. Nói thêm là nhiều anh em công nhân trực tiếp in “Nhân Văn” rất thích đọc báo này, thế mà trên báo chí chính thức của đảng về sau lại bịa rằng: “Chính anh em công nhân đã có ý thức phát hiện ra vấn đề trong “Nhân Văn” và yêu cầu đảng đóng cửa tờ báo”! Trước đó thì báo chí của đảng đã kết tội “Nhân Văn” là “từ số 4 và số 5 đã chuyển sang vấn đề chính trị”! Thật là chung chung và rất nguy hiểm, các anh ạ! Bước này là để dọn đường cho bước sau đó mà! Tôi theo dõi năm số báo đó, tôi biết... À, còn việc thứ hai trong hội nghị mà Tố Hữu giao cho Hà Nội, đó là cùng chuẩn bị một chiến dịch chống (thực chất là diệt) “Nhân Văn-Giai Phẩm”.

III.

...”Việc đánh phá, đấu tố, hay nói gọn là đàn áp tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm” thì tôi đã nêu khá chi tiết trong bài viết trước đây. Ở đây chỉ xin nói vài điều thôi. Cần nhắc lại ở đây là trong cùng một ngày 15.12.1956 đã xảy ra các sự kiện sau một cách rất ăn khớp: Chủ tịch ủy ban hành chính thành phố Hà Nội, Bác Sĩ Trần Duy Hưng, ra quyết định đóng cửa báo “Nhân Văn”. Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Hồ chí Minh ra sắc lệnh báo chí, chấm dứt tình trạng báo chí xuất bản “tự do”, các báo chính thức trong nước đăng tuyên bố của 180 nhà báo (mà không có danh sách) lên án báo “Nhân Văn”, báo “Nhân Dân” đăng tuyên bố của các nhà văn Nam Bộ tố cáo “Nhân Văn” là phương tiện của địch gây chia rẽ Bắc Nam.

Tôi muốn nói thêm là sau khi tiếp quản Hà Nội, vẫn còn vài tờ báo tư nhân, như tờ “Thời Mới” của ông Hiền Nhân. Đảng cộng sản luôn luôn chủ trương không nên có tờ báo nào ngoài các tờ của đảng, nhưng với tờ “Thời Mới” đã chịu ở lại, không vào Nam, mà đóng cửa báo đó thì họ sợ sẽ ảnh hưởng đến miền Nam. Chính vì vậy mà sau 1954 có vài tờ báo tư nhân được phát hành. Ngoài “Nhân Văn” và “Giai Phẩm”, còn có tờ “Trăm Hoa”, “Đất Mới” (tờ này vừa ra thì bị bóp chết ngay). Song số lượng in của các báo tư nhân nằm trong tay nhà nước, vì nhà nước quản lý số lượng giấy in. Sờ báo chí “quản” các báo rất chặt.

Trong sắc lệnh ra hồi có vụ “Nhân Văn-Giai Phẩm” viết mập mờ, dường như là...có vẻ tư nhân được ra báo, nên bây giờ nhiều người cứ tưởng là hình như dưới thời ông Hồ chí Minh, luật báo chí rộng hơn cái luật báo chí mới ra gần đây! Tôi cho là không có cái nào hơn cái nào cả! Thời ông Hồ chí Minh, chỉ vì miền Nam chưa nằm trong tầm tay của đảng phải viết mập mờ, còn nay cả nước chịu sự thống trị chung rồi thì họ nói thẳng thừng là tư nhân không được ra báo. Tất cả chỉ là chiến thuật mà thôi.

...Nói thật để các anh hiểu là lúc đó tôi chán lắm...Tôi bắt đầu thấy chán từ dạo đó. Tôi tham gia cách mạng từ nhỏ, dạo còn đi học vẫn ước ao thực hiện lý tưởng cách mạng dân chủ, như cuộc cách mạng dân chủ Pháp. Thế mà bây giờ thì thấy chế độ không có gì là dân chủ, tự do cả. Cũng như nhiều người khác, tôi cũng phải trải qua đấu tranh để chuyển hóa mình, để tự lột xác mình. Và dạo đó tôi thấy mình bất lực, dù rằng kể từ khi được trung ương điều ra Hà Nội vào năm 1951, tôi được giao cho trọng trách bí thư ngoại thành Hà Nội, rồi thời kỳ xảy ra vụ “Nhân Văn-Giai Phẩm”, tôi làm trưởng ban tuyên huấn thành ủy. Do đó, khi có các cuộc họp bàn về “Nhân Văn-Giai Phẩm”, trừ những lần phải đi, còn thì tôi cử hai người đi thay mình: Bên tuyên huấn tôi cử anh Nguyễn đình Hiệp, bên báo “Thủ Đô Hà Nội” thì anh Bùi hạnh Cần hoặc anh Đình nho Khôi. Nói chung, đi họp về, các anh cứ theo lệnh của cấp trên mà thi hành. Tôi ít để ý tham gia vào các việc đó...Một lần nữa, tôi nói rõ rằng tôi có chân trong đảng, đảng chịu trách nhiệm về vụ án này, do vậy bản thân tôi cũng phải chịu trách nhiệm. Vâng, có anh vừa hỏi rằng ở cương vị trưởng ban tuyên huấn và lại là chủ nhiệm báo đảng của Hà Nội, thì tôi có viết gì để chống các tờ “Nhân Văn”, “Giai Phẩm” không ? Đúng là dạo đó anh em có đặt viết bài nhưng tôi không viết. Tôi có thể nói với các anh ở đây là không có một bài báo nào của tôi trong vụ này. Dạo đó tôi có lý do chính đáng là rất bận việc và hay phải đi ngoại thành. Giờ mới thấy đó là cái may cho tôi (cười vui vẻ). Vâng, đó là sự thật đấy! Cần nói rõ để các anh biết thế này: Các bài “đánh” anh em “Nhân Văn-Giai Phẩm” đều do ban tuyên huấn trung ương đặt người viết, kể cả các bài đăng ở các báo địa phương như Hà Nội, Hải Phòng...Đảng làm việc này chặt chẽ lắm! Có kế hoạch chuẩn bị từ trước của trung ương là bài nào đăng ở báo nào, ai viết, viết gì...Các thành ủy, các địa phương không phải bàn cãi, cứ thế mà làm.

...Công việc quan trọng nhất mà trung ương đảng đặt ra trong vụ này là phải làm trong sạch đội ngũ đảng viên trong giới trí thức, Văn Nghệ Sĩ. Kiểu đấu tố, như chỉnh huấn, chỉnh phong trước đó lại được sử dụng. Các “vị” nhà văn, nghệ sĩ...cần phải đấu tranh đều bị lập hồ sơ trước và trong các cuộc họp, tất cả các Văn Nghệ Sĩ, trí thức có liên quan đều phải đến để “đấu”, để “tố” các “vị” ấy. Đầu năm 1958, đã có hai lớp “học tập” cho gần 500 Văn Nghệ Sĩ, trí thức theo tinh thần nghị quyết của bộ chính trị về văn nghệ. Nói chung, nhắc lại các lần “đấu tố” văn chương này thì thấy thật dã man và đáng xấu hổ, người ta “tặng” cho nhau các từ ngữ, các danh xưng không “văn chương” một chút nào, như tôi đã kể trong các bài báo tôi đã viết trước đây. Đại để những việc đó do ban tuyên huấn trung ương và bên công an lo cả, phía Hà Nội chỉ có nhiệm vụ giản đơn là giải thích để giới trí thức và sinh viên được thông hiểu (hồi đó gọi là đã thông tư tưởng!). Cần nhớ là sinh viên ta dạo đó rất tha thiết tự do và cởi mở. Có nơi anh em liều mạng lắm nhé! Mặc dù đã bị “làm công tác tư tưởng” rồi, mà họ vẫn ủng hộ báo “Nhân Văn”, “Giai Phẩm”. Có những sinh viên còn viết bài đăng trên báo “Nhân Văn” bên vực báo này. Những người đó bị vào “sổ đen” cả.

...Ở nông thôn người ta ít biết đến hai tờ “Nhân Văn” và “Giai Phẩm”. Còn lưu hành ở các thành phố thì chủ yếu là ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Tôi nhớ là tờ “Nhân Văn” số 1 rất hiền lành với lời tuyên bố rằng tờ báo “đứng dưới sự lãnh đạo của đảng lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Marx Lenin với tinh thần thực tiễn” và hứa ra sức làm theo các nhiệm vụ đảng đề ra. Có một số bài có tính chất mới lạ, thu hút sự chú ý và cảm tình của sinh viên và trí thức, là bài của Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường và Giáo Sư Đào Duy Anh, trong đó nói đến việc mở rộng tự do, dân chủ, và những bài khác phê bình sự lãnh đạo gò bó và độc đoán trong văn nghệ. Trong các cơ quan nhà nước, người ta tranh luận nhiều về “Nhân Văn” số 1. Ngay cả chúng tôi ở cương vị lãnh đạo trong thành phố cũng không phản đối. Tất nhiên,

quan điểm của tôi lúc đó chưa được rộng rãi như bây giờ, nhưng ngay lúc đó tôi cũng thấy không có gì đáng phải bóp mồm, bóp miệng họ lại, như đảng đã làm. “Nhân Văn” ra số đầu tiên mà đã được dư luận bạn đọc chú ý đến ngay lập tức, theo tôi, một phần nữa cũng do sự phản ứng của đảng. Làm như thế chính đảng đã tuyên truyền cho tờ báo ấy! Vì các ông lãnh đạo đã vội vàng vô đoán “chụp mũ” đấy là lực lượng chống đối, là “phản động”, “phản cách mạng”...

Họ dùng dao mổ bò để hạ sát chú chim sẻ! Ngay sau khi số 1 “Nhân Văn” ra mắt được năm ngày thì báo “Nhân Dân” của đảng đã tung ra một bài dài của Nguyễn Chương, phó ban tuyên huấn trung ương, lu loa vu khống và ghép tội chính trị cho tờ “Nhân Văn”. Bài này dù ký tên Nguyễn Chương nhưng thực ra là bài của ban tuyên huấn trung ương đảng. Rồi sau đó là các bài của Quang Đạm, Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi...”đánh” toi bời tờ “Nhân Văn”. Thế là đến số 2, số 3, “Nhân Văn” càng có bạn đọc đông đảo hơn nhờ những bài công kích vô cơ của đảng. Các ông lãnh đạo lúc đó đã ngây thơ...À, không! Các ông ấy không bao giờ ngây thơ cả, mà sâu sắc lắm. Nói đúng ra là lúc đó họ vụng về trong vụ này nên mới làm như vậy. Không kể các cuộc đấu tố giữa các nhà văn, các nghệ sĩ với nhau, riêng ở Hà Nội còn có các “buổi học” để ổn định tư tưởng cho dân chúng cũng như để đàn áp tư tưởng những sinh viên trí thức ủng hộ các báo đó.

...Thời kỳ cuối vụ án, Tố Hữu ít xuất hiện ở thành ủy Hà Nội. Hội đó Hà Nội được giao chuẩn bị để xử án nhằm trừng trị những người lãnh đạo “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Vì thế, ở các hội nghị thường vụ thành ủy Hà Nội, Tố Hữu không đến nữa, mà lại là ông Hoàng quốc Việt, lúc đó làm viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Sau 3, 4 năm, với các cuộc đàn áp tàn bạo, có hệ thống, dân chúng thì sợ, trí thức thì co lại. Rồi báo đảng liên tiếp đăng các bài “thú tội” của Trần Dần, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Đức Thảo, Hoàng Cầm và của những người bị coi là “bị ảnh hưởng tư tưởng “Nhân Văn-Giai Phẩm”, như Tế Hanh, Nguyễn Hồng...Sang năm 1960, đảng đã dựng vấn đề thành vụ án để đè bẹp đến cùng giới trí thức, Văn Nghệ Sĩ miền Bắc. Nhưng đảng đã tránh tiếng “vụ án văn chương” khi chỉ thị cho tòa án xử thành “vụ án gián điệp”. Các giấy mời người đến dự phiên tòa này đều do sở công an Hà Nội phát ra. Đương nhiên, không có khách mời nào là người nước ngoài! Thành ủy Hà Nội chúng tôi phải lo chuẩn bị một hệ thống truyền thanh trên khắp nội thành Hà Nội để buổi xử án có vẻ “công khai”, “dân chủ”, toàn dân được nghe mà! Chúng tôi biết “thân phận” của mình, tức là không được cho bàn chuyện xét xử, mà chỉ được lo các việc phụ. Cùng lắm là tìm luật sư bào chữa, lập bồi thẩm đoàn...cho có hình thức. Thế là vào ngày 21.1.1960, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên án “các tên gián điệp” Lưu Thị Yên (tức Thụy An) và Nguyễn Hữu Đang mỗi người 15 năm tù, Trần Thiếu Bảo (chủ nhà xuất bản Minh Đức) 10 năm tù, và hai tòng phạm khác 5 năm tù. Hôm đó, chúng tôi trong thường vụ thành ủy đều đến dự cả, nhưng ngồi sau hậu trường. Ông Hoàng quốc Việt cũng ngồi dự cùng chúng tôi. Đại để phiên tòa xử theo kiểu gần như đấu địa chủ. Thụy An cũng có nói vài điều thanh minh. Người bào chữa cho Thụy An là một anh do thành đoàn thanh niên cử ra. Dù làm theo chỉ thị đảng, nhưng, tất nhiên, khi bảo vệ cho “thân chủ” thì anh ta cũng phải nói thế này, thế kia. Tôi nhớ là Hoàng quốc Việt bực tức lắm, ông đã kích tay Trần danh Tuyên và hỏi: “Thằng này có phải là đảng viên không đấy ? Nó mà nói thế thì làm sao tiện cho án quyết”...

Cả thành phố Hà Nội bàng hoàng và nín lặng sau vụ án xử chớp nhoáng! Nhưng thực ra, “vụ án gián điệp” đem xử công khai chỉ là “phần nổi”, “phần chìm” của vụ “Nhân Văn-Giai Phẩm” còn to lớn và dữ dội hơn. Hàng chục Văn Nghệ Sĩ, Trí Thức, Giáo Sư Đại Học, Nhà Báo...bị bỏ tù nhiều năm mà không hề xét xử công

khai, như Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Trần Đức Thảo...Nhiều người bị trấn áp, truy bức đến lâm bệnh và chết trong uất hận, như Phan Khôi, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Bính...Hàng ngàn người có cảm tình với “Nhân Văn-Giai Phẩm” bị mất việc, bị xét hỏi, bị ghi lý lịch, gia đình bị trù dập...Thảm kịch đó kéo dài suốt trên 30 năm qua ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Cả một lớp trí thức, Văn Nghệ Sĩ tài ba, uyên bác bị vùi dập oan uổng! Cả một thời gian gần một phần ba thế kỷ, nền Văn Học, nghệ thuật và giáo dục của đất nước bị thui chột!

Cũng còn một chi tiết éo le cần nói đến là ảnh hưởng của vụ án ấy đến miền Nam. Chế độ miền Nam, tất nhiên là làm rầm rộ lên nhân vụ án này để tuyên truyền mặt trái của chế độ miền Bắc. Nhưng sau này, khi hỏi chuyện anh em miền Nam thì được biết là họ không tin, họ tưởng là sự việc bị bịa đặt ra, chứ làm gì đảng có thể đối xử với trí thức miền Bắc tàn tệ đến mức như thế. Trong lúc đó thì giới lãnh đạo miền Bắc lại bảo: Đây, đài báo trong Nam đã nói vậy thì chắc hẳn bọn “Nhân Văn-Giai Phẩm” chính đã cấu kết với bè lũ phản động ở miền Nam! Họ coi đó là cái cơ để khép tội nặng hơn.

...Cá nhân tôi, trước vụ án, cũng không biết nhiều về Thụy An và Nguyễn Hữu Đang. Thụy An thì trước đó tham gia trong một đội kịch nói. Bà viết kịch bản. Người ta “bớ” trong lý lịch cũ của bà một chi tiết là có quen biết một người Pháp là Maurice Durand, một nhà Việt Học, và chi tiết này được dùng làm “bằng chứng” để buộc tội gián điệp. Người ta cho là Nguyễn Hữu Đang cùng (?) Thụy An làm “Nhân Văn”, cho là Thụy An đứng đằng sau lưng báo này, nên chắc chắn Đang cũng là “gián điệp”! Chúng ta đều biết là ông Nguyễn Hữu Đang trước đó đã từng làm Thứ Trưởng trong chính phủ Hồ Chí Minh, rồi bị đưa ra khỏi chính phủ, có tin hình như có bất mãn gì đó. Nhưng dù thế đi nữa thì đã sao, người ta có thể bất mãn với người này, việc nọ...chứ làm sao lại coi bất mãn như một tội chính trị được! Nguyễn Hữu Đang từng là người lãnh đạo đầu tiên của “hội truyền bá chữ quốc ngữ” và việc này là tự ông tham gia chứ không phải do đảng cộng sản phân công. Ông có uy tín trong giới trí thức, Văn Nghệ Sĩ thời xảy ra cách mạng tháng Tám 1945. Còn khi ông làm “Hội văn hóa cứu quốc” thì đó là sự phân công của đảng.

IV.

...Vài điểm nữa cần nhấn mạnh khi nói đến vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Trước hết “Nhân Văn-Giai Phẩm” không phải là một phong trào (nghĩa là chưa có tính chất quần chúng đông đảo đáng gọi là phong trào) mà chỉ là một “tư trào”, tức là trào lưu tư tưởng, như tôi đã viết trong các bài trước đây. Nó càng không phải là một vụ án chính trị! Càng không phải là một vụ án gián điệp! Anh chị em Văn Nghệ Sĩ chỉ muốn bày tỏ khát vọng tự do sáng tác, tự do tư tưởng trong văn nghệ mà thôi. Đó không phải là sự chống đối chế độ cộng sản thật rõ ràng, mà mới chỉ là bước đầu chống đối một số chính sách và tác phong lãnh đạo của đảng cộng sản trong văn học, nghệ thuật. Mà bước đầu chống đối đó còn ở mức rất thấp, rất ôn hòa, dè dặt và nhẹ nhàng. Nói chung thì những gì “Nhân Văn-Giai Phẩm” đã làm không đáng phải bị đàn áp tàn bạo như vậy!

Thứ nữa, trong bối cảnh thế giới hồi đó, ngoài các sự kiện đấu tranh tư tưởng, học thuật cũng như vài cuộc lộn xộn ở Ba Lan, ở Hungarie và phong trào “Trăm hoa đua nở” ở Trung Quốc, thì phải đặc biệt nhấn mạnh đến đại hội đảng cộng sản Liên Xô lần XX hồi tháng 2.1956 đã có tác động đến tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Ở đây, tôi không nói đến “báo cáo bí mật” của Khrushchov về Stalin, vì “báo cáo” này ở Việt Nam bị giấu rất kín, cả đến bây giờ vẫn còn giấu. Ngay cả ở Liên Xô trước đây cũng chỉ có một số cán bộ đảng và trí thức được biết. Nói thêm là văn bản chính thức của “báo cáo bí mật” đó bị “lọt” ra ngoài là do một người trong đảng cộng sản (hồi đó gọi là đảng công nhân thống nhất) Ba Lan cung cấp cho các nhà báo Mỹ.

Sau đại hội XX đó, không khí chung của việc chống sùng bái cá nhân, của việc mở rộng dân chủ ở tận Liên Xô xa xôi đã phần nào đến được với một số trí thức, Văn Nghệ Sĩ, cán bộ có trình độ và có ý thức quan tâm đến thời cuộc...qua những nguồn tin tức đã bị cắt xén. Chính tạp chí lý luận của đảng, tờ “Học Tập” ở thời kỳ Trường Chinh, đã tán thành một phần nào đó tinh thần của đại hội XX và đã đăng toàn văn báo cáo của Khrushchov tại đại hội. Đây là cú đẩy tư tưởng dân chủ đi đến xu hướng muốn được nói rộng cả trong đảng lẫn trong xã hội. Trước đó, nó bị thít quá chặt, lại thêm nỗi bất bình của dân chúng trong vụ cải cách ruộng đất, nỗi bất bình lớn quá dẫn đến kết quả là hồi tháng 9.1956, đảng phải chịu thừa nhận những sai lầm trong vụ này và phải “sửa sai”.

Còn về câu hỏi mà một anh ở đây vừa có dịp về Việt Nam hỏi chuyện Lê Đạt, đã đặt ra: “Ai là người có vai trò xuất phát cho “Nhân Văn-Giai Phẩm”, Lê Đạt hay Trần Dần ?” Tôi có ý kiến như thế này...À, anh có nói rằng chính Nhà Sử Học Pháp G. Boudarel cũng mới cho hay là ông sẽ sửa lại điều đã viết trong cuốn sách nổi tiếng của ông về “Nhân Văn-Giai Phẩm” khi đã cho rằng tư trào này xuất phát từ Trần Dần với ảnh hưởng của vụ án Hồ Phong, người đã viết thư cho đảng cộng sản Trung Quốc và Mao Trạch Đông phê phán đường lối văn học của đảng. Tôi nghĩ rằng Boudarel hơi suy diễn khi viết về ảnh hưởng của Hồ Phong đến Trần Dần, nhưng ông trình bày đúng diễn tiến của các sự kiện. Tôi không có ý xác định vai trò của từng người trong tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Thú thật, một mình tôi không có điều kiện làm việc đó. Có lẽ các Nhà Văn Học Sử sau này sẽ làm. Ở vấn đề này, tôi nhìn theo thứ tự thời gian và trình bày với tính khách quan lịch sử của mỗi sự kiện, trước tiên từ việc nhóm Trần Dần đề nghị “trả văn nghệ cho Văn Nghệ Sĩ”...Thời đó mà dám nói một câu như thế là to gan lắm!..Anh Lê Đạt có thể có cách nhìn của anh, khi cho rằng “Nhân Văn-Giai Phẩm” đã xuất phát từ việc anh cùng Trần Dần và Hoàng Cầm phê bình thơ Tố Hữu. Trong bài viết của tôi trước đây, tôi cũng đã nói kỹ về sự kiện vào giữa tháng 8.1955 có cuộc phê bình tập thơ “Việt Bắc” của Tố Hữu, nhưng tôi xếp nó sau sự kiện Trần Dần đòi “trả văn nghệ cho Văn Nghệ Sĩ”. Và tôi không có nói đến việc tư tưởng dân chủ của Hồ Phong bên Trung Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến Trần Dần. Xét về thứ tự thời gian, chính lời đề nghị nổi tiếng “Trả Văn Nghệ Cho Văn Nghệ Sĩ” là cú đẩy đầu tiên, mà tôi gọi đùa là “dâng sớ thiên tào”, của tư trào “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Theo tôi là vậy! Dù muốn hay không, về mặt lịch sử mà nói, thì xuất phát điểm phải là cuộc họp của một số Văn Nghệ Sĩ trong quân đội với các đề nghị của họ mà đại diện là Trần Dần (trong nhóm đó có cả Nhạc Sĩ Đỗ Nhuận, về sau Đỗ Nhuận quay ra tố cáo anh em!). Rồi mới đến vụ phê bình thơ Tố Hữu, tiếp nữa là việc ra “Giai Phẩm”, rồi đến “Nhân Văn”, v.v...

Tờ “Trăm Hoa” của Nguyễn Bính có lẽ là độc lập, tôi không rõ lắm. Điểm nữa phải nói thêm vì có anh đặt ra. Nếu như Tố Hữu không phải là một nhà lãnh đạo của đảng thì việc phê bình tập “Việt Bắc” đã chẳng gây ra chuyện gì. Đảng này Tố Hữu là như thế thì việc chê thơ Tố Hữu bị trở thành vấn đề chính trị. Tôi không biết chính xác ông Hồ có nói câu “Tố Hữu là nhà thơ lớn của dân tộc nên không ai được động đến” (!) hay không, nhưng thời đó trong các bài trên báo chí người ta hay dùng câu: “Kẻ địch lúc này không mong gì hơn là chúng ta chê thơ Tố Hữu”. Thật là một câu nói rất “độc”! Nói như thế khác gì bịt mồm tất cả lại, vì thực ra trên quan điểm Văn Học Nghệ Thuật, thơ Tố Hữu hay thơ Trường Chinh, rồi cả thơ Hồ chí Minh nữa, thì ta cũng có quyền phê bình chứ.

Tôi còn giữ bài của Hoàng Cầm viết về con người Trần Dần đăng trên “Nhân Văn” số 1, trong đó có trích những lời phê bình của Trần Dần đối với thơ Tố Hữu. Chẳng hạn, “thơ Tố Hữu nhỏ bé, nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại”, “Tố Hữu mắc

sai lầm thần thánh hóa lãnh tụ”, “không phản ánh đúng, phản ánh hết tầm cao lớn của cuộc sống”, v.v...Cái đó “chạm nọc” quá! Và vấn đề là ở chỗ đó...Thời ấy có lẽ Trần Dần là người bị đấu nhiều nhất! Bài “Nhất Định Thắng” của anh bị đấu riêng một đêm. Còn Lê Đạt thì “phạm tội rất lớn” với bài thơ “Ông Bình Vôi” có những câu ai cũng thuộc: “Những kiếp người sống lâu trăm tuổi/ Y như một cái bình vôi/ Càng sống càng tòi/ Càng sống càng bé lại”. Dù bị nghi là ám chỉ lãnh tụ, nhưng bài này lại không bị lôi ra đấu. Người ta rất “khôn”, để tránh đụng chạm vào các điều phạm húy, nên đã “đánh” Lê Đạt ở các bài khác, như bài thơ “Nhân câu chuyện những người tự tử”.

Sau chót, nói về trách nhiệm trong vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm”, nhân một anh vừa hỏi xem tôi nghĩ sao về cá nhân ông Tố Hữu trong vụ này, có sự tính toán cá nhân gì không. **Tố Hữu, lúc đó là ủy viên trung ương đảng, trưởng ban tuyên huấn trung ương**, ông đã lập kế hoạch và đích thân chỉ huy “trận giao phong tư tưởng” (những chữ mà ông thích dùng) này. Ông hò hét chống lại một trào lưu tư tưởng không có nguy hại gì lắm đến sự lãnh đạo của đảng (mà rất có thể có tác dụng xây dựng, tích cực nếu biết sử dụng). Nên tôi cho là trong việc này không thể loại trừ các tính toán cá nhân của ông. Yếu tố thứ nhất, lúc đó báo chí ca ngợi Tố Hữu như người có công khai phá cho một nền thơ ca cách mạng Việt Nam hiện đại. Đùng một cái, tập thơ “Việt Bắc” của ông bị phê bình. Như mọi người bình thường khi bị phê bình thẳng ai mà chẳng khó chịu, Tố Hữu cũng vậy thôi. Yếu tố thứ hai, cũng như mọi người bình thường ai chẳng ước mơ địa vị cao hơn. Một ủy viên trung ương mà được vào bộ chính trị, hay ít nhất được vào ban bí thư, thì cả là một chuyện ghê gớm, là một sự đổi đời. Khó mà đo được lòng người, các anh ạ! Tôi không có bằng chứng cụ thể, song về “hình thức bề ngoài” thì thấy sau vụ “Nhân Văn-Giai Phẩm”, Tố Hữu được đưa vào ban bí thư, rồi về sau, vào bộ chính trị. Hiện tôi vẫn còn giữ một tuyên tập bài nói của Tố Hữu dạo đó, mà nhiều khi tôi muốn vất nó đi. Đọc nó mới thấy lúc đó Tố Hữu lúc đó rất chủ quan và thay đổi rất nhanh từ lời ăn tiếng nói, coi mình như là cái gì đấy hoàn thiện. Này, dạo đó, Tố Hữu en jeu (ăn ý) với Nguyễn chí Thanh lắm! Đại để là như thế...Cho nên sau này mới có chuyện “nhà thơ đi làm kinh tế”, rồi sinh ra vấn đề “giá-lương-tiền”, gây tác hại biết bao cho đất nước, cho nhân dân, cuối cùng dẫn đến sự hạ bệ Tố Hữu. À, còn chuyện Tố Hữu mới được nhà nước trao tặng huân chương Sao Vàng, các anh hỏi tôi có “cảm giác” gì à ? Tôi cho đó là một chuyện bình thường, vì họ thì phải tặng cho họ thôi! Nếu gán huân chương cho Trần Dần hay cho Nguyễn Hữu Đang thì chuyện mới đáng nói. Đừng quên là sau khi hạ bệ rồi, Tố Hữu vẫn còn được ngấm ngấm làm trong “Ban nghiên cứu chiến lược” của đảng. Tức là như bao trường hợp khác: Ai gây tai họa cho dân thì chỉ bị đảng cách chức, hạ tầng công tác bề ngoài, còn bên trong vẫn còn vai trò cố vấn!

Trở lại câu chuyện chính của chúng ta...Toàn đảng cộng sản cầm quyền phải chịu trách nhiệm trước lịch sử và đất nước về vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Trách nhiệm chính là trung ương đảng, nhất là bộ chính trị, đứng đầu là Hồ chí Minh (Chủ tịch đảng kiêm Tổng bí thư từ tháng 9.1956 đến tháng 9.1960), Trường Chinh (tổng bí thư đến tháng 9.1956), Lê Duẩn (tổng bí thư từ tháng 9.1960 cho đến khi mất). Trên thực tế, bộ chính trị độc quyền quyết định mọi việc. Còn trách nhiệm trực tiếp, đó là của hai ông: Trường Chinh, ủy viên bộ chính trị, phụ trách công tác tư tưởng, văn hóa, văn nghệ và giáo dục, và Tố Hữu. Đây là nói về phía lãnh đạo đảng. Cũng không thể nào không kể đến trách nhiệm của chính những “ông quan văn nghệ”, những “cai tù văn nghệ”, như Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi, Nguyễn Chương, Hồng Chương, Hà xuân Trường, Như Phong, Hoàng xuân Nhị, Chính Hữu v.v...

Ngoài số này còn có nhiều bồi bút và công an văn hóa đã đàn áp, đầu tố Văn Nghệ Sĩ. Cũng cần phải nói rõ rằng chính đại đa số Văn Nghệ Sĩ...đã khiếp sợ mà đành phải đứng vào trận tuyến chống “Nhân Văn-Giai Phẩm”. Còn một số kẻ đầu cơ, nịnh bợ, a dua, theo đóm ăn tàn, “tố đại hội”, “đánh hội đồng” các đồng nghiệp của mình. Nhà thơ Hữu Loan đã từng vạch mặt bọn này trong bài “Cũng những thằng nịnh hót”...Chúng ta nhắc lại những điều này, không phải để kêu gọi hận thù và kêu gọi báo thù, mà chỉ để làm cho lịch sử cần phải được rõ ràng. Cần phải có sự sám hối của từng người, của cả giới lãnh đạo. Chỉ có thế mới bảo đảm là sẽ không còn tái diễn những thảm kịch đau khổ của dân tộc mà “Nhân Văn-Giai Phẩm” chỉ là một. Chỉ có thế mới xóa bỏ được chế độ cực quyền cộng sản, mới hy vọng xây dựng nên xã hội tự do, dân chủ đích thực, xây dựng tương lai tươi sáng cho dân tộc Việt Nam, cho văn hóa, Văn Học, nghệ thuật Việt Nam.

Các anh hỏi...tôi nghĩ sao về các sai lầm của đảng cộng sản: Sai lầm do tư tưởng muốn thành công theo quan niệm chủ quan, hay sai lầm do muốn giữ địa vị, quyền lợi? Chà, câu hỏi của các anh to quá, có lẽ ta phải cùng ngồi nói chuyện hàng tháng với nhau mới xong (cười). Xin nói gọn: Khi đảng độc tôn cầm quyền thì các biểu hiện tính toán cá nhân, vị lợi, càng bộc lộ rõ, vì quyền lực làm hỏng con người ghê gớm lắm”.

Nhóm biên tập viết lại xong ngày 13 tháng 8 nhuận năm Ất Hợi.

1. Bài này đăng trên tờ “Hy Vọng” ở Mainz, nước Đức, số 17, tháng 10.1995.

2. Ý nói bài “Nhân Văn-Giai Phẩm” một tư trào, một vụ án, một tội ác”.

TRẦN MINH: KHÓC PHÙNG QUÁN

Đêm khuya, chuông điện thoại reo có vẻ giục giã...Tôi cầm ống nghe. Từ đầu dây, tiếng nói hồi hộp của anh bạn từ Hoa Kỳ vang lên: “Anh ạ, Phùng Quán đã qua đời!” Tim tôi thất lại, tâm trí bàng hoàng, thần thờ...Một lúc sau, tôi bỗng thốt lên: “Phùng Quán ơi! Sau bao nhiêu bão táp của cuộc đời mà anh phải hứng chịu, cuối cùng thì anh đã đứng vững!”

Đúng thế, anh đã đứng vững!

Phùng Quán ơi! Cách đây hơn nửa năm, tôi mừng xiết bao khi được đọc bài anh viết hồi tháng 12.1992, kể lại chuyến anh cưỡi xe đạp đường trường phóng về đến tận Thái Bình để tìm thăm Nguyễn Hữu Đang, và bằng những nét chấm phá tinh tế anh đã mô tả cuộc đời của người trưởng ban tổ chức “Ngày Độc Lập” (2.9.45) sau khi mãn án 15 năm tù ngồi dưới chế độ gọi là “xã hội chủ nghĩa” vì “tội gián điệp” (!) trong vụ án văn chương quái gở nhất lịch sử nước nhà, được mệnh danh là “Vụ Án Nhân Văn-Giai Phẩm”. Tôi rất mừng vì nghĩ rằng anh còn “chân cứng đá mềm”, còn mạnh khỏe lắm cả về thể chất lẫn tinh thần...

Và cũng cách đây vài tháng thôi, tôi được xem bản tài liệu “mật” của ban tư tưởng văn hóa trung ương đảng cộng sản Việt Nam để thanh minh trước đảng viên về “vụ án xét lại chống đảng”, về việc bắt Nguyễn Hộ v.v...thì tôi thấy tên anh “được” liệt kê vào loại “một số người trong vụ Nhân Văn-Giai Phẩm còn có tư tưởng chống đối” (nguyên văn). Người ta viết: “...Đầu năm 1994, Đỗ trung Hiếu đã tổ chức cho Phùng Quán từ Hà Nội vào gặp gỡ ở nhà riêng, trong đó có cả Nguyễn Hộ, Tạ bá Tông, Hồ Hiếu, Bùi minh Quốc để nghe Phùng Quán trình bày...”, cố nhiên, theo họ là những tư tưởng “chống đối, đả kích đảng cộng sản Việt Nam” (những chữ trong ngoặc kép là nguyên văn). Đọc tài liệu đó, tôi vừa lo cho anh và tất cả các anh chị em khác, lại vừa mừng cho anh đã có một chuyến đi và những cuộc gặp gỡ chắc là thú vị và bổ ích lắm.

Thế mà hôm nay anh không còn nữa! Đau đớn thật! Song cuộc đời “sớm còn tối mất”, sống chết là lẽ thường. Điều quan trọng là sống thế nào, chết thế nào, phải không anh ?

Nghĩ đến anh, suốt đêm tôi cứ trần trọc mãi, nước mắt giàn giụa, đọc đi đọc lại từ đầu đến cuối bài thơ “Lời Mẹ Dặn” của anh đăng trên tờ báo “Văn” số 21 ngày 17.9.1957:

“Tôi mồ côi cha năm hai tuổi
Mẹ tôi thương con không lấy chồng
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn.
Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ
Ngày ấy tôi mới lên năm
Có lần tôi nói dối mẹ
Hôm sau tưởng phải ăn đòn.
Nhưng không, mẹ tôi chỉ buồn
Ôm tôi hôn lên mái tóc
Con ơi, trước khi nhắm mắt
Cha con dặn con suốt đời
Phải làm một người chân thật.
Mẹ ơi, chân thật là gì ?
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt
Con ơi, một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Từ đấy người lớn hỏi tôi
Bé ơi, bé yêu ai nhất ?
Nhớ lời mẹ tôi trả lời:
Bé yêu những người chân thật.
Người lớn nhìn tôi không tin
Cho tôi là con vẹt nhỏ.
Nhưng không! Những lời dặn dò
In vào trí óc của tôi
Như trang giấy trắng tuyết vờ
In lên vết son đỏ chói.
Năm nay tôi hai mươi lăm tuổi
Đưa bé mồ côi thành nhà văn
Những lời mẹ dặn thuở lên năm
Vẫn nguyên vẹn màu son chói đỏ.
Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều

Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giạt đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá”.

Tôi còn nhớ rõ hồi đó, khi bài này được đăng báo, đám “bôi bút” lỏng lộn, nhao nhao la ó: “Bọn Nhân Văn ngoan cố lại ngóc đầu dậy” (toàn là từ ngữ cải cách ruộng đất!). Còn Tố Hữu, trùm “văn nghệ xã hội chủ nghĩa”, cậu ruột nhà văn, thì nói: “Cái thằng đó chỉ huênh hoang, khoác lác thế thôi”. Riêng tôi thì coi bài thơ của anh là “Bản Tuyên Ngôn Cuộc Đời Nhà Văn Phùng Quán”, định rõ cách sống cũng như phương châm sáng tác của nhà văn. Tôi luôn luôn thăm theo dõi bước chân anh...”đi dây” trong cái chế độ độc tài, đảng trị, cực kỳ khắc nghiệt, xem anh có “đi trọn đời trên con đường chân thật” được không và thăm cầu mong sao để “sét nổ trên đầu không xô” anh “ngã”. Cho nên khi thấy anh “đi trọn đời” rồi thì câu đầu tiên tôi thốt lên là: “...Cuối cùng thì anh đã đứng vững!” Đó là tiếng reo ca ngợi “chiến tích” vẻ vang của anh!

Phùng Quán ơi! Cha ông ta từ xưa đã nói “cái quan luận định”, nghĩa là sau khi đập nắp quan tài rồi thì lời bàn hay dở về một người mới xác định được. Bây giờ thì anh đã đi trọn cuộc đời rồi mà không đường mật, công danh, tù tội, đọa đày nào có thể làm anh khuất phục, có thể làm anh bẽ cong ngòi bút, viết lên những điều không chân thật. Bạo lực, bão táp, sấm sét không thể nào quật ngã được anh và anh đã đứng vững, ngẩng cao đầu để nêu tấm gương sáng muôn đời cho trí thức, Văn Nghệ Sĩ, cho mỗi người Việt Nam noi theo để sống “chân thật trọn đời”, không quý gồi, uốn lưỡi ca ngợi bọn độc tài khoác áo dân chủ, bọn “tư bản đỏ” đội lốt công nhân, vô sản, bọn cường hào mới mạo xưng nông dân lao động. Bài thơ anh viết đến nay đã 38 năm trời, những điều tâm niệm của anh ghi trong bài thơ đó anh đã làm đúng, hoàn toàn đúng, không may mắn “huênh hoang, khoác lác”. “Lời Mẹ Dặn” thực sự đã chỉ phương hướng cho cuộc đời của anh, cho lẽ sống của anh: Chân thật trọn đời. Điều đó làm tên tuổi anh thêm vinh quang sáng chói, đồng thời làm hời lòng hời dạ cho những ai đang đấu tranh để xóa bỏ chế độ cực quyền, xây dựng chế độ dân chủ đích thực, trong đó mọi quyền tự do, nhân quyền và dân quyền được hoàn toàn bảo đảm.

Phùng Quán ơi! Anh với tôi là người cùng trên một chiến tuyến dân chủ, dù chúng ta chỉ đấu tranh bằng ngòi bút, lời nói mà thôi, chúng ta là đồng hương, lại cùng chung số phận đau thương, đầy oan trái, trong giờ phút này, tôi thắp một nén hương, thành kính hướng toàn tâm toàn ý đến anh để cầu nguyện cho hương linh của anh sớm được siêu thoát.

Tháng 2 năm 1995

1. Bài này đăng trên “Thế giới Ngày Nay” số 127, tháng 3.1995 và trên tờ “VietNam Forum” số 4, do Nguyễn Thị Thu Cúc dịch ra tiếng Đức.

ĐƠN KHÁNG CÁO CỦA PHÙNG QUÁN

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30.5.1994

Kính gửi:

Ủy ban lập pháp của quốc hội
Viện kiểm sát tối cao
Tòa án nhân dân tối cao

Đồng kính gửi:

Ban bí thư trung ương đảng cộng sản Việt Nam
Ban tư tưởng-văn hóa trung ương
Ban tuyên giáo thành ủy Hà Nội
Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam

Tôi là công dân Phùng Quán, cán bộ về hưu, hội viên hội nhà văn Việt Nam, 64 tuổi, hiện cư trú tại khu tập thể Trường Chu Văn An, số 10 Thụy Khuê, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Đầu tháng 5.1994, do tình cờ tôi đã được đọc một tài liệu dày 8 trang, khổ 30X19 cm. Trang đầu tài liệu ghi:

Hà Nội ngày 8.4.1994

Đảng cộng sản Việt Nam

Thành ủy Hà Nội

Ban Tuyên giáo

Tài liệu phổ biến đến đảng viên và cán bộ các đoàn thể (tài liệu lưu hành nội bộ)

Thực hiện công văn 211/CVTW của Ban bí thư trung ương, Ban tuyên giáo thành ủy sao nguyên văn hai tài liệu do Ban tư tưởng-văn hóa trung ương biên soạn:

1. Bài nói của đồng chí tổng bí thư Đỗ Mười tại hội nghị cán bộ do Ban bí thư trung ương triệu tập tại Hà Nội ngày 3.3.1994.

2. Hoạt động của một số thế lực thù địch và chống đối. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở đọc toàn văn trong kỳ sinh hoạt gần nhất.

Ban tuyên giáo thành ủy Hà Nội.

Trang cuối và dòng cuối tài liệu thông báo ở phần 2 (Hoạt động của một số thế lực thù địch và chống đối) ghi:

“Đầu năm 1994, Đỗ trung Hiếu đã tổ chức cho Phùng Quán từ Hà Nội vào gặp ở nhà riêng, trong đó có Nguyễn Hộ, Tạ bá Tông, Hồ Hiếu, Bùi minh Quốc, nghe Phùng Quán trình bày lại vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, từ đó bóp méo toàn bộ sự thật, vu khống, đã kích đảng cộng sản Việt Nam”.

Kính thưa các cơ quan luật pháp của nhà nước, do tính chất hết sức nghiêm trọng của tài liệu thông báo nội bộ này có liên quan đến cá nhân tôi, nên buộc lòng tôi phải viết đơn kháng cáo gửi đến các cơ quan lập pháp và hành pháp của quốc hội và nhà nước.

Theo nội dung cũng như lời văn của tài liệu thông báo nội bộ, Ban tư tưởng-văn hóa của trung ương đã ghép tôi vào thế lực thù địch và chống đối đảng và nhà nước, và tôi đã phạm phải hai trọng tội trong Bộ luật hình sự:

1. Liên kết, tiếp tay cho một tổ chức chính trị phản động nguy hiểm do Nguyễn Hộ cầm đầu.

“...Có chủ trương nặn ra cái tổ chức gọi là đảng nhân dân cách mạng và liên minh các lực lượng dân chủ, với lực lượng chủ yếu 10 Tỉnh Nam Bộ, hoạt động hợp pháp, kết hợp với bán hợp pháp và bất hợp pháp, để đấu tranh chính trị, kinh tế kết hợp với dùng lực lượng vũ trang. Tìm mọi cách xuyên tạc thực tế, vu cáo trắng trợn, nhiều chỗ mang tính chất kích động, kêu gọi quần chúng hành động, chống đảng cộng sản, từ bỏ chủ nghĩa xã hội, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa” (trích nguyên văn tài liệu thông báo).

2. Bóp méo toàn bộ sự thật vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, vu khống, đã kích đảng cộng sản Việt Nam”.

Tôi thiết nghĩ một công dân phạm phải hai trọng tội như vậy, pháp luật phải lập tức truy tố, tổng giam và đưa ra xử tội trước Tòa án nhân dân. Tại sao lại chỉ xử lý bằng cách thông báo nội bộ ? Hay là do đảng chiếu cố, khoan hồng đối với cá nhân tôi ? Nhưng là một công dân và một nhà văn có tư cách, tôi xin được khước từ lượng khoan hồng đó. Để góp phần làm sáng danh luật pháp của nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đồng thời để làm gương cho những ai có manh tâm vi phạm luật pháp, làm phượng hại đến nền an ninh quốc gia, tôi khẩn thiết yêu cầu các cơ quan luật pháp của nhà nước:

Đưa tôi ra xét xử công khai trước tòa án nhân dân với đầy đủ các thủ tục tố tụng của Bộ luật hình sự.

Trong khi xét xử, nếu cơ quan đã soạn thảo ra tài liệu thông báo nội bộ trên, chứng minh được bằng những bằng chứng xác thực, tôi không chối cãi được, sự việc:

“Đầu năm 1994, Đỗ trung Hiếu đã tổ chức cho Phùng Quán từ Hà Nội vào gặp ở nhà riêng, trong đó có Nguyễn Hộ, Tạ bá Tông, Hồ Hiếu, Bùi minh Quốc, nghe Phùng Quán trình bày lại vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, từ đó bóp méo toàn bộ sự thật, vu khống, đã kích đảng cộng sản Việt Nam”

Tôi xin tự nguyện nhận lãnh án tù khổ sai chung thân để các cơ quan luật pháp, tòa án khỏi mất công, mất thì giờ luận tội, xét xử.

Ngược lại, nếu họ không chứng minh được, và tôi, với những bằng chứng và nhân chứng cụ thể, chứng minh trước tòa án sự việc ghi trong bản thông báo là hoàn toàn bịa đặt, thì tôi xin kiện lại cơ quan trên hai điều sau đây:

1. Họ đã bịa đặt, bóp méo toàn bộ sự thật, vu khống tôi, xúc phạm nghiêm trọng đến tư cách công dân và nhà văn của tôi.

2. Họ đã dồn đẩy tôi vào một hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm: Biến tôi, một công dân, một cựu chiến binh, một nhà văn vừa được phục hồi hội tịch (1988) sau đúng 30 năm bị tước quyền viết văn một cách oan uổng, trở lại thành đối tượng cấm thù của 5 triệu (5000000) đảng viên (con số đảng viên của đảng mà tôi được biết). Điều vu khống của một trong những cơ quan quyền lực tối cao của đảng. Ban tư tưởng-văn hóa hiện đang đe dọa nghiêm trọng cuộc sống và nghề nghiệp viết văn của tôi.

Để góp phần vào việc làm sáng danh khẩu hiệu mà đảng và nhà nước đã đề ra cho toàn dân: Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật! Một lần nữa, tôi khẩn thiết yêu cầu các cơ quan Nhà nước sớm hồi âm đơn kháng cáo của tôi, và sớm đưa tôi ra xét xử công khai trước luật pháp.

Nay kính đơn,

Phùng Quán

HÀNG NGA THỨC DẬY

(Đăng lại từ báo Thông Luận (Pháp), số 107, tháng 9.97)

Phùng Quán

LTS: Bài Hàng Nga Thức Dậy được viết từ tháng 11 năm 1994 nhưng không được phổ biến trên các báo trong nước. Thông Luận có được bài này do một thân hữu từ trong nước mang qua, xin phổ biến cùng đọc giả. Bài này nói lên thảm trạng của nhà văn trong nước, muốn xuất bản sách phải trải qua nhiều nôi nhiều khổ...

Phùng Cung xuất thân là người viết văn xuôi, sở trường truyện ngắn. Anh viết truyện ngắn hồi còn ở chiến khu Việt Bắc.

Sau ngày hòa bình lập lại, truyện ngắn “Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh”, với bức minh họa tuyệt đẹp của họa Sĩ Bùi Xuân Thái, đã làm xôn xao làng văn ngày

đó. Chính bắt đầu từ cái truyện ngắn này anh mang vào thân cái nghiệp văn, ở anh cũng đáng coi là nghiệp chướng.

Anh còn một tập truyện ngắn, đầu như tám truyện thì phải, cũng một dòng “ngựa, voi” chưa kịp ra mắt bạn đọc thì đã bị cái khách quan khắc nghiệt “bảo lưu” cùng với tài năng của tác giả. Truyện nào viết xong anh cũng đưa tôi đọc. Truyện nào cũng làm tôi say mê vì vẻ đẹp của ngôn từ. Cái kho ngôn từ dân dã của anh dường như vô tận. So với tất cả văn xuôi của tôi đã in ra, tôi có cảm giác mình là người nước ngoài viết tiếng Việt.

Sau mười hai năm cách ly đời thường. Phùng Cung như xa lạ với môi trường văn nghệ. Được trả lại tự do, việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lễ “Tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán”. Rồi yên phận hăm hiu, anh tránh thật xa mùi bút mực. Anh xoay trần làm nghề đập đinh, phụ với vợ thêm nghề bán bánh rán, nuôi ba đứa con trai đang sức ăn, sức lớn. Song hình như mùi dầu nhờn, rỉ sắt, mỡ rán vẫn không át được mùi bút mực. Những lúc rảnh tay, anh ngồi buồn thiu, thỉnh thoảng chăm ngón tay vào đũa chén trà cạn, viết một từ gì đó lên mặt bàn...Tôi thường đạp xe từ Nghi Tàm lên Phố Mai Hắc Đế thăm anh, khi mang cho con diếc, con trôi vừa câu trộm được, khi mang mớ rau muống cấy ở vệ hồ, trong khi đó, thật bất ngờ! Anh lại sáng tác thơ!

Đọc thơ anh, có bài chỉ vài câu, tôi bỗng thấy thiên nhiên quanh tôi vụt giàu có lên bất ngờ và trở nên đẹp đến xao xuyến tận đáy lòng những vẻ đẹp từ trước đến nay tôi vẫn nhìn mà không thấy.

Mới đây, Ban chấp hành hội nhà văn quyết định trích quỹ sáng tác của hội làm món quà tặng sáu hội viên (trong đó có tôi) đã phải chịu nhiều thiệt thòi trong 30 năm qua: Hội in cho mỗi người một tập thơ bao cấp, tác giả tự chọn những bài thơ vừa ý trong thơ mình, dày từ hai trăm trang trở lại. Năm anh bạn đang dựng bản thảo. Tôi cả đời chưa được in ra riêng tập thơ càng ham hờ chuẩn bị.

Và bản thảo đã chuẩn bị xong, chỉ còn mang đến nộp. Trước khi nộp tôi đem đến cho anh Cung để tranh thủ một vài nhận xét. Nhân dịp này tôi đã đại dốt đọc lại tập thơ tích lũy của anh. Đọc xong, lòng ham hờ của tôi chực lại. Tôi không còn muốn in thơ nữa! Tôi tự nhủ: In làm gì khi chưa có cặp mắt biết nhìn như Phùng Cung? Chúng ta hãy đọc không cần chọn:

1 Mùa Gieo Mạ

Thoảng mùi ruộng ải
Thóc giống cựa mình
Nắng vắt ngọn tre đuôi én
Đùng đỉnh điệu ru cướm
Lay nhẹ gió may.

2 Nắng Dứ

Đầu mùa nắng dứ
Hạt mồng tươi kệnh đất nghe trời
Chuối con gái vôi hong búp lụ
Cánh chuồn chuồn lia từng bóng rấm con.

Dưới mắt anh, cảnh vật hiện ra sinh động đến thế! Ngòi bút tôi đâu còn dám đua chen.

Thấy tôi chán nản, anh Cung động viên khéo: “Thời cơ chế thị trường, dư luận khách hàng mới là khuôn vàng thước ngọc. Hãy cứ cho ra, rồi lắng nghe dư luận”.

Trái với tình thế của tôi có điều kiện in ra rồi mà còn đắn đo, tình thế của anh Cung lại là muốn in mà không có điều kiện. Anh di dỏm gọi mĩa mai tập bản thảo thơ anh là “Hàng Nga ngủ trong rừng”.

Như mọi người đã thấy, ngày nay ở nước ta xuất bản thơ là việc khó khăn lắm. Bạn muốn in thơ ? Xin mời! Cứ việc bỏ tiền ra mà in. Nhà xuất bản chỉ có thể tham gia bằng cách chịu một phần trách nhiệm về nội dung và đứng ra xin giấy phép xuất bản, với điều kiện bạn trả tiền lệ phí. Một nhà thơ nghèo như Phùng Cung, năm nay đã sáu mươi năm tuổi, có lẽ đến lúc “chọn đất sạch dọn mình vào vĩnh viễn” cũng không hy vọng thơ mình được người đọc thưởng thức qua những dòng chữ in. Hàng tháng, chỉ có mâm cơm gia đình “bốn mùa rong ruổi chôn rau dưa” cộng thêm vài chục nghìn tiền điện, dăm nghìn tiền nước, chị Thoa vợ anh cũng đã phải tất tả chạy dật nóng quanh bà con lối xóm. Thơ anh đành nằm chờ...

Nhưng tôi quyết tâm in bằng được thơ anh. Tôi sẽ đi khắp Trung, Nam, Bắc đọc rong thơ của anh và quyên tiền đến một năm, trong khi đó bao nhiêu chuyện có thể xảy ra làm cho công việc thêm phức tạp. Quá trình phấn đấu hẳn phải chia thành nhiều đợt đi đi, về về...

Nhưng tôi đã gặp một chuyện bất ngờ. Một hôm, trong bữa cơm gia đình có anh Nguyễn Hữu Đang dự, tôi nói:

- Em sắp đi xa, vắng nhà trong khoảng một năm. Anh nhớ luôn luôn đến nhà em ăn cơm với vợ, con em cho vui.

- Chú có công chuyện gì mà phải đi xa nhà lâu thế ?

- Em đi thơ rong, quyên góp tiền để in cho anh Phùng Cung tập thơ. Cả một đời gian khổ vì cái nghiệp bút mực, anh ấy chỉ có một ước vọng được in một tập thơ để tặng bạn hữu và góp mặt với đời trước khi vĩnh biệt chúng ta.

- Tôi gặp chú Cung luôn, sao không thấy chú ấy nói chuyện này với tôi ?

- Anh Cung không nói, em cho là anh ấy nghĩ có nói anh cũng không giúp được gì, chỉ làm anh thêm bận tâm.

- Tập thơ chú Cung đâu, chú đưa tôi xem.

Anh Đang đọc chăm chú hết tập thơ. Anh khẽ gật đầu có mái tóc ngắn quen thuộc, nói:

- Tôi không ngờ thơ chú Cung khá thế. Theo tôi còn khá hơn văn xuôi chú ấy. Bây giờ thế này chú Quán nhé: Chú không phải đi đâu hết. Tôi sẽ cho chú Cung tiền để in tập thơ.

Tôi trợn tròn mắt:

- Thơ không rẻ như bèo đâu anh ơi! In một tập thơ vài trăm trang với hình thức xoàng xoàng thôi, anh có biết phải mất bao nhiêu tiền không ? Từ hai triệu đến hai triệu rưỡi đấy!

Tôi tưởng anh tái mặt tưng hừng trước số tiền mà tôi thông báo. Anh vẫn bình tĩnh lật lật những trang thơ, đọc lại một vài bài vừa rồi chưa đọc kỹ, rồi chậm rãi nói:

- Tôi sẽ cho chú Cung đủ tiền để in, dù có tốn như chú vừa nói.

Không để tôi hỏi anh lấy đâu ra tiền anh giải thích luôn:

- Tôi cho chú ấy dùng tất cả số tiền tôi sẽ dè sẻn từng đồng dành dụm được trong hai mươi năm qua, nhất là từ bốn năm trở lại đây tôi có lương hưu, lại được những anh chị em cùng hoạt động hồi mặt trận dân chủ, hội truyền bá quốc ngữ, hội văn hóa cứu quốc, các đội tuyên truyền xung phong chống Pháp, ngành bình dân học vụ cùng những bạn bè xa gần, biết tôi còn sống và nghèo khổ, kẻ ít người nhiều họ gởi tiền đến giúp đỡ. Ngoài những khoản chi tiêu cần thiết hàng tháng, còn lại bao nhiêu tôi gửi vào quỹ tiết kiệm ngân hàng phòng xa phải dựng túp liều khi không còn ai cho ở nhờ, phòng xa lúc ốm nặng kéo dài, phòng xa cả lúc chết nữa. Nhờ vậy mà số tiền của tôi cho đến hôm nay đã lên tới bốn triệu đồng. Sở tiết kiệm đây...

Anh móc túi áo bộ đội cũ mặc bên trong, lấy ra cuốn sổ bọc trong ba lần giấy nhựa bóng, chàng ngang, dọc bốn dây cao su. Anh đặc sổ trước mặt tôi và bảo:

- Chú giữ lấy. Tôi sẽ làm giấy ủy quyền cho chú rút tiền ra sử dụng. Nếu số tiền này chưa đủ, tôi sẽ về quê đôi vài tạ thóc cho vay, bán đi rồi trả thêm tiền cho chú. Tôi yêu cầu tập thơ phải in thật đẹp, mà đẹp giản dị, thanh nhã chứ không rườm rà, lòe loẹt như nhiều tập thơ đang bày bán.

Không hiểu sao nghe anh nói tim tôi hồi hộp và cổ tôi như nghẹn ngào. Tôi được quen biết anh đã gần bốn mươi năm nhưng cho mãi tới hôm ấy tôi mới thật hiểu anh là người như thế nào. Nguyễn Hữu Đang là người nếu chỉ dùng cho bản thân thì một trăm đồng ba quả khế chua để gội đầu (thay chanh mà anh sợ đất) cũng tiếc tiền, bắt đực dĩ mới phải mua, nhưng đã làm việc nghĩa hiệp thì sẵn sàng san sẻ đến tiền cuối cùng.

Thế đấy. Nếu bản thảo thơ Phùng Cung là “Hàng Nga ngủ trong rừng” thì tấm lòng trợ giúp vô tư của Nguyễn Hữu Đang chính là “Hoàng tử đẹp trai” đến đánh thức.

Và nhất định tập Xem dôm phải ra đời (*).

Hà Nội ngày 20 tháng 11 năm 1994
Phùng Quán

(*) Sau khi ông Phùng Quán từ trần (tháng 01.1995) tập thơ đã được xuất bản. Bài này ông Quán viết để in vào tập Xem dôm làm lời cuối sách song xuất bản đã không thực hiện được. Sau đó ông Quán đã cho đăng lên một tờ báo bên Pháp. Theo ý muốn bổ sung của ông Quán, bản sao chép lại có trích dẫn thêm bài Nắng dứ kèm với bài Mùa gieo mạ mà ông Quán đã tự chọn.

THƠ LÀ KHAI PHÁ

Phỏng vấn Nhà Thơ Lê Đạt
Thực hiện: Trần Ngọc Tuấn

(Tao Đàn, số 3/97)

LTS: Nhà Thơ Lê Đạt, thành viên của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, tác giả của những câu thơ nổi tiếng:

Đem bực công an đặt giữa tim người

và:

Những người sống lâu trăm tuổi

Y như cái bình vỡ

Càng sống càng tòi

Càng sống càng bé lại...

Tác giả gần đây của tập thơ Bóng Chữ (nhà xuất bản Văn Học), tập truyện ngắn Hèn Đại Nhân phát hành trong nước, sau một thời gian dài treo bút...

Với chủ trương đổi mới tư duy Văn Học. Cùng với Trần Dần, Tử Phát, Hoàng Cầm... Lê Đạt đã phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu. Đòi quyền văn nghệ thuộc về Văn Nghệ Sĩ, thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn nghệ thuật quân đội... nhà thơ đã “vinh dự” được Tố Hữu gán cho biệt hiệu “cái thùng sắt tây Lê Đạt”

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc nội dung cuộc trao đổi dưới đây...

Trần Ngọc Tuấn (TNT): Với Bóng Chữ có thể hiểu: Đó là cách thể hiện mới về phương pháp thi ca ?

Lê Đạt (LĐ): Lẽ dĩ nhiên ta có thể hiểu Bóng Chữ như một thể hiện mới về thơ, với điều kiện không nên quan niệm nó là một cách thể hiện mới duy nhất. Có nhiều cách mới. Và lại, theo tôi, cái bận tâm lớn nhất của nhà thơ không phải là mới với bất cứ giá nào. Vì cái mới cũng có thể cũ rất nhanh. Người làm thơ tự trọng hoạt động trên lãnh vực ngôn ngữ phải bận tâm đến việc mở mang bờ cõi ngôn ngữ, tìm những vùng khác trong ngôn ngữ. Tương tự như một nhà bác học, mở rộng bờ cõi của khoa học để đổi khác cách nhìn, khai khẩn những vùng mù của kiến thức. Mỗi

nhà thơ ít nhiều đều là bạn của Christophe Colomb (1). Do đó, phải chống lại những toan tính độc quyền, không ai tự vỗ ngực, tự xưng là tổng phát hành cái mới. Một bi kịch lớn của con người là làm tưởng rằng, mình hoàn toàn đồng thời với bản thân trong tình cảm cũng như tư tưởng. Mỗi cá nhân tồn tại nhiều khái niệm lạc hậu, lỗi thời, chưa kịp thanh toán, hay nói cách Văn Học hơn, có nhiều xác chết chưa được chôn. Do đó, thường xảy ra hiện tượng: Thằng chết cái thằng khiêng. Và trong nhiều trường hợp, người sống thua người chết. Thơ cần làm nhiệm vụ phát hiện những xác chết trong nội tâm con người và tạo cho chúng một tình trạng mờ yên mà đẹp. Như các nhà triết học thường nói: Cuộc đời thường không có nghĩa tự nhiên, mà chính con người cung cấp cho nó một nghĩa. Cái cao quý nhất của con người là cung cấp một cái nhìn mới cho sự vật, làm cho cuộc sống ngày càng nhiều nghĩa phong phú hơn. Cần khuyến khích những tìm tòi đa dạng. Một đất nước có một Lý Bạch (2) là một đất nước có phúc. Một đất nước có một trăm Lý Bạch là một đất nước bất hạnh. Vì, chỉ có một Lý Bạch thật, còn chín mươi chín Lý Bạch dỏm. Tôi rất thích lời phát ngôn của Nietzsche (3): Nghệ thuật sinh ra để ngăn cản chúng ta khỏi chết vì chân lý. Có người đã bình luận ý kiến này như sau: Những phạm trù của tư duy không phải cái đúng, cái sai mà là cái sang trọng, cái dễ tiện, cái cao và cái thấp. Có những chân lý của sự thấp hèn, những chân lý của kẻ nô lệ. Triết học có nhiệm vụ tố cáo sự thấp hèn của tư duy dưới mọi hình thức. Chúng ta có nhiệm vụ đi tới những nơi cực điểm, vào những giờ cực điểm, ở đó sống và nổi gió những chân lý cao nhất và sâu xa nhất. Thơ cũng có nhiệm vụ như vậy. Tôi xin phép được nhắc lại ở đây một đoạn trong bài viết nhân dịp thượng thọ 75 tuổi của một người bạn Nhà Thơ Hoàng Cầm: "...bản thân nhiều tên tuổi lấp lánh trên vòm trời chữ nhân loại, không phải ai cũng hoàn hảo, có người thậm chí còn bất hảo". Và, tôi rất mê câu nói của Đức Phật: "Biển khổ mệnh mong quay đầu thấy bến". Tác phẩm chính là những bến quay đầu của họ. Con người nghệ sĩ có thể lỗi lầm nhưng một tác phẩm chân chính bao giờ cũng thánh thiện, cũng cứu rỗi. Nó là tiếng khẩn thiết kêu gọi thanh cao, lời vật nài phạm người... Bóng Chữ là một cố gắng mới về mỹ học, cũng là một cố gắng mới về đạo đức học.

TNT: Thi pháp trong thơ hiện đại có người cho rằng, nó cũng như nhạc Rock, hoặc Rap. Lạ nhưng không "dễ tiêu" ở cách cảm thụ...cũ. Anh đánh giá về ý kiến trên ra sao ?

LĐ: Tôi không được hiểu sâu về nhạc Rock để so sánh, nhưng theo tôi, cái mới đầu trong thơ hay trong nhạc, trong hội họa, thậm chí cả trong khoa học bao giờ cũng lạ. Và không dễ tiêu hóa. Một số kiến thức khoa học mà ngày nay loài người cho là hiển nhiên, mà bất cứ một người bình thường nào cũng phải biết nếu không muốn bị liệt vào hạng người mắc bệnh trí độn, ví dụ như quả đất hình tròn và trái đất quay xung quanh mặt trời đã khiến không ít những bộ óc thông minh khôn khéo và đã có nhà bác học bị thiêu cháy trên giàn lửa của những martyr (4) bảo thủ. Và tôi nghĩ không ít những món thực phẩm ngày nay nhiều người ưa thích đã từng có thời khiến tổ tiên ta vừa ra khỏi thời ăn lông ở lỗ khó tiêu đến mức bị viêm ruột mãn tính. Miếng sống, miếng chín còn thể hưởng hồ là nghệ thuật. Tôi xin nêu ra đây một hiện tượng khá nghịch lý. Không ai khoe mình không hiểu một bản giao hưởng của Beethoven (5) hay một tranh lập thể của Picasso (6) vì sợ thiên hạ chê mình là dốt. Nhưng người ta sẵn sàng khoe mình không hiểu một bài thơ và đổ tội cho nhà thơ là không đại chúng, là hủ nút. Thơ cũng là một chuyên ngành như nhạc, họa và nhiều chuyên ngành khác. Muốn hiểu nó cũng phải học. Không phải bất cứ ai biết tiếng Pháp là đọc được Mallarmé (7). Nguyễn Du đã có thời rất khó tiêu với bao tử các Nhà Nho thủ cựu, và đã từng bị liệt vào loại "dâm thư". Làm trai chớ đọc Phan Trần/ Làm gái chớ kể Thúy Vân, Thúy Kiều.

Lẽ dĩ nhiên thời nào cũng có những nhà phê bình “đau bao tử”. Nhưng có phải vì vậy mà bắt mọi người phải ăn uống theo chế độ đau bao tử của họ đâu? Buồn thay là kẻ suốt đời buộc phải ăn mãi một thứ thực phẩm, dầu đó là nem công chả phượng.

TNT: Ở nước ngoài, những người có duyên nợ với Văn Học rất chú ý tới sinh hoạt nghệ thuật trong nước. Về các cuộc tranh cãi không dựa trên cơ sở học thuật, chỉ dựa vào công thức định sẵn... điển hình là “thi sĩ kiêm nhà phê bình Trần Mạnh Hào”?

LĐ: Theo tôi quê hương không bao giờ là một khái niệm đơn thuần địa lý, không nên quá nhấn mạnh từ ngoài nước và trong nước. Không phải cứ ở trong nước là “nhiều” quê hương hơn ở ngoài, vấn đề chính là tâm thế. Người ta rất có thể cách xa quê hương ngàn dặm mà vẫn gần quê hương hơn một kẻ ở trong nước mà chỉ bận tâm đến việc đục nước béo cò. Xây dựng một nền thơ Việt Nam là công việc hết sức gian khổ, khó khăn, nó đòi hỏi sự nỗ lực của tất cả mọi người Việt Nam, ở tất cả mọi miền trong cái làng địa cầu bé nhỏ của chúng ta. Anh có hỏi ý kiến tôi về những bài của anh Trần Mạnh Hào xung quanh tập thơ Bóng Chử. Điều này, ở trong nước có nhiều bạn, hoặc trực tiếp, hoặc qua thư, có hỏi tôi về vấn đề này, Tôi xin nhân dịp này trả lời luôn một thể. Thật ra anh Trần Mạnh Hào chỉ phê bình một nhà thơ trùng tên với tôi chứ không phải... phê bình tôi, vì tôi, mặc dù đã có tuổi nhưng chưa đến mức lắm cảm phát ra những ý kiến ngô nghê như anh đã phản bác.

Chữ không có Nghĩa không gọi là chữ nữa. Vì một sinh viên ngữ văn bình thường, cũng hiểu rằng chữ gồm hai mặt: Âm thanh (gồm những âm vị và nghĩa), Nếu không có Nghĩa chữ chỉ là âm thanh đơn thuần. Nói Chữ bầu lên Nhà Thơ, là nói đến tầm quan trọng của Chữ, giữa một thói quen cầu thả chữ, chứ không phải loại bỏ cảm xúc, chữ không có cảm xúc là Chữ Chết, nhưng cảm xúc với những chữ cầu thả, bất cập có thể không phải là thơ. Tôi chưa bao giờ từng chủ trương làm thơ khó hiểu, thơ dễ hiểu cũng có thể hay, nhưng thơ khó hiểu cũng có thể hay lắm chứ! Một nhà vật lý cổ điển không nhất thiết phải tán thành vật lý lượng tử, nhưng không phải vì thế buộc tội vật lý lượng tử là tà giáo. Tôi đề nghị nên thay chữ dễ hiểu và khó hiểu bằng từ đơn giản và phức hợp có lẽ thỏa đáng hơn.

Trong một xã hội dân chủ, anh Trần Mạnh Hào có quyền nói bất cứ điều gì mà anh thấy cần nói, chỉ có điều hơi đáng buồn là quyền dân chủ này không được áp dụng với những ý kiến bất đồng với anh. Một nền dân chủ lành mạnh không nên gộp quá nhiều đường một chiều. Nhân đây, tôi xin nói về một vấn đề rộng hơn: vấn đề phê bình.

Phê bình là đối thoại trong Văn Học. Một nền Văn Học không có đối thoại, sẽ thiếu dưỡng khí, còi cọc, ảm mốc. Cái định kiến giữa các nhà phê bình và sáng tác không phải chỉ bây giờ mới có, nó đã có một lịch sử rất lâu đời. Một nhà văn lịch sự, lễ phép, khế khàng như Tchekhov (8) mà phải hạ bút ví các nhà phê bình: Như một lũ nhặng bay vo ve hút máu người sáng tác đang vất vả leo dốc, không thể coi là một hiện tượng bình thường. Nhiều nhà sáng tác thành kiến với các nhà phê bình trong tình huống “cười ra nước mắt” thẳng còng làm, thẳng ngay ăn. Theo tôi, có lẽ bước sang thế kỷ 21, chúng ta cần phải xây dựng một quan hệ mới giữa các nhà sáng tác và các nhà phê bình, nên xây dựng một nền văn đức mới trong Văn Học, dựa trên phong cách đối thoại mới bằng tình bạn. Không ai đòi hỏi nhà phê bình nhất nhất đều phải đúng, như vậy thì không ai còn dám phê bình nữa, và cũng là vi phạm một nhân quyền cơ bản của con người: Quyền được lầm lẫn. Nói vậy, nhưng ta có quyền đòi hỏi nhà phê bình phải tử tế và lương thiện. Các cụ dạy: “lời nói, đọi máu”, các

nhà phê bình cần phải có cái thận trọng, cái tâm của bậc “lượng y kiêm từ mẫu” chứ không phải như một tên “lang băm” vô trách nhiệm.

Mục đích của việc phê bình không phải là kết quả hơn thua giữa người viết và người phê bình, như trong một trận đánh box, mà là tương lai của một nền văn hóa mới mái nhà chung của người sáng tác và cả người phê bình. Xin hãy thương lấy chữ...

TNT: Văn Học và chính trị có quan hệ ra sao, có nên tách chính trị ra khỏi Văn Học Nghệ Thuật hay không ? (xin lỗi anh, trong cái gọi là vụ án nhân Văn-Giai phẩm, các anh cũng đã đề cập rồi. Tôi nhai lại câu này. Kẻ hậu sinh muốn nghe lời của các bậc tiền bối. Hay nói một cách khác, bình đẳng hơn là lời tâm sự ?

LĐ: Văn Học lẽ dĩ nhiên có nhiều mối liên hệ với chính trị, nhưng Văn Học không phải là chính trị. Muốn có một nền Văn Học phát triển, các nhà chính trị không nên can thiệp quá sâu vào hoạt động có tính nghề nghiệp của Văn Học, và nhất thiết tránh định kiến sai lầm: Trình độ thẩm định Văn Học tỷ lệ thuận với cấp bậc chính trị.

Văn Học tuy rất gần với chính trị, nhưng không nên quên nó cũng là một chuyên môn. Các nhà chính trị muốn hiểu Văn Học không thể không nghiên cứu nó nghiêm túc như với bất cứ với một chuyên môn nào.

TNT: Xin anh “gieo quẻ” về tương lai của thơ Việt Nam!

LĐ: Tôi không muốn làm một nhà tiên tri, cũng không muốn làm một nhà khoa học viễn tưởng. Chưa từng có ai lấy được “lá số tử vi của thơ Việt Nam”, xem nó có những ngôi sao nào chiếu vào cung mệnh. Tương lai của thơ phần lớn tùy thuộc vào những người làm thơ, và tôi thấy hình như thơ Việt Nam bắt đầu “cựa quậy”.

Việc ra đời Tạp Chí thơ ở nước ngoài, cũng như việc chuẩn bị ra đời một Tạp Chí thơ ở trong nước là điều đáng mừng, chưa có thành tựu gì lớn, nhưng chỉ riêng việc các nhà thơ không còn làm thơ như trước được nữa, thấy cần phải thay đổi, đó cũng là điều đáng mừng. Lẽ dĩ nhiên trong việc tìm tòi khó tránh được những hiện tượng “quá khích”, thậm trí còn lố bịch. Thời phong trào gọi là thơ mới 1930, đã chẳng có người chủ trương những câu thơ 27 chữ như Nguyễn Thị Kim, hay đủ 12 chân như Nguyễn Vỹ đó sao ? Tôi bỗng nghĩ tới những công thức phá tán hay lý thuyết trật tự phát sinh từ hỗn độn của các nhà khoa học mới. Từ những cơn khủng hoảng trên, biết đâu chẳng nảy sinh ra hiện tượng rẽ hai đầy triển vọng của một thời kỳ mới về thơ Việt.

Tôi có trao đổi vấn đề này với chị Thụy Khuê (cây bút phê bình sắc sảo và tâm huyết), tôi thấy, hình như chị hơi sốt ruột. Thành Roma không thể xây dựng một sáng một chiều, phải kiên nhẫn, tôi rất mong có sự giao lưu ngày một chặt chẽ hơn giữa các nhà thơ trong nước và ngoài nước, vì một lòng thương yêu tiếng Việt thiết tha, đó chính là lòng yêu nước thật sự của những người làm về ngôn ngữ, văn, thơ... các loại hình nghệ thuật.

Với đà phát triển của tin học, với sự giao lưu ngày càng rộng mở giữa “làng địa cầu” một người lạc quan ngoan cố như tôi không thể không tin vào một nền thơ Việt Nam.

TNT: Một câu hỏi “ngoài luồng” để kết thúc cuộc chuyện trò qua điện thoại này. Là một nhà thơ, một nạn nhân của Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, một người tha thiết với tự do và dân chủ và đã phải trả giá bởi sự trù dập của chính quyền. Anh nghĩ thế nào, khi các đoàn nghệ thuật ở Việt Nam sang nước ngoài biểu diễn văn nghệ, bị một số người Việt chống đối bằng hình thức biểu tình. Những người này cho rằng, những đoàn nghệ thuật kia tuyên truyền cho chế độ ?

LĐ: Phản tuyên truyền, thái độ áy biểu hiện sự hàn học, xin lỗi, chẳng khác gì các ngài đã trù dập anh em chúng tôi trong phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm. Nó thể hiện sự gần chợ xa trường. Làm thế, là phá sự cảm thông giữa anh em nghệ sĩ và

đồng bào ở nước ngoài. Chẳng có tác dụng gì hết, thậm chí còn ngược lại. Ở trong nước người ta còn mở cửa cho ca sĩ hải ngoại về nước hát. Họ có sự tuyên truyền đầu. Nếu thấy lẽ phải thuộc về mình, nên gần gũi họ. Muốn tử tế với đất nước, xin hãy tử tế với nhau trước đã.

Chú thích:

- 1): 1451-1506): Nhà hàng hải người Ý, đã tìm ra Châu Mỹ năm 1492.
- 2): Nhà Thơ nổi tiếng đời Đường (Trung Quốc).
- 3): (1844-1900), Triết Gia Đức, tác giả của “Zarathustra đã nói như thế”.
- 4): Vị tử đạo.
- 5): (1770-1827) nhạc sĩ Đức thuộc đầu thời kỳ Lãng mạn (Romantic).
- 6): (1881-1973) danh họa Tây Ban Nha.
- 7): (1842-1898) Nhà Thơ Pháp, đại diện cho Trường Phái Biểu Tượng.
- 8): Nhà Văn Nga.

HỒ SƠ NHÂN VĂN-GIAI PHẨM

Thụy Khuê

(Tao Đàn, số 3)

Nhân Văn-Giai Phẩm là phong trào đòi tự do dân chủ của Văn Nghệ Sĩ và trí thức Việt Nam có tầm vóc lớn trong thế kỷ này. Phong trào đã bị dập tắt từ hơn 30 năm nay, nhưng ảnh hưởng và hệ quả đối với đời sống văn hóa và chính trị ở Việt Nam vẫn còn kéo dài đến ngày nay. Hôm nay, 38 năm sau, mở lại hồ sơ Nhân Văn-Giai Phẩm, chúng tôi nghĩ rằng không sớm mà cũng chưa muộn.

Theo phát biểu mới đây của Nhà Thơ Lê Đạt trên RFI thì Nhân Văn-Giai Phẩm là cố gắng nghiêm túc đầu tiên của Văn Nghệ Sĩ để đối thoại với nhà nước. Tiếc rằng cuộc đối thoại đã chấm dứt một cách bi kịch. Cuộc đối thoại này khởi nguồn từ đầu năm 1955 và kết thúc vào tháng Sáu năm 1958 với lao tù và cải tạo. Đầu năm 58, có 2 hội nghị quan trọng của những người làm công tác văn nghệ, hội nghị đầu vào tháng 2 năm 1958 gồm có 172 người tham dự, hội nghị sau vào tháng 3 có 304 người tham dự với mục đích: Nghiên cứu nghị quyết của bộ chính trị, ban chấp hành trung ương đảng kết hợp với 2 bản tuyên ngôn và tuyên bố của hội nghị các đảng cộng sản và các đảng công nhân họp tại Mạc Tư Khoa cuối năm 1957.

Qua hai hội nghị trên đây, những người dính líu tới phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm bị phát hiện, bị tố giác. Một danh sách nhiều tên tuổi được thành hình: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiều Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phát, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai tức Châm văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Đắc Dục, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh...

Vẫn theo ngôn ngữ chính thống thì...trận chiến đấu chống bọn phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm đã kết thúc bằng hội nghị của ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, họp lần thứ 3 tại Hà Nội ngày 4.6.1958 với báo cáo tổng kết của Tố Hữu và nghị quyết của ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật lên án nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm. Ngày 5.6.1958 tại Hà Nội, hơn 800 Văn Nghệ Sĩ bàn thảo nghị quyết gọi là: Nghị quyết của 800 Văn Nghệ Sĩ phụ họa với nghị quyết của liên hiệp. Sau đó từ 21.6 đến 3.7.1958, lần lượt các ban chấp hành hội nhạc sĩ, hội mỹ thuật, Hội Nhà văn hòa nhau thi hành biện pháp kỷ luật đối với các thành viên của hội có chân trong trào Nhân Văn-Giai Phẩm: Hội nhà văn khai trừ Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh khỏi ban chấp hành, Hội Mỹ Thuật cảnh cáo Sĩ Ngọc, Nguyễn Sáng rút khỏi ban chấp hành, hội nhạc sĩ chấp nhận Văn Cao, Nguyễn Văn Tý rút

khỏi ban chấp hành và cả 3 hội quyết định khai trừ Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An ra khỏi Hội Nhà Văn, Trần Duy ra khỏi Hội Mỹ Thuật, khai trừ trong thời hạn 3 năm Trần Dần, Lê Đạt khỏi Hội Nhà Văn, Tử Phát, Đặng Đình Hưng ra khỏi hội Nhạc Sĩ sáng tác và cảnh cáo một số hội viên khác đã ủng hộ phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Những điều vừa trình bày trên đây, rút ra từ quyển sách dày 370 trang tựa đề: Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm. Trước tòa án dư luận do nhà xuất bản Sự Thật phát hành tại Hà Nội năm 1959.

Tập sách này tập hợp những nghị quyết của các buổi họp, những lời...thú tội của những thành viên trong Nhân Văn-Giai Phẩm. Những bài viết lên án và mạ lỵ phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm, cùng những lời buộc tội của đoàn thể, cá nhân, quần chúng cũng như của các vị trong ban chấp hành trung ương đảng. Nhưng cũng nhờ vào cuốn sách này, nhờ vào những bài viết đả kích Lê Đạt và Văn Cao in trong tập tiểu luận: Dao có mài mới sắc của Xuân Diệu và cuốn: Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc của Hoàng Văn Chí mà ngày nay chúng ta có thể biết rõ hơn về tổ chức và hình thức tranh đấu kéo dài của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm trong những năm 55, 56, 57 và 58.

Rời Hà Nội đầu năm 1955, trong hai năm từ 56 đến 58, Hoàng Văn Chí thu nhập tài liệu nhờ một người bạn làm việc ở Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến đem báo chí từ Bắc vào Nam. Tập sách này xuất bản tháng giêng năm 1959 tại miền Nam qui tụ phần lớn những tác phẩm tiêu biểu, xuất hiện trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm với tiểu sử tác giả. Nhờ đó mà độc giả miền Nam nhiều người thuộc lòng thơ Trần Dần, Phùng Quán...

Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm manh nha từ đầu năm 55. Trong quân đội có Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phát, Hoàng Cầm...đã bắt đầu phản đối đảng bằng hai con đường: Một mặt lên tiếng phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, một mặt đòi Trả Quyền Lãnh Đạo Văn Nghệ về tay Văn Nghệ Sĩ, thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội, thủ tiêu mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội, thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc hội văn nghệ, không qua cục tuyên huấn và tổng cục chính trị. (Theo lời buộc tội của Tố Hữu trang 23).

Cùng lúc đó báo Nói Thật của Hoàng Công Khanh trích đăng bài: Sự chia tay giữa Chính Trị và Văn Nghệ của Lỗ Tấn. Đến tháng 6.1956 Văn Nghệ Sĩ mới thực sự chống đối công khai. Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời do Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Sĩ Ngọc, Tử Phát, Phùng Quán, Nguyễn Sáng, Tô Vũ sáng lập. Ngoài những bài đả kích lãnh đạo văn nghệ của đảng còn có bài: Nhất Định Thắng của Trần Dần. Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu ngay tức khắc. Trần Dần bị bắt. Trong cuốn sách của nhà xuất bản Sự Thật, Hồng Chương xác nhận rằng: ...nhân cơ hội đó, tất cả các lực lượng đối lập với chủ nghĩa xã hội đều ngóc đầu dậy chống lại sự lãnh đạo của đảng và chính phủ. Bọn phản động trong Công Giáo hành động phá rối ở Nghệ An, Nam Định...

Ba tháng sau đảng phát động chính sách sửa sai. Lợi dụng thời cơ, Văn Nghệ Sĩ cho ra đời Giai Phẩm Mùa Thu, tập một ngày 29.8.1956 có bài Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ của Phan Khôi. Ngày 15.9.56, bán nguyệt san Nhân Văn số 1 ra đời và cuối tháng 10 năm 1956, ở các Trường Đại Học, Giáo Sư Trương Tửu, Trần Đức Thảo huy động sinh viên cho ra tờ Đất Mới với Phùng Quán, Bùi Quang Đoàn. Đất Mới ra được số 1 thì bị đình bản. Cuối tháng 11.56, đảng hạ lệnh đóng cửa tờ Nhân Văn, và Nhân Văn số 6 bị tịch thu. Sắc lệnh ngày 15.12.56 cấm tự do báo chí, trừ những báo của đảng, chấm dứt số phận của những tờ Giai Phẩm, Trăm Hoa, Đất Mới. Đảng cho ra tuần báo Văn, thay thế Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân và

Nguyên Hồng. Chẳng bao lâu báo Văn cũng đổi thái độ, bỏ bớt những bài ca tụng, thêm dần những bài chỉ trích. Những cây bút cũ của Nhân Văn-Giai Phẩm lại thấy xuất hiện trên báo Văn. Sau khi Văn số 36 ra ngày 10.1.58 đăng bài Ông Năm Chuột của Phan Khôi thì Văn bị đình bản hẳn, chấm dứt phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm.

Về hoạt động của phong trào, theo lời buộc tội của Tố Hữu, sự phân công công tác được chia ra như sau: Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm hoạt động trong hội nhà văn, Trần Duy, Sĩ Ngọc, Nguyễn Sáng ở hội mỹ thuật. Chu Ngọc, Hoàng Tích Linh ở hội nghệ sĩ sân khấu. Tử Phát, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Đặng Đình Hưng ở hội âm nhạc. Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo là những Nhà Tư Tưởng của Phong Trào. Thụy An, Nguyễn Hữu Đang liên lạc, huy động và khuyến khích anh em. Trần Thiếu Bảo, chủ nhà in Minh Đức, in các giai phẩm, giúp đỡ tiền bạc và phương tiện để phát hành báo Nhân Văn. Nhà In Minh Đức còn là trụ sở của các cuộc họp báo Nhân Văn và Đất Mới.

Theo lời buộc tội của Nguyễn đình Thi thì chủ trương của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm dựa trên 6 điểm:

Cho chủ nghĩa cộng sản là: Không nhân văn, là trà đạp con người, coi những người cộng sản là những người khổng lồ không tim... Văn Học xã hội chủ nghĩa là công thức giả tạo để ra những thi sĩ máy... đem bọc công an đặt giữa tim người...

Phản đối chuyên chính, đòi dân chủ tự do trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, đả kích mậu dịch, quản lý hộ khẩu, các bộ máy nhà nước đòi tự do đối lập.

Chống sùng bái cá nhân, cho sự lãnh đạo của đảng là đảng trị, độc đoán, mâu thuẫn với quyền lợi cơ bản của con người. Trong Ông Bình Vôi của Lê Đạt có những câu:

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tòi
Càng sống càng bé lại...

Đề cao chủ nghĩa quốc gia tư sản, đả kích Liên Xô, cho sự giáo dục con người ở Liên

Xô là dập khuôn, Văn Học nghệ thuật Liên Xô là công chức.

Chống chính sách cải cách ruộng đất. (Ngày 30.10.1956, trước mặt trận tổ quốc Hà Nội, Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài diễn văn quan trọng có tựa đề: Qua Những Sai Lầm Trong Cải Cách Ruộng Đất, Xây Dựng Quan Điểm Lãnh Đạo. Nguyễn Mạnh Tường phân tích những sai lầm của chế độ đi từ cải cách ruộng đất ở thôn quê, sang sai lầm trong chế độ mậu dịch ở thị thành, đến chính sách kinh tế có tính bóc lột. Ông truy nguyên nguồn gốc các sai lầm và trình bày những nguyên tắc mới để sửa sang lại guồng máy luật pháp, chính trị, văn học, kinh tế...)

Điểm thứ 6 và là điểm sau cùng, về văn nghệ Nhân Văn-Giai Phẩm chủ trương phát triển: Trăm Hoa Đua Nở, Trăm Nhà Đua Tiếng, chối bỏ sự lãnh đạo văn nghệ của đảng, nêu cao khẩu hiệu trả lại văn nghệ cho Văn Nghệ Sĩ, nhục bằng bắt mọi người phải viết theo một lối thì đến một ngày kia: Hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết... (Phan Khôi).

Những thành viên của phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm nhiều người đã khuất, và thế hệ ngày nay ít ai biết rõ về con người, về cuộc sống của họ. Những ký ức Văn Học may mắn không bị thời gian lôi cuốn đi, nhờ đó mà số phận của tác giả dù có trải những dặm trường, văn bản của họ vẫn sống, vẫn được người đời đọc, và viết lại.

Thụy An, trong vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm tên bà được nêu lên hàng đầu với cái tựa: Con phù thủy xảo quyệt cùng bản cáo trạng nặng nề và bản án độc ác nhất dành cho bà. Thụy An là ai? Tên thật là Lưu Thị Yến, trong địa hạt tiểu thuyết, bà là

nhà văn nữ đi tiên phong với cuốn Một Linh Hồn. Thụy An đã cộng tác với báo Phụ Nữ Tân Văn và là chủ nhiệm các báo Đàn Bà Mới ở Sài Gòn và Đàn Bà ở Hà Nội. Là phóng viên chiến tranh, bà đã tham dự nhiều cuộc nhảy dù ra mặt trận để cung cấp tài liệu cho báo chí. Bà Thụy An đã từng giữ chức quyền Giám Đốc Việt Tấn Xã. Cuối năm 53, Thụy An liên lạc với Hồ Hữu Tường, cổ động cho báo Đông Phương và Thuyết Trung Lập Chí. Về cuốn tiểu thuyết Một Linh Hồn, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan nhận định trong tờ Nhà Văn Hiện Đại như sau: ...Một Linh Hồn chính là một tiểu thuyết tình cảm, tác giả Thụy An lại vốn là một nhà thơ, Hàn Mặc Tử Đã đem vào thi ca Việt Nam lòng tin tưởng ở đạo Gia Tô với một giọng say sưa, đầm ấm. Thụy An đã xây dựng cho tiểu thuyết của bà, có những nhân vật tin cậy ở Đấng Cứu Thế, ở Đức Mẹ Đồng Trinh và sẵn lòng nhịn nhục hy sinh. Hãy đọc bà diễn tả những tin tưởng êm đẹp của người con gái dòng Thức Đường:

...Trên bàn thờ Chúa và những bàn thờ nhỏ xung quanh. Vài ngọn nến le lói trong bóng nửa tối, nửa sáng, ánh nến dập dờn làm linh động những pho tượng, những bức tranh. Mặt Đức Bà như càng lúc càng rầu rĩ thêm và cứ dần dần sát xuống mặt Vân, và hai bàn tay mềm dẻo của người thường chấp lại nay từ từ rời ra và đang xoa trên cái trán nóng bừng và rạo rực của Vân. Vân tưởng hít thấy cái hơi thở thiêng liêng của người và nghe người thì thảo như một cơn gió: Hỡi con, hãy đem nỗi đau khổ gửi vào lòng ta đây...Vân ngả hẳn đầu, tựa vào bức tượng mà bấy giờ Vân mơ màng thấy âm ấm như tựa vào ngực Đức Bà...

Một câu chuyện bắt đầu giữa nguồn an ủi và nỗi đớn đau cực điểm, và Vũ Ngọc Phan kết luận: Một Linh Hồn đáng kể là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay, tác giả đã giàu tưởng tượng, lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn.

Thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, theo lời khuyên của Nguyễn Hữu Đang, Thụy An không lộ mặt trên báo, Tuy vậy, cuốn sách của nhà xuất bản Sự Thật có nói đến 2 bài viết của bà: Bích Xu Va và Trường Hợp Tòng Quân của Thiếu Úy Lâm. Thụy An thường ra vào hội nhà văn, mặt sát chế độ bản cùng hóa nhân dân và Thụy An liên lạc, giúp đỡ quần áo, tiền bạc cho Văn Nghệ Sĩ. Thụy An có một ảnh hưởng lớn đối với họ. Trong bản tự kiểm điểm, Lê Đạt viết về Thụy An: Mỗi lần ở nhà Thụy An ra, là mỗi lần tôi thấy mình tài giỏi thêm, và chán nản thêm, lòng tin tưởng của tôi mất dần khi Thụy An nói đến những con người không đất đứng và tôi cũng tự hỏi đất đứng của mình ở đâu ? Không chịu đi chỉnh huấn, Thụy An bị bắt giam vào Hỏa Lò Hà Nội.

Người được nêu tên hàng thứ nhì trong vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm ngay sau tên Thụy An là Nguyễn Hữu Đang với cái tựa: Tên quân sự quạt mo với lời buộc tội nặng nề và thô thiển. Nguyễn Hữu Đang quê ở Thái Bình, ông tham gia những phong trào ái quốc rất sớm. Trước năm 42, ông hoạt động trong phong trào truyền bá quốc ngữ. Năm 42 tham gia văn hóa cứu quốc, ngay từ 45, Nguyễn Hữu Đang đã liên lạc mật thiết với Trần Thiếu Bảo, sau này là chủ nhà xuất bản Minh Đức. Trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến, Nguyễn Hữu Đang tổ chức thanh niên xung phong và sau đó làm thanh tra bình dân học vụ. Năm 47, ông mới chính thức vào đảng, năm 51 ly khai đảng và lên tiếng đả kích đường lối của đảng.

Theo lời buộc tội, thì Nguyễn Hữu Đang là linh hồn của tờ Nhân Văn, ông tìm tiền, kiếm giấy, thu xếp việc ấn loát và viết bài, nhưng lại ký tên người khác, che lấp những nguồn tài chính, những người cung cấp phương tiện bằng hình thức nêu danh những người góp tiền in báo có 1 nhân lên gấp 10. Trong bản tự kiểm điểm, Trần Dần viết về Nguyễn Hữu Đang: Nếu không có Đang, không ai có thể tập hợp anh em được, sẽ không những tham luận đề nghị gặp trung ương, cũng không có tờ Nhân Văn. Nguyễn Hữu Đang chủ trương tranh đấu triệt để và trực tiếp. Nhân lớp

học 18 ngày do hội Văn Nghệ tổ chức, ông đọc bản tham luận đả kích đường lối văn nghệ lãnh đạo đảng. Nguyễn Hữu Đang không chịu đi chỉnh huấn, bị bắt giam ở Hỏa Lò.

Trần Thiếu Bảo xuất thân trong một gia đình giàu có ở Thái Bình. Sau này mở nhà sách Minh Đức sau trở thành nhà xuất bản, trước ở Thái Bình, năm 54 dời về Phố Phan Bội Châu Hà Nội. Trần Thiếu Bảo không theo cách mạng ngay từ đầu, và ông có tiếng là mạnh thường quân đối với Văn Nghệ Sĩ. Cùng với Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, ông tổ chức lễ kỷ niệm Vũ Trọng Phụng khi ấy Vũ Trọng Phụng chưa được vinh thăng như bây giờ. Nhà xuất bản Minh Đức lợi dụng chuyện khai thác vốn cổ để tái bản những sách của Tự Lực Văn Đoàn như Tiêu Sơn Tráng Sĩ... Nhà xuất bản Minh Đức cũng là trụ sở các cuộc họp báo Nhân Văn, in giai phẩm Đất Mới. Trần Thiếu Bảo xuất tiền bạc phương tiện in ấn và phát hành.

Ba Giáo Sư Đại Học đã tham gia phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm là Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, cả ba đều bị cắt chức và bị quản thúc gần như hết đời.

Trương Tửu là Nhà Phê Bình, Nhà Văn, Giáo Sư Đại Học và Lý Thuyết Gia. Trương Tửu bước vào làng văn với loạt bài phê bình những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn trên báo Loa, Hà Nội năm 1935. Ông còn là tác giả của những tập tiểu thuyết tranh đấu và xã hội. Khi mặt trận dân chủ của Việt Minh bắt đầu phát động, ông đã viết bài đả kích mặt trận trên các báo Quốc Gia, và Thời Thế. Trương Tửu tuyên bố: Văn nghệ không làm chính trị để giữ độc lập của trí thức. Cùng với Nguyễn Đức Tùng ông thành lập nhóm Hàn Thuyên. Nhóm Hàn Thuyên theo chủ chương cộng sản Đệ Tứ in những sách của Lương Đức Thiệp, Nguyễn Bách Khoa, Thái Văn Tam, Nguyễn Tế Mỹ, Lý Hải Âu... Ngày 10.9.45, Trương Tửu cho xuất bản cuốn Tương Lai Văn Nghệ Việt Nam, và mượn lời của André Gide khuyên các Văn Nghệ Sĩ hãy gieo rắc vào tâm trí mọi người chất men bất phục tùng và phản kháng. Tuy vậy, ông cũng đi theo kháng chiến theo trào lưu trong 9 năm trời.

Về hoạt động của Trương Tửu trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, Hoài Thanh tố cáo:

Trong 3 tập giai phẩm liên tục, nó (tức Trương Tửu) đả kích thậm tệ vào cán bộ đảng phụ trách công tác văn nghệ, phủ nhận tính Mác xít, tính vô sản của đảng... Bàn sĩ Nguyên viết: ...Tửu đã nói gì khi giảng dậy Tửu đã vu khống đảng là hiện tượng tha hóa, Trường Đại Học có đảng trị, có đảng cụ thể và có đảng trừu tượng. Cụ thể bao giờ cũng có sai lầm, vậy mỗi giai đoạn cần có một đảng mới. Tửu gây ý thức thoát ra sự lãnh đạo của đảng cụ thể là tấn công vào cán bộ đảng, Tửu đề cao Vũ Trọng Phụng để nói rằng không có đảng lãnh đạo nhà văn vẫn viết được những tác phẩm có giá trị...

Trần Đức Thảo nổi tiếng về tài học, đỗ đầu vào Trường Normal Supérieur ở Pháp năm 1936, Thạc Sĩ Triết Học. Trong thời kỳ ở Pháp, ông cộng tác với Jean Paul Sartre tham gia nhóm Les temps modernes. Sau này ông kiện Sartre về cuốn sách viết chung mà Sartre không muốn xuất bản. Năm 44, 45 ông hoạt động cho Hội Việt Kiều theo lời buộc tội của Phạm huy Thông. Khi phái đoàn Việt Minh sang Pháp năm 46, Trần Đức Thảo đả kích phái đoàn, cho chính sách ngoại giao của Việt Minh là đầu hàng và phản bội, đảng cộng sản Pháp có đầu óc để quốc thực dân. Trần Đức Thảo chống lại hiệp định sơ bộ 6.3.46. Năm 49, tại đại hội hòa bình thế giới ở Paris, Trần Đức Thảo lên tiếng cảnh báo đại biểu Liên Xô và đại biểu Pháp là phản bội các dân tộc thuộc địa. Năm 51, Trần Đức Thảo về nước, năm 56 tham gia phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm. Sau khi Nhân Văn bị cấm, Trần Đức Thảo vẫn tiếp tục hoạt động, che chở và giúp đỡ các sinh viên. Ông mở diễn đàn tự do ở Đại Học để truyền bá tinh thần tự do dân chủ. Hai bài viết quan trọng của ông trong thời kỳ Nhân

Văn-Giai Phẩm là bài: Nội dung xã hội và hình thức Tự Do đăng trong Giai Phẩm Mùa Đông, Tập 1. Năm 56, lên án sai lầm trong cải cách ruộng đất là bài: Nỗ Lực Phát Triển Tự Do Dân Chủ, đăng trên Nhân Văn số 3 tháng 10 năm 1956, được coi như một đề cương đấu tranh cho tự do dân chủ của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm. Trần Đức Thảo viết: ...Cái tự do, mà họ, những người lao động trí thức và chân tay muốn phát triển là tự do của toàn dân phê bình lãnh đạo. Cái tự do đó là quyền của người công dân đã được hoàn toàn công nhận và bảo đảm trong chế độ ta. Tự do không phải là cái gì đó có thể ban ơn. Người trí thức hoạt động văn hóa cần tự do như cần khí trời để thở, có tự do thì mới đầy mạnh được sáng tác văn nghệ, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu cầu cần thiết đồng thời là nhiệm vụ số 1 của người trí thức cũng như của toàn dân. Hình thức tự do là tự do cá nhân, cá nhân phục tùng tập thể, nhưng tập thể cũng có cá nhân xây dựng. Xét đến tình hình thế giới mới đây, Lý tưởng của tự do cá nhân là lý tưởng của những ngày tiến tới. Lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản bắt đầu thành một thực tế ở Liên Xô...

Học Giả Đào Duy Anh đóng góp tiếng nói của mình trong Giai Phẩm Mùa Thu tập 3 năm 56 với bài: Muốn phát triển học thuật. Nội dung phân tích những sai lầm trong nguyên tắc dùng chính trị để lãnh đạo học thuật, ông viết: ...Sự xâm phạm của những cán bộ chính trị vào địa hạt chuyên môn, cố nhiên là rất trở ngại cho công tác chuyên môn, nhất là công tác nghiên cứu khoa học. Cái điều kiện không thể thiếu được để cho học thuật phát triển là tự do tư tưởng, tự do thảo luận. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh 2 hình thức hạn chế tự do tư tưởng tác hại nặng nhất đối với học thuật là bệnh giáo điều, và biến chứng của nó là bệnh sùng bái cá nhân. ở nước ta, thì các bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại còn trầm trọng hơn khiến người ta vô luận bàn về vấn đề gì đều cũng phải bắt dẫn những đề án của Marx, Angel và Lenin, hoặc những ý kiến của Stalin hay các lãnh tụ khác. Bệnh giáo điều và bệnh sùng bái cá nhân, lại dẫn đến cái hệ tư tưởng độc tôn, hễ thấy ai có ý kiến gì vượt ra ngoài những công thức cũ, những khuôn khổ sẵn có, thì người ta chụp cho ngay những cái mũ để sợ như danh hiệu cải biến chủ nghĩa chẳng hạn để bịt mồm, bịt miệng người khác.

Tư tưởng không tự do thì không thể tự do thảo luận, mặc dù không ai cấm tranh luận, các nhà lãnh đạo vẫn thường nói nên mở rộng tranh luận, nhưng trong thực tế thì sự tranh luận đã bị thủ tiêu từ gốc rễ. Nghiên cứu hay nghị luận 1 vấn đề gì, người người chỉ nơm nớp lo sợ, không khéo thì trật ra ngoài đường lối tư tưởng chính thống độc tôn. Đối với những người ấy công tác học thuật trở thành trò xiếc leo giây. Con đường học thuật là con đường cái thên thang cho mọi người tự do đi lại chứ không phải là sợi giây căng cho người làm xiếc. Phải trừ bỏ những bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân để trả lại tự do cho học thuật.

Trong phần cuối về Nhân Văn-Giai Phẩm, chúng tôi xin giới thiệu với quý vị vài nét phác họa về 3 Nhà Thơ: Trần Dần, Hoàng Cầm và Lê Đạt, 3 người trong nhóm tiên phong của phong trào hoạt động từ thời kỳ trong bộ đội và cũng là 3 tên tuổi được nhắc nhở nhiều nhất trong cuốn sách của nhà xuất bản Sự Thật. Trần Dần là 1 trường hợp đặc biệt quả cảm, bất phục tùng và đã chịu sự trừng phạt nặng nề nhất. Hăng say theo kháng chiến từ thời Điện Biên, Trần Dần viết Người Người Lốp Lốp. Năm 54 yêu 1 người con gái thuộc thành phần tiểu tư sản ở Phố Sinh Từ, gia đình đã di cư vào Nam. Bất chấp sự ngăn cấm của đảng, Trần Dần vẫn kết hôn với người yêu. Đầu năm 1955 cùng với Hoàng Cầm, Lê Đạt, Tử Phác chủ trương việc phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu và phản đối chính sách cai trị trong quân đội, Trần Dần bị kiểm thảo và bị bắt giam. Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời vào tháng 3 năm 1956 in bài Ông Bình Vôi của Lê Đạt, Cái Chổi Quét Rác Rưởi của Phùng Quán và bài thơ Nhất

Định Thắng của Trần Dần. Đây là bài trường ca tha thiết và u uẩn về số phận của đất nước và con người, nói lên cái hận chia đôi đất nước:

Trời vẫn quần muôn vàn tầng gió
Bắc Nam ơi đứt ruột chia đôi
Tôi cúi xuống qui xin mưa bão
Chớ đổ thêm lên đầu họ, khổ nhiều rồi

.....
Ôi xưa nay người vẫn thiếu tin người
Người vẫn thường kinh hoàng trước tương lai

Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu, Trần Dần bị kiểm thảo nặng nề và bị bắt giam vào Hỏa Lò Hà Nội. Trần Dần lấy dao cứa cổ tự vận nhưng không chết. Mấy tháng sau, đảng phát động phong trào sửa sai, Giai Phẩm Mùa Thu và Nhân Văn số 1 ra đời, Phan Khôi viết bài Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ, bên vực Trần Dần. Trong Nhân Văn số 1, ngoài bức chân dung của Trần Dần do Nguyễn Sáng vẽ, với vết sẹo ở cổ, còn có bài viết tha thiết của Hoàng Cầm về con người Trần Dần. Đảng xét lại trường hợp của Trần Dần, Trần Dần được thả và hội Văn Nghệ phải viết bài tự kiểm thảo đăng trên các báo. Đến cuối năm 57, báo Văn in bài Hãy Đi Mãi của Trần Dần, tính cách tranh đấu quyết liệt hơn:

Tôi có thể mặc thay ngàn tiếng chửi tục tằn
Trừ tiếng chửi sống không sáng tạo...

Trong bài tự kiểm thảo, Trần Dần viết về hoạt động của mình: ...[“Những sáng tác của tôi đều là cái loại đả kích vào các chính sách của đảng cả. Nếu đọc cả một đồng như thế, người ta sẽ cảm thấy sự lãnh đạo của đảng là một sự ngọt ngào không thể nào sống nổi. Người sáng tác phải có quyền và có gan như nhà viết sử thời xưa, vua chém đi sáu người đến người thứ bảy vẫn chép sử đúng như sự thật, vua đành chịu vậy. Riết bây giờ lẽ nên làm xô đổ thôi, tức là đả kích xen ca ngợi thì lãnh đạo cũng phải bằng lòng, tôi hay nói với anh em, võ phải kín mới được, trước hở quá rồi, đấu tranh bộ đội, giai phẩm Mùa Xuân, Nhân Văn đều mạnh động cả, chỉ có chui vào sáng tác, tức là cái xác chủ dẫn nhất đánh cũng không chết...”](#)

Hoàng Cầm sinh năm 1921, tại Hải Dương. Trước kháng chiến, Hoàng Cầm nổi tiếng trong văn đàn với ba vở kịch thơ: Viễn Khách, Kiều Loan, và Lên Đường. Thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, cùng với Trần Dần và Lê Đạt, Hoàng Cầm là những trụ cột của tờ Nhân Văn và Giai Phẩm, những sáng tác của ông trong thời kỳ này được in lại trong cuốn sách của hội báo chí có hai bài là bài thơ Em Bé lên sáu tuổi nói về hoàn cảnh đau thương của một em bé con địa chủ, bố bị đấu tố, mẹ bỏ đi Nam: “Chi đội bỗng lùi lại nhìn đứa bé mồ côi cố tìm vết thù địch, chỉ thấy một con người...” và Kịch Thơ Tiếng Hát Trương Chi mượn hình ảnh tiếng hát để nói về nghệ thuật và khẳng định “...không thể cưỡng bức được nghệ thuật”. Bài Con Người Trần Dần được George Boudarein dịch ra tiếng Pháp.

Lê Đạt là người chủ trương đổi mới tư duy Văn Học, đổi mới thơ ngay từ thời Nhân Văn-Giai Phẩm. Chủ trương này được Tố Hữu gắn cho biệt hiệu: “Cái thùng sắt tây Lê Đạt” và Xuân Diệu viết bài “Những biến hóa của chủ nghĩa cá nhân tư sản qua thơ Lê Đạt”. Qua bài tự kiểm thảo, Lê Đạt xác nhận: Tôi tham gia Nhân Văn với ý thức là người lãnh đạo lý luận của tờ báo, vì tôi cho tôi vững vàng hơn Nguyễn Hữu Đang. Ban Biên Tập lúc gồm có bốn người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cầm và tôi. Để tấn công quan điểm vô sản chuyên chính của đảng, tôi vận động Thanh Châu viết bài Mậu Dịch, tôi góp ý, vẽ tranh một người đeo chân cho vừa giày mậu dịch. Nhân Văn bị đóng cửa, nhưng tư tưởng Nhân Văn, tư tưởng chống đối vẫn chưa hết. Sau một thời gian các báo ngớt đánh, tình hình trở lại bình

thường, chúng tôi lại vẫn gặp nhau đả kích, cho là độc đoán. Thơ Lê Đạt có những lời lẽ rất tiên tri:

Lịch sử vẫn muôn đời duyệt lại

Không ai lừa được cuộc đời...

Khuôn mặt Văn Học tiêu biểu sau cùng mà chúng tôi gọi lại và tưởng niệm là Phan Khôi. Phan Khôi, bút hiệu Trương Dân, Nhà Thơ, Nhà Văn, Nhà Phê Bình, Nhà Báo, Nhà Biên Khảo, là một trong những cây bút tiên phong sắc và dạn nhất của Văn Học Việt Nam cùng thời với Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Tố, Đào Duy Anh. Phan Khôi sinh năm 1887 tại Quảng Nam, mất năm 1959, cháu ngoại của Hoàng Diệu. Năm 1907, Phan Khôi ra Hà Nội tham gia Phong Trào Đông Kinh Nghĩa Thục và viết cho tạp chí Nam Cổ Tùng Báo, ít lâu sau, Phong Trào bị khủng bố, Phan Khôi trở lại Quảng Nam, hoạt động trong phong trào Văn Thân cùng với Huỳnh Thúc Kháng. Bị Pháp bắt, ông học tiếng Pháp trong tù. Năm 1914, ra tù, ông làm nghề viết báo.

Trong nửa thế kỷ từ Bắc chí Nam, ngọn bút sắc bén của Phan Khôi tung hoành trên các báo Nam Phong, rồi Lục Tỉnh Tân Văn, Đông Pháp Thời Báo, Thần Chung, Phụ Nữ Tân Văn, Trung Lập, Thực Nghiệp Dân Báo...

Tác phẩm đầu tiên của Phan Khôi là tập Nam Âm Thi Thoại ra đời năm 1920 ở Hà Nội, đến năm 1936 tái bản tại Huế. Bài thơ Tình Già của Phan Khôi đăng lần đầu tiên trên báo Phụ Nữ Tân Văn tháng 3 năm 32 được coi như bài thơ mở đường cho phong trào thơ mới. Là Nhà Hán Học, lý luận khúc chiết và đanh thép theo phương pháp Tây phương, những bài bút chiến của Phan Khôi với Hải Triều gây không khí sôi nổi trên văn đàn những năm 1930. Không có người nào xứng đáng hơn Phan Khôi về kiến thức cũng như về tài năng trong vai trò Ngự Sử Văn Đàn.

Trong thời kỳ Nhân Văn-Giai Phẩm, ông đứng tên Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút tờ Nhân Văn, để bao che cho các cây bút trẻ. Trong bài Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ trong Giai Phẩm Mùa Thu tập 1 với tác phong Ngự Sử Văn Đàn, ông chỉ trích Trường Chinh ăn nói bừa bãi, chấp vắn gắt gao **Tổ Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi. Những người chủ chốt trong vụ kết tội Trần Dần**. Sau khi tách bạch hai giai cấp lãnh đạo văn nghệ và quần chúng văn nghệ, Phan Khôi nhắm ba tiêu đề:

Thứ nhất vấn đề tự do của Văn Nghệ Sĩ, sau những dẫn chứng những trường hợp cụ thể về việc lãnh đạo nghiệt ngã bắt bẻ người viết phải theo đúng đường lối. Phan Khôi hỏi lãnh đạo: Chính trị muốn đạt đến cái đích của nó, thì cứ dùng khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị không được hay sao mà phải cần dùng đến văn nghệ? Rồi ông cảnh cáo: Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật, vào Văn Nghệ Sĩ.

Về vụ Giai Phẩm Mùa Xuân. Phan Khôi chất vấn ban chủ tọa hội văn nghệ: **Hỏi độc tội một Trần Dần thôi là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hóa những người trong Giai Phẩm, cái ngón ấy đã thành công. Tôi còn nhớ có vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ Người viết hoa, lấy lẽ rằng chữ Người viết hoa chỉ để xưng Hồ Chủ Tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ Người không phải để xưng hô Hồ Chủ Tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng ở chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rộng nọ, ông Lê Ngổ tổ cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngai vàng: Trong phép viết chỉ có chữ nào thuộc về Hoàng Thượng mới phải đại, thế mà tên Nguyễn Mỗ viết thư cho bạn dám xài những chữ không phải thuộc về Hoàng Thượng. Nhân may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình đang ngồi trong phòng họp của hội văn nghệ...**

Truyện Ông Bình Vôi của Phan Khôi đăng trong Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1 ngẫu hứng từ bài thơ Ông Bình Vôi của Lê Đạt. Phan Khôi viết để bênh vực Lê Đạt, đồng thời nhạo báng lãnh tụ, gọi lãnh tụ là ông cọp, ông trưởng, ông đầu rau... Trong

bài Ông Năm Chuột Phan Khôi đòi trả văn nghệ cho văn nghệ, chuyên môn cho chuyên môn, ông nhấn lãnh đạo qua lời người thợ bạc rằng: Người ta cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi...

Theo bài viết của Đoàn Giỏi, đăng trên báo Văn Nghệ số 15.8.58 thì tháng 12 năm 57, Phan Khôi đưa đến nhà xuất bản Hội Nhà Văn một tập bản thảo dày, bên ngoài đề hai chữ Nắng Chiều gồm nhiều bài bút ký, tạp văn, viết từ đầu kháng chiến Việt Bắc đến năm 57. Đoàn Giỏi trích những đoạn bài viết của Phan Khôi cố ý đã phá, đồng thời cho độc giả biết những nét đại cương của tác phẩm. Ngay trong hai bài đầu tựa đề Cầm Vịt và Tiếng Chim, Phan Khôi đã khẳng định: Xã hội không có đấu tranh giai cấp, của ai người nấy ăn. Vấn đề đấu tranh giai cấp chỉ là rình phần của kẻ khác. Về bài viết Cây Cọng Sắn, Đoàn Giỏi tự hỏi tại sao Phan Khôi lại đem cây cứt lợn cũng gọi là cây chó đẻ và bỏ xít toàn những tên không nhấ tí nào hết để gọi nó là cây cọng sắn...Đến bài giới thiệu Nguyễn Trường Tộ, Phan Khôi viết: **...Vua thì như thế, còn đám quan liêu từ triều đình đến các tỉnh phần nhiều là hủ nho, dưới vua, hai hạng người này nắm quyền lợi một nước trong tay, họ cấu kết với nhau để giữ lấy quyền lợi thì còn ai mà làm gì được.** Đoàn Giỏi bị kiểm thảo về tội **"...vờ đã kích Phan Khôi để công bố nét đại cương của một tác phẩm bị cấm"**. Bản thảo tập Nắng Chiều hiện nay ở đâu, còn hay mất, đó là công việc của những nhà sưu tầm và nghiên cứu văn bản học, trách nhiệm trước hết với Phan Khôi và sau nữa với Văn Học Việt Nam.

Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm là một cuộc tranh đấu lớn lao của trí thức và Văn Nghệ Sĩ nhằm mục đích dân chủ hóa và canh tân đất nước về mọi mặt chính trị, kinh tế, pháp luật, xã hội văn hóa tư tưởng. Chính quyền miền Bắc đã dập tắt phong trào, chính quyền miền Nam đã lợi dụng phong trào để làm vũ khí tuyên truyền chống cộng, đất nước đã rơi vào cảnh xáo trộn, chiến tranh, lạc hậu, và chuyên chính trong gần nửa thế kỷ qua. Trở lại hồ sơ Nhân Văn-Giai Phẩm, tìm lại những văn bản bị tịch thu, thất lạc là trách nhiệm của người làm Văn Học Nghệ Thuật, trách nhiệm đối với dĩ vãng và để rút tỉa bài học cho hiện tại và tương lai.

---oOo---

PHỤ LỤC II

VĂN CHƯƠNG ĐỐI KHÁNG TRƯỜNG HỢP NHÂN VĂN-GIAI PHẨM

Trần Gia Phụng

Nhân Văn-Giai Phẩm là tên của hai đặc san xuất bản vào đầu năm 1956 tại Hà Nội, đã đăng những bài báo bị chế độ cộng sản kết án là đối kháng và không chấp nhận sự "lãnh đạo văn nghệ" của đảng...Chẳng những hai đặc san này bị đóng cửa mà các tác giả bị đấu tố, kết án và có người không chịu khuất phục nên bị tù giam suốt đời. Để hiểu rõ câu chuyện, hãy thử bắt đầu từ tổng quan hoàn cảnh nảy sinh ra vụ án văn chương đối kháng này.



I.- TỔNG QUAN

1.- CHÍNH SÁCH VĂN HÓA CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chế độ cộng sản Việt Nam là chế độ độc tài toàn trị, theo mẫu mực của chế độ cộng sản Liên Xô và cộng sản Trung Hoa, tức độc tài về mọi mặt, mọi sinh hoạt, như chính trị, kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, tôn giáo, tư tưởng, thông tin, báo chí...

Về giáo dục, chính sách giáo dục của Việt Minh do Nguyễn Khánh Toàn (1905-1993) đưa về từ Liên Xô. Nguyễn Khánh Toàn là thứ trưởng bộ giáo dục trong chính phủ Việt Nam ngày 3.11.1946. Tuy chỉ là thứ trưởng, nhưng Nguyễn Khánh Toàn nắm thực quyền trong bộ giáo dục, còn bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền chỉ làm bù nhìn mà thôi. Nguyễn Khánh Toàn, có tên Nga là Minin, đã từng học tại Học viện thợ thuyền Đông phương (Université des Travailleurs d'Orient) ở Moscow (Liên Xô) từ năm 1928 đến năm 1931.

Nguyễn Khánh Toàn ứng dụng triết lý giáo dục của Liên Xô, gọi là “giáo dục phục vụ nhân dân” hay “giáo dục phục vụ chính trị”. Đó là nền giáo dục nhằm mục đích trên lý thuyết là phục vụ nhân dân, phục vụ công nhân lao động, nhưng trên thực tế là phục vụ chính trị, tức phục vụ chế độ do đảng cộng sản lãnh đạo. (1)

Giáo dục học đường nhằm mục đích phục vụ chính trị, phục vụ chế độ, thì chính sách văn hóa cũng không ngoài mục đích này. Khi chiến tranh xảy ra vào cuối năm 1946, dựa vào lý do phục vụ công cuộc kháng chiến chống Pháp, Việt Minh kiểm soát chặt chẽ tất cả các sinh hoạt văn hóa. Sách báo, thơ nhạc, kịch nghệ ở vùng Việt Minh rất hạn chế, chỉ xoay quanh chủ đề kháng Pháp, chiến thắng giặc “Tây”, và chủ đề nông nghiệp. Những nội dung lãng mạn bị hạn chế, bị kiểm điểm và dần dần hầu như bị cấm đoán.

Sau hiệp định Genève (20.7.1954), đất nước bị chia hai ở sông Bến Hải, ngang qua vĩ tuyến 17. Đảng lao động và Hồ Chí Minh cai trị phía Bắc (Bắc Việt). Hồ Chí Minh tiếp tục chính sách kiểm soát văn hóa, giới hạn các sinh hoạt văn hóa trong đường lối đảng.

Cần chú ý là cộng sản chỉ xem hiệp định Genève (20.7.1954) là cơ hội tạm thời hưu chiến, nghỉ dưỡng sức, và cài người ở lại miền Nam, “trường kỳ mai phục”, chuẩn bị tiếp tục chiến tranh chống miền Nam. (2) Sau năm 1954, để chuẩn bị gởi quân xâm lăng miền Nam, cộng sản Bắc Việt tìm cách ổn định tuyệt đối hậu cứ ở miền Bắc.

Lúc cộng sản mới tiếp thu miền Bắc, về phương diện chính trị, Hồ Chí Minh và đảng lao động quyết áp đặt trên toàn miền Bắc chế độ độc tài đảng trị theo chủ thuyết Mác-Lê, khác hẳn với truyền thống văn hóa và chính trị của người Việt từ trước đến nay. Đảng lao động đã đưa ra kế hoạch chiến lược dài hạn: Quản lý chặt chẽ dân số toàn quốc, áp đặt nền kinh tế chỉ huy, và quản lý văn hóa tư tưởng theo đường lối cộng sản.

Về trị an xã hội, tháng 9.1955, nhà nước cộng sản ra lệnh “quản lý hộ khẩu”, theo bài bản của Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Tất cả công dân đều phải có sổ hộ khẩu [sổ gia đình] do công an địa phương cấp. Sổ hộ khẩu buộc chặt người dân ở yên một chỗ, rất khó xin chuyển đổi nơi cư trú. Nhà cầm quyền cộng sản dùng sổ hộ khẩu kiểm soát dân chúng, bắt lính dễ dàng. Không một thanh niên nào dám trốn tránh “nghĩa vụ quân sự”, vì nếu không thi hành chính sách của nhà nước, sổ hộ khẩu sẽ bị tịch thu, thì gia đình sẽ không còn cách gì làm ăn sinh sống được nữa.

Về kinh tế, đảng lao động theo con đường kinh tế chỉ huy của Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Trước hết, cộng sản Việt Nam nhắm ngay đến thành phần đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam là nông dân. Cộng sản tiếp tục thi hành Cuộc Cải Cách Ruộng Đất đợt 5 từ tháng 6.1955 cho đến tháng 7.1956, một cách gay gắt sát máu hơn các cuộc cải cách trước, tổ chức đấu tố rừng rợn, hủy hoại cấu trúc hạ tầng cơ sở, triệt hạ toàn bộ các hào mục lãnh đạo xã thôn cũ để

thay bằng lớp cán bộ cộng sản mới. Cuộc Cải Cách Ruộng Đất lần này giết hại 172,008 người. (3)

Tại thành phố, đối với các ngành sản xuất và thương mại, nhà nước cộng sản cho thi hành kế hoạch công tư hợp doanh. Dưới chế độ cộng sản, công tư hợp doanh có nghĩa là tư nhân đưa tài sản riêng của mình, tức là cơ sở riêng mình đang đầu tư, vào hợp doanh với nhà nước. Tất cả mọi doanh gia đều phải vào công tư hợp doanh. Ngày 24.11.1955, ban bí thư trung ương đảng lao động ra lệnh thiết lập hợp tác xã mua bán ở nông thôn và hợp tác xã tiêu thụ ở các thành phố, (4) nắm toàn bộ việc lưu thông và phân phối hàng hóa trong cả nước.

Về phương diện thông tin và văn hóa, ngay khi vừa về Hà Nội ngày 15.10.1954, Hồ chí Minh và nhà cầm quyền cộng sản đưa ra một số quy định nghiêm cấm báo chí trong tháng 10.1954, đại để là: “Không được chống chính phủ và chế độ, không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn, không được nói xấu các nước bạn, không được tiết lộ các bí mật quân sự, không được đăng bài vở có phương hại đến thuần phong mỹ tục”. (5) Đây là bước đầu quản lý văn hóa tư tưởng giới trí thức văn nghệ sĩ thành phố.

2.- TÂM TÌNH GIỚI TRÍ THỨC VÀ VĂN NGHỆ SĨ BẮC VIỆT SAU 1954

Giới trí thức và văn nghệ sĩ chân chính là những người nhạy bén trước những hiện tượng xã hội và chính trị, nhất là vấn đề tự do dân chủ. Trong thời gian chiến tranh, giới trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc sống phân tán khắp nơi. Vì tinh thần đoàn kết, vì lý tưởng dân tộc, trong thời gian chiến tranh, các trí thức, văn nghệ sĩ đều nhẫn nhục, chấp nhận đặt mình vào kỷ luật, để cùng nhau đoàn kết chống Pháp. Cần chú ý, trước khi theo Việt Minh, họ là những người đã từng sinh sống ở các thành phố và hấp thụ tinh thần tự do dân chủ của nền văn hóa Pháp.

Sau khi hòa bình được tái lập, giới trí thức và văn nghệ sĩ tập trung về Hà Nội, nên có cơ hội gặp nhau để bàn bạc, trao đổi kinh nghiệm, và so sánh những hứa hẹn của Hồ chí Minh và đảng lao động trước kháng chiến với thực tại xã hội mới sau năm 1954. Dưới chế độ mới của cộng sản Hà Nội, người nghệ sĩ chẳng những cảm thấy cay đắng vì bất công xã hội, mà còn bị mất tự do, nhất là tự do tư tưởng và sáng tác. Họ bị bắt buộc phải theo sát giáo điều Mác xít và đường lối chính sách của nhà nước, đến nỗi có người đã phát biểu: “Hai năm hòa bình, chúng ta thấy nhiều nhà văn (trước kia) có tài, (ngày nay) bị buộc chặt vào địa vị, bằng những sợi lụa có tầm độc. Tác phẩm của họ (ngày nay) chỉ là chỉ thị, kế hoạch, công văn, thông cáo...” (6)

Chính lối viết văn như thông cáo, làm thơ theo chỉ thị, đã gây dị ứng nơi những văn nghệ sĩ chân chính, nhất là khi đọc những bài thơ đại loại như:

“...Sta-lin! Sta-lin!

Yêu biết mấy, nghe con tập nói

Tiếng đầu lòng, con gọi Sta-lin! ...”

(Tố Hữu, “Đời đời nhớ ông”, viết năm 1953) (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 200)

Hoặc:

“...Mẹ xưa chăm cháo, chăm cơm,

Đảng nay nuôi nấng còn hơn mẹ hiền.

Bệnh từ đời cũ liên miên,

Đảng trong thức ngủ chăm liền sớm hôm...”

(Xuân Diệu, “Trước đây bốn tháng”, viết năm 1953) (7)

Trước tình hình như vậy, thi sĩ Hữu Loan nhận xét:

“...Một điều đau xót,

Trong chế độ chúng ta

*Trong chế độ “Dân Chủ Cộng Hòa”
Những thằng nịnh hót còn thên thang đất sống...”*
(“Cùng những thằng nịnh hót”) (8)

Trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” đăng trên Giai Phẩm Mùa Thu, Tập 1 (Hà Nội, 1956), Phan Khôi chia giới văn nghệ sĩ lúc đó ở Bắc Việt thành hai giai cấp rõ rệt: Đó là “lãnh đạo văn nghệ” và “quần chúng văn nghệ”.(9) “Lãnh đạo văn nghệ” còn được gọi là những “ông quan văn nghệ” gồm những người viết văn theo lệnh đảng lao động, được đảng tin cậy và giao phó nhiệm vụ chỉ huy nền văn nghệ cộng sản.

Đứng đầu những “ông quan văn nghệ” là Tố Hữu, ủy viên trung ương đảng, Trưởng ban tuyên huấn trung ương. Thứ đến là những người đã giác ngộ sâu sắc sau phong trào chỉnh huấn, ngoan ngoãn vâng lệnh đảng lao động, và được lãnh đạo đảng tin dùng, như Hoàng xuân Nhị, Hoài Thanh (Nguyễn đức Nguyên), Nguyễn đình Thi, Nguyễn Chương, Hồng Chương, Hà xuân Trường, Chính Hữu, Như Phong (Nguyễn Minh Càn, sách đã dẫn, trang 83). Ngoài ra, phải kể thêm Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Thế Lữ. Nguyễn Tuân đã có lần can đảm tuyên bố một cách chua chát: “*Tao còn sống đến bây giờ là còn biết sợ!*” (10)

“Quần chúng văn nghệ” là những thành phần còn lại, yêu nước và yêu tự do dân chủ, không muốn bị gò bó trong khuôn khổ giáo điều và sự quản lý chỉ đạo của “lãnh đạo văn nghệ”. Thành phần quần chúng văn nghệ đông đảo hơn và hằng say tranh đấu cho tự do sáng tác. Họ không thể viết thẳng ra, nên chỉ nói bóng gió như Văn Cao trong bài thơ dài “*Những Người Trên Cửa Biển*”, đăng trên Giai Phẩm Mùa Thu tập 2, Hà Nội, tháng 10.1956:

*“...Những con bạch tuộc
Bao nhiêu tay chân gìm chết một con người
Đất nước đang lên da lên thịt
Đất nước còn đang nhỏ máu ngày ngày
Ta muốn gỏi cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm trong cuống
Chúng muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng
Mòn mỗi dần sức vỡ đất khai hoang
Làm rộng những con người, lùi dần niềm hy vọng
Héo dần mầm sáng tạo, mất phẩm giá con người....”*
(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 225.)

3.- NHỮNG NHÀ VẬN ĐỘNG

Trước khi những văn nghệ sĩ Hà Nội thực sự cùng nhau bắt tay vào việc tranh đấu đòi hỏi tự do văn nghệ năm 1956, đã có nhiều nhà hoạt động văn hóa vận động, yểm trợ và thúc đẩy các văn nghệ sĩ trong việc đưa ra tiếng nói trung thực của mình để phản kháng chế độ cộng sản can thiệp thô bạo vào nền tự do tư tưởng. Đó là Nguyễn Hữu Đang, Thụy An Lưu Thị Yến, Trần Thiếu Bảo, Hoàng Cầm và Trần Dần.

Nguyễn Hữu Đang quê ở Thái Bình, tham gia những phong trào ái quốc rất sớm. Trước năm 1942, ông hoạt động trong phong trào “*Truyền bá quốc ngữ*”. Có thể trong thời gian này, ông đã tiếp xúc với Việt Minh nên được Việt Minh phân công tham gia “*Hội văn hóa cứu quốc*” năm 1942. Khi Việt Minh cướp chính quyền năm 1945, tại Hà Nội, ông rất có uy tín trong giới trí thức, văn nghệ sĩ Hà Nội. Ông là trưởng ban tổ chức ngày lễ 2,9.1945 của Việt Minh tại Hà Nội, (11) và sau đó đã giữ chức thứ trưởng một bộ trong chính phủ Hồ chí Minh. (Nguyễn Minh Càn, sách đã dẫn, trang 77).

Nguyễn Hữu Đang gia nhập đảng cộng sản năm 1947, lúc đó đảng này hoạt động trong vòng bí mật, nhưng ông lại ra khỏi đảng năm 1951, và bắt đầu lên tiếng đả kích những sai trái của đảng. (12) Trong thời gian ở Thanh Hóa khoảng 1952-1953, Nguyễn Hữu Đang làm tổng thanh tra bình dân học vụ. Sau năm 1954, trung ương đảng lao động cho xe vào Thanh Hóa mời Nguyễn Hữu Đang ra Hà Nội, muốn nhận chức bộ trưởng nào thì nhận, mời sinh hoạt đảng trở lại, nhưng ông Đang đều khước từ. (13)

Nguyễn Hữu Đang là người đứng ra tập hợp anh em, vận động ra báo. Trong vụ Nhân Văn, Nguyễn Hữu Đang lo việc quyên góp tài chánh, chạy mua giấy in, sắp đặt chuyện ấn hành, lại còn viết nhiều bài ký tên khác. Cách gây quỹ của ông rất khéo léo nên được nhiều người ủng hộ. Trong đợt học tập của các trí thức và văn nghệ sĩ từ ngày 1.8 đến 18.8.1956 ở Hà Nội, Nguyễn Hữu Đang đọc một bài tham luận mạnh mẽ, đả kích đường lối lãnh đạo văn nghệ của đảng lao động.

Trần Thiếu Bảo: Nguyễn Hữu Đang quen thân với Trần Thiếu Bảo từ trước 1945. Trần Thiếu Bảo thuộc một gia đình giàu có ở Thái Bình. Ông mở nhà sách Minh Đức, vì vậy người ta còn gọi là ông Minh Đức. Sau nhà sách biến thành nhà xuất bản. Nhà xuất bản này cùng chủ lên chiến khu cho đến năm 1954 mới trở về Hà Nội.

Trong năm 1956, nhà xuất bản Minh Đức của Trần Thiếu Bảo đã đứng ra ấn hành các Giai Phẩm gồm có Giai Phẩm 1956 (sau này gọi là Giai Phẩm Mùa Xuân) Giai Phẩm Mùa Thu 1, 2 và 3, Giai Phẩm Mùa Đông, báo Nhân Văn từ số 1 đến số 6 (bị đóng cửa khi còn đang in), và Giai Phẩm Đất Mới (của sinh viên Đại Học Hà Nội, ra một số thì bị đình bản).

Thụy An Lưu Thị Yến là một nữ văn sĩ kỳ cựu, đã từng cộng tác với báo Phụ Nữ Tân Văn, (14) và là tác giả của tiểu thuyết Một Linh Hồn, mà theo nhà phê bình Vũ Ngọc Phan trong sách Nhà Văn Hiện Đại: “Một Linh Hồn đáng kể là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước cho đến nay, tác giả đã giàu tưởng tượng, lại xây dựng một cách vững vàng chắc chắn.” (15)

Thụy An thường đến sinh hoạt ở hội nhà văn, gặp gỡ nhiều văn nghệ sĩ. Bà là một nữ văn sĩ lớn tuổi kỳ cựu, trải qua nhiều trào lưu chính trị, có nhiều kinh nghiệm sống thực tế, lại rất hào phóng giúp đỡ anh em trong lúc khó khăn, nên bà được nhiều người quý mến. Bà phản đối chế độ cộng sản đã bần cùng hóa nhân dân, và bà khuyến khích giới văn nghệ nói lên tiếng nói lương tâm. Sau vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, trong bản tự kiểm, Lê Đạt viết về Thụy An như sau: “Mỗi lần ở nhà Thụy An ra là mỗi lần tôi thấy mình tài giỏi thêm và chán nản thêm, lòng tin tưởng của tôi mất dần khi Thụy An nói đến những con người không đất đứng và tôi cũng tự hỏi đất đứng của mình ở đâu?” (Thụy Khê, bài đã dẫn.).

Hoàng Cầm: Người đầu tiên vận động đòi hỏi tự do văn nghệ ngay từ lúc còn ở trong chiến khu có lẽ là Hoàng Cầm. Năm 1950, trong một hội nghị văn công tổ chức ở Việt Bắc, Hoàng Cầm, lúc đó phụ trách đoàn văn công quân đội khu Việt Bắc, đã phát biểu: “Đảng không nên nhúng tay vào chuyên môn của nghệ thuật”. Về Hà Nội sau khi hòa bình tái lập năm 1954, tuy được cử làm đoàn trưởng đoàn kịch tổng cục chính trị trong quân đội, Hoàng Cầm vẫn tiếp tục đòi hỏi tự do cho giới văn nghệ. Ông cùng với Trần Dần quyết tranh đấu cho việc cởi trói văn nghệ, nhưng thất bại nên ông xin ra khỏi quân đội và từ nhiệm. (16)

Trần Dần (1926-1997): Trần Dần sinh năm 1924 tại Nam Định, theo kháng chiến chống Pháp, vào bộ đội rồi vào đảng lao động. Ông phụ trách tuyên truyền, điều khiển đoàn văn công. Năm 1951, ông đổi qua viết báo cứu quốc và giảng dạy về văn nghệ nhân dân và chính sách lãnh đạo văn nghệ của đảng trong các lớp đào tạo văn công.

Ông bị cấp trên phê bình giảng sai đường lối. Ông lại ra tiền tuyến, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Cảm xúc trước sự hy sinh lớn lao của những đồng đội trong trận Điện Biên Phủ, Trần Dần sáng tác quyển ký sự Người Người Lốp Lốp. Nhờ sách này, sau khi hòa bình được tái lập năm 1954, Trần Dần được cử sang Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa để viết lời dẫn truyện bằng tiếng Việt cho phim “Chiến thắng Điện Biên Phủ”, do cộng sản Việt Nam diễn lại, cán bộ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thu hình, và mang về Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thu âm. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 98-99).

Trong chuyến công tác này, một viên cán bộ chính trị được đảng lao động gọi theo kèm Trần Dần. Đáng lẽ chỉ làm công việc cố vấn cho đúng đường lối đảng, y chỉnh lại bài viết của Trần Dần từng lời, từng chữ, đôi khi còn đọc cho Trần Dần viết. Trần Dần đưa vấn đề lên cấp trên xin giải quyết, nhưng lãnh đạo trả lời rằng cán bộ chính trị có quyền quyết định mọi việc. Điều này khiến Trần Dần rất bất mãn, và xin ngưng viết thuyết minh cho phim.

Trước khi trở về Việt Nam, Trần Dần đọc được lá thư của nhà văn Trung Quốc là Hồ Phong gửi ủy ban trung ương đảng cộng sản Trung Quốc vào tháng 7.1954. (17) Hồ Phong phản đối “năm nhát dao” mà đảng găm vào não trạng những nhà văn cách mạng. Đó là: “Ý hệ cộng sản cưỡng bách, cảm hứng chỉ rút ra từ đời sống công nhân và nông dân, giáo dục lại và cải tạo ý hệ, hình thức do đảng áp đặt, và đề tài do đảng quy định.” (18) Từ đó, Trần Dần luôn luôn bị ám ảnh bởi vấn đề tương quan giữa nghệ thuật và chính trị, nên khi trở về Việt Nam, Trần Dần tích cực vận động đòi hỏi nền tự do văn nghệ ở đất Bắc thời bấy giờ.

Chính do những vận động và hỗ trợ của các nhân vật trên đây, từ Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, đến Thụy An Lưu Thị Yên, và nhất là Trần Dần trong giới văn nghệ sĩ, đã đưa đến sự bùng nổ của vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm.

CHÚ THÍCH

1.- Phỏng vấn các giáo sư lớn tuổi đã tham gia công việc giáo dục thời Việt Minh vào năm 1945. Bản thân người viết đã nói chuyện với các cán bộ giáo dục cộng sản sau năm 1975 tại Đà Nẵng, và được nghe kể rằng chủ thuyết giáo dục này do bộ trưởng Liên Xô là Kalenikov (?) đưa ra.

2.- Trước khi hiệp định Genève được ký kết ngày 20.7.1954, Châu Ân Lai đã mời (gọi) Hồ chí Minh qua Liễu Châu họp từ ngày 3 đến ngày 5.7.1954, để truyền đạt quyết định của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Ngoài việc yêu cầu Việt Minh nên giải quyết riêng biệt chuyện Việt, Lào và Cambodia, chấp nhận chia hai nước Việt Nam, Châu Ân Lai còn bàn thêm rằng, sau khi chia hai Việt Nam, Việt Minh rút quân về phía Bắc, nhưng không có nghĩa là Việt Minh rút hết vũ khí mà vũ khí nào cất giấu được thì phân tán mà cất, để tránh bị phát hiện. Về phía phái đoàn Việt Minh, Võ nguyên Giáp, cho biết, nếu phải rút đi, thì chỉ rút những người làm công tác chính trị bị lộ diện, phần còn lại thì ở lại chờ thời cơ, có thể từ 5.000 đến 10.000 người. (Tiền Giang, Chu Ân Lai dữ Nhật-Nội-Ngõa hội nghị [Chu Ân Lai và hội nghị Genève] Bắc Kinh: Trung Cộng đảng sử xuất bản xã, 2005, bản dịch của Dương Danh Dy, tựa đề là Vai Trò của Chu Ân Lai tại Genève năm 1954, Chương 27 “Hội nghị Liễu Châu then chốt”, và Chương 28 “Lãnh tụ đã quyết thì vũ trụ cũng chẳng là cái gì”. Nguồn:

3.- Đặng Phong, Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000, Tập 2, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 2005, trang 85.

4.- Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu 1939-1975, Tập I-C: 1955-1963, Houston: Nhà xuất bản Văn Hóa, 2000, trang 79.

5.- Hoàng Văn Chí, Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, Sài Gòn: Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa, 1959, trang 31.

- 6.- Phát biểu của Thi Sĩ Hoàng Huế gởi đại hội văn nghệ toàn quốc, đăng trên Giai Phẩm Mùa Xuân, Hà Nội, 1956. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 11, 12.)
- 7.- Nghiêm Kế Tổ, Việt Nam Máu Lửa, California: Xuân Thu, tái bản 1989, trang 430.
- 8.- Giai Phẩm Mùa Thu Tập 2, Hà Nội 1956. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 245.)
- 9.- Phan Khôi, "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ". (Hoàng Văn Chí đăng lại, sách đã dẫn, từ trang 59-72.)
- 10.- Tuyển Tập Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương, California: Nhà xuất bản Lê Trần, 1990, trang 20, bài của Thân Trọng Mẫn: "Từ Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm đến Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng 1986-1989".
- 11.- Nguyễn Minh Cần, Công Lý Đòi Hỏi, California: Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1997, trang 57.
- 12.- Thụy Khuê, "Hồ Sơ Nhân Văn-Giai Phẩm",
- 13.- Nguyễn Văn Trấn, Viết Cho Mẹ và Quốc Hội, California Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1995, trang 278.
- 14.- Phụ Nữ Tân Văn: Thành lập tại Sài Gòn năm 1929 do Phan Khôi làm Chủ Bút. Năm 1932, báo tạm đình bản vì lý do tài chánh. Năm 1935 báo tục bản cho đến 1939.
- 15.- Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại [gồm 5 tập, đánh số trang từng tập], Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942, quyển 4, tập hạ, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, in lại thành 2 tập, đánh số trang liên tục, trang 1119.
- 16.- Nguyễn Hưng Quốc, Văn Học Việt Nam Dưới Chế Độ Cộng Sản, California: Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1991, trang 148.
- 17.- Hồ Phong (Hu Feng, 1903-1985), người Trung Hoa, là nhà phê bình văn học, nhà thơ, nhà luận văn, dường như không gia nhập đảng cộng sản. Ông là một người Mác xít độc lập và có nhiều ảnh hưởng, thường dự vào những cuộc tranh luận tư tưởng lớn với giới cộng sản chính thống trong suốt hai thập niên 30 và 40. Ông tin rằng giá trị văn học đứng trên ý hệ và chính trị, những nhân vật văn học có tính cách phổ quát, không khuôn sáo, và văn chương có thể mô tả mọi người chứ không nhất thiết một giai cấp nào đó. Năm 1949, khi cộng sản nắm quyền ở Trung Hoa, đầu ông giữ nhiều chức vụ trong ngành văn hóa, ông không bao giờ chịu uốn theo đường lối chính thống. Ông bị tố cáo phản cách mạng và bị cầm tù từ 1955 đến 1981 mới được thả ra và được phục hồi danh dự.
- 18.- Georges Boudarel, Cent fleurs écloses dans la nuit du Viet Nam, communisme et dissidence 1954-1956 [Trăm Hoa Đưa Nở Trong Đêm Việt Nam, Cộng Sản và Ly Khai 1954-1956], Éditions Jacques Bertoin, Paris, 1991, trang 58. Nguyên văn: "Hu Feng y critique les "cinq poignards" plongés dans le cerveau des écrivains révolutionnaires: "Idéologie communiste obligatoire, inspiration uniquement tirée de la vie des ouvriers et des paysans, rééducation et réforme idéologique, formes imposées par le parti, sujets fixés par le parti."

II.- CUỘC ĐỐI KHÁNG

1. NHỮNG BIẾN CỐ DẪN ĐƯỜNG

Trần Dần không bao giờ quên những gì ông đọc được trong lá thư của Hồ Phong. Lúc đầu, ông cùng một số văn hữu trong quân đội như Hoàng Cầm,...Tử Phác, Đỗ Nhuận, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, sau đó vào cuối năm 1954, nhiều nhà văn khác cùng tham gia, soạn thảo một “bản đề nghị chính sách văn hóa”. Bản đề nghị này được đưa lên các cấp lãnh đạo vào đầu năm 1955.



Bản đề nghị xoay quanh ba điểm:

Thứ nhất, trả văn học nghệ thuật cho văn nghệ sĩ.

Thứ hai, thành lập một tổ chức văn học nghệ thuật trong quân đội, tổ chức này liên hệ trực tiếp với hội văn nghệ trung ương, không cần phải thông qua bộ phận thông tin tuyên truyền của tổng cục chính trị.

Thứ ba, loại bỏ những quy định quân sự hiện hành trong tổ chức văn học nghệ thuật quân đội. (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 32, 88).

Những ý kiến đề nghị của các văn nghệ sĩ trên đây cho thấy, lúc đó họ vẫn chấp nhận sự lãnh đạo của đảng lao động, nhưng lại yêu cầu đảng lao động thay đổi cách quản lý văn nghệ trong quân đội, đừng can thiệp vào công cuộc sáng tác của nhà văn. Những ý kiến này được nhiều viên chức cao cấp trong đảng và quân đội chia sẻ, đặc biệt có Đại Tá Lê Liêm, chính ủy mặt trận Điện Biên Phủ, cùng các Tướng Trần Độ, Lê quang Đạo. Tuy nhiên, một nhân vật quan trọng trong quân đội lúc đó, Tướng Nguyễn chí Thanh, ủy viên bộ chính trị đảng lao động từ 1951, chủ nhiệm tổng cục chính trị, phản đối kịch liệt và loại bỏ ngay bản đề nghị này (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 254-255).

Bản đề nghị sửa đổi cách lãnh đạo văn nghệ còn đang được dư luận bàn tán, thì xảy ra việc thơ Tố Hữu bị đã kích. Tố Hữu (1920-2002), người Thừa Thiên, tên thật là Nguyễn kim Thành, gia nhập đảng cộng sản Đông Dương năm 1938. Ông là một trong những người cầm đầu cuộc cướp chính quyền tại Huế năm 1945, và được bầu làm ủy viên trung ương đảng năm 1951. Từ lúc đó, ông làm trưởng ban tuyên giáo [tuyên truyền và giáo dục] trung ương, nắm trong tay vận mạng nền văn hóa, văn nghệ của Bắc Việt. Thơ ông nặng tính tuyên truyền, hết mình ca ngợi các nước cộng sản và các lãnh tụ cộng sản như Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ chí Minh.

Ngày 4.3.1955, tại Hà Nội diễn ra cuộc họp các văn nghệ sĩ để phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu, ấn hành vào cuối năm 1954 với số lượng lớn lao là 20,000 bản. (19) Trong khi các văn thi sĩ nhà nước đua nhau ca tụng Tố Hữu thì Trần Dần, Hoàng Cầm, Hoàng Yến, Lê Đạt (tên thật là Đào Công Đạt) lại đưa ra những điểm yếu kém của thơ Tố Hữu. Trần Dần nhận xét rằng thơ Tố Hữu “nhỏ bé nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại, và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hóa lãnh tụ”. (20) Lời bình phẩm này chẳng những chê bai Tố Hữu mà còn đụng chạm đến những lãnh tụ cộng sản trên thế giới mà Tố Hữu đã tình nguyện thương yêu gấp mười lần so với tổng cộng các thành viên trong gia đình ông ta. (“Thương cha, thương mẹ, thương chồng,/Thương mình thương một, thương ông thương mười”, thơ Tố Hữu, “Đời đời nhớ ông”).

Theo Hoàng Cầm viết trên báo Văn Nghệ, Hà Nội, số 67, thơ Tố Hữu “giống như một vại nước to, đầy tràn, pha loãng một màu sữa. Loãng quá, tôi thêm một cốc dù nhỏ thôi nhưng chan chứa những chất nuôi sống một tâm hồn.”(Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 146). Còn Lê Đạt, trên báo Văn Nghệ số 68 thì cho rằng:

“Thơ Tố Hữu đứng về một phương diện nào mà nói là thơ có ích. Tố Hữu có nhiều cố gắng phục vụ công tác chính trị...Thơ Tố Hữu là những bài học chính sách tốt. Nhưng những bài học chính sách tốt chưa phải là đã hiện thực, đã công nông. Vấn đề nội dung, tôi nhắc lại, căn bản là cái điệu tâm hồn của tác giả.” (Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 146)

Điều này chẳng những làm cho Tố Hữu, mà cả các cán bộ lãnh đạo văn nghệ giật dử, đến nỗi có người đã thốt ra: “Địch nó không mong gì hơn chúng ta chê thơ Tố Hữu”. (21)

Trong lúc đó, Trần Dần lại đang lẩn tránh vụ cưới vợ. Trần Dần yêu và muốn kết hôn với cô K., một người theo Ky-Tô Giáo, con của một gia đình giàu có ở Hà Nội đã di cư vào Nam. Cô K. sống nhờ vào tiền cho thuê nhà do cha mẹ để lại, nên bị xếp vào thành phần bóc lột. Đảng lao động không chấp thuận cuộc hôn nhân này. Trần Dần khuyên người yêu giao nhà cửa của cha mẹ cho “Ban quản lý tài sản của những người vắng mặt”, chịu sống cực khổ để có thể cùng nhau lập gia đình. Dầu vậy, đảng lao động cũng không cho phép. Trần Dần cứ mặc nhiên đến Phố Sinh Từ, nơi có nhà cô K., sống chung với người yêu. Cộng sản liền thuyên chuyển ông lên Việt Bắc. Viện cố đau yếu, Trần Dần xin nghỉ việc, bỏ về Hà Nội và nộp đơn xin ra khỏi đảng lao động cũng như ra khỏi quân đội vào giữa tháng 5.1955 (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 126).

Đảng lao động quyết định khai trừ Trần Dần, nhưng quân đội giữ ông lại, vì sợ rằng khi trở về đời sống dân sự, ông sẽ gây nhiều tai tiếng nguy hại hơn. Trần Dần bị bắt giam trong ba tháng (lần thứ nhất), từ tháng 7 đến tháng 9.1955 thì được thả ra với bản án kỳ lạ “cấm sáng tác” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 18). Trong thời gian bị giam (lần thứ nhất), ông sáng tác bài thơ dài trên 300 câu nhan đề “Nhất Định Thắng”, và ông đã giao bài thơ này cho Lê Đạt khi ra khỏi tù. (Bài thơ này là đề tài để cộng sản tố khổ Trần Dần).

Để chỉnh đốn tư tưởng Trần Dần, người ta gọi ông về nông thôn quan sát cuộc Cải Cách Ruộng Đất. Trần Dần lợi dụng cơ hội này, về thăm người yêu và liên lạc với các văn thi hữu như Lê Đạt, Hoàng Cầm, sửa soạn và hối thúc ra mắt Giai Phẩm 1956 (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 128, 132).

Một sự kiện gây xôn xao dư luận văn nghệ, có tính châm biếm cán bộ văn hóa nhà nước, liên quan đến nhà văn lão thành Phan Khôi (1887-1960). Đầu năm 1956, người ta giao cho Phan Khôi dịch một quyển sách từ tiếng Pháp qua tiếng Việt. Trong sách có chữ “pomme de terre”. Phan Khôi dịch chữ đó là “khoai nhac ngựa”. Khi phê bình sách này, báo cứu quốc, cơ quan tuyên truyền của đảng lao động, chê Phan Khôi già nua, lảm cẩm và dịch sai. Tác giả bài phê bình viết rằng chữ “pomme de terre” phải dịch là “khoai tây”, sao lại dịch thành “khoai nhac ngựa” ?

Phan Khôi trả lời đại ý như sau: Ai cũng biết “pomme de terre” là “khoai tây”, nhưng lâu nay cán bộ phụ trách cấm ông dùng chữ “tây” và chữ “Tàu”. Ví dụ khi ông dùng chữ “đường tây” thì bị sửa lại là “đường kính”, khi ông viết “chè Tàu” thì bị sửa thành “chè Trung Quốc”, “thịt kho Tàu” thì đổi thành “thịt kho Trung Quốc”. Do đó, để chiều ý lãnh đạo, lần này, chữ “pomme de terre”, ông không dịch là “khoai tây”, mà dịch là “khoai nhac ngựa”, vì tiếng Trung Quốc gọi là “mã linh thực”.(22) Lối viết thật là thâm thúy mà không thể bắt bẻ được.

Những sự kiện này là những triệu chứng đầu tiên về một cuộc phản kháng lớn hơn sẽ diễn ra ngay sau đó, với sự xuất hiện của Giai Phẩm 1956 hay Giai Phẩm mùa Xuân.

2.- GIAI PHẨM XUẤT HIỆN

GIAI PHẨM 1956: Nhân dịp Tết Nguyên Đán năm Bính Thân (1956), vào đầu tháng 2.1956, tại Hà Nội xuất hiện đặc san Giai Phẩm 1956 do nhà xuất bản Minh Đức của Trần Thiếu Bảo ấn hành. (23) (Giai Phẩm này về sau được gọi là Giai Phẩm Mùa Xuân, vì cũng trong năm 1956 xuất hiện thêm các Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1, Giai Phẩm Mùa Thu Tập 2, Giai Phẩm Mùa Thu Tập 3, và Giai Phẩm Mùa Đông.)



Đây là một tập hợp sáng tác của các văn nghệ sĩ không chấp nhận sự “lãnh đạo văn nghệ”, thuộc thành phần đối kháng với nhà cầm quyền cộng sản. Giai phẩm này được đánh dấu bằng ba bài quan trọng là “Cái Chổi Quét Rác Rưởi” của Phùng Quán, “Ông Bình Vôi” (thơ) của Lê Đạt, và “Nhất Định Thắng” (thơ) của Trần Dần.

Phùng Quán (1932-1995), nguyên quán Thừa Thiên, cháu gọi Tố Hữu bằng cậu, gia nhập quân đội Việt Minh ở Thừa Thiên, sau năm 1954 tập kết ra Hà Nội. Trong bài “Cái chổi quét rác rưởi”, Phùng Quán cho rằng dưới chế độ ông đang sống, có quá nhiều rác rưởi làm dơ bẩn xã hội, và ông tình nguyện dùng văn chương quét sạch những rác rưởi đó. (24)

Lê Đạt đã mượn hình tượng “Ông Bình Vôi” để chống tệ nạn tôn sùng cá nhân, là căn bệnh trầm kha của chế độ cộng sản:

*“Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại.”* (24)

Đặc biệt bài thơ dài trên 300 câu của Trần Dần, chịu ảnh hưởng của bút pháp Maiakovski, (25) mô tả cảm nghĩ và cuộc sống của hai người yêu nhau ở Phố Sinh Từ, Hà Nội trong giai đoạn giao thời, dân chúng bỏ miền Bắc di cư vào Nam. Theo lời Hoàng Cầm trong bài “Con Người Trần Dần” đăng trên Nhân Văn số 1, xuất bản tại Hà Nội ngày 20.9.1956, thì Trần Dần giao bài thơ này cho Lê Đạt trước khi đi quan sát đoàn Cải Cách Ruộng Đất. Hoàng Cầm đã đem đăng vào Giai Phẩm Mùa Xuân. Trong bài thơ này có những câu được lặp lại nhiều lần như một điệp khúc:

*“Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ.”*

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 103)

Những câu sau đây của bài “Nhất Định Thắng” đã bị quy chụp là ám chỉ lãnh tụ:

*“...Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Tôi bỗng nghe những tiếng thì thầm
Tiếng người nói xen tiếng đời ầm ầm.
- Chúng phá hiệp thương!
- Liệu có hiệp thương ?
- Liệu có tuyển cử ?
- Liệu tổng hay chẳng tổng ?
- Liệu đúng kỳ hay chậm vài năm?
Những câu hỏi đi giữa đời lồng chông.
Ôi! Xưa nay Người vẫn thiếu tin Người*

Người vẫn thường kinh hoàng trước tương lai...”

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 108)

Chữ “Người” viết hoa dưới chế độ cộng sản Hà Nội chỉ dùng để chỉ Hồ chí Minh hay các lãnh tụ cộng sản như Lenin, Stalin hay Mao Trạch Đông. Trong bài thơ này, Trần Dần lại dùng chữ “Người” viết hoa. Đảng lao động quy chụp rằng Trần Dần muốn ám chỉ lãnh tụ của họ. Dựa vào điều này, nhà cầm quyền Hà Nội ra lệnh tịch thu Giai Phẩm 1956, và ngày mùng 2 Tết Bính Thân (13.2.1956), khi Trần Dần từ Phó Sinh Từ trở về đơn vị quân đội, ông bị bắt giam lần thứ hai. Lần này ông cũng phải ngồi tù ba tháng. (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 134).

3.- PHẢN ỨNG CỦA “LÃNH ĐẠO”

Trong khi Trần Dần ở trong tù, các nhà văn của chính quyền trong hội văn nghệ (sau này là hội nhà văn) đã phê bình đả kích đặc san Giai Phẩm 1956. Đặc biệt, tại trụ sở hội văn nghệ Hà Nội, người ta tổ chức một buổi phê bình thơ Trần Dần, có khoảng 150 người tham dự, từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng, nhưng thực tế để kết tội Trần Dần. Hoài Thanh viết bài tham luận “Vạch trần tính cách phản động trong bài thơ “Nhất Định Thắng” của Trần Dần”, đăng trên báo Văn Nghệ số 110, ra ngày 17.3.1956, ghép Trần Dần vào tội phản động. (26) Ở đây cần chú ý thủ đoạn của cộng sản: Họ không đả kích tập thể các văn thi sĩ trong nhóm Giai Phẩm, mà tách ra đả kích riêng từng người, bắt đầu là Trần Dần để cô lập thi sĩ này.

Tiếp tay với Hoài Thanh để mạt sát Trần Dần và các văn sĩ trong Giai Phẩm, còn có những tên tuổi như Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi. Nhà thơ Hoàng Cầm kể lại: “... Người ta cho rằng bè phái độc quyền trong giới văn nghệ sĩ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc) đã tìm cách giả thủ. Trần Dần, Tử Phác đều bị tổng giam. Cái nút thứ hai khốc liệt hơn của tấn thảm kịch Trần Dần... Từ những ngày Tết mưa lã chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái Giai Phẩm. Một không khí ngột thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ “Nhất định thắng” bị đem ra luận tội... Thôi thế là đêm luận tội này đã đóng một cái án tử hình xuống một bài thơ, xuống một con người, đồng thời là sự đe dọa nặng nề chung cho anh em văn nghệ sĩ đang muốn tìm những lối sáng tác khác với cái bè phái kia...” (27)

Ở trong tù, Trần Dần rất uất ức, dùng dao cạo râu cửa sổ tự tử, nhưng bị các cán bộ cộng sản cản trở không cho chết, vì sợ tiếng vang. Sau này ông mang một vết sẹo dài ở cổ.

CHÚ THÍCH

19.- Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 119. Cũng theo Boudarel, trong khi đó, thơ của Thi Sĩ Hoàng Cầm chỉ được in 1.000 bản. Boudarel trích dẫn danh sách các tác phẩm văn chương xuất bản trong các năm 1954, 1955 của nhà cầm quyền Hà Nội.

20.- Hoàng Cầm, “Con Người Trần Dần”, Nhân Văn số 1, Hà Nội, ngày 20.9.1956.

21.- Trần Công trích ghi lại, “Chống bè phái trong văn nghệ”, Nhân Văn số 1, báo đã dẫn.

22.- Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 24. [Người Trung Hoa gọi là mã linh thực tức khoai nhạc ngựa vì khoai tròn, nhỏ, mọc từng chùm như cái lục lạc treo ở đầu ngựa. Người Việt gọi là khoai tây vì do người Tây dương (Âu Châu) du nhập vào Việt Nam.]

23.- Theo tác giả Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 24 thì Giai Phẩm 1956 ra mắt tháng 3.1956. Tuy nhiên có hai điều cần chú ý: Thứ nhất, mùng 1 Tết Bính Thân nhằm ngày 12.2.1956, báo Xuân thường ra trước Tết, thứ hai vì bài thơ “Nhất Định

Thắng” đăng trên Giai Phẩm 1956 mà Trần Dần bị bắt ngày mùng 2 Tết Bính Thân (13.2.1956). Vây báo Giai Phẩm 1956 ra trễ nhất là trước Tết, vào đầu tháng 2.1956.

24.- Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 24. Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, đã từng là thư ký riêng của tổng bí thư Trường Chinh trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp. (Phần chú thích của Thông Điệp Xanh trong bài “Dạ ký”, truyện ngắn của Phùng Cung.

25.- Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 128. [Maiakovski (Vladimir Vladimirovich, 1893-1930): Sinh ở Georgia (Nga), nhà thơ, nhà soạn kịch Xô Viết thuộc trường phái “Tương lai”, mạnh mẽ tuyên dương cách mạng năm 1917. Ông cách tân về nhịp điệu và hành văn để diễn tả cảm thức con người mới trong thời đại cách mạng. Tác phẩm: Lenin (1924), Rất Tốt (1927), Con Rệp (kịch, 1928, châm biếm tệ nạn quan liêu Xô Viết). Ông tự sát năm 1930.]

26.- Phan Khôi, “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ”, Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1, Hà Nội 1956, Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trích đăng, trang 67. Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 135. Riêng bài viết của Hoài Thanh, chúng tôi không có bản tiếng Việt, nên đề bài của Hoài Thanh chúng tôi dịch lại bản dịch của Boudarel: “Dévoilons le caractère réactionnaire du poème “Nous vaincrons!” de Tran Zan” (Vạch trần tính cách phản động trong bài thơ “Nhất Định Thắng” của Trần Dần).

27.- Hoàng Cầm, “Con Người Trần Dần”, báo Nhân Văn số 1, Hà Nội, ngày 20.9.1956.

III.- NHỮNG BIẾN CỐ VĂN HỌC

1.- GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG

Trong khi đó, tại Hà Nội, sau Giai Phẩm Mùa Xuân, và sau việc Trần Dần bị cầm tù,...một sự kiện văn học nổi bật khác xảy ra, gây xôn xao dư luận là việc công bố kết quả các giải thưởng văn học năm 1954-1955 trên báo Văn Nghệ Hà Nội, số 112 ra ngày 15.3.1956, và trên báo Nhân Dân số ra ngày 17.3.1956. Kết quả các giải đó như sau:

Thơ: Giải nhất: Tố Hữu (tập Việt Bắc), giải nhì: Trần Hữu Thung (tập Đồng tháng tám và Dặn con), Xuân Diệu (tập Ngôi sao), Tú Mỡ (tập Nụ cười chính nghĩa), giải ba: Hồ Khải Đạt (tập Thơ chiến sĩ).

Tiểu thuyết: Giải nhất: Nguyễn Ngọc (Đất nước đứng lên), Tô Hoài (Truyện Tây bắc), giải nhì: Nguyễn Huy Tưởng (Truyện anh Lực), Nguyễn Văn Bổng (Con trâu), giải ba: Phùng Quán (Vượt Côn Đảo), Trần Kim Trắc (Cái Lu),

giải khuyến khích: Hoàng Trung Nho (Đồng quê hoa nở), Bùi Hiền (Gặp gỡ), Đoàn Giỏi (Cá bóng mú). (Georges Boudarel sách đã dẫn, từ trang 233-234.)

Kết quả giải thưởng gây nhiều tranh cãi sôi nổi vì đa số các nhà thơ, nhà văn trúng giải đều là người thân cận của đảng lao động, trong đó dư luận bàn tán nhiều về các tác phẩm của Tố Hữu, Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng. Tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu đã từng bị Trần Dần, Hoàng Cầm, Hoàng Yến, Lê Đạt phê bình một năm về trước, tập Ngôi sao của Xuân Diệu đã bị ba bài liên tiếp công kích trên báo Trăm Hoa ở Hà Nội của Nguyễn Bính, mà vẫn được giải thưởng.

Đặc biệt hơn nữa, các tác giả Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng và Hoài Thanh vừa có tác phẩm dự giải, vừa được sung vào ban chấm giải, và sau đó lại vừa trúng



giải. (Nhà Văn Phan Khôi nêu ra đầy đủ những bê bối của các giải thưởng này trong bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” đăng trong Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1, xuất bản ngày 29.8.1956.)

Ba sự kiện, Giai Phẩm Mùa Xuân, việc bắt giam Trần Dần và giải thưởng văn học, tạo nên những làn sóng bàn luận âm ỷ liên tục trên các báo và trong các giới văn nghệ sĩ. Ngày 5.5.1956, Trần Dần ra khỏi tù. Lúc đó cũng là thời gian đảng lao động sửa soạn tổ chức đại hội văn học nghệ thuật toàn quốc lần thứ hai, nhằm đưa các văn nghệ sĩ đi theo đúng quỹ đạo của đảng. Hội văn nghệ liền cho thành lập ban tru bị đại hội ngày 16.5.1956. Thành phần ban Tru bị không được bầu từ dưới lên mà do từ trung ương chỉ định xuống (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 238-239).

2.- TRĂM HOA ĐUA NỞ Ở TRUNG HOA

Có một điều ít ai chú ý là sau vụ Giai Phẩm Mùa Xuân ở Bắc Việt ba tháng, mới xảy ra biến cố “Trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng” ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Nguyên sau Đại hội 20 của đảng cộng sản Liên Xô, quan điểm chính trị mới của đảng cộng sản Liên Xô chẳng những được truyền sang Bắc Việt mà cả Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Đảng cộng sản Trung Hoa cầm quyền trên toàn thể lục địa Trung Hoa từ cuối năm 1949. Cộng sản Trung Hoa ổn định tình hình nội bộ khá lâu, và quyết tâm tiêu diệt các thành phần trí thức, văn nghệ sĩ đối kháng sau vụ Hồ Phong vào tháng 7.1954. Do đó, khi Liên Xô tuyên bố chính sách mới, thì cộng sản Trung Hoa liền hưởng ứng chính sách này theo cách của cộng sản Trung Hoa.

Lục Định Nhất (Lu Dingyi), cục trưởng cục tuyên huấn đảng cộng sản Trung Hoa, triệu tập cuộc họp ngày 25.5.1956 tại Bắc Kinh, gồm những nhà trí thức, nghiên cứu, văn nghệ sĩ, nhân sĩ, đại diện hội đoàn. Trong cuộc họp này, Lục Định Nhất đọc bài diễn văn nhan đề: “Bách hoa tề khai, bách gia tranh minh” [Trăm hoa đua nở, trăm nhà tranh tiếng]. Họ Lục cho biết Chủ Tịch Mao Trạch Đông trích hai câu này từ cổ văn, và giao cho ông giải thích với hội nghị. Họ Lục trình bày:

“...Nếu không có nhiều môn phái, nhiều chủ trương thì văn nghệ không thể trở nên phong phú được...Hai nghìn năm trước, trong thời Xuân Thu và Chiến Quốc, Trung Quốc có nhiều học phái khác nhau...Hồi đó, các học phái đều tự ý phát triển, không phục tùng một hệ thống tư tưởng nào cả, nhưng ngày nay, chính quyền của nhân dân đã thành lập và vững mạnh thì sự tranh đua của bách gia ngày nay phải nằm trong khuôn khổ của một chương trình chung...Cần phải đề cao sự tự do tranh luận và bênh vực ý kiến trong mọi ngành học thuật nhưng đồng thời cũng không nên lẫn lộn những cuộc tranh luận xây dựng trong nội bộ đảng với những cuộc tranh đấu để tiêu diệt những phần tử phản động...Có hai lối phê bình: Phê bình kẻ thù và phê bình những đồng chí phạm sai lầm. Phê bình kẻ thù là đập cho nó một trùy vỡ sọ chết tươi, còn phê bình một đồng chí phạm sai lầm là lấy khoan hồng đưa dần họ về với chính nghĩa...” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 7-8).

Ngày hôm sau, 26.5.1956, Mao Trạch Đông chính thức công bố phát động chiến dịch “Trăm hoa đua nở”. (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 26). Như thế, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa mở ra chiến dịch “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”, nhưng để sẵn quả “trùy” [chùy] trước mặt mọi người, cảnh cáo những ai đi sai “khuôn khổ của một chương trình chung” sẽ bị “vỡ sọ chết tươi”, nghĩa là vừa mở vừa hù dọa.

Bài phát biểu của Lục Định Nhất đăng trên Nhân Dân Nhật Báo ở Bắc Kinh ngày 13.6, tức thì được sinh viên Hà Nội, do Giáo Sư Trần Đức Thảo bảo trợ, đã dịch đăng lên bích báo nhà trường. Trong khi đó, bản tin điện về bài của Lục Định Nhất do Lê Phú Hào, đặc phái viên báo Nhân Dân (Hà Nội) tại Bắc Kinh, gửi về vào tháng 7, nhưng mãi đến ngày 5.8, Nhân Dân (Hà Nội) mới đưa lên mặt báo. Bài viết đã làm xôn xao các giới cầm quyền và dư luận Hà Nội. Một biên tập viên báo Nhân

Dân (Hà Nội) đã nói với Lê Phú Hào vài tuần sau đó, khi ông về Hà Nội công tác: “Bản tin của anh có hiệu quả của một trái bom”. (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 239-242)

Ngày 15.9.1956, đảng cộng sản Trung Hoa họp đại hội lần thứ 8, đại hội đầu tiên kể từ 1945, khẳng định lập trường “sống chung hòa bình” mà Liên Xô đã đưa ra trong đại hội 20 của đảng cộng sản Liên Xô (Chính Đạo, I-C, sách đã dẫn, trang 103). Sau đó, đến ngày 30.9, báo nhân dân (Hà Nội) mới chịu đăng toàn văn bài phát biểu của Lục Định Nhất. Ở đây xin mở ngoặc thêm một chi tiết: Sau khi nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm đứng ra đòi hỏi cởi trói văn nghệ ở Bắc Việt vào năm 1956, thì năm sau, 1957, bên Trung Hoa cũng xảy ra sự phản kháng của nhóm văn thi sĩ do bà Đinh Linh [Ding Ling] dẫn đầu. Bà Đinh Linh cũng đã bị nhà cầm quyền Bắc Kinh bắt giam. Như vậy phong trào đòi hỏi tự do báo chí ở Bắc Việt đi trước phong trào ở Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa). (28)

3.- CUỘC HỌC TẬP 18 NGÀY

Để nắm chắc tình hình trước khi vào đại hội văn học nghệ thuật toàn quốc kỳ 2, ban tuyên huấn trung ương đảng lao động do Tố Hữu đứng đầu, tổ chức lớp “Bồi dưỡng về lý luận văn nghệ” từ ngày 1 đến ngày 18.8.1956, thường được gọi là “Cuộc học tập 18 ngày”, với khoảng 300 trí thức, văn nghệ sĩ tham dự. Có thể nói cuộc học tập này bao gồm hầu hết những tinh hoa trí tuệ Bắc Việt, trừ những nhà nghiên cứu khoa học chuyên môn.

Có lẽ kết quả không được như ý theo nhà cầm quyền. Báo chí chỉ tường thuật rất sơ lược cuộc học tập này, không phải vì nội dung thiếu hấp dẫn, nhưng vì quá nhiều “thắc mắc” được đưa ra mà không có câu trả lời. Những ngày đầu khá buồn tẻ vì những diễn văn khai mạc có tính cách công thức, và những người tham dự có vẻ thụ động. Càng về sau, cuộc học tập càng sôi nổi khi những vấn đề thực tiễn đời sống được nêu ra thảo luận, như cuộc cải cách ruộng đất, việc kiểm soát dân số, hoạt động các cửa hàng quốc doanh... Những thắc mắc cụ thể được nêu lên xoay quanh mối tương quan giữa chính trị và tự do sáng tác, vấn đề lãnh đạo văn nghệ, những sai lầm trong việc bình chọn giải văn học vừa qua, và cả nội dung của Giai Phẩm Mùa Xuân. Cuộc học tập này không đưa ra một thông báo chính thức nào (Georges Boudarel sách đã dẫn, trang 238-242). Lý do thật dễ hiểu vì:

“...Đợt học tập của giới văn nghệ tháng Tám vừa qua đã là một cuộc tranh đấu sôi nổi của trên 300 người công tác văn nghệ. Phát triển sự việc như thế nào, chỉ trích bè phái như thế nào, xây dựng trung ương đảng như thế nào, Nguyễn đình Thi tổng kết quanh co như thế nào, Nguyễn Hữu Đang tham luận mạnh bạo như thế nào, Tố Hữu nhận lỗi qua loa như thế nào, anh chị em đã nghĩ những gì... báo nhân dân biết rõ. Thế rồi bè phái lãnh đạo văn nghệ vẫn cứ ngoan cố làm thinh... tuyệt nhiên không giải quyết một nguyện vọng nào của anh chị em...” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 26.)

IV.- GIAI PHẨM RỜI NHÂN VĂN

1.- GIAI PHẨM MÙA THU

Đảng lao động tưởng rằng đợt học tập 18 ngày có thể uốn nắn tư tưởng của các giới trí thức và văn nghệ sĩ, không ngờ lại tạo hiệu ứng ngược lại, bất lợi cho chính sách của đảng. Hiệu ứng bất lợi rõ nét nhất là sự xuất hiện của Giai Phẩm Mùa Thu ngày 29.8, nghĩa là cùng tháng với đợt học tập 18 ngày. Về sau Giai Phẩm Mùa Thu được gọi là Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1 vì giai phẩm này được hoan nghênh quá, nên các nhà chủ trương cho ra thêm Giai Phẩm Mùa Thu Tập 2 và Giai Phẩm Mùa Thu Tập 3.

Cái đỉnh của Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1 là bài viết của nhà văn lão thành Phan Khôi, tựa đề là “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ”, dài 14 trang (sách), cỡ chữ nhỏ.

Trong bài này, phần dẫn nhập, Phan Khôi viết rằng trong thời gian chiến tranh, các văn thi sĩ chỉ nghĩ đến kháng chiến, nên sẵn sàng hy sinh, chín bỏ làm mười, không ai thắc mắc gì cả, nhưng sau năm 1954, trở về Hà Nội, “lãnh đạo văn nghệ thành ra vấn đề, quần chúng văn nghệ thắc mắc với lãnh đạo”. Phan Khôi đưa ra ba vấn đề chính để phê bình: Đó là tự do của văn nghệ sĩ, vụ Giai Phẩm Mùa Xuân, và Giải thưởng văn học 1954-1955.

Theo Phan Khôi, lúc đó tại Bắc Việt văn nghệ sĩ bị kèm kẹp một cách nghiệt ngã, khiến một ngày nào đó, “nhược bằng bắt mọi người phải viết theo lối của mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết.” Phan Khôi chỉ còn biết than với Nguyễn Đình Chiểu: “Cụ Đồ Chiểu ơi! Cụ Đồ Chiểu ơi! Ở thời cụ, cụ đã kêu: Ở đây nào phải trường thi, Ra đề hạn vận một khi buộc ràng! Thế mà ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi! Tôi còn làm ăn gì được nữa cụ ơi! Tôi đâu còn là tôi đâu được nữa cụ ơi!”

Từ lãnh đạo như thế nên đưa đến phản ứng qua Giai Phẩm Mùa Xuân. Rồi lại xảy ra những vụ chụp mũ phản động mà theo Phan Khôi “thật là cái tội phản động ở xứ này sao mà ghép một cách dễ dàng quá.” Cũng vì lãnh đạo như thế mới đưa đến kết quả giải văn học 1954-1955, mà “ở Hà Nội, dư luận bàn tán xôn xao, nhiều người không phục, cho rằng có mấy tác phẩm trong đó không xứng đáng được giải.” Chẳng những nêu danh những tác phẩm không xứng đáng, Phan Khôi còn đưa ra lối làm việc theo mệnh lệnh của hội đồng chấm giải, lấy đa số hội viên trong hội đồng để chèn ép “thiểu số tuyệt đối” là chính Phan Khôi. Điều khôi hài nhất được ông nêu ra là có tác giả vừa được sung vào ban chấm giải, vừa có tác phẩm dự giải, và sau đó lại vừa trúng giải.

Khi phê bình lãnh đạo văn nghệ, Phan Khôi đã phê bình luôn sự lãnh đạo của đảng lao động, bởi vì tổ chức thực sự lãnh đạo nền văn nghệ Bắc Việt là chi bộ đảng lao động trong hội nhà văn trực thuộc hệ thống đảng, và ông cũng phê bình luôn chế độ ông ta đang sống. Phan Khôi viết: “Dưới chế độ tư sản, sự đối lập là thường: Nhân dân đối lập với chính phủ, công nhân đối lập với chủ xưởng, học sinh đối lập với nhà trường. Nhưng ở dưới chế độ của chúng ta, về mọi phương diện, yêu cầu phải không đi đến đối lập, hễ còn đối lập là cái hiện tượng không tốt, cái triệu chứng không tốt.” (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, từ trang 59-72.)

Bài báo của Phan Khôi đã làm xôn xao dư luận Hà Nội. Báo Thời Mới (báo tư nhân do Hiền Nhân chủ trương) đã gọi bài viết của Phan Khôi là một “quả bom tạ” thả ngay tại thủ đô Hà Nội. “Có người lại thốt lên rằng chín mươi năm nay mới được nghe tiếng nói sang sảng của cụ Phan Khôi.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 26).

Ngoài bài “Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ” của Phan Khôi, Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1 còn có các bài “Ông Bình Vôi” cũng của Phan Khôi, kể chuyện những chiếc bình vôi ở quê ông và khai triển thêm ý tưởng bài thơ của Lê Đạt trong Giai Phẩm Mùa Xuân, bài “Bệnh Sùng Bái Cá Nhân Trong Giới Lãnh Đạo Văn Nghệ” của Trương Tửu, đả kích những hiện tượng tôn sùng các “quan văn nghệ”, bài “Bức Thư Gửi Một Người Bạn Cũ” của Trần Lê Văn, diễn tả hình ảnh của một cán bộ cộng sản được mệnh danh là “Ông Khẩu Hiệu”.

2.- NHÂN VĂN

Hai mươi ngày sau Giai Phẩm Mùa Thu Tập 1, tờ Nhân Văn số 1 được phát hành ngày 20.9.1956, do chính Phan Khôi giữ chức Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút, Trần Duy (tên thật là Trần Quang Tảng) làm Thư Ký. (Georges Boudarel sách đã dẫn, trang 23). Trong phần mở đầu, báo này tuyên bố: “Báo Nhân Văn đứng dưới sự lãnh đạo của đảng lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh thần thực tiễn,

để xúc tiến công cuộc củng cố miền Bắc, thống nhất nước nhà, để đi đến thực hiện xã hội chủ nghĩa, theo như ý muốn của đảng cũng như của nhân dân cả nước.” (29)

Nhân Văn số 1 được dư luận chú ý ngay vì một số bài nổi bật như: “Chúng tôi phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do dân chủ” với phần trả lời của Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường, Giáo Sư Đại Học, theo đó ông cho rằng “sự thực hiện dân chủ trong hai năm vừa qua còn thiếu sót nhiều”, bài “Chống Bè Phái Trong Văn Nghệ” của Trần Công, trình bày nạn độc đoán của nhóm lãnh đạo văn nghệ, bài thơ “Nhân Câu Chuyện Mấy Người Tự Tử” của Lê Đạt, và đặc biệt nhất là bài “Con Người Trần Dần” của Hoàng Cầm. Trong bài báo này, qua câu chuyện về việc Trần Dần hai lần bị bắt, Hoàng Cầm lên án việc thiếu tự do sáng tác và tự do tư tưởng dưới chế độ Hà Nội.

Báo Nhân Văn vừa ra mắt liền được độc giả hoan hô, chuyền tay nhau đọc, và bàn tán sôi nổi, đồng thời cũng được các giới cầm quyền nghiên cứu tỷ mỉ và bị giới này lên án gắt gao. Đầu tiên, ngày 25.9.1956, báo nhân dân đăng bài của Nguyễn Chương, phó trưởng ban tuyên huấn trung ương đảng. Nguyễn Chương cho rằng báo Nhân Văn là tay sai của “địch”, vì công kích địch thì ít mà công kích “ta” thì nhiều (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 28). Theo Nguyễn Chương, báo Nhân Văn đã “muốn nhân việc phê bình lãnh đạo văn nghệ hẹp hòi, mệnh lệnh mà làm cho người ta tưởng rằng toàn bộ sự lãnh đạo của đảng lao động Việt Nam và toàn bộ chế độ chính trị ở miền Bắc là độc đoán, độc tài, chà đạp con người, không có nhân văn” (Nguyễn Minh Cầm, sách đã dẫn, trang 23-24).

Tiếp tục trả lời cuộc phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ, trên Nhân Văn số 2 ra ngày 5.10.1956, học giả Đào Duy Anh cho rằng: “Trong quá trình xây dựng chế độ, chúng ta gặp trong chính nội bộ của chúng ta, những cái hạn chế và ngăn cản tự do. Tên tuổi của những kẻ thù nội bộ của tự do ấy, người ta đều biết cả: Tức là tệ quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, bè phái...những bệnh giáo điều chủ nghĩa, công thức chủ nghĩa, sùng bái cá nhân còn ngự trị trong công tác lãnh đạo văn nghệ và học thuật...” (30)

Đáp lại đả kích của Nguyễn Chương, cũng trên báo Nhân Văn số 2, ba tác giả Hoàng Cầm, Hữu Loan, và Trần Duy viết bài “Chúng tôi cực lực phản đối luận điệu vu cáo chính trị”, trả lời từng lý luận một. Sau mỗi đoạn bẻ gãy lý luận của Nguyễn Chương, các tác giả này giễu cợt bằng một điệp khúc: “Bạn cố tình đến thế, chúng tôi còn biết làm sao ?” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 28).

Nguyễn Chương giải thích vớt vát bằng một bài báo khác cũng đăng trên nhân dân, thì bị Chu Ngọc trả lời qua bài báo nhan đề “Quần chúng đã chán ghét lối chận hòng đó rồi” trên Nhân Văn số 3 ra ngày 20.10.1956. Nhân Văn số 3 còn đăng bài “Nỗ lực phát triển tự do dân chủ” của Giáo Sư Thạc Sĩ Trần Đức Thảo. Ông Trần Đức Thảo nhấn mạnh rằng: “Trong nhiệm vụ thực hiện phương châm của đại hội 20 của đảng cộng sản Liên Xô, đảng hưởng ứng lời kêu gọi của đảng lao động Việt Nam, hưởng ứng phong trào phát triển tự do dân chủ trong những nước dân chủ nhân dân anh em, người trí thức Việt Nam có phần trách nhiệm quan trọng. Người trí thức hoạt động văn hóa, cần tự do như khí trời để thở. Có tự do mới đẩy mạnh được sáng tác văn nghệ, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu cầu thiết thân đồng thời là nhiệm vụ số 1 của người trí thức cũng như của toàn dân...” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 292)

Trong khi đó, báo nhân dân ngày 16 và 17.10.1956 đăng bài “Chủ nghĩa nhân văn của chúng ta” của Giáo Sư Thạc Sĩ Hoàng Xuân Nhị. Ông Hoàng Xuân Nhị vận dụng lý thuyết Mác-Lê để chứng minh rằng văn nghệ phải có đảng tính và văn nghệ sĩ phải triệt để phục tùng sự lãnh đạo của đảng. Báo Nhân Văn số 4 ngày 5.11.1956 phản bác lại bằng bài “Chủ nghĩa nhân văn của ông Hoàng Xuân Nhị” của Bùi

Quang Đoài. Ông Bùi Quang Đoài vào lúc đó là sinh viên Trường Đại Học Hà Nội. Tuy trẻ tuổi, lối lý luận của ông Bùi Quang Đoài rất sắc bén. Sau khi chứng minh những sai lầm của Giáo Sư Thạc Sĩ Hoàng Xuân Nhị, Bùi Quang Đoài viết: “Xuất phát từ lịch lạc đó, Hoàng Xuân Nhị cho rằng nhờ có đảng mới có tự do tư tưởng. Như ý kiến tôi vừa trình bày, tôi hỏi lại ông Nhị là có đảng rồi mới có quần chúng hay có quần chúng rồi mới có đảng. Như thế thì rõ ràng không phải có đảng người nghệ sĩ mới có tự do tư tưởng mà ngay cả những thế kỷ trước, cũng như thời kỳ cách mạng, mặc dầu thực dân đàn áp khủng bố, Vũ Trọng Phụng vẫn kiên quyết tự do tư tưởng, tố cáo “cái xã hội đều” buộc tội giới cầm quyền lúc bấy giờ. Lúc ấy họ có là đảng viên đâu...Như thế thì tự do tư tưởng không phải là một vấn đề đảng ban ơn cho quần chúng như ông Nhị đã làm tưởng...”

Bùi Quang Đoài kết luận bài viết của mình như sau: “Trong một bài báo ngắn, tôi đã cố gắng trình bày vài sai lầm hoặc vài thiếu sót của ông Nhị về mặt kiến thức. Tôi xin đề nghị với ông Nhị một điều mà ông Nhị đã từng đề nghị với anh em Nhân Văn và Giai Phẩm: Cố gắng nghiên cứu, suy nghĩ, để giữ cho bản chất trung thực của người trí thức.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 139-140) (31)

Cũng trên Nhân Văn số 4, truyện ngắn “Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh” của Phùng Cung, một văn sĩ trẻ, kể chuyện cuộc đời của một con ngựa chiến được mệnh danh là “Bạch Long Thiên Lý Mã”. Lúc ở với mã phu là lão Nông, thì nó chạy như bay, không con ngựa nào địch lại, nhưng khi về Phủ Chúa Trịnh, chỉ ăn, tắm, trang điểm lộng lẫy, và kéo xe cho chúa, nên không còn lạnh lẽo như trước, và cuối cùng thất bại trong một cuộc đua sau đó. Phùng Cung muốn dùng hình ảnh của con ngựa này để ngụ ý đả kích những văn nghệ sĩ tài hoa trước kia như Xuân Diệu, Huy Cận, Hoài Thanh, đã cam tâm làm tay sai cho chế độ cộng sản, nên tài năng bị thui chột và mai một dần. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 149-154).

Ngoài những mục khôi hài biếm họa chỉ trích cán bộ đã xuất hiện ngay từ số đầu, Nhân Văn số 5 ra ngày 20.11.1956 được ghi dấu bằng bài viết “Thi Sĩ Máy” của Châm Văn Biếm, mà sau này người ta mới biết Châm Văn Biếm là Như Mai hay Hoàng Như Mai. Theo tác giả Châm Văn Biếm, chế độ cộng sản chỉ cần những người làm theo công thức như máy sản xuất, kể cả thơ ca, chứ không quý trọng tình cảm cũng như sáng tạo cá nhân con người. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 274-282)

3.- CUỘC PHẢN KHÁNG LAN RỘNG

Khi báo Nhân Văn mới xuất hiện, đảng lao động đang mở ra phong trào sửa sai sau Cải Cách Ruộng Đất, nên cũng có phần mềm mỏng và nói lỏng. Do đó, nhân những bài mào đầu của Nhân Văn, nhiều báo ở Hà Nội đã hưởng ứng sôi nổi, tuy ngắn ngủi nhưng khá hào hứng. Lúc đó, ở Hà Nội truyền khẩu một câu đồng dao: “Trần Dần, Lê Đạt, Phan Khôi, Các chú đi trước, thì rồi cháu theo.” (Nguyễn Văn Trấn, sách đã dẫn, trang 187)

Tờ báo trước tiên theo chân Nhân Văn là Đất Mới, tiếng nói của anh em sinh viên Hà Nội, ra mắt tháng 10.1956. Xuất bản được một số thì Đất Mới bị đình bản. Người chủ trương Đất Mới là Bùi Quang Đoài. Trên Đất Mới số 1, Bùi Quang Đoài đăng truyện ngắn “Lịch sử một chuyện tình”, kể lại một câu chuyện thật ở Hà Nội lúc bấy giờ, theo đó một cán bộ giáo dục cộng sản đã lợi dụng chức vụ chiếm đoạt tình yêu của nữ sinh. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 125-135).

Những tạp chí khác trước kia bình thường, nay cũng bắt đầu đăng những bài báo công kích những tệ nạn của nhà nước cộng sản và đảng lao động như báo Trăm Hoa của Nguyễn Bính, báo Thời Mới của Hiền Nhân.

Giai Phẩm Mùa Thu Tập 2 ra vào tháng 10.1956, có các bài nổi bật là “Những Người Khổng Lồ” của Trần Duy, bài thơ “Những Ngày Báo Hiệu Mùa Xuân” của Văn

Cao, và bài thơ “Chống Tham Ô Lãng Phí” của Phùng Quán. Bài của Phùng Quán được truyền bá rộng rãi nhờ những lời thơ thẳng thắn:

*“Tôi muốn đúc thơ thành đạn
Bắn vào tim những kẻ làm càn
Những con người tiêu máu của dân
Như tiêu giấy bạc giả!...
Những tên quan liêu đảng đã phê bình trên báo
Và bao nhiêu tên chưa ai biết, ai hay
Lớn, bé, nhỏ, to, cao, thấp, béo, gầy
Khấp mặt đất như bầy ruồi nhặng
Ở đâu cũng có!...”*

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 119)

Giai Phẩm Mùa Thu Tập 3 ra đời tháng 11.1956 đánh dấu bằng vở kịch nổi tiếng của Chu Ngọc: “Chúng Ta Gắng Nuôi Con”. Giai Phẩm Mùa Đông tháng 12.1956 đăng bài tham luận về vấn đề tự do của Giáo Sư Trần Đức Thảo nhan đề “Nội Dung Xã Hội và Hình Thức Tự Do”. Giáo Sư Trần Đức Thảo đã kết luận bài viết của mình như sau: “Trong bản tham luận đọc trước đại hội 8 của đảng cộng sản Trung Quốc, đồng chí Đặng Tiểu Bình, hiện giờ là tổng bí thư đảng cộng sản Trung Quốc đã nói: “Đảng không có quyền vượt lên trên quần chúng nhân dân, tức là đảng không có quyền ban ơn, cưỡng bách, mệnh lệnh đối với quần chúng nhân dân, đảng không có quyền xưng vương xưng bá trên đầu nhân dân.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 291)

Cũng trong Giai Phẩm Mùa Đông, với bài “Văn Nghệ và Chính Trị”, nhà nghiên cứu Trương Tửu, tuy thừa nhận “Đảng lãnh đạo văn nghệ là một tất yếu lịch sử”, nhưng lại đòi hỏi đảng “phải trả quyền điều khiển chuyên môn cho những nhà chuyên môn”. Trương Tửu viết: “Lãnh đạo tốt là tuyệt đối không ngăn cản văn nghệ sĩ phát hiện sự thật một cách hoàn toàn tự do...Họ [văn nghệ sĩ] hoàn toàn độc lập tác chiến, độc lập sáng tạo...họ chỉ tuân theo kỷ luật và chỉ thị của trái tim họ, của khối óc họ, của hiện thực xã hội mà họ phản ánh tùy theo trình độ nhận thức cá nhân của họ...Văn nghệ sĩ chân chính xưa nay đều chống lại chính trị của giai cấp cầm quyền...Văn nghệ sĩ yêu đảng nhưng họ yêu sự thực hơn đảng...Vận mạng của văn nghệ sĩ dài hơn vận mạng của đảng, dài hơn vận mạng của chế độ.” (Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 155)

Phong trào công kích phê bình nhà cầm quyền lan rộng sang cả những tờ báo của đảng như tờ cứu quốc do mặt trận tổ quốc chủ trương, tờ nhân dân và cả tờ học tập, cơ quan nghiên cứu lý luận của đảng, cũng nêu lên những trường hợp tham ô lạm quyền của đảng viên. Các tờ báo đảng thì đổ lỗi cho cá nhân các cán bộ đảng viên thoái hóa. Còn các báo khác thì cho rằng đây là sai lầm của lãnh đạo và chính sách của đảng (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 27).

CHÚ THÍCH

28.- Đinh Linh (Ding Ling, 1904-1986): Tên thật là Tưởng Băng Chi (Chiang Ping Chih). Những tác phẩm đầu tay nổi tiếng của bà trong thập niên 20 viết về những vấn đề phụ nữ và cuộc tranh chấp của giới phụ nữ trẻ chống lại xã hội phụ quyền Trung Hoa. Tác phẩm Lữ Lựt xuất bản năm 1931 (dịch sang Anh ngữ năm 1937) bắt đầu phản ảnh quan điểm vô sản. Bà gia nhập đảng cộng sản Trung Hoa năm 1933 (có sách viết là 1931). Tác phẩm nổi tiếng nhất của bà là Mặt trời chiếu trên sông Tang-Càn [Sang-kan], xuất bản năm 1948, mô tả phong trào cải cách ruộng đất vào cuối thập niên 40, được giải thưởng văn học Stalin năm 1951 (dịch sang Anh ngữ năm 1954). Bà liên tục dự vào những cuộc tranh luận văn học trong nội bộ đảng, bị chụp mũ là hữu phái, nên bị thanh trừng và loại ra khỏi đảng cũng

như mọi chức vụ năm 1957. Dầu vậy, bà vẫn nổi tiếng và là nhà văn nữ hàng đầu được ưa chuộng ở Trung Hoa. Sau 20 năm lao động ở nông trại vùng xa, bà được trả tự do năm 1978 và ân xá năm 1979.

29.- Nhân Văn số 1, Hà Nội, 20.9.1956.

30.- Nhân Văn số 2, Hà Nội 5.10.1956, “Chúng tôi phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ”, Ý kiến của ông Đào Duy Anh.

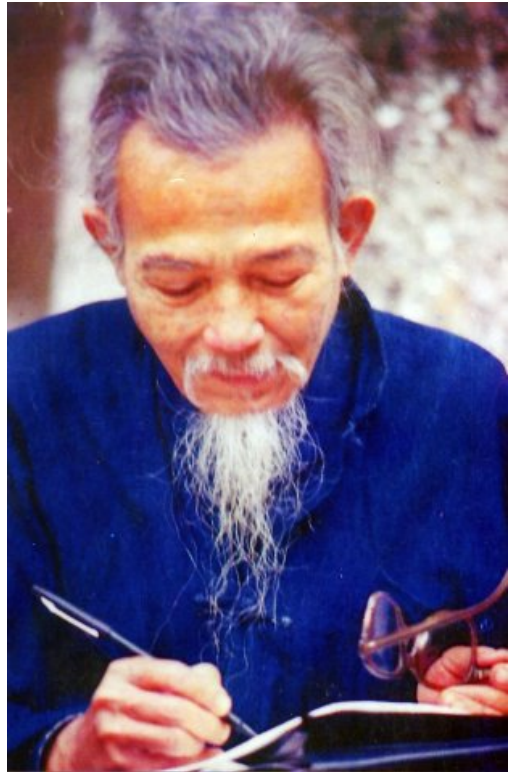
31.- Sau đợt học tập và kiểm thảo năm 1958, Bùi Quang Đoài không còn được dùng tên thật của mình làm bút hiệu nữa. Từ năm 1975, tác phẩm của Bùi Quang Đoài phải đề tên của người con trai là Thái Vũ, như Ba Đình, Giặc Chày Vôi...

V.- ĐÀN ÁP CỦA NHÀ CẦM QUYỀN

1.- CẢN TRỞ

Lo ngại ảnh hưởng của Nhân Văn, ngoài việc viết bài đả kích ngay từ đầu, nhà cầm quyền Hà Nội đã dùng nhiều phương cách gây trở ngại,...nhằm chặn đứng sự xuất hiện của Nhân Văn. Cần chú ý là đảng lao động tiếp thu chính quyền ở Bắc Việt năm 1954. Khi xảy ra vụ Nhân Văn năm 1956, thì đảng lao động mới cầm quyền được hai năm và đang chuẩn bị chiến tranh chống miền Nam, nên rất e ngại dư luận quốc nội cũng như quốc tế. Cộng sản lo ngại dân chúng trong nước bất mãn, bỏ trốn vào Nam, và lo ngại các cơ quan quốc tế vẫn còn hoạt động nhiều ở miền Bắc, chú ý theo dõi.

Lúc đầu cộng sản khủng bố ngầm bằng cách ra lệnh cho cơ quan mật dịch không bán giấy in báo Nhân Văn. Biện pháp này không đạt kết quả vì nhóm chủ trương Nhân Văn mua giấy chợ đen. Hà Nội liền kiếm cách khủng bố những người phát hành hay những sạp báo nào



có bán báo Nhân Văn. Trần Duy, Tổng Thư Ký tòa báo, đã đưa ra bài “Thành Thật Đấu Tranh Cho Tự Do Dân Chủ” trên Nhân Văn số 4 ngày 5.11.1956, tố cáo nhà cầm quyền và đảng lao động đã dùng những biện pháp ngầm để phá hoại và bóp chết báo Nhân Văn. Trần Duy viết: “...*Những hành động phá hoại ấy tuy riêng lẻ, không có một chủ trương nào dứt khoát, nhưng nó thành hệ thống, liên lạc, chứng tỏ rằng nó có chịu một sự chỉ huy...Anh em công nhân nhà in X.T. cũng thắc mắc không biết tờ Nhân Văn phản động ở chỗ nào và tại sao phản động mà chính phủ không cấm nó, lại phải để cho những kẻ đội lốt công đoàn vận động phá hoại nó?...Họ đổ cho Nhân Văn đã gây khó dễ cho đảng trong việc thống nhất Bắc-Nam, Nhân Văn làm chậm hiệp thương, Nhân Văn có tội với miền Nam...*” (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, từ trang 233-234)

Những phương pháp ngầm ngầm không hiệu quả, nhà cầm quyền Hà Nội quay qua vu khống những người viết báo chống đối là tay sai của địch, gián điệp của đế quốc. Báo nhân dân chạy tin rằng chính phủ Ngô Đình Diệm triển lãm báo Nhân Văn ở Đường Courtina [nv], Sài Gòn. Sự thật vào tháng 6.1956, bộ Thông Tin chính phủ miền Nam tổ chức một cuộc triển lãm các tài liệu chứng tỏ cộng sản không tôn trọng hiệp định Genève tại Phòng Thông Tin Sài Gòn ở Đường Catinat (Đường Tự Do), trong đó có triển lãm những tờ báo bắt được của những cán bộ cộng sản nằm

vùng như nhân dân, cứu quốc. Lúc đó báo Nhân Văn chưa ra đời. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 30).

2.- LÀN GIÓ CHƯỚNG

Theo quy luật của tạo hóa, hoa nở để rồi tàn, nhưng tàn xong thì hoa nở lại. Đảng này, trăm hoa báo chí vừa đua nở ở Bắc Việt thì lại tàn lụi vĩnh viễn, vì một làn gió chướng từ nước ngoài mới thổi đến. Nguyên sau đại hội 20 đảng cộng sản Liên Xô, Nikita Khrushchev nói là đưa ra chính sách mềm dẻo, nhưng chính phủ ông chẳng mềm dẻo tí nào đối với phong trào công nhân của các nước cộng sản láng giềng.

Ngày 28.6.1956, 50.000 công nhân thành phố kỹ nghệ Poznan (Ba Lan: Poland), ở phía Tây Thủ Đô Warsaw, nổi lên đòi tự do và cơm áo. Đảng cộng sản Ba Lan đàn áp, 53 người chết và khoảng 200 bị thương. Các đơn vị Liên Xô sẵn sàng tiến vào Ba Lan, nhưng lãnh tụ Wladyslaw Gomulka đã khéo léo thuyết phục Khrushchev không can thiệp vào nội tình Ba Lan.

Tại Hung Gia Lợi (Hungary), một nước cộng sản Đông Âu khác, Imre Nagy lên làm Thủ Tướng ngày 4.7.1953, đưa ra nhiều cải cách, giải tán các trại tập trung, khoan hồng tù nhân. Nagy bị các lãnh tụ thân Liên Xô thay thế năm 1955. Ngày 23.10.1956, sinh viên và dân chúng nổi lên biểu tình, đòi hỏi dân chủ, đòi chấm dứt ảnh hưởng của Liên Xô và yêu cầu đưa Nagy trở lại chính quyền. Để mỵ dân, đảng cộng sản đưa Nagy trở lại ghế Thủ Tướng ngay ngày hôm sau, 24.10. Nagy xin thương thuyết với Liên Xô. Quân đội Liên Xô rút ra khỏi thủ đô Budapest ngày 27-10, nhưng ba ngày sau, 30.10, quân Liên Xô bất ngờ tiến vào Budapest trở lại, lật đổ Nagy, lập János Kádár lên thay. Imre Nagy và vị Tướng Tổng Chỉ Huy quân nổi dậy bị bắt và bị giết năm 1958.

Như thế, tuy tuyên bố chính sách mềm dẻo, nhưng Khrushchev vẫn xua xâm lăng Hung Gia Lợi, dẹp tan những đòi hỏi chân chính của nhân dân nước này. Nói cách khác, chính sách của Liên Xô chỉ mới hé mở chứ chưa thay đổi trên thực tế. Điều này là những tín hiệu khuyến khích giới lãnh đạo đảng lao động Bắc Việt trở lại chính sách cũ. Nhà cầm quyền Hà Nội nhân cơ hội đàn anh Liên Xô cứng rắn trở lại, liền ra tay đàn áp thẳng thừng những phản kháng ở trong nước.

3.- THẮNG TAY ĐÀN ÁP

Để chuẩn bị dư luận, báo nhân dân ngày 10.12.1956 vừa cho đăng bài "Chống vu khống xuyên tạc" của Xuân Trường, đả kích Nhân Văn, vừa loan báo 500 đại biểu công nhân các nhà in tư nhân phản đối báo Nhân Văn và gửi kiến nghị thư cho ủy ban hành chính Hà Nội đòi có phản ứng. Ngày 11.12, báo nhân dân đăng thêm bài "Giữ vững nguyên tắc dân chủ" của Quang Đạm tố cáo Nhân Văn đã lợi dụng dân chủ để gây rối. Ngày 12.12, báo nhân dân đăng thư bạn đọc chỉ trích Nhân Văn số 4 (ra ngày 5.11.1956) đã lợi dụng hai chữ quần chúng, và đã tỏ ra "vô kỷ luật, vô tổ chức". Ngày 13.12, báo nhân dân đưa tin 52 hội đoàn, đơn vị xí nghiệp đã viết kiến nghị chống Nhân Văn với 6.704 chữ ký. Ngày 14.12, báo nhân dân cho biết có hơn 1.000 người Hà Nội viết thư phản đối báo Nhân Văn, yêu cầu Phủ Thủ Tướng, ban thường trực quốc hội, bộ tư pháp, bộ nội vụ có thái độ đối với Nhân Văn. Những tấn công dồn dập trên báo nhân dân là dấu hiệu cho thấy đang có một mưu toan của nhà cầm quyền nhằm dứt điểm Nhân Văn. Mưu toan đó là những cuộc bàn thảo trong các cuộc họp tại thành ủy Hà Nội (tức ủy ban đảng lao động thành phố) để kiếm cách đối phó với Nhân Văn.

Cuộc họp thứ nhất tại thành ủy Hà Nội vào khoảng giữa tháng 10.1956, sau hai số Nhân Văn. Tại cuộc họp này Tố Hữu, đại diện trung ương đảng, phát biểu: "*Các anh [chỉ thành ủy Hà Nội] mất cảnh giác chính trị trước một trào lưu tư sản đang chống đối chế độ... Các anh chưa nhận thức tình hình hiện nay... Các anh không*

thấy Hungarie tình hình bắt đầu như thế nào à ? Nó bắt đầu từ Câu lạc bộ Pétofi...” (32) Trong cuộc họp vào khoảng giữa tháng 12, Tố Hữu nói rằng “tờ Nhân Văn số 6 kích động nhân dân biểu tình nhân dịp quốc hội sắp họp”, dù lúc đó Nhân Văn số 6 mới lên khuôn chữ chưa được in. Ông Vũ Định, phụ trách công đoàn (tức liên đoàn lao động) Hà Nội, liền được thành ủy cử đến gặp công nhân nhà in Xuân Thu yêu cầu ngừng in báo Nhân Văn. (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 69). Ngày 15.12.1956, ba sự kiện xem ra có vẻ độc lập sau đây diễn ra trong cùng một ngày:

- Hồ chí Minh ban hành sắc lệnh bắt buộc báo chí phải phục vụ nền chuyên chính vô sản, không được chống chế độ, chống chính phủ, không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn...và sẽ phạt tù từ 5 năm đến chung thân khổ sai, tịch thu tài sản nếu ai phạm vào những điều cấm.

- Báo nhân dân đăng lời tuyên bố của 235 văn nghệ sĩ Nam Bộ tập kết ra Bắc lên án Nhân Văn là phương tiện cho địch gây chia rẽ Bắc-Nam, và đăng lời ngỏ của 180 nhà báo Hà Nội lên án Nhân Văn “nói sai sự thật, xuyên tạc nhiều vấn đề với dụng ý bôi xấu chế độ ta.”

- Bác sĩ Trần duy Hưng, chủ tịch ủy ban hành chánh (tương đương với thị trưởng) Thành Phố Hà Nội ra quyết định đình bản vĩnh viễn báo Nhân Văn. Lúc đó, Nhân Văn số 6 vừa mới được lên khuôn ở nhà in Xuân Thu, thì bị chết yểu (ngày 15.12.1956), không được ra mắt độc giả, chấm dứt luôn đời sống ngắn ngủi của báo Nhân Văn. (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 31.)

Ba động tác nhịp nhàng cùng một lần, không trước không sau, và không phải là không có đạo diễn, chứng tỏ quyết tâm của nhà cầm quyền cộng sản cương quyết vùi dập báo Nhân Văn, bông hoa hương sắc nhất trong cảnh trăm hoa đua nở trên đất Bắc năm 1956, để rồi sau đó vùi dập luôn các bông hoa khác, vì sau báo Nhân Văn, các báo khác như Trăm Hoa của Nguyễn Bính, Thời Mới của Hiền Nhân, Đất Mới của sinh viên Hà Nội, Giai Phẩm cũng lần lượt bị dẹp luôn.

VI.- TIẾP TỤC KHỦNG BỐ

1.- BÁO CHẾT CHƯA HẾT CHUYỆN

Báo Nhân Văn chính thức bị đóng cửa ngày 15.12.1956, nhưng vấn đề Nhân Văn vẫn còn dây dưa lâu ngày. Trước hết là các báo của đảng lao động vẫn tiếp tục chiến dịch đả kích Nhân Văn.

Ngày 16.12, báo nhân dân loan báo rằng 180 nhà báo Hà Nội, 25 nhà văn trong đó có Tô Hoài, Thế Lữ, Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Bính, Nguyễn Hồng, Thanh Tịnh, Đặng Thai Mai, cùng các văn nghệ sĩ liên khu 5 như Nam Trân, Phan Thao (con của chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Nhân Văn là Phan Khôi) lên tiếng phản đối Nhân Văn. Ba hôm sau (19.12), báo nhân dân cho biết đến lượt các văn nghệ sĩ quân đội đả kích Nhân Văn. Ngày 23.12, cũng theo báo nhân dân, sinh viên học sinh Hà Nội phản đối tạp chí Đất Mới. Ngày 30.12.1956, Nhân Dân kết toán rằng chỉ trong ba ngày, từ 28.12 đến 30.12, đã có 1.415 độc giả viết bài phê phán báo Nhân Văn.

Sau khi đả kích Nhân Văn, Giai Phẩm, hội văn nghệ Hà Nội, trong tinh thần tự sửa sai, ra thông báo ngày 20.12.1956, nhận khuyết điểm về việc phát giải thưởng văn học trước đây (Chính Đạo, sách đã dẫn, trang 109). Tiếp đó, hội văn nghệ được thay thế bằng hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam trong đại hội văn học nghệ thuật toàn quốc kỳ 2 tổ chức vào đầu năm 1957 (Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 142). Dưới hội liên hiệp văn học nghệ thuật, các hội chuyên ngành được thành lập như hội nhà văn, hội mỹ thuật, hội nhạc sĩ sáng tác. Để bù vào chỗ trống do Nhân Văn và Giai Phẩm để lại, nhà cầm quyền cộng sản liền ra lệnh cho hội liên hiệp văn học nghệ thuật xuất bản tuần báo Văn, do Nguyễn Công Hoan làm Chủ

Bút, Nguyễn Tuân làm Phó và Nguyễn Hồng giữ chức Tổng Thư Ký. Báo Văn theo đúng chủ trương đi dây giữa Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, nghĩa là một nửa để dịch tiểu thuyết Liên Xô, còn một nửa kia để viết về văn học Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa.

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 32).

Số Văn đầu tiên ra mắt độc giả là ngày 10.5.1957, ít hấp dẫn người đọc, vì không được sự cộng tác của những tác giả thời danh. Bài vở quá kém khiến Văn bị báo học tập, cơ quan nghiên cứu và lý luận của đảng lao động, chỉ trích vào số đầu tháng 8.1957. Thế Toàn, tác giả bài báo chỉ trích, đã viết: *"Qua 10 số đầu của tuần báo Văn, chúng tôi nhận thấy nội dung tờ báo còn quá nghèo nàn. Tờ báo hầu như xa rời thực tế, xa rời cuộc sống, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng..."* (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 32)

Nhà văn Nguyễn Hồng, Tổng Thư Ký tòa báo, đã trả lời và phê bình rằng Thế Toàn quan liêu và trích thượng, trên báo Văn số 15 ra ngày 16.8.1957. Có lẽ để đáp lại thiết thực hơn cho yêu cầu của tờ báo đảng (học tập), báo Văn bắt đầu cho đăng những bài phản ảnh thực tế xã hội, tâm tư của những nhà văn chân chính.

Trên báo Văn số 21 ra ngày 27.9, xuất hiện bài "Lời Mẹ Dặn" của Phùng Quán (cháu gọi Tố Hữu bằng cậu ruột) với những lời thơ làm cho thanh danh của ông trở thành bất tử:

*"Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giáy tôi ai cướp giết đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá."*

(Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 121)

Hoàng Cầm, một kiện tướng của Nhân Văn, lần này đưa đăng vở kịch thơ "Tiếng Hát Trương Chi" trên báo Văn số 24 ngày 18.10.1956. Vở kịch thơ này dùng câu chuyện tiếng hát của chàng lái đò Trương Chi đã làm say mê My Nương, nhưng vì quan niệm phân biệt giàu nghèo của người cha My Nương, nên hai bên không kết hôn được. Qua lời thơ của Hoàng Cầm, "Tiếng Hát" tượng trưng cho tiếng gọi của tự do:

*"Nào người quả phụ trắng khăn tang
Nào đứa em mồ côi khát sữa
Nào ai sống nhục chết oan
Nào ai tan lìa đôi lứa
Nghe tiếng hát này..."*

Cha của My Nương (tượng trưng cho đảng) tìm cách ngăn cản:

*"Khóa kín cả lâu, lấp cả sông
Để không còn tiếng hát!..."*

Tiếng hát kêu gọi tự do vượt các trở ngại đến tai mọi người:

*"Tiếng hát đẩy được vào
Vì đó là tiếng gọi của trời cao
Của đất rộng..."*

My Nương, tượng trưng cho văn nghệ sĩ cùng dân chúng, kiếm tất cả các cách để đi tìm tiếng hát, tượng trưng cho tự do:

"Ta mở được, ta vượt qua tường đá

Ta chạy ra sông!

Đi bốn phương trời

Tim tiếng hát...ta đi cùng thiên hạ..."

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang. 238-244)

Bức tranh nhiều hình "Một Phương Pháp Xây Dựng Văn Nghệ" của Trần Duy, nguyên Tổng Thư Ký báo Nhân Văn, xuất hiện trên Văn số 30 ngày 29.11.1957 thật là ý nghĩa. Bức tranh này gồm sáu hình nhỏ. Hình thứ nhất tả người họa sĩ đang vẽ hoa thì một cán bộ xuất hiện hỏi "Hoa này do đâu mà ra?". Họa sĩ vẽ thêm cái chậu, một cán bộ khác đặt vấn đề "Hoa để cho ai? Phục vụ cái gì?" (hình 2). Họa sĩ thêm một công nhân ngắm hoa, một đại diện của nhà cầm quyền lên lớp: "Công nông binh là một lực lượng không thể tách rời được." (hình 3) Họa sĩ lại thêm cho đủ công nông binh, nhưng có kẻ chỉ dạy: "Không nên cô lập công nông binh, phải có sự hỗ trợ của quần chúng." (hình 4). Đành phải thêm, vẫn chưa đạt: "!!!Và phải diễn tả đấu tranh thắng lợi!!!" (hình 5). Khi diễn tả đấu tranh thắng lợi, họa sĩ nhìn lại bức tranh, thì "Ồ!!!"(hình 6), bức tranh không còn là bức tranh nữa.

Rồi đến lượt báo Văn bị đóng cửa sau khi đăng câu chuyện "Ông Năm Chuột" của Phan Khôi trên số 36 ra ngày 10.1.1958. Trong bài này, Phan Khôi kể lại chuyện một người nghèo khổ trong làng ông ở Quảng Nam, được dân chúng gọi là Năm Chuột, chuyên nghề thợ rèn, thợ bạc. Tuy bề ngoài nghèo khổ, nhưng ông Năm Chuột giỏi chữ Nho và khá ranh mãnh, biết đánh giá từng người và thấy rõ những mặt trái của các quan viên trong làng. Phan Khôi muốn ngụ ý giai cấp thống trị thời nào cũng chẳng mấy tốt đẹp, và dầu khéo che đậy cách mấy vẫn không qua mặt được dân chúng.

2.- CUỘC ĐẤU TỔ CÁC VĂN NGHỆ SĨ

Bốn ngày trước khi báo Văn số chót (số 36) được ấn hành, bộ chính trị trung ương đảng lao động ra nghị quyết ngày 6.1.1958 về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ do Trường Chinh ký, nội dung có đoạn viết:

"Khuynh hướng phá hoại của nhóm Nhân Văn bị đánh lui, những người tham gia nhóm đó bị số đông văn nghệ sĩ phản đối. Tuy vậy cuộc đấu tranh chống khuynh hướng Nhân Văn mới ở bước đầu, những hoạt động nguy hại và bộ mặt thực về chính trị của những phần tử xấu trong nhóm Nhân Văn chưa bị bóc trần trong giới văn nghệ...Số đông văn nghệ sĩ tập trung ở Hà Nội, mấy năm nay đã xa rời thực tế lao động và sinh hoạt của quần chúng công nông binh, lại rất ít học tập chính trị không hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, chưa được giáo dục về tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, lập trường chính trị rất mơ hồ, ý chí phấn đấu cách mạng giảm sút nghiêm trọng, trạng thái giao động hoang mang còn nặng, ngay cả trong hàng ngũ đảng viên, ranh giới giữa địch và ta có lúc bị lu mờ, tình trạng mất cảnh giác là phổ biến. Đồng thời tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tự mãn, tự kiêu ngạo, hiếu danh, tham tiền, tư tưởng an nhàn hưởng lạc ngày càng nảy nở. Tư tưởng tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật, chia bè nhóm cũng đang trên đà phát triển...Cần có kế hoạch khuyến khích giúp đỡ các văn nghệ sĩ đi xuống các cơ sở sản xuất, đi vào công nông binh, và nếu có thể thì tham gia lao động để thâm nhập thực tế và gần gũi quần chúng hơn. Mặt khác, cần có kế hoạch tổ chức cho văn nghệ sĩ học tập một cách thường xuyên những vấn đề thời sự và chính sách trong giai đoạn mới của cách mạng, tiến tới tổ chức học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, cải tạo tư tưởng có hệ thống..."
(Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 163).

Nghị quyết này báo hiệu một màn thanh trừng mới: Văn nghệ sĩ phải thấm nhuần đường lối xã hội chủ nghĩa (tức chỉnh huấn), phải xâm nhập thực tế (nghĩa là cưỡng bức lao động), và phải học tập chính sách cách mạng mới của đảng lao động.

Trước tiên, tiểu ban văn nghệ trung ương của đảng tiến hành kiểm tra toàn bộ các tổ chức văn hóa, hội nhà văn, hội âm nhạc, hội mỹ thuật, ngành sân khấu, ngành điện ảnh, các Trường Đại Học, nhất là các khoa văn và sử. Tiểu ban văn nghệ phối hợp chặt chẽ với vụ bảo vệ văn hóa của ngành công an, phân loại các thành phần văn nghệ sĩ trí thức như sau:

- a.- Đối tượng (để đấu tranh, tức là loại bị xếp vào hạng phản động, phá hoại).
 - b.- “những người có vấn đề” (bị coi là sai lầm nhưng chưa hẳn ngoan cố).
 - c.- “những người lừng chừng” (chưa tích cực đấu tranh).
 - d.- “chỗ dựa” (lập trường theo đảng vững).
- (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 29)

Tiểu ban văn nghệ trung ương tổ chức hai đợt học tập: Đợt đầu vào tháng 2.1958 gồm 172 người tham dự, và đợt thứ hai vào tháng 3.1958 với 304 người tham dự. Mục đích cuộc học tập này để nghiên cứu nghị quyết về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ của Bộ chính trị và hai nghị quyết của hội nghị các đảng Cộng Sản tại Moscow vào cuối năm 1957. (33) Có bốn người không chịu tham dự các cuộc học tập này. Đó là Phan Khôi, Thụy An Lưu Thị Yên, Nguyễn Hữu Đang, và Trương Tửu. Công an liền bắt Thụy An và Nguyễn Hữu Đang giam ngục thất Hỏa Lò, Hà Nội. Phan Khôi quá già, uy tín lại lớn, nhất là đối với những người miền Nam tập kết ra Bắc, nên cộng sản không bắt, nhưng cô lập ông ta. Còn Trương Tửu thì bị cất chức Giáo Sư Đại Học Văn Khoa, gia đình bị bao vây kinh tế, vợ bị rút giấy phép buôn bán. (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 36)

Mở đầu cuộc học tập, ban tổ chức cho biết yêu cầu quan trọng nhất của trung ương đảng là phải làm trong sạch đội ngũ đảng viên trong giới văn nghệ sĩ và trí thức, các văn nghệ sĩ phải chọn một thể đứng dứt khoát, hoặc về “phe ta” hoặc theo “phe địch”, chứ không thể lừng chừng. Học xong nghị quyết của đảng, mỗi học viên phải tự làm “kiểm thảo”, thành thật khai báo những sai lầm của mình để mọi người phê phán và góp ý sửa đổi.

Thực chất việc kiểm thảo này là một cuộc chỉnh huấn và đấu tố các văn nghệ sĩ, trí thức thuộc nhóm đối tượng và nhóm những người có vấn đề. Chẳng những chỉ bị “tố giác, hỏi cung tập thể”, các văn nghệ sĩ và trí thức thuộc hai nhóm này còn bị công an “làm việc” riêng một cách tích cực nữa.

Ngoài ra, để sửa soạn dư luận cho một cuộc đàn áp rộng lớn đang được chuẩn bị, những văn nghệ sĩ và trí thức trên bị các báo của đảng lao động đả kích thường xuyên trong nhiều tháng. Nhà văn Nguyễn Minh Cần, lúc đó là phó chủ tịch ủy ban hành chánh (tương đương phó thị trưởng) Thành Phố Hà Nội, trưởng ban tuyên huấn thành ủy, kiêm chủ nhiệm báo Thủ Đô, cho biết: “*Các bài “đánh” anh em Nhân Văn Giai Phẩm đều do ban tuyên huấn trung ương đặt người viết, kể cả các bài đăng ở các báo địa phương như Hà Nội, Hải Phòng...Đảng làm việc này chặt chẽ lắm! Có kế hoạch chuẩn bị từ trước của trung ương là bài nào đăng ở báo nào, ai viết, viết gì...Các thành ủy, các địa phương không phải bàn cãi, cứ thế mà làm.*” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 72).

Từ tháng 3.1958, các số nhân dân ngày 2.3, 12.3, 14.4 liên tục đăng nhiều bài tố cáo Trần Dần, Hoàng Cầm, Trần Duy, Tửu Phác. Sau đợt học tập thứ hai, những bài tự kiểm thảo nhận tội của Trần Dần, Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Hoàng Cầm và Văn Cao được đưa lên báo nhân dân.

Báo văn nghệ, số 11, xuất bản đầu tháng 4.1958, đăng bài của Hoài Thanh kể tội Trương Tửu: “*Cách mạng tháng tám thành công ngày 19.8.1945. Ba tuần sau,*

vào ngày 10.9.1945, Trương Tửu xuất bản quyển *Tương Lai Văn Nghệ Việt Nam*. Trong quyển sách cũng như trong lời tựa, hoàn toàn không có lấy một lời nói đến cách mạng tháng Tám. Vẫn một lối huênh hoang và bịp bợm cũ, nó làm như chỉ có nó mới là triết để cách mạng. Một mặt nó bóp méo, bịa đặt để vu khống... Một mặt khác nó xuyên tạc lời nói của các lãnh tụ. Nó trích dẫn Mác đã kích chính quyền phản động cũ để gián tiếp đã kích chính quyền ta.” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 32).

Trên nhân dân ngày 12.4.1958, Thế Lữ tố khổ Phan Khôi, Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Nhân Văn: “Phan Khôi phản cách mạng, ngấm ngấm chống đảng lãnh đạo cách mạng từ trong kháng chiến, đó là việc hiện giờ ta thấy rõ hiển nhiên. Phan Khôi vẫn khoe là được Hồ Chủ Tịch tặng một chiếc áo lụa, và kể cho tôi nghe một chuyện gặp Hồ Chủ Tịch. Chuyện được áo, tôi không thấy ông ta tỏ ra một ý nào gọi là cảm kích. Phan Khôi không cảm thấy được rằng một cử chỉ đơn giản đó của Người biểu trưng cho một tình bao dung nhân ái rộng lớn dồi dào của đạo đức cách mạng.” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 33).

Báo thủ đô, xuất bản tại Hà Nội, số ngày 23.4.1958, đăng bài của tác giả Xuân Dung tố cáo bà Thụy An: “...Có người (hiện đương ở Hà Nội), lại trông thấy Thụy An ngồi chung xe với tên tướng giặc Cô-nhi [Cogny], ấy là chưa kể có tin nó vào Sài Gòn rồi trở ra Hà Nội, một tháng trước khi tiếp quản... Giải phóng thủ đô, nhiều người lạ lòng vì sự có mặt của con này. Riêng cái việc xuống Hải Phòng khi ta chưa tiếp quản, rồi lại về Hà Nội một cách đàng hoàng cũng đủ cho ta suy nghĩ...” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 30).

Trên báo nhân dân ngày 1.5.1958, trong bài “Vạch Mặt Bọn Nhân Văn Giai Phẩm”, Nguyễn đình Thi đã tố cáo: “Rơi sáng cái ổ Nhân Văn-Giai Phẩm ấy, chúng ta thấy hiện lên những tên tác động tinh thần, mặt thám, những bọn lái buôn văn nghệ, những tên phản cách mạng già đời, tất cả bọn chúng ngoặc với một số người văn nghệ từ chỗ sa đọa đi tới phản động về chính trị... Trong đời sống, những phần tử Nhân Văn-Giai Phẩm đã trở lại là những “cậu ấm con quan”, “công tử nhà giàu”, có cả những chủ nợ lãi, chủ nhà thổ lậu, hoặc những kẻ sống nửa lưu manh, không có đất đứng trong xã hội...” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 30).

Báo văn nghệ số 12 ra đầu tháng 5.1958, Bùi Huy Phồn trở lại “đánh” Trương Tửu thêm một lần nữa: “Có người thấy Trương Tửu theo đuổi được chín mươi năm [kháng chiến] cũng là một điều kỳ lạ. Tôi thì tôi muốn đặt ngược lại vấn đề: Trương Tửu theo kháng chiến có phải thực tâm tán thành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của chúng ta, hay vì “mục đích” gì khác nữa?... Trong khi giảng dạy ở Trường Đại Học, hoặc nói chuyện với những sinh viên thân cận, Trương Tửu đưa ra một mô lý luận sặc mùi tư-ró-kít nếu không là gián điệp: Nào là “giai cấp công nhân sắp hết vai trò sản xuất, quân đội sắp hết vai trò chiến đấu trong thời đại nguyên tử này”. Để làm gì, nếu không nhằm làm tê liệt ý chí đấu tranh và sản xuất của các tầng lớp cơ bản trong nhân dân ta...” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 32).

Trong giới Giáo Sư Đại Học, Giáo Sư Phạm huy Thông đã phê phán Giáo Sư Trần Đức Thảo một cách cay độc trên nhân dân số ngày 4.5.1958: “Trở nên môn đệ của Giăng Pôn Xac [Jean Paul Sartre], Thảo đã tham gia những hoạt động văn hóa và chính trị phản động của nhóm “Thời Nay” [Les Temps Modernes] do Xac chỉ huy, nêu cao thuyết “sinh tồn” [Existentialisme], một thuyết phản động về triết học và chính trị, chủ yếu nhằm chống lại phong trào cộng sản ở các nước phương Tây... Thảo vu khống đảng cộng sản Pháp có đầu óc đế quốc thực dân, phỉ báng chính sách ngoại giao của ta mà Thảo cho là đầu hàng, phản bội. Nói về Hiệp ước sơ bộ 6.3.1946, Thảo đã phụ họa với bè lũ tư-ró-kít, chống lại chính phủ ta và đã

thốt lên những lời thóa mạ thô bỉ, rất hỗn xược với các lãnh tụ của ta.” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 32).

Trên văn nghệ số 12, Nguyễn Hữu Đang bị một người viết ký tên là Hồng Vân tố cáo: “Hắn là con một tên Chánh Tổng ở Thái Bình. Chính gia đình địa chủ cường hào này đã rèn luyện cho hắn cái đầu óc thích “ăn trên ngồi tróc”, thích địa vị với nhiều thủ đoạn nham hiểm và tàn nhẫn... Trong Chiến Tranh Thế Giới Thứ Hai, để quốc lỏng lẻo khủng bố, toàn bộ đảng ta rút vào bí mật. Không những cán bộ, đảng viên, mà cả những đoàn viên thanh niên dân chủ cũng bị lùng bắt. Còn Nguyễn Hữu Đang vẫn hoạt động công khai trong phong trào truyền bá quốc ngữ...” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 31).

Sau hai lớp học tập vào tháng 2 và 3.1958 và sau khi các báo đảng liên tiếp đăng bài đả kích, “vạch mặt” các văn nghệ sĩ và trí thức “phản động” trong nhóm Nhân Văn và Giai Phẩm, ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam nhóm họp tại Hà Nội ngày 4.6.1958 để tổng kết và ra nghị quyết lên án gắt gao nhóm văn nghệ sĩ và trí thức này. Trong “Báo cáo tổng kết cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm”, đọc tại cuộc họp, có những đoạn Tố Hữu viết: “...Cuộc đấu tranh từ năm tháng nay chống nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” trên mặt trận văn nghệ, một cuộc đấu tranh quyết liệt, có tính cách quần chúng và toàn quốc, chưa từng thấy mấy chục năm nay... Dưới sự lãnh đạo kiên quyết và sáng suốt của đảng ta, cuộc giao phong tư tưởng vừa qua đã giành được thắng lợi lớn... Lật bộ áo “Nhân Văn-Giai Phẩm” thối tha, người ta đã thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, mật thám, lưu manh, trót-kít, địa chủ tư sản phản động, quần tụ trong những tổ quỷ với những gái điếm, bàn đèn, sách “chống cộng”, phim ảnh khiêu dâm...” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 34).

Thế rồi, Tố Hữu gọi các văn nghệ sĩ là: “bọn trót-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo... Bọn Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, hai tên phản đảng... Bọn Trần Dần, Tử Phác, những tên phản đảng, những đứa con hư của Hà Nội cũ... Tên mật thám Trần Duy... Bọn Phan Khôi, mật thám cũ của thực dân Pháp... Bọn gián điệp Thụy An...” Và Tố Hữu khép họ vào các tội danh: “...ra mặt phản cách mạng, đánh thẳng vào chế độ của sự lãnh đạo của đảng... âm mưu gây biến động... Lũng đoạn hội nhà văn và các cơ quan nghệ thuật, xây dựng “pháo đài” chống cách mạng ở Trường Đại Học... Kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản... Khiêu khích nhân dân chống lại chế độ và đảng lãnh đạo... chống lại nền chuyên chính vô sản, chống lại toàn bộ cách mạng xã hội chủ nghĩa... gieo rắc chủ nghĩa dân tộc tư sản, chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản... Ra sức chửi rủa cái mà chúng gọi là chủ nghĩa Xtalin, vu khống đảng ta là “giáo điều”, “nô lệ” và vu khống các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô, Trung Quốc...” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 35).

Riêng nhóm Nhân Văn và Giai Phẩm, Tố Hữu lên án là “phản động”, “phản cách mạng” vì nhóm này dám: “Phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, đòi “tự do độc lập” của văn nghệ, rêu rao “sứ mạng chống đối” của văn nghệ, phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên con đường trừu tượng... đã kích văn nghệ kháng chiến của ta... phủ nhận hoàn toàn phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, coi đó là một sản phẩm của “thời kỳ Xtalin”... Đòi trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ thực ra là đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng...” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 35).

Ngày hôm sau, 5.6.1958, cũng ngay tại Hà Nội, 800 văn nghệ sĩ họp để bàn thảo một nghị quyết gọi là “Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ”, phụ họa với nghị quyết của ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam (theo Thụy Khuê, bài đã dẫn.). Các hội chuyên ngành trong Liên hiệp Văn học Nghệ thuật đã họp và ra nghị quyết áp đặt kỷ luật đối với nhóm văn nghệ sĩ và trí thức “phản động”, theo đó:

Hội Nhà văn khai trừ Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An, Trần Dần, Lê Đạt, và loại Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh ra khỏi ban chấp hành. Hội Mỹ thuật khai trừ Trần Duy, và loại Sĩ Ngọc, Nguyễn Sáng ra khỏi ban chấp hành. Hội Nhạc sĩ sáng tác khai trừ Tử Phác, Đặng Đình Hưng [thân sinh nhạc sĩ Đặng Thái Sơn], và loại Văn Cao, Nguyễn Văn Tý ra khỏi ban chấp hành... (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 36).

Tuy đã phê bình, kiểm điểm, đấu tố, nhưng vào tháng 7.1958, trong bài “Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao” trên tạp chí văn nghệ số 14, thi sĩ Xuân Diệu vẫn còn đả kích Văn Cao là “con người phản phúc hai mặt, giả dối như con mèo, là một tên phù thủy toan dùng âm binh để chọi nhau với đảng.” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 220)

Sau khi kiểm thảo, tự làm tờ thú tội, các văn nghệ sĩ bị cưỡng bức đưa đi lao động học tập. Những người bị “tội” nặng thì đi xa, lên các vùng núi non nước độc, những người bị “tội” nhẹ thì đi gần hơn ở các vùng trung du hay vùng đồng chua nước mặn duyên hải. Tạp chí văn nghệ, số 14, tháng 7.1958, trong bài “Năm chắc lầy vũ khí chiến đấu của chúng ta” cho thấy lý do vì sao cần lao động học tập: “Mọi người đều thấy là cần thiết và rất hoan nghênh một việc quan trọng mà ban chấp hành hội liên hiệp văn học nghệ thuật đã đề ra là tất cả các văn nghệ sĩ đều phải cố gắng, tích cực đi vào thực tế đời sống công nông binh “tham gia lao động”. Tất nhiên nhóm phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm cũng đi với chúng ta, nhưng việc làm của họ có ý nghĩa hoàn toàn khác [để thử thách, theo dõi].” (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 37).

Toàn bộ hồ sơ của vụ Nhân Dân và Giai Phẩm được ban tuyên huấn đảng lao động gom lại trong quyển sách nhan đề là Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm trước tòa án dư luận do nhà xuất bản sự thật, phát hành tại Hà Nội năm 1959. Trong tiêu mục “Cái ổ chuột “Nhân Văn- Giai Phẩm” bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận”, sách này đã lên danh sách những người đã tham gia Nhân Văn và Giai Phẩm như sau: “Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị nói trên [tức hai cuộc học tập vào tháng 2 và 3.1958], chúng ta được biết nhóm phá hoại “Nhân Văn-Giai Phẩm” bao gồm những tên đầu sỏ, những “cây bút” đã viết “hoặc nhiều hoặc ít” cho Nhân Văn-Giai Phẩm như: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, và Lê Đại Thanh...Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt).” (Sách Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm...từ trang 309-310). Về sau, có thêm Hữu Loan và một vài người nữa (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 36)

Tuy thế, mọi sự vẫn chưa hết. Nhà nước cộng sản còn đưa một số người mà họ cho rằng đầu sỏ nhất ra tòa. Đó là Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo (chủ nhà sách Minh Đức), Phan Tài, và Lê Nguyên Chi.

3.- TRƯỚC TÒA ÁN NHÂN DÂN

Dưới chế độ cộng sản, chỉ có một cơ quan được mang danh “nhà nước”, đó là “Ngân hàng nhà nước”, chuyên phát hành tiền bạc, còn bất cứ cơ quan nào cũng được gọi là “nhân dân”, như “Quân đội nhân dân”, “Công an nhân dân”, “Tòa án nhân dân”...Nói thế để thấy rằng tòa án nhân dân ở đây cũng là một cơ quan pháp luật của nhà nước, trong hệ thống tư pháp nhà cầm quyền.

Nhà cầm quyền cộng sản quyết định đem ra xét xử vào tháng 1.1960 các nhân vật chủ chốt vận động và bảo trợ phong trào văn học đối kháng Giai Phẩm và

Nhân Văn trước tòa án nhân dân Hà Nội. Có một vấn đề tế nhị họ muốn tránh né: Không thể xét xử những người này trong “vụ án văn chương”, bởi vì “vụ án văn chương” có thể gây phản ứng bất lợi ở trong cũng như ngoài nước, nên họ phải tìm một lý do khác để ngụy trang. Chỉ thị của đảng lao động ra lệnh phải xét xử nhanh, gọn, hạn chế đến mức tối thiểu, tránh gây xôn xao dư luận. (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 37)

Muốn thế phải quy chụp các nạn nhân vào một tội danh hoàn toàn không dính líu gì đến chuyện văn chương tư tưởng. Ngay từ khi bắt đầu đả kích Nhân Văn và Giai Phẩm năm 1956, các báo của cộng sản đều gán cho nhóm này tội “mật thám, gián điệp”. Lý do này có tính cách bí mật quốc phòng, chủ quyền quốc gia, không dính líu gì đến chuyện văn chương tư tưởng, nên không một ai, kể cả người nước ngoài, có thể viện cớ gì để kêu ca can thiệp. Như thế, lý do này rất thích hợp để cộng sản kết tội bà Thụy An và các ông Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo.

Lúc đó, đài truyền thanh thành phố Hà Nội và các báo nhà nước ngày nào cũng ra rả rằng một vụ án gián điệp quan trọng đang được xét xử công khai trước tòa án nhân dân. Vụ án được trực tiếp truyền thanh trên đài phát thanh và trên các loa đặt khắp Thành Phố Hà Nội để dân chúng theo dõi. Tuy công khai, nhưng ai có giấy mời mới được tham dự. Giấy mời do sở công an Hà Nội phân phối. Khách nước ngoài không được có mặt. Đặc biệt hơn các tòa án đấu tố cải cách ruộng đất trước đây, lần này tòa mở ra với đầy đủ bộ phận, có công tố, bồi thẩm đoàn, luật sư bào chữa, hình thức rất đầy đủ, nhưng ai cũng biết ngay cả luật sư bào chữa cũng là người của nhà cầm quyền.

Theo bản cáo trạng, bà Thụy An Lưu Thị Yến đã quen biết và giao thiệp với Maurice Durand, một nhà nghiên cứu người Pháp, nhân viên Trường Viễn Đông Bác Cổ trước năm 1954. (34) Cũng theo cáo trạng, Maurice Durand là điệp viên cho thực dân Pháp. Làm điệp viên cho thực dân Pháp cũng có nghĩa là làm việc cho đế quốc Mỹ. Bà Thụy An liên lạc với Maurice Durand làm gì nếu không phải là tiếp tay làm gián điệp cho Durand ?

Tác giả Nguyễn Minh Cần, chứng kiến tại chỗ phiên tòa, kể lại rằng luật sư bào chữa cho Thụy An là một thanh niên do thành đoàn thanh niên lao động thành phố Hà Nội cử ra. (Đoàn thanh niên lao động là đoàn thể của đảng lao động, để huấn luyện, tuyển chọn và giới thiệu thanh niên vào đảng.) Tuy phát biểu cho có hình thức, nhưng anh thanh niên này nói hơi nhiều cho thân chủ. Khi đó, Hoàng quốc Việt (Hạ bá Cang), viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao, đến theo dõi phiên tòa, đã rất bức tức hỏi Trần danh Tuyên, bí thư thành ủy Hà Nội: “*Thằng này có phải là đảng viên không đấy ? Nó mà nói thế thì làm sao tiện cho án quyết ?*” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 75).

Theo công an cộng sản, Thụy An cộng tác với Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiếu Bảo cùng xuất bản các báo Giai Phẩm và Nhân Văn, vậy là hai người này đã tiếp tay với Thụy An, làm gián điệp, ra báo đánh phá cách mạng. Hai người khác không thuộc văn giới cộng tác với ba người này về vấn đề tài chánh và in ấn là Phan Tài và Lê Nguyên Chi cũng bị xem là nằm trong dây chuyền gián điệp. Thế là cả năm bị kết tội gián điệp. Dầu không có bằng chứng gì cụ thể, tòa án nhân dân Hà Nội ngày 21.1.1960, đã kêu án cả năm người tổng cộng là 50 năm tù giam, chia ra như sau: Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, mỗi người 15 năm, Trần Thiếu Bảo, 10 năm, Phan Tài và Lê Nguyên Chi, mỗi người 5 năm.

Những biện pháp kỷ luật công khai trên đây, từ những vụ đấu tố trong các hội văn học nghệ thuật, đến bản án ngày 21.1.1960 chỉ là mặt nổi của một tảng băng thạch. Theo nguyên tắc vật lý, mặt chìm chiếm tới chín phần mười tảng băng. Vấn đề Nhân Văn và Giai Phẩm cũng thế, mặt chìm rộng lớn hơn rất nhiều, nhưng ít ai

hay biết vì không được công bố lên báo chí. Trong một thời gian dài, nhiều văn nghệ sĩ (như Trần Dần, Phùng Quán, Bùi Quang Đoài...) và trí thức (như Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu...) bị khủng bố, hăm dọa, điều tra xét hỏi, sa thải, đui học, thuyên chuyển, cô lập, chỉ định cư trú, hoặc bị bắt giam lâu năm không có án...Phần nhiều đã bị đày đọa điều đứng cho đến những ngày cuối đời.

CHÚ THÍCH

32.- Pétofi, Sandor (1823-1849): Nhà thơ yêu nước Hung Gia Lợi, năm 1848 tham gia cách mạng, viết nhạc, và tử trận tại Segesvár. Thơ ca ông đầy tình tự dân tộc, chống lại phong cách học phiệt cổ điển, mở đầu một kỷ nguyên mới trong văn học Hung Gia Lợi. Sau Thế Chiến Thứ 2, thanh niên, sinh viên Hung Gia Lợi lấy tên ông lập ra câu lạc bộ Pétofi, biểu lộ ý ngậm yêu nước, chống Liên Xô.

33.- Nhân kỷ niệm 40 năm cách mạng tháng 10 Nga, các đảng cộng sản trên thế giới họp tại Moscow từ ngày 14 đến 16.11.1957 đã ra tuyên cáo chung. Về phía Bắc Việt có Hồ chí Minh, Lê Duẩn và Phạm Hùng dự, không có Tito của Yougoslavia vì Tito muốn xây dựng chế độ cộng sản quốc gia và không liên kết. Ngày 22.11.1957, các đảng cộng sản trên thế giới lại họp tại Moscow lần nữa vào ngày 22.11.1957, ra tuyên bố chống chủ nghĩa "xét lại" của Tito. (Chính Đạo, sách đã dẫn, từ trang 117-118)

34.- Maurice Durand, hội viên Trường Viễn Đông Bác Cổ, cùng với Pierre Huard, hội viên danh dự trường Viễn Đông Bác Cổ, viết sách *Connaissance du Việt-Nam*, do Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội ấn hành năm 1954.

VII.- TẠI SAO LẠI CÓ BẢN ÁN

Ngang đây, có hai câu hỏi được đặt ra về phiên tòa ngày 21.1.1960: Thứ nhất, tại sao chỉ xét xử và kêu án năm người trong vụ Nhân Văn và Giai Phẩm?...Thứ hai, vụ Nhân Văn và Giai Phẩm bị dẹp vào cuối năm 1956, các văn nghệ sĩ và trí thức bị tập trung học tập và đấu tố từ năm 1958, nay tại sao vào năm 1960 lại đưa ra tòa xét xử công khai và cho loan báo rộng rãi trên đài truyền thanh và trên báo chí?

1.- TẠI SAO CHỈ KÊU ÁN NĂM NGƯỜI ?

Để trả lời câu hỏi này, tốt nhất là tìm hiểu thêm về các nhân vật bị kêu án. Thụy An Lưu Thị Yến và Nguyễn Hữu Đang là hai người không chịu tham dự hai khóa học tập vào đầu năm 1958. Không tham dự học tập đường lối chính sách của đảng, dưới chế độ cộng sản có nghĩa là chống đối. Tội chống đối cần phải trừng trị, vì nếu không thì cộng sản không thể điều khiển được các văn nghệ sĩ khác.

Trong lý lịch của Thụy An, có một điểm mà ngành công an cộng sản dùng để khai thác và dựng nên vụ án: Bà đã từng sống ở Hà Nội trước năm 1954, giao dịch với người Pháp, quen thân với Maurice Durand. Đây là điểm dễ nhất để ngụy tạo lý do "gián điệp", và đưa Thụy An ra tòa. Bà được dùng làm đầu mối để khép tội các người kia, nên bà đứng đầu danh sách bị kết án. Đối với cộng sản, Thụy An càng đáng nghi ngờ hơn khi bà viết báo mà không dùng tên thật. Bà chỉ dùng bút hiệu một cách bí mật, ít người biết đến.



Trong sách Bọn Nhân Văn-Giai Phẩm trước tòa án dự luận do nhà xuất bản sự thật, phát hành tại Hà Nội năm 1959, có đề cập đến hai bài viết của bà là “Bích Xu Va” và “Trường hợp tòng quân của Thiếu Úy Lâm”. (Thụy Khê, bài đã dẫn) Thụy An là người vận động tích cực anh em văn nghệ sĩ biểu lộ thái độ phản kháng, và có nhiều ảnh hưởng tác động tới họ, đến nỗi Nhà Thơ Lê Đạt cho rằng cứ mỗi lần gặp Thụy An là ông cảm thấy “mình tài giỏi thêm và chán nản thêm, lòng tin tưởng [đối với chế độ] của tôi mất dần khi Thụy An nói đến những con người không đất đứng và tôi cũng tự hỏi đất đứng của mình ở đâu?” (Thụy Khê, bài đã dẫn)

Đàng sau những chứng lý và tiết lộ trên đây, cộng sản cố tình triệt hạ Thụy An thật ra còn vì những lý do sâu xa hơn. Trong sách Nhà Văn Hiện Đại, khi kết luận chương viết về Thụy An, Vũ Ngọc Phan nhận xét rằng: “Hàn Mặc Tử đã đem vào thi ca Việt Nam lòng tin tưởng ở Đạo Da Tô với giọng say sưa đậm ấm. Thụy An cũng xây dựng cho tiểu thuyết của bà có những nhân vật tin cậy ở Đấng Cứu Thế, ở Đức Mẹ Đồng Trinh và sẵn lòng nhịn nhục hy sinh...” (Vũ Ngọc Phan, sách đã dẫn, trang 1118.)

Ngoài đời, Thụy An liên lạc với một người bạn khá nổi tiếng là Đỗ Đình Đạo. Nhiều người cho rằng Đỗ Đình Đạo không phải chỉ là người bạn bình thường đối với Thụy An, mà còn là một người tình (?) của Thụy An. Đỗ Đình Đạo là người theo Ky-Tô Giáo, cha bị Việt Minh giết. Ông là một lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã từng cộng tác hoạt động với Đại Việt Quốc Dân Đảng của Trương Tử Anh, (35) chống cộng tích cực, và ủng hộ cựu Hoàng Bảo Đại. Năm 1952, Thủ Tướng chính phủ dưới quyền của Quốc Trưởng Bảo Đại là Nguyễn Văn Tâm, giao cho Đỗ Đình Đạo điều khiển Đoàn Quân Thứ Lưu Động (Groupe Administratif Mobile en Opérations, viết tắt GAMO) ở Bắc Việt. Theo tác giả Chính Đạo, trong Việt Nam niên biểu nhân vật chí, năm 1954 Đỗ Đình Đạo “bị chết tại nhà nữ văn sĩ Thụy An. Có tin bị đầu độc.” (Chính Đạo, Việt Nam Niên Biểu Nhân Vật Chí, Houston: Văn Hóa, 1997, trang 105.)

Lúc đó, nhà chức trách chính quyền Quốc Gia ở Hà Nội nghi ngờ Thụy An theo lệnh của Việt Minh, ám sát Đỗ Đình Đạo, nên đã bắt giam bà. Sau hiệp định Genève ngày 20.7.1954, khi đất nước bị chia hai, bà được chính quyền Quốc Gia chuyển vào Nam. Đến Hải Cảng Hải Phòng, bà bỏ trốn và ở lại Hà Nội. (36)

Phải chăng vì Thụy An là một người theo Đạo Ky-Tô, đã từng viết sách truyền bá đức tin của mình, lại đào thoát được khi đang bị dẫn độ về Nam, khiến cộng sản nghi ngờ rằng việc này chỉ là cảnh dàn dựng để bà ở lại đất Bắc, nên Thụy An bị quy chụp tội làm gián điệp? Bắt giam Thụy An, cộng sản còn nhắm đe dọa cả những người theo Ky-Tô Giáo lúc đó còn ở lại Hà Nội.

Nguyễn Hữu Đang thì đặc biệt hơn. Ông từng là trưởng ban tổ chức ngày lễ 2.9.1945 tại Hà Nội (ngày Hồ chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập), thứ trưởng một bộ trong chính phủ Việt Minh, và đảng viên đảng lao động từ 1947 đến 1951. Sau năm 1954, ông từ chối không nhận chức bộ trưởng nào cũng như không trở lui sinh hoạt đảng.

Trong đợt học tập 18 ngày (từ 1 đến 18.8.1956), Nguyễn Hữu Đang, đại diện tổ 2 đọc bài tham luận rất sắc sảo gồm ba điểm chính: Đường lối lãnh đạo văn nghệ của trung ương đảng hẹp hòi, trung ương đảng chưa có chính sách hẳn hoi về văn nghệ, và tổ chức không hợp lý, không trong sạch, có tính bè phái. Trong lúc đọc bài này, Nguyễn Hữu Đang được 17 lần hoan hô bằng những tràng vỗ tay dài. (Nhân Văn số 1, Hà Nội, 20.9.1956, bài đã dẫn.)

Theo lời Thi Sĩ Hữu Loan trong cuộc phỏng vấn của báo Thông Luận vào đầu thập niên 90, được Nguyễn Văn Trấn đăng lại trong Viết Cho Mẹ và Quốc Hội, đã xuất bản ở trong nước, và tái bản ở hải ngoại, khi có người hỏi vì sao không nhận chức

bộ trưởng và trở lại sinh hoạt đảng vào năm 1954, Nguyễn Hữu Đang trả lời rằng “Nội bộ thiếu dân chủ trầm trọng, mình bây giờ một mình một đảng.” (Nguyễn Văn Trấn, sách đã dẫn, trang 278)

Quan trọng hơn, cũng theo lời Hữu Loan: “Bài báo bị cho là phản động, phản đảng, phản dân nhất của Nhân Văn là bài “Vấn Đề Pháp Trị” do Nguyễn Hữu Đang viết. Trong bài, ý nói sở dĩ chỗ nào cũng có áp bức chà đạp lên con người là vì chưa có pháp luật rõ ràng. Tòa án là một thứ tòa án tha hồ tùy tiện còn hơn “Tôn giáo pháp đình” của Giáo Hội Trung Cổ. Muốn bắt ai thì bắt, muốn xử ai thì xử, bịa ra luật nặng nhẹ tha hồ để xử... Bài báo kêu gọi cần phải pháp quyền thì người dân mới bình đẳng trước pháp luật...” (Nguyễn Văn Trấn, sách đã dẫn, trang 274)

Bài báo mà Hữu Loan nói đến trên đây có nhan đề là “Cần phải chính quy hơn nữa”, đăng trên Nhân Văn số 4 ra ngày 5.11.1956. Mở đầu bài báo, Nguyễn Hữu Đang đề cập đến một ý trong bản báo cáo của Khrushchev tại đại hội thứ 20 đảng cộng sản Liên Xô, đó là nhắc nhở các cấp đảng, chính phủ, và công đoàn phải tôn trọng pháp luật và tố cáo, vạch mặt bất cứ ai phạm pháp.

Dựa vào lời của Khrushchev, Nguyễn Hữu Đang đặt câu hỏi tại sao sau 38 năm (từ cuối 1917 đến 1956) kiến thiết xã hội chủ nghĩa, với hai lần đặt hiến pháp và nhiều lần sửa đổi luật pháp, mà Liên Xô vẫn phải đặt lại vấn đề pháp trị? Từ đó Nguyễn Hữu Đang kết tội Stalin, Beria và phe nhóm đã vi phạm trầm trọng chế độ pháp trị, coi thường pháp luật. Nguyễn Hữu Đang cho rằng điều này cũng diễn ra ở Bắc Việt. Ông viết: “Trong Cải Cách Ruộng Đất, những việc bắt người, giam người, tra hỏi (dùng nhục hình dã man), xử tù, xử bắn, tịch thu tài sản, hết sức bừa bãi, bậy bạ, cũng như việc bao vây đến làm chết đói những thiếu nhi vô tội trong các gia đình địa chủ (hoặc chính nông dân mà bị quy sai thành phần), không phải chỉ hoàn toàn do sự lãnh đạo kém cỏi mà còn do thiếu chế độ pháp trị hẳn hoi... Do pháp trị thiếu sót mà cải cách ruộng đất hỏng to đến thế. Do pháp trị thiếu sót mà quân đội chưa có chế độ binh dịch hợp lý, công an hỏi giấy giá thú đôi vợ chồng ngồi ngấm trăng bên bờ hồ, hộ khẩu rình bên cửa sổ khiến người mất ăn mất ngủ, cán bộ thuế tự tiện vào khám nhà người kinh doanh, ở khu phố có chuyện đuổi nhà lung tung hoặc ép buộc người ở rộng phải nhường lại một phần nhà cho cán bộ hay cơ quan ở. Do pháp trị thiếu sót mà nhiều cơ quan bóc xem thư của nhân viên và một ngành quan trọng nọ đòi thông qua những bài báo nói đến mình làm như một bộ phận của nhà nước lại có quyền phục hồi chế độ kiểm duyệt mà chính nhà nước đã bãi bỏ. Do pháp trị thiếu sót, người ta đã làm những việc vu cáo và đe dọa chính trị trắng trợn, ngăn cản việc mua đọc báo Nhân Văn, hành hung báo Trăm Hoa...” (Nhân Văn số 4, Hà Nội, 5.11.1956.)

Nguyễn Hữu Đang kết luận bài báo bằng những đề nghị:

1.- Thi hành hiến pháp (hoặc hiến pháp năm 1946 sửa đổi cho thích hợp với hoàn cảnh ngày nay, hoặc hiến pháp mới sẽ đặt ra). Trên cơ sở hiến pháp, quốc hội sẽ biểu quyết những đạo luật thay các sắc lệnh và những văn kiện khác.

2.- Quốc hội họp đều, sáu tháng một kỳ. Không có lý gì trong hoàn cảnh hòa bình mà công việc của quốc hội vẫn khoán trắng cho một ban thường trực gần như không hoạt động gì.

3.- Chấn chỉnh ngành tư pháp, chủ yếu là tăng quyền hành thực sự của bộ tư pháp.” (Nhân Văn số 4, Hà Nội, 5.11.1956.)

Vấn đề pháp trị, nền tảng căn bản của tổ chức xã hội, là phần nhạy cảm, dễ bị dị ứng nhất của chế độ độc tài cộng sản, vì có pháp trị thì làm sao có thể độc tài? Chỉ một bài báo ngắn, khoảng trên 1.500 chữ, mà Nguyễn Hữu Đang đã đụng chạm đến quá nhiều vấn đề cốt lõi cấm kỵ đối với đảng lao động: Chỉ trích Stalin, đả kích Cải Cách Ruộng Đất và quy lỗi sai lầm do chế độ thiếu pháp trị (trong khi nhà nước

cộng sản cho là Cải Cách Ruộng Đất thành công và chỉ có một số ít sai lầm do cá nhân yếu kém thiếu sót), chê bai chế độ quân dịch không hợp lý (điều này làm cho nhà cầm quyền Hà Nội rất lúng túng, vì họ đang cần tuyển quân vô thời hạn để đưa vào tấn công miền Nam), đã kích nhen hành chánh (công an, thuế vụ, nhà đất) tùy tiện, và đề nghị nêu cao tinh thần trọng pháp, chấn chỉnh pháp luật.

Vấn đề pháp trị đã được Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường đặt ra trong bài phát biểu nhan đề là "Qua những sai lầm trong cải cách ruộng đất xây dựng quan điểm lãnh đạo", tại mặt trận tổ quốc thành phố Hà Nội ngày 30.10.1956. Sau khi vạch ra những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường đề nghị đường hướng sửa chữa:

1.- Một chế độ pháp trị chân chính.

2.- Một chế độ thực sự dân chủ.

3.- Một chế độ tự do ngôn luận, xuất bản báo chí." (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 293-315.) Chính vì đòi hỏi pháp trị mà Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường bị cộng sản Hà Nội trừ dận và sau đó bị cô lập, hành hạ đến cuối đời mà ông tự gọi là người bị "rút phép thông công" (l'excommunié). Lúc đó cộng sản mới về Hà Nội, đang ổn định tình thế, cần lấy lòng trí thức và nhất là các nước ngoài nên cộng sản không giết ông Nguyễn Mạnh Tường vì uy tín văn hóa ông quá lớn, nhất là tại Pháp, nơi ông đỗ hai bằng tiến sĩ (văn chương và luật khoa) trong cùng năm 1932, lúc ông mới 23 tuổi.

Bài báo do Nguyễn Hữu Đang đưa ra (5.11.1956) sau Nguyễn Mạnh Tường thuyết trình không đầy một tuần lễ (30.10.1956). Bài nói chuyện của Luật Sư Tường chỉ phổ biến giới hạn trong cử tọa của buổi nói chuyện hôm đó, chứ không đăng báo ở Hà Nội, nhưng không biết vì sao qua được Rangoon (Miến Điện), rồi sang Paris. (Hoàng Văn Chí sách đã dẫn, trang 294.) Ngược lại, bài báo của ông Nguyễn Hữu Đang, tuy không khúc chiết như bài của Luật Sư Nguyễn Mạnh Tường, nhưng lại xuất hiện công khai và phổ biến rộng rãi ở Hà Nội và Bắc Việt. Dĩ nhiên là đảng lao động không thể nào dung thứ quan điểm của Nguyễn Mạnh Tường cũng như của Nguyễn Hữu Đang.

Riêng một bài báo ngắn của Nguyễn Hữu Đang cũng đủ đưa ông đi tù, nhưng đảng lao động chưa đụng đến ông ngay, vì ông là người có công với cuộc kháng chiến, lại có uy tín ở Hà Nội. Trong bản tự kiểm điểm sau vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, Trần Dần đã viết về Nguyễn Hữu Đang như sau: "Nếu không có đảng, không ai có thể tập hợp anh em được, sẽ không có những tham luận đề nghị gặp trung ương, cũng không có tờ Nhân Văn." (Thụy Khê, bài đã dẫn.). Chẳng những Trần Dần đánh giá cao Nguyễn Hữu Đang, mà đảng lao động cũng đánh giá cao ông này, nhìn thấy nơi ông là một nhân vật có khả năng lãnh đạo đám đông, nên rất lo ngại. Với chủ trương độc tài, độc tôn, độc đảng, họ không muốn ai cạnh tranh quyền lãnh đạo của họ. Đến lúc Nguyễn Hữu Đang không chịu dự khóa học tập vào đầu năm 1958, cộng sản mới dựa vào lý do đó, bắt ông giam ngục thất Hỏa Lò, Hà Nội.

Do những lẽ trên, sẽ không lấy làm lạ khi đảng lao động quyết tâm triệt hạ Nguyễn Hữu Đang. Nhân vì Thụy An không chịu đi học tập như Nguyễn Hữu Đang, đảng lao động ghép chung hai người trong vụ án gián điệp để bắt giam và đày đọa. Ngoài ra còn có thêm một nhân vật khác nữa, bạn của Nguyễn Hữu Đang, cũng là nạn nhân trong vụ này, đó là Trần Thiếu Bảo, chủ nhà in Minh Đức.

Trần Thiếu Bảo là một tư nhân kinh doanh thành công, vượt xa những công ty quốc doanh, và có thể trở thành một nhà xuất bản cũng như nhà in lớn nhất Hà Nội lúc bấy giờ. Nhà kinh doanh này lại là một nhà bảo trợ văn hóa thì càng nguy hiểm hơn nữa. Do đó, ông không thể tồn tại dưới chế độ cộng sản, vì nếu để ông tiếp tục hoạt động, chẳng những ông sẽ cho xuất hiện những tác phẩm phản kháng như Giai

Phẩm hoặc Nhân Văn, mà ông sẽ trở thành một nhà tư sản ngoài quốc doanh và nhất là một lãnh tụ văn hóa lớn. Tất cả đó là nguyên nhân đưa đến việc trước sau gì ông cũng bị loại trừ. Khác với Thụy An và Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiểu Bảo không phải là nhà văn, nên đương nhiên ông không tham dự hai khóa học tập tháng 2 và tháng 3.1958. Do đó đảng lao động chưa có lý do bắt ông. Bày ra vụ án gián điệp Nhân Văn-Giai Phẩm, đảng lao động nhân cơ hội này, cột chung Trần Thiểu Bảo vào nhóm Thụy An để kết tội và tịch biên tài sản của ông. (37)

Đối với cộng sản, những văn nghệ sĩ và trí thức có thể làm thơ, viết văn hay tham luận sắc bén chống chế độ, nhưng dễ đối phó, vì chỉ cần dẹp diễn đàn là bài họ không thể xuất hiện. Họ có khả năng viết văn, nhưng không có khả năng lãnh đạo, tập hợp quần chúng nên không nguy hiểm. Ngược lại, những người có tư cách lãnh đạo, có thể nói cho người khác nghe theo mình, có thể tập hợp quần chúng, có thể tổ chức thành những đoàn thể cạnh tranh với đảng lao động, là những người nguy hiểm cần phải thanh toán ngay. Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiểu Bảo nằm trong trường hợp này. Còn hai ông Phan Tài và Lê Nguyên Chi tuy không thuộc văn giới, không nổi bật như các ông Nguyễn Hữu Đang và Trần Thiểu Bảo, nhưng lại là những người tiếp tay đắc lực, nên cũng bị kết tội để cảnh cáo để làm gương cho người khác.

2.- TẠI SAO ĐẾN NĂM 1960 MỚI XÉT XỬ ?

Nhân Văn-Giai Phẩm bị đình bản cuối năm 1956, các trí thức và văn nghệ sĩ phải tập trung học tập và bị đấu tố vào năm 1958, nhưng tại sao mãi gần hai năm sau (đầu 1960) mới đưa ra tòa xét xử công khai và kết án nhóm Nguyễn Hữu Đang nặng nề như vậy ? Câu trả lời được nhiều người đưa ra có lẽ là thủ tục hành chính và pháp lý đòi hỏi một thời gian sửa soạn. Thật ra, dưới chế độ độc tài cộng sản, nếu cần xét xử một vấn đề gì khẩn cấp, thì họ đưa ra ngay, chứ chẳng cần phải trải qua thủ tục điều tra đầy đủ như dưới chế độ dân chủ tự do. Ở đây, có hai điểm cần lưu ý:

Thứ nhất, đảng lao động không muốn xem đây là một vụ án văn chương, sẽ bị dư luận dị nghị, nhất là dư luận giới văn nghệ sĩ thế giới. Muốn thế, cần phải chậm đi một thời gian sau vụ đình bản các báo đối kháng năm 1956, những ồn ào sau vụ học tập, đấu tố và đưa các văn nghệ sĩ, trí thức đi lao động vào nửa đầu năm 1958, nghĩa là để cho vụ Nhân Văn-Giai Phẩm chìm đi một thời gian.

Thứ hai, thời gian này tuy cần phải vừa đủ để những dư luận không còn xáo chuyện văn chương nữa, để mọi người xem phiên tòa chỉ là một vấn đề thuần túy an ninh nội bộ, nhưng cũng cần phải vừa phù hợp với những diễn biến chính trị dồn dập của tình hình Việt Nam từ 1958 trở đi, khiến cộng sản quyết định tổ chức phiên tòa vào đầu năm 1960.

Hiệp định Genève hay hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam ký kết ngày 20.7.1954 tại Genève, tạm thời chia hai nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17: Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở phía Bắc và Quốc Gia Việt Nam ở phía Nam. Hiệp định này không đề cập đến tương lai chính trị Việt Nam. Giải pháp chính trị nằm ở điều 7 của bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội Nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương" ngày 21.7.1954, theo đó một "cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7.1956 dưới sự kiểm soát của một Ban Quốc Tế gồm đại biểu những nước có chân trong Ban Giám Sát và Kiểm Soát Quốc Tế đã nói trong Hiệp định đình chỉ chiến sự. Kể từ ngày 20.7.1955 những nhà đương cục có thẩm quyền trong hai vùng sẽ có những cuộc gặp gỡ để thương lượng về vấn đề đó." (38) Cần lưu ý là không một nước nào ký vào bản tuyên bố này, nên bản tuyên bố không có giá trị pháp lý để cưỡng hành.

Đại diện chính phủ Quốc Gia Việt Nam không ký vào hiệp định đình chiến (20.7. 1954), cũng không ký vào bản tuyên bố cuối cùng (21.7.1954) và đưa ra tuyên

ngôn riêng ngày 21.7.1954 phản đối hiệp định. Tuy nhiên, chính phủ Quốc Gia Việt Nam vẫn thi hành việc chia hai nước Việt Nam theo thỏa thuận quốc tế.

Dựa vào điều 7 của bản tuyên bố ngày 21.7.1954, Thủ Tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là Phạm văn Đồng gửi thư ngày 19.7.1955, cho Thủ Tướng Quốc Gia Việt Nam là Ngô Đình Diệm, yêu cầu mở hội nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20.7.1955. Ngày 10.8.1955, Ngô Đình Diệm đã bác bỏ đề nghị của Phạm văn Đồng, dựa vào lý do rằng chính phủ miền Nam không ký vào Hiệp định Genève và nhất là vì không có bằng chứng nào cho thấy Bắc Việt đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi quốc tế cộng sản. Tuy chính phủ miền Nam nhiều lần từ chối, Phạm văn Đồng vẫn nhắc lại đề nghị này hàng năm vào các ngày 11.5.1956, 18.7.1957, và 7.3.1958 để tuyên truyền với quốc tế. Lần cuối, Ngô Đình Diệm, lúc đó là Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, bác bỏ đề nghị trên vào ngày 26.4.1958.

Vào cuối năm 1958, Lê Duẩn được bí mật gửi vào miền Nam. Khi trở ra Bắc vào cuối năm này, Lê Duẩn viết bản báo cáo đề nghị đánh chiếm miền Nam bằng võ lực. Chính bản báo cáo này là nền tảng của quyết định quan trọng của hội nghị trung ương đảng lao động lần thứ 15 tại Hà Nội.

Tại hội nghị này, ngày 13.5.1959, ban chấp hành trung ương đảng lao động đưa ra nghị quyết thống nhất đất nước (tức đánh chiếm miền Nam bằng võ lực) và đưa miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa. (Nghị quyết đảng trên nhân dân ngày 14.5.1959). Dĩ nhiên các văn nghệ sĩ cũng như toàn thể đảng viên cán bộ và dân chúng Bắc Việt đều phải học tập nghị quyết này. Đó là điều đã được nhấn mạnh trong nghị quyết chấn chỉnh công tác văn nghệ ngày 6.1.1958 do Trường Chinh ký.

Chiến thuật chiến tranh thông dụng của cộng sản là du kích chiến. Muốn sử dụng du kích chiến, theo kinh nghiệm của đảng cộng sản Trung Hoa, cần phải có một hậu phương lớn để yểm trợ, tiếp tế khi tấn công, đồng thời để rút lui, dưỡng quân khi cần. Sau khi đảng cộng sản Trung Hoa chiếm được toàn thể Hoa lục năm 1949, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đã từng là hậu phương lớn của Việt Minh từ năm 1950 đến 1954. Nay Bắc Việt trở thành hậu phương lớn cho du kích quân Việt cộng ở miền Nam. Điều quan trọng nhất là hậu phương phải vững mạnh, ổn định, và kết thành một khối chắc chắn, để không bị tình trạng lộn xộn, trống đánh xuôi kèn thổi ngược như nước Pháp trong thời chiến tranh 1946-1954. (Sau này Hoa Kỳ lâm phải tình trạng xáo trộn này thời chiến tranh 1954-1975.)

Để đạt được sự ổn định vững vàng ở hậu phương Bắc Việt, đảng lao động liền ra tay dẹp yên hết mọi chống đối, trở ngại. Vụ Cải Cách Ruộng Đất với khoảng 170.000 người bị giết đã làm cho nông thôn run sợ. Nhà nước cộng sản cần phải ổn định thành thị vừa về kinh tế, vừa về chính trị.

Về chánh trị, từ năm 1954, nhà nước cộng sản Bắc Việt chỉ gặp cuộc phản kháng của những nông dân không vũ khí ở Quỳnh Lưu (Nghệ An) tháng 11.1956 sau vụ Cải Cách Ruộng Đất, và đã dẹp yên ngay bằng sư đoàn 325. (Bernard Fall, *Le Viet Minh*, Paris: Max Leclerc et Compagnie, 1960, trang 289.) Sau đó lại xảy ra vụ "Nhân Văn-Giai Phẩm" ở Hà Nội năm 1956. Giới văn nghệ sĩ bị đàn áp dễ dàng, không cho ra sách báo thì hết cách viết, và phân tán mỏng, gọi đi học tập lao động ở nông thôn thì hết gặp gỡ thảo luận, bàn tán. Tuy nhiên, vấn đề vẫn còn âm ỷ, vì nói như Phan Khôi:

*"Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi.
Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao."*

(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 58)

Dầu không còn điều kiện để sáng tác, nhưng trí óc của người văn nghệ sĩ hay trí thức vẫn là một lãnh vực riêng tư mà đảng không thể nào kiểm soát được. Do đó, phải có một hành động thật cương quyết cứng rắn và mãnh liệt phủ đầu, mới có thể làm cho giới trí thức và cầm bút khiếp đảm tê liệt, từ đó im hơi lặng tiếng luôn. Đòn phủ đầu này phải nhắm ngay vào những tay cứng cổ, khó bảo mà lại có khả năng tập hợp quần chúng và không chịu học tập chỉnh huấn, như Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo. Đòn phủ đầu đó chính là kết luận của phiên tòa gọi là xét xử những tội phạm gián điệp ngày 21.1.1960 mà tác giả Georges Boudarel, một đảng viên cộng sản có hai đảng tịch Pháp và Việt Nam, đã cho rằng Nguyễn Hữu Đang đã bị buộc tội gián điệp một cách khó hiểu. (Georges Boudarel, sách đã dẫn, trang 256.)

Thật ra, chẳng có gì khó hiểu nếu chúng ta đặt vụ án này trong toàn bộ trình tự diễn tiến của thời cuộc những năm từ 1956 trở đi, nhất là việc sửa soạn công cuộc xâm lăng miền Nam của đảng lao động Việt Nam. Sau vụ án ngày 26.1.1960, đại hội 3 đảng lao động tại Hà Nội từ 5 đến 10.9.1960 xác quyết lại một lần nữa hai mục tiêu lớn là tiến lên xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và giải phóng miền Nam bằng vũ lực. Để thực hiện hai mục tiêu này, nội bộ đảng lao động được cải tổ. Bỏ chức tổng bí thư, Hồ chí Minh lên làm chủ tịch đảng, còn Lê Duẩn giữ chức bí thư thứ nhất, tức người cựu bí thư trung ương cục miền Nam, kẻ đã thảo ra chương trình đánh chiếm miền Nam, nay chính thức lên địa vị thứ nhì sau Hồ chí Minh, nhưng quyền hành không kém gì họ Hồ. Điều này khiến Lê Duẩn dễ điều động chiến trường miền Nam.

Điểm chốt của việc chuẩn bị, trước khi bước qua giai đoạn tấn công miền Nam là việc thành lập mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 12.12.1960 tại Hà Nội, và mặt trận này chính thức ra mắt vào ngày 20.12.1960 tại chiến khu Dương minh Châu ở Tây Ninh.

Trước đây, cuộc kháng chiến chống Pháp dầu sao lúc đầu vẫn mang ý nghĩa chống ngoại xâm giành độc lập, nên các nhà văn, nhà thơ, giới trí thức đều tự chế, nhịn nhục và cố gắng đoàn kết để đưa cuộc chiến đấu đến thành công. Ngày nay, khi bắt đầu phát động tấn công miền Nam, đảng lao động cũng muốn tái lập tình trạng ổn định như thế, nhưng mục đích chiến tranh lần này thiếu chính nghĩa, chỉ nhắm xâm lăng miền Nam, nên họ lo ngại các trí thức và văn nghệ sĩ sẽ lên tiếng phản đối dưới nhiều hình thức khác nhau khó lường trước được. Điều này sẽ bất lợi cho công cuộc xâm lăng miền Nam. Do đó, đảng lao động quyết dẹp yên mặt trận văn hóa, tạo một không khí hoàn toàn yên tĩnh ở Bắc Việt, khỏi có ai than phiền về việc đưa quân vào Nam, chẳng có ai thắc mắc về lý do chiến đấu, về cuộc sống quân ngũ, về "nỗi buồn chiến tranh", về những đau khổ mất mát ly tan của những gia đình có người ra đi mà không biết ngày trở lại, cũng không biết sống chết phương trời nào ở ngoài chiến trường.

Đúng như đảng lao động dự tính, đòn phủ đầu trên đây rất có hiệu quả. Nhà văn Nguyễn Minh Châu đã tự thổ lộ sau năm 1975: "Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nhin ? Hèn, hèn chứ ? Nhà văn nước mình trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn ? Cái sợ nó làm cho mình hèn." (39) Nguyễn Minh Châu còn mô tả tâm sự của Nguyễn Tuân, một tác giả nổi tiếng phóng khoáng một thời: "Một nhà văn đàn anh [Nguyễn Tuân] nâng chén rượu lên giữa đám đàn em: "Tao còn sống đến bây giờ là còn biết sợ!". Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giương, nước mắt tuôn là chả, giọt đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng". (40) Hơn ba mươi năm sau vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, Bửu Tiên, một nhà văn thân tín của đảng lao động đã kích Nhân Văn-Giai Phẩm thời năm 1958, đọc tham luận tại đại hội nhà văn họp tại hội trường Ba Đình, Hà Nội từ 23 đến 31.10.1989, trong đó có câu: "Xin

lỗi anh em Nhân Văn-Giai Phẩm và, trừu tượng hơn, xin tạ tội với Tự Do Dân Chủ, giấc mơ ngàn đời của nhân loại và của bản thân.” (41)

Những dòng tâm sự cay đắng này càng làm nổi bật lý do vì sao đảng lao động cần phải tiêu diệt những người can đảm như Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo. Chẳng những thế, việc kết án nhóm này còn làm cạn kiệt luôn chút niềm tin còn sót lại nơi một số văn nghệ sĩ vào chế độ cộng sản. Họ hét kêu ca, than vãn, đòi hỏi cởi trói văn nghệ, mà phải chấp nhận thực tại trước mắt của họ, im hơi lặng tiếng, cúi đầu vâng phục chế độ, nếu họ muốn sinh tồn.

3.- CHỦ TRƯỞNG VĂN NGHỆ KINH ĐIỂN CỦA CỘNG SẢN

Thế là trong thời gian chiến tranh ở miền Nam từ 1960 trở đi, tình hình văn học nghệ thuật và báo chí Bắc Việt hoàn toàn trong lành, yên tĩnh. Các tác phẩm phát hành sau năm 1960 rất hiền lành, ngoan ngoãn. “Hầu hết những tác phẩm xuất hiện trong giai đoạn này đều tập trung trong ba chủ đề chính: Thương nhớ miền Nam, ca ngợi sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, và tỏ lòng biết ơn vô tận của mình trước công ơn tái sinh của cách mạng.” (Nguyễn Hưng Quốc, sách đã dẫn, trang 166)

Ba chủ đề này đều nhằm phục vụ cho kế hoạch xâm lăng miền Nam. Cộng sản đã đặc biệt khai thác nỗi nhớ quê hương của những người tập kết, lên án cũng như vu khống chế độ miền Nam, nhằm gây căm thù và đốc thúc dân chúng miền Bắc hăng hái tham gia công cuộc giải phóng miền Nam khỏi sự “kềm kẹp của Mỹ Ngụy”, thống nhất đất nước bằng vũ lực. Năm 1960, báo thống nhất, Hà Nội mở hai cuộc thi viết về đề tài miền Nam. Những tác phẩm trúng giải được in trong hai quyển sách nhan đề Con đường phía trước và Má Năm Cần Thơ. (Nguyễn Hưng Quốc sách đã dẫn, trang 168).

Nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội còn thay thế nền văn chương phản kháng của Nhân Văn-Giai Phẩm bằng nền văn chương chiến đấu, phục vụ chiến trường như câu hai câu thơ: “Nay ở trong thơ nên có thép, / Nhà thơ cũng phải biết xung phong.” (42) Cần chú ý rằng hai câu thơ này nằm trong một bài tứ tuyệt vào cuối sách Ngục trung nhật ký được phát hành năm 1960. Thời điểm xuất hiện bài thơ (1960) và cách sắp đặt bài thơ cuối sách Ngục trung nhật ký cũng là một dụng ý của cộng sản, như là một tuyên ngôn cho loại thơ chiến đấu. Tất cả những gì không ích lợi cho cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam đều bị dẹp bỏ, không được in ấn. Tố Hữu đã phụ họa theo: “Dẫu một cây chông trừ giặc Mỹ, / Hơn nghìn trang giấy luận văn chương.” Kết quả của nền văn chương thực dụng này rất khả quan, đến nỗi Xuân Quỳnh đã viết: “Em đang tập làm thơ có ích”. (Tuyển tập Trăm hoa..., trang 53.)

Tất cả những điều này gây ảo giác cho người bên ngoài Bắc Việt tưởng rằng do sự thành công của chính sách đảng lao động mà mọi người dân Bắc Việt đoàn kết với nhau, một lòng đứng sau lưng nhà nước Hà Nội trong công cuộc tấn công miền Nam, “chống Mỹ cứu nước”. Chính tác giả Nguyễn Minh Cần đã than rằng: “Chế độ miền Nam, tất nhiên là làm rầm rộ lên nhân vụ án này để tuyên truyền mặt trái của chế độ miền Bắc. Nhưng sau này, khi hỏi chuyện anh em miền Nam thì được biết là họ không tin, họ tưởng là sự việc bị bịa đặt ra, chứ làm gì đảng có thể đối xử với trí thức miền Bắc tàn tệ đến mức như thế.” (Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 76-77)

Nhiệm vụ mới của giới văn nghệ sĩ được Trường Chinh, ủy viên bộ chính trị đảng lao động, chủ tịch ủy ban thường vụ quốc hội (từ ngày 7.7.1960), quy định trong bài “Tăng cường tính đảng, đi sâu vào cuộc sống mới để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng tốt hơn nữa” đọc trước đại hội văn nghệ Bắc Việt năm 1962:

“Văn nghệ sĩ phải thừa nhận rằng văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ đường lối chính sách của đảng. Văn nghệ sĩ phải trung thành với lý tưởng cộng sản và đấu tranh không mệt mỏi cho chủ nghĩa xã hội. Văn nghệ sĩ bằng hoạt động văn nghệ và hoạt động xã hội của mình cần luôn luôn phấn đấu để tăng cường sự lãnh đạo của đảng, củng cố lòng tin của quần chúng đối với đảng, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin...” (Tuyển Tập Trăm Hoa..., trang 24.)

Tình hình văn nghệ Bắc Việt lúc đó hoàn toàn khác hẳn với miền Nam tự do. Trong lúc phải chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản miền Bắc, văn nghệ sĩ miền Nam được tự do sáng tác theo tình tự của con người, nên bên cạnh những tác phẩm chiến đấu, lại xuất hiện nhiều bài bình luận chính trị chống đối chính quyền, nhiều văn thơ và nhất là ca nhạc thờ than ủy mị. Từ sự ủy mị này, nhiều tác phẩm phản chiến xuất hiện, làm xói mòn và sa sút rất nhiều tinh thần chiến đấu của chiến sĩ ngoài tiền tuyến. Dĩ nhiên viết cộng không bỏ qua cơ hội lợi dụng quyền tự do sáng tác để gây nhiễu xạ hình ảnh, làm rối loạn và băng hoại xã hội miền Nam. Tuy nhiên, chính sự tự do sáng tác tạo nên một khác biệt lớn lao giữa chế độ miền Nam theo chủ nghĩa dân tộc với chế độ miền Bắc theo lý thuyết cộng sản ngoại lai.

KẾT LUẬN

Ngay từ đầu, báo Nhân Văn khẳng định lập trường theo đảng lao động, chứ không phải mở phong trào văn học hay chính trị gì mới. Những bài báo Nhân Văn-Giai Phẩm nhằm xây dựng lại xã hội miền Bắc bằng cách phê phán nền hành chánh quan liêu, tình trạng xã hội tệ hại sau vụ Cải Cách Ruộng Đất, và nhất là phản đối những trói buộc gắt gao đối với anh em văn nghệ sĩ và trí thức trong thời bình. Họ đòi hỏi thực thi dân chủ, tôn trọng luật pháp và tự do sáng tác trong khuôn khổ chế độ cộng sản. Những phản kháng này ôn hòa, chỉ giới hạn trong phạm vi báo chí, văn chương, và chỉ nhằm vào những vấn đề có tính cách quản lý xã hội và văn hóa, chứ không liên quan đến chủ trương hay ý thức hệ chính trị. Đôi khi những bài viết khá gay gắt nhưng hoàn toàn không manh nha một hành động bạo loạn nào.

Có thể giới văn nghệ sĩ và trí thức lúc đó vẫn còn giữ lòng tin với những người vừa mới lãnh đạo họ trên con đường kháng chiến chống Pháp, và lòng tin vào lý thuyết cộng sản hứa hẹn một xã hội không có bất công, không có cảnh người bóc lột người, nên mới lên tiếng để sửa đổi và xây dựng xã hội mới. Dầu sao, họ đã tỏ ra hết sức can đảm khi dấn thân phản kháng và đòi hỏi cởi trói văn nghệ. Biết rằng đàn áp tù đày đang chờ đón họ, nhưng họ vẫn cương quyết cùng nhau tiến lên. Một điểm đáng quý là dù đã bị đày đọa một thời gian dài, đến tận cùng nỗi thống khổ của kiếp nhân sinh, nhiều người vẫn giữ khí tiết, lòng can đảm, và óc sáng tạo cho đến cuối đời. Họ đã sống đúng như Phùng Quán đã viết:

*“Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.”*
(Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 121)

Những phản kháng của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm thách đố tính lãnh đạo độc tài độc tôn của guồng máy cai trị của đảng lao động, đã đụng phải vách tường nhân sự quan liêu, tham quyền cố vị. Sau thời gian đầu tìm hiểu tình hình, đảng này đã vũ lộng quyền uy, triệt tiêu ngay tức khắc mọi phản kháng từ mọi phía. Để giữ sự ổn cố chính trị tuyệt đối ở Bắc Việt nhằm tiến hành chiến tranh xâm lăng miền Nam, đảng lao động đã nguy tạo vụ án gián điệp, xét xử những người can đảm đến độ liều

lĩnh là Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiều Bảo. Đảng này quyết gây khiếp đảm đối với giới trí thức và văn nghệ sĩ, như họ đã từng làm khiếp đảm giới nông dân bằng Cuộc cải cách ruộng đất.

Đảng lao động đã thẳng tay hy sinh cả một thế hệ văn nghệ sĩ và trí thức tài hoa cho mục tiêu chính trị của đảng trong đường lối bành trướng của quốc tế cộng sản và cho tham vọng cá nhân của một số nhà lãnh đạo. Những người phản kháng bị đàn áp, tù đày, nghi ngờ, theo dõi và chấm dứt sáng tác đã đành, những người theo làm tay sai cho đảng cũng không thể sáng tác được gì ngoài những văn thơ cổ động theo công thức đã định sẵn. “Tác phẩm của họ (ngày nay) chỉ là chỉ thị, kế hoạch, công văn, thông cáo...” (lời của thi sĩ Hoàng Huế, đã dẫn).

Những Thi Sĩ một thời nổi tiếng tài hoa như Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, những văn sĩ đã từng nổi danh trước đây như Nguyễn Tuân, Nguyễn đình Thi, đều được coi như tên tuổi đã chết khi họ còn sống. Ngày nay, nếu có nhắc đến Xuân Diệu, người ta chỉ nhớ những bài thơ trữ tình của ông trước năm 1945, chứ không ai nói đến những bài ông viết sau năm 1945, dù mãi đến năm 1985 ông mới từ trần. Cũng thế, với Nguyễn Tuân, người ta ca tụng Vang Bóng Một Thời (xuất bản năm 1940), hay Chiếc Lư Đồng Mắt Cua (xuất bản năm 1941) chứ không ai biết sau năm 1945, ông đã viết những gì, dù ông từ trần năm 1987.

Theo Nhạc Sĩ Văn Cao, một trong những nạn nhân trong vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, tác giả chính của cuộc đấu tố Nhân Văn-Giai Phẩm là Trường Chinh. Sau đây là lời Văn Cao: “Tố Hữu lãnh đạo cuộc đánh từ đầu chí cuối. Người ta tưởng vụ Nhân Văn-Giai Phẩm nổ ra là bởi Nhân Văn đăng mấy bài phê bình thơ Tố Hữu, Tố Hữu tức, Tố Hữu đánh. Nhảm hết. Longue Marche [chữ Pháp: Trường Chinh] mới là kẻ sáng tác ra Nhân Văn-Giai Phẩm. Để chạy tội Cải Cách Ruộng Đất. Để tạo ra cái hổ rác mà trút mọi tội lỗi của lúy [lui (chữ Pháp): nó] vào đấy. Chính Longue Marche chứ không ai khác. Đùng tước bản quyền của lúy, tội nghiệp!” (43)

Dầu Trường Chinh, hay Tố Hữu, hay một người nào khác, đều phải thi hành đường lối chính sách do đảng lao động đề ra. Không thể nói Hồ chí Minh, hay Võ nguyên Giáp, Phạm văn Đồng, Lê Duẩn, Lê đức Thọ không biết gì về Cuộc Cải Cách Ruộng Đất hay Nhân Văn- Giai Phẩm. Tất cả đều biết, đều nắm rõ vấn đề, và đều cùng nhau đẩy cỗ xe cộng sản do một người nào đó, đại diện tập đoàn lãnh đạo, cầm lái theo từng giai đoạn, tiến đến cùng đích của tập thể độc tài đảng trị.

Cuối cùng, Vụ án Nhân Văn-Giai Phẩm cho thấy không thể có tự do văn hóa, tự do báo chí hay tự do tư tưởng dưới chế độ cộng sản. Ông Nguyễn Văn Trấn, một nhân vật cộng sản cao cấp ở miền Nam, đã từng làm vụ trưởng khoa giáo trung ương do Tố Hữu làm bí thư, có kể câu chuyện rằng khi một nhà báo hỏi: “Như vậy là cách mạng đã cấm tự do ngôn luận ? Ông Trường Chinh sừng sốt: Anh nói sao ? Các anh được tha hồ tự do chửi đế quốc đó thôi.” (Nguyễn văn Trấn, sách đã dẫn, trang 275).

Dưới chế độ cộng sản, cũng không thể có chuyện góp ý, hay phê bình xây dựng theo chiều hướng nhân văn, dân chủ, dù vẫn nằm trong khuôn khổ cộng sản. Đảng lao động (cải danh thành đảng cộng sản vào cuối năm 1976) đòi hỏi phải tuân thủ tuyệt đối uy quyền độc tôn và chính sách độc tài của đảng, nếu không muốn bị thẳng tay triệt hạ, đúng như Hồ chí Minh đã nói: “...Tất cả những ai không theo đường lối của tôi đều sẽ bị bẻ gãy...” (44) Từ đó mới nảy sinh ra vụ án “Nhân Văn-Giai Phẩm” trên đây, “Vụ án chống đảng” trong thập niên 60, và các vấn đề khác nữa như vụ Trần Độ, vụ Hà sĩ Phu sau này.

Nói cho cùng, bản chất của chế độ cộng sản là độc tài toàn trị, dối trá mỵ dân. Bản chất của văn nghệ sĩ chân chính là thích tự do và yêu chân lý. Chế độ cộng sản và văn nghệ sĩ chân chính là hai đối cực tương khắc và không bao giờ có thể tương

sinh, không bao giờ có thể đồng hành. Các văn nghệ sĩ chân chính cảm nhận sự thống khổ của quần chúng, nói lên tiếng nói đau thương của quần chúng, là tiếng nói đối kháng với chế độ độc tài cộng sản. Ngược lại, đảng cộng sản luôn luôn tìm cách triệt tiêu văn nghệ sĩ chân chính, để chặn đứng ngay từ đầu mọi mầm mống đối kháng, nhằm áp đặt quyền lực tuyệt đối của đảng cộng sản. Trong cuộc đối đầu này, bao giờ bạo quyền cộng sản cũng thắng thế, nhờ súng ống và nhà tù, nhưng về lâu về dài, văn nghệ sĩ chân chính là những chứng nhân trước lịch sử, tố cáo đầy đủ và rõ ràng tính chất độc tài phi nhân của chế độ. Lịch sử luôn luôn đứng về phía chân lý. Nhân văn và Giai phẩm ở Hà Nội năm 1956 là một trường hợp điển hình.

TRẦN GIA PHỤNG

CHÚ THÍCH

35.- Bùi Diễm, Gọng Kim Lịch Sử, Hồi Ký Chính Trị, Cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, Paris, 2000, từ trang 85-88.

36.- Theo lời kể của Thẩm Phán Nguyễn Hữu Thứ (ở Toronto), người đã tận mắt đọc hồ sơ về vụ bà Thụy An, được chuyển từ tòa thượng thẩm Hà Nội vào tòa thượng thẩm Huế. Giáo Sư Thứ kể rằng khi đến Hải Phòng để đưa xuống tàu vào Nam, bà Thụy An xin phép người áp tải đi đường, cho bà đi vệ sinh, rồi bà trở nóc nhà vệ sinh trốn mất.

37.- Theo lời Hữu Loan, Trần Thiếu Bảo bị 17 năm tù như Nguyễn Hữu Đang, nhưng các tài liệu khác nói rằng Nguyễn Hữu Đang và Thụy An, mỗi người 15 năm, còn Trần Thiếu Bảo chỉ bị 10 năm mà thôi.

38.- Thế Nguyên, Diễm Châu, Đoàn Tường, Đông Dương 1945-1973, Sài Gòn: Nhà xuất bản Trình Bày, 1973, trang 51.

39.- Nhiều tác giả, tuyển tập Trăm Hoa Vãn Nở Trên Quê Hương, California: Nhà xuất bản Lê Trần, 1990, trang 79.

40.- Tuyển tập Trăm Hoa..., bài của Thân Trọng Mẫn: "Từ Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm đến Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng 1986-1989", trang 20.

41.- Bửu Tiên, "Xin Tạ Tội Với Tự Do Dân Chủ", tuyển tập Trăm Hoa...trang 374.

42.- Nguyên văn bài thơ "Khán "Thiên Gia Thi" hữu cảm", trích trong Ngục trung nhật ký, bằng chữ Nho như sau: "Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ/ Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong/ Hiện đại thi trung ưng hữu thiết/ Thi gia dã yếu hội xung phong." Nam Trân dịch [1960]: "Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp / Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông, / Nay ở trong thơ nên có thép, / Nhà thơ cũng phải biết xung phong." (Cảnh Nguyên và Hồ Văn Sơn tuyển chọn, Thơ Hồ chí Minh, nhà xuất bản Nghệ An, 1995, từ trang 468-469.) Lê Hữu Mục dịch: "Thơ xưa riêng chuộng thiên nhiên đẹp, / Mây gió, trăng hoa, tuyết núi sông. / Nay ở trong thơ nên có sắt, / Thi gia cũng phải khéo xung phong." (Lê Hữu Mục, Hồ chí Minh Không Phải Là Tác Giả Ngục Trung Nhật Ký, Văn Bút Hải Ngoại, 1990, trang 154.)

43.- Vũ Thư Hiên, Đêm Giữa Ban Ngày (hồi ký chính trị của một người không làm chính trị), Nhà xuất bản, Văn Nghệ, California, 1997, trang 541.

44.- Jean Lacouture, Ho chi Minh, Peter Wiles dịch từ tiếng Pháp qua tiếng Anh, Harmondsworth: Nhà xuất bản Penguin Books, 1969, p. 130. Nguyên văn: "All those who do not follow the line which I have laid down will be broken." Linh Mục Cao Văn Luận, trong sách Bên Giọng Lịch Sử Việt Nam, 1940-1975, Tantu Research, Sacramento, California, 1983, từ trang 60-61, có tường thuật lại đầy đủ buổi tiếp tân ngày 25.6.1946 tại Paris, trong đó Hồ chí Minh phát biểu ý kiến trên đây. Lúc đó, Hồ chí Minh qua Pháp theo phái đoàn Việt Nam do Phạm văn Đồng dẫn đầu, tham dự hội nghị Fontainebleau. Trong cuộc tiếp tân này, có một số người Việt tham dự, trong đó có Linh Mục Cao Văn Luận.

GIAI THOẠI PHAN KHÔI



1.- SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

Phan Khôi (1887-1959) hiệu là Chương Dân, sinh ngày 20 tháng 8 năm Đinh Hợi (6.10.1887) tại làng Bảo An (vùng Phù Kỳ tức Gò Nổi), Huyện Diên Phước, Phủ Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, nay là Xã Điện Quang, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam. Song thân của Phan Khôi là Phan Trân (1862-1911, đỗ Cử Nhân năm 1888 và Phó Bảng năm 1895) và bà Hoàng Thị Lệ (con của Hoàng Diệu), nghĩa là Phan Khôi là cháu ngoại Hoàng Diệu (1829-1882). Hoàng Diệu là vị Tổng Đốc đã tuần tiết theo Thành khi Hà Nội khi bị Pháp chiếm năm 1882. Bà Lệ từ trần năm 1893.

Năm 1906 (Bính Ngọ), Phan Khôi dự kỳ Thi Hương tại Thừa Thiên, rớt Cử Nhân và được sắp hạng Tú Tài. Có lẽ vì vậy mà sau này, khi biết Pháp Văn, Phan Khôi chọn biệt hiệu là Tú Xon, phiên âm từ chữ Pháp "tout seul" (một mình).

Lúc đó, Phong Trào Duy Tân do Phan Châu Trinh vận động, đang phát triển mạnh ở Quảng Nam. Phan Khôi chuyển qua học chữ Quốc Ngữ và chữ Pháp. Năm 1908, ông cùng chín người bạn khác, trong đó có Cử Nhân Nguyễn Bá Trác (1880-1945) ra Hà Nội tiếp tục nền tân học. Trên đường đi, Phan Khôi đến Đà Nẵng và gặp Trần Quý Cáp tại đây ngày 16.2.1908. Trần Quý Cáp cũng đang trên đường đi đến nhiệm sở mới ở Khánh Hòa. **(1)**

Lúc đó xảy ra vụ dân chúng Quảng Nam biểu tình bất bạo động xin giảm xâu hạ thuế vào tháng 3.1908. Pháp đàn áp cuộc dân biến, bắt giam những nhà vận động Duy Tân tại Quảng Nam và truy lùng Nguyễn Bá Trác, Phan Khôi. Phan Khôi bị bắt và bị giam ở Quảng Nam tại làng La Qua, Huyện Diên Phước, Phủ Điện Bàn (gần Vĩnh Điện ngày nay).

Có lẽ thời gian ngồi tù của Phan Khôi không lâu vì sau đó, người ta thấy ông ghi tên theo học Trường Pellerin (Huế) trong niên khóa 1909-1910. Năm 1911, Phan Khôi thôi học, về quê thọ tang cha, và mở trường dạy chữ Nho. Lúc đó, triều đình sửa soạn bãi bỏ khoa cử Nho Học. Phan Khôi nghỉ dạy năm 1916, ra Hải Phòng làm Thư Ký cho công ty đường biển Bạch Thái Bưởi, **(2)** phụ trách viết thư bằng chữ Nho trong việc giao dịch với các hãng buôn Hồng Kông, và các thư ngắn bằng Pháp văn cho các công ty Pháp.

Nguyễn Bá Trác, người cùng Phan Khôi bị Pháp truy lùng năm 1908, trốn ra nước ngoài một thời gian, sau về làm việc tại Phủ Toàn Quyền Đông Dương, rồi cùng Phạm Quỳnh (1892-1945) lập tạp chí *Nam Phong* năm 1917. Nguyễn Bá Trác phụ trách phần chữ Nho, đã giới thiệu Phan Khôi để cộng tác với *Nam Phong*.

Không đồng ý với cách điều hành tờ báo của Phạm Quỳnh, Phan Khôi vào Sài Gòn, viết cho tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* (lập từ năm 1907). Năm 1920, ông lại ra Hà Nội viết cho *Thực Nghiệp Dân Báo* (lập năm 1920), và *Hữu Thanh* (lập năm 1921). Trong thời gian này, Phan Khôi dịch *Thánh Kinh* cho Hội Thánh Tin Lành Việt Nam. Ông biết chữ Pháp, lại giỏi chữ Nho nên ông dựa vào hai bản *Thánh Kinh* bằng chữ Pháp và bằng chữ Nho mà các Giáo Sĩ Trung Hoa đã dịch trước đó, để dịch sang Quốc ngữ. Bản dịch của ông là căn bản cho các bản *Thánh Kinh* bằng chữ Việt sau này của Hội Thánh Tin Lành. (3)

Năm 1922, Phan Khôi vào Sài Gòn tiếp tục viết báo. Bị Pháp tình nghi, ông xuống Cà Mau nương náu nơi nhà một người bạn. Ông tiếp tục tự học Pháp Văn và được một ký giả người Pháp tại Sài Gòn, tên là Dejean gởi sách vở và hướng dẫn sửa bài tập Pháp Văn cho ông. Năm 1925, ông trở lại Sài Gòn, viết *Đông Pháp Thời Báo* (lập năm 1923), *Trung Lập Báo* (lập năm 1924), *Thần Chung* (lập năm 1929). Năm 1929, Phan Khôi trở thành chủ bút sáng lập tạp chí *Phụ Nữ Tân Văn*, nhưng vẫn tiếp tục cộng tác với các báo khác. Năm 1930, Phan Khôi viết bài phê bình bộ *Nho Giáo* của Trần Trọng Kim (1883-1953) mới xuất bản, gây nên cuộc bút chiến, có cả Phạm Quỳnh tham gia.

Phụ Nữ Tân Văn tạm đình bản vì lý do tài chánh, Phan Khôi trở ra Hà Nội, làm chủ bút *Phụ Nữ Thời Đàm* năm 1932. Trên báo này, bài "Văn minh vật chất và văn minh tinh thần" của ông dẫn tới cuộc bút chiến với nhà văn cộng sản Hải Triều Nguyễn Khoa Văn (1908-1954).

Năm 1934, Phan Khôi đến Huế, làm chủ bút báo *Tràng An*, dạy Việt Văn cho Trường Tư Thục Hồ Đắc Hàm, và viết tiếp cho *Phụ Nữ Tân Văn* mới tục bản. Năm 1936, Phan Khôi sáng lập và làm chủ bút tạp chí *Sông Hương*. Phát hành chưa được một năm, *Sông Hương* phải đóng cửa vì tài chánh eo hẹp. Tại Huế, cũng trong năm 1936, Phan Khôi tập hợp các bài viết về các câu chuyện văn chương, in thành sách *Chương Dân Thi Thoại*. Các câu chuyện này được ông viết từ thời cộng tác với báo *Nam Phong* năm 1918.

Năm sau (1937), Phan Khôi vào Sài Gòn, dạy chữ Nho và Việt Văn tại Trường Chấn Thanh do một đồng hương Quảng Nam là Phan Bá Lân làm Hiệu Trưởng. Phan Bá Lân là con của Phan Thành Tài (1878-1916). Đây là thời kỳ Phan Khôi viết quyển *Trở Vở Lửa Ra*.(4)

Trong thời gian Thế Chiến Thứ Hai (1939-1945), đời sống ở Sài Gòn khó khăn, Phan Khôi quay về quê nhà sinh sống. Tháng 3.1946, tại Hội An, Phan Khôi được bầu làm chủ nhiệm tượng trưng Tỉnh Đảng Bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng Quảng Nam, thay thế Chủ Nhiệm Trương Phước Tường bị Việt Minh bắt tại Tam Kỳ ngày 4.2.1946, và Phan Bá Lân là Bí Thư Tỉnh Đảng Bộ Quốc Dân Đảng.(5)

Sau vụ "Ôn Như Hầu" ở Hà Nội, (6) Việt Minh chuẩn bị tấn công Quốc Dân Đảng. Phan Thao (con của Phan Khôi) và Phan Bôi (em chú bác ruột với Phan Khôi, bí danh là Hoàng Hữu Nam, thứ trưởng bộ nội vụ Việt Minh), lập kế đưa Phan Khôi ra Hà Nội để tránh cuộc tấn công của Việt Minh, vì họ biết trước kế hoạch này. Tỉnh đảng bộ cộng sản Quảng Nam cử người đến nhà, mời Phan Khôi ra Hà Nội theo chỉ thị triệu tập của chính phủ Việt Minh.

Tại Hà Nội, tối 20.10.1946, Việt Minh võ trang tấn công vào tòa báo *Việt Nam* của Quốc Dân Đảng, đặt trụ sở tại số 80 Đường Quan Thánh (Grand Bouddha cũ), do Nhà Văn Khái Hưng Trần Khánh Giur (1896-1947) phụ trách, bắt toàn thể những người có mặt tại đây, trong đó có Phan Khôi. (7)

Sau lần này, Phan Bôi và Phan Thao đưa Phan Khôi lên vùng chiến khu Việt Bắc của Việt Minh cộng sản, sống biệt lập, không có gia đình và người thân. Phan Khôi được giao việc dịch sách chữ Nho hay chữ Pháp qua Quốc Ngữ.

Đây là một hình thức Phan Khôi bị giam lỏng hay chỉ định cư trú. Đời sống rất thiếu thốn, đói khổ, bị gò bó, cấm đoán và nhất là cô đơn. Phan Khôi tâm sự:

"...Tuổi già thêm bệnh họan,
Kháng chiến thấy thừa ta,
Mối sầu như tóc bạc,
Cứ cắt lại dài ra..."

Sau hiệp định Genève (20-7-1954), Việt Nam bị chia hai ở vĩ tuyến 17. Phan Khôi bị kẹt lại ở ngoài Bắc. Năm 1956, xây ra vụ *Nhân Văn-Giai Phẩm*. Nhân dịp Tết Bính Thân

(1956), vào đầu tháng 2.1956, tại Hà Nội xuất hiện đặc san *Giai Phẩm 1956* do nhà xuất bản Minh Đức của Trần Thiểu Bảo ấn hành. [*Giai Phẩm* này về sau được gọi là *Giai Phẩm Mùa Xuân* vì cũng trong năm 1956, xuất hiện thêm *Giai Phẩm Mùa Thu*, *Giai Phẩm Mùa Đông*.]

Đây là một tập hợp các sáng tác của nhóm văn nghệ sĩ thuộc thành phần đối kháng với nhà cầm quyền cộng sản. *Giai Phẩm* này được đánh dấu bằng ba bài quan trọng là “Cái Chổi Quét Rác Rưởi” của Phùng Quán, “Ông Bình Vô!” của Lê Đạt, và “Nhất Định Thắng”, thơ của Trần Dần.

Ngày 29.8, xuất hiện *Giai Phẩm Mùa Thu*, được hoan nghênh quá, nên nhóm chủ trương cho ra *Giai Phẩm Mùa Thu Tập 2*, rồi *Giai Phẩm Mùa Thu Tập 3*. Hai mươi ngày sau *Giai Phẩm Mùa Thu* (Tập 1), tờ *Nhân Văn* số 1 được phát hành ngày 20.9.1956, do Phan Khôi làm Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút, Trần Duy (tên thật là Trần Quang Tăng) làm Thư Ký.

Một trong những cách đối phó của nhà cầm quyền cộng sản là kiểm cách mua chuộc người chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Nhân Văn*, cử Phan Khôi làm đại diện văn giới miền Bắc qua Bắc Kinh (Trung Quốc), tham dự lễ kỷ niệm lần thứ 20 ngày mất của Lỗ Tấn (1881-1936) vào tháng 10.1956. Ra nước ngoài là một đặc ân dưới chế độ cộng sản Bắc Việt. Ngay tại Trung Cộng, Phan Khôi cũng không nhân nhượng, và đã tranh luận với cán bộ Trung Cộng về chủ nghĩa Mác-xít. Khi trở về nước, Phan Khôi không thay đổi lập trường, tiếp tục điều hành tờ *Nhân Văn*.

Cộng sản ra lệnh đình bản hai tờ *Nhân Văn* và *Giai Phẩm* ngày 15.12.1956, bắt giam một số các văn thi sĩ, trí thức thuộc nhóm phản kháng, và bắt đi học tập chính trị số người còn lại. Cộng sản không bắt giữ Phan Khôi vì uy tín của ông quá lớn. Ông đã lăn lộn trong ngành văn chương, báo chí khoảng 50 năm khắp Bắc, Trung và Nam. Ai cũng đều biết tiếng ông, và từng đọc bài do ông viết. Ông lại là người miền Nam nên đảng lao động sợ làm mất lòng giới trí thức miền Nam tập kết ra Bắc. Lúc đó, đảng lao động chuẩn bị đánh miền Nam (Việt Nam Cộng Hòa), muốn ve vãn giới trí thức trong Nam, nên cũng tránh không bắt Phan Khôi.

Thay vào đó, đảng lao động tìm cách cô lập và gây khó khăn cho Phan Khôi, đồng thời cho nhóm bồi bút tay sai viết bài đả kích, mạ lỵ Phan Khôi. Đầu năm 1957, Phan Khôi tự làm bài thơ mừng thượng thọ 70 tuổi. Bài thơ mở đầu bằng hai câu:

“Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi!
Thọ ta, ta chúc nọ phiến ai.”

Phan Khôi không đăng báo bài thơ này, nhưng lại đến tai nhà văn Nguyễn công Hoan. Nguyễn công Hoan, lúc đó là nhân viên đặc lực của Tố Hữu, liền làm bài thơ họa lại rất thô tục và hỗn xược:

“Nhấn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi!
Thọ mi, mi chúc, chớ hòng ai.
Văn chương đủ mẹ thằng cha bạc!
Tiết tháo! Tiên sư cái mẹ ngoài.
Lô-dịch, trước cam làm kiếp chó,
Nhân Văn nay lại hít gì voi.
Sống dai thêm tuổi cho thêm nhục,
Thêm nhục cơm trời chẳng thấy gai.” (8)

Cuối năm 1957, Phan Khôi tập hợp những bài bút ký, tạp văn viết từ năm 1946 trở về sau thành một quyển sách nhan đề là *Nắng Chiều*. Ông đưa bản thảo đến nhà xuất bản hội nhà văn để in, nhưng không được xuất bản. Sau đó, Phan Khôi ngưng hoạt động văn hóa. Già yếu, cô đơn và bệnh tật, Phan Khôi từ trần lúc 11 giờ sáng ngày 16.1.1959 (8.12 năm Mậu Tuất), tại số 73, Phố Thuốc Bắc, Hà Nội trong cảnh thanh bần của một Nhà Nho khí phách, tận lực theo đuổi lý tưởng của mình, luôn luôn giữ gìn tiết tháo, không sợ bạo quyền, dù đó là cộng sản. Suốt đời, ông sống đúng theo câu châm ngôn của Mạnh Tử: “*Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất.*” (Giàu sang không tham lam, nghèo khổ không thay lòng đổi dạ, sức mạnh không khuất phục được.)

2.- KHỞI XƯƠNG THƠ MỚI

Vào đầu Thế Kỷ 20, các thể thơ thịnh hành là Thơ Đường (Đường Thi), thơ lục bát và song thất lục bát. Các thể thơ này theo một số niêm luật bằng trắc và vần điệu nhất định. Trên báo *Phụ Nữ Tân Văn* số 122, phát hành tại Sài Gòn ngày 10.3.1932, xuất hiện bài báo

“Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ”, kèm theo bài thơ “Tình Già”. Cả hai bài đều của Phan Khôi, được xem là tuyên ngôn của trường phái thơ mới ở Việt Nam. Sau đây là toàn văn bài “Tình Già”:

*“Hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa mưa.
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,
Hai mái đầu xanh kề nhau than thở.
“Ôi đôi ta tình thương nhau thì vẫn nặng,
Mà lấy nhau hẳn là khôngặng.
Để đến rồi tình trước phụ sau,
Chi cho bằng sớm liêu mà buông nhau!”
Hay! Nói mới bạc làm sao chớ!
Buông nhau làm sao cho nữ ?
Thương được chừng nào hay chừng nấy,
Chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy!
Ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy chung ?
Hai mươi bốn năm sau,
Tình cơ nơi đất khách gặp nhau!
Đôi mái đầu bạc.
Nếu chẳng quen lung, đố có nhìn ra được!
Ôn chuyện cũ mà thôi.
Liếc đưa nhau đi rồi!
Con mắt còn có đui.”*

Thật ra, trong sự nghiệp văn chương của Phan Khôi, đây không phải là bài thơ mới đầu tiên của ông. Người ta không biết ông viết bài thơ mới đầu tiên khi nào, chỉ biết chắc chắn trước bài “Tình Già” bốn năm, trên *Đông Pháp Thời Báo*, số 726, tại Sài Gòn ngày 2.8.1928, đã xuất hiện một bài thơ mới của Phan Khôi. Phan Khôi mượn câu chuyện truyền kỳ dân gian về việc quạ bắc cầu Ô Thước, (9) để sáng tác một bài thơ ngụ ngôn, nhan đề “Dân quạ đình công”:

*“Mồng bảy tháng Bảy năm Mậu Thân,
Chiếu lệ bắc cầu qua sông Ngân,
Hằng hà sa số cu-li quạ,
Bay bổng về trời dường trẩy quân.
Hai bên bờ sông đậu lóc góc,
Con thì kêu đói, con kêu nhọc.
Đường xá xa xuôi việc nặng nề,
Phản lữ con thơ ở nhà khóc.
Bỗng nghe lệnh Trời truyền khởi công,
Nào con đầu cúi, con lưng cong,
Thêm bầy lý béo đứng coi việc,
Đụng đầu đánh đá như bao bông!
Ngán cho cái kiếp làm dân thiệt,
Làm có ăn không, chết cho chết,
Cấn cổ kêu Trời, Trời chẳng nghe.
Một con bay lên đứng diễn thuyết,
“Hỡi đồng bào nghe tôi nói đây:
Dân quyền thịnh nhất là đời nay,
Việc mà chẳng phải việc công ích,
Không ai có phép đem dân đây.
Trối kệ Hoàng ngưu với Chúc nữ,
Qua được thời qua, không thời chớ.
Quốc dân ô thước tội tình chi,
Mà bắt xâu bơi làm khổ sở ?
Anh em ta hè về quách thôi!”
Luôn thể kéo nhau vào cửa trời,*

Động trống dăng vắn âm đế tọa,
 Ngai vàng bệ ngọc rung rinh rơi.
 Nghe tin dân quạ nổi cách mệnh,
 Trời sai thiên lôi ra thám thính,
 Đầu đen máu đỏ quyết hy sinh,
 Ngừng búa thiên lôi không dám đánh.
 Tức thì chiếu Trời vạch mây ra,
 Đánh chữ đại xá Trời ban tha,
 Dân quạ ở đâu về ở đó,
 Từ nay khỏi bắc cầu Ngân Hà.
 Ở té ra:
 Mềm thì ai cũng nuốt!
 Cứng thì Trời cũng nhả.
 Hằng hà sa số cu-li quạ,
 Bay về hạ giới kêu “khá, khá” (10)

3.- GIAI THOẠI PHAN KHÔI

Phan Khôi là nhà văn có nhiều giai thoại ngay khi ông còn sống. Đây là những câu chuyện thực trong cuộc đời ông, nhưng vừa táo bạo, vừa dí dỏm, nên được truyền miệng nhiều lần thành những giai thoại dân gian.

Lý luận Phan Khôi: Trước đây, khi môn luận lý học Tây phương bắt đầu được truyền bá vào nước ta, Phan Khôi tìm sách đọc và học theo lối lý luận Tây phương. Ông viết nhiều bài tranh luận rất sôi nổi trên các báo. Từ đó, một thời trên báo chí xuất hiện nhóm từ ngữ “lý luận Phan Khôi” để chỉ những người “cãi hay”. Về sau, khi bị kẹt ở ngoài Bắc, sống dưới chế độ cộng sản, Phan Khôi cũng ưa “cãi lý” mà không sợ bị cộng sản trừ dập. Tượng trưng cho lối “cãi lý” Phan Khôi dưới chế độ cộng sản là bốn câu thơ của ông:

“Làm sao cũng chẳng làm sao,
 Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi.
 Làm chi cũng chẳng làm chi,
 Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao.”

Con gà xã hội chủ nghĩa: Sau hiệp định Genève (20.7.1954), Việt Nam bị chia hai ở sông Bến Hải (Quảng Trị), ngang vĩ tuyến 17. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa [Việt Minh cộng sản] ở phía Bắc và Quốc Gia Việt Nam [sau đổi thành Việt Nam Cộng Hòa] ở phía Nam. Nhà cầm quyền cộng sản đưa Phan Khôi về sống trong một phòng tại Hội Văn Nghệ Hà Nội, số 151 Đường Trần Hưng Đạo (tức Đường Gambetta trước 1954), gặp lại vợ con từ trong Nam tập kết ra Bắc.

Khi mới về Hà Nội, Phan Khôi được một người bạn đãi cơm. Trong bữa ăn, có món thịt gà. Đây là lần đầu tiên Phan Khôi được thưởng thức món thịt gà sau 9 năm bị Việt Minh ép tản cư lên chiến khu Việt Bắc vào năm 1946. Khi vào bữa ăn, vừa cầm đũa lên, Phan Khôi liền chỉ đĩa thịt gà trên mâm, nói rằng: “*Chín năm nay, tao lại gặp mày*”. (11a)

Khoai nhac ngựa: Đầu năm 1956, người ta giao cho Phan Khôi dịch một quyển sách từ tiếng Pháp qua tiếng Việt. Trong sách có chữ “*pomme de terre*”. Phan Khôi dịch chữ đó là “*khoai nhac ngựa*”. Khi phê bình quyển sách này, báo *Cứu Quốc*, cơ quan truyền truyền của đảng lao động (tức đảng cộng sản) đã chê Phan Khôi già nua, lảm cảm, dịch sai. Tác giả bài phê bình viết rằng chữ “*pomme de terre*” phải được dịch là “*khoai tây*”, sao lại dịch thành “*khoai nhac ngựa*” ?

Phan Khôi trả lời đại ý như sau: Ai cũng biết “*pomme de terre*” là “*khoai tây*”, nhưng lâu nay, cán bộ phụ trách cảm ông ta dùng chữ “*tây*” và chữ “*Tàu*”. Ví dụ, khi Phan Khôi dùng chữ “*đường tây*” [đường trắng] thì bị sửa lại là “*đường kính*”, khi Phan Khôi viết chữ “*chè Tàu*”, thì bị sửa thành “*chè Trung Quốc*”, “*thịt kho Tàu*” thì đổi thành “*thịt kho Trung Quốc*”. Do đó, thể theo ý lãnh đạo, lần này chữ “*pomme de terre*”, ông không dịch là “*khoai tây*”, mà dịch là “*khoai nhac ngựa*”, vì tiếng Trung Quốc gọi là “*mã linh thụ*”. (11b)

Lối viết thâm thúy dí dỏm của ông tú Nho Học Phan Khôi kín đáo bóc trần sự dốt nát của lãnh đạo văn hóa cộng sản, mà họ không bắt bẻ ông được.

Tiếng nói sang sảng: Cái đình của *Giai Phẩm Mùa Thu* (tập 1), xuất bản tại Hà Nội ngày 29.8.1956 là bài viết của Phan Khôi, tựa đề là “Phê bình lãnh đạo văn nghệ”, dài 14

trang (khi in thành sách), cỡ chữ nhỏ. Trong bài này, phần dẫn nhập, Phan Khôi viết rằng trong thời gian chiến tranh, các văn thi sĩ chỉ nghĩ đến kháng chiến, nên sẵn sàng hy sinh, chín bỏ làm mười, không ai thắc mắc gì cả. Tuy nhiên, sau năm 1954, trở về Hà Nội, "*lãnh đạo văn nghệ thành ra vấn đề, quần chúng văn nghệ thắc mắc với lãnh đạo*". Phan Khôi đưa ra ba vấn đề chính để phê bình. Đó là tự do của văn nghệ sĩ, vụ *Giai Phẩm Mùa Xuân*, và Giải thưởng Văn học 1954-1955.

Theo Phan Khôi, lúc đó tại Bắc Việt Văn Nghệ Sĩ bị kèm kẹp một cách nghiệt ngã, khiến một ngày nào đó, "*nhược bằng bắt mọi người phải viết theo lối của mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết*". Phan Khôi chỉ còn biết than với Nguyễn Đình Chiểu: "*Cụ Đồ Chiểu ơi! Cụ Đồ Chiểu ơi! Ở thời cụ, cụ đã kêu: Ở đây nào phải trường thi,/ Ra đề hạn vận một khi buộc ràng! Thế mà ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề, dàn bài, lại còn hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi! Tôi còn làm ăn được gì nữa cụ ơi! Tôi đâu còn là tôi đâu được nữa cụ ơi!*"

Từ lãnh đạo như thế nên đưa đến phản ứng là *Giai Phẩm Mùa Xuân*. Rồi lại xảy ra những vụ chụp mũ phản động, mà theo Phan Khôi "*thật là cái tội phản động ở xứ này sao mà ghép một cách dễ dàng quá*". Cũng vì lãnh đạo như thế nên mới đưa đến kết quả giải văn học 1954-1955, mà "*ở Hà Nội dư luận bàn tán xôn xao, nhiều người không phục, cho rằng có mấy tác phẩm trong đó không xứng đáng được giải*".

Chẳng những nêu danh những tác phẩm không xứng đáng, Phan Khôi còn đưa ra lỗi làm việc theo mệnh lệnh của hội đồng chấm giải, lấy đa số hội viên trong hội để chèn ép "*thiếu số tuyệt đối*" là chính Phan Khôi. Điều khôi hài nhất được Phan Khôi nêu ra là có tác giả vừa được sung vào ban chấm giải, vừa có tác phẩm dự giải, và sau đó lại được trúng giải. **(11c)**

Khi phê bình lãnh đạo văn nghệ, Phan Khôi phê bình luôn sự lãnh đạo của đảng lao động, bởi vì lãnh đạo văn nghệ là chi bộ đảng trong hội nhà văn, trực thuộc hệ thống đảng, và Phan Khôi phê bình luôn chế độ ông đang sống. Phan Khôi viết: "*Dưới chế độ tư sản, sự đối lập là thường: Nhân dân đối lập với chính phủ, công nhân đối lập với chủ xưởng, học sinh đối lập với nhà trường... Nhưng ở dưới chế độ của chúng ta, về mọi phương diện, yêu cầu phải không đi đến đối lập, hễ còn đối lập là còn hiện tượng không tốt, cái triệu chứng không tốt.*" **(12)** Một nước mà không có tiếng nói đối lập có nghĩa là một nước thiếu dân chủ hay độc tài.

Bài báo của Phan Khôi làm xôn xao dư luận Hà Nội. Báo *Thời Mới*, một tờ báo tư nhân còn sót lại ở Hà Nội lúc đó, do Hiền Nhân chủ trương, **(13)** đã gọi bài viết của Phan Khôi là "một quả bom tạ", thả ngay tại thủ đô Hà Nội. "*Có người thốt lên rằng chín mươi năm nay mới được nghe tiếng nói san sàng của cụ Phan Khôi*". **(14)**

Bọ xít, cúrt lợn hay chó đẻ: Trong cuộc mít-tin tại Quảng Nam tổ chức sau khi Việt Minh cướp chính quyền và thành lập chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa ngày 2.9.1945, nhà cầm quyền Việt Minh lâm thời ở Quảng Nam mời Phan Khôi lên diễn đàn phát biểu ý kiến. Ông hoan nghênh nền độc lập dân tộc, nhưng khảng khái tuyên bố không đồng tình với con đường chủ nghĩa cộng sản. **(15)**

Sau vụ *Nhân Văn-Giai Phẩm* năm 1956 và sau việc nhà cầm quyền Hà Nội không cấp giấy phép cho Phan Khôi in tập *Nắng Chiều* vào năm 1957, Phan Khôi bị những văn nô cộng sản đã kích mạnh mẽ. Trên báo *nhân dân* số 1501, ngày 12.4.1958, Thi Sĩ Thế Lữ, tác giả bài thơ nổi tiếng "Hồ Nhớ Rừng", đã lên án Phan Khôi:

"...*Phan Khôi phản cách mạng, ngắm ngòm chống đảng lãnh đạo cách mạng từ trong kháng chiến, đó là việc hiện giờ ta thấy rõ hiển nhiên... Phan Khôi vẫn khoe là được Hồ Chủ Tịch tặng một chiếc áo lụa, và kể cho tôi nghe một chuyện gặp Hồ Chủ Tịch. Chuyện được áo, tôi không thấy ông ta tỏ ra một ý nào là cảm kích. Phan Khôi không cảm thấy được rằng một cử chỉ đơn giản đó của Người biểu trưng cho một tình bao dung nhân ái rộng lớn dồi dào của đạo đức cách mạng...*" **(16)**

Sau bài phê bình của Thế Lữ, Phan Khôi bị đã kích tiếp trên báo *văn nghệ* số 15, tháng 8.1958. Lần này, Đoàn Giới phê phán "Tư tưởng phản động trong sáng tác của Phan Khôi". Chính nhờ bài phê bình của Đoàn Giới mà bàn dân thiên hạ mới biết được phần nào nội dung tập sách *Nắng Chiều*.

Bài báo của Đoàn Giỏi cho biết *Nắng Chiều* gồm hai phần: Truyện ngắn và tạp văn. Phần thứ nhất gồm ba truyện ngắn “Cầm Vịt”, “Tiếng Chim”, và “Cây Cọng Sắn”. Phần thứ hai gồm bốn tạp văn mà Phan Khôi cho là đã chép lại sự thực chứ không phải tiểu thuyết. Đó là “Thái Văn Thu”, “Ông Năm Chuột”, “Chuyện Ba Ông Vua Kiên Long, Quang Trung và Chiêu Thống”, và “Nguyễn Trường Tộ”.

Trong truyện ngắn “Cây Cọng Sắn”, Phan Khôi mô tả loại cây này như sau: “...*Có một thứ thực vật cũng như sen Nhật Bản ở xứ ta, trước kia không có mà bây giờ có rất nhiều. Đâu thì tôi chưa thấy, chỉ thấy ở Việt Bắc không chỗ nào là không có...*”

Theo Phan Khôi, có nơi gọi loại cây này là “cỏ bù xít”, vì nó có mùi hôi như con bọ xít, có nơi gọi là “cây cứt lợn”, hoặc “cây chó đẻ”. Ông nói rằng những tên đó đều không nhã nhặn tý nào, người có học không gọi như vậy, mà nên gọi là “cây cọng sắn”. Phan Khôi viết tiếp:

“...*Không mấy lâu rồi nó mọc cả đồn điền, trừ khử không hết được, nó lan tràn ra ngoài đồn điền. Cái tình trạng ấy bắt đầu có trong những năm 1930-1931 đồng thời với Đông Dương cộng sản đảng hoạt động, phong trào cộng sản cũng lan tràn nhanh chóng như thứ cây ấy, cũng không trừ khử được như thứ cây ấy, cho nên bọn Tây đồn điền đặt tên nó là “herbe communiste”, đáng lẽ dịch là cỏ cộng sản, nhưng nhiều người gọi là cây cọng sắn. Nó còn có một tên rất lạ...Hỏi ông [ông già Thổ mà Phan Khôi hỏi chuyện] tên nó là cây gì, ông nói tên nó là “cỏ cụt Hồ”. Thứ cỏ này trước kia ở đây không có, từ ngày cụt Hồ về đây lãnh đạo cách mạng, thì thứ cỏ ấy mọc lên, không mấy lúc mà đầy cả đường sá đồi đồng, người ta không biết tên nó là gì, thấy nó cùng một lúc với cụt Hồ về thì gọi nó như vậy...” (17)*

Các truyện ngắn và tạp văn trong tập *Nắng Chiều* đều bị bài báo của Đoàn Giỏi cho là mượn chuyện người xưa để xô xiên đời nay. Thông thường, người ta chỉ phê bình một quyển sách khi đã được in ấn và phát hành. Đàng này, tập *Nắng Chiều* bị cấm đoán và không được phép in thành sách, vẫn còn trong dạng bản thảo, mà Đoàn Giỏi cũng đem ra phê bình. Trong khi phê bình, Đoàn Giỏi lại trích dẫn những đoạn văn sỉ nhục chế độ cộng sản. Chính vì lẽ đó, sau khi viết bài phê phán Phan Khôi, Đoàn Giỏi bị kiểm điểm và bị kết tội giả vờ kiểm soát phê phán Phan Khôi, để giới thiệu *Nắng Chiều* cho mọi người biết một cách khái quát, nhắm bêu xấu chế độ. Sau đó, không thấy Đoàn Giỏi xuất hiện trên văn đàn. (17)

Vào thời kỳ các chế độ cộng sản sắt máu còn thịnh hành vào giữa Thế Kỷ 20 ở Liên Xô, Đông Âu, Trung Quốc, chế độ cộng sản Việt Nam còn khe khắt và khép kín, ít có một nhà văn nào sống dưới chế độ cộng sản, ngay tại thủ đô Hà Nội của họ, mà dám công khai viết và bóc trần rằng cộng sản là “bọ xít”, “hoa cứt lợn” hay “cây chó đẻ”.

Mà quả thật, chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay, tuy nói rằng theo trào lưu đổi mới vào đầu Thế Kỷ 21, vẫn chưa có tự do báo chí, không hơn gì những điều Phan Khôi nhận xét và mô tả 50 năm về trước. Cái cốt lõi vẫn là “cây cọng sắn”, hay là thứ cây gì tùy ý bạn đọc.

TRẦN GIA PHỤNG
(Toronto, 15.10.2007)

CHÚ THÍCH

1.- Lê Thị Kinh, *Phan Châu Trinh (1872-1926) qua những tài liệu mới*, nhà xuất bản Đà Nẵng, 2001, Quyển 2, Tập 1, trang 120.

2.- Bạch Thái Bưởi (1874-1932), người Hà Đông, nguyên họ Đỗ, cha mất sớm, nhà nghèo, làm con nuôi một người nhà giàu họ Bạch nên đổi qua họ Bạch. Năm 21 tuổi, ông làm Thư Ký cho một hãng buôn người Pháp, sau tự đứng ra kinh doanh, mở “Đông Kinh Ấn quán” tại Hà Nội, rồi bước qua lãnh vực hàng hải thương thuyền năm 1909. Trong vòng 10 năm, công ty của ông có trên 30 chiếc tàu lớn nhỏ, cạnh tranh mạnh mẽ với thương thuyền Pháp. Sau khi ông từ trần, Ngô Tất Tố viết báo gọi ông là “bạc anh hùng kinh tế thứ nhất trong kinh tế giới nước nhà”.

3.- Phải là một người giỏi Nho Học như Phan Khôi mới dịch tiêu đề “Cantique des cantiques” (Canticle of canticles, Song of Solomon) trong *Cựu Ước* bằng chữ “Nhã ca”. “Nhã” là một phần trong *Kinh Thi* gồm có “Phong”, “Tụng” và “Nhã”. *Kinh Thi* là một trong *Ngũ Kinh* của Nho Học (*Thi, Thư, Lễ, Nhạc* và *Xuân Thu*).

4.- Hoàng Văn Chí chủ biên, *Trăm Hoa Đưa Nở Trên Đất Bắc*, Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa, Sài Gòn 1959, trang 54. Sách *Trở Vở Lửa Ra* của Phan Khôi ít được nhắc đến.

5.- Hoàng Văn Đào, *Việt Nam Quốc Dân Đảng*, tái bản kỳ 2, Sài Gòn: 1970, trang 354.

6.- **Vụ Ôn Như Hầu:** Tại Hà Nội, ngày 13.7.1946, Việt Minh cho người lục soát trụ sở Ban Tuyên huấn Đệ thất Khu Đảng Bộ của Việt Nam Quốc Dân Đảng, ở số 9 Phố (đường) Ôn Như Hầu, Hà Nội. Trụ sở này vốn là của quân đội Nhật Bản giao lại cho quân đội Trung Hoa, rồi lại được chuyển cho Việt Nam Quốc Dân Đảng. Việt Minh bắt tất cả những đảng viên Quốc Dân Đảng có mặt tại trụ sở và tịch thu một số giấy tờ quan trọng. Việt Minh hô hoán lên rằng đã tìm thấy trong khu vực nhà này một số xác người, và lập biên bản kết tội Quốc Dân Đảng tổ chức “hắc điểm” để bắt cóc, giết người, tống tiền, cướp của. (Hoàng Văn Đào, sách đã dẫn, từ trang 322-324.)

7.- Huy Quang Vũ Đức Vinh, “Từ vụ tấn công tòa báo *Việt Nam* năm 1946: Nhớ về Nhà Văn Khái Hưng, Chàng lẩn thân và Người ngọc nói hoa cười”, báo *Thế Kỷ 21*, California, số 104, tháng 12-1997, trang 28.

8.- Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, trang 15.

9.- Tục truyền rằng cháu gái của Trời là Chức Nữ (chức = dệt, nữ = cô gái) được Trời gả cho Ngưu Lang (chàng chăn trâu). Sau khi lấy chồng, Chức Nữ lười việc may vá nên Trời giận, phạt phai người bằng cách chia mỗi người một ngã, lấy giải Ngân Hà ngăn cách, chỉ cho mỗi năm gặp nhau một lần vào đêm mùng 7 tháng 7 (âm lịch). Quạ sẽ đội đá làm cầu cho hai người gặp nhau. Quạ thay lông vào tháng 7 âm lịch, đầu bị sói, nên người ta cho rằng vì đội đá bắc cầu mà sói đầu.

10.- **Dân quạ đình công**

Mồng bảy tháng Bảy năm Canh Thân,
Chiều lệ bắc cầu sang sông Ngân.
Hằng hà sa số cu li quạ,
Bay bổng về trời dường trải quân.
Hai bên bờ sông đậu lóc ngóc,
Con thì kêu đói, con kêu nhọc.
Đường sá xa xuôi việc nặng nề,
Phản lủ con thơ ở nhà khóc.
Bỗng nghe lệnh Trời truyền khởi công,
Nào con đầu cúi, con lưng cong,
Thêm thầy huyện Bèo đứng coi việc,
Đụng đầu đánh đố như bao bông.
Ngán cho cái kiếp làm dân thiệt!
Làm có, ăn không, chết chó chết!
Cấn cổ kêu Trời, Trời chẳng nghe,
Một con bay lên đứng diễn thuyết:
“Hỡi đồng bào, nghe tôi nói đây!
Dân quyền thanh nhứt là đời nay,
Việc mà chẳng phải việc công ích,
Không ai có phép đem dân đây.
Trối kệ Hoàng Ngưu với Chức Nữ,
Qua được thì qua, không thì chớ,
Quốc dân Ô Thước tội tình gì,
Mà bắt xâu bời làm khổ sở ?
Anh em ta hè, về quách thôi! ”
Luôn thể kéo nhau vào cửa trời,
Động trống đảng văn âm đế tọa,
Ngai vàng bệ ngọc rung rinh, rơi.
Có tin dân quạ nổi cách mệnh:
Trời sai thiên lôi ra thám thính,
Đầu đen máu đỏ quyết hy sinh.
Ngừng búa, thiên lôi không dám đánh.
Tức thì chiếu Trời vạch mây ra,
Đánh chữ đại xá Trời ban tha,

Dân quạ ở đâu về ở đó.
Từ nay khỏi bắc cầu Ngân Hà.
Ờ té ra:
Mềm thì ai cũng nuốt,
Cứng thì Trời cũng nhả!
Hằng hà sa số cu li quạ,
Bay về hạ giới kêu "khá khá" (*).

C.D

Đăng trong *Phụ trương văn chương của Đông Pháp Thời Báo*, Sài Gòn, s.726 (2.6.1928)

* Theo một số nguồn tài liệu khác nhau thì Phan Khôi làm bài về *Dân Quạ Đình Công* vào khoảng năm 1911, kể về sự kiện thường được gọi là vụ án xin xâu ở Quảng Nam hồi năm 1908. Về văn bản bài về, một số bản sưu tầm đã in gần đây (ví dụ Nguyễn Q. Thắng trong *Từ điển tác giả văn hóa Việt Nam*, Hà Nội, 1999, Phan Thị Mỹ Khanh trong *Nhớ Cha Tôi Phan Khôi*, Đà Nẵng, 2001, trang 150-152) có những chênh lệch về câu chữ. Tôi cho rằng văn bản in ở sưu tập này là bản do chính Phan Khôi cho đăng *Đông Pháp thời báo* năm 1928 nên đáng tin cậy hơn.

11.- Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 11 (11a), 23-24 (11b), 59-72 (11c, toàn văn bài viết). [Khoai tây mọc từng chùm, giống như vòng xâu chuông lục lạc đeo nơi cổ ngựa, nên người Trung Hoa gọi là "mã linh thụ".]

12.- Phan Khôi, "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ". (Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn trang 61.)

13.- Nguyễn Minh Cần, *Công lý đòi hỏi*, California: Nhà xuất bản Văn Nghệ, 1997, trang 70.

14.- Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn trang 26.

15. Phan Cừ, Phan An, "Phan Khôi Niên Biểu", đăng trong *Chương Dân Thi Thoại* của Phan Khôi, nhà xuất bản Đà Nẵng tái bản, 1996, trang 161.

16.- Nguyễn Minh Cần, sách đã dẫn, trang 33.

17.- Đoàn Giỏi, "Tư tưởng phản động trong sáng tác của Phan Khôi", đăng trong Hoàng Văn Chí, sách đã dẫn, từ trang 89-96. Những trích đoạn trong sách *Nắng Chiều* của Phan Khôi đều rút ra từ bài viết của Đoàn Giỏi.

CHÚ RẼ LƯỢNG GÙ & CÔ DÂU MÔI SÚT

TRẦN THƯỢNG DÂN

XƯA VÀ...

Việt Nam có câu chuyện về "Chú rẽ lượng gù và cô dâu môi sứt". Chẳng là ở một Làng kia, có một nhà giàu có một cô con gái bị sứt môi, như môi thỏ vậy. Nếu chọn rẽ theo kiểu "môn đăng hổ đối" thì chắc cô gái phải chết già trong cô đơn. Nhưng trò đời, hễ có tiền là tự nhiên có kẻ đến tán tụng và bày mưu kế giùm. Cho nên, có một mục mối, dò biết nỗi khổ tâm của vợ chồng nhà giàu nọ, bèn áo khăn tề chỉnh, đến hầu chuyện mà rằng:

- Chúng con ở xa nhưng cũng được nghe tiếng tăm nhân đức của hai cụ...

Thừa biết mình đâu có nhân đức, vì làm giàu có quyền là do lừa đảo, trộm cắp mà nên ông này, bà nọ. Bởi vậy, khi nghe mục mối nói như thế, hai vợ chồng nhà giàu sầm nét mặt lại. Nhưng mục mối, vốn cũng là loại lưu manh có hạng, nên tinh ý biết ngay, vội chuyển giọng:

- Vì thế hôm nay đến hầu chuyện hai cụ, trước là thăm hai cụ cho thỏa lòng ao ước, sau là xin báo một tin mừng...

Nói đến đây, mục mối giả vờ ngưng lại, uống nước để xem "con mối" có đớp câu không. Nhưng vợ chồng nhà giàu nọ, vốn đời lưu manh, nên vẫn tỉnh khô. Biết là đụng đầu đại cao thủ, mục mối vào đề ngay:

- Dạ, mừng lắm ạ, vì nghe tiếng hai cụ có một tiểu thư như vàng ngọc, nên một gia đình quyền quý ở Tỉnh bên nhờ con sang đánh tiếng xin được thông gia. Nghe đúng nỗi đau, hai vợ chồng nhà giàu nọ nhìn nhau, thở dài. Bà vợ nói:

- Chắc bà ở xa nên không rõ đây thôi. Chúng tôi chỉ có một mụn gái. Cháu rất ngoan nhưng có...tật từ nhỏ.

- Dạ, có sao đâu. Có tài có tật là chuyện thường.

Bà nhà giàu lắc đầu:

- Tôi muốn nói là...nói là...cháu bị...sứt môi.

Biết mình đang ở thượng phong, mẹ mỗi gật gù:

- Chúng con có biết chuyện, nhưng vì mền đức của hai cụ nên mạnh dạn đến "xin hiến kế".

Nghe thế, vợ chồng nhà giàu tươi nét mặt:

- Kế như thế nào ?

Mẹ mỗi tẩm tẩm:

- Hai cụ cho tiểu thư ăn mặc thật đẹp, vàng ngọc đeo cho lóa mắt. Khi nhà trai sang xem mắt, cho tiểu thư cầm quạt trâm che miệng thì họ chỉ tưởng là tiểu thư bẽn lẽn chứ đâu biết tiểu thư sứt môi ạ!

Nghe xong, vợ chồng nhà giàu cùng đứng dậy nắm tay mẹ mỗi khen ngợi và quát người nhà mở tiệc đãi khách. Khi tiễn mẹ mỗi về lại còn lót tay ít quà đáng giá.

Lại nói ở Tỉnh bên, vợ chồng một viên quan hưu trí, có cậu con trai út bị bệnh thuở nhỏ và bị gù lưng từ đó. Vì cái nhược điểm đấy mà khó kén vợ.

Là một tên lưu manh, sống bằng nghề mỗi mai lừa gạt, mẹ mỗi nắm được hai cảnh ngộ, hai nhược điểm khác nhau, thế là mẹ ra tay khai thác. Cho nên sau khi ở nhà giàu nọ ra về, hôm sau mẹ đến ngay nhà viên quan hưu trí và cũng lại "hiến kế":

- Bẩm cụ lớn, nhà gái là con một của gia đình phú hộ, rất nét na, từ bé đến lớn chưa bao giờ đi ra khỏi nhà, được vẽ nâng khăn, sửa túi cho công tử thì thật là may mắn lắm ạ!

Viên quan thở dài:

- Công tử nhà tôi hiền lành, giỏi giang, nhưng hiềm nỗi thuở nhỏ gặp bệnh hiềm nghèo nên bị gù lưng, sợ nhà gái chê thì không tiện.

Mẹ mỗi ôn ền:

- Xin cụ lớn yên lòng, con xin "hiến một kế". Khi đến xem mắt nhà gái, cụ lớn cho công tử cưỡi ngựa đi ngang qua sân rồi cho công tử lui để phụ mẫu đôi bên nói chuyện thì ai mà biết là công tử bị gù lưng cho được. Đến khi ván đã đóng thuyền dù biết cũng đã muộn.

Và, quả đúng như mẹ mỗi dự đoán. Nghĩa là khi đón dâu và làm lễ hợp cẩn thì đôi bên mới biết là chú rể bị gù, cô dâu bị...sứt. Và, đúng là biết thì đã muộn.

Sự kết hợp thành công của cặp vợ chồng đó chính là do mẹ mỗi biết lợi dụng chỗ yếu của hai bên để tìm cách che đậy chỗ nhược khiến cho tất cả đều bị lừa. Cặp vợ chồng "gù, sứt" đó có hạnh phúc hay không thì chuyện không nói đến. Nhưng điều rõ ràng kẻ thủ lợi là bà mỗi.

NAY THÌ...

Xưa thì có mẹ mỗi và hiện nay trong Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn, mafia đồ ra sinh sống ở nước ngoài, cùng chạy ăn theo những người tỵ nạn đích thực, có một số anh mối. Họ không làm cái việc mai mối hôn nhân mà mai mối cái gọi là giao lưu văn hóa... (một chiều). Nếu xưa kia, chuyện chú rể có điểm nhược là gù lưng, thì nay điểm nhược của chúng ta là thiếu tài liệu trung thực, nhất là thế hệ trẻ, đặc biệt thế hệ được sinh ra ở nước ngoài từ sau tháng 4.1975. Ngay nhân dân trong nước,

nhất là thanh thiếu niên ngày nay còn dùng toàn tài liệu giả thì làm sao để xuất khẩu ra ngoài tránh khỏi hàng giả.

Còn cái nhược điểm của mafia đó là nếu cho mối ở trong nước ra thì bị ăn cà chua, trứng thối nên đề ra trò “giao lưu văn hóa” nhưng không thể tự thực hiện được. Cho nên mối hải ngoại nhào dzô.

Bài này xin đơn cử một thứ giả mà anh mối ở hải ngoại đã khai thác sự thiếu vốn thực của người Việt chúng ta, nhất là giới trẻ, để hưởng lợi. Đó là câu chuyện về chàng thi sĩ từ cái tên Xuân Diệu vì nhiễm HIV cộng sản dương tính mà thành Xuân Tóc Đỏ.

Cứ theo kiểu anh mối giới thiệu thì người Việt ở hải ngoại chỉ biết đến Xuân Diệu như là một nhà thơ trữ tình ngoại hạng, thuộc phong cách mới của thời tiền chiến, nghĩa là trước 1945.

Thơ mới ở Việt Nam những năm 1945 trở về trước không phải là một hiện tượng thuần nhất, nên trong cuốn “Thi Nhân Việt Nam”, tác giả Hoài Thanh đã phân chia thành các nhóm gọi là Xóm và Xuân Diệu được xếp trong xóm “Huy-Xuân” (Huy Cận và Xuân Diệu), là những người làm thơ mới chỉ sử dụng những yếu tố tượng trưng. Giai đoạn trước 1944 thì quả Xuân Diệu là một Thi Sĩ có những bài thơ tình nóng bỏng, được giới trẻ yêu thích. Nhưng, thật đáng buồn cho những người Việt Nam yêu thơ, thật thiệt thòi cho kho tàng thơ hiện đối Việt Nam mà kẻ thiệt thòi và đáng buồn nhất chính là Xuân Diệu. Kể từ cuối năm 1944, sau khi cộng đảng chi phối thì nhà thơ trữ tình Xuân Diệu đã thoái hóa cả trong sáng tác lẫn đời thường.

Cũng như Cù Huy Cận, Xuân Diệu được đầu lĩnh mafia để cài vào nằm vùng trong đảng dân chủ do Dương đức Hiền sáng lập với những tên tuổi ở miền Nam như Huỳnh tấn Phát, Trần bửu Kiếm, Huỳnh văn Tiêng và ở phía Bắc có những gương mặt như Luật Gia Vũ đình Hòa, Nhà Nghiên Cứu văn học Đỗ đức Dục, Bác Sĩ Nguyễn tấn Di Trọng, các Kỹ Sư Trần đăng Khoa, Nghiêm xuân Yêm v.v...và tiếng nói của đảng dân chủ là tờ báo có tên là độc lập.

Sau khi quân Nhật làm cuộc đảo chính thực dân Pháp ở Đông Dương, tháng 3.1945 thì quân Nhật trả chính quyền lại cho Vua Bảo Đại. Học Giả Trần Trọng Kim được chỉ định lập chính phủ. Hà Nội được đổi tên thành Hoàng Diệu (Vị Tổng Đốc Tuần Tiết khi Hà Nội bị thất thủ vào tay thực dân Pháp, hết như sự Tuần Tiết của các Vị Tướng Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai v.v...trong năm 1975, khi binh lính mafia đổ hoàn thành cuộc xâm lược toàn bộ nước Việt Nam), hầu hết ở các Tỉnh Thành, các đường phố đều bỏ tên do thực dân Pháp đặt mà mang tên các nhân vật lịch sử của Việt Nam đã được khẳng định, thí dụ như Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng, Ngô Thì Nhậm, Chu Văn An, Duy Tân, Nguyễn Tri Phương, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, Ký Con, Hồ Xuân Hương Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan, Tuệ Tĩnh v.v...lệnh tha ra khỏi nhà tù của thực dân Pháp tất cả các tù, không phân biệt xu hướng chính trị, đồng thời thu hồi lệnh truy tố các tù chính trị đang phải sống lẩn trốn do thực dân Pháp ban hành, chọn bài “Đảng Đàn” của Triều Đình Huế làm Quốc Ca, bài “Chiêu Hồn Tử Sĩ” của Lưu Hữu Phước để tưởng nhớ tất cả Nhân Dân, Chiến Sĩ Việt Nam đã vì Tổ Quốc mà hy sinh, tự do ra báo, tự do họp hành, đi lại và đặc biệt là lệnh truy tố tham quan, ô lại.

Ngay khi nhận chức Thủ Tướng Cụ Trần Trọng Kim đã tâu lên Vua Bảo Đại rằng Cụ đã nhiều tuổi, không có kinh nghiệm làm chính trị, không đảng phái nên Cụ chỉ xin tạm nhận sự bàn giao của tụi Nhật rồi trao lại chính phủ cho đại diện các đảng phái. Vì thế mới có cái chính phủ liên hiệp ra đời với đủ thành phần lúc đó là:

Chủ tịch: Hồ chí Minh.

Phó chủ tịch: Nguyễn Hải Thần (Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội).

Bộ trưởng ngoại giao: Nguyễn Tường Tam (Đại Việt).

Bộ trưởng bộ quốc phòng: Vũ Hồng Khanh (Việt Nam Quốc Dân Đảng).

Bộ trưởng giáo dục: Nguyễn Văn Tố (Nhân sĩ)

Bộ trưởng nội vụ: Huỳnh Thúc Kháng (Nhân sĩ).

Bộ trưởng y tế: Vũ Đình Tụng (Nhân sĩ).

Bộ trưởng thanh niên: Luật Sư Phan Anh (thành viên cũ của chính phủ Trần Trọng Kim).

Bộ trưởng bộ tuyên truyền: Trần huy Liệu.

Bộ trưởng bộ nông nghiệp: Cù huy Cận

Bộ trưởng không bộ nào: Hoàng minh Giám.

Vua Bảo Đại, sau lễ thoái vị để chính phủ Trần Trọng Kim bàn giao chính quyền cho các đảng phái, trở thành cố vấn Vĩnh Thụy của chính phủ liên hiệp, Phạm Khắc Hòe, nguyên Bí Thư của Vua Bảo Đại được giữ chức Đồng Lý văn phòng bộ nội vụ.

Hội đồng chính phủ liên hiệp còn cử ra Ban cố vấn, gồm 10 người là các vị: Đức Cha Lê Hữu Từ, Bùi Bằng Đoàn (Cựu Bộ Trưởng trong chính phủ Trần Trọng Kim), Ngô Tử Hạ, Lê Tại, Bùi Kỷ (Hiệu Trưởng Trường Trung Học Tư Thục Louis Pasteur, ở Hà Nội) v.v...

Có thể nói hầu hết thành viên chính phủ là người không đảng phái. Ngay cái gọi là tổ chức Việt Minh thoát kỳ thủy cũng là sự liên kết của nhiều tổ chức chính trị, nhưng rồi bị tên Việt gian Hồ chí Minh và tay chân đã thâm nhập và lũng đoạn biến thành công cụ của mafia đỏ.

Chính lá thư tên Việt gian Hồ chí Minh gửi Tướng Tàu (Tướng) Trần Tu Hòa, đề ngày 19.12.1945, cũng thừa nhận rằng Việt Minh là mặt trận của một số tổ chức, đảng phái (tài liệu còn lưu tại bảo tàng Hồ việt gian ở Hà Nội).

Cùng với những việc, như đã nêu lên ở trên của chính phủ Trần Trọng Kim, thì một việc cực kỳ quan trọng nữa là sự ra đời lá Quốc Kỳ của Việt Nam: Quẻ Ly nằm trên nền vàng. Trên cơ sở lá cờ đỏ đã ra đời lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ hiện nay nhắm quy tụ những người Việt Nam chống tập đoàn mafia đỏ tiếm quyền. Lá cờ mà nhờ đó đã quy tụ người Việt Tự Do đấu tranh buộc mafia đỏ phải thả viên tiến sĩ quản trị (chứ không phải chính trị như họ Đoàn nhập nhằng) Đoàn viết Hoạt để khi được tự do thì Hoạt khước từ đứng dưới lá cờ đã cứu mạng và đánh bóng cho họ Đoàn...vô ơn.

Thâm nhập, tiến tới lũng đoạn Mặt Trận Việt Minh mà trước hết là đưa được cái cờ "nền đỏ sao vàng" làm cờ của mặt trận. Rồi dựa vào việc mặt trận là của "một tổ chức đảng phái" để biến lá "cờ đỏ sao vàng" thành quốc kỳ. Cái chuyện nhập nhằng này là kết quả của âm mưu lưu manh chính trị Hồ việt gian và sự "nhẹ dạ" của một số người có trách nhiệm lúc đó trong chính quyền lâm thời, vì đa phần là nhân sĩ không đảng phái, chưa có kinh nghiệm nhận diện Hồ việt gian và bè lũ.

Đánh tráo lá "cờ đỏ sao vàng" vào vị trí của "cờ vàng ba sọc quẻ ly" là một bước của sự thoát đạo. Sau đó lại thay thế Quốc Thiều "Đảng Đàn" của Triều Đình Huế bằng "tiến quân ca" của Văn Cao (khi ấy là một Nhạc Sĩ tên tuổi, chưa gia nhập tổ chức mafia đỏ, là tác giả những bài đương thời được ưa thích như Thiên Thai, Suối Mơ v.v...Tiến tới âm thầm bỏ cái tên Hoàng Diệu để lấy lại cái tên Hà Nội v.v...Tất cả đều là bài bản của tên việt gian, bài tây "ba lá" Hồ chí Minh, nhằm xóa bỏ giai đoạn Lịch Sử Trần Trọng Kim, che dấu sự thật về sự kế thừa chính phủ Trần Trọng Kim, dựng ra huyền thoại của cái gọi là cách mạng tháng tám (1945).

Chính vào lúc "tranh tối tranh sáng" đó của Lịch Sử Việt Nam thì Xuân Diệu đã lộ cái mầm lưu manh Xuân Tóc Đỏ. Hắn tự nguyện để cho mafia đỏ lợi dụng "cái uy tín" của hắn, nhất là trong giới thanh niên bông bột, để viết một bài gọi là thơ

mang tên “ngọn quốc kỳ”, ca ngợi lá “cờ đỏ sao vàng”, đăng trên tờ báo độc lập của đảng dân chủ. Chính Xuân Diệu đã góp phần quan trọng trong việc tạo cơ hội cho HIV cộng sản dương tính là “lá cờ màu đỏ máu và ngôi sao vàng bệnh hoạn của sốt rét ác tính” vào cơ thể xã hội Việt Nam, mà hậu quả tai hại còn kéo dài từ đó đến nay.

Cũng chính Xuân Diệu là tên bút nôm đầu tiên của mafia đỏ công khai ca ngợi cái gọi là chuyên chính (tức độc tài khát máu của mafia đỏ) cả nói lẫn thơ.

Trong hồi ký mang tên “mài sắt nên kim”, Xuân Diệu viết: Bây giờ đã 29 năm rồi. Tôi vẫn nhớ, càng nhớ cuộc tái sinh của mình...Ồ! Chính quyền, chính quyền, chính quyền của chúng ta...Riêng tôi, tôi liên hệ cái vui sướng có chính quyền, có chuyên chính ấy (chúng tôi nhấn mạnh) với niềm hạnh phúc của tình yêu thứ nhất.

Thế là chính quyền và chuyên chính đã có ngay từ đầu trong bút ký, hồi ký và thơ của Xuân Diệu. Sợ không?!!! (chẳng biết mấy anh mối hải ngoại có biết không để dùng quạt trầm và ngựa mà che đậy như mù mỗi ngày xưa?)

Những năm 1956-1957, ở miền Bắc Việt Nam, Văn Nghệ Sĩ, Trí Thức, Sinh Viên đứng lên trong Phong Trào Nhân Văn-Giai Phẩm, thì Xuân Diệu, trong hồi ký của hắn có kể rằng: Và có một đêm, chừng hai, ba giờ sáng, tôi đứng nghe gió, nghe ngực trái đất đập và nghe đâu đó có ai mở mắt, ai khóc thầm, có ai ban chiều ăn chẳng no lòng, cái đói dậy như trẻ con khóc thét, có ai nhức nhối những vết thương lở loét...Bỗng điện thoại reo. Tiếng đầu giây, anh Trần quốc Hoàn (lúc bấy giờ phụ trách an ninh) thăm hỏi sức khỏe và hỏi nhà thơ đã có thơ cho cuộc đấu tranh này chưa? Nhà thơ loay hoay định “khai thác” ở nhà lãnh đạo mặt trận bảo vệ, nhưng anh Hoàn hiểu ý, cười nhỏ nói gần một câu: “vô sản chuyên chính là hồn thiêng dân tộc đã có trong quốc kỳ của nhà thơ đấy”. Thế là bài thơ “vô sản chuyên chính” cái khởi điểm bắt đầu lại ở những câu thơ cuối:

Tôi đã từng làm thơ về gió về mây
Tôi làm thơ về tư tưởng đêm nay
Bọn chúng cười ta làm thơ chính trị
Nếu hình thức có hơi non một tý
Chúng vui mừng la ó vỗ tay ran
Mặc chúng kêu rên lá rụng hoa tàn
Tôi thẳng thắn ngợi ca nền chuyên chính.

Cái gọi là “bài thơ” nói trên được đăng ở tờ Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của mafia đỏ, vào số ngày đầu thứ hai tháng 8.1957.

Hơn 30 năm qua rồi, đến tận bây giờ, trong lúc tập đoàn mafia đỏ ò ò hợp ca bài chèo “xóa bỏ hận thù”, “hòa hợp hòa giải”, “cùng nhau xây dựng đất nước”, “khúc ruột ngàn trùng” và gọi nhớ “quê hương” v.v... thì “Xuân tóc đỏ” trong thơ này là “một nhà thơ cách mạng, một công dân chân chính”. Rồi trân trọng bình những thơ sau đây của Xuân Diệu:

...Nhưng đảng ta về hạ trại ở đây
Ta sẽ chết nghìn tay con bạch tuộc
Bọn hồ báo ta ghè nanh, ta bẻ vuốt
Những luật diên cuồng ta buộc sẽ thông minh
Luật chiến tranh thay bằng luật hòa bình
Bọn rỗng đất dần dần ta tóm gáy
Vô sản tài tình.
Chuyên chính là thế đấy.
Con ngựa bắt kham
Ta khốp quai hàm...

Đọc những giòng trên mà gọi là thơ, xin lỗi: Buồn ói!

Ấy thế mà có người hỏi Xuân Diệu rằng: “bài thơ tư tưởng” ấy có đầy đủ chất liệu nghệ thuật không? Thì giống hệt Hồ Việt Gian viết sách tự “bức thơ”, Xuân Diệu đã thản nhiên trả lời: Thơ cũng là tư tưởng, tâm hồn, còn là thể xác nữa chứ. Phải có những câu thơ mà ngay mà ngay thân xác của nó cũng đáng nhớ. Thơ đi vào ý là thơ giáo huấn. Ý phải vật chất hóa thành từ. Từ đổi ra thành hình tượng. Hình tượng trong “vô sản chuyên chính” khá rõ. Nhiều lần người nghe đòi tôi bình bài thơ ấy. Họ thích không phải vì “chiếu cố”. Tài giỏi là anh hùng đi nữa, nhưng phải là đàn bà thì người ta mới cưới làm vợ chứ. Tính nữ là tiêu chuẩn của vợ, cũng như tính thơ là tiêu chuẩn của thơ...Và, Xuân Diệu nhấn mạnh: Bài thơ “vô sản chuyên chính” đảm bảo hoàn toàn tính thơ, tính thi sĩ.

Đúng là chỉ có “tư tưởng Hồ Chí Minh” mới đủ mặt thốt tự bức thơ hết như cảnh “khí soi gương nhăn mắt...cười”.

Và, trước khi đi lao động cải tạo ở âm ty với họ Hồ và các đầu lĩnh mafia đồ khác, một tuần, Xuân Diệu có ý viết một tập sách “về nghề làm thơ” cho lớp trẻ với tâm niệm rất bút nô mafia đó là:

Tôi đã từng làm thơ về mây gió
Tôi sẽ còn làm thơ về sen ngó với đào tơ
Hẹn sớm mong chiều tôi vẫn sẽ làm thơ
Nhưng hơn cả xưa kia, hơn cả bao giờ
Tôi muốn làm bài thơ về chuyên chính vô sản.

Không biết anh mới hải ngoại đã “nghiên cứu” những bài thơ loại này của Xuân Diệu chưa ?

Nhân đây, vì Xuân Diệu đã từng bị Cụ Phan Khôi, một Học Giả hàng đầu đã thấy rõ chất mafia của tập đoàn cộng sản, bật mí câu chuyện Xuân Diệu và Cù Huy Cận “bê đê” với nhau, để thấy tại sao Xuân Diệu lại lập luận “thừa thãi” và so với hiện tại còn lạc hậu khi hắn nói: Tính nữ là tiêu chuẩn của vợ, cũng như tính thơ là tiêu chuẩn của thơ...Chắc để chống lại cái “bật mí” của Cụ Phan Khôi, nên:

XUÂN DIỆU LẤY VỢ

Thời kỳ ở Việt Bắc, vì sống tập thể nên ai ai cũng biết chuyện Xuân Diệu và Cù Huy Cận ăn ngủ với nhau “đúng kiểu vợ chồng”. Đến thời Nhân Văn-Giai Phẩm, bọn Xuân Diệu-Cù Huy Cận cũng đi bài bản của Hồ Việt Gian và các đầu nậu mafia chộp bu, theo kiểu các Cụ xưa thường nói là: “Chân mình những cứt bết bê còn cầm bó đuốc mà chê chân người”, nên bị Cụ Phan Khôi mắng cho ở giữa đám đông. Cả hai đũa bê mặt. Xuân Diệu bèn đem em gái gả cho Cù Huy Cận làm vợ và bản thân cũng đánh tiếng với “đảng” (tức mafia đồ) là muốn lấy vợ để...chứng tỏ Cụ Phan Khôi mắng...ầu.

Một bút nô trung thành như Xuân Diệu thì làm sao bọn Hồ Việt Gian chẳng thường công và một nữ phóng viên ban văn xã (tức văn hóa và xã hội) của báo Nhân Dân được chọn để “nâng khăn sửa túi” cho Xuân Diệu, tên B. D (xin phép được viết tắt).

Tầng lớp trẻ ở trong và ngoài Việt Nam hiện nay chắc không thể hình dung được rằng, trước 4.1975 ở miền Bắc Việt Nam do mafia đồ đặt ách cai trị thì nô lệ mọi giới, được gọi bằng uyển ngữ “cán bộ công nhân viên”, lấy vợ lấy chồng không do tự chọn hoặc do cha mẹ cưới hỏi, mà do chủ nô gán ghép và cho phép. Chính vì không được “tìm hiểu” mà tin tưởng ở “tổ chức” nên việc Xuân Diệu lấy vợ thành “tiểu lâm” một thời ở Hà Nội.

Đại diện bên chú rề, Xuân Diệu là Giáo Sư Đặng Thái Mai (bố vợ của Võ Nguyên Giáp), lúc đó là chủ tịch hội liên hiệp văn học nghệ thuật (là tổ chức của các loại bút nô).

Đại diện bên cô dâu B. D là Hoàng Tùng, dự khuyết trung ương mafia đỏ kiêm tổng biên tập báo nhân dân.

Đám cưới thật là “đông và vui”, hiện diện đủ mọi loại mòm loa mép giải, mọi chức sắc ác ôn của tập đoàn đầu lãnh mafia đỏ. Cuộc vui kéo đến gần nửa đêm và cặp vợ chồng mới Xuân Diệu-B. D. , được đưa bằng xe Volga, sản xuất tại Nga Xô, chỉ giành cho cấp trung ương mafia đỏ, đưa về tận nhà ở đầu phố Cột Cờ Hà Nội .

Vợ chồng làm lễ động phòng chưa được một giờ đồng hồ thì cô dâu B. D, lu loa khóc, áo quần xốc xếch, đầu tóc rối bù nhào ra cổng sắt bỏ chạy về phía vườn hoa canh nông, trước Sứ Quán Trung Cộng.

Từ lâu trên, cặp vợ chồng son Cù huy Cận nhào xuống xem chuyện gì. Em gái Xuân Diệu mặt tái mét hỏi ông anh dồn dập. Xuân Diệu lúc lắc cái đầu, thờ phỉ như bò tót ở sân đấu. Chỉ riêng Cù huy Cận là “túm tít cười” vì biết tông tong chuyện “con mụ hàng lơu”. Họ Cù bảo vợ đi lên gác ngủ một mình, rồi vào phòng Xuân Diệu, đóng chặt cửa lại “an ủi” nỗi...”vô hạnh” của người bạn thơ mới cùng chung một xóm. Phải vài năm sau, em gái Xuân Diệu xin ly hôn cùng Cù huy Cận thì cái “đoạn phim” của giờ Xuân Diệu “động phòng” và cách “an ủi” của Cù huy Cận mới được bật mí cho một số ít người thân và người có trách nhiệm xử lý về ly hôn.

Còn về cô dâu B. D. , đêm tân hôn tháo chạy ra vườn hoa canh nông, khóc cho đến sáng thì về báo nhân dân, làm đơn xin ly hôn đưa cho tòa án Khu Hoàn Kiếm. Sau đó B. D. chuyển qua ngành điện ảnh.

Chuyện đồn ầm cả Hà Nội, chỉ tội cho bà B. D.. Một dạng độc đáo của nạn nhân dưới ách mafia đỏ, còn bị đưa tên vào mấy câu đối của “tay chơi” Hà Nội, không tiện chép ra ở đây.

Người ta kể rằng, lúc nhận đơn xin ly hôn của B. D. , mục chánh án tòa án Khu Hoàn Kiếm, vốn xuất thân bán rau ở chợ Bắc qua nên có thềm biết luật đâu. Đánh vắn mãi không xong và chẳng hiểu tại sao Xuân Diệu...”móc tay” mà B. D. lại phải xin...ly hôn. May làm sao, có “tay chơi” Hà Nội ghé qua, mới dùng đôi câu đối Trạng Quỳnh để giải thích rằng:

Vũ cật tài vũ ra vũ múa
Vũ bị mưa vũ ướt cả lông

Đối lại:

Thị vào châu thị đứng thị trông
Thị cũng muốn nhưng không có ấy

Bấy giờ mục chánh án mới đỏ mặt cười lên hưng hức và bèn ký giấy cho “ly hôn hỏa tốc”.

Nhờ đó dân Hà Nội lại có thêm bài thơ ghề đá như sau:

Nhà thơ “chuyên chính” thật là gân guốc
Bao sợi gân ra tuốt thành thơ
Khi cơn lên ngồi đứng ngẩn ngơ
Lòng quần quai nhưng chỉ biết sờ cùng mó
Bởi cái “gân cần” thì quá nhỏ, đành bỏ xó
Bằng ngón tay út trẻ thơ thì làm được cái chó gì
Đêm tân hôn Xuân Diệu ngồi khóc tỉ ty
B. D. Ơi! Về đi em hỡi

Nâng tay nghề anh xin chừa: “may ngón tóc”(1)

(1) là câu nói lái của Trạng Quỳnh dạy cho quan hoạn trong “Tiểu Lâm Việt Nam”)

Trò đời thật trớ trêu. Trong khi tại Việt Nam, nhiều cây bút để vờ lập lòe nước đôi trong viết để lách, khiến người đọc hiểu là khen cũng được, mà hiểu là chê cũng được, thì ở hải ngoại, mấy anh mối, chị mối vẫn đam mê trò “theo voi ăn bã mía”.

Thí dụ, cây bút Trúc Chi ở quốc nội, trong khi tán tụng Xuân Diệu thì lại nhắc đến câu chuyện

XUÂN DIỆU BỊ ĐÁNH

Đó là chuyện cái thời năm 1945, người Hà Nội suốt ngày biểu tình tuần hành. Một lần, đoàn biểu tình của những người dân Hà Nội ủng hộ Việt Nam Quốc Dân Đảng đi ngang qua Bờ Hồ Gươm ở góc Đường Tràng Tiền, Hà Nội, Xuân Diệu đứng ở đó bày đặt chống lại đám đông, gào lên “đả đảo”. Thế là mấy người trong đoàn biểu tình tóm cổ Xuân Diệu, bộp tai cho mấy cái và quăng xe đạp của hắn xuống Hồ Gươm. Xuân Diệu đành ôm mặt lủi thủi vớt xe đạp lên rồi cúp đuôi dzọt về nhà.

Từ ngày nhập bọn với lũ mafia đỏ, Xuân Diệu đã bị lưu manh hóa. Mặc dù được bọn đầu lĩnh mafia đỏ đánh bóng cái danh “viện sĩ thống viện hàn lâm”...nhưng là của Đông Đức, nghèo từ những năm 1990, nhưng làm sao bút nô Xuân Diệu có thể bóng được. Thuốc đánh bóng của Đông Đức vốn là đồ giả, còn Xuân Diệu thì “xin” quá xá. Chỉ nội cái chuyện ăn cắp công trình sưu tập thơ về Hồ Việt gian, của Hồ bá Cang, để cho thấy diệu mạo thực của Xuân Diệu. Hắn bị “tay chơi” Hà Nội chơi cho nhiều vụ đau mà đành nén đau câm miệng hén.

Không c...mà dám lấy vợ, quả là con đẻ của tập đoàn mafia đỏ Hồ Việt gian, thuộc loại tiểu liêu.

Ăn cắp công trình nghiên cứu của cháu Hoàng quốc Việt tức Hạ bá Cang, một mafia đỏ loại gộc là trung liêu.

Làm thơ “tư tưởng” ca ngợi “chuyên chính vô sản” thì quả là...đại liêu.

Bệnh liêu theo voi ăn bá mía đã nhiễm vào phủ tạng các anh, chị mới ở hải ngoại rồi, mau tìm thuốc chữa chạy kéo muộn. Đừng lập lại cái miếng “phản chiến” bằng vụ “giao lưu văn hóa” như kiểu Trịnh công Sơn xưa kia mà tiếng xấu để đời, nếu có chết thì con em cũng mang tiếng con em “phản bội”, “phản chiến”.

TRẦN THƯỢNG DÂN